

Thiên
Hạ
Bá
Xướng

MÊ TÔNG CHI QUỐC

I

*Chăm
Pa
Ấn
Sương*

Cuộc
phiêu
lưu
kỳ
lạ
của
những
nhà
khảo
cố



nhà xuất bản VĂN HOÀ THÔNG TIN

Mê Tông Chi Quốc I - Chăm Pa Ân Sương

Thiên Hạ Bá Xướng

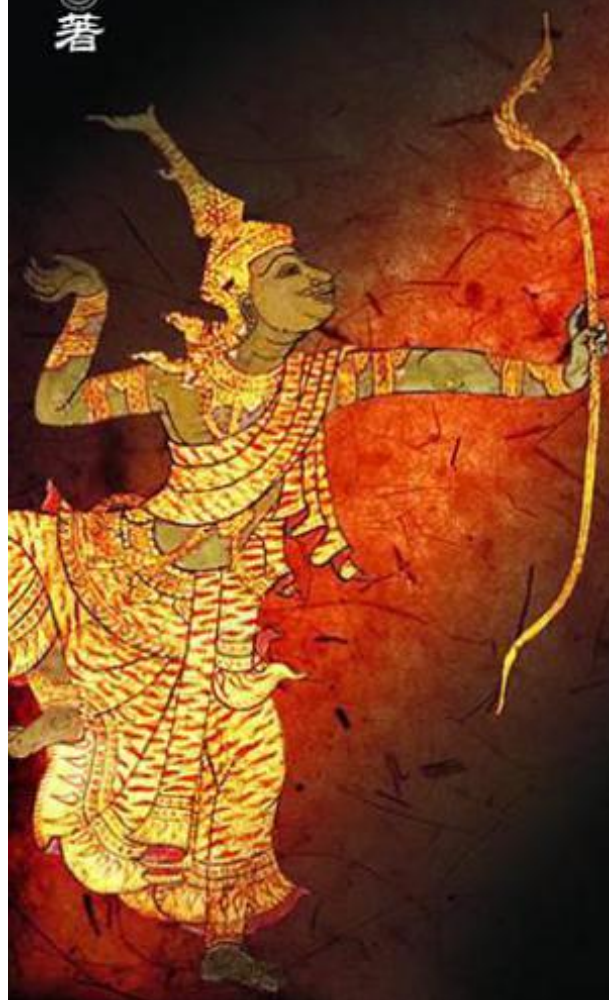
天下霸唱◎著

谜踪之国

MIZONG
ZHIGUO

一 雾隐古婆

考古工作者的诡异经历



北京联合出版公司
北京·顺义·天竺·空港新城·韩家墅

Thông tin ebook:

Tên sách: Chăm Pa Ẩn Sương

Nguyên tác: 雾隐占婆

Bộ: Mê Tông Chi Quốc | 谜踪之国

Tác giả: Thiên Hạ Bá Xương | 天下霸唱

Dịch giả: Vũ Như Lê

Nhà xuất bản: Văn Hóa Thông Tin

Công ty phát hành: Tân Việt

Số trang: 736

Bìa: Mềm

Năm phát hành: 2012

Kích thước: 14 x 20.5 cm

Trọng lượng: 726 g

Giá bìa: 150.000

Thực hiện ebook: Hoàng Liêm

Ngày hoàn thành: 06/09/2013

<http://e-thuvien.com/forums/>



Ebook không mang tính chất thương mại, để chia sẻ tới các bạn yêu sách ở xa, hoặc không có điều kiện mua sách giấy. Trong điều kiện có thể bạn hãy mua sách để ủng hộ và tôn trọng nhà xuất bản.

Giới thiệu nội dung:

Mê Tông Chi Quốc là bộ tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm dài kỳ gồm 4 tập, kể về những chuyến đi đầy mạo hiểm của một đoàn thám hiểm gồm những kẻ trộm mộ chuyên nghiệp, những chiến sĩ chạy trốn sự truy đuổi của kẻ thù và những nhà khảo cổ dạn dày kinh nghiệm, họ bắt đầu hành trình với những nhiệm vụ khác nhau nhưng lại gặp nhau giữa rừng hoang núi thẳm và cùng chiến đấu để chống lại hiểm nguy, giành giật sự sống. Chuyến đi của họ là hành trình sinh tử đầy ly kỳ và mạo hiểm, vượt thời gian, vượt không gian với những khám phá kinh hoàng về một vương triều cổ đại, một đất nước bị lãng quên dưới lòng đất và những điều bí ẩn chưa ai từng biết đến.

Một tổ chức thần bí, một nhiệm vụ bất khả thi.

Kinh hoàng: Con đường U Linh bí ẩn trong lịch sử một lần nữa hiện ra trước mắt.

Kỳ quái: Máy bay không người lái bay lượn trong khe núi sâu.

Hung hiểm: Địa ăn thịt người bao vây thăm sát cả đoàn người.

Trong rừng rậm bí ẩn, bạn làm cách nào để chiến thắng nỗi sợ hãi và xoay chuyển vận mệnh?

Sự thật chôn vùi dưới lòng đất sâu, lời giải ẩn kín trong lớp sương mù.

Rút cục ai là kẻ cận kề Thiên quốc nhất?

Giới thiệu tác giả:



Thiên Hạ Bá Xương tên thật là Trương Mục Dã, sinh năm 1978, người Thiên Tân. Anh được ca ngợi là nhà văn có trí tưởng tượng phong phú bậc nhất trong dòng văn học thám hiểm, kinh dị Trung Quốc. Anh là tác giả của bộ truyện “Ma Thôi Đèn” - bộ tiểu thuyết được truyền bá rộng rãi nhất ở Trung Quốc sau những tác phẩm võ hiệp của Kim Dung. Tác phẩm của Thiên Hạ Bá Xương đã kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố thần bí trong văn hóa phương Đông và những khái niệm văn hóa hiện đại của nhiều nơi trên thế giới, từ đó in đậm dấu ấn của tiểu thuyết Trung Quốc trên văn đàn thế giới.

Trong những cuốn tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm, điều tác giả quan tâm là những suy nghĩ và hành động của con người trong những hoàn cảnh kỳ lạ chưa bao giờ được biết đến. Bằng những câu chuyện tràn đầy sóng gió bão táp với những bí kíp cổ xưa, những di tích thần bí,

bằng tình bạn cảm động giữa những người đồng đội sẵn sàng sống chết vì nhau và sự cảm nhận sinh tử vô thường, bằng ngôn ngữ hài hước tinh tế, những kiến thức dân gian phong phú nhiều màu sắc, Thiên Hạ Bá Xướng đã tự xây dựng cho mình một cõi “giang hồ” riêng biệt.

Mục Lục

[Chương 1](#)

Bảo vật trong Hắc Ốc

[Hồi thứ nhất](#)

Hắc Ốc

[Hồi thứ hai](#)

Biệt bảo

[Hồi thứ ba](#)

Cầu La Sư

[Hồi thứ tư](#)

Hẻm ma ám

[Hồi thứ năm](#)

Đom đóm

Hồi thứ sáu

Bộ cặp đảo đầu bò tường

Chương 2

Máy bay tiêm kích

Hồi thứ nhất

Núi Dã Nhân

Hồi thứ hai

Karaweik

Hồi thứ ba

Con đường U Linh bị lãng quên

Hồi thứ tư

A - B

Hồi thứ năm

Đáy biển

Hồi thứ sáu

Máy bay tiêm kích

Hồi thứ bảy

Tháp thông thiên

Hồi thứ tám

Rắn thiêng hiện thân

Chương 3

Bảo nhiệt đới Buddha

Hồi thứ nhất

Xẻ bụng

Hồi thứ hai

Đĩa Campuchia ăn thịt người

Hồi thứ ba

Bùa ngải

Hồi thứ tư

Cường phong giông tố

Hồi thứ năm

Stupa

Hồi thứ sáu

Ánh sáng chói lóa

Hồi thứ bảy

Lao xuống

Hồi thứ tám

Hẻm núi khổng lồ

Hồi thứ chín

Giọng nói

Chương 4

Động không đáy kinh hoàng

Hồi thứ nhất

Súng săn

Hồi thứ hai

Kế hoạch kính viễn vọng địa cầu

Hồi thứ ba

Hàng nguy hiểm

Hồi thứ tư

Bom địa chấn

Hồi thứ năm

Con mắt ngoài khoang lái

Hồi thứ sáu

Kinh hoàng

[Hồi thứ bảy](#)

Kén

[Hồi thứ tám](#)

Sụt lở

[Chương 5](#)

Thành Nhện Vàng

[Hồi thứ nhất](#)

Tòa thành bốn triệu bảo tháp

[Hồi thứ hai](#)

Sóng điện trong động tối

[Hồi thứ ba](#)

Mũ sắt

Hồi thứ tư

Khoảnh khắc ngàn năm

Hồi thứ năm

Lời giải không phải lời giải

Hồi thứ sáu

Sương mù

Hồi thứ bảy

Hơi thở

Hồi thứ tám

Kẻ may mắn sống sót

Hồi thứ chín

Đường hầm chết

Chương 6

Kẻ cận kề Thiên quốc

[Hỏi thứ nhất](#)

Đáp án thứ chín

[Hỏi thứ hai](#)

Nấm mồ xanh

[Hỏi thứ ba](#)

Quốc vương Chăm Pa

[Hỏi thứ tư](#)

Chân tướng

[Hỏi thứ năm](#)

Kỳ tích

[Hỏi thứ sáu](#)

Lời nguyện

[Hỏi thứ bảy](#)

Biến mất trong mật thất

[Hồi thứ tám](#)

Sự thực chưa xảy ra

[Hồi thứ chín](#)

Không trung ngụt lửa

PHẦN MỞ ĐẦU

Giai đoạn cuối đời nhà Thanh là những năm tháng thời thế thay đổi loạn lạc, đầy biến động, cương thường bại hoại, luật pháp lỏng lẻo, trộm cắp cướp giết nhiều không kể xiết. Chỉ riêng hai thành phố Bắc Kinh và Thiên Tân đã xuất hiện bốn tên đạo tặc lừng danh, bọn chúng là hung thủ thực hiện bao vụ trọng án kinh thiên động địa, gây hiểm họa kinh hoàng cho dân chúng.

Câu chuyện được lưu truyền trong dân gian đều không tránh khỏi có chút thay hình đổi dạng, thêm thắt ít nhiều. Truyền kỳ về bốn tên đạo tặc tài ba có lẽ cũng vậy, chúng trở thành đề tài nóng hổi để bàn dân thiên hạ mang ra bàn luận khắp nơi, từ thôn cùng ngõ hẻm đến các tửu lâu, trà quán; thậm chí người ta còn sáng tác rất nhiều khúc hát, lời vè, truyện truyền miệng về chúng, các bài báo lá cải cũng liên tiếp đăng tải vô số chương hồi giật gân về những hành động mới nhất của bốn tên gian tặc này. Những chuyện về chúng được đồn đại rộng rãi đến nỗi người người đều tỏ, ngõ ngõ đều tường. Nhưng trên thực tế, cuộc đời của bốn tên đạo tặc đó không nhuộm đầy màu sắc thần bí như trong truyền thuyết, chỉ có điều để được nhân gian đồn thổi ghê gớm như vậy chắc hẳn chúng cũng phải có chút bản lĩnh ưu việt, có ý chí không chịu an phận thủ thường, có những tài năng mà người thường không thể so bì.

Tên gian tặc đầu tiên, cũng là kẻ thành danh sớm nhất, phải kể đến Khang Tiểu Bát. Khang Bát Gia kỳ thực không thể coi là bậc đạo tặc kỳ tài, tên này nhà rất nghèo, bản thân là kẻ vô lại, ăn không ngồi rồi, sống ở phía đông kinh thành, trong khu doanh gia họ Khang. Trong một lần tình cờ, hắn đánh cắp được khẩu súng lục trên người viên công sứ Anh, từ đó hắn ngông cuồng đến mức quên cả mình là ai, đi đến đâu cũng giết người cướp của.

Khang Tiểu Bát tâm địa đen tối, ra tay tàn độc, hễ thấy ai không thuận mắt là hấn lập tức bóp cò nổ súng, trên lưng hấn không biết đã công bao nhiêu mạng người. Đơn cử có một lần, Khang Tiểu Bát đi cắt tóc, đang cắt dở chừng hấn quay lại hỏi người thợ: “Người đã nghe tiếng Khang Tiểu Bát bao giờ chưa?”

Anh thợ cắt tóc thực thà thuận miệng đáp: “Biết chứ, tên tiểu tử đó chẳng phải thứ gì hay ho.”

Khang Tiểu Bát trong lòng ức lắm nhưng không nói ra, lại hỏi: “Sao lại chẳng phải thứ gì hay ho? Người quen hấn à?”

Anh thợ lại bảo: “Không quen, nghe thiên hạ nói hấn chỉ giỏi làm những chuyện xằng bậy.”

Nghe tới đó, Khang Tiểu Bát quay người lạnh lùng thả từng tiếng: “Được, vậy hôm nay ta sẽ cho người biết ông đây là ai!”

Lời chưa dứt, hấn đã rút súng ra, sáu tiếng nổ đánh sắc vang lên, anh thợ cắt tóc lăn ra chết tại chỗ.

Khang Tiểu Bát giết người như giết rận, tội ác chất chồng như núi. Tuy tâm địa tàn ác nhưng hấn lại là kẻ vô cùng nhát gan, càng giết nhiều người hấn càng hay sinh nghi, lúc nào cũng lo sợ có người đang ngầm tìm cách báo thù. Một mình đi trong đêm tối, chỉ cần nghe thấy tiếng bước chân đằng sau, không thềm hỏi là ai, hấn lập tức quay đầu rút súng. Khang Tiểu Bát làm mưa làm gió suốt một thời gian dài, cuối cùng cũng bị tuần bộ tóm sống và xử tử, đầu của hấn bị treo trên công chợ cho thiên hạ bêu riếu.

Thời Dân quốc có không ít kẻ ngồi rồi hóng chuyện, thích loan tin giật gân để kích thích lòng hiếu kỳ của dân chúng, đã có tình liệt Khang Tiểu Bát vào danh sách những hảo hán lục lâm^[1], rồi viết hấn thành một kịch bản mới cho hấn. Trong nhiều cuốn tiểu thuyết truyền kỳ hạng ba hoặc tiểu thuyết chốn trà lầu, thư trường cũng có nói đến hấn. Không ngờ trong lời hát, lời kể, hấn đã được miêu tả thành một hiệp khách trộm

đạo võ nghệ cao cường, sánh ngang với các bậc hào kiệt lục lâm như Triệu Tư Hồ, Đâu Nhĩ Đôn...

Kẻ xếp thứ hai trong tứ đại gian tặc thời bấy giờ là Tống Tích Bằng. Thời điểm tên này thành danh cũng gần kề với thời điểm Khang Bát Gia náo loạn Bắc Kinh. Có điều, Tống Tích Bằng không phải người Bắc Kinh chính gốc, tổ tiên tám đời nhà hần sống gần chùa Vệ Nam ở Thiên Tân. Từ nhỏ, Tống Tích Bằng đã theo một bậc lão nhân người Hồi ngày ngày luyện võ. Hần được trời phú cho sức khỏe hơn người, có thể dễ dàng nâng được tảng đá nặng mấy chục cân bằng một tay, rồi đứng đỉnh đao quanh sân một vòng mà mặt không hề biến sắc. Hần có một cơ thể rắn như thép, nội công thâm hậu, trên người hần hần lên một vết sẹo trắng do dao chém, một nốt chấm trắng do súng bắn. Mọi người tặng hần biệt hiệu “Thạch Phật Tống”. Tống Tích Bằng từng làm tiêu sư trong tiêu cục một vài năm. Sau này, khi Sơn Đông gặp loạn Nghĩa Hòa Đoàn, dân luyện võ mọi ngả đều tập trung lại giờ cao ngọn cờ “phục Thanh diệt ngoại xâm” hùng hực khí thế Bắc tiến vào kinh, Thạch Phật Tống cũng tham gia hoạt động, rồi nhờ vào chút võ nghệ hơn người nên hần trở thành đại sư huynh.

Năm Canh Tý, cuộc nổi loạn bị dập tắt, Nghĩa Hòa Đoàn bị trấn áp tàn khốc, nhiều người bị quan phủ bắt giữ chém đầu. Tống Tích Bằng may mắn chạy thoát và trở thành thảo khấu thổ phỉ. Hần tập hợp được một nhóm thủy tặc, đến Thiên Tân cướp thuyền Diêm đạo^[2], bên trong chất đầy quan ngân. Loại bạc này thời xưa gọi là “hoàng công”, mỗi thỏi một trăm lượng, mười thỏi đựng vào một ống. Tống Tích Bằng tinh thông phi tiêu, bách phát bách trúng. Hần vung tay phi tiêu mấy phát, liền hạ gục năm vị quan quân, rồi cướp đi ba mươi vạn lượng “hoàng công”. Tống Tích Bằng tự biết mình gây ra đại họa tày trời, nên sau khi phân chia số bạc cướp được cho đồng bọn, liền vội vàng chạy trốn đến Thương Châu mai danh ẩn tích.

Một năm sau, Tống Tích Bằng nghĩ sóng gió đã qua, mọi người đã quên chuyện cũ liền âm thầm trở lại Thiên Tân tìm người thân. Nào ngờ, hần vừa lộ mặt lập tức bị người của cục tra xét để mắt tới. Lần này, hần

muốn cao chạy xa bay cũng chẳng còn đường thoát thân, nên đành phải liều mạng ra tay giao đấu nhưng ít không địch nổi nhiều nên hấn nhanh chóng bị tuần cục vật ngựa ra đất, bắt sống giải về phủ xử tội.

Vụ án Tổng Tích Bằng làm kinh động đến cả triều đình, khiến Từ Hy thái hậu trong Tử Cấm Thành ngồi không cũng phải cảm thấy khó chịu. Nghe nói chòi canh Thiên Tân đã bắt được tên đại tặc, thái hậu liền muốn ra xem rốt cục hấn là anh hùng hảo hán phương nào. Lý tổng quản lệnh cho thị vệ ngự tiền áp giải Tổng Tích Bằng, tay bị khóa còng, chân đeo xích, đến trước đại điện diện kiến Lão Phật Gia thái hậu.

Nhưng cứ thử tưởng tượng xem, tù nhân mà mắc phải trọng tội như thế, nay bị rơi vào bước đường này thì tinh thần làm sao còn ngùn ngụt khí thế như trước được? Vì vậy, Từ Hy thái hậu sau khi xem mặt hấn xong thì cảm thấy vô cùng thất vọng, người chỉ lạnh nhạt nói một câu: “Kẻ to gan gây họa tày đình chẳng qua chỉ thế này thôi sao?”

Mấy hôm sau, Tổng Tích Bằng bị tuyên xử tử, quân lính giải hấn đến pháp trường chém đầu thị uy dân chúng, rồi treo trên cổng thành suốt hai tháng ròng.

Đệ tam gian tặc là kẻ gây náo loạn Bắc Bình vào những năm đầu thời kỳ Dân quốc, tên hấn là Yên Tử Lý Tam. Nghe nói Lý Tam Gia thuở nhỏ bần hàn, từng gọt đầu xuất gia làm tiểu hòa thượng nương nhờ cửa Phật. Sau này thành nghệ, hấn mới hoàn tục trở lại. Bình sinh Lý Tam Gia rất giỏi khinh công, có thể thi triển tuyệt kỹ bí truyền “Đăng bình độ thủy”, đạp bèo qua sông như người ta đi trên đất bằng, hấn đi trên tường, bay qua mái nhà, thi triển khinh công ra vào cổng thành mà không để lại dấu tích, dễ dàng chẳng khác nào chủ nhân ra vào bằng cổng chính. Trình độ khinh công của Lý Tam Gia thậm chí ngang ngửa với thần trộm Giang Nam Triệu Hoa Dương. Chỉ trong một đêm, hấn có thể liền tay trộm đồ trong tám cửa hiệu lớn, trước khi bỏ đi còn để lại phi tiêu “Yên Tử” làm hiệu. Trong một thời gian ngắn, tiếng tăm của hấn vang khắp Bắc Bình.

Trên thực tế, Yên Tử Lý Tam không hẳn thần thông được như đồn đại, có điều hắn quả thực có một vài bản lĩnh đáng nể. Tên trộm này rất giỏi trèo tường, đi lại trên mái nhà vô cùng nhanh nhẹn. Khi hành sự, hắn thường đeo năm sáu đôi tất để di chuyển nhẹ nhàng và không bị trơn trượt, để lúc đáp xuống đất cũng không gây tiếng động. Không những thế, Yên Tử Lý Tam còn là người có tố chất làm kẻ trộm, khôn ngoan, nhanh nhẹn hơn người. Nhiều lần quan phủ tiến hành vây bắt, nhưng chưa lần nào tóm được hắn.

Đáng tiếc thay, Lý Tam Gia lại bị nghiện nặng, ngày nào cũng phải hít hết một châu “Cao Phù Dung”,^[3] thượng hạng thì mới có tinh thần hành sự. Một lần coi như hắn gặp vận xui, khi trong lòng nghĩ: “nơi nguy hiểm nhất chính là nơi an toàn nhất”, nên hắn cả gan trón trên nóc nhà phòng xử án đội tuần tra nằm nghỉ, không ngờ đúng lúc này con nghiện tự dung phát tác. Không thể nhịn được, hắn liền bật lửa châm điếu thuốc đang giắt trong mình.

Kết quả không may là hắn bị một nhóm tuần tra đang đi tuần phát hiện, khi viên đội trưởng nhìn thấy trên nóc nhà có một đốm sáng bỗng nhiên lóe lên giữa màn đêm đen dày đặc. Lòng cảm thấy bất thường, viên đội trưởng đoán định chắc hắn có gian tặc đang ẩn mình bên trên, nên lập tức lạng lẽ bố trí quân lính bao vây tứ phía ngôi nhà, quyết tâm bắt bằng được ếch trong chum, Yên Tử Lý Tam lại không biết bay như chim yến, nên đành bó tay chịu trôi.

Trời vừa hửng sáng, đội tuần tra liền áp giải phạm nhân vào nhà lao Nam Thành. Quan phủ lo sợ ngộ nhỡ Lý Tam lại giở chiêu “Thoát cốt pháp” co xương để đào tẩu, nên sau khi đánh gãy hai chân hắn, liền rút hai sợi gân bên trong ra rồi dùng xích sắt xuyên qua hai xương bánh chè khiến hắn trở thành người tàn phế. Lý Tam Gia vừa chịu đau đớn về thể xác, vừa bị con nghiện dày vò nên không kịp đợi đến lúc hành hình, hắn đã về âm tào địa phủ gặp Diêm Vương trước một bước.

Tên giặc cỏ cuối cùng trong bộ tứ gian tặc, kỳ thực là bộ đôi anh em song sinh, huynh trưởng tên Điền Hóa Tinh còn được mệnh danh là

“Địa Lô Côn”, nhị đệ Điền Hóa Phong, mệnh danh “Tọa Địa Pháo”. Thời điểm huynh đệ họ Điền nổi danh cũng chính là thời điểm mà đội quân phiệt huy động một lực lượng lớn đi khai quật lăng mộ các vua chúa ngày xưa. Khi đội quân đào phá đến Cảnh Lăng cung của hoàng đế Khang Hy, cửa mộ vừa bị phá nổ, nào ngờ một dòng nước màu đen âm u lạnh buốt từ dưới lòng đất ục ục trào lên, mặc cho đội quân ra sức hút vẫn không thể hút cạn. Đội khai quật không thể xâm nhập vào bên trong, cuối cùng đành tạm thời từ bỏ.

Nào ngờ sự việc này lọt đến tai đám sơn tặc, kẻ cầm đầu chính là Điền Hóa Tinh. Hắn là người tộc Kỳ, đã luyện thành chân truyền “Thập Tam Tiết thắng địa tiên”^[4], tự cho mình gan dạ anh hùng hơn người, thế gian không có chuyện gì hắn không dám làm. Có lẽ bị mê muội bởi những khúc kịch, xướng, thư, thuyết thời cổ do dân gian truyền lại, nên Điền Hóa Tinh luôn định ninh câu chuyện “Dương Hương Vũ ba lần ăn trộm chén Cửu Long” là có thật. Theo truyền thuyết, hoàng đế Khang Hy có một bảo vật vô giá tên gọi là “Cửu Long Bôi”. Đó là chiếc chén ngọc vô cùng lung linh huyền ảo, chạm khắc vô cùng tinh xảo, công phu không gì sánh nổi, chỉ cần đồ đầy mỹ tửu, đáy chén sẽ tức khắc hiện ra chín con rồng thiêng bay lượn uốn mình bội phần sinh động, sống động như hiển hiện ra trước mắt, càng nhìn càng giống thật, nên thế nhân gọi cảnh tượng ly kỳ này là “Chín rồng quây biển”.

Điền Hóa Tinh nghe các bậc nguyên lão trong tộc kể lại, chiếc chén ngọc ngoài đời không ly kỳ như trong truyền thuyết, nhưng quả thực chất ngọc vô cùng trong sáng, mịn màng, tỏa ánh lung linh, kỹ nghệ trau chuốt tinh tế phi phàm khiến người xem không thể rời mắt. “Cửu Long Bôi” tuyệt đối xứng danh là báu vật hoàng gia hiếm có trên đời. Không những vậy, chén ngọc quả thực được chôn theo chủ nhân ở Cảnh Lăng.

Điền Hóa Tinh nghe chuyện lòng tham trỗi dậy, hắn đem chuyện trộm mộ bàn luận với đám thuộc hạ rồi nói: “Cơ hội trước mắt đúng là thời cơ giúp ta phát tài, tuyệt đối không thể để lỡ, mất rồi không thể tìm lại. Nếu huynh đệ chúng ta trộm được những bảo vật quý giá ở Cảnh

Lăng, tất cả những thứ khác mỡ không cần, mỡ chỉ cần chiếc chén Cửu Long chôn cạnh thi thể vua Khang Hy, còn lại anh em huynh đệ muốn chia nhau thế nào thì tùy ý.”

Mọi người đều đồng lòng nhất trí. Tối hôm đó trăng sáng sao thưa, đội trộm mộ đem theo các loại dụng cụ xâm nhập khu lăng mộ. Hội Điền Hóa Tinh thông thạo địa hình ở đây hơn đội quân phiệt nhiều. Không tốn bao nhiêu công sức, bọn họ đã tìm thấy vị trí ngôi mộ, chặn đứng mạch nước, rồi mạo hiểm xông vào bên trong lăng tẩm. Bọn Điền Hóa Tinh định cạy nắp từng chiếc quan tài của hoàng đế và các phi tần ra để tìm kiếm bảo vật, ai ngờ khi Điền Hóa Tinh vừa bật một nắp quan tài lên, ghé đèn vào bên trong nhìn thì thấy người chết nằm trong quan tài trừng trừng nhìn hắn ngoác miệng cười.

Có câu: “Kẻ trộm chột dạ, kẻ đào mộ sợ ma” nên cũng có thể do Điền Hóa Tinh tự mình dọa mình, nhưng trong ánh nến chập chờn lúc ấy, không ai rõ rốt cục đã xảy ra chuyện gì, chỉ biết sau cú hoảng hồn đó, Điền Hóa Tinh sợ đến nỗi hai chân mềm nhũn quỳ gục trên đất, sắc mặt tái nhợt, hai hàm răng va vào nhau lập cập, run rẩy đến rúm ró, canh ba thì được đồng bọn khênh về nhà, muốn cạy miệng hắn để dứt một thìa canh nóng cũng không được, chưa đến năm ngày sau thì hắn rũ áo châu trời.

Tuy Điền Hóa Tinh chân đã bước vào địa phủ, nhưng nhị đệ của hắn là Điền Hóa Phong vẫn coi nhẹ sống chết, đêm hôm sau lại lần mò vào địa cung Cảnh Lăng. Cuối cùng, hắn cũng trộm được “Cửu Long Bôi”, nhưng khi mở nắp quan tài, đột nhiên một ngọn lửa màu xanh từ bên trong vụt phun ra, thiêu mù một con mắt của Điền Hóa Phong, và dung mạo của hắn cũng bị hủy hoại một nửa. Từ đó, hắn bị mọi người đặt cho biệt danh “Mặt quỷ”.

Chưa đầy nửa năm, bọn đạo tặc, trong đó có cả “Mặt quỷ” Điền Hóa Phong đều bị quan phủ tóm sống ở Bảo Định, Hà Bắc rồi bị xử bắn, tất cả châu báu ăn trộm đều bị tịch thu. Nhưng số báu vật lấy được ở Cảnh Lăng để trong quan khó cũng không cánh mà bay, tới giờ vẫn không ai rõ tung tích, để lại một mớ nghi vấn.

Bốn tên đại tặc vừa kể trên tuy cũng xuất thân lục lâm, cũng gây ra những vụ án kinh thiên động địa, nhưng nếu luận về bản lĩnh và kinh nghiệm thì cùng lắm chúng cũng chỉ thuộc hàng vai phụ, mà chẳng qua những câu chuyện lưu truyền rộng rãi về chúng đã được dân gian thêm hoa dệt gấm, thêm thắt nhiều yếu tố ly kỳ, nên chúng mới trở thành những anh hùng thảo khấu hiệp nghĩa.

Thủ thuật lục lâm phân chia thành nhiều đẳng cấp cao thấp khác nhau, kẻ cao siêu ăn trộm bảo vật trong nội phủ, kẻ trung đẳng thì chôn chía vật báu trong đại viện, kẻ cấp thấp thì ăn cắp vặt của nả của thường dân. Nhân vật thực sự có bản lĩnh, tài năng thường bị mai một giữa đồng cỏ trần ai, không cần lịch sử lưu lại tông tích. Trước đây, ở khu vực hồ Động Đình thuộc tỉnh Hồ Nam, có một nhóm đạo tặc tên là “Nhạn đoàn”, bắt đầu hành hiệp giang hồ vào những năm cuối triều đại Thanh, dưới quyền một thủ lĩnh họ Trương. Người này có biệt danh là “Tặc ma”, trước đây từng làm quan trong quân đội. Nghe nói người họ Trương này võ thuật cao siêu, quỷ thần khó lường, sánh ngang tầm với những nhân vật lừng danh thời cổ đại như: Bạch Viên Công, Hồng Tuyền Nữ, Côn Luân Nô.

Thời Dân quốc, gia tộc họ Trương truyền đến đời Trương Hồ Lô. Do tiền nhân nhiều đời trước tích góp được nhiều của cải, gia tộc có nền móng khá vững vàng, nên họ Trương sớm đã rửa tay gác kiếm, không muốn sử dụng những tuyệt kỹ gia truyền nữa mà trở về cố hương, mở mấy cửa tiệm ở Bắc Bình, Thiên Tân làm ăn buôn bán như những người bình thường khác.

Trước đây, những hộ giàu có trong nhà thường dựng miếu thờ “trạch tiên”^[5]. Trạch tiên có rất nhiều loại, tùy phong tục tập quán từng nơi khác nhau mà phụng thờ, có nơi thờ thần Ngũ Thông, có nơi thờ vàng bạc, châu báu, ngọc quý, còn gia tộc họ Trương chỉ thờ một “Đồng Miêu”. Đó là tượng con mèo làm bằng đồng linh thiêng dị thường. Nào ngờ khi Trương Hồ Lô chuyển nhà lại vô tình đánh mất “trạch tiên”, kết

quả cả nhà không tránh khỏi tai họa giáng đầu, gia đình từ đó dần dần suy vong.

Người xưa có câu rất hay: “Cùng nghề là oan gia”, lúc bấy giờ ở Bắc Bình tiệm Thịnh Nguyên là cửa tiệm lớn nhất trong thành. Chủ tiệm này họ Mục, tính tham lam vô độ, lại còn câu kết với quan phủ. Họ Mục vốn đồ kỵ với nhà họ Trương nên từ lâu đã coi Trương Hồ Lô là cái gai trong mắt. Không những thế, hắn còn vô tình biết được trong nhà kho gia đình họ Trương có rất nhiều đồ cổ quý hiếm, tất cả đều là những báu vật kỳ lạ hiếm có trên đời, được ăn cắp từ mộ cổ, lặn tằm trong núi sâu hoặc trong đại viện hoàng cung. Thế là hắn liền nổi lòng tham, lập mưu chiếm phần sản nghiệp này. Hắn đã nghĩ trăm phương ngàn kế để hãm hại liền mấy mạng người nhà họ Trương. Hai nhà kẻ thù từ đó nuôi thù kết oán rất sâu sắc.

Khi ấy Trương Hồ Lô còn là một thanh niên sung sức, tính khí nóng nảy, không chịu được cảnh bị kẻ khác bắt nạt, liền nhân một đêm gió cao trăng mờ quyết định trở thành “kẻ ám sát”. Ông ta lén vào nhà họ Mục, liền một mạch giết sạch mười một mạng người, gồm cả già trẻ gái trai. Tất cả xác chết đều bị Trương Hồ Lô cắt phăng thủ cấp. Lúc đi ngang qua đồn cảnh sát, họ Trương cũng tiện tay chặt phăng luôn cái đầu của viên cảnh sát trưởng, rồi thi triển tuyệt kỹ “Bọ cạp đảo đầu” leo tường thành rồi xuyên tim mười hai cái thủ cấp đang rùng rùng máu tươi thành một xiên, treo lủng lẳng trên gác mái lầu canh ở cổng thành. Cuối cùng, Trương Hồ Lô còn cảm thấy vẫn chưa hả giận, liền phóng hỏa thiêu rụi luôn tiệm Thịnh Nguyên thành tro mới chịu dừng tay.

Vụ án Trương Hồ Lô đã gây chấn động khắp vùng, và họ Trương tự biết gầm trời này không còn chỗ dung thân. Theo thông lệ lục lâm từ trước đến nay, nếu ai chẳng may gây nên đại họa, thì chỉ còn cách cao chạy xa bay mới tránh khỏi lệnh truy nã vượt đại dương của quan phủ, nên những kẻ rơi vào tình thế ngặt nghèo như Trương Hồ Lô chỉ có mấy con đường để chọn, hoặc là “xuống Nam Dương”, hoặc là “đi Tây Khẩu”, nếu không phải “vào Quan Đông”. Trương Hồ Lô đành cam tâm bỏ lại tất cả gia sản, chỉ vội vã cõng mẹ già chạy thẳng một mạch đến

Sơn Đông, rồi vượt biển trốn ra quan ngoại. Từ đó, ông ta mai danh ẩn tích, đổi họ thành “Tur Mã” theo họ mẹ. Vì kẻ sinh nhai, Trương Hồ Lô lên núi làm sơn tặc nổi nghiệp tổ tông ngày trước.

Sau này, cả nhà họ Trương chuyển đến vùng Đông Bắc, thực hiện theo chính sách cải cách ruộng đất. Khi liên quân Dân chủ tiến hành chiến dịch tiêu phỉ, Trương Hồ Lô và đồng bọn liền bỏ vũ khí quy hàng và được bộ đội thu nạp vào tổ chức tham gia chiến dịch xuống Giang Nam bảo vệ Lâm Giang, cùng đại quân từ bắc tiến vào nam, đánh chiếm hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây.

Trong suốt thời gian đó, tuy Trương Hồ Lô không lập được công trạng lớn lao, nhưng cũng trải qua muôn vàn gian khổ. Có điều họ Trương xuất thân từ lục lâm, lý lịch không trong sạch nên cuối cùng vẫn không được trọng dụng. Sau giải phóng, họ Trương được điều động đến Trường Sa làm việc, từ đó an cư lạc nghiệp, lấy vợ sinh con, đến năm 1953 thì đẻ được một đứa con trai. Trương Hồ Lô không dám nhắc lại chuyện cũ, sợ rằng nếu nói ra sẽ liên lụy đến cả nhà, gây nên những phiền phức không cần thiết, vì thế khi đặt tên cho con, ông liền viết vào sổ hộ khẩu ba chữ: “Tur Mã Khôi”.

Những kẻ xuất thân lục lâm, đại bộ phận đều làm những nghề phạm vào lệnh cấm của quan phủ, quanh năm lẩn lộn nơi đầu súng ngọn giáo, chẳng biết khi nào phải đền cả tính mạng. Trương Hồ Lô vô cùng tin tưởng và bái phục “Kim Điền tiên sinh”, một vị thầy tướng số có tài suy đoán hung cát họa phúc rất chính xác. Vì thế, Trương Hồ Lô đã đích thân về tận quê cũ mời thầy Kim Điền đến xem tướng cho con trai. Theo cách nói của người xưa, mệnh đứng im còn vận thì luôn luôn chuyển động, cái tên là biệt hiệu suốt đời của một người, nên tên tất phải hợp với bố cục trong mệnh thì mới có thể đem đến vận may. Tuy rằng hậu bối nhà họ Trương từ nay phải mai danh ẩn tích, nhưng vẫn nên xem xét cẩn thận mới được.

Lúc bấy giờ tuy là thời đại mới, nhưng Trương Hồ Lô suy cho cùng vẫn là kẻ xuất thân từ tầng lớp thấp, quan niệm còn khá cổ hủ nên tuyệt đối tin tưởng vào thầy tướng Kim Điền tiên sinh; hơn nữa lòng tin

đó vô cùng kiên cố, ăn sâu vào tận xương tận tủy, nên mặc cho vật đối sao dòi, lòng tin vẫn khó lòng dịch chuyển.

Chỉ thấy thầy Kim Điền lắc lư đầu mấy cái rồi bấm đốt ngón tay hồi lâu, cuối cùng tính ra số mệnh của đứa bé này là thổ, tức mệnh Thổ. Theo cách nói trong Thiên Can tám chữ, đứa bé mệnh “Trung ương mậu dĩ thổ” vừa vặn liệt vào hàng thứ tám, nếu sắp xếp thứ tự theo ngôi vị tám con vật thần thánh, thì vị trí thứ tám chính là khôi gia, tức con chuột. Trước đây, các đoàn kịch thường thờ cúng “Khôi bát gia”, để đề phòng ông chuột gặm nhấm hết trang phục đạo cụ diễn xuất của họ. Dân gian tục truyền “Khôi bát gia mệnh thổ”, vì thế Kim Điền tiên sinh liền đặt tên cho đứa bé là Tư Mã Khôi.

Trương Hồ Lô nghe xong kính phục đến nỗi không hạ nổi lưỡi xuống, cứ há miệng khen tên hay. Người nào lần đầu nghe tên này thì lại tưởng chữ Khôi trong từ Tư Mã Khôi có nghĩa khôi ngô, sáng láng; ai ngờ chữ Khôi này lại mang ý khôi cốt, than tro, hắc ám. Tóm lại, chữ Khôi đó đúng là đặt rất chuẩn xác, những mong rằng tương lai đứa bé này phải làm nên công trạng gì to lớn mới hay.

Trương Hồ Lô rốt cuộc vẫn là kẻ xuất thân từ lục lâm, nên ông cho rằng những thứ được dạy trong trường học thời đại mới chẳng có mấy tác dụng thực tế, hơn nữa, lại không muốn bí kíp tuyệt kỹ của tổ tông để lại bị thất truyền, nên vài năm sau ông liền gửi Tư Mã Khôi đến Bắc Kinh theo một vị ẩn sĩ tên là “Văn Võ tiên sinh” để học nghệ. Từ đó Tư Mã Khôi bắt đầu khổ công học hành, canh năm tỉnh giấc, nửa đêm bò dậy, thức thông đêm qua hai lần thay dầu đèn, cuối cùng cũng học được một chút chân truyền. Khi Tư Mã Khôi mười ba tuổi thì sư phụ cưới gió quy tiên, thi thể chôn ở núi Bạch Mã ngoại ô Bắc Kinh, đến lúc này cuộc đời cậu bắt đầu chuyển sang ngã rẽ khác.

Tập I “Chăm Pa Ấn Sương” của bộ truyện “Mê Tông Chi Quốc” kể về những trải nghiệm ly kỳ của Tư Mã Khôi khi chạy trốn kẻ địch đã vô tình tham gia một đoàn thám hiểm bí ẩn và thoát khỏi bàn tay tử thần từ khu rừng rậm nguyên sinh huyền bí. Có câu: “Người mất đầu khó chạy, câu mất đầu khó thông”; về việc Tư Mã Khôi vì sao lại gia nhập

đoàn thám hiểm thì phải bắt đầu kể từ đây. Mở đầu có phần chi tiết như vậy cốt là để độc giả hiểu rõ đầu đuôi câu chuyện.

Chương 1

BẢO VẬT TRONG HẮC ỐC

Hồi thứ nhất

HẮC ỐC

Đúng như Tư Mã Khôi vẫn thường nói: “Vận xui là một loại vận vĩnh viễn không bao giờ tránh được”.

Năm mười lăm tuổi, cha mẹ của Tư Mã Khôi đều bị buộc tội hữu khuynh^[6], rồi kẻ trước người sau lần lượt nhắm mắt xuôi tay vì bạo bệnh ngay trong lớp cải tạo. Song thân ra đi vội vã đến nỗi chẳng kịp trăng trối lại cho cậu con trai câu gì. Khi đó không có ai nói cho Tư Mã Khôi biết cậu nên đi đâu học, đến đâu ăn, và cũng chẳng người nào thêm để mắt xem cậu sống hay chết. Đợi khi tất cả cửa cải trong nhà đều bị đem bán sạch trơn, đến mức từ trong ra ngoài chẳng có thứ gì đáng giá, thì lúc ấy cậu mới tỉnh ngộ là từ nay về sau chỉ còn biết dựa vào chính mình mà thôi. Để tìm một con đường sống, cậu đành phải chạy đến Hắc Ốc, nơi mà trước đây ngay cả nằm mơ cậu cũng không dám mơ đến, để mưu sinh qua ngày.

Hắc Ốc không phải là một tòa nhà màu đen, mà đó là biệt danh của một xóm nhỏ ở vùng ngoại ô heo hút, nằm kẹp ngay giữa hai dải núi trọc, quanh năm mưa không thuận, gió không hòa, đất xấu dân nghèo, vô cùng xa xôi hẻo lánh. Thời chiến tranh, nơi đây từng bị máy bay oanh tạc dữ dội, sau đó xảy ra một trận hỏa hoạn rất lớn, nhà cửa bị thiêu rụi, khắp nơi hoang tàn, khói lửa dày đặc hun tạt cả những bức tường vỡ nát còn sót lại thành một màu đen kịt, vì thế người dân ở đây gọi nơi này là Hắc Ốc.

Suốt mười năm loạn lạc, khu vực Hắc Ốc vẫn chưa từng được chính phủ trùng tu; rồi bao nhiêu năm nay không hề có người dân gốc gác nào của xóm này quay lại cố hương sinh sống. Nhưng ngay trong lòng thôn xóm hoang tàn đó lại có một con đường sắt xuyên qua, và hàng ngày rất nhiều chuyến tàu chuyên chở hàng hóa chạy đi chạy lại, đã thu hút một số lượng lớn những người ăn theo đường sắt đến đây trú ngụ. Ngày qua tháng lại, nơi đây dần dần trở thành cứ địa tụ tập của những dân nghèo thuộc tầng đáy xã hội.

Đương nhiên ở đây không tránh khỏi việc vàng thau lẫn lộn, cát bùn trộn cả vào nhau. Trong xóm có rất nhiều thành phần, từ trẻ mồ côi không nhà không cửa đến những kẻ nhặt rác lưu lạc tứ xứ, những nông dân từ quê chạy lên thành phố kiếm sống, những người nhặt than vụn rơi trên đường sắt, phu khuân vác ở bến thuyền, kẻ bán khoai lang dạo, thậm chí có cả những thanh niên trí thức không chịu được công việc lao động chân tay gian khổ nơi hoang vu hẻo lánh nên một mình chạy trốn về đây ẩn náu.

Bọn họ chia bè kết phái sống ở Hắc Ốc, đa số đều mưu sinh nhờ vào việc buôn bán lật vặt trái phép hoặc đào hầm lấp hố, bởi chẳng người nào có công việc tử tế để làm. Đương nhiên trong số đó không thiếu những kẻ phá khóa trộm đồ, bò vào xe lửa ăn cắp, còn có cả bọn lưu manh vô lại chuyên đâm thuê giết mướn, bọn chao chác ăn tiền.

Những kẻ rập rình ẩn hiện ở khu vực Hắc Ốc hầu như đều là thành phần đã bị bài trừ ra khỏi hệ thống xã hội, bởi những việc chính phủ nghiêm cấm thì chúng đều nhúng tay làm cả. Nhưng, trong khi thế giới bên ngoài đang hùng hực đấu tranh chính trị một mất một còn giữa các đảng phái, thì ở đây dường như lại đoạn tuyệt hoàn toàn với thị phi tranh chấp, ngay cả những tờ báo chữ to ^[7] dán khắp nơi cũng không lọt đến được nơi này. Mỗi lần có “cóm” vào xóm truy quét lòng sục, bang Hắc Ốc chỉ cần đánh động vài tiếng là cả hội đã rút gọn không còn vết tích, đợi khi sóng yên bể lặng lại kéo nhau trở về tụ tập. Tất cả các thế lực trong chính phủ dường như đều bất lực chẳng làm gì được chúng, nên đành mắt nhắm mắt mở lờ đi. Hơn nữa, chỉ cần bọn họ đừng gây ra trọng

án kinh thiên động địa thì ai thèm để ý đến lũ “cặn bã của xã hội” sống ở khu ven thành phố bị bỏ hoang phế đó nữa.

Băng đảng của Tư Mã Khôi là một nhóm gồm toàn những đứa trẻ chừng mười bốn mười lăm tuổi, trong đó có cả nam và nữ, đa số bọn chúng đều là con cái trong những gia đình có bố mẹ bị quy chụp thành phần cánh hữu. Chúng lại chưa đến tuổi nhập ngũ để tham gia quân đội nên đành phải phiêu dạt nay đây mai đó, trôi nổi giữa xã hội, chúng không có việc làm cũng không được đi học, càng chẳng có bà con thân thích nào có thể nương tựa. Tóm lại, bọn chúng đúng là những kẻ “bà không yêu, cậu không chiều, thím nhìn thấy muốn đá cho ba cái, ngay đến chó cũng ngứa dài quay mặt”.

Trong đám choai choai này, tuy có một vài đứa cũng được nhận mấy đồng trợ cấp sinh hoạt, nhưng số tiền ít ỏi đó chẳng thấm vào đâu, nên bản năng sinh tồn buộc chúng phải tập hợp lại thành băng nhóm tranh giành cơm áo với xã hội. Khi đó thường thịnh hành khẩu hiệu “Tư tưởng Mao Trạch Đông như luồng gió xuân thổi đến muôn nơi” nên hội Tư Mã Khôi quyết định đặt tên cho nhóm là “Nhóm chiến đấu Xuân Phong” và còn nghiêm trang tuyên thệ trước tượng đài Mao chủ tịch: “Từ nay cả nhóm phải đoàn kết, đồng cam cộng khổ làm cách mạng.” Trên thực tế, khẩu hiệu này chỉ là cái cớ để chúng làm loạn, gây họa khắp nơi, quấy nhiễu an ninh khiến chó cắn gà kêu không ngày nào yên ổn. Dân chúng cách mạng trong thành không người nào nhìn thấy chúng mà không muốn chửi mắng cho thỏa giận.

Tính chất của “Nhóm chiến đấu Xuân Phong” có vài phần tương tự với nhóm “Đồng Đảng” trong lịch sử từng nhiều nhưng thành phố sương mù Luân Đôn ở Anh. Tuổi đời các thành viên trong nhóm đều rất trẻ, hoạt động của nhóm có tính chất nguy hại nhất định đối với xã hội. Chẳng bao lâu sau, “Nhóm chiến đấu Xuân Phong” tự thấy rằng thành phố không phải nơi dễ kiếm cơm nên đành rút lui về khu vực gần Hắc Ốc. Hội Tư Mã Khôi đánh mấy trận sòng mái với bọn lưu manh bản địa, tuy chịu không ít thiệt thòi nhưng “không đánh nhau không nhận anh em”, cuối cùng hai bên đã hóa giải được hận thù và đạt được nhận thức

chung một cách không ngờ. Qua nhiều cuộc thương thuyết kéo dài, hai bên đã phân định ranh giới địa bàn của mỗi bên rất rạch ròi, cục diện hỗn loạn từ đó mới tạm thời ổn định.

Trong “Nhóm chiến đấu Xuân Phong”, Tư Mã Khôi có một người bạn thân tên là La Đại Hải. La Đại Hải khí chất hào hiệp lại rất dũng cảm, cha cậu ta là La Vạn Sơn từng là bộ đội chuyên ngành làm cán bộ trong tòa án địa phương, sau này do bị điều động công tác nên cả gia đình từ Đông Bắc phải chuyển xuống Hồ Nam. Trong chiến dịch bài trừ hàng ngũ cán bộ suy đồi, ông La Vạn Sơn bị áp giải vào trại cải tạo lao động, còn lại một mình La Đại Hải tứ cố vô thân đành phải phiêu dạt đầu đường xó chợ. Cậu trai này trông khá khôi ngô tuấn tú, tướng mạo đường hoàng, chiều cao và thể lực đều hơn hẳn các bạn cùng trang lứa. Cậu ta lại rất thích ngồi rồi lo chuyện thiên hạ, hay ra tay dẹp chuyện bất bình, vì thế rất có uy với bọn trẻ khác trong nhóm. Chỉ có điều, khi còn nhỏ ở Đông Bắc, La Đại Hải bị rét đến nổi đóng băng hồng cả lưỡi nên từ đó lưỡi cậu ta bị tật, phát âm không rõ ràng, lại thêm cái tật nói nhiều, vì vậy bị mọi người ở đây đặt cho biệt danh “Hải ngọng”.

Vì từ nhỏ Tư Mã Khôi đã bái “Văn Võ tiên sinh” làm thầy nên cũng thủ thân được chút ít bản lĩnh lực lâm, cậu ta không chỉ thân thủ nhanh nhẹn, ra tay gọn gàng, gan to hơn người, mà còn rất giỏi ăn nói, lại hiểu được các quy tắc của giới giang hồ trước giải phóng, biết rõ: “Hành bang các phái, coi nghĩa khí làm trọng”. Trong những kẻ chiếm cứ khu Hắc Ốc có không ít tên xuất thân từ xã hội cũ, mà chỉ có Tư Mã Khôi mới giao lưu được với chúng. Bởi vậy, Tư Mã Khôi và La Đại Hải tự dung trở thành thủ lĩnh của nhóm “Xuân Phong”, cầm đầu cả hơn trăm thiếu niên nam nữ, suốt ngày náo loạn con đường sắt hoang phế, thoát ần thoát hiện, di chuyển nhanh như lốc cuốn.

“Xuân Phong đoàn” tuy đã giao kèo được vấn đề lãnh thổ với “Hắc Ốc bang”, rằng lấy đường sắt làm ranh giới phân định, nhưng vấn đề sinh tồn của hội Tư Mã Khôi vẫn chưa được giải quyết. Cứ theo thành phần xuất thân mà xét, bọn họ tuyệt đối không cam tâm đi nhặt than rơi trên đường sắt hoặc làm các công việc lao động chân tay thấp hèn. May

mà Tư Mã Khôi có nhiều tai mắt, lại nhanh trí, nên cuối cùng cũng nghĩ ra một kế mưu sinh thượng sách. Cậu bảo các thành viên trong nhóm khuôn tất cả đồ đạc còn sót lại trong nhà, chuyển đến lều trại dựng tạm ở đây để xây dựng cứ điểm hoạt động, đồng thời sai đám con nít nhỏ tuổi, lợi dụng hoàn cảnh gia đình bi thảm, tìm đến nhà bếp cơ quan nơi bố mẹ chúng đã làm trước đây để thó trộm thức ăn. Kế sách này được gọi là “Khổ nhục kế”. Kế hay ở chỗ cho dù lỡ bị người ta phát hiện cũng không sao, bởi vì thành viên được phái đi thực hiện nhiệm vụ chỉ là bọn nhóc con trên dưới mười tuổi. Hơn nữa, các nhân viên làm trong nhà bếp đa phần lại là đồng nghiệp cũ, quen biết với cha mẹ chúng, chẳng ai nỡ lòng nào tóe cổ chúng giao nộp cho chính quyền, ngược lại, phần lớn họ đều lấy cơm thừa canh cặn trong nhà bếp mang ra chia cho chúng.

Thử nghiệm được vài ngày, quả nhiên các nhà bếp đều tình nguyện để lại cơm thừa cho bọn trẻ. Tư Mã Khôi thấy kế này khả thi liền cho bắc mấy cái bếp ở chân tường đồ nát, rồi đi trộm vài chiếc nồi to. Khi thức ăn kiếm về không đủ, liền thả thêm vào đó mấy cọng rau nát, đồ khô thì mang lên hấp, đồ có nước thì cho vào nồi nấu thành một thứ thức ăn hỗn hợp. Vì đây là những đồ ăn thừa ở các nhà bếp khác nhau, nên khẩu vị mỗi món một khác, sau khi đồ lẫn vào nhau nấu lên, mùi vị lại hấp dẫn khác thường, mùi thơm tỏa ra khắp nơi. Cả nhóm đặc chí đặt tên cho nó mỹ danh: “Quán cơm Lục Quốc”.

Có điều, hội Tư Mã Khôi không thèm ăn mấy đồ đó mà bán lại cho bọn “Hắc Ốc bang” ở bên kia đường sắt. Đám người đó đều là dân lao động chân tay, cả năm quần quật làm những công việc nặng, bụng lúc nào cũng rỗng tuếch, và hơn nữa, cả đời chưa bao giờ được thưởng thức các món ăn ở nhà bếp cơ quan, chính phủ. Bọn họ nhìn đồ ăn trong nồi của “Quán cơm Lục Quốc” vô cùng phong phú, lại lảng một lớp mỡ bóng lộn ở bên trên, đã thấy ngon hơn hẳn đồ ăn thường ngày của mình, nên người nào người nấy lần lượt móc tiền trong hầu bao ra mua từng bát lớn. Họ đút cả cơm lẫn cháo vào miệng nuốt ngon lành. Những kẻ không có tiền thì dùng vật để trao đổi. “Quán cơm Lục Quốc” do Tư Mã Khôi phát minh ra, ngày nào cũng cháy hàng, nồi niêu sạch trơn, cung không đủ cầu.

Hành động lần này của hội Tư Mã Khôi đã nhiều phần hóa giải được ánh mắt thù địch lẫn nhau giữa hai bang phái bên đường sắt, hơn nữa, lại mang đến khoản lợi nhuận không nhỏ giúp cả hội duy trì những nhu cầu của cuộc sống.

Cứ như vậy qua hết mùa xuân, chớp mắt đã bước vào mùa hè oi bức, ban ngày càng lúc càng dài. Những ngày này chẳng thấy bóng dáng của một giọt mưa, trời hanh vật khô, nóng rang như trên chảo lửa. Lúc sắp trưa cũng là thời khắc khu Hắc Ốc yên tĩnh nhất trong ngày, mọi người đều tản ra các ngả lao động kiếm cơm, chỉ có mấy đứa con gái ở nhà lo chuyện bếp núc, chuẩn bị nấu thức ăn thừa từ ngày hôm trước, để phần cho những người ở lại ăn.

Buổi sáng ngày hôm đó, La Đại Hải đặt bẫy ở khu đất hoang và trông cổ được một con lợn rừng nhỏ, liền mang về Hắc Ốc giết thịt, mổ bụng lột da, xử lý hết nội tạng rồi ngoắc cả tảng thịt tiết rỏ rùng rùng lên móc câu, thuận tay vớt luôn cái đầu lợn vừa cắt ra khi nãy lên tấm gỗ để ngay bên cạnh, chuẩn bị nồi lửa nấu nồi thịt, cải thiện bữa tối cho cả nhóm. Đợi đến buổi trưa mới xong việc, cậu ta liền phệt mông xuống tấm đá xanh đặt trước cửa trại, nhàn nhã hóng mát.

Lúc này, Hải ngọng nóng bức đến nổi mồ hôi ướt đầm lưng áo, nhưng trên đầu vẫn đội khur khur chiếc mũ quân nhân rách nát chôm được từ đời thuở nào, miệng phì phèo điếu thuốc, vừa hút vừa thao thao bất tuyệt nói chuyện với Tư Mã Khôi, chủ đề vẫn quanh quẩn mấy chuyện như đợi khi nào bố cậu ta phục chức trở lại làm việc như trước, cậu ta sẽ xử lý hết bọn rác rưởi dám đăng tin việc nhà cậu lên báo, lúc đó cứ chống mắt lên mà xem cậu ta trả thù như thế nào.

Tư Mã Khôi tuy ít tuổi, nhưng lại trải nghiệm không ít những gập ghềnh trên đường đời, điều đó đã khiến tâm lí phản nghịch xã hội của cậu trở nên vô cùng nghiêm trọng. Dường như cậu đã sớm dập tắt hết mọi hi vọng trong lòng, nên nghe Hải ngọng nói vậy, cậu chỉ âm ừ đáp bừa vài câu lấy lệ.

Đúng lúc này, cậu chợt nhìn thấy một lão già đi vào trong ngõ. Tư Mã Khôi vô cùng thính tai tinh mắt, nên bất kể gió lay cỏ động khẽ khàng thế nào cũng không lọt khỏi tầm mắt cậu. Chững lại ngẫm nghĩ giây lát, cậu cảm thấy kẻ mới đến có chút gì đó kì quặc.

Quay đầu nhìn kỹ, chỉ thấy lão già đó ăn mặc rách rưới, quê cục, hơn nữa trông mặt rất lạ, chắc chắn không phải là người sống ở bên khu Hắc Ốc hoang phế này. Lão già tầm ngoài năm mươi tuổi, dáng người nhỏ thó, mắt la mày lém, hai bên mép còn để hai chòm râu chó, cổ đeo chuỗi “bánh đả cầu”, đầu đội chiếc mũ chóp cao rách nát, tay cầm cái bô cào loại chuyên cào phân, vai cồng một túi vải đầy phồng to cộm cộm, trên người mặc chiếc áo khoác bằng da cũ kĩ, trước ngực áo còn có một hàng khóa, quần chùng áo dài, chân đi đôi giày đen đế dày cộp tới nỗi đá bò bò chết, mũi giày há toác miệng lòi ra góc tất trắng bên trong. Hôm ấy đúng là ngày hạ chí, trời nóng như đổ lửa, nhưng nhìn cách ăn mặc đông không ra đông, hè không ra hè của lão già, khiến ai nhìn vào cũng không khỏi cảm thấy quái gở.

Lão già lạ mặt đó dùng cặp mắt cú vọ ngó đông nhìn tây một hồi, một lúc sau mới đi đến trước cửa cái lán gỗ của Tư Mã Khôi, rồi đột nhiên lão ta dừng lại, giả bộ quỳ xuống xách giày, đồng thời thò đầu vào trong lán ngó nghiêng dò xét.

Cử chỉ này của lão có thể che mắt mọi người, nhưng không thể che mắt Tư Mã Khôi. Tư Mã Khôi quan sát hành động và cách ăn vận của người này, mà trong lòng cảm thấy vô cùng khó hiểu nên lập tức đề cao tinh thần cảnh giác, đồng thời mở miệng dò hỏi một câu: “Xem ra lão gia không quen mặt, chẳng biết từ đâu đến thế?”

Lão già nghe hỏi lập tức đứng thẳng người dậy, đưa mắt quét quanh một lượt, liền nhận ra Tư Mã Khôi và La Đại Hải chính là chủ nhân chiếc lán hoang phế này, nên lập tức ngoác miệng cố nặn ra một nụ cười trên khuôn mặt già nua. Lão ta nói với hai người: “Đâu dám nhận là lão gia, mỗi đây họ Triệu, quê ở Quan Đông, từ trước đến nay không có biệt hiệu gì, những người quen biết đều gọi mỗi là Triệu Lão Biệt. Trước giải phóng mỗi đã lưu lạc đến đây, mấy năm nay phiêu dạt khắp trong

thành ngoài thành, dựa vào công việc đan lán cỏ, nhặt phế liệu sống qua ngày. Hôm nay đến vùng đất quý này là muốn đổi một số vật phẩm thiết yếu trong cuộc sống.”

Tư Mã Khôi nghe lão trình bày khá rõ ràng, trong lòng đã bớt đôi chút cảm giác đề phòng, tiếp tục hỏi Triệu Lão Biệt: “Sao Triệu sư phụ lại ăn mặc như vậy? Trời hè oi bức, lão không sợ ủ thối người ra à?”

Triệu Lão Biệt nhoen miệng cười, trả lời ngay: “Bậc hậu sinh các cậu không hiểu đây thôi, chiếc áo mỗ đây mặc được gọi là áo khoác anh hùng như ý, tứ bề thông thoáng, rất thoát gió đấy!”

Tư Mã Khôi nghe thấy mấy lời lão già nói, cũng có vài phần giống tiếng lóng trong giới giang hồ, mà người thời nay làm gì còn ai nói năng như vậy nữa, nên càng cảm thấy kỳ quái hơn. Cậu bèn gắng hỏi: “Xem lão nói năng không phải hạng phàm tục, chân tay lại khá nhanh nhẹn, nhưng sao đi vào nơi ngói vỡ gạch nát hoang tàn này, không sợ bị què chân, lạc đường ư?”

Triệu Lão Biệt hiểu ngay ẩn ý trong lời lẽ của Tư Mã Khôi, nhưng dường như không thể tin những lời ấy lại phát ra từ miệng một tên nhãi ranh như cậu, nên liền nảy ý thăm dò lại. Lão ta bước lên một bước, chân trước chân sau đứng chéo nhau, không ra hình chữ đinh, cũng không ra hình chữ bát, rồi nói: “Mỗ đây chân cứng, đế dày, đi chắc, đứng vững, cất bước khoan thai đỉnh đạc.”

Đoạn đối đáp của hai người toàn bộ là ám ngữ của thế giới ngầm trong “Đáy biển giang hồ”, Hải ngọng đứng bên cạnh nghe chẳng hiểu gì, ù ù cạc cạc như vịt nghe sấm, nhưng Triệu Lão Biệt và Tư Mã Khôi thì ngấm ngấm hiểu đối phương không phải hạng tầm thường, nên tuyệt đối không dám khinh suất.

Triệu Lão Biệt dường như không có ý định bỏ đi ngay, lão nói trời nắng chang chang, trên đường đi vừa mệt vừa khát, nên muốn xin hai vị “đầu lĩnh” cho trú chân nghỉ ngơi giây lát uống ngụm nước chè. Miệng

chưa nói xong, không đợi chủ nhà đồng ý, lão đã tự ý ngồi sụp xuống ngay trước lán.

Tư Mã Khôi cũng muốn xem rốt cục người này muốn gì cho nên chẳng xua đuổi làm gì, mà ngược lại còn mang cho lão một chiếc bát, bên trong là nước trà “Lão Âm” vừa mới hãm ban sáng.

Triệu Lão Biệt chỉ “cảm ơn” hai tiếng rồi giơ tay đón lấy bát nước uống ực một hơi, cạn đến tận đáy, xong mới ngẩng mặt lên khen: “Loại trà Lão Âm có sâu trà quả đúng là thức uống giải khát bậc nhất.” Nói đoạn, lão liền móc ra một tẩu thuốc, dốc ngược đáy xuống gõ “cạch, cạch” mấy cái lên bàn, rồi nhét đầy sợi thuốc lá vào trong, châm lửa đầu tẩu thuốc, tí ta tí tách hút liền mấy hơi, vừa hút vừa chuyện trò mấy câu vô bổ cùng Tư Mã Khôi và La Đại Hải. Lòng vòng một hồi lâu, cuối cùng lão cũng chịu đi vào chuyện chính.

Lão già Triệu Lão Biệt này tự nhận mình bước chân vào giang hồ mưu sinh từ rất sớm, thông thạo nhân tình thế thái. Bây giờ lão đã có mối quan hệ rất tốt với một số đường dây đặc biệt trong thành, không những có thể hỏi lộ, mà còn có thể lấy được rất nhiều đồ tốt trong thế giới ngầm. Cuộc nói chuyện khi này với Tư Mã Khôi đã khiến lão nhận thấy cậu tuy trẻ tuổi, nhưng khá thông hiểu các quy tắc ngầm, chắc hẳn phải xuất thân từ một gia đình thế tộc, gốc gác không phải hạng vừa. Tục ngữ nói rất hay: “Trọc đầu thì vào chùa, đội mũ thì làm quan”, nay người cao tay lại gặp bậc kỳ tài, thật đúng là duyên trời sắp đặt, vì thế lão tình nguyện để Tư Mã Thiên và La Đại Hải đi theo mình cùng hưởng phúc.

Giống như biết phép thần thông biến hóa vậy, lời nói vừa dứt lão đã lôi ngay từ trong túi vải đầy rách nát của mình ra ba tút thuốc lá thơm hảo hạng, cười tí mắt rồi bày cả lên mặt đất.

Gia thế nhà La Đại Hải cũng thuộc hạng có gốc gác, cậu ta lại là người khá trải đời, nên vừa nhìn thấy liền biết loại thuốc lá này chỉ cung cấp hạn chế cho các cán bộ cấp cao, chứ bách tính thường dân hầu như chẳng bao giờ được nhìn thấy, cho dù ở chợ đen cũng khó lòng tìm ra, có tiền cũng không mua được. Lão già này xuất chiêu độc thật, một phát rút

ra liền ba tút, khiến Hải ngọng hai mắt vụt sáng, vội vã thò tay ra lấy, miệng còn nói: “Hôm nay, chúng ta coi như bèo nước tương phùng, lần đầu gặp mặt mà lão đã rộng rãi như thế, khiến anh em bọn tôi thấy xấu hổ vô cùng. Thế lão ở đơn vị nào? Lần sau anh em bọn tôi nhất định sẽ viết bức thư biểu dương, tỏ lòng cảm tạ sự giúp đỡ vô tư và khảng khái này của lão.”

Triệu Lão Biệt cũng nhanh tay không kém, liền giơ tay ngăn không cho La Đại Hải rờ vào mấy tút thuốc: “Người anh em xin đừng vội, thứ này mỗi đâu dễ kiếm, nhưng bất kể nói thế nào thì chúng ta gặp được nhau đúng là có duyên, hôm nay kết giao thành bằng hữu, hai bên xem như không còn vấn đề gì khúc mắc nữa. Hai vị đầu lĩnh thử xem, mỗi có thể dùng ba tút thuốc lá hảo hạng này để đổi lấy một... một vật trong lán của hai cậu không?”

La Đại Hải cười to: “Lão Triệu ơi lão Triệu, chẳng giấu gì lão, anh em bọn tôi đúng là những kẻ ‘Sói vàng bị cắt mất đuôi, trên người chẳng còn nửa cọng lông đáng tiền’, chỉ cần lão không chê mấy đồ giẻ rách trong lán của chúng tôi, thì nhìn thấy vật gì thích hợp, lão cứ thỏa sức mà lấy.”

Tư Mã Khôi nhìn thấy tình hình như vậy, trong lòng không khỏi ngậm cảm thấy kỳ lạ, tuy cậu cũng muốn giữ ba tút thuốc lá thơm nhưng đầu óc vẫn khá tỉnh táo, nên liền tiến đến cạnh ngăn Triệu Lão Biệt rồi nói; “Khoan đã! Cuộc trao đổi này e rằng chưa xong, trước hết lão phải nói rõ xem rốt cục muốn đổi lấy vật gì trong đây đã.”

Triệu Lão Biệt dường như không thể nhẫn nại thêm nữa, đảo con ngươi một vòng rồi thò tay vào túi vải đay lấy ra một hộp tai lợn kho tàu, bốn ông thịch bò hộp, chát cả lên mặt đất, đoạn nói: “Muốn đổi lấy vật gì, thì phải vào lán chọn xem mới biết được. Nhưng Triệu Lão Biệt mỗi cũng nói trước, trong hai thứ đồ ăn và thuốc lá, các cậu chỉ được đổi lấy một món, tuyệt đối không được lấy hơn.”

Tư Mã Khôi nhận thấy Triệu Lão Biệt dường như rất quyết tâm lấy bằng được vật đó nên dù chưa đầu vào đâu, lão đã chủ động nâng giá. Có

câu: “Càng mời càng không mua, càng hỏi càng không bán, nếu hỏi thúc quá đáng, mua bán cũng bất thành”, nên khi lão đã không tiếc mang ra bao nhiêu đồ quý hiếm để đổi lấy thứ có trong lán thì thứ đó chắc hẳn cũng không phải loại tầm thường, vậy làm sao Tư Mã Khôi có thể chấp nhận trao đổi dễ dàng như vậy.

Hơn nữa, Tư Mã Khôi còn nhớ lại một việc, trước đây khi cậu còn ở miền Bắc, từng nghe người ta kể về truyền thuyết “Man tử biệt bảo”, trong đó nói những nơi phong thủy tốt đều chôn giấu báu vật; không những vậy báu vật ấy lại vô cùng quý giá bởi do trời đất tạo ra, được thần quỷ ngầm bảo vệ. Nếu ai tự tiện sờ vào thì khó tránh khỏi rước họa vào thân, nên muốn đoạt được tất phải dùng những bí thuật kỳ môn cổ xưa mới xong. Bởi vậy, họ không thể nói với người ngoài mình là kẻ quật táng, trộm ngọc mà nói lóng thành “biệt bảo”^[8].

Nghe nói bí thuật “biệt bảo” khởi nguồn từ khu vực Giang Tây, muốn học món bản lĩnh này tất phải luyện tập từ nhỏ. Người ta mang đứa trẻ vừa mới sinh nhốt vào mật thất kín mít không nhìn thấy ánh sáng mặt trời, đợi đến ngày thứ 100 mới ẵm nó ra ngoài, từ đó nhãn lực của đứa bé trở nên khác biệt với mọi người, có thể phân biệt được mọi báu vật trên đời, họ gọi khả năng này là “Khai địa nhãn”. Những loại truyền thuyết kiểu này là thật hay giả, người ngoài khó lòng biết được.

Tư Mã Khôi thấy cách ăn vận và cử chỉ của Triệu Lão Biệt vô cùng kỳ quái, rõ ràng là thần bí khó lường, không biết có trùng hợp với mấy truyền thuyết đó không? Nhưng xem ra lão ta chắc hẳn là bậc kỳ tài hiểu biết về dị thuật biệt bảo. Chỉ có điều, trong cái lán tạm mà mình đang ở chỉ rất đũa gãy, bát sứt, bàn ghế chẳng cái nào còn nguyên lành, hoàn toàn không giống với dáng vẻ ngôi nhà để người ta sinh sống. Quả đúng như lời La Đại Hải vừa nói, trong lán ngay cả chiếc bát uống trà tử tế cũng chẳng tìm thấy, thì làm gì có bảo vật gì đáng giá? Không biết thứ mà Triệu Lão Biệt muốn lấy rốt cục là thứ gì? Hơn nữa, lão ta lại vừa chân ướt chân ráo đến đây, làm sao phát hiện ra nơi này có giấu bảo vật dị thường được?

Trong khi Tư Mã Khôi còn đang suy đoán mộng lung thì Triệu Lão Biệt sớm đã thò đầu vào trong lán dò xét, ánh mắt nhìn chăm chăm vào một trụ gỗ lớn, đó chính là chiếc bàn dài cổ xưa, dùng để giết mổ gia súc. Nó đã bị mục nát nhiều phần, ngày thường vẫn dùng để thái thịt, băm rau, nên mặt bàn nhợt nhạt bản thủ, bốc mùi tanh hôi, không hề bắt mắt. Ai ngờ thứ mà Triệu Lão Biệt nhìn trúng ý lại là vật này, ánh mắt thêm thương của lão cứ dán chặt vào chiếc bàn, không chịu rời sang chỗ khác.

Hồi thứ hai

BIỆT BẢO

Tư Mã Khôi thấy cách hành xử của Triệu Lão Biệt khác hẳn với dự liệu; chẳng ngờ lão chịu mang thuốc lá hảo hạng và đồ hộp đáng giá để đổi lấy chiếc bàn gỗ thịt mục nát, càng nghĩ càng thấy sự việc này rất kỳ lạ.

Trong đồng đồ nát ở Hắc Ốc chỗ nào cũng có vật vô chủ, ai nhặt được thì của người ấy. Cái bàn này vốn là một trụ gỗ mục nát rỗng ruột, to bằng một vòng ôm, xung quanh buộc ba vòng dây thừng gai, quanh năm bị máu tiết dầu mỡ bám nhăng nhợ, màu sắc đã phai nhạt biến đổi từ lâu. Sau khi nhặt về, nó chủ yếu được dùng làm thớt thái rau, chẳng ai biết rõ lai lịch cụ thể của nó, và xem ra ngoài việc thấy nó có niên đại sử dụng từ khá lâu thì chẳng thấy có điểm gì khác thường. Nay không hiểu sao vô duyên vô cớ lại có người quan tâm đến nó?

Tư Mã Khôi trầm nghĩ: “Cái bàn chặt thịt chắc chắn là một bảo vật, nếu bây giờ mình động lòng vì miếng lợi nhỏ mà dễ dàng trao đổi với Triệu Lão Biệt, thì bất kể lão già đó giơ ra vật gì mình cũng vẫn bị thiệt. Vậy nên trước tiên mình phải kiếm cớ để lão ấy thấy cái bàn này đúng là đồ quý cái đã.” Thế là cậu thuận miệng khua môi múa mép một hồi: “Triệu lão sư phụ này, lão không biết đấy thôi, thực ra gia đình mấy đời nhà tôi đều mở cửa hàng bán thịt dê ở Bắc Kinh để mưu sinh, chiếc bàn gỗ này tuy rằng nhìn có vẻ bình thường, nhưng lại là vật gia truyền mấy đời nhà tôi để lại, tôi không chỉ dùng nó quen tay mà còn ‘nhìn cương nhớ ngựa, nhìn vật nhớ người’. Bởi mỗi khi nhìn thấy nó, là tôi như nhìn thấy liệt tổ liệt tông đã quy tiên nhà mình. Cái bàn này đã cùng

gia đình tôi trải qua những năm tháng dưới thời Quang Tự, rồi tới Nghĩa Hòa Đoàn bao vây tấn công khu đại sứ quán Đông Giao Dân Cảng, khiến liên quân tám nước tràn vào thành Bắc Kinh. Đám quỷ tây này rất là bọn man di từ nước ngoài dẫn xác đến, lũ bọn đó chẳng có nửa tên tốt đẹp, đến Trung Quốc chúng ngang nhiên đốt nhà giết người cướp của, chẳng tội ác nào không dám làm, đánh đập người mù, mắng nhiếc kẻ điếc, rồi cuối cùng chúng nó cũng ào vào nhà tôi. Một tên lính tây ngấm thấy con mèo tam thể nhà tôi nuôi rất đẹp liền định cướp về, mang dâng tặng cho nữ hoàng điện hạ nhà chúng nó, ông tổ nhà tôi liền nổi giận lôi đình mắng chúng: ‘Ngày xưa lão phật gia Từ Hy thái hậu rất ưng ý con mèo này, định mang Thập Tam cách cách ra đổi lấy nó mà ông đây còn tiếc không nỡ đem đổi. Tiên sư chúng mày chứ, chúng mày là thứ tép riu gì mà dám cướp trắng của ông hả?!’ Trong cơn thịnh nộ, cụ lao thẳng ra phổ tham gia phong trào phục Thanh diệt ngoại xâm, trước lúc đi còn ôm theo chiếc bàn này, gặp tên giặc tây nào là lấy bàn đập chết tên ấy, nên không biết dưới gầm bàn đã chôn bao nhiêu mạng tướng tây lính tây. Sau đó chiếc bàn truyền đến đời ông nội tôi, nó lại cùng ông lưu lạc đến Giang Tây tham gia hồng quân công nông, cứ thế được mấy đời nhà tôi giữ gìn cho đến tận bây giờ. Có thể trong mắt người khác, khúc gỗ này chẳng đáng cái đình gì, nhưng đối với tôi nó chính là vật chứng chứng kiến cả gia đình tôi đã trải qua cách mạng cận đại Trung Quốc, là kỷ niệm không thể xa lìa, ngày nào tôi cũng phải bày nó ra trước mặt, sáng thỉnh an, tối hồi báo. Nếu ngày nào không nhìn thấy nó, tinh thần tự nhiên trở nên hoảng loạn, đến nỗi ngay cả hướng bắc ở đâu cũng không biết; một ngày không gặp cách tựa ba thu, nếu lỡ ba ngày không gặp có khi lo lắng đến tẩu hỏa nhập ma vẫn là nhẹ. Lời tôi nói đây câu nào cũng là thật, nếu lão không tin thì cứ tìm một miếng đậu phụ về đây, tôi sẽ đập đầu vào đấy cho lão xem.”

Hải ngọng đứng bên cạnh nghe, không nhịn nổi cười thầm trong bụng, cậu ta cũng nhân cơ hội để nâng giá cái bàn, bảo ít ra Triệu Lão Biệt cũng phải thò ra thêm ba tít thuốc lá nữa thì mới đồng ý đổi.

Triệu Lão Biệt nghe hai người bọn họ kể tung người hứng mà trợn mắt á khẩu. Lão còn cho rằng có khi mình nhìn lầm, liền quay lại đảm

đăm ngấm nghĩa cái bàn một hồi lâu, sau đó lắc đầu tỏ ý không tin, đồng thời mở toang cái túi vải đay ra cho hai người nhìn, bên trong chẳng còn thứ gì đáng giá, đoạn lão nói: “Mỗ không thể trả giá thêm cho hai cậu được.”

Tư Mã Khôi thấy việc đã đến nước này thì cứ nói thẳng toẹt cho xong: “Bọn tôi và lão là kẻ cắp gặp bà già, cóc cần sử dụng mấy chiêu thụt thò như bơi chó. Chẳng thà đừng ai giở trò với ai nữa. Mấy bài của lão bọn tôi biết tỏng từ khuya, trước đây cũng gặp nhiều rồi, nói chuyện cũng không cần vòng vo tam quốc, giấu giấu giếm giếm làm gì. Bọn tôi đã sớm nhìn ra Triệu Lão Biệt lão đích thị là tên biệt bảo, nếu không, chẳng người nào đang sống nhe nhớn lại quàng trên cổ chuỗi bánh đả cầu như lão.”

Cái thứ “bánh đả cầu” này thực ra là một loại bánh thuốc, dùng để xua đuổi chó mèo. Thời xưa, ở vùng nông thôn, mỗi khi trong nhà có người chết, lúc đặt thi thể vào quan tài thường đeo lên cổ xác chết chuỗi vòng này để phòng bị lũ chó đói gặm nát thủ cấp hoặc bị mèo hoang nhảy qua khiến người chết nhập tràng sống dậy. Những kẻ biệt bảo thường xuất hiện ở những nơi rừng già núi thẳm hoặc mộ hoang, đất dữ, để tránh rắn độc, dã thú, họ cũng có thói quen đeo “bánh đả cầu”.

Triệu Lão Biệt cũng nhận thấy cậu Tư Mã Khôi này tuy chỉ mới mười lăm mười sáu tuổi đầu nhưng vô cùng tinh quái, hiểu biết rất nhiều chuyện và không dễ bị bắt nạt. Thế nhưng tuyệt đối lão không thể tưởng tượng tên tiểu tử ấy lại có thể nhìn xuyên thấu hành tung của mình, nên trong lòng không tránh khỏi thất kinh một phen, liền bội phần khâm phục nói: “Vị đầu lĩnh này đúng là nhân lực hơn người, không ngờ thời thế này vẫn còn có người biết đến nghề biệt bảo của bọn mỗ.”

Việc đến nước này, Triệu Lão Biệt chỉ còn cách thẳng thắn thừa nhận mình quả thực là một tay biệt bảo, hôm nay gặp vận may lớn, khi vô tình đi ngang qua khu Hắc Ốc hoang phế, liền phát hiện ra chiếc bàn chặt thịt, đúng là “Đi mòn gót giày tìm chẳng thấy, đứng lại ngồi nhìn ở ngay đây”. Cuối cùng lão đã nói với bọn Tư Mã Khôi và La Đại Hải: “Lão mỗ đây chẳng nói sai với người ngay thẳng, có gì nói nấy, cái bàn

gỗ dùng để chặt thịt của hai cậu đích thị là một vật vô cùng quý hiếm, nhưng chỉ sợ trên đời này, ngoại trừ Triệu Lão Biệt mỡ ra thì chẳng còn người thứ hai hiểu được giá trị của nó. Hôm nay trời đã muộn, chúng ta tạm thời cáo biệt ở đây, hai người các cậu cứ bàn bạc kỹ xem. Lỡ đã nói thẳng như vậy thì mỡ cũng chẳng để hai cậu phải chịu thiệt thòi quá đáng. Trong thành mỡ còn giấu một vật rất tốt, ngày mai sẽ mang đến đây. Nếu lúc đó các cậu vẫn khăng khăng không chịu đổi hàng, mỡ sẽ không nói đến câu thứ hai, cất bước đi luôn, đã đi là không quay trở lại, có câu nói xưa mỡ thấy rất hay ‘Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông’, đến lúc đó hai cậu đừng có hối hận.”

Tư Mã Khôi và La Đại Hải gật đầu đồng ý, hai người nhìn Triệu Lão Biệt đi khỏi Hắc Ốc liền lập tức trở lại lán, khêu to ngọn đèn dầu cho sáng, khênh chiếc bàn nhót nhát cái bản dầu mỡ đặt lên mặt đất, lật đi lật lại hồi lâu, nhưng cả hai xem tới xem lui mãi mà vẫn không phát hiện ra Tý Sửu Dần Mão gì ẩn chứa bên trong chiếc bàn nên đầy bụng nghi hoặc. Đêm hôm đó, cả hai suy đi tính lại, nghĩ trước nghĩ sau, trằn trọc mất ngủ cả đêm.

Sáng sớm hôm sau, Triệu Lão Biệt quả nhiên lại tìm đến, lần này trong túi vải dày của lão có thêm chiếc áo lông da trơn bóng, mềm mại, lớp lông da màu đen pha lẫn ánh đỏ, có vài phần khá giống với da báo nhưng rất nhẹ và mỏng. Có điều Tư Mã Khôi và La Đại Hải thì đừng nói da báo, mà ngay cả lông chồn Đại Liên cũng chưa bao giờ nhìn thấy nửa cọng, nên hai người đành giả vờ am hiểu hỏi Triệu Lão Biệt: “Đây là da con gì vậy? Trông lớp da bóng láng, sáng sủa cũng không tệ, là da xịn hả?”

Triệu Lão Biệt nghe xong càng thêm đắc ý, lão liền khoe khoang: “Lại lịch chiếc áo lông da này của mỡ đúng là bất phàm.” Sau đó lão kể lại lai lịch của nó cho hai người nghe. Lão bảo trước giải phóng thường đến núi Trường Bạch để đào nhân sâm, đêm đến tá túc ở một lâm trường bỏ hoang. Trong lâm trường có một con mèo già, lông vằn vện như lông hổ, to béo mập mạp, lại vô cùng linh hoạt nhanh nhẹn, lên cây bắt được chim, xuống đất vồ được chuột.

Triệu Lão Biệt ở trong lâm trường lâu dần cũng trở nên quen thuộc với nó, bởi thường cho con mèo ăn thức ăn của mình, về sau, một buổi sáng trước khi vào núi, lão nhìn thấy con mèo nằm rạp trên cành cây, thở hổn hển, trông có vẻ sức cùng lực kiệt, ngay cả đuôi cũng chẳng buồn động đậy, suốt nhiều ngày trời nó đều ở trong tình trạng như vậy.

Triệu Lão Biệt thầm thấy lạ. Với con mắt cú vọ của kẻ biệt bảo, lão vừa nhìn là biết ngay con mèo này chắc chắn đã gặp kỳ ngộ gì đây, liền nảy ra ý định phải tìm hiểu cho rõ ngọn ngành. Thế là lão âm thầm quan sát theo dõi, phát hiện chỉ cần màn đêm vừa buông xuống, con mèo già liền chạy vào miếu Sơn Thần, nó luôn vào khe cửa rồi náu mình trong bóng tối nơi góc tường, ở đó án binh bất động.

Đợi đến lúc đêm đã về khuya, cả không gian tĩnh lặng, thì trên chiếc kèo gỗ của miếu Sơn Thần bất ngờ phát ra một tiếng động nhỏ, trông lên chỉ thấy một con chuột khổng lồ to như con chó, hai mắt sáng quắc như đèn pha, đang bò từ trên kèo nhà xuống trước mặt các vị thần. Đến nơi, nó dùng đuôi ngoáy vào trong chiếc đèn dầu, ăn trộm dầu đèn mà người ta dâng cúng cho Sơn Thần, đồng thời ôm ngọn nến mỡ bò gặm nhấm nhỏ, phát ra âm thanh nghe “lọt cọc lọt cọc”.

Lúc này con mèo già đột ngột từ trên góc tường nhảy vọt ra, quyết sống mái với con chuột. Con chuột tuy to xác nhưng không hề dè dờ, chẳng những vậy nó còn vô cùng hung tàn hiểm ác và dường như không hề sợ sệt kẻ địch. Con mèo già di chuyển nhanh thoăn thoắt mà vẫn không làm gì được nó, hai con quái thú quần nhau huỳnh huych, đánh nhau không biết mệt mỏi, đúng là quyết chiến sống chết một phen, bởi con nào cũng thần thông, nên khó phân định cao thấp.

Nhờ vào ánh trăng, Triệu Lão Biệt có thể nhìn rõ sự việc và hiểu được chân tướng. Thì ra đêm nào con mèo cũng phải đến đây quyết đấu với con chuột cho nên khi trời sáng nó mới mệt đến nỗi không lột nổi thân. Lão nhìn trộm trận ác chiến giữa hai kẻ địch, mãi mê đến độ quên hết mọi thứ xung quanh, toàn thân căng thẳng theo nhịp độ của trận đấu,

rồi vô tình lão chạm vào một cánh cửa bị hỏng khiến nó đổ rầm xuống đất.

Con chuột khổng lồ đang toàn tâm toàn ý tập trung vào trận ác đấu với con mèo già, đột nhiên nghe thấy âm thanh lạ từ đằng sau vọng đến liền giật nảy mình và chỉ cần mấy giây mất tập trung cũng khiến nó lộ ra yếu điểm để con mèo già quật ngã, cắn đứt cổ họng. Phút chốc máu nó trào ra như suối, nhuộm đỏ cả gạch ngói vương trên mặt đất miếu thần. Nó giãy giụa một hồi rồi cuối cùng cũng trợn ngược mắt, thở hắt ra mà chết. Đây đúng là: “Tranh hùng quyết sống mái, phút cuối phân thắng bại”.

Triệu Lão Biệt là tay sành sỏi trong nghề, vừa nhìn đã biết con chuột này đã nhiều năm ăn dầu đèn, găm sáp nến, chắc chắn đã thành tinh, đạo hành cũng không ít, nên liền lấy dao lột da nó, mang về đem đi thuê người làm thành một chiếc áo khoác da thú. Vào những ngày tháng chạp băng giá, ở quan ngoại nước nhỏ thành băng, nhưng chỉ cần khoác chiếc áo da chuột trên người, thì cho dù bên trong để mình trần, trán vẫn đổ mồ hôi như thường. Chỉ có điều, lão ta chưa bao giờ tiết lộ cho người ngoài biết đây là chiếc áo da chuột trăm năm, mà chỉ gọi nó là “Hỏa long tuần mã”.

Triệu Lão Biệt lại bảo Tư Mã Khôi và La Đại Hải: “Đừng thấy bây giờ là mùa hè nóng bức mà cho rằng chiếc áo này vô dụng. Hãy đợi khi mùa thu đến, lá trên cây ngả sang màu vàng, hàng đàn chim ưng kêu ‘quang quác’ bay về phương nam tránh rét; đến lúc ấy nếu các cậu vẫn sống trong cái lán rách khu Hắc Ốc này, chắc khó lòng chống chọi nổi với cái lạnh căm căm và không khí ẩm ướt, chẳng chóng thì chày cũng nhuốm bệnh vào thân. Lúc đó hai cậu không thể rời xa chiếc áo da ‘Hỏa long tuần mã’ của mỡ đây một bước đâu.”

Tư Mã Khôi trong lòng tự biết chiếc áo khoác da này chắc chắn là cái giá cuối cùng mà Triệu Lão Biệt đồng ý trả; và dù sao dựa vào nhãn lực và kiến thức của mình, cậu cũng không thể nhìn ra cái bàn chặt thịt mục nát đó rốt cục là bảo vật phương nào, chi bằng cứ đổi quách đi cho xong, nên chấp nhận điều kiện trao đổi. Thế nhưng cậu vẫn giao kèo với

Triệu Lão Biệt: “Vụ làm ăn này giữa bọn tôi và lão chắc không có vấn đề gì, nhưng xin lão sư phụ không ngại chỉ dạy cho, đừng để chúng tôi chịu thiệt một cách mù mờ. Lão hãy nói cho bọn tôi biết rõ toàn bộ ngọn nguồn lai lịch của chiếc bàn chặt thịt, đồng thời nói luôn rốt cục lão làm cách nào để phát hiện ra nó có điểm khác thường, và mang nó đi để dùng vào việc gì? Nếu có chỗ nào giải thích không rõ ràng, Tư Mã Khôi tôi đây thà chẻ nó ra làm củi đun chứ tuyệt đối không chịu để cho lão hưởng lợi dễ dàng như thế đâu.”

Triệu Lão Biệt vô cùng khó xử, nhăn mặt nói: “Tư Mã đầu lĩnh, cái lý của cậu có phần không đúng cho lắm, người xưa đã có câu: ‘Khẩn thâm uyên ương, mặc người thưởng ngoạn. Kỹ nghệ kim chi, một mình mình hay’. Hai bên chúng ta tiến hành giao dịch lấy vật đổi vật, mỗi lại không để cậu thiệt thòi chút nào, sao nhất định phải ép mỗ nói ra gốc gác của nó?”

Tuy rằng Tư Mã Khôi và La Đại Hải phiêu bạt giang hồ đã nhiều năm, nhưng rốt cục vẫn không thoát khỏi tâm lý hiếu kỳ của trẻ con, mọi chuyện đều muốn biết rõ chân tướng mới thỏa mãn, nếu trắng đen mập mờ, cả đêm ngủ cũng không ngon giấc. Vậy nên hai người kẻ đánh người xoa, nằng nặc đòi Triệu Lão Biệt giải thích bằng được, lại còn thề thốt sau này tuyệt đối không hối hận mà thay đổi quyết định, cũng không trở thành kẻ phản đồ tiết lộ bí mật cho người khác.

Triệu Lão Biệt gặp phải hai hòn đá tảng cứng đầu đành tự nhận mình đen đủi, buộc phải tiết lộ vài phần sự thực. Thế gian đều nói bọn man tử biệt bảo mắt sắc như dao, sự thực quả đúng như vậy. Trưa hôm qua, khi đi ngang khu Hắc Ốc hoang phế, Triệu Lão Biệt đảo mắt một cái liền phát hiện trong lán có điểm khác thường.

Nhãn lực nhận biết bảo vật là một môn công phu hơn nữa còn là kinh nghiệm được tích lũy nhiều năm, nói sao được nhỉ? Kỳ thực phải nói trắng ra thế này, khả năng ấy không hề tà ma như dân gian vẫn truyền miệng, cũng không phải cái gì xa xôi giống như kiểu nhìn thấy ánh hào quang lấp lánh tỏa ra từ cái lán gỗ, mà chỉ đơn giản là người làm nghề

biệt bảo rất giỏi quan sát, họ có thể phát hiện ra những chi tiết nhỏ bé mà người thường dễ dàng bỏ qua.

Triệu Lão Biệt liền đi đến cái lán thì phát hiện gần khu vực đó có rất nhiều hiện tượng khác thường. Theo lẽ tự nhiên, thời tiết oi bức thế này, khu vực Hắc Ốc rác rưởi chồng chất như núi, La Đại Hải lại vừa mới cắt chiếc thủ lợn vớt quay lơ trên mặt bàn, khiến khắp nơi đều nhuốm mùi máu tanh, thì xung quanh lẽ ra phải có rất nhiều ruồi nhặng bay lượn vo ve không ngớt mới đúng. Thế nhưng xung quanh cái lán phía đằng sau Tư Mã Khôi và La Đại Hải lại tịnh không thấy bóng dáng nửa con ruồi, đó chẳng phải chuyện rất lạ hay sao?

Triệu Lão Biệt đoán chắc gần đây có giấu bảo vật, liền lập tức dừng bước, giả bộ xin bát nước chè, rồi nhân cơ hội này ngồi luôn xuống trước cửa lán, nhìn quanh bốn phía cẩn thận dò xét, cuối cùng ánh mắt dừng lại ở chiếc bàn mộc nát dùng để chặt thịt. Chiếc bàn chặt thịt là phần bên trên của một thân trụ gỗ, bốn phía buộc dây thừng gai, trên mặt bàn còn đặt một chiếc đầu lợn mắt trợn trừng không chịu nhắm, máu tươi nhỏ rùng rùng xuống, nhưng lạ một điều là không nhìn thấy giọt máu nào chảy ra ngoài mà từ từ thấm ngược vào trong thân gỗ.

Triệu Lão Biệt liếc mắt một cái, liền đoán định ra bên trong chiếc bàn gỗ nhuốm đầy dầu mỡ này hẳn phải có một kỳ vật. Khúc gỗ để làm chiếc bàn chắc chắn được trong thân nó có lỗ hổng do sâu đục, vừa vặn để một con rết cỡ nhỏ chui lọt. Con rết ở trong thân cây lâu ngày, cơ thể dần phình to, khó lòng chui ra ngoài thoát thân, đành chịu bị nhốt ở bên trong. Gỗ mang tính âm, lại tiết ra dịch thông qua thớ gỗ, nuôi con rết nhiều năm không chết.

Sau này, cây cổ thụ bị đốn xuống làm nguyên liệu, khúc gỗ được bào thành chiếc bàn cắt tiết chặt thịt gia súc lại chính là khúc gỗ có con rết trốn bên trong. Con rết liên tục được hút tiết lợn, qua năm dài tháng rộng, lâu dần cơ thể nó tiết ra một viên “Ngọc Định Phong”. Nghe nói vì viên ngọc có thể chữa trị bệnh thống phong nên người ta mới đặt cho nó tên ấy, chứ không phải đó là viên ngọc mà Tôn Ngộ Không năm xưa được Tiên Ông ban cho để chiến đấu mượn được quạt Ba Tiêu của Bà La

Sát trên đường đi Tây Thiên thỉnh kinh, về sau, chiếc bàn gỗ chặt thật bị chủ hàng vứt bỏ, không biết lưu lạc thế nào lại đến được khu Hắc Ốc hoang phế, con rết già nằm bên trong đã bị chết đói từ lâu, nhưng viên ngọc thì vẫn còn. Viên “Ngọc Định Phong” này là loại linh đơn được kết tụ bởi rất nhiều âm tà huyết khí, nên lũ ruồi muỗi mới không dám bén mảng đến gần. Vật mà Triệu Lão Biệt muốn có, chính là viên ngọc quý này.

Lúc ấy, Tư Mã Khôi không thể tin nổi, làm gì có chuyện chuẩn xác đến thế? Cậu lập tức đi tìm cái rìu bổ củi, bỏ toang cái bàn chặt thịt ra làm mấy mảnh, và trong đó quả nhiên có một con rết lớn, toàn thân đỏ au au nằm cuộn tròn người. Bị rìu chặt ra làm hai đoạn, tuy nó đã chết nhưng trông vẫn sinh động như đang sống, còn trong miệng con rết ngậm một viên ngọc trắng phơn phớt, tròn vành vạnh, không hề tỏa ánh sáng bóng, mà nhìn giống như một cái mắt cá màu đục đục.

Tư Mã Khôi và La Đại Hải nhìn chăm chăm không rời, và đến lúc này mới coi như thực sự tâm phục khẩu phục, có trách thì chỉ trách bản thân mắt mờ, ở bên cạnh bảo vật bao lâu nhưng không hề nhìn thấy, sau này muốn hỏi hận cũng không kịp, tối nay cứ việc nằm đợi mà nuôi muỗi.

Triệu Lão Biệt cười hì hì, trong lòng vô cùng đắc ý nhưng vẫn giả bộ khuyên giải hai người: “Có câu nói xưa thế nào nhỉ... ‘Số mệnh ba thước, khó cầu một trượng’. Hai vị đầu lĩnh tuổi trẻ xuất anh hùng, tuy rằng vô duyên với viên ngọc này, nhưng ngày dài tháng rộng, hơn nữa còn đôi được chiếc áo da, thuốc thơm và nhiều đồ nhai sượng miệng nữa, thì cũng nên biết thỏa mãn. Hai bên chúng ta đều có được vật mà mình muốn có, chẳng ai thiệt thòi cả, núi không chuyển thì sông chuyển, sau này chắc chắn còn có cơ hội gặp mặt.” Nói đoạn, lão nắm chặt viên “Ngọc Định Phong” trong tay, quay người định đi.

Tư Mã Khôi và La Đại Hải đang lúc hưng phấn, làm gì có chuyện buông tay bỏ qua dễ dàng như thế, hai người liền vội vàng ngăn Triệu Lão Biệt lại: “Lão vẫn chưa nói rõ hết mọi chuyện, sao nói đi là đi ngay

được? Viên ngọc trông giống cái mắt cá này rốt cục có công dụng gì? Lão mang nó đi định dùng vào việc gì?”

Triệu Lão Biệt có vẻ hơi ngần ngại một chút. Lão vốn không định nói thêm nữa, nhưng thấy Tư Mã Khôi và La Đại Hải gan to ngang trời, ngông cuồng chẳng biết sợ thần quỷ gì cả, mà bây giờ một mình lão vào núi biệt bảo lại đang cần trợ thủ, nếu được hai thiếu niên trẻ tuổi ở bên cạnh giúp sức thì chẳng phải công việc sẽ thêm phần suôn sẻ hơn sao? Nghĩ đến đây, Triệu Lão Biệt liền nheo mắt nhìn trời rồi thấp giọng bảo: “Xem ra cái thị trấn cổ trong Hắc Ốc này địa hình không phải hạng xoàng, vốn là mảnh đất vàng, phong thủy thuận chiều ‘Phượng hoàng rải cánh, tung ngọc rải vàng’, nhưng bao năm nay không biết vì lý do gì mà đất đai trở nên cằn cỗi, người vật cùng kiệt?”

Tư Mã Khôi và La Đại Hải cảm thấy không thể lý giải nổi, liền hỏi: “Mấy cái thuật phong thủy địa lý cổ xưa, anh em bọn tôi cóc hiểu lắm, nhưng nghe nói Hắc Ốc từ trước đến nay đều nghèo xơ xác thế này, cỏ dại mọc um tùm, đất đai nứt nẻ, trồng cây gì chết cây đấy, thì làm sao có thể gọi là mảnh đất vàng được?”

Triệu Lão Biệt nói: “Lúc trước mỗ đã nói gì nhỉ, có trách thì chính là trách điều này, nơi đây tuy rằng địa lý rất tốt nhưng lại nằm ở giữa hai dải núi, thiếu mất nguồn linh khí mà những mảnh đất vàng phong thủy khác vẫn có, vì thế mỗ đây dám phỏng đoán rằng bên trong ngọn núi hoang vu phía tận cùng mạch đất, nơi con người chưa hề đặt chân tới, chắc chắn có chôn giấu một cổ vật ngàn năm mang âm khí rất nặng nề, chính vật này đã hút cạn tinh hoa của trời đất, ám hại thổ nhưỡng sông ngòi nơi này. Nhưng vẫn có câu ‘Phải nhìn tận mắt mới hay thật giả’, rốt cục trong lòng núi cất giấu vật gì, bây giờ mỗ cũng không dám đoán bừa.”

Triệu Lão Biệt tự nhận mình phải dùng trăm phương ngàn kế mới lấy được viên “Ngọc Định Phong” trong chiếc bàn chặt thịt mục nát. Lão muốn mượn vật này để đi đào bảo vật chôn giấu dưới lòng núi. Trước khi đi, lão ta còn nhấn nhủ: “Này hai vị đầu lĩnh! Nếu hai cậu có gan thì giờ Tý đêm nay đến chân cầu La Sư phía sau khu Hắc Ốc đợi mỗ, tới lúc

đó mỗ sẽ cho hai cậu mở rộng tầm mắt. Có điều hai cậu phải tuyệt đối nhớ kỹ, việc này không được tiết lộ với bất kỳ ai.”

Hồi thứ ba

CẦU LA SƯ

Triệu Lão Biệt dặn dò xong xuôi, hẹn đúng mười hai giờ đêm nay hai người đợi lão ở chân cầu La Sư cùng đi biệt bảo, sau đó liền nhét viên “Ngọc Định Phong” vào trong người, vội vàng bỏ đi mất dạng.

Tư Mã Khôi và La Đại Hải từ lúc đó đứng ngồi không yên, hai người vô cùng ngứa ngáy chân tay, linh tính mách bảo chuyện tối nay chắc hẳn vừa mạo hiểm vừa hấp dẫn, nói không chừng còn được chia không ít đồ tốt, thế là liền vội vàng chuẩn bị mọi việc.

Trước tiên, hai người phân phát thuốc lá và đồ hộp cho mọi người trong nhóm, sau đó tìm một ngọn đèn dầu còn dùng được, lại lo lỗ đầu gặp phải bất trắc bên ngoài, nên mỗi người đều thủ trong mình một con dao díp ba khía. Loại dao díp này có ba mặt lưỡi, rãnh sâu khoét trên khe, nếu xuyên vào gan tụy người nào thì vết thương không thể khép miệng, cho dù được đưa đến bệnh viện kịp thời vẫn không thể tránh khỏi cái chết do mất quá nhiều máu. Trong khu vực Hắc Ốc không thiếu loại hung khí kiêu này. Hai người thu xếp gọn gàng đầu vào đây, chỉ chờ màn đêm buông xuống là lập tức đến chân cầu La Sư tìm gặp Triệu Lão Biệt.

Đợi mãi mặt trời mới xuống núi, hai người liền đứng dậy chuẩn bị xuất phát. Ai ngờ đúng lúc này, một cô gái tên là Hạ Cần lại đến tìm gặp. Trước khi nghỉ học ở trường, Hạ Cần từng là bạn cùng lớp với Tư Mã Khôi và La Đại Hải, tuy rằng cô nàng không phải hạng xinh gái nhưng thân hình cân đối, khuôn mặt dễ nhìn, thành tích học tập cũng khá, mà quan trọng hơn là điều kiện chính trị của gia đình rất tốt, sớm muộn cô

nàng cũng tham gia quân đội, con đường tương lai có thể nói là vô cùng xán lạn. Từ trước đến nay, Hạ Cần rất ít khi kiểm chuyện thị phi với đám người La Đại Hải, thế mà hôm nay đột nhiên đến đây tìm gặp, khiến Tư Mã Khôi và La Đại Hải cảm thấy vô cùng ngạc nhiên.

Hạ Cần không đội mũ, hàng tóc mái hỉ nhi lòa xòa trước trán, đằng sau kết thành hai bím dài và nhỏ, trên người mặc bộ quân phục loại đắt tiền, quần kaki màu xanh da trời, ngực cài huy hiệu Mao chủ tịch. Cô nàng vội vàng từ thành phố chạy đến đây, quần áo ướt đầm mồ hôi, dường như có chuyện gì quan trọng lắm muốn thông báo cho hội Tư Mã Khôi biết, nhưng khi nhìn thấy bộ dạng ngang ngược, vô lại, bất cần đời của hai người bọn họ, cô cảm thấy vô cùng thất vọng. Hạ Cần thở dài bất lực, lời nói vốn dĩ sắp vọt ra khỏi miệng lập tức bị nuốt ngược vào trong, thay vào đó cô nàng đã không ngừng trách mắng bọn họ một thôi một hồi, nói họ không nên cam tâm buông thả bản thân như vậy mà phải tìm cơ hội học tập nhiều thêm một ít, nếu không sẽ lãng phí mất tuổi thanh xuân quý giá.

Tư Mã Khôi ghét nhất phải nghe người khác lên mặt dạy đời, nên trong lòng thầm nghĩ: “Cái con nhóc này sao lắm chuyện thế không biết, bây giờ là thời đại nào rồi mà còn học tập?” Tuy nghĩ vậy nhưng miệng cậu ta vẫn điềm nhiên lấp liếm: “Cậu nghĩ bọn tôi muốn thế này à? Vì sao người ta phải học tập hử? Đương nhiên là vì muốn thể hiện giá trị cái tôi của bản thân. Nhưng tôi lại nghe có một nhà hiền triết nói thế này, người ta sinh ra trên đời nhất thiết phải lần lượt đi theo các tiêu chí: trước tiên là sinh tồn, tiếp đến là cảm giác an toàn, thứ ba là tình yêu, gia đình, thứ tư là sự tôn trọng, xếp hàng thứ năm mới là thể hiện cái tôi. Bây giờ bọn tôi ăn bữa sáng lo bữa tối, cuộc sống có hôm nay mà không có ngày mai, ngay cả tiêu chí đầu tiên cũng chẳng đạt được thì làm gì còn tâm trí mà nghĩ đến việc học hành nữa.”

Hạ Cần tự biết miệng lưỡi mình không thể thắng nổi Tư Mã Khôi, bởi chỉ có quỷ mới biết nhà hiền triết nào đã nói với cậu ta mấy triết lý đó, hay chính cậu ta thuận miệng nói nhăng nói cuội? Cô nàng đành nói:

“Bạn Khôi ạ! Chúng mình dù sao cũng là bạn cùng lớp với nhau, tớ nói thế chẳng qua là muốn tốt cho các cậu mà thôi!”

Thấy điệu bộ Tư Mã Khôi và La Đại Hải có vẻ như muốn kết thúc câu chuyện ở đây, hai người bọn họ, tay cầm chiếc đèn dầu, thắt lưng giắt theo hung khí, Hạ Cần lại tưởng hai tên này chuẩn bị ra ngoài đánh lộn với người ta, liền vội vàng hỏi họ định đi đâu?

Đầu óc La Đại Hải không thể nhanh nhạy như Tư Mã Khôi nên nghe hỏi liền thuận miệng trả lời ngay: “Bọn tôi đến cầu La Sư...” Nói được nửa câu, cậu ta tự biết mình lỡ lời, lập tức lấy tay bịt mồm lại.

Hạ Cần từng nghe nói đến cầu La Sư ở vùng ngoại ô hẻo lánh, đó là chiếc cầu bằng đá cổ xưa đã bị bỏ hoang từ lâu, đi qua cầu là rừng sâu núi thẳm và khu nghĩa địa rộng lớn; ở đó tịnh không có bóng người qua lại, không hiểu hai người bọn họ đến đó làm gì vào đêm hôm khuya khoắt thế này? Cô nàng không khỏi sinh nghi, trong lòng chắc hẳn bọn họ đến đó chỉ để gây họa mà thôi.

Tư Mã Khôi vội vàng giải thích, bọn họ đến đó tuyệt đối không phải để đánh nhau mà là... mà là để bắt chim cú. Khu vực gần cầu La Sư cỏ hoang mọc rậm rạp, cao ngút ngang thắt lưng, trong bụi cỏ có rất nhiều tổ chim cú.

Cậu ta nói vậy cũng không hoàn toàn sai sự thật, vì người ngoài mới vào khu Hắc Ốc, muốn chắc chắn ở đây thì buộc phải đánh nhau với bọn lưu manh vô lại bản địa. Trừ phương pháp hai bên mang quân lính đánh nhau lộn tùng bậy ra, cách tốt nhất chính là “chơi chim cú”.

“Chơi chim cú” là một hình thức cá độ, bắt nguồn từ cuối thời Minh và được lưu hành rộng rãi trong dân gian, cũng giống như các trò chơi chim, đấu chó, chơi dế khác. Lúc đầu, khi mới đến đây, vì Tư Mã Khôi tìm được một con chim cú mỡ sất, lông vũ tím biếc, rồi trong vòng ba ngày nó liên tiếp hạ gục mười lăm con chim cú khác của bang Hắc Ốc nên cục diện mới được thay đổi, và hội Tư Mã Khôi mới giành được chỗ dung thân.

Sau sự việc ấy, mỗi lần hai bên có tranh chấp gì đều lấy phương thức “chọi chim cú” để giải quyết; nhưng chim cú không nuôi bộ được lâu nên Tư Mã Khôi phải tìm trăm phương nghìn kế ra bãi cỏ hoang bắt chim. Có điều, nửa đêm nửa hôm thế này thì không thể bắt nổi, giờ lấy lý do đó quả thực chỉ là miễn cưỡng viện cớ mà thôi.

Hạ Càn nghe giải thích mà bán tín bán nghi, khăng khăng đòi đi theo bằng được mới chịu tin. Tư Mã Khôi khuyên giải thế nào cũng không được, nhìn lên thấy sắc trời đã nhá nhem tối, bây giờ cũng không thể đuổi cô nàng về thành phố nên đành phải chấp nhận cho bám đuôi.

Đêm hôm đó, vòm trời chỉ chít sao nhưng lại không có trăng, không gian chẳng có lấy một ngọn gió mát mà oi bức ngột ngạt đến khó thở. Ba người xách theo ngọn đèn dầu lặng lẽ rời khỏi khu Hắc Ốc, bước thấp bước cao đi rất lâu trong khu đất vắng vẻ, cuối cùng cũng nhìn thấy chiếc cầu đá đã bị sập mất một nửa, bắc ngang qua lòng sông khô cạn. Đây chính là cầu La Sư. Đối diện với cầu La Sư là một vùng hoang vu, gò đồi nhấp nhô lượn sóng, trong đó là đồng cỏ mênh mông không biết đâu là bờ, và khu nghĩa địa cổ rộng lớn có từ ngàn năm trước, mộ phần chôn cất lộn xộn chẳng có lớp lang gì cả, phần lớn là mộ vô chủ, người bị chôn dưới đất đều là người nghèo, thậm chí còn có những mộ tận mấy người chôn cùng một hố. Nghe nói ở đây ma quỷ hoành hành rất dữ nên ít người dám qua lại sau khi trời tối.

Trời vào hạ, lòng sông phía dưới gầm cầu tích đầy bùn cát, cỏ dại mọc um tùm, phía sâu bên trong lùm cây ếch nhái không ngừng cất tiếng kêu ộp ộp, bọt gậy nhung nhúc từng bầy bơi lội trong mấy vũng nước tù, những con dơi to hơn cả chim thình thoảng lại liệng vèo qua trước mặt, khiến người ta sợ đến vã mồ hôi hột. Có điều, Tư Mã Khôi và La Đại Hải sống ở nơi hoang vu này đã quen rồi nên vẫn điềm nhiên như chẳng nhìn thấy gì. Xem chừng vẫn còn sớm, mấy người bọn họ liền ngồi bừa xuống một bãi đất dưới chân cầu, tắt đèn dầu, vừa hút thuốc vừa chờ đợi.

Tư Mã Khôi thấy cơ sự đã đến nước này, sợ rằng không thể giấu giếm thêm được nữa, liền thuật lại việc gặp Triệu Lão Biệt cho Hạ Càn

nghe một hồi, rồi bắt cô nàng hứa khi về tuyệt đối không được hé môi kể với bất kỳ ai.

Hạ Cần thấp giọng đồng ý: “Cậu cứ yên tâm, tớ nhất định không bao giờ thành kẻ phản bội đâu, nhưng hai người các cậu cứ làm mấy việc thị phi này, chẳng sớm thì muộn cũng rước họa vào thân. Mấy hôm trước, tớ nghe bố tớ nói, cục cảnh sát đã quyết định bài trừ tận gốc bang Hắc Ốc đấy. Nếu các cậu không muốn bị nhốt vào tù thì phải sớm trở về thành phố mới được.”

Tư Mã Khôi nghe tin ấy, trong lòng cảm thấy hơi khó chịu. Thông qua sự tiếp xúc trong những ngày ở đây, cậu phát hiện cái gọi là “Bang Hắc Ốc” thực ra là những con người rất thuần phác, họ chỉ là những người đẩy xe bán khoai lang, bánh hành đạo, nếu không thì là những kẻ lưu lạc không nhà không cửa. Tất cả bọn họ đều sống nhờ vào con đường sắt, chẳng gây ra tội ác tày trời nào cả; nếu quả thực bắt họ phải rời khỏi túp lều hoang tàn này thì họ phải đi đâu để tìm chốn dung thân?

Trái lại, La Đại Hải chẳng buồn để tâm, cậu ta nói nếu như không thể sống trong Hắc Ốc thì sẽ dẫn Tư Mã Khôi đi Đông Bắc. Ông già cậu ta trước đây có gốc rễ sâu trong quân đội đến tận đâu đấy chứ, muốn quan hệ có quan hệ, muốn đường đi có đường đi, không chừng đợi khi cậu đủ tuổi còn được sắp xếp vào trong quân đội, việc gì phải cố sống cố chết bám trụ ở đây mà chịu uất ức.

Hạ Cần nói: “Đông Bắc thì có gì hay cơ chứ, đến mùa đông lạnh chết đi được, chẳng phải lưỡi của cậu khi nhỏ bị đông cứng nên giờ mới thế này sao?”

La Đại Hải bĩu môi tỏ ý khinh thường: “Cậu thì hiểu gì? Đồ con gái tóc dài, óc ngẩn!” Đoạn cậu quay sang hỏi Tư Mã Khôi: “Khôi này, bố cậu sau này cũng đến Quan Ngoại phải không? Cậu bảo cái vùng ấy như thế nào nhỉ?”

Tuy rằng Tư Mã Khôi mơ hồ cảm thấy cái thằng như mình đây tiền đồ mờ mịt, số phận khó đoán, nhưng từ trước đến nay đều tự hóa nguy

thành an, nên sớm đã chẳng buồn quan tâm đến điều này nữa, bây giờ nghe La Đại Hải gọi lại chuyện Quan Ngoại, liền nói: “Tớ chưa bao giờ đến vùng Đông Bắc, trước đây chỉ nghe ông già kể, ở đó vào mùa đông đúng là tuyết bay ngập trời, khắp nơi đóng băng đông cứng, vạn vật đều chìm vào giấc ngủ, có người còn bị đóng băng cả mũi. Thế nhưng trong rừng già núi sâu, những việc quái lạ nhiều vô cùng, nên chỉ cần ngồi trong lâm trường nghe người già kể chuyện cổ xưa, nghe suốt cả mùa đông cũng vẫn không hết.”

Để giết thời gian, Tư Mã Khôi liền kể cho La Đại Hải và Hạ Cần nghe câu chuyện ly kỳ mà ông bố Trương Hồ Lô từng gặp ở Quan Ngoại. Ông bảo ở ngôi miếu hoang trong núi sâu vùng Quan Ngoại, một hôm bỗng nhiên có lão đạo sĩ đến; lão ta thu nạp một đồ đệ ở dưới núi làm đạo đồng, đồng thời xây một tòa điện để thờ sư tổ. Hai thầy trò cùng nhau ở trong đó tháng nọ tiếp tháng kia. Trước cửa điện um tùm rậm rạp, bất kể ở đây chỉ toàn cỏ dại cây hoang, nhưng hôm nào cũng nhìn thấy hai đứa trẻ hồn nhiên nô đùa ở ngoài hang núi. Mỗi ngày lão đạo sĩ gặp chúng, đều thuận tay đưa cho hai đứa bé khi thì viên kẹo, khi thì cái bánh. Thời gian lâu dần, hai bên trở nên khá thân thiết, nhưng hai đứa trẻ đó tuyệt đối không dám lại gần cửa điện một bước.

Cứ như vậy nhiều năm trôi qua, tất cả đều bình an vô sự, mãi cho đến một ngày, lão đạo sĩ từ dưới núi mang về mấy quả đào tươi ngon, trên cuống còn dính mấy chiếc lá, quả nào quả nấy căng mọng mỡ màng. Lão mang đào bày lên hương án trong điện thờ, dâng lên sư tổ. Lão đạo sĩ đi suốt một ngày đường, vừa mệt lại vừa buồn ngủ, thần thái lơ đãng, cứ thế ngồi trong điện, ôm hương án, dần dần thiếp đi.

Lúc này, một trong hai đứa trẻ đứng thập thò ở ngoài, rồi bò lên bậc cửa nhòm vào bên trong. Nó nhìn thấy mấy trái đào tươi mọng, không nhin nổi liền len lén vào trong điện ăn trộm. Ai ngờ lão đạo sĩ đột nhiên hèm lên một tiếng, nhảy bật người dậy, giơ tay tóm lấy đứa trẻ, chẳng nói chẳng rằng kẹp mạnh nó vào dưới nách, ba chân bốn cẳng xông thẳng vào lò đốt hương phía sau điện, chân tay cuống quýt lết sạch

quần áo của đứa trẻ, dùng nước tắm rửa sạch sẽ rồi vớt sống nó vào một nồi nước to, lấy nắp gỗ nắp chặt lại, rồi dùng tảng đá to chèn lên trên.

Lão đạo sĩ lại gọi tiểu đạo sĩ đồ đệ đến, ra lệnh cho hắn chất thêm củi vào lò, tuyệt đối không được bớt lửa, cũng không được mở nắp vung xem bên trong là thứ gì, sau đó lão ta chạy đi tắm rửa thay quần áo, tế bái thần linh.

Tiểu đạo sĩ trong lòng thầm nghĩ, người xuất gia nên lấy thiện làm gốc mới phải, sao lại ăn thịt người tàn nhẫn như thế? Chỉ e rằng sư phụ đang muốn tu luyện môn công phu tà đạo nào đó. Tại hắn đã nghe thấy đứa trẻ bên trong nồi khóc thét giãy giụa, nên cảm thấy không nhẫn tâm, định mở vung nồi phóng sinh cho nó. Thế nhưng lại sợ lỡ đâu sư phụ chẳng ăn được thịt người, sẽ lấy dao mổ thịt hắn, thế nên hắn lại không dám kháng lệnh.

Lửa càng cháy càng đượm, tiếng kêu thét càng lúc càng nhỏ, rồi dần dần trở nên u tịch vô thanh, khiến tiểu đạo sĩ nghĩ rằng đứa trẻ chắc đã bị đun chết. Hắn lại lo nước trong nồi bị cạn nên nhẹ nhàng mở nắp vung, đang định ghé mắt vào xem, đột nhiên nghe thấy “bùm” một tiếng, đứa bé từ bên trong nhanh thoăn thoắt chui ra ngoài tròn mắt dạn.

Vừa lúc đó, lão đạo sĩ đang ôm hộp thuốc chạy tới, trông thấy sự tình, vội vàng giục đồ đệ chạy ra ngoài cửa tìm kiếm, kết quả tìm khắp nơi mà đứa bé vẫn biệt vô âm tín. Lão đạo sĩ đành gạt nước mắt than dài: “Đồ nhi ngu ngốc, mi làm hỏng việc lớn của ta rồi! Ta ở bao nhiêu năm trong chốn rừng sâu núi thẳm này cũng chỉ vì quả nhân sâm ngàn năm đó thôi. Nếu nấu nó thành nước uống cùng với thuốc, có thể trường sinh bất lão. Xem ra ta không đủ phúc phận, ước nguyện thành tiên cũng vô vọng rồi. May mà nước canh trong nồi và quần áo của đứa trẻ vẫn còn giữ lại, đem luyện thành linh đơn uống cũng được thượng thọ, miễn nhiễm bách bệnh.” Nói xong, hai thầy trò liền gấp gáp quay trở vào trong điện.

Nhưng khi bọn họ trở về tìm kiếm quần áo thì phát hiện không biết chúng đã biến mất từ lúc nào, chẳng những thế nước trong nồi cũng bị một con chó hoang trụi lông uống cạn, một giọt cũng không còn. Lão

đạo sĩ thất vọng quá tới mức đổ bệnh, mấy tháng sau thì âu sầu lìa đời, còn con chó hoang, nghe nói về sau lông đen mọc kín toàn thân, óng mượt tuyệt trần, từ đó nó bỏ vào rừng sâu không bao giờ quay trở lại nữa.

Trên núi chỉ còn sót lại vị tiểu đạo sĩ, một mình ngồi giữ điện sư tổ trống toang hoang, sau này hấn rơi vào tình cảnh cùng quẫn, không kè sinh nhai, đành buộc phải phá giới thành cướp, theo chân ông Trương Hồ Lô làm thổ phỉ. Câu chuyện này do chính miệng hấn kể lại cho ông Trương Hồ Lô nghe.

La Đại Hải và Hạ Cần nghe Tư Mã Khôi kể với giọng rất quả quyết, như thể thực tế đúng là đã từng xảy ra việc ấy, trong lòng cảm thấy rất mơ hồ, không thể phân biệt nổi câu chuyện này là sự thực hay do Tư Mã Khôi bịa ra.

Tư Mã Khôi giải thích: “Đã là truyền thuyết thì đừng thắc mắc nó thật hay giả, nhưng các cậu có biết vì sao tớ kể chuyện này ra không? Là vì tớ cứ cảm thấy cái lão già Triệu Lão Biệt đi lòng bảo vật kia, hao hao giống với tên đạo sĩ đi lòng bắt nhân sâm thành tinh.”

La Đại Hải cũng gật đầu đồng ý: “Mẹ kiếp! Mấy lũ bọm đó chẳng đưa nào ra gì! Cậu xem bây giờ là mấy giờ rồi mà lão già chết tiệt ấy còn chưa đến? Tớ thấy, chắc quá nửa là bọn mình bị lão cho leo cây rồi.”

Tư Mã Khôi gật gù đầu, lớn giọng sang sảng: “Là con người, ai chẳng có tính xã hội, mà xã hội lại là cái quần thể tạp nham đầy tính mâu thuẫn. Mấy năm kinh nghiệm đã mách bảo cho chúng ta rằng, bất luận thế nào cũng đều phải tin câu này: trên thế giới, loại khốn nạn nào cũng có.” Cậu ta nói xong liền nhòm người đứng dậy, định bụng nhìn quanh xem Triệu Lão Biệt đã đến chưa, không ngờ vừa ngẩng đầu trông ra phía xa thì đã giật nảy người. Dường như không tin vào cảnh tượng mình đang nhìn thấy, cậu ta vội vàng đưa tay dụi mắt rồi nhìn lại.

Lúc bảy giờ, mây đen u ám, che phủ mọi vì sao vốn chỉ chít trên nền trời, bóng tối bao trùm bủa vây khắp không gian, chỉ duy phía đối

diện với cầu La Sư, nơi tận cùng đầu bên kia của cánh đồng hoang là lung linh ánh đèn. Và, không thể ngờ ở đó lại có một thành trì trải rộng hàng trăm dặm, có sức chứa trên dưới vạn người, quy mô quả thực không nhỏ. Có điều, do màn đêm mịt mùng, tầm nhìn bị một phần và cỏ hoang che lấp, lại thêm khói bay sương phủ la đà, nên khi nhìn qua đó chỉ thấy khung cảnh chập chờn lúc mờ lúc tỏ bất định. Trong thành đó hiện rõ ma khí vô cùng nặng nề, khiến người ta không khỏi dựng tóc gáy sợ hãi.

La Đại Hải và Hạ Càn cũng phát hiện ra cảnh tượng dị thường đó, và ba người đều cảm thấy da gà nổi lên từng đợt. Chưa bao giờ bọn họ nghe nói trong khu nghĩa địa bỏ hoang này lại có sơn thôn, thị trấn. Nơi đây tuy rất hiếm dấu tích của con người, nhưng ban ngày thỉnh thoảng vẫn có kẻ qua lại trên đường, có điều chưa ai từng nhìn thấy người sống trong khu nghĩa địa, nên chẳng hiểu sao tự nhiên hôm nay lại nổi lên một tòa thành lớn như vậy? Nhìn tòa thành đó âm hiểm dị thường, lẽ nào đó là ma thành dưới âm phủ?

Tư Mã Khôi và La Đại Hải đều không tin vào mấy chuyện ma quỷ nên hai người mau chóng định thần, tắt đèn dầu, rút con dao díp ba khía ra, lăm lăm trong tay, hướng thẳng vào bức thành trì chập chờn mờ tỏ như ma trời rồi tiến từng bước đến đó. Bọn họ định nhìn xem rốt cục là thứ gì đang tác oai tác quái. Hạ Càn tuy rằng không muốn đi, nhưng cô nàng càng không muốn ở lại một mình dưới chân cầu, nên đành nín áo Tư Mã Khôi theo sát phía sau.

Ba người hướng tầm mắt nhìn về phía tòa thành ma, lần mò từng bước trong nghĩa địa, vừa đi vừa phật cở tiến lên. Tuy rằng cả bọn đi rất lâu trong bóng tối, nhưng dường như càng đi càng cảm thấy chột dạ, vì bất luận đã đi được khá xa nhưng trước sau vẫn cảm thấy như không thể đến gần tòa thành ẩn hiện ánh đèn nền ấy.

La Đại Hải trong lòng không tránh khỏi cảm giác rờn rợn, liền khuyên Tư Mã Khôi: “Tớ thấy bọn mình nên rút đã, hảo hán sợ gì cái thiệt trước mắt, nếu tiếp tục đi không khéo lại lạc đường mất!”

Tư Mã Khôi nhìn thấy sắc trời đúng là tối quá, trong lòng cũng thầm cảm thấy lực bất tòng tâm, nên đành quyết định rút lui rồi tính tiếp. Ba người bèn quay đầu về phía sau, ai ngờ cánh đồng cỏ hoang rộng mênh mông, đêm đen bao trùm mịt mù, chút ánh sáng tỏa ra từ ngọn đèn dầu chỉ đủ soi rõ trong phạm vi ba bước. Ánh sáng lói của ngọn đèn hiện lên giữa khu nghĩa địa hoang vắng này chẳng khác nào ánh lửa ma trôi. Tất cả những gì có thể nhìn thấy bây giờ chỉ là những nắm mồ nổi tiếp nắm mồ. Ba người bọn họ đi không biết bao lâu, nhưng vẫn không thể quay về lòng sông khô cạn dưới chân cầu La Sư, còn ngoái đầu nhìn lại, thấy khoảng cách giữa họ và tòa thành trì ẩn hiện ánh sáng ma quỷ đằng kia dường như vẫn không hề thay đổi.

Trên trời giờ đã không nhìn thấy bóng dáng nửa ngôi sao, nên cũng chẳng thể phân biệt đâu là hướng nam, đâu là hướng bắc. Mất vật tham chiếu, cảm giác không gian càng bỗng bênh như không tồn tại. Trong đêm hè oi bức, thời gian phẳng phất như dừng lại, ngưng tụ tại một điểm.

Trán La Đại Hải đầm đìa mồ hôi lạnh, cậu ta không nhịn được lẩm bẩm thành tiếng: “Thế này chẳng phải đang gặp ma à? Nghe người ta đồn những hồn ma bị chết oan khuất thường xuất hiện trên đường vào ban đêm để dẫn lối cho lũ khách, bắt họ đi vòng vo một hồi rồi quay trở lại điểm xuất phát, cuối cùng khiến họ cùng quần mà chết. Tục truyền con đường đó gọi là ‘Hẻm ma ám’. Chẳng lẽ hôm nay anh em bọn mình lại đâm vào con hẻm ma?”

Tư Mã Khôi vẫn bình tĩnh hơn cả: “Cùng lắm thì lãng phí một đêm ở đây, sáng ngày mai đợi khi chim kêu trời sáng thì cô hồn, dạ quỷ gì cũng phải tiêu tan.”

Cậu lại vung dao hươu hươu trước mặt: “Có thứ giết người này trong tay, bất kể trong nghĩa địa có vật gì không thanh sạch, ông đây cũng phanh thây chúng ra thành ba mảnh.”

Tuy mạnh miệng như vậy nhưng thời khắc này dường như cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài, mỗi giây mỗi phút đều kéo dài đằng đằng tựa ngàn thu, bởi hoàn toàn không thể cảm nhận được sự trôi

chảy của thời gian, nên ba người khó lòng át chế được sự phát tác của chủ nghĩa duy tâm. Họ lo rằng bọn họ thực sự đang bị sa vào con hẻm ma ám, đường ma đi, người không thể đi, ngộ nhỡ lạc bước vào trong đó, chỉ e vĩnh viễn không thể đợi đến thời khắc chim kêu trời sáng.

Hải ngọng đột nhiên nhớ ra một việc, cậu ta kể với Tư Mã Khôi và Hạ Cầm rằng theo cách nói lưu truyền của dân gian vùng Đông Bắc, nếu một người đi lạc trong núi, thì thường lỡ bước vào nhâm thành cổ, trong thành chắc chắn chẳng có ai là người sống, chỉ có một lão già gầy đét như thanh củi khô, da dẻ nhăn nheo, đầu đội mũ chóp nhọn, khi nhìn thấy người thì tự nhận: “Đầu đội mũ hoàng kim, mình mặc áo lưu ly, bản quan là đại vương trong mộ, cười thỏ ngọc đi tuần”.

Nếu gặp phải tình huống như vậy thì lão già đó tuyệt đối không phải là người, mà là con chồn tinh, còn gọi là “Hoàng đại tiên” từ trong núi chui ra, nếu ai còn muốn sống sót thoát ra khỏi hẻm ma ám, thì phải lập tức dập đầu cúi lạy và cầu xin nó dẫn đường.

Hồi thứ tư

HẸM MA ÁM

Nửa đêm canh khuya, hội ba người Tư Mã Khôi đi lạc trong khu nghĩa địa bỏ hoang, rồi càng lúc càng hoảng loạn, loanh quanh một hồi, trong lòng cảm thấy rùng rợn đến nỗi không còn phân biệt nổi phương hướng nữa.

Bình thường La Đại Hải là tay vô cùng gan dạ, chẳng biết sợ sệt gì sất, nhưng cũng phải tùy việc, nếu luận đến việc đánh nhau, gây vạ, cậu ta có thể dùng que chọc thủng trời, ngưu ma, xà thần gì cũng chẳng phải đối thủ. Có điều khi còn nhỏ, cậu ta từng leo lên cây ăn trộm trứng trong tổ chim, không ngờ vừa lúc đó một con chồn hoa cũng luồn vào, đẩy cậu ta ra rồi cắn chết chim mẹ ngay tại trận. Lúc ấy quanh miệng con chồn dính toàn máu chim, còn hai mắt thì đỏ ngầu, nhìn cảnh tượng ấy La Đại Hải sợ mất vía. Kể từ đó trở đi sự việc này đã trở thành chiếc bóng u tối ám ảnh tâm lý cậu ta một cách nặng nề, mà mãi đến tận bây giờ vẫn không thể phai mờ. Bởi vậy, thứ duy nhất trên đời này khiến cậu ta khiếp đảm có lẽ chính là con chồn. Trước đây cậu ta thường tỏ ra không hề gì, thực ra chỉ là cố tình giả bộ, còn bây giờ gặp phải tình cảnh kinh dị, vượt qua cả phạm vi nhận thức của con người, nên trong lòng cậu ta khó tránh khỏi việc liên tưởng đến chuyện cũ. Lúc này cậu ta quả đúng là gan nhỏ hơn cả gan thỏ. Khi ở Đông Bắc, Hải ngọng đã từng nghe kể rất nhiều truyền thuyết dân gian với thể loại tương tự như vậy, nên giờ cậu cứ một mực quả quyết rằng mấy người bọn họ đang bị chồn tinh nằm dưới mộ huyết mê hoặc. Nghĩ đến đây cậu ta cảm thấy dường như có một luồng

khí lạnh xuyên thẳng vào đáy tim làm bắp chân tự nhiên co cứng như bị chuột rút.

Hạ Càn nghe cậu ta nói có chồn tinh trong thành ma, nên chỉ cần nghĩ thôi mà da gà đã nổi hết cả lên, cô nàng không thể tự kiềm chế được nỗi sợ hãi đang dần trào dâng trong lòng, sắc mặt trở nên tái nhợt.

Tư Mã Khôi hoàn toàn không tin vào mấy thuyết pháp tà ma kiểu đó. Cậu biết khu vực Đông Bắc rất sùng bái “Hoàng tiên”, nhưng trước thời Mãn Thanh, những người dân mê tín chuyện này ở Quan Nội tồn tại không nhiều lắm, thậm chí có thể nói là gần như không còn, mãi cho đến sau khi chế độ thiết giáp bát kỳ^[9] tràn vào Quan Nội, hai nền văn hóa Hán Mãn bị ảnh hưởng lẫn nhau, Quan Nội mới dần bắt đầu nảy sinh tập tục thờ Hoàng tiên, về nguyên nhân hình thành “Hẻm ma ám” cũng có rất nhiều cách giải thích, mấy thuyết pháp dân gian kia tuy chưa hẳn là sự thật, khu mộ hoang này cũng chưa hẳn bị bọn chồn hoang quấy nhiễu, chỉ là tình hình đang gặp trước mắt quả thực quá sức quái dị, nhưng thật khó có thể dùng lý lẽ thông thường để phán đoán. Cho dù Tư Mã Khôi lý trí cứng rắn, lại giỏi tùy cơ ứng biến, nhưng rốt cục cậu ta tuổi vẫn còn trẻ, kiến thức còn nông cạn nên lúc này khó tránh khỏi cảm giác bất lực.

Lúc này, Tư Mã Khôi lại thấy ánh sáng của chiếc đèn dầu đang cầm trên tay mỗi lúc một trở nên yếu ớt, như báo hiệu sắp sửa tắt hẳn, trong lòng cậu chợt dấy lên cảm giác không lành. Cậu nói với La Đại Hải và Hạ Càn: “Chắc chắn chúng ta bị lạc đường rồi, chỉ sợ không dễ thoát ra khỏi nơi này, dầu trong đèn cũng chẳng còn lại là bao, xem chừng không thể duy trì được lâu nữa. Người xưa thường nói ‘đèn tắt ma tìm đến’, nếu chúng ta muốn bảo toàn mạng sống, bắt buộc phải nhanh chóng tìm ra cách thoát khỏi đây. Nếu không đợi thêm chút nữa, khi ánh đèn hoàn toàn tắt hẳn, trước mắt tối thui thui, thì càng chẳng có cơ hội thoát thân đâu.”

La Đại Hải bất lực đáp: “Tớ coi như hết sạch chiêu rồi, thường ngày toàn thẳng ôn con nhà cậu nghĩ ra bao nhiêu quỷ kế, theo cậu bây giờ chúng ta nên làm thế nào?”

Tư Mã Khôi vắt óc nghĩ ngợi hồi lâu. Khi còn ở Bắc Kinh theo “Văn Võ tiên sinh” học nghệ, cậu cũng biết đến một vài điển cố lục lâm. Cái từ “ngựa vang”^[10] vốn chuyên dùng để chỉ: “Trên đường Sơn Đông, nếu nhìn thấy kẻ cưỡi ngựa đeo chuông, thì ngầm hiểu đó chính là ám hiệu của đạo tặc lục lâm, bọn họ coi trọng khí chất nghĩa hiệp, chúng ta khó lòng biết thực ra họ là kẻ xấu hay người tốt, khó phân biệt điều họ làm là sai hay đúng; họ bí mật cướp của, tàng hình giết người”. Tiếng lóng này sau đó được phát triển rộng ra đến mức bất luận là “râu xồm” ở Sơn Đông, “giặc cướp ngựa” ở Quan Tây, “chim nhận” ở Giang Nam hay “bang thuyền” ở Hồ Bắc và Hồ Nam, phạm là những tên cướp tự cho mình là “cướp của người giàu chia cho người ngoài, thay trời hành đạo”, đồng thời cũng bá mười tám vị la hán làm sư tổ thì đều được quy vào hàng ngũ “ngựa vang”.

Trước đây, “ngựa vang” thường phải chạy vào sâu trong khe núi để trốn khỏi sự truy đuổi của quan quân. Nơi đó là cánh rừng rậm nguyên thủy, quanh năm không trông thấy mặt trời, cỏ mọc còn cao hơn đầu người, đưa mắt nhìn quanh chỉ thấy bốn bề cỏ hoang mọc bạt ngàn. Những người không thông thạo lẫn chân lạc bước vào đây sẽ lập tức bị “biển muối” hút sạch máu và trở thành xác khô. Ngoài rừng rậm ra thì đầm lầy, sơn cốc băng tuyết, khe vực đều là những cứ địa vàng để “ngựa vang” nương thân tránh họa và thoát khỏi vòng vây truy sát của quân lính. Bọn họ và quan quân chỉ giao đấu vài hiệp rồi lập tức tản ra, chạy vào khu rừng già, nơi không có dấu chân người qua lại để ẩn thân, đợi khi sóng gió qua đi mới tụ tập trở lại.

Chính vì vậy, người đời mới nói “ngựa vang rất giỏi tìm đường”, cho dù chạy vào nơi sơn cùng thủy tận, địa hình phức tạp, khi bị lạc đường, họ vẫn có thể xác định được phương hướng dựa vào việc quan sát vị trí của chòm sao Bắc đẩu. Vào những ngày trời âm u, không có sao, họ sẽ đi tìm mạch nước nguồn, chỉ cần xuôi theo hướng nước chảy là nhất định sẽ tìm được lối ra. Thế nhưng tình hình trước mắt bây giờ vừa không có sao, lại không có sông suối gì cả, thì làm gì còn phương pháp nào mà nghĩ?

Cuối cùng Tư Mã Khôi đã nhớ lại “thuật thôi môn” được ghi chép trong “Lục Lâm truyền kỳ”, trong đó nói: người ta có thể thông qua phương thức mê tín để suy đoán cánh cửa sinh tồn; đây là một bí thuật trong “Thuật âm dương bát quái”, mà thông thường chỉ có bọn quân sư vớ vẩn mới sử dụng thủ thuật này. Tư Mã Khôi không biết cái món bí thuật này có tác dụng thật hay không, và cũng chưa bao giờ thực hành cụ thể, nhưng vì phải giành giật sự sống khỏi bàn tay thần chết nên quyết định liều một phen. Cậu đành nhìn mèo vẽ hổ, nhìn bầu vẽ dưa để bắt chước phương pháp cổ xưa mà tiền nhân truyền lại, lấy ba hòn đá vụn đóng trước mộ, xếp thành hình án thờ sư tổ, sau đó đắp đất thành lò đốt hương, cuối cùng cắm lên đó mấy cọng cỏ dại làm nhang.

Lúc này lẽ ra cậu phải ngời niệm “Thôi môn lệnh” nhưng Tư Mã Khôi đã quên bếng bài chú này từ đời nào, nên đành tạm thời chấp vá mấy câu khác để thay thế, chỉ thấy miệng cậu ta tụng niệm một hồi dài, nghe cũng rất ra văn ra vẻ: “Con xin thỉnh quan phủ tử giáng đàn, Lý lão quân hạ thế, mời các vị sư tổ, Ngọc hoàng thượng đế, quan âm bồ tát, tổng tư lệnh, ba vị nguyên lão, bốn vị thiếu gia trên trời, mau mau hiện thân đến cứu đệ tử khỏi vòng hiểm nguy...” Nói xong, cậu liền giơ tay giật chiếc mũ La Đại Hải đang đội trên đầu, vứt vèo một cái vào không trung, rồi đưa mắt nhìn xem chiếc mũ rơi xuống chỗ nào, chỗ rơi xuống chính là cửa sinh, chỉ cần đi theo hướng đó sẽ tìm thấy con đường sống.

La Đại Hải hoàn toàn mù tịt mấy món này, cậu ta chỉ tiếc đứt ruột chiếc mũ quân nhân, bèn hét to: “Thằng điên này! Sao lại mù quáng đi tin mấy chuyện quỷ thần mê tín dị đoan thời phong kiến thế hả?” Nói xong, cậu liền chạy bỏ đi tìm chiếc mũ rơi trên mặt đất, nhưng trong nghĩa địa, chỗ nào cũng tối mù mù, cỏ lại mọc cao quá đầu gối, chiếc mũ bay từ trên trời rơi xuống đồng cỏ hoang rồi biến mất dạng, biết tìm ở đâu bây giờ?

La Đại Hải cuống đến nổi nước mũi chảy cả xuống miệng, không kiềm chế được liền mở miệng trách móc Tư Mã Khôi. Bất ngờ, từ nơi xa xăm nào đó trong đám cỏ vang lên những tiếng “soạt soạt”, cậu ta cứ

nghe chồn tỉnh đang từ dưới mộ huyết chui lên, bất giác sợ đứng tim, mồm há hốc, phệt đít ngã lãn xuống đất.

Tư Mã Khôi không ngờ chiêu vút mũi ấy lại có hiệu quả thật, trong lòng cũng cảm thấy kinh dị, miệng lầm bầm: “Lẽ nào sư tổ hiển linh chỉ đường cho mình thật?” Cậu kéo Hạ Càn ra phía sau lưng, giờ cao ngọn đèn dầu với ánh sáng bé bằng hạt đậu soi về phía phát ra tiếng động, thì nhìn thấy trong đám cỏ hoang bị sương đêm bủa vây, có một người đang đi đến. Người đó tay xách đèn kéo quân, miệng lầm bầm rất khê bài đồng dao mà ngày thường trẻ nhỏ vẫn hát: *“Hôm nay thần tài giáng phàm trần, thiên hạ người người đều nhanh chân, tiền sạch cá độ Triệu thái gia, tiền bẩn cá cho Thập Bát gia, ngàn núi vạn sông một bông hoa, tiền sạch tiền bẩn đều là tiền, anh phát tài tôi xin hưởng chút, tôi ăn thịt chia nước cho anh...”*

Giọng hát vừa sai lời vừa sai nhạc, lệch cả nhịp điệu cứ vang lên càng ngày càng rõ trong đêm tối, mãi cho đến khi người đó đi tới gần, Tư Mã Khôi mới nhìn rõ, kẻ mới đến chính là Triệu Lão Biệt.

Thì ra Triệu Lão Biệt đến chân cầu La Sư đúng giờ như đã hẹn, nhưng không thấy bóng dáng của Tư Mã Khôi và La Đại Hải đâu, lại phát hiện có ánh đèn lay động trong nghĩa địa, chẳng cần hỏi cũng đoán được chuyện gì đã xảy ra. Thế là lão vội vàng mò xuống tìm. Vừa gặp hội ba người Tư Mã Khôi, lão ta liền nói: “Đã bảo các cậu giờ Tý đợi默默 ở dưới chân cầu La Sư, thế mà dám cả gan tự tiện xông vào khu nghĩa địa này, lại còn dẫn theo một ả nha đầu nữa. Các cậu muốn bỏ mạng à? Ngộ nhớ rơi vào hố sâu trong mộ huyết, bị bọn hồ ly lôi đi, thì cho dù các cậu có bản lĩnh tài giỏi thế nào đi nữa cũng đừng mơ trèo lên được!”

Vị cứu tinh mà La Đại Hải đang mong chờ cuối cùng cũng xuất hiện, cậu ta mừng rỡ ra mặt, nhưng vẫn giả bộ cứng giọng: “Lão Triệu, ngay từ đầu sao lão chẳng bảo bọn tôi không được vào khu nghĩa địa này, đến bây giờ thì chớ giờ cái giọng Tiểu Gia Cát Lượng lột khó, khai sáng cho mọi người nữa.”

Triệu Lão Biệt chẳng thèm bận tâm đến mấy lời nhăng cuội của La Đại Hải, lão chỉ vào Hạ Cần rồi hỏi Tư Mã Khôi: “Con nhỏ này là đứa nào vậy?”

Tư Mã Khôi nhìn thấy trên chiếc áo sơ mi mà Triệu Lão Biệt đang mặc có mấy mụn vá, phía sau lưng cũng có chiếc bóng đồ dài dưới ánh đèn, liền biết lão là người chứ không phải ma. Cậu bèn đem việc của Hạ Cần kể qua cho lão ta nghe một lượt.

Lúc này, Hạ Cần đã biết Triệu Lão Biệt là bạn của Tư Mã Khôi và La Đại Hải, tuy rằng nhất thời chưa thể hoàn hồn nhưng vẫn giữ thái độ lịch sự cần có, cô nàng bước đến phía trước giơ tay ra bắt rồi chào hỏi: “Cháu chào Triệu lão sư phụ!”

Triệu Lão Biệt không hề ỏ ẻ đến cô nàng, quay mặt sang Tư Mã Khôi cau mày tỏ ý khó chịu: “Mỗ đã nói trước không được dẫn theo người ngoài đến rồi mà, các cậu quên sao?”

Tư Mã Khôi lái câu chuyện sang hướng khác: “Việc này để sau tính cũng chưa muộn.” Nói đoạn, cậu kể vắn tắt tình hình trước mắt cho lão ta nghe. Nơi này đúng là cửa tà, nếu có người đứng ở bờ sông khêu đèn lên tiếp ứng thì tốt biết mấy, nhưng bây giờ tất cả bốn người đều ở trong nghĩa địa này rồi, e rằng nếu không đợi đến khi trời sáng hoặc khi mây tan trăng sáng thì rất khó thoát thân.

Triệu Lão Biệt nheo cặp mắt nhỏ ti hí nhìn bốn xung quanh rồi thấp giọng nói: “Thực ra, nếu phải đi gấp trong đêm ở nơi núi sâu rừng thẳm thì khó tránh khỏi sa vào hẻm ma ám, nhưng chỉ cần dừng để cô hồn dạ quỷ bám theo mình, thì chẳng có gì đáng ngại nữa cả. Có điều, đi đêm tuyệt đối không được im lặng, mà hãy làm theo cách người xưa truyền lại, đi trong hẻm ma thì phải hát hý văn, như vậy sẽ trấn áp được bách tà. Chúng ta vừa hát vừa hét để xông ra khỏi chỗ này nhé!”

Hội Tư Mã Khôi nghe mấy câu này đều thấy mù mờ chẳng hiểu gì: “Chuyện này bọn tôi mới nghe nói đến lần đầu, đi lạc trong hẻm ma ám

phải hát hý văn thật sao? Là vở ‘Đền lòng đỏ’ hay vở ‘Núi Đỗ Quyên’? Triệu sư phụ có biết hát không?”

Triệu Lão Biệt không lên tiếng trả lời mà chỉ dặn dò mấy câu: “Các cậu chỉ cần đi theo sau mỗ là được rồi, có điều phải nhớ tuyệt đối không được quay đầu nhìn lại đằng sau, phía thành trì đền nền lập lòe đó, nếu không đừng mong thoát khỏi chỗ này.”

Tư Mã Khôi không hiểu ý lão muốn ám chỉ điều gì, liền hỏi: “Sao lão lại nói vậy?”

Triệu Lão Biệt nói: “Tòa thành đó trông giống như ánh lửa ma trời, ần ần hiện hiện giữa đám cỏ úa khói tàn trong rừng cây tạp chủng. Nhìn nó như gần như xa, biến đổi quái dị khó lường, càng nhìn càng cảm thấy mơ hồ, bất luận thế nào chúng ta cũng không thể xác định phương hướng dựa vào vị trí của nó được, ngộ nhỡ bị sa chân vào bên trong, thì chỉ có mà vạn kiếp không thể siêu sinh.” Thì ra khúc hát lão đang ngâm nga trong miệng là bài “Điệu khúc ngâm” đã bị thất truyền từ lâu trong dân gian, tuy rằng tiếng hát khàn đục nhưng lại vang lên giữa đêm khuya, khiến nó càng mang âm hưởng hùng tâm tráng chí, hiên ngang khí phách.

Không biết có phải bài hát ảnh hưởng đến tâm lý hay không, mà khi Triệu Lão Biệt vừa hắng giọng ngân nga mấy câu, cả hội Tư Mã Khôi đã không còn cảm thấy rừng rợn nữa, vội vàng lên dây cót tinh thần, vùi đầu nhắm thẳng về phía trước. Không ngờ, một lát sau cả hội đã thoát khỏi nghĩa địa và quay trở về chỗ chiếc cầu La Sư vỡ nát bị bỏ hoang.

Thấy cuối cùng cũng thoát được ra ngoài, ai nấy đều thở phào nhẹ nhõm. Đến lúc này, Tư Mã Khôi càng thêm khẳng định Triệu Lão Biệt chắc chắn là một kỳ nhân bí ẩn khó lường, đừng thấy lão ta ăn mặc lôi thôi quê mùa mà coi thường. Lão già này quả ứng với câu: “Nhìn mặt khó bắt hình dong, nước biển khó lòng đo đếm”. Nghĩ vậy, Tư Mã Khôi liền bám theo xin thỉnh giáo là vừa rồi rốt cục đã xảy ra chuyện gì? Vì

sao khi bị sa vào hẻm ma ám, chỉ cần hát hý vãn là có thể tìm đường đi ra được?

Triệu Lão Biệt dường như khi này đi gấp quá nên giờ ngồi phệt xuống đất nghỉ ngơi. Lão ta rút tẩu thuốc châm lửa hút, nhắm nghiền mắt tham lam rít hai hơi thật sâu vào phổi. Sau khi khoan khoái nhả từng ngụm khói lên trời, lão mới từ từ trả lời: “Vì sao ấy hả? Chỉ vì, đi đêm vạn dặm đều là họ Hồ!”

Câu này có nghĩa là gì? Thì ra họ “Hồ” trong câu “đi đêm vạn dặm đều là họ Hồ” muốn ngầm ám chỉ đến sơn thần, khi lạc đường trong núi tất nhiên phải hát “Ngâm khúc qua núi”.

La Đại Hải cũng chạy đến bên hỏi Triệu Lão Biệt là tòa thành trì rực rỡ ánh đèn nến ở phía xa rốt cục là nơi nào? Trong đó có chồn tinh không?

Triệu Lão Biệt bảo nơi đó là “Thành hàm oan”, bên trong có hai loại ma “hàm oan” và “uẩn khuất”, ngoài ra còn có năm ngàn âm binh đầu trâu mặt ngựa đứng bên ngoài canh gác, người sống khó lòng tiếp cận. Sau đó, lão móc viên “Ngọc Định Phong” trong người ra, rồi nói chỉ cần có vật này trong tay, thì ta có thể liều chết mà xông vào thành thăm dò một chuyến. Các cậu có gan dám đi cùng mỡ không?

Hải ngọng nghe nói trong đó không có chồn tinh liền lập tức hứng khởi trở lại, cậu ta nhướn nhướn mày, quệt ngang nước mũi dính trên mặt rồi nói: “Tôi chả bao giờ tin mấy cái món này. Chúng ta đều là người có hai chân, hai tay, lão cũng chẳng phải kẻ mọc nhiều hơn tôi một cái đầu, chỉ cần Triệu Lão Biệt lão dám đi thì có gì La Đại Hải tôi đây lại không dám hử?”

Tuy rằng Triệu Lão Biệt quả thực có một vài bản lĩnh nhưng lão lại là kẻ bụng dạ hẹp hòi, nhìn thấy La Đại Hải phát ngôn ngông cuồng, thì chỉ cười nhạt, giơ tay trái ra nói: “Thực ra trong mắt mỡ, các cậu chẳng qua chỉ là đám trẻ ranh mới lớn, vì thế các cậu hãy khoan khoác lác! Cậu xem bàn tay trái của mỡ có mấy ngón? Chẳng phải nhiều hơn cậu một

ngón tay hay sao? Nếu có bản lĩnh cậu thử mọc thêm một ngón nữa cho mỡ đây được mở rộng tầm mắt!”

La Đại Hải thấy Triệu Lão Biệt đúng là có sáu ngón tay thật, đành cãi bừa: “Cái này thì có gì đáng phải đem ra khoe khoang! Lão đừng quên núi cao còn có núi cao hơn. Lão có sáu ngón tay thì không còn biết trời cao đất dày nữa phỏng? Thực chẳng dám giấu, La Đại Hải tôi đây lúc mới sinh cũng có đến ba cánh tay lận, nhưng ông già tôi hưởng ứng khẩu hiệu vĩ đại của Mao chủ tịch, cần kiệm liêm chính làm cách mạng, ông không muốn lãng phí vài vóc để may thêm một cánh tay áo nữa cho tôi, bèn đề tôi ra lấy dao thái rau chặt phéng đi một cánh, bây giờ cánh tay đó vẫn để ngâm muối ở trong vại dưa nhà tôi đấy, không tin lão cứ theo tôi về nhà mà xem.”

Lúc này Triệu Lão Biệt mới phát hiện là loại người như Hải ngọng chẳng thể nói bằng lý được, đành phải ngâm miệng không tiếp lời. Lão ta quay đầu sang nhìn Tư Mã Khôi và Hạ Cần, hỏi hai người bây giờ định thế nào.

Cũng giống như Hải ngọng, Tư Mã Khôi không tin vào mấy chuyện ma quỷ rừng rợn của Triệu Lão Biệt, trên thế giới này làm gì có chuyện tồn tại “Thành hàm oan”, nên cậu cũng quyết định phải vào đó một chuyến để nhìn xem rốt cục nó là cái gì. Hạ Cần thì vì không dám ở lại đây một mình, nên một lần nữa cũng đành phải lựa chọn đi theo bọn họ.

Bốn người từ lòng sông đi vòng qua khu nghĩa địa rộng lớn, rồi lại quanh co mấy vòng rất xa. Nói ra cũng lạ, lần này cùng với sự di chuyển của bước chân, tòa thành trì lập lòe ánh lửa ma quỷ cách họ càng lúc càng gần. Đợi khi đến thật gần, Triệu Lão Biệt đột nhiên dừng lại, thổi tắt đèn kéo quân và lấy tay ra dấu, bảo hội Tư Mã Khôi quỳ xuống, phủ phục trong ổ cỏ, lặng lẽ nhìn về phía trước.

Tư Mã Khôi dụi dụi mắt, định thần nhìn kỹ lại, chỉ thấy trong đám mộ hoang cỏ dại có từng quầng lửa liên tục nhấp nháy lập lòe, thì ra đó là đom đóm, số lượng nhiều không kể xiết, chúng lập bầy lập đàn bay

lượn giữa cánh đồng hoang, nhưng nhúc kết bè với nhau tạo thành bức bình phong tường thành, chỉ thấy ánh sáng xanh ngập trời, biến hóa khôn lường, từ đằng xa nhìn lại quả đúng là một kỳ quan độc nhất vô nhị. Có thể nói không ngoa rằng nó chẳng khác nào một tòa thành lửa di động.

Hồi thứ năm

ĐOM ĐÓM

Bầy đom đóm kết bầy kết đàn bay lượn đầy trời, ánh sáng mờ ảo tụ hợp lại, khiến “Thành hàm oan” bị chôn sâu dưới lòng đất, một lần nữa được tái hiện giữa nhân gian.

Ba người nấp sau lưng Triệu Lão Biệt cứ tròn mắt nhìn mãi cho đến khi hoa hết cả mắt lên, lúc này cả hội mới biết “thành đom đóm” mà lúc trước họ nhìn thấy từ đằng xa chỗ bãi cỏ hoang, hóa ra lại là hàng triệu con đom đóm tập hợp lại mà thành. Nếu không phải đêm nay tất cả đều được tận mắt chứng kiến, thì cũng khó lòng tưởng tượng được trên thế gian này lại có kì quan độc đáo như vậy.

Tư Mã Khôi nhớ lại việc từng nghe người ta nói câu “cỏ mục hóa sâu”, đom đóm chắc cũng là loài vật được hóa thân từ cỏ dại mục nát. Nếu chúng tập hợp lại thành đàn lớn ở chỗ nào thì chỗ đó âm khí ngưng tụ dày đặc, bọn chúng hẳn ngửi thấy mùi dương khí tỏa ra từ người sống thì lập tức rút lui, và “thành đom đóm” cũng theo đó mà từ từ di chuyển. Lúc trước vì ba người hội Tư Mã Khôi lấy ánh sáng đom đóm phía xa làm vật tham chiếu, nên họ mới bị lạc đường trong nghĩa địa. Bất luận bạn đi nhanh hay đi chậm, tiến hay lui, sớm muộn gì cũng sẽ bị mất cảm giác phương hướng, càng đi càng như sa vào mê cung chẳng khác nào bước chân vào “hẻm ma ám”.

Nhưng vì sao bây giờ bọn họ lại có thể ở cách “thành đom đóm” gần đến thế? Tư Mã Khôi trầm ngâm một lúc, rồi cuối cùng cũng hiểu ra nguyên nhân. Chắc chắn là do âm khí tỏa ra từ viên “Ngọc Định

Phong” rất nặng, nó đủ sức che lấp và lấn át sinh khí toát ra từ cơ thể bốn người sống. Có điều, đến lúc này cậu vẫn không thể lý giải nổi vì sao Triệu Lão Biệt phải tìm đủ mọi cách để tiếp cận “thành đóm đóm”.

Đúng lúc đó chợt thấy Triệu Lão Biệt cô tình hạ giọng thật thấp, thì thầm với ba người Tư Mã Khôi: “Bọn đóm đóm giống như ánh lửa ma trời kia đều từ xác chết thối rữa hoặc cỏ khô mục nát hóa thành. Mồ trộm nghĩ, thành trì được tạo ra bởi vô số con đóm đóm như thế này hẳn không phải là cảnh tượng mà người ở trần gian có thể nhìn thấy. Chuyện này đủ sức chứng minh phía dưới lòng đất chắc chắn có chôn giấu một vật mà âm khí nặng nề không thể tưởng tượng được, chỉ có nó mới đủ sức khiến lũ đóm đóm kết bầy kết đàn tụ tập lại với số lượng lớn khủng khiếp như vậy. Hơn nữa, lũ đó chỉ bay thêm vào chứ chẳng thấy con nào bay đi. Cả đời Triệu Lão Biệt mỗi đây bắt đầu đi tìm từ Quan Đông tìm tới Quan Trung, rồi lại tìm suốt mấy tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây. Gót chân lão đã in khắp nửa vùng trời, hao tổn không biết bao nhiêu thời gian và tâm huyết, cũng chính là để tìm kiếm vật này đây. Tiếc thay một bàn tay chẳng thể phát ra tiếng, bây giờ được các cậu sát cánh trợ trợ như thế này thì còn gì bằng. Sau khi xong việc, mỗi nhất định sẽ báo đáp hậu hĩnh.”

Thì ra Triệu Lão Biệt là kẻ vô cùng tinh thông cổ thuật, ngoài bản lĩnh biệt bảo ra, lão còn được kỳ nhân truyền thụ cho Liễu Trang tướng pháp^[11] vô cùng thâm hậu. Những bí thuật như bát quái ngũ hành, kỳ môn tuần giáp... lão đều thuộc lòng như lòng bàn tay. Thường ngày, lão vẫn đi khắp thôn cùng ngõ tạt để tìm kiếm bảo vật quý hiếm, vô tình được biết ở gần mộ địa dưới chân cầu La Sư có “thành đóm đóm”, tòa thành này biến hóa khôn lường, và chỉ xuất hiện giữa đêm hạ chí vào những năm đặc biệt.

Nghe nói những con đóm đóm này đều được hóa thân từ lửa ma trời hoặc lân quang trong “thành hàm oan”. Tòa thành lửa như bóng ma ấy ẩn hiện bất định, không phải lúc nào cũng có thể nhìn thấy, mà chỉ trong những năm liên tiếp xảy ra trộm cướp, thiên tai, khi cánh cửa âm tào địa phủ mở rộng ra để thu nạp người vào bên trong thì nó mới xuất

hiện; hơn nữa sự xuất hiện của nó chẳng mang theo bất kỳ điềm báo tốt lành nào.

Triệu Lão Biệt suy đoán ở gần “thành đom đóm” nhất định có chôn giấu một vật gì đó rất kỳ dị; không những thế vật đó còn hút cạn cả tinh hoa nhật nguyệt, linh khí trời đất, khiến cả dải long mạch đều trở nên khô cằn. Vật đó chắc chắn phải là vật vô cùng khác thường. Chỉ có cách kiểm cơ hội dò tìm tông tích, làm rõ xem căn nguyên của “thành đom đóm” rốt cục nằm ở chỗ nào, bởi như vậy mới có thể sử dụng bí thuật biệt bảo.

Thành phố Trường Sa diện tích lên đến cả trăm dặm, chỗ nào cũng là đất phong thủy “Chín rồng hội tụ”, ở đây tất cả có chín dải long mạch, chín dải đó hình thành nên nhiều loại địa thế khác nhau, độ tốt xấu cũng không nơi nào giống nơi nào. Dải đất quanh khu vực này mộ cổ đặc biệt nhiều, mộ cũ có thể có từ thời Xuân Thu chiến quốc, mộ mới cũng phải bắt đầu từ thời Minh, thời Thanh, ở đó mai táng vô số bậc vương hầu tướng quân và những người quyền cao chức trọng. Thông qua địa hình nơi phát hiện ra mộ cổ, ta có thể đại khái phán đoán: những người được chôn ở nơi có địa thế bằng phẳng, mộ phần thường sơ sài qua loa, ngược lại những người được chôn ở nơi sơn cùng thủy tận, thì mộ phần lại vô cùng nguy nga, tráng lệ.

Có điều Triệu Lão Biệt không phải dân trộm mộ, thứ mà lão muốn tìm là dải long mạch nghèo nàn, cũng chính là dải đất kéo dài từ Hắc Ốc hoang phế cho đến nghĩa địa La Sư, bởi “thành đom đóm” chỉ xuất hiện ở xung quanh khu vực này. Từ trước đến giờ, lão đã tiến hành thăm dò, khảo sát rất nhiều lần, cuối cùng cũng đã phát hiện ra nghĩa địa La Sư là vùng đất hoang có vô số mộ phần nằm san sát liền kề nhau, trong đó có rất nhiều ngôi mộ cổ, tất cả là những mộ huyết chôn người chết từ những năm trước thời Dân quốc, mà đa số mộ phần ở đây đều không có bia mộ, địa hình nhấp nhô bị cây dại cỏ hoang cao ngút ngàn che phủ. Chôn hoang rất thích náu mình bên dưới mộ huyết âm u lạnh lẽo, vì thế phía dưới mộ cổ, đâu đâu cũng toàn là hang hốc do chôn hoang đào bới.

Những hang ổ và hố mộ này có độ nông sâu rất khác nhau, giăng mắc chi chít như bàn cờ, bên ngoài lại bị cỏ hoang che khuất, nên dường như chẳng ai phát hiện ra hiểm họa ở ngầm sâu dưới lòng đất. Nếu ai đó đi ngang qua, lỡ rủi thụt chân xuống hố, cho dù may mắn không bị gãy chân, nhưng đợi đến khi khó khăn lắm mới rút được ra ngoài thì chuột đồng, chồn hoang ẩn trốn trong hang cũng đã gặm hết sạch da thịt, giờ căng lên nhìn, chỉ thấy lòng bàn chân trơ lại đoạn xương trắng trắng, lấp ló ra giữa đám máu nhầy nhụa.

Nơi này cho dù đi giữa thanh thiên bạch nhật cũng rất dễ bị lạc đường, nói chi đến “thành đom đóm” lại chỉ hiện hình vào giữa đêm khuya. Không những vậy, chỉ cần người sống tiến đến gần, nó lập tức di chuyển sang chỗ khác, vì thế muốn truy tìm tông tích của nó cũng đâu phải chuyện dễ dàng. Nếu ai mù quáng đi đào bới lung tung giữa khu nghĩa địa thì chẳng khác nào mò kim đáy bể.

Trên đời này vạn việc thành bại đều nằm ở chữ duyên, duyên chính là cơ hội, vì thế còn gọi là “cơ duyên”. Cơ duyên là thứ mà chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu. Triệu Lão Biệt tìm kiếm khắp nơi trong nhiều năm ròng, vắt kiệt tâm trí, cuối cùng cũng tìm thấy viên “Ngọc Định Phong” trong chiếc bàn mục ở Hắc Ốc. Có thể nói, lão ta đã chuẩn bị mọi sự đầy đủ, chỉ còn chờ thời cơ. Bây giờ, điều lão đang chờ đợi chính là thời cơ tiếp cận “thành đom đóm”.

Triệu Lão Biệt dự đoán vật mà mình đang muốn tìm hẳn là một vật khá lớn, muốn vận chuyển nó từ mộ huyết dưới lòng đất về thành phố ắt không phải điều dễ. Bởi vậy, lão liền tìm cách lôi kéo hội Tư Mã Khôi đến giúp sức, đồng thời còn hứa thưởng lớn cho bọn họ. Nhưng chiếu theo lệ cũ, trước khi sự việc thành công thì tuyệt đối không cho những người đi theo giúp đỡ được biết những chi tiết cụ thể.

Tư Mã Khôi và La Đại Hải vốn dĩ chỉ định đi theo để tìm hiểu rõ ngọn ngành, giờ tự dưng lại nhìn thấy cái lợi trước mắt, đương nhiên đều nhận lời. Hạ Cần biết rõ cái cậu Tư Mã Khôi này một khi đã quyết định làm việc gì, thì cho dù Lão Thiên Vương có muốn ngăn cản cũng không

thẻ ngàn nỏ. Việc đã đến nước chỉ có tiến mà không có lùi, nên cô nàng đành đồng ý đi theo giúp sức.

Triệu Lão Biệt vẫn có đôi chút chưa yên tâm, liền nhỏ giọng nói với Tư Mã Khôi: “Chúng ta cứ mất lòng trước được lòng sau mà đánh bài ngựa với nhau thì hơn, sau khi sự việc thành công, chỉ cần những thứ Triệu Lão Biệt mỗi đây có, cái gì cũng đều có thể cho các cậu, nhưng chỉ duy vật mà đêm nay mỗi tìm thấy thì không thể được.”

Tư Mã Khôi đáp giọng bất cần: “Lão phải nhìn xem Tư Mã Khôi này là ai chứ hả, chỉ ít tôi cũng là kẻ xuất thân từ lục lâm. Ngày trước trong gia phủ nhà tôi, có loại ngọc quý, bảo vật nào mà không có hả? Ngay đến sợi dây thừng buộc lừa ở chuồng gia súc phía sau vườn cũng là sợi dây thừng gai mà Dương Quý Phi dùng để treo cổ tự vẫn ở dốc Mã Ngôi, còn giấy dán tường đều là bản đồ địa lý càn khôn của Bắc Tống. Lão tưởng tôi thêm cái của lão đào được ở nơi rừng hoang núi thẳm này chắc?”

Triệu Lão Biệt không chỉ mất híp mà tâm địa càng nhỏ hẹp hơn. Lão ta lại thường lấy bụng tiểu nhân đo lòng quân tử, từ bụng ta mà suy ra bụng người, nên khi nghe xong mấy lời của Tư Mã Khôi, lão vẫn chưa dám tin, liền gắng hỏi lại: “Lời này có thật không vậy?”

Tư Mã Khôi chửi thảm trong bụng: “Ông mày là hạng người nào mà lời nói ra còn không đáng tin hử?” nghĩ vậy xong liền cất lời thề độc: “Triều đình có vương pháp, giang hồ có luật lệ, kẻ vô lại làm chuyện trái với lương tâm, khó tìm chốn dung thân trong thiên hạ. Có mười tám vị la hán sư tổ ở trên trời chứng giám, nếu như tôi nói nửa lời gian dối, sẽ chết không có chỗ chôn thây.”

Triệu Lão Biệt nghe xong liền gật đầu: “Lời thề như thế là đủ trọng lượng rồi, xem ra Tư Mã đầu lĩnh quả nhiên không phải là người chỉ biết nói suông. Bây giờ thời gian không còn sớm nữa, chúng ta phải mau chóng bắt tay hành sự mới kịp.” Nói xong, lão liền dẫn ba người Tư Mã Khôi mai phục trong lùm cỏ, khẽ khàng áp sát “thành đom đóm” đang không ngừng di chuyển giữa cánh đồng cỏ hoang.

Lúc bảy giờ bầu trời tối đen như mực, bốn bề chỉ thấy rất nhiều con đom đóm lẻ đàn từ những nơi sâu trong lùm cỏ chập chờn bay ra, không ngừng gia nhập vào “thành đom đóm”, bức tường lửa được kết tụ bởi ánh sáng của ngàn vạn con đom đóm tỏa ra từng quầng ánh sáng xanh nhấp nháy, trông rực rỡ như chôn thiên đình.

Vì khoảng cách rất gần, nên giờ đây trong mắt họ điều duy nhất có thể nhìn thấy là hàng đàn hàng đàn đom đóm chen chúc nhấp nháy tỏa sáng, chúng quện vào nhau tạo thành từng vòng sương ánh sáng, bay lượn bất định. Ba người Tư Mã Khôi, La Đại Hải và Hạ Càn nhìn những con đom đóm thoát lại tiêu tan như ảo mộng, thật muốn hoa hết cả mắt, cứ ngỡ mình đang lạc vào cõi mơ, cảm thấy giờ đây mắt không còn đủ dùng nữa.

Triệu Lão Biệt quan sát tỉ mỉ một hồi lâu, cuối cùng cũng nhận ra dòng chảy đom đóm phần lớn đều tủa ra từ phía sau một ngôi mộ hoang. Nơi có thể khiến cỏ khô hóa thành sâu bọ chắc chắn phải là vùng đất âm khí vô cùng nặng nề, tối tăm mục rữa, và xem ra dưới lòng đất chỗ đó phải có chút gì cổ quái. Nghĩ vậy, lão liền dẫn ba người dò dẫm đi về phía trước.

Giữa lùm cỏ là một hố sâu trũng hơn những vùng khác một chút, nhìn địa thế của nó rất giống hình dạng đáy nồi, bên trong mọc đầy cỏ dại. Nhỏ mấy đám cỏ cao hơn đầu người lên, bọn họ liền nhìn thấy một đường nứt bị cỏ che lấp ở phía dưới. Khe nứt đó hẹp và dài, độ sâu phải đến hàng mét, chỗ rộng nhất thì một người có thể chui lọt. Trên hai mép vách đất âm u lạnh lẽo, rễ cỏ bám chắc kết bánh lại với nhau, bên trong um tùm rậm rạp, và giữa đám cỏ hoang ấy là la liệt những con nhộng đom đóm chưa kịp thành hình, ở nơi sâu nhất; từng luồng gió lạnh thổi vù vù, phía dưới đen ngòm ngòm không thể nhìn thấy đáy.

Nghĩa địa La Sư có kết cấu địa chất yếu, lại thêm thời tiết nắng nóng, ít mưa, nên ở đây xuất hiện khá nhiều khe nứt kéo dài, độ nông sâu không giống nhau, thêm vào đó là sự hoành hành của vô số chuột đồng và chồn hoang đã tạo ra không biết bao nhiêu hang hố dưới lòng đất.

Những hang hốc này không kiên cố, mà bất cứ lúc nào cũng có nguy cơ sạt lở. Bởi thế chẳng ai muốn bước chân vào nơi này, trừ khi cảm thấy chán sống.

Bọn họ thả dây thừng dài mười mấy mét xuống bên dưới chiếc hồ, nhờ vào ánh sáng chập chờn mờ tỏ của ngọn đèn, mọi người có thể thấp thoáng nhìn thấy một viên đá đen ở trong khe đất. Bề mặt của nó lồi lõm không bằng phẳng, lỗ chỗ nhiều hốc to nhỏ khác nhau, nhưng lại mịn bóng như ngọc. Viên đá đó to cỡ cái đầu đong gạo, nặng chừng mười mấy cân, phát ra ánh sáng lạnh lẽo, yếu ớt dưới ánh đèn.

Triệu Lão Biệt nằm rạp ra đất, quăng một sợi dây thừng dài xuống bên dưới, rồi thò cả người ra mép hồ để nhìn cho rõ. Vừa nhìn thấy vật ấy, lão ta bị kích động đến nỗi hai tay run lẩy bẩy, miệng lẩm bẩm không ngớt: “Đúng là ông trời có mắt.”

Ngược lại với thái độ mừng rỡ tột độ của Triệu Lão Biệt, hội Tư Mã Khôi dường như bị rơi vào màn sương mù. Trước đây bọn họ vẫn cho rằng, bảo vật mà lão ta muốn tìm kiếm ắt phải là thứ gì đó vô cùng kinh thiên động địa, ai ngờ nó chỉ là một viên đá đen không hề bắt mắt chút nào.

Sau khi định vị chính xác vị trí của viên đá, Triệu Lão Biệt liền kéo chiếc đèn kéo quân lên, cởi sợi dây thừng ra rồi buộc vào ngang thắt lưng mình. Lão ta muốn tự xuống dưới đó lấy báu vật, nên dặn hội Tư Mã Khôi đứng ở bên trên để thả dây.

Hạ Càn thấy vô cùng hiếu kỳ, cô nàng không kìm được đành quay sang hỏi: “Xin hỏi Triệu lão sư phụ, vật đó có phải quặng đá không vậy?”

Triệu Lão Biệt không thể che giấu được sự đắc ý đang dâng trào trong lòng, liền cười hì hì đáp lời: “Cái gì? Quặng đá? Ha ha! Cái con nhóc miệng còn hôi mùi sữa nhà cô đúng là cóc hiểu biết gì cả, chẳng lẽ Triệu Lão Biệt mỗ đây trông giống một kẻ chuyên khai thác quặng đá lắm sao?”

La Đại Hải nghe không lọt tai mấy lời này của lão ta, liền vênh mặt lên hất hàm nói: “Đừng có giở trò úp úp mở mở với bọn này, nể tình chúng ta từng quen biết nhau, nên tôi có lời cảnh cáo, lão tuyệt đối không nên đánh giá sai lầm về tình thế mà lão đang phải đối mặt. Nếu bây giờ không lập tức giải thích rõ ràng mọi chuyện cho bọn tôi nghe, lão có tin đợi sau khi lão bò xuống tới nơi, bọn tôi ở trên này sẽ xúc đất chôn sống lão không hử?”

Triệu Lão Biệt nghe xong trong lòng thất kinh, lão tuyệt đối tin rằng loại người như Hải ngọng nói được là làm được, vì thế đành mềm giọng xuống nước: “Các thiếu gia xin chớ làm thế, cứ coi như là khi nãy tôi phỏng đoán sai lầm tình thế trước mắt đi, thế là được chứ gì? Các cậu tuyệt đối đừng giở chiêu đó ra với tôi đấy!”

La Đại Hải không kiên nhẫn thêm được nữa, liền đáp lại: “Cái gì mà coi như? Tiên sư nhà lão, khi nãy chính xác là lão phỏng đoán sai mẹ nó rồi. Mau nói cho bọn tôi biết rốt cuộc viên đá đó là thứ gì?”

Triệu Lão Biệt bí thế đành phải dụ giọng giải thích ngọn ngành, tàu thuốc vẫn không rời miệng, lão lại ngồi xổm xuống nhồi đầy sợi thuốc vào trong tàu, vừa phì phèo hút vừa hỏi mấy người hội La Đại Hải: “Các cậu có biết thứ này xuất xứ từ đâu không?”

La Đại Hải và Hạ Cần nào có biết nó từ đâu đến, nên khi bị hỏi lập tức cứng miệng không tiếp lời nổi. La Đại Hải giận quá hóa khùng, liền đáp lại luôn: “Đừng nhiều lời, biết rồi thì còn hỏi lão làm cái chết tiệt gì?” Chỉ có Tư Mã Khôi thấy Triệu Lão Biệt coi viên đá đen không hề bắt mắt ấy là vật báu, trong bụng suy đoán vật này tuyệt đối không phải loại tầm thường. Suy nghĩ thêm một chút, cậu ta trả lời: “Đây là khu nghĩa địa bỏ hoang chẳng hề có bóng dáng con người, nếu không phải do tự nhiên sinh ra thì chắc hẳn là do người cổ xưa chôn nó ở đó, nhưng không hiểu rốt cuộc lai lịch cụ thể của nó như thế nào.”

Phàm là những người có bản lĩnh thực sự đều không muốn đem sự tình nói ra tuốt tuột, bởi như vậy sẽ thể hiện bản thân là kẻ nông cạn.

Triệu Lão Biệt cũng mắc phải tật đó, lão ta đắc ý cười hì hì: “Vật này vô cùng quý hiếm, ngay cả Từ Hy thái hậu đương thời cũng chỉ có một mẫu to bằng cái móng tay thôi. Cậu muốn hỏi lai lịch của nó ấy à?” Triệu Lão Biệt nói đến đây thì cố tình ra vẻ thần bí đưa tay chỉ lên trời: “Nó từ trên trời rơi xuống đấy!”

Tư Mã Khôi ngơ ngác chưa hiểu ý lão định ám chỉ điều gì, liền ngửa mặt lên nhìn bầu trời đêm, đột nhiên cậu bừng tỉnh ngộ, quay sang hỏi: “Lẽ nào, đây là... Lôi Công Mặc?”

Triệu Lão Biệt gật đầu công nhận: “Vật này có rất nhiều tên gọi khác nhau căn cứ theo từng khu vực và niên đại, quan lại và dân thường cũng gọi nó bằng những tên không giống nhau, có nơi còn gọi nó là đá Lôi Công hoặc Tịch Lịch Kham. Thực ra cái gọi là Lôi Công Mặc hay đá Lôi Công, nói toẹt ra chẳng qua là một cục thiên thạch từ trên trời rơi xuống. Theo các ghi chép trong sử sách, năm đó có một viên đá Lôi Công, trên mình còn mang theo lửa trời, rơi xuống thành Hàm Dương, thiêu rụi toàn bộ đám đông vây xung quanh thành tro bụi. Chất liệu của đá Lôi Công được so sánh với ngọc đen, nó đã được luyện qua sức nóng không thể tưởng tượng nổi, lại từ trên trời rơi xuống, cho nên được người xưa coi là báu vật, thậm chí còn tôn nó thành bí mật của trời đất.”

Triệu Lão Biệt lại nói: “Đâu chỉ có vậy, tương truyền từ rất xa xưa, đá có thể trấn tà, Lôi Công Mặc vô cùng thích hợp để dùng làm ‘Trạch tiên’. Những hộ giàu có bậc nhất ở Sơn Tây, Sơn Đông ngoài vườn đều có từ đường hoặc miếu thờ, bên trong đó người ta thường đặt đá Lôi Công, để bảo vệ cả gia đình được bình an, vinh hoa phú quý, không cầu mà được, thu nạp hết vàng bạc của cải trong thiên hạ, mà không cần phải lao động vất vả nữa.”

“Nghĩa địa La Sư” là một long mạch trong quần thể long mạch “Chín rồng hội tụ”, mỗ e rằng viên Lôi Công Mặc này chính là viên ngọc được ngậm trong miệng rồng. Tuy rằng thiên thạch không phải vật hiếm có trên thế gian, nhưng đa số chúng đều mang thuộc tính của đá hoặc sắt, chỉ có những viên có chất liệu giống như ngọc đen mới được gọi là “Lôi Công Mặc”. Loại đá này là vật có âm khí rất nặng, nó có khả năng hủ

hóa cỏ mọc, thu hút dòng chảy đom đóm trong núi tụ tập lại với nhau xây thành dựng quách. Có thể nói không ngoa rằng, nó chính là một bảo vật hiếm có trên đời.

Nhưng theo ghi chép trong sách cổ, nếu muốn thờ phụng Lôi Công Mặc làm trạch tiên thì cũng không thể tùy tiện được, bởi lẽ có chút sai sót, nó sẽ đem lại đại họa tai ương cho gia chủ. Vì thạch tính của Lôi Công Mặc âm khí quá nặng, người sống khó lòng đến gần, chỉ khi nào tìm được viên ngọc được tiết ra từ cơ thể con rết già, sau đó mang viên ngọc đó nhét vào bên trong Lôi Công Mặc để dưỡng khí. Thời gian lâu dần, trên bề mặt của đá sẽ từ từ sản sinh ra một tầng biểu bì, đến lúc đó âm khí tối tăm của viên Lôi Công Mặc mới hoàn toàn tiêu tán.

Không chỉ có vậy, gia chủ ngày nào cũng phải giết thịt gà đen, chó trắng, rồi mang tiết gà, tiết chó còn tươi nguyên tưới lên phần biểu bì của Lôi Công Mặc, chỉ khi thờ cúng được như vậy mới có thể giữ được trạch tiên. Từ đó trở về sau nhà Lão Triệu ta sẽ phú quý vô biên, vinh hoa vô hạn, phát tài không ngót, hưởng hết mọi phúc đức trên đời. Nhưng nếu chỉ cần một ngày ngơi nghỉ hương hỏa cho trạch tiên, tất cả mọi đen đui rủi ro sẽ lập tức giáng xuống đầu, không chỉ khiến gia chủ khuynh gia bại sản mà còn phải gánh chịu vô số tai họa, có muốn tránh cũng không thể tránh được.

La Đại Hải nghe xong cảm thấy không thể tin được, liền nói xen vào: “Nếu thật như vậy chẳng phải ngày nào đêm nào cũng nơm nớp lo sợ hay sao? Xem ra kẻ vô sản triệt để như bọn ta lại hóa ra thoải mái hơn cả, giai cấp vô sản chúng mình sẵn sàng đập cả Táo quân vương gia dưới gót giày, chỉ cần nhắc chân một cái là cả nhà lên đường, cuộc đời này lấy tứ hải làm nhà, sống phiêu diêu tự tại, chẳng cần lo nghĩ gì sắt.”

Tư Mã Khôi cũng cảm thấy những lời của Triệu Lão Biệt vừa nói không phải sự thật, đi đâu tìm cho đủ gà đen chó trắng mỗi ngày? Lão già này đi đào tìm Lôi Công Mặc chắc chắn phải có ý đồ gì khác; nhưng trong lòng cậu cũng biết rõ: cho dù có hỏi gặng nữa thì lão ta cũng không nhả ra chân tướng sự việc, vì thế cậu đành im lặng.

Lúc này Triệu Lão Biệt đã hút gần hết điều thuốc, những lời cần nói thì đã nói cả rồi, lão đứng bật dậy để chuẩn bị chui vào trong khe nứt, ba người còn lại hợp sức kéo dây thừng, cẩn thận từng chút một thả lão xuống bên cạnh viên Lôi Công Mặc.

Triệu Lão Biệt dùng tay nhô mấy bụi cỏ, giẫm chân lên lớp đất, phẩy hết đám kén nhộng đom đóm sang một bên. Căn cứ vào tàn tích để lại gần đó, thì có thể nhận ra nơi này trước tiên bị thiên thạch từ không trung rơi xuống, sau đó địa tầng mới nứt rạn. Giờ đây viên Lôi Công Mặc đen nhánh một cách dị thường, lại mắc chơi vơi ở giữa khe nứt, cách hai mép vách một khoảng tương đối gần, chắc chỉ rộng như nắm đấm là cùng, nên dường như chỉ cần khẽ lay động, nó sẽ thuận đà lăn xuống vực sâu phía dưới.

Triệu Lão Biệt không muốn “miếng ăn đến miệng còn để rơi”, nên lão vô cùng cẩn trọng. Lão ta bảo Tư Mã Khôi thả sợi dây thừng thứ hai xuống, đoạn nhẹ nhàng buộc vào viên Lôi Công Mặc, rồi xem chừng vòng buộc đã chắc chắn, lão ta mới giờ đèn kéo quân lên hươ hươ vài vòng giữa không trung.

Ba người Tư Mã Khôi, La Đại Hải và Hạ Cần nhìn thấy tín hiệu, lập tức gắng hết sức kéo sợi dây thừng lên. Không ngờ cùng với sự tác động của ngoại lực, một ngọn lửa ma quỷ màu xanh lam nhạt đột nhiên phun ra từ trong đêm tối, phút chốc cả khe nứt vụt sáng bừng. Triệu Lão Biệt không kịp né sang bên cạnh, liền bị ngọn lửa bén trúng. Lão ta đau đớn kêu lên thảm thiết, hai chân đạp liên hồi vào vách đất. Chỉ trong chớp mắt, ngọn lửa u hồn đó đã liếm đứt hai sợi dây thừng, Triệu Lão Biệt và viên Lôi Công Mặc cùng lúc rơi vèo xuống phía dưới, đất đá bùn cát bị sụt lở cũng rào rào rơi theo, chôn sống lão ta dưới lòng đất.

Hồi thứ sáu

BỘ CẠP ĐẢO ĐẦU BÒ TƯỜNG

Gần mộ huyết khu nghĩa địa ở ngoại thành chôn giấu rất nhiều “lò lửa”, những lò lửa đó đều do xác chết mục rữa phân hủy, trộn lẫn với bùn hydrocacbua dưới lòng đất, từ đó hình thành một loại khí đốt đặc biệt. Hỗn hợp chất này bị vùi lấp nhiều năm trong động huyết, một khi bất ngờ được giải phóng và tiếp xúc với không khí bên ngoài, nó sẽ sinh ra hiện tượng đốt cháy cực mạnh.

Lần này coi như Triệu Lão Biệt gặp vận rủi, viên Lôi Công Mặc mà lão ta muốn có lại nằm ngay giữa lò lửa tràn ngập khí hydrocacbua. Lão nhờ mọi người buộc sợi dây thừng vào viên đá để kéo lên, vô tình đã khiến vách đất hai bên mép khe bị sụt lở, hàng chuỗi cầu lửa từ trong kẽ phun lên nghe “phùng phùng”. Quả cầu lửa thiêu đốt toàn thân khiến Triệu Lão Biệt giãy giụa quằn quại đầy đau đớn, thảm thiết gào thét; sợi dây thừng buộc quanh người lão ta cũng bị đứt thành từng đoạn, cả người và viên đá cùng rơi tòm xuống kẽ đất sâu hun hút.

Hội Tư Mã Khôi chứng kiến sự việc diễn ra ngoài dự liệu, liền vội vàng trườn người xuống ngó xem tình hình bên dưới, chỉ thấy đất đá cát sỏi từ hai bên vách đất rào rào lăn xuống, chiếc đèn kéo quân cũng rơi theo tắt ngấm, dưới đáy hố tối như hũ nút, không nhìn thấy bất kỳ thứ gì bên trong.

May mà ở gần chỗ viên Lôi Công Mặc là sào huyết sinh sôi nảy nở của vô vàn kén nhộng đom đóm. Hàng ngàn vạn con đom đóm bị đánh động, bay tủa ra từ gốc cỏ, điên loạn lao lung tung khắp nơi, ánh sáng

đom đóm chập chờn di chuyển khắp khe nứt trong lòng đất. Nhờ vào màn sương ánh sáng nhàn nhạt âm u, hội Tư Mã Khôi có thể nhìn thấy lò mờ cảnh tượng phía dưới. Sau khi Triệu Lão Biệt bị rơi xuống khe, lão ta nằm ở chỗ cách mặt đất khoảng ba mươi mấy mét, nơi một đụn nham thạch thò ra chặn lại, đầu lão ta cắm xuống, chẳng rõ sống chết thế nào.

Tư Mã Khôi ở bên trên ra sức hét gọi Triệu Lão Biệt mấy câu. Không nghe thấy tiếng trả lời, trong lòng cậu bắt đầu cảm thấy lo lắng, nên định mạo hiểm lao xuống cứu người.

Hải ngọng thấy vậy vội cuống quýt can ngăn: “Thằng điên này! Khe đất kia là cái bình đất rỗng ruột đấy, bất cứ lúc nào cũng có thể bị sứt, cậu mà xuống chắc chắn sẽ bị chôn sống dưới đó. Lưng giắt mỗi cái cào gậy mà đòi liều mạng vào rừng săn cọp. Tớ nói cho cậu tỉnh, giờ không phải lúc giờ thôi anh hùng ra đâu!”

Hạ Cần cũng bấn loạn hết cả lên, nhưng cô nàng còn thiếu chủ kiến hơn cả Hải ngọng, chỉ biết rói rít hỏi: “Bây giờ phải làm sao? Hay là chúng ta quay về tìm người đến giúp...”

Tuy rằng Tư Mã Khôi cũng biết việc này vô cùng nguy hiểm, nhưng trực giác mách bảo cậu: Triệu Lão Biệt là một nhân vật kỳ tài hiếm có, bản lĩnh rất đổi phi phàm, nếu lão ta phải bỏ mạng một cách lẫm nhách và bất minh như vậy trong nghĩa địa La Sư này thì quả là đáng tiếc, nên cậu không thể thấy chết mà vô tình nhắm mắt, phẩy tay làm ngơ được. Trước mắt, việc cứu người là quan trọng, Tư Mã Khôi không nghĩ ngợi thêm nữa, chỉ rờ rờ vào dây lưng cài vũ khí buộc chặt ở ngang hông, trong đầu nảy ra một kế sách. Cậu lập tức bảo La Đại Hải và Hạ Cần đưa dây lưng của hai người cho mình rồi để họ ở bên trên tiếp ứng, sau đó liền phi thân bò xuống khe nứt phía dưới.

La Đại Hải và Hạ Cần vốn định tiếp tục khuyên ngăn nhưng nhìn thấy tư thế bò xuống hố của Tư Mã Khôi thì cả hai đều tròn mắt cứng miệng kinh ngạc. Nếu là người bình thường, bất luận là bò lên hay bò xuống, đương nhiên đều phải “đầu hướng lên trên, lòng bàn chân hướng xuống dưới”, nhưng Tư Mã Khôi lại làm trái ngược hoàn toàn, chỉ thấy

cậu ta “Đầu chúc xuống dưới, hai gối co lại, ngón chân bám chặt vào mép đá, hai cánh tay dang rộng đan chéo nhau nâng đỡ trọng tâm, trông chẳng khác nào một con thạch sùng bám chặt vào bờ tường chúc đầu thông dong bò xuống”. Hai người bọn họ chưa từng nhìn thấy loại thủ pháp quái dị như thế này trước đây, cho nên giờ cứ ngây ra, tim dường như trôi lên, đập phập phồng ngay trên cổ họng.

Thì ra món bản lĩnh leo vách vượt tường này của Tư Mã Khôi vốn là một tuyệt kỹ lục lâm, được tổ tiên truyền lại, có tên “Bọ cạp đảo đầu bò tường”, hay còn gọi “thảo ủng ngược”. Nghe nói, món “Bọ cạp bò tường” này vốn là một môn trong nghệ thuật xiếc dân gian, mà quê hương nổi tiếng nhất của bộ môn xiếc ở Trung Quốc thì phải kể đến huyện Ngô Kiều thuộc tỉnh Hà Bắc. Tại nơi này, từ ông cụ đã chín mươi chín tuổi đến đứa trẻ mới chập chững biết đi, bất luận già trẻ gái trai, người nào người nấy đều có vài món bí kíp nhà nghề giắt lưng, phòng khi gặp phải những năm làm ăn khốn khó, họ liền tụ hợp nhau lại thành từng nhóm đi nơi khác, mãi nghệ mua vui cho người để kiếm chút tiền mưu sinh. Đây là một truyền thống của người bản địa mà đời con nối đời cha từ thời thuở xa xưa, chẳng ai nói được chính xác phong tục này bắt đầu hình thành từ triều đại nào. Cách đây không lâu, ở gần khu vực Ngô Kiều, người ta mới khai quật được một ngôi mộ cổ có từ thời Ngụy Tấn, trên vách tường mộ có khắc một bức bích họa, trong đó mô tả các động tác biểu diễn xiếc thời cổ đại như “rôn đội bát”, “bọ cạp bò tường”, “lửa sao băng”. Điều này chứng tỏ những tuyệt kỹ kiểu này đã có từ xa xưa với lịch sử rất lâu đời.

Tuy nhiên trong các động tác tạp kỹ có từ mấy trăm năm trước, môn công phu “bọ cạp đảo đầu bò tường” đã sớm bị thất truyền, có điều nó vẫn được tiếp tục kế thừa và giữ gìn trong hàng ngũ quân nhân trong quân đội ngày xưa, mà những kẻ nắm giữ được bí kíp này phần lớn đều là những đạo tặc lục lâm được triều đình chiêu an. Khi bọn họ lẻn trộm vào doanh trại hoặc ra vào thành đều dùng chiêu thức đầu chúc ngược xuống, hai chân ôm lấy góc tường thành, nhanh chóng bò lên trên với tốc độ như gió cuốn. Những người nhìn thấy cảnh tượng này không ai không kinh ngạc, liền đặt tên cho tư thế đó là “bọ cạp đảo đầu bò tường”.

Kỳ thực, kỹ thuật chúc đầu leo tường trong tuyệt kỹ “bộ cạp đảo đầu bò tường” rất thích hợp với lý thuyết về thể lực con người, chỉ có điều ít ai có đủ can đảm thử nghiệm, thậm chí những người có đầu óc bình thường ngay cả nghĩ cũng không thể nghĩ ra tư thế quái dị đó.

Tổ tiên mấy đời trước của Tư Mã Khôi từng làm quân quan trong quân đội cuối đời Thanh, lại là nhân vật kiệt xuất trong giới lục lâm, vốn thực sự là người có bản lĩnh “thượng thông thiên đường, hạ triệt địa phủ” nên mới đủ khả năng khiến bí thuật này đến tận bây giờ vẫn còn truyền nhân. Từ nhỏ, Tư Mã Khôi đã theo học “Văn Võ tiên sinh” và luyện được tuyệt kỹ này, có điều hỏa hầu ^[12] chưa đủ đơm nên từ trước đến nay, cậu không dám thi triển nó trước mặt người khác.

Lúc này Tư Mã Khôi hít một hơi dài rồi bám chặt lấy mép vách, nhanh chóng di chuyển xuống phía dưới, chẳng mấy chốc cậu đã bò xuống bên cạnh Triệu Lão Biệt. Nhờ vào ánh sáng lò mờ phát ra từ từng đàn đom đóm bay lượn gần đó, cậu phát hiện mũi và miệng lão ta đều đang chảy máu, lão nằm vật ra bất tỉnh nhân sự. Tuy rằng chiếc áo da thú dày dặn khoác trên người coi như đã cứu lão một mạng khỏi bàn tay tử thần, nhưng những vết bỏng loang rộng khắp cơ thể lại vô cùng nghiêm trọng, nhưng khi thò tay ra sờ thử, cậu phát hiện trên mũi lão vẫn phập phồng hơi thở yếu ớt, nếu kịp thời cõng lên mặt đất, không chừng vẫn còn cơ hội cứu sống.

Tư Mã Khôi lập tức quay ngược lại, dùng thắt lưng da buộc vào ngang hông Triệu Lão Biệt, sợi còn lại đem nối với chiếc thắt lưng da mà mình đang đeo trên người, rồi buộc lão trên lưng. May mà cơ thể Triệu Lão Biệt mỏng dẹt như thanh củi khô, hom hem toàn da bọc xương, thêm vào đó sợi thắt lưng loại chuyên dùng cho quân nhân khá chắc chắn, nên cậu hy vọng sẽ lôi được lão lên. Tư Mã Khôi nheo mắt quan sát lớp đất dưới đáy khe, nó có vẻ không chắc chắn, chẳng biết sẽ sụt xuống lúc nào, nên cậu không dám chần chừ nán lại đây thêm nữa. Trong lúc Tư Mã Khôi đang định bò ngược trở lên theo đường cũ, đột nhiên nghe thấy Triệu Lão Biệt rên rỉ một tiếng trong cổ họng, thì ra lão ta đã thoát khỏi

hôn mê và tỉnh lại. Lão dùng chút sức lực yếu ớt gắng sức giơ tay lên chỉ xuống chỗ sâu hút ở phía dưới khe nứt.

Tư Mã Khôi cúi đầu xuống thấp, hướng theo chiều tay lão ta chỉ. Cậu nhìn thấy trong tầng tầng lớp lớp ổ đom đóm giữa khe nứt, màn ánh sáng xanh mờ mờ bao trùm lên viên Lôi Công Mặc đen bóng như ngọc. Viên thiên thạch rơi cách đó chừng nửa mét về phía dưới, khoảng cách không xa lắm, gần như chỉ cần đưa tay ra là có thể chạm tới.

Dường như Triệu Lão Biệt có ý muốn Tư Mã Khôi mang viên Lôi Công Mặc lên cùng, bởi vì khe đất sâu cả mấy trăm mét, lớp vỏ bên ngoài và tầng nham thạch lại có thể sập xuống bất cứ lúc nào, nó sẵn sàng chôn vùi mọi thứ dưới đáy khe rồi nện lại chặt cứng. Tuy toàn thân Triệu Lão Biệt đang bị thương nặng, nhưng tà niệm tham sân si trong đầu óc lão ta còn nặng nề hơn nhiều, lão không đành lòng vứt bỏ miếng ngọc Lôi Công Mặc ngàn năm khó gặp này dưới đáy vực sâu, nên đến giờ vẫn còn vọng tưởng chiếm lấy nó làm của riêng.

Tư Mã Khôi cõng Triệu Lão Biệt trên lưng, leo lên được vách đá đã thấy rất vất vả, hơn nữa nếu trọng lực quá lớn thì lớp đất đá phía bên trong địa tầng sẽ càng lở nhanh và rơi xuống nhiều hơn. Cậu đã nhìn thấy tình hình không ổn, lòng thầm cân nhắc sự sống mới là điều quan trọng, nên chẳng còn tâm trạng nào để ý đến viên Lôi Công Mặc. Nghĩ đoạn, cậu liền hít một hơi thật sâu rồi thi triển tuyệt kỹ “bộ cạp bò tường” leo ngược lên mặt đất.

Đứng ở bên trên chứng kiến từng mảng từng mảng đất đá lớn đang không ngừng sạt xuống, lại thấy Tư Mã Khôi mấy lần suýt bị chôn sống dưới khe đất, La Đại Hải và Hạ Cần không kìm được những cơn cơ tim co thắt từng hồi. Cuối cùng, khi thấy cậu ta lên được gần mặt đất, cả hai liền vội vàng chìa tay ra, gắng hết sức kéo bật cả Tư Mã Khôi và Triệu Lão Biệt lên. Hai người họ vừa mới thoát thân ra khỏi miệng khe nứt thì nghe thấy một chuỗi tiếng “ầm ầm” nổi lên, một lượng lớn đá sỏi bùn đất từ bên trên thi nhau rào rào chảy xuống, lấp kín mít miệng hố. Viên Lôi Công Mặc và vô vàn con đom đóm đều bị chôn vùi tận sâu trong lòng đất, xem ra chúng khó có ngày trở lại chốn phàm trần.

Tư Mã Khôi lên được tới nơi thì mồ hôi đã chảy ướt đầm lưng áo, cậu ngồi phịch xuống đất thở hổn hển. Khi này, trong lúc bốc đồng, máu yêng hùng nổi lên ngùn ngụt khiến cậu hành động mà không chút đắn đo, nhưng giờ nghĩ lại cũng cảm thấy rợn cả tóc gáy, chỉ cần chậm một bước thôi, có lẽ giờ này cậu đã chôn thân ở dưới khe đất kia rồi.

La Đại Hải nhìn thấy Tư Mã Khôi bình an vô sự mới thở phào nhẹ nhõm, ngoảnh mặt sang bên cạnh nhìn thấy tình trạng của Triệu Lão Biệt, cậu ta liền phẩy tay thở dài: “Vừa bồng lại thương tích đầy mình thế kia, lão này chắc tiệt đường sống rồi, chỉ e bây giờ có đưa lão đến bệnh viện cũng không kịp. Nhân lúc còn sớm sửa, hãy đào một cái hố chôn quách lão xuống cho xong, không khéo lôi thôi lại vướng vào án giết người thì bọn mình chẳng gánh vác nổi đâu.”

Tư Mã Khôi định thần lại, nói: “Khó khăn lắm mới cứu được lão ta từ dưới đáy mồ lên đây, ít ra cũng phải nghĩ cách gì cứu sống lão, trước khi ký giấy khai tử chứ. Lão ta vẫn còn thoi thóp thở đấy, làm gì có chuyện nói chôn là chôn ngay được?”

La Đại Hải bắt lực chống chế: “Bọn mình chẳng phải bác sĩ, làm sao cứu lão được? Không tin cậu cứ nhìn xem, cái lão Triệu này bây giờ thở ra thì mạnh, hít vào thì yếu, nửa khuôn mặt đã bị thiêu rụi, toàn thân lùng nhùng một mớ nhầy nhụa, chẳng mấy chốc nữa lão sẽ cất bước xuống hố nghe đé kêu cho mà xem.”

Tư Mã Khôi đột nhiên nhớ ra một việc: “Mẹ Hạ Cần là bác sĩ trong bệnh viện quân khu, chắc chắn con cái cũng được tôi luyện từ môi trường của gia đình, nên ít nhiều cũng phải hiểu đôi chút về y thuật chứ?” Thế là cậu vội vã bắt Hạ Cần nghĩ cách cấp cứu cho Triệu Lão Biệt, sau đó sẽ tìm cách đưa đi bệnh viện.

Hạ Cần còn chưa đầy mười sáu tuổi thì làm gì có kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Tuy cô nàng cũng biết đôi chút về những kiến thức y học thường thức, nhưng bây giờ nhìn thấy cả người Triệu Lão Biệt bê bết toàn máu, gương mặt lại bị cháy mất một nửa, hai hàm răng chìa hết cả

ra ngoài nên trông bộ dạng vô cùng đáng sợ. Đầu óc cô chỉ quay mòng mòng mỗi hai chữ “hoảng sợ”, thì làm gì còn nghĩ ra nổi cách cứu chữa nào. Hơn nữa, quả đúng mẹ cô làm bác sĩ, nhưng bà lại là bác sĩ khoa sản.

Tư Mã Khôi thực lòng không đành nhìn Triệu Lão Biệt cứ như vậy từ già cỗi đời, nên dù chỉ còn một tia hi vọng, cậu cũng quyết không bỏ qua. Cậu ngoan cố yêu cầu Hạ Cần: “Bác sĩ khoa sản thì cũng vẫn là bác sĩ, cậu cóc cần phải nghĩ ngợi nhiều thế, chỉ cần cứu ngựa chờ chết thành ngựa sống là ổn; hơn nữa lão Triệu đang nằm còng queo chờ chết đằng kia, chắc cũng chẳng thèm quan tâm bệnh viện nhà cậu treo biển hiệu gì đâu.”

Hạ Cần không nỡ khước từ lời thỉnh cầu tha thiết của Tư Mã Khôi và La Đại Hải, nên đành bạo gan đến kiểm tra tình trạng vết thương của Triệu Lão Biệt. Ngoại trừ những vết bầm vô cùng nghiêm trọng trên gương mặt lão ra thì xương sườn cũng bị gãy mất mấy đoạn, đâm rách cả nội tạng, gây nên tình trạng xuất huyết trong, miệng lão sủi lên toàn bọt máu, hô hấp ngắt quãng từng hơi, thần trí lúc tỉnh lúc mơ. Khu vực nghĩa địa La Sư này lại nằm ở vùng ngoại ô hoang vắng, nên bọn họ căn bản khó có thể đưa lão đến bệnh viện được, mà cho dù có đưa tới nơi chẳng nữa, cũng chắc chắn không thể cứu sống nổi.

Hạ Cần tất bật cứu chữa suốt một hồi, nhưng vì cô vừa không có kinh nghiệm lại không có y cụ, nên cuối cùng cũng đành bó tay bất lực. Cô lo lắng đến nỗi nước mắt cứ lăn chã tuôn rơi.

Đúng lúc này, cả hội chợt nghe thấy Triệu Lão Biệt ho lên mấy tiếng, dường như lão ta vừa tỉnh lại từ cơn hôn mê sâu. La Đại Hải lại tưởng rằng Hạ Cần có bản lĩnh cải tử hoàn sinh, liền không ngớt lời ngợi khen cô nàng y thuật cao siêu.

Nhưng Tư Mã Khôi lại nhìn thấy Triệu Lão Biệt lúc này là hồi quang phản chiếu, tính mạng chắc chỉ còn tính từng khắc nữa thôi, nên trong lòng không kiềm chế nổi cảm giác u buồn dâng lên tận cổ. Cậu nhỏ

giọng ân cần hỏi: “Lão Triệu ơi! Lão có còn anh em bạn bè thân thích nào nữa không? Có muốn nhờ bọn tôi nhắn nhủ điều gì đến họ không?”

Triệu Lão Biệt đưa cặp mắt đờ dại nhìn Tư Mã Khôi một thoáng rồi lắc đầu, ngắt quãng nói phêu phào: “Triệu Lão Biệt mỗ... kiếp này sóng to gió lớn nào cũng từng trải qua, chẳng ngờ lại bị lật thuyền ở con rãnh nhỏ nơi nghĩa địa La Sư này, xem ra tất cả đều tại số mệnh, hừ... số mệnh tám thước, khó cầu một trượng, câu này quả chẳng sai chút nào. Thế nhưng điều càng khiến mỗ bất ngờ hơn là Tư Mã đầu lĩnh đây mới một nhúm tuổi mà có thể thi triển được tuyệt kỹ ‘Bọ cạp đảo đầu bò tường’. Cậu được cao nhân nào truyền dạy bản lĩnh này vậy?”

Tư Mã Khôi thấy Triệu Lão Biệt có vẻ sẽ sắp đoạn khí đến nơi, trong lòng nghĩ chẳng cần phải giấu giếm lão ta thêm điều gì nữa, liền tóm tắt cho lão nghe tất cả lai lịch xuất thân gia đình của mình.

Triệu Lão Biệt có đôi chút kinh ngạc, nhưng lão cũng cảm thấy mệnh mình chẳng kéo dài được bao lâu, nên gắng gượng dùng chút sức tàn trắng trời lại: “Triệu Lão Biệt mỗ trên đời này tứ cố vô thân. Niệm tình bằng hữu ít nhiều chúng ta từng có với nhau, các cậu hãy giúp mỗ đưa năm xương già này vùi ở nghĩa địa La Sư, sống chẳng có phúc nhìn thấy Lôi Công Mặc thì sau khi chết mỗ sẽ hóa thành quỷ ở bên cạnh nó cũng tốt vậy...” Nói đến đây, lão khẽ rung mình mấy cái, tay chỉ xuống phía dưới lòng đất, rồi đầu môi mấp máy một câu: “Núi đá vàng sinh ra bò vàng, đại kiếp đến ta cười mây ngàn...”

Tư Mã Khôi hướng mắt theo tay lão chỉ, thì ra đó chính là nơi viên Lôi Công Mặc vừa bị đất đá sụt lở chôn vùi ở bên dưới. Cậu lại nghe thấy mấy lời sau cùng của Triệu Lão Biệt có phần rất cổ quái liền vội vàng quay sang hỏi: “Lão vừa nói gì vậy?”

Nhưng ánh mắt của Triệu Lão Biệt đột nhiên trở nên thất thần, chẳng đợi cậu nói dứt câu, lão đã hồn lìa khỏi xác, lão ta nằm chết ngay trước mặt Tư Mã Khôi.

Hội ba người Tư Mã Khôi tuy rằng chỉ quen biết Triệu Lão Biệt được ít lâu, nhưng lại cùng trải qua cơn hoạn nạn, nay tận mắt nhìn thấy lão chết mà không được toàn thây, nên trong lòng ai nấy không tránh khỏi cảm giác đau buồn, bùi ngùi. Mọi người lặng lẽ ngồi bên thi thể lão một hồi khá lâu, mãi cho đến khi thành đom đóm bay tứ tán khắp cánh đồng hoang rồi từ từ biến mất thì cả hội mới đứng dậy dùng mấy phiến đá nhọn đào một chiếc hố nông, khiêng xác lão chôn xuống đó.

Tư Mã Khôi trầm nghĩ trong lòng, viên Lôi Công Mặc đã bị vùi chôn ở nơi sâu nhất dưới đáy khe, từ nay về sau e rằng người đời chẳng bao giờ còn nhìn thấy kỳ quan “thành đom đóm” tái hiện giữa nhân gian thêm lần nữa. Cậu lại tự nhủ mình đợi đến tết Thanh minh, nhất định sẽ quay về đây quét mộ cho Triệu Lão Biệt một chuyến.

Ba người cùng nhau cáo biệt trước nơi Triệu Lão Biệt chôn thân, rồi lững thững quay trở lại cầu La Sư. Trên đường về, trong lòng người nào cũng nặng trĩu tâm sự, chẳng ai nói với ai câu nào. Mãi khi đến chân cầu, La Đại Hải mới nhớ ra một chuyện, quay sang hỏi Tư Mã Khôi: “Câu Triệu Lão Biệt nói trước khi lâm chung có ý nghĩa gì nhỉ?”

Tư Mã Khôi lắc đầu trả lời: “Tớ chẳng nghe rõ, đại loại là mấy lời lung tung lúc hấp hối ấy mà.” Nói vậy nhưng trong lòng cậu vẫn đang suy nghĩ rất mông lung, chẳng ai có thể hỏi được đáp án từ miệng người đã chết. Giờ đây, thân thể lai lịch của Triệu Lão Biệt và cả bí mật ẩn giấu trong viên Lôi Công Mặc kia nữa, tất cả đều trở thành một chuỗi câu đố vĩnh viễn không có lời giải.

Trong lòng Tư Mã Khôi chất chứa bao suy tư; ngẩng đầu lên, cậu mới phát hiện lúc này hừng đông đã lộ ra vàng trắng sáng như bụng cá. Hồi tưởng lại toàn bộ sự việc xảy ra đêm hôm qua, quả giống như một cơn ác mộng, cậu vươn vai một cái để co giãn gân cốt cho bớt đau người, rồi quay sang nói với Hạ Càn: “Cả đêm hôm qua cậu không về nhà, chắc bố cậu phải lên cơn điên mất, không khéo lúc này đã điều động cả đoàn quân đi tìm tung tích của cậu rồi cũng nên, mau về nhà đi!”

La Đại Hải cũng vội vàng dặn với theo: “Chớ kể với bố cậu chuyện của tớ và Tư Mã Khôi đấy, kéo ảnh hưởng tới thanh danh trong sạch của hai đứa bọn tớ!”

Hạ Cần lắc đầu trấn an: “Không sao đâu, tớ đã nói trước với bố sẽ ngủ qua đêm ở nhà dì rồi.”

Hải ngọng tùm tùm cười: “Khôi ơi, cậu xem Hạ Cần đối xử với anh em ta tốt chưa kia! Cậu ấy nghe thấy bố mình nói sắp tới đây quét sạch băng đảng xã hội cặn bã rác rưởi, liền cố tình nói dối cha mẹ đi qua đêm không về nhà, lại từ xa xôi mãi tí trong thành chạy vội về đây mật báo cho chúng ta nữa đấy!”

Hạ Cần lại lắc đầu, tỏ ý không phải vậy. Do dự một lát, cô nàng mới thổ lộ: “Thực ra lần này tớ đến tìm các cậu là có một việc rất quan trọng muốn nói, nhưng sợ sau khi các cậu biết rồi sẽ lại gây ra tai họa, cho nên bây giờ vẫn chưa quyết định được rốt cục có nên nói hay không?”

Tư Mã Khôi và La Đại Hải vừa nghe nói liền vội vã đồng thanh hỏi xem rốt cục cô nàng có chuyện gì hay ho muốn kể? Dù sao thì trong con mắt của quần chúng nhân dân, bọn họ sinh ra vốn đã là một tai họa. Bây giờ từ trong thành đến ngoài thành, chỗ nào có thể đập phá được thì đã đập phá cả rồi, còn tai họa gì có thể gây ra thêm nữa? Hai con người trẻ tuổi nghĩ vậy mà không hề biết rằng: “Nhân tình thế thái mệnh mang tựa biển lớn, kiếp con người nào thiếu sóng gió phong ba”.

Chương 2

MÁY BAY TIÊM KÍCH

Hồi thứ nhất

NÚI DÃ NHÂN

Sau khi nghe xong mấy lời của Hạ Cần, Tư Mã Khôi và La Đại Hải đều cảm thấy vô cùng khó hiểu, lơ mơ nhận thấy sự việc này không phải chuyện tầm thường, nhưng bọn họ thực lòng không thể nghĩ là một cô bé chưa đầy mười sáu tuổi như cô nàng thì làm gì có nỗi tin tức đáng để hai người họ phải kinh ngạc cơ chứ. Thế là hai cậu liên tục hỏi dồn cho đến khi cô nàng chịu nói ra mới thôi.

Hạ Cần cẩn thận nhìn quanh bốn phía đều không có người mới ngáp ngừng tiết lộ: “Anh họ tớ... từ vùng nông thôn... vừa mới trốn về nhà.” Tư Mã Khôi và La Đại Hải gần như không dám tin những lời cô bạn vừa thốt ra là sự thật, còn cho rằng tai mình có vấn đề nên nghe nhầm.

Thì ra anh họ của Hạ Cần tên là Hạ Thiết Đông, thân hình cao tới một mét tám mươi sáu, trên sống mũi luôn gắn một cặp kính cận, nhưng nhìn anh không hề yếu ớt kiểu thư sinh trời gà không chặt, mà ngược lại trông rất trí thức, uyên bác. Anh ấy thích đánh bóng rổ, khi Cách mạng văn hóa bắt đầu, anh ấy đang học đại học ở Bắc Kinh, từng đọc rất nhiều tiểu thuyết phương Tây, tư tưởng khá cấp tiến, tài ăn nói hùng biện rất xuất sắc, thích tham gia mọi hoạt động thể thao và là một trong những thành viên cốt cán gia nhập phong trào Hồng vệ binh sớm nhất.

Vì Hạ Thiết Đông là người hào phóng quảng đại, tính tình trung thực, trọng chữ tín, dám làm dám chịu, thêm vào đó văn võ song toàn, lúc nào cũng hừng hực sức sống, tầm hiểu biết lại rất rộng, nên bất kể

chuyện quốc gia đại sự hay tình hình thế giới, chẳng lĩnh vực nào anh ấy không thông tỏ. Hơn thế nữa, anh ấy lại rất coi trọng nghĩa khí, đọc lâu lâu các tác phẩm của Các Mác, Lê nin, Mao Trạch Đông cùng các tác giả nổi tiếng trong và ngoài nước khác, ví dụ như thơ của Puskin, bất kể nói đến đoạn nào anh ấy đều có thể đọc thuộc lòng như cháo chảy. Không chỉ vậy, anh ấy còn sở hữu khí chất đặc biệt của kẻ lãnh đạo được đám đông, bởi thế xung quanh luôn có rất nhiều anh em muốn đi theo.

Năm Tư Mã Khôi và La Đại Hải mười ba tuổi, hai cậu từng theo anh Thiết Đông, lúc đó mới từ Hồ Nam trở về tham gia phong trào Hồng vệ binh do sinh viên tổ chức, từng đi dọc con đường trường chinh, lại lên núi Cảnh Cương. Trong quãng thời gian hơn nửa năm đó, họ đã được mở rộng tầm mắt, trưởng thành lên và trải nghiệm thêm rất nhiều điều. Hai cậu thường nghe vị đại ca lớn tuổi này giảng giải không ít về “Chân lý cách mạng”. Khi đó, Hạ Thiết Đông nói với bọn họ: “Chỉ kẻ nào dám đương đầu với mạo hiểm và vất vả thì kẻ đó mới mong thành đại sự.” Hai người Tư Mã Khôi và La Đại Hải chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tư tưởng của Hạ Thiết Đông, đến nỗi bất kể những gì anh nói, họ đều tin là điều tất nhiên. Tự đáy lòng, hai đứa trẻ sùng bái anh chẳng khác nào thần tượng.

Sau này, chủ tịch Chu Ân Lai ra chỉ thị mới, phong trào Hồng vệ binh cuối cùng cũng phải hạ màn trên phạm vi toàn quốc. Hạ Thiết Đông trở về Bắc Kinh, còn Tư Mã Khôi và La Đại Hải lại phiêu dạt nơi đâu đường xó chợ trên dải đất Trường Sa, và hai bên kể từ đó đứt liên lạc với nhau, chỉ nghe phong thanh Hạ Thiết Đông, vì nguyên nhân nào đó đã bị cuốn vào một sự vụ chính trị rất nghiêm trọng. Tuy rằng chưa đến nỗi bị kết án, nhưng tiền đồ xán lạn của anh ấy coi như đã hoàn toàn tiêu tan thành mây khói. Năm ngoái, anh lại bị đẩy xuống một vùng quê nghèo khó ở tỉnh Thiểm Tây.

Nhưng hai ngày trước, Hạ Thiết Đông cùng hai thanh niên trí thức khác, một nam một nữ, chạy trốn về quê nhà. Anh không dám lộ mặt ra phố nên đành nhờ Hạ Cần giúp mình tìm lại những bạn bè bằng hữu khi xưa rồi triệu tập họ lại, nói rằng anh muốn gặp mặt mọi người, sau đó dự

định sẽ vượt biên giới rời khỏi Trung Quốc, cả đời này không chừng chẳng còn cơ hội sống sót mà quay trở về cố hương.

Hạ Càn biết mối giao tình giữa Hạ Thiết Đông và hội Tư Mã Khôi rất tốt, vì thế cô nàng lo rằng với hạng người có tính cách vô thiên vô pháp như cậu thì không những chẳng thể khuyên nhủ anh Thiết Đông đi theo lẽ phải, mà ngược lại, còn đâm đầu đi theo anh ấy trốn ra nước ngoài cũng nên, bởi vậy cô nàng cứ do dự mãi không quyết, cuối cùng chẳng thể giấu được thêm mới đành thổ lộ mọi chuyện.

Tư Mã Khôi nghe xong câu chuyện liền quả quyết với Hạ Càn: “Tiểu Hạ! Cậu đa nghi quá đấy thôi. Anh họ cậu là người thế nào, bọn tớ rõ hơn ai hết, anh ấy tuyệt đối không thể là kẻ hàng giặc phản quốc. Cậu cứ nghe tên của anh ấy là biết, Hạ Thiết Đông, Thiết là sắt đá, Đông có nghĩa Mao Trạch Đông, ý nói anh ấy một lòng sắt đá đi theo tư tưởng của Mao Trạch Đông. Người như vậy làm sao có thể trốn ra nước ngoài đầu hàng kẻ địch? Cho dù bị cậu chặt đầu, bọn tớ cũng cóc tin.”

Hải ngọng cũng hoàn toàn tán thành quan điểm của Tư Mã Khôi: “Bản lĩnh của Lâm Xung lớn đến cỡ nào, thế mà muốn đến Lương Sơn Thủy Bạc làm anh hùng thảo khấu vẫn phải giết một mạng người cắt đầu về nộp cho Tống Giang làm khế ước sinh tử; chứ anh Thiết Đông bây giờ chẳng qua chỉ là một thanh niên trí thức lên rừng núi, xuống nông thôn, lại chẳng biết gì về chuyện cơ mật quốc gia, nên cho dù anh ấy có toan tính hàng giặc phản quốc thật đi chẳng nữa, có lẽ người ta cũng chẳng buồn cho anh ấy chơi cùng.” Hai người nghĩ vậy liền lập tức quyết định, phải nhanh chóng đến gặp anh Thiết Đông một chuyến.

Chạng vạng hôm đó, Tư Mã Khôi dẫn theo mấy người ngày trước cùng tham gia phong trào Hồng vệ binh cùng với Hạ Thiết Đông, qua sông vào thành phố. Trong một ngôi nhà đơn sơ gần nghĩa trang liệt sĩ, bọn họ đã gặp lại anh cả Hạ Thiết Đông - người anh đã xa từ nhiều năm trước.

Hạ Thiết Đông đen hơn trước rất nhiều, người cũng gầy đi trông thấy, vẻ mặt ưu tư, nhưng những ngày lao động nặng nhọc dưới ánh nắng

chói chang của mùa hè ở vùng nông thôn Thiểm Tây, đã khiến cơ thể anh trở nên vô cùng rần rỗi. Nhìn những chú nhóc ngày nào còn lẻo đẻo bám theo chân mình, giờ đã trưởng thành, trong lòng anh cảm thấy rất đổi vui mừng. Hạ Thiết Đông giơ tay bắt chặt lấy tay của Tư Mã Khôi và La Đại Hải, theo cách giao thiệp giữa người trưởng thành với nhau. Niềm vui ngày gặp mặt khó lòng cưỡng lại đã khiến khóe mắt của cả ba người đều hoe đỏ và nhòe nước. Họ nhìn nhau một hồi lâu mà chẳng thốt nên lời.

Tiếp sau đó có rất nhiều thanh niên khác lũ lượt kéo nhau đến, khiến gian nhà vốn dĩ không rộng rãi cho lắm giờ trở nên chật cứng. Bọn họ đều là bạn học hoặc đồng chí tốt của anh Thiết Đông. Mọi người tụ hợp nhau lại chẳng khác nào giờ họp của đội sản xuất nhà máy; họ ngồi quây quần rôm rả hàn huyên đủ thứ chuyện. Hội Tư Mã Khôi nhỏ hơn bạn bè của Hạ Thiết Đông vài tuổi, nên khi lọt thỏm giữa bọn họ, mấy cậu trông chẳng khác nào lũ đàn em ngồi châu rìa.

Hạ Thiết Đông gặp lại bạn cũ năm xưa, tâm trạng càng trở nên kích động mãnh liệt. Sau một hồi xúc động, anh liền kể cho mọi người nghe ngọn nguồn câu chuyện. Năm 1968, anh bị đẩy đến Diêm Vương Câu ở vùng phía Bắc Thiểm Tây. Lúc đầu anh còn cảm thấy mình xuống nông thôn để rèn luyện bản thân, nên chấp nhận việc tái giáo dục từ thành phần bần nông; nhưng sau khi đến đây, anh mới dần dần phát hiện ra, nơi đó căn bản không hề chào đón các anh. Bởi vì đất đai vùng ấy nghèo nàn, nên dù có tăng cường lực lượng lao động cho đội sản xuất thêm bao nhiêu chẳng nữa, thì sản lượng thu hoạch một năm cũng vẫn chỉ có ngần đó. Đa số thời gian của mọi người ở đây cũng chỉ dùng vào việc ngồi trông chờ vào sự ban ân của trời đất. Điều này khác xa với lý tưởng nhân sinh của Thiết Đông, bởi thế chẳng đầy một năm, anh đã cảm thấy không thể nào tiếp tục kéo dài kiếp sống mòn mỏi ở nơi này. Hơn nữa, chỉ cần nghĩ cả đời phải bám rễ ở nơi hoang vắng thê lương “chó ăn đá, gà ăn sỏi” này là anh không thể nào chấp nhận nỗi hiện thực tàn khốc.

Tuy Hạ Thiết Đông là người tài hoa xuất chúng, nhưng người như anh cũng có một nhược điểm rất rõ rệt, đó là trạng thái chủ nghĩa lý

tưởng quá trầm trọng. Anh cũng giống như đa số thanh niên đương thời, lúc nào cũng tràn đầy khí thế và nhiệt huyết với cách mạng thế giới, đồng thời cảm thấy việc khai hoang trồng trọt trong nước khó lòng giúp họ làm nên trò trống gì, bởi vậy liền hạ quyết tâm cùng hai đồng chí chạy trốn về quê nhà. Anh tâm sự với mọi người kế hoạch mai sau của mình: “Nơi này không trọng ta thì có chỗ khác trọng ta, nếu chẳng nơi nào trọng, thì ta sẽ đầu quân cho Bát Lộ, thay vì ngồi nhà chơi lông bông, liên lụy đến mẹ cha. Nhân lúc này chi bằng hòa mình vào dòng hồng thủy của cách mạng thế giới.”

Đám người La Đại Hại đều mong ngóng được tận tay sờ vào súng thật đạn thật từ lâu, nhưng bọn họ lại chẳng hiểu chút ý tứ gì trong lời hiệu triệu của Hạ Thiết Đông, nên đứng bên cạnh thắc mắc: “Lũ quý Nhật Bản ác ôn đã sớm đầu hàng tận năm nào rồi, bây giờ làm gì còn nơi nào tồn tại Bát Lộ quân nữa hả anh?”

Hạ Thiết Đông giải thích: “Tuy rằng về cơ bản chủ nghĩa phát xít đã bị sụp đổ, nhưng dân chúng lao khổ chiếm hai phần ba tổng dân số trên toàn thế giới thì vẫn còn đó, họ vẫn bị nôi da nấu thịt trong cảnh nước sôi lửa bỏng của cuộc sống cũ. Chừng nào chủ nghĩa đế quốc chưa hoàn toàn bị diệt vong, thì chừng đó nhân dân toàn thế giới vẫn không thể hưởng thụ cuộc sống tươi đẹp.”

Đa số mọi người có mặt tại hiện trường khi nghe mấy lời ấy đều cảm thấy không vững tin cho lắm: “Nước Mỹ người ta là một siêu cường quốc, nếu chỉ dựa vào mấy người lẻ tẻ bọn ta qua đó, thì sợ rằng chẳng thể giải phóng nổi giới cần lao. Hơn nữa, cứ cho là bọn ta có đủ quyết tâm đấu tranh đi nữa thì cũng chẳng tìm đâu ra thuyền và vũ khí. Đừng nói đến tên lửa, đại bác, máy bay ném bom, ngay cả một con dao thái rau bây giờ bọn ta cũng chẳng kiếm nổi. Chắc anh không định tính chúng ta mỗi người giắt lưng vài ba quả lựu đạn, rồi trèo lên chiếc thuyền đánh cá vượt Thái Bình Dương đi đánh Mỹ chứ?”

Hạ Thiết Đông vẫn kiên trì giải thích: “Siêu cường quốc chẳng qua chỉ là con hổ giấy, chẳng có gì đáng sợ, quân Mỹ tàn bạo nhưng nhu nhược, tất cả chỉ rặt lũ lính con nhà giàu. Hơn nữa, không phải toàn bộ

người Mỹ đều là dân tư bản, 99% trong số họ cũng là giai cấp lao động bị bóc lột, chúng ta có thể dùng tư tưởng của Mao Trạch Đông võ trang cho anh em công nông binh và giai cấp vô sản ngay trong lòng địch, kích động bọn họ giơ cao ngọn cờ ‘Tạo phản nội bộ’. Chỉ cần làm được công tác trong ứng ngoài hợp, cộng với việc Fidel Castro ở ‘sân sau’ của Mỹ cùng chúng ta kẻ trước người sau khép chặt gọng kìm, thì chẳng có gì phải lo không đánh đổ được đế quốc Mỹ. Có điều... trước mắt lực lượng của chúng ta quả thật vẫn còn rất yếu mỏng, nếu trực tiếp vượt Thái Bình Dương xâm nhập vào lãnh thổ nước Mỹ thì e không thực tế cho lắm. Thế nhưng chẳng phải đế quốc Mỹ đang xâm lược Việt Nam láng giềng đó sao? Tôi thấy chi bằng chúng ta đi chi viện cho nhân dân Việt Nam, đến vùng rừng rậm nhiệt đới tham gia đánh du kích, cùng quân Mỹ tỉ thí một chuyến xem sao? Đợi đến ngày thắng lợi khái hoàn, vinh quang thái lai, chúng ta có thể khiến người trong nước phải nhìn mình bằng con mắt khác, xem chúng ta rốt cục là nhà cách mạng chân chính hay cách mạng giả dối.”

Những thanh niên này tuy rằng trong lòng ngực tràn đầy nhiệt huyết và hùng tâm tráng chí, nhưng lại chẳng thềm biết trời cao đất dày gì cả. Hạ Thiết Đông vừa dứt lời lập tức có vài người đồng thanh hưởng ứng: “Những nhà cách mạng vô sản tiền bối đã dùng thời gian 28 năm để tạo ra một Trung Quốc mới thì hà cớ gì chúng ta không thể dùng 28 năm tiếp theo để giải phóng toàn nhân loại?”

La Đại Hải lại càng là hạng người chỉ lo thiên hạ bất loạn, có đám náo nhiệt thế này thì làm gì có chuyện cậu ta chịu ngồi yên trong nhà. Hơn nữa, khu Hắc Ốc cũng sắp bị giải tỏa đến nơi, nếu bọn họ ở lại thành phố, thì trước cuối năm nay kiểu gì cũng bị tổng xuống vùng nông thôn cải tạo lao động.

Tuy nói rằng làm cách mạng không phân biệt sang hèn cao thấp, hàng triệu quân giải phóng chỉ cần rời khỏi sự trợ giúp tích cực của anh em nông dân là lại quay về con đường cũ, nhưng trên thực tế chẳng ai tình nguyện sống cuộc sống bán mặt cho đất bán lưng cho trời như vậy cả đời. Trong tâm trí của hàng ngũ thanh niên trí thức thời bấy giờ thì chỉ

có trở thành quân nhân mới là sự nghiệp thần thánh vinh quang nhất. Đã không thể làm lính trong nước thì sang Việt Nam đánh trận cũng là một con đường thoát thân, bởi dù sao thì người cầm súng vẫn mạnh hơn kẻ cầm cuốc. Bọn họ lại suy ngẫm, anh em mình từ ngàn dặm xa vất vả đến Việt Nam chỉ viện cho sự nghiệp giải phóng của nhân dân nước láng giềng, thì cho dù chẳng có công lao cũng có khổ lao. Hơn nữa nếu luận về kinh nghiệm chiến thuật và lý luận chiến lược thì người Trung Quốc chúng ta chính là bậc thầy của họ, từ cổ chí kim hai bên từng đánh nhau hàng ngàn năm, xét về thứ bậc đương nhiên chúng ta là anh cả, giờ sang Việt Nam, kiểu gì họ chẳng bố trí cho chúng ta chức vụ đại loại như sư đoàn trưởng hay chí ít cũng là trung đoàn trưởng.

Tuy rằng Tư Mã Khôi từng sống ở Bắc Kinh mười mấy năm, ngày ngày cũng đến trường đi học, nhưng từ nhỏ đã được “Văn Võ tiên sinh” thu nạp truyền nghệ, lại chịu ảnh hưởng rất sâu từ hoàn cảnh gia đình, nên kết cấu tư duy của cậu không phải là kết cấu tư duy được hình thành dưới mô thức giáo dục đơn nhất, bởi vậy cậu không hoàn toàn tán đồng với kế hoạch mà Hạ Thiết Đông vừa nói hôm nay. Có điều Tư Mã Khôi là người vô cùng coi trọng hai chữ “nghĩa khí”, nên khi hội La Đại Hải đều đã quyết định theo chân Hạ Thiết Đông đến Việt Nam tham chiến thì cậu cũng không thể để mình tụt hậu lại phía sau. Hơn nữa, rời khỏi Hắc Ốc, cậu cũng chẳng còn chôn dung thân. Thế là Tư Mã Khôi liền quyết định theo mọi người cùng đến Việt Nam.

Những người lựa chọn đến Việt Nam đa số đều là con em có cha mẹ mắc tội hữu khuynh, không nhà không cửa, tương lai mờ mịt, trừ một vài người cá biệt không dám đi ra, thì mọi người đều tự viết một bức huyết thư thể hiện lòng quyết tâm cao độ, sau đó đập nồi niêu bán sắt vụn, gom tiền vào làm lộ phí, cùng nhau bỏ nhà cất bước sang xứ người.

Hạ Càn thấy Tư Mã Khôi và La Đại Hải cũng đi theo mọi người thì trong lòng không tránh khỏi cảm giác hối hận, dù muộn màng. Trong lúc tiễn biệt, cô vẫn muốn khuyên nhủ bọn họ hồi tâm chuyển ý, nhưng Tư Mã Khôi đâu chịu nghe người khác khuyên bảo. Cậu biết Hạ Càn là người rất kín miệng, không bao giờ tiết lộ với người ngoài kế hoạch bí

mật của cả nhóm, nên cũng chẳng cần thiết phải dặn dò thêm điều gì. Tư Mã Khôi lại nghĩ đến việc giờ đây phải rời xa cố hương, sang nước người đánh nhau với quân Mỹ trong làn mưa rơi lửa đạn thì cũng đâu phải chuyện đùa; súng đạn vô tình, lành ít dữ nhiều, ngộ nhỡ trở thành thầy ma chôn sa trường thì cả đời này chẳng về nổi tổ quốc cũng nên. Người ta ai cũng khó lòng rời bỏ quê mẹ, nên cậu đương nhiên không tránh khỏi cảm giác bùi ngùi lưu luyến, trong lúc thần trí trở nên bấn loạn, tâm sự trĩu nặng, những lời định nói ra đều quên khuấy mất.

Hạ Thiết Đông dẫn theo hai mươi mấy bằng hữu tiễn biệt người ở nhà trong dòng nước mắt chia ly. Cả đoàn lặng lẽ lên đường, vượt ngàn dặm Nam tiến. Trên đường đi, mọi người gặp phải biết bao sóng gió gập ghềnh, khó khăn không thể diễn tả hết bằng lời. Có điều, vất vả lắm mọi người mới đến được biên giới Việt Trung, rồi lên qua cửa khẩu Hữu Nghị, đặt chân lên lãnh thổ Việt Nam và được nhìn thấy cảnh tượng khói lửa ngút trời, máy bay ném bom của không quân Mỹ gầm rít âm âm khắp vòm trời miền Bắc Việt Nam. Điều này đã khiến cả đoàn mãn nhãn đứng như mong đợi, trong lòng ai nấy đều dấy lên ý chí muốn quyết sống mái một phen với quân thù. Thế nhưng vừa định xông ra tiền tuyến tham gia chiến đấu, có ngờ đâu tráng chí vẫn chưa được báo đáp, chẳng ai kịp nhìn tận mắt đại binh nước Mỹ trong truyền thuyết mặt mũi trông thế nào, thì lại gặp ngay phải mấy đồng chí công an Bắc Việt. Mấy đồng chí ấy thấy cả đoàn đều mặc trang phục quân nhân, nhưng lại chẳng đeo hàm hiệu gì cả, liền cho rằng họ là quân giải phóng đào ngũ đang chạy nhằm hướng, nên lập tức bắt tất cả đem nhốt lại mà chẳng cần hỏi han ngọn nguồn đen trắng gì sất. Do hai bên bắt đồng ngôn ngữ, giải thích thế nào các đồng chí ấy cũng lắc đầu không hiểu. Thế là cả đoàn bị nhốt trọn một đêm trong song sắt. Ngày hôm sau, họ trối gô tất cả mọi người lại, rồi đem áp giải trở về Trung Quốc.

Đám người trẻ tuổi ấy sau khi bị trả về nước, trước tiên bị đem ra thẩm vấn một chập, sau đó được điều động đến nông trường Vân Nam để cải tạo lao động. Khi đến nông trường lao động, họ nghe được một thông tin, nói là Miến Điện ^[13] cũng đang đánh nhau, hơn nữa trận chiến diễn

ra vô cùng ác liệt, đầu người đều bị mang ra đánh như đầu chó. Ở Vân Nam đã có rất nhiều thanh niên trí thức từng chạy đến đó gia nhập hàng ngũ quân đội cách mạng Miến Điện. Miến Điện luôn nồng nhiệt chào đón người Trung Quốc, bất luận họ thuộc thành phần gì chẳng nữa, và cũng chẳng ai hỏi thân phận cao thấp sang hèn, mà lập tức phát ngay cho súng thật, muốn chọn súng ngắn hay súng trường tùy sở thích, xưởng thuốc súng cũng mở toang ai muốn dùng bao nhiêu thì dùng. Tuy rằng ở đó không có máy bay ném bom, nhưng tên lửa chống tăng AT4, pháo cao xạ, súng máy hạng nặng thì muốn bao nhiêu cũng có. Bọn họ đã thành lập “doanh trại đặc vụ thanh niên trí thức”, đó là một nhóm bộ đội lập được rất nhiều công trạng lớn lao, khiến bọn địch sợ vỡ mật.

Hội Hạ Thiết Đông vẫn chưa được tham gia chiến đấu ở Việt Nam, nên trong lòng ai nấy đều cảm thấy không cam tâm. Khi vừa nghe nói tình hình chiến sự ở Miến Điện như vậy, mọi người đều vô cùng ngứa chân tay. Cả nhóm chụm đầu bàn mưu tính kế, thấy rằng nông trường được bảo vệ rất lỏng lẻo, nên đều quyết định sẽ lẻn trốn ra ngoài một lần nữa. Thế là, họ từ Vân Nam âm thầm xuất cảnh, vượt dòng Nộ Giang tham gia quân cách mạng Miến Điện.

Từ khi đến Miến Điện, Hạ Thiết Đông tham gia tất cả hàng trăm trận chiến lớn nhỏ, tuy rằng anh chỉ mới hai mươi mấy tuổi đầu nhưng do trình độ văn hóa tương đối cao, lại được “tôi luyện” nhiều năm từ các bộ phim nội chiến trong nước, vì thế tầng kiến thức và lý luận về chiến thuật chiến lược của anh có thể nói là không thầy mà tự hiểu. Anh tác chiến vô cùng anh dũng, nên đương nhiên là được sự trọng dụng của quân đội Miến Điện. Những chiến hữu này đều ca tụng và gọi anh là Che Guevara của Trung Quốc.

Tư Mã Khôi và La Đại Hải luôn sát cánh bên cạnh Hạ Thiết Đông. Trong suốt cuộc chiến tranh tanh mùi máu kéo dài suốt bao nhiêu năm, họ đã trải qua vô số lễ rửa tội của máu và lửa, từ cuộc hành quân trinh sát hiểm nguy mai phục tứ phía, đến cuộc đấu tranh sinh tồn vô cùng gian khổ nơi hoang dã, từ việc đối diện với màn mưa rơi lửa đạn trên chiến trường, đến những áp lực tinh thần khó lòng chịu đựng sau khi sống sót.

Tất cả nỗi khiếp sợ, hoảng loạn trong chiến tranh dường như đều giáng xuống đầu họ, giúp họ sớm rèn luyện được phẩm chất độc lập đương đầu với thực tế, kiên gan trước cục diện tàn khốc sau này.

Trong hậu kỳ cuộc chiến tranh, quân giải phóng Miến Điện liên tiếp bại trận, nội bộ quân đội nhân dân xảy ra mâu thuẫn gay gắt, liên đới lẫn nhau, phạm vi kiểm soát càng ngày càng bị thu hẹp, tình hình trở nên vô cùng khó khăn. Cuối cùng, tiểu đội của Tư Mã Khôi cũng bị đội quân chính phủ vây bắt và dồn vào ven rìa khu rừng rậm bí ẩn của núi Dã Nhân nằm ở phía bắc Miến Điện.

Những chiến hữu rời bỏ đất nước theo chân Hạ Thiết Đông sang Miến Điện năm đó, giờ đây người chết trận, kẻ thì mất tích trong khi chiến đấu, số người sống sót cũng chẳng còn bao nhiêu, vì thế tất cả đành phải rút lui vào núi đánh du kích. Trong một lần đi trinh sát, Hạ Thiết Đông bị thương nặng rồi bị địch bắt sống, sau đó anh bị chúng hành hình tàn khốc bắt đem đi chôn sống, đến nay ngay cả thi thể cũng không tìm thấy.

Tàn dư của đội du kích chỉ còn khoảng bốn mươi mấy người, cả ngày chạy tháo mạng mệt không kể xiết, cuối cùng phải lui về gần núi Dã Nhân. Bọn họ không chỉ thiếu thốn lương thực đạn dược, mà ngày nào cũng phải đối mặt với thương vong chết chóc. Cho dù bản lĩnh của hội Tư Mã Khôi có giỏi giang hơn nữa, thì giờ khắc này cũng khó lòng xoay chuyển được đại cục.

Quân chính phủ đã sớm coi nhóm người này là cái gai trong mắt, chúng treo giải thưởng lớn cho ai cắt được thủ cấp người cầm đầu. Tuy rằng bọn chúng không dám mạo hiểm vào sâu trong núi Dã Nhân phía bắc Miến Điện để truy bắt, nhưng lại điều động một lực lượng lớn binh sĩ phong tỏa khắp các cửa núi. Mục đích của họ là dồn tất cả các thành viên còn lại của đội du kích vào núi sâu rừng thẳm, cầm chân trong đó cho đến chết.

Núi Dã Nhân là một khu vực vô cùng nguy hiểm và thần bí đến khó lường. Dải địa hình của nó cực kỳ phức tạp, hệ thực vật trong rừng

nguyên sinh um tùm, rậm rạp dị thường, quanh năm mây mù che phủ, không bao giờ nhìn thấy ánh mặt trời. Bởi vậy, nơi đây được mệnh danh là “địa ngục trần gian”. Thời tiết ở đây luôn luôn ẩm ướt, oi bức tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh dịch phát triển tràn lan, côn trùng độc sinh sôi nảy nở, muỗi vắt nhiều vô số, bất kể loài nào trong số chúng cũng đều có thể hút cạn máu người thành xác khô ngay trong phút chốc. Tương truyền, rừng rậm còn là nơi ẩn náu của yêu quái “Phi đầu man”^[14]. Nó có thể nuốt chửng một con mãng xà dài mười mấy mét, còn biết phun sương tạo mây. Trên cạn đã vậy, dưới nước lại là nơi cư ngụ của từng đàn cá ăn thịt người, bởi thế chẳng ai vào núi mà lại dám cả gan đến gần ao hồ sông suối. Từ xưa đến nay, chưa một ai có thể sống sót trở về sau khi lạc bước đến chốn này. Hiện giờ, đội du kích rút chạy về đây thì đúng là rơi vào tuyệt lộ. Họ chịu sự kìm kẹp từ cả hai phía trong và ngoài, cho dù chọn cách phá vòng vây hay trốn vào núi sâu thì kết cục cuối cùng vẫn là khó lòng thoát khỏi bàn tay thần chết.

Hồi thứ hai

KARAWEIK

Trong lần đột phá vòng vây ác liệt sau cùng, vai trái của Tư Mã Khôi đã bị mảnh lựu đạn cầm tay găm vào trọng thương, mảnh đạn tuy không lớn lắm nhưng đâm sâu vào tận xương khiến máu không ngừng chảy ra. May mà La Đại Hải đã quên mình lao ra cứu bạn nên Tư Mã Khôi mới giữ được mạng sống. Có điều, trong rừng rậm núi sâu thế này lại thiếu thôn thuốc men nên không đủ điều kiện để làm phẫu thuật.

Trong đội du kích, Tuyết là người duy nhất am hiểu về y thuật. Cô là người Hồ Nam, vóc dáng mảnh khảnh, tốt bụng, ưa sạch sẽ, nên cho dù lâm vào tình cảnh trốn vào rừng sâu núi thẳm tháo chạy khỏi tay bọn lính truy sát, cô vẫn cố gắng thu vén để bản thân trông gọn gàng ngăn nắp nhất có thể. Sau khi tốt nghiệp trung học, cô cũng lên rừng núi, xuống nông thôn như bao thanh niên trí thức khác, đồng thời cũng là một trong những thành viên theo chân anh Thiết Đông trốn chạy khỏi Vân Nam năm đó. Trong quá trình tham gia cải tạo lao động, cô từng làm thầy thuốc bấm huyệt chân, vì thế hiểu được đôi chút về cách điều chế thuốc, đặc biệt cô có tài nắn xương cho người khác.

Cố nội nhà cô tên là Tô Lão Nghĩa, cụ là một tín đồ theo đạo Thiên chúa, biết khá nhiều tiếng Tây. Thời Dân quốc, cụ còn học được mấy tuyệt chiêu thủ thân từ người Pháp. Ngoài nội khoa và ngoại khoa ra, cụ còn học được kỹ thuật nắn xương. Nếu có ai bị thương gãy xương, cụ Tô Lão Nghĩa chẳng cần phẫu thuật, mà chỉ cần dùng tay nắn nắn mấy cái là biết ngay mức độ vết thương nặng nhẹ ra sao, ví dụ như gãy mấy chiếc xương, mức độ gãy nghiêm trọng đến mức nào... Sau đó cụ nắn hai

xương vào nhau cho thật khớp rồi đắp thuốc lên trên, lấy thanh gỗ hoặc nẹp tre nẹp chắc, rồi dùng băng vải cuốn chặt xung quanh; cuối cùng cụ cho bệnh nhân uống mấy viên thuốc. Kẻ bị thương sau khi được cụ chữa trị sẽ hồi phục nhanh chóng mà không để lại bất kỳ dấu hiệu tàn phế nào, mà ngay cả những hôm trái gió trở trời cũng chẳng hề bị đau nhức.

Tuyệt có thể coi là truyền nhân dòng họ Tô, cô được truyền thụ lại kỹ thuật nắn xương nổi tiếng của gia đình, nhưng trong thời gian diễn ra Cách mạng văn hóa, cô cũng bị liên lụy bởi cố nội, vì thế chưa kịp trở thành bác sĩ quân y, cô đã bị đẩy xuống vùng nông thôn khi chưa tròn mười sáu tuổi. Năm đó, anh Thiết Đông thấy cô còn ít tuổi, thân hình lại gầy gò, mảnh khảnh nên thường làm giúp những công việc nặng nhọc cần phải dùng nhiều sức lực. Sau đó, khi mọi người chạy trốn khỏi Vân Nam họ cũng dẫn cô theo cùng. Bắt đầu từ ấy, Tuyệt trở thành “bác sĩ quân y” kiêm “liên lạc viên” cho bộ đội cách mạng Miến Điện.

Sau khi xem xét tình trạng vết thương của Tư Mã Khôi, Tuyệt phát hiện: nếu không nhanh chóng phẫu thuật gấp mảnh đạn ra khỏi cơ thể thì sẽ dẫn đến việc mất quá nhiều máu mà nguy hiểm đến tính mạng. Thế là cô lập tức bắt tay chuẩn bị, đồng thời quay sang hỏi Tư Mã Khôi xem anh có chịu nổi đau đớn không?

Sau khi Hạ Thiết Đông mất đi, trong lòng Tư Mã Khôi không lúc nào ngớt đau buồn, cộng thêm vết thương trên vai máu chảy như thác công nên khuôn mặt anh trở nên tái nhợt, nhưng vì không muốn để mọi người lo lắng nên anh vẫn gắng gượng nói với Tuyệt một cách cứng rắn: “Cô đúng thật là! Muốn xử lý cái thân này thế nào thì cứ làm đi, nếu tôi mà có rên ‘hừ’ lên một tiếng thì cứ để người ta xông vào đánh cho sưng tay.”

La Đại Hải đứng bên cạnh lo lắng nói: “Tiên sư nhà cậu, chẳng biết sống chết gì sất, cậu tưởng mình là Quan Công chắc, cạo xương trị độc mà chẳng thèm nhăn mày lấy một cái. Đến lúc không thể chịu được nữa thì cậu cứ việc thoải mái gào thét, ở đây cũng chẳng có ai mà lo mất thể diện, hay là để tớ đi kiếm thanh gỗ cho cậu cắn mà mài răng nhé!”

Tư Mã Khôi nghiêng chặt răng nói: “Thực ra chuyện Quan Vân Trường cạo xương trị thương cũng chẳng phải điều gì ghê gớm lắm, trong lịch sử còn có nhiều nhân vật hồ báo hơn ông ấy nhiều. Thời kỳ dấy lên khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc có rất nhiều tướng lĩnh bị quân địch bắt sống rồi phải chịu cực hình từng xẻo, khổ hình này đúng là từng nhát từng nhát cắt dần từng miếng thịt trên cơ thể, nhưng làm gì có ai được bôi thuốc tê? Người ta còn ghi chép rõ ràng về hai vị tướng, một người tên Lâm Phụng Tường, còn người kia là Thạch Đạt Khai. Lâm Phụng Tường bị trói ở cổng chợ chịu hình. Trong quá trình chịu cực hình, mặc cho máu chảy ròng ròng đầm đìa khắp cơ thể, nhưng ánh mắt vẫn nhìn trừng trừng theo từng nhát dao của tên từng xẻo đưa qua đưa lại trên người mình, ánh mắt chăm chú đến mức khiến tên kia phải cảm thấy ghê tay. Thạch Đạt Khai thì bị quân Thanh xử từng xẻo ở Thành Đô thuộc tỉnh Tứ Xuyên, đầu tiên ông bị cắt rời tứ chi sau đó cắt đứt cổ họng; nhưng từ đầu chí cuối, thần thái họ Thạch vẫn điềm nhiên, chẳng hề giống với kẻ đang bị chịu cực hình, mà ngược lại giống như đang được tắm gội trong bồn nước nóng để chịu. Quả đúng như xem cái chết nhẹ tựa lông hồng, đó mới là khí khái của người anh hùng.”

La Đại Hải biết chẳng thể nào giận dữ được, liền lắc đầu bảo: “Cái thằng này đúng là đồ hồ ly gặm bình trà, nói xuôi cũng được nói ngược cũng xong. Miệng toàn chữ là chữ.”

Tuyệt cũng động viên Tư Mã Khôi: “Cậu cũng đừng cố gượng quá làm gì, khi này tôi cũng vừa tìm thấy mấy cọng cỏ râu ma ở gần đây, loại cỏ dại này có tác dụng giảm đau nhất định, nhưng vẫn rất đau đấy, cậu ráng chịu nhé!”

Tư Mã Khôi không nói thêm câu gì, cố gắng nén cơn đau để Tuyệt gấp mảnh đan ra khỏi cơ thể. Trên trán đọng từng giọt mồ hôi to như hạt đỗ xanh nhưng anh vẫn kiên cường, từ đầu chí cuối không hề kêu rên một tiếng nào.

Tay nghề phẫu thuật của Tuyệt phải nói vô cùng cao siêu, từng động tác chính xác mà nhanh thoăn thoắt, nên chẳng đầy mấy phút đã gấp được mảnh đan ra. Sau khi lấy tro cỏ khử trùng, cô liền xử lý bằng

bỏ vết thương. Đợi khi hoàn tất mọi việc, khước mắt cô liền đỏ lên, ngân ngân nước, rồi chẳng cầm lòng được thêm, nước mắt cứ thế thi nhau tuôn rơi.

Tư Mã Khôi nén đau hỏi: “Sao Tuyệt lại khóc?”

Tuyệt cúi đầu, dùng tay quạt ngang dòng nước mắt đầm đìa trên má: “Khi này tôi nhớ lại việc lúc chúng ta rời khỏi đất nước, cả đoàn hào hùng như thế, vậy mà giờ đây chỉ còn sót lại ba người bọn mình.”

Nhắc đến việc này, cả Tư Mã Khôi và La Đại Hải đều chùng lòng xuống. Rất nhiều anh em bằng hữu đã phải bỏ mạng ở vùng đất Miến Điện xa xôi này, hơn nữa cái chết của họ không những chẳng hùng tráng, oanh liệt chút nào mà còn hoàn toàn vô nghĩa. Họ âm thầm nằm lại trên mảnh đất lạnh lẽo nơi xứ người, vĩnh viễn không thể trở về cố hương, còn người thân ở nhà từ nay cũng chẳng biết họ lưu lạc chốn nào mà tìm.

La Đại Hải trầm ngâm hồi lâu, mãi mới lắc đầu than thở: “Tớ nghĩ mãi vẫn không ra, lúc bắt đầu khởi binh, thanh thế của Miến Cộng đúng là mạnh như chẻ tre, dường như sắp đến ngày thắng lợi khai hoàn đến nơi, ấy thế mà sau này nói hồng là hồng hắc, tốc độ tan rã còn rách nhanh hơn cả giấy dán điều.”

Tư Mã Khôi bắt lực nói: “Đây vốn dĩ không phải đất làm cách mạng, vì thiên không thời, địa không lợi, nhân không hòa. Tớ thấy cho dù Guevara có tái thế mà bị quăng vào cái xó này thì cũng chẳng thể làm nên trò trống gì.”

Nhân một chốc nghỉ ngơi ngắn ngủi giữa cuộc chiến đấu, ba người liền ngồi phân tích cục diện đang phải đối đầu trước mắt. Quân đội nhân dân Miến Điện cho đến thời điểm này, thì thực tế chỉ còn mỗi hư danh mà thôi, đội du kích lẻ tẻ mấy người bọn họ khó mà làm nên kỳ tích gì. Hơn nữa, tàn dư của quân đội chính quy đều hợp nhất với quân đặc phái vũ trang của địa phương để trở thành quân đội quân phiệt, chiếm cứ mỗi người một phương, họ trồng anh túc, buôn bán vũ khí quân đội, chỉ coi

trọng cái lợi của bản thân, không phân biệt tốt xấu gì cả, chẳng chuyện gì họ không dám nhúng tay vào.

Các thành viên trong đội du kích do Tư Mã Khôi lãnh đạo, ai chạy trốn được thì đã chạy mất tăm mất dạng, những người còn lại đều đang bị quân đội chính phủ phát lệnh truy nã đặc biệt, chỉ cần lộ mặt ra là chắc chắn mất mạng, tuyệt đối chẳng có kết cục tốt đẹp nào đón đợi họ. Bởi vậy đừng nói đến việc ngồi xuống đàm phán thỏa thuận, mà ngay cả buông súng đầu hàng họ cũng chẳng mong đợi bọn chúng chừa cho một con đường sống. Nay cả đội lại bị nhốt ở núi Dã Nhân, trong không có lương thực, ngoài không có viện binh, nếu cố thủ tại chỗ chẳng khác nào ngồi đợi thần chết đến rước.

Đội du kích vẫn còn một lựa chọn là chạy sâu vào rừng rậm nguyên sinh trong lòng núi Dã Nhân, nhưng người Miến Điện cứ nhắc đến nơi ấy là “xanh mắt tái mặt”. Chốn rừng rậm sâu thẳm thẳm này không có đường đi, địa hình lại nhấp nhô gồ ghề, môi trường phức tạp khó mà tưởng tượng, chưa kể đến những rừng cây um tùm rậm rạp và đầm lầy trải rộng quanh năm âm u không nhìn thấy mặt trời, còn độc xà ác thú lảng vảng khắp nơi, chẳng biết chúng thành linh xuất hiện lúc nào, chương khí sương độc bao trùm cả không gian, đã vào thì đừng nghĩ đến chuyện thoát được ra. Mấy năm gần đây, những kẻ mất tích trong đó số lượng nhiều không kể xiết.

Nghe đồn, tính đến thời điểm này, lần mất tích lớn nhất là một sư đoàn tàn quân của Nhật. Chúng dễ còn đến hơn hai ngàn tên, bị quân Anh đánh cho không còn đường thoát thân, đành tháo chạy vào một đầm lầy lớn phía sườn nam của núi Dã Nhân. Kết quả là cả sư đoàn lạc đường, rồi đột nhiên bị vô số đàn cá sấu tấn công, hơn hai ngàn tên lính Nhật được vũ trang đến tận răng mà vẫn trở thành mồi nuôi cá sấu, chỉ có vài tên may mắn sống sót.

Bởi vậy, đội du kích Miến Cộng chắc chắn không thể sống sót mà thoát ra khỏi núi Dã Nhân. Cho dù lúi húi bước mà nói, thì cứ cho là họ may mắn thoát chết khỏi núi Dã Nhân, nhưng sau đó sẽ ra sao? Bắc Miến chắc không có chỗ cho họ dung thân, chỉ còn cách vượt biên sang

Trung Quốc. Thế nhưng vài năm trước hội Tư Mã Khôi đã chạy trốn khỏi trại cải tạo lao động để đến đây, nếu bây giờ quay trở về, chẳng cần nghĩ cũng biết điều gì đang chờ đợi ở phía trước.

Cơ sự đã đến nước này, La Đại Hải cũng chẳng buồn màng đến sự sống chết, anh dùng mũi dao găm vạch một dấu X lên mặt đất bùn, thể hiện tình hình lúc này “lên trời vô lối, xuống đất vô môn”, sau đó quay sang hỏi Tư Mã Khôi và Tuyết: “Mọi người rõ cả rồi chứ? Hiện giờ chúng ta rơi vào tình cảnh như vậy đây!”

Tư Mã Khôi gật gật đầu, cười đau khổ: “Hiểu, ngay cả cơ hội chết rồi đầu thai sang kiếp sau chúng ta cũng chẳng có nữa là, dù sao thì cũng chết, chỉ còn xem rốt cục bị chết như thế nào mà thôi.”

Tuyết cũng trầm mặc trong lòng, nhưng bây giờ đã biết rằng mình chắc chắn sẽ chết, không còn nghi ngờ gì nữa, thì tự nhiên lại cảm thấy điềm nhiên hơn nhiều. Cô nói: “Dù sao thì cũng khó tránh khỏi cái chết, tôi chẳng muốn bị bắt sống rồi để mặc cho chúng hành quyết, chúng ta có chết cũng không thể chết trong rừng sâu núi thẳm nơi đất khách quê người thế này được.”

Tư Mã Khôi và Hải ngọng cũng chung suy nghĩ đó. Ba người họ muốn cùng mạo hiểm đi xuyên qua núi Dã Nhân. Nếu mệnh ai lớn, có thể sống sót thoát ra ngoài, thì họ sẽ gắng sức nghĩ cách càng về gần Trung Quốc càng tốt, mọi chuyện sau này sẽ nghe theo sự an bài của số phận. Bất luận thế nào, về đến tổ quốc, cho dù bị bắt, xấu đẹp gì thì cũng rơi vào tay người nước mình, chí ít họ cũng phải qua bộ phận có liên quan thẩm vấn rồi sau đó mới đem đi xử bắn; nhưng so ra như thế vẫn tốt hơn để bọn quân phiệt Miến Điện tóm được. Lũ người này chẳng thèm hỏi đến câu thứ hai, lập tức kê súng vào sọ, nã đạn cho đến khi óc nổ hoa mới thôi.

Ba người ngội lạnh hết cả ý chí, sau khi bàn bạc và xác định phương hướng rõ ràng, liền triệu tập tất cả thành viên còn sống sót, bao gồm cả những người bị thương trong đội du kích lại, nói rõ tình cảnh tuyệt vọng mà cả nhóm đang lâm vào rồi tuyên bố phải phân tán lực

lượng để đột phá vòng vây. Cái gọi là “phân tán lực lượng đột phá vòng vây”, thực ra chỉ là cách nói khéo để người khác dễ lọt tai, kỳ thực muốn ám chỉ: kể từ giờ trở đi, đội ngũ của chúng ta không còn sự ràng buộc về kỷ luật và tổ chức gì nữa, cha chết mẹ đi lấy chồng, ai tự lo thân người nấy.

Thông tin vừa tuyên bố ra, chẳng hề có ý kiến phản đối, bởi vì cả nhóm đều biết việc này sớm muộn gì cũng xảy ra. Sau nghi thức chào tạm biệt trân trọng, mọi người lặng lẽ bước đi theo con đường riêng mà mình lựa chọn. Đa số thành viên thà bị quân đội chính phủ bắt được đem xử ngũ mã phanh thây, cũng còn hơn bước chân vào khu rừng rậm.

Những người quyết định lựa chọn con đường mạo hiểm này, ngoài hội ba người Tư Mã Khôi, không ngờ còn có thêm một thiếu niên người Miến Điện khoảng chừng mười sáu, mười bảy tuổi. Tên tiểu tử này là đứa trẻ mồ côi không nhà không cửa, cũng chẳng có lấy một cái tên hẳn hoi, người gầy như khỉ đói, khoác miếng xà rồng^[15] rách nát, đầu cạo trọc, vẻ mặt ngờ nghệch, cả ngày chỉ trình ra mỗi bộ dạng ngô ngố với nụ cười hèn hếch thường trực trên môi. Các thành viên trong đội du kích gọi cậu ta là Karaweik hoặc Kara.

Karaweik là từ dùng để chỉ một loài chim trong truyền thuyết của người bản địa. Cách tính con giáp Miến Điện khác với cách tính con giáp Trung Quốc, là chỉ có tám con vật lần lượt tượng trưng cho các ngày trong tuần, thứ hai là con hổ, thứ ba là sư tử, thứ tư - hơi đặc biệt một chút - nếu sinh vào ban ngày là con voi hai ngà, nếu sinh vào ban đêm thì lại là con voi cụt ngà, thứ năm là con chuột, thứ sáu là chuột lang, thứ bảy là con rồng, chủ nhật là chim Diều sít^[16]. Từ đây có thể phán đoán có lẽ cậu bé được sinh vào ngày chủ nhật, bởi thế hội Tư Mã Khôi liền đặt cho cậu một cái tên Trung Quốc là Chủ Nhật.

Hai tháng trước, Karaweik còn là một cậu bé mồ côi được Hạ Thiết Đông cứu sống từ một làng quê ở phía bắc Miến Điện, cả nhà cậu đều chết hết trong chiến tranh loạn lạc, từ đó trở đi cậu một mực theo chân quân đội cách mạng đi khắp nơi, muốn tách cậu ra cũng chẳng tách

nổi. Bây giờ Hạ Thiết Đông không còn nữa, Karaweik liền sống chết đòi bám theo Tư Mã Khôi.

Tư Mã Khôi trầm nghĩ: “Có lẽ cậu bé nghĩ nếu theo chân chúng ta tiến về phía trước sẽ phá được vòng vây mà sống sót, chẳng ngờ ba người bọn ta chỉ có một con đường chết đang chờ đợi”. Thế là anh bèn chỉ về hướng ngoài núi, đoạn nói: “Cậu hãy lên núi mà làm hòa thượng đi.”

Nhưng Karaweik nào chịu nghe lời, nếu theo cách nói của người Bắc Kinh thì cậu ta quá “lỳ”, quá cứng đầu, bất kể làm việc gì, chỉ cần bản thân cho rằng đúng thì sẽ nhất nhất làm đến cùng mới thôi. Không những thế, tuy rằng cậu có thể nghe hiểu được tiếng Hán nhưng lại chỉ biết bập bẹ vài câu tiếng Trung lơ lớ, mà ngay cả Tư Mã Khôi cũng chẳng hiểu cậu ta muốn nói gì. Thuyết phục không được, anh đành bắt lực phải cho Karaweik theo nhóm mình cùng tiến vào núi.

Tư Mã Khôi cho rằng đã rơi vào tình cảnh này thì thêm một người hay bớt một người cũng chẳng hề gì. Hơn nữa, ở quê nhà Tuyết cũng có một người em trai, nhưng giờ đây thân cô đang ở Miến Điện, hoàn toàn đoạn tuyệt mọi tin tức với trong nước, hai chị em đã nhiều không được gặp mặt, tính ra cậu nhóc đó cũng trạc tuổi Karaweik. Thế là cô liền chăm sóc cậu bé ân cần như chăm sóc chính em trai của mình vậy.

Tư Mã Khôi và Tuyết còn dễ thuyết phục, duy chỉ có Hải ngọng thì chẳng muốn Karaweik gia nhập đoàn chút nào. Bởi vì người bản địa có tính lè mề chậm chạp, mặc cho người khác tha hồ thúc giục, họ cứ từ từ mà làm, ngay cả bước đi cũng lững thà lững thững. Karaweik cạo trọc đầu là vì người bản địa rất sùng bái đạo Phật. Theo tập tục này, đàn bà con gái đã vào am làm ni cô thì vĩnh viễn không được hoàn tục, ngược lại đàn ông có thể trở thành hòa thượng ở bất cứ nơi đâu, bất cứ thời điểm nào, khi không muốn làm hòa thượng nữa thì nghiễm nhiên có thể hoàn tục. Lý do để người ta vào chùa làm hòa thượng cũng muôn hình vạn trạng, có người thì do tâm trạng không tốt muốn làm hòa thượng vài ba ngày cho vui, có người lại do đạo này hay gặp vận đen nên xuất gia làm tăng nhân mấy bữa để giải hạn.

Do sự ảnh hưởng của Phật pháp mà người bản địa cũng thay đổi họ tự lúc nào không biết. Họ dần trở nên tiêu dao, lười nhác, rất nhiều người là kẻ ba phải, phản ứng chậm chạp, chẳng bao giờ lo lắng nghĩ ngợi, sống thì sống, chết thì chết. Trong tư duy của họ, qua hết kiếp này sẽ có kiếp khác, chẳng việc gì phải dằn vặt về những chuyện trước mắt. Karaweik chính là một trong số đó. “Nhân sinh quan tiêu cực” của họ đã khiến La Đại Hải vô cùng khó chịu.

Sau một hồi than thở, Hải ngọng nhìn thấy những người còn lại đều tản ra bốn phía, anh liền đem mấy tập tài liệu còn sót lại mang ra đốt sạch. Nhìn sang thấy Tuyết và Karaweik đang bày chiếc máy điện đàm quân dụng không dây ra đất, anh bèn thúc giục họ làm nhanh còn vào rừng, cố gắng vớt bớt đồ đạc để tiện đi lại, hơn nữa bây giờ cũng chẳng còn đồng đội nào nữa mà cần liên lạc, giữ bộ điện đàm này chỉ tổ một người, thà đập nát nó ra cho sớm chợ.

Tuy tiếng phát ra từ chiếc máy bộ đàm cũ kỹ toàn là tạp âm, những tiếng “xẹt xẹt” vang lên không ngớt, giọng người nói mơ hồ khó phân biệt nổi, nhưng lúc này Tuyết đang chăm chú theo dõi, hoàn toàn không để ý xem Hải ngọng nói gì. Mấy năm gần đây, Tuyết thường tìm cơ hội để học ngôn ngữ của người bản địa và gần như có thể trở thành phiên dịch. Cô bịt một bên tai, tập trung cao độ, cố gắng nghe tiếng phát ra từ bộ đàm, sắc mặt càng lúc càng xấu. Trong sóng điện lẫn tạp âm lẹt xẹt, chập chờn lúc được lúc mất, dường như cô đã nghe được tin tức gì đó vô cùng đáng sợ.

Hồi thứ ba

CON ĐƯỜNG U LINH BỊ LÃNG QUÊN

Có lẽ vận đen đúng là một loại vận không bao giờ tránh được. Đúng lúc tiểu đội quyết định trốn vào núi Dã Nhân thì Tuyết nghe được tin tức sau cùng phát ra từ bộ đàm: cơn bão nhiệt đới “Buddha”^[17] sắp tràn vào Ấn Độ Dương và dần dần di chuyển về hướng bắc, cơn đầu tiên đang tiếp cận núi Dã Nhân với quy mô cực lớn và cấp độ cực mạnh. Cơn bão hung bạo như thế này rất hiếm xảy ra trong gần ba mươi năm trở lại đây.

Hội Tư Mã Khôi đã tham gia chiến đấu nhiều năm ở Miến Điện, không chỉ một lần chứng kiến hậu quả thiên tai ghê gớm do bão nhiệt đới mang lại, nên họ hiểu rất rõ tin tức này có nghĩa là gì.

Trong rừng rậm nguyên sinh, hiểm nguy bủa vây tứ bề, hiểm họa thực sự không phải đến từ cá sấu và mãng xà khổng lồ mà đến từ rắn độc, côn trùng độc. Hơn nữa, hành quân trong rừng rậm núi sâu là một việc vô cùng gian nan, mỗi bước di chuyển đều phải dùng dao “phạt núi mở đường” mới đi qua được. Vì những nguyên nhân này, nên đường thủy vẫn là con đường tắt nhanh chóng và an toàn nhất.

Nhưng giờ đây, sự xâm nhập và tấn công của cơn bão nhiệt đới chắc chắn sẽ kéo theo lũ lớn tràn về. Nó không chỉ khiến hội Tư Mã Khôi không thể lợi dụng mạng lưới sông ngòi chằng chịt ngang dọc, mà còn khiến những khe rãnh trũng sâu trong lòng núi cũng chịu sự công kích bất ngờ của nước lũ, mà trở nên vô cùng nguy hiểm.

Núi Dã Nhân không chỉ là một ngọn núi mà là tên gọi chung của cả dải núi. Hàng trăm triệu năm trước, đây từng là nơi tập trung giải phóng nguồn năng lượng của lớp vỏ trái đất, tạo thành khu vực nguy hiểm với tần số hoạt động cực kỳ mạnh mẽ. Nó chính là sản vật từ quá trình vận động tạo sơn cổ đại của dãy Himalaya, phía tây dải núi cuốn quanh con sông Irrawaddy^[18], phía bắc tiếp giáp với vùng núi Gao Li Gong, phía nam là bình nguyên Bago rộng lớn, tạo hình rất giống với người khổng lồ đang ngủ say giấc. Nó vắt mình qua ba nước Miến Điện, Lào và Trung Quốc.

Đội du kích cộng sản Miến Điện bị nhốt vào vành đai dài hẹp nằm kẹp giữa đầm lầy và rừng rậm nguyên sinh, nên chỉ đi về hướng bắc rồi xuyên qua núi Dã Nhân mới có thể tiếp cận biên giới Trung Quốc. Trong tay Tư Mã Khôi lại không có bản đồ, để tránh đi lạc đường, vốn dĩ anh lên kế hoạch men theo con sông lần ngược lên thượng nguồn, nhưng giờ đây cơn bão nhiệt đới đã mang theo mưa to gió lớn, chắc chắn sẽ khiến con lũ bất ngờ tràn về với tốc độ và cấp độ kinh hoàng. Nếu đi ngược dòng, chắc chắn sẽ lãnh hậu quả khủng khiếp bị lũ cuốn trôi và nuốt chửng, mà cho dù tránh đường thủy để chuyển sang đi trên mỏm núi thì cũng phải chịu sự uy hiếp không kém từ nguy cơ sạt lở và dòng chảy bùn đá.

Thế là ngay cả tia hy vọng cuối cùng cũng bị dập tắt, có điều Tư Mã Khôi cũng hiểu rất rõ, bất luận tình thế xoay chuyển ra sao thì cuối cùng họ vẫn đâm ra con đường chết, chỉ là xem đích đến kết thúc ở đâu mà thôi. Sau khi cân nhắc một lúc, anh cảm thấy được chết càng gần tổ quốc bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Nghĩ vậy, Tư Mã Khôi bèn quay lại giục mọi người nhanh chóng nài nỉ hành lý chuẩn bị lên đường, đồng thời bảo La Đại Hải cho nổ luôn chiếc máy bộ đàm quân dụng không dây, sau đó cả đoàn không hề do dự một phút, lập tức đứng dậy khởi hành.

Miến Điện là một quốc gia cổ xưa có truyền thống lịch sử rất lâu đời. Thời cận đại, nước này từng bị thực dân Anh thống trị gần một trăm năm, trong đại chiến thế giới lần thứ hai, Anh, Mỹ, Trung Quốc, Nhật

Bản lần lượt chạy qua chạy lại nơi đây như đèn kéo quân, đánh nhau loạn xì ngầu, khó khăn lắm mới thoát khỏi chủ nghĩa thực dân và giành được độc lập. Ngờ đâu những ngày thái bình chưa hưởng thụ được bao lâu thì đất nước lại rơi vào cuộc nội chiến đẫm máu, kéo dài suốt nhiều năm.

Thời gian đầu, khi uy danh của quân cộng sản Miến Điện còn vững chắc, vật chất dự trữ và vũ khí quân đội luôn vô cùng đầy đủ, ngay cả súng cối, ống hỏa tiễn, xe tăng thiết giáp cũng được trang bị, các loại súng ống đạn dược nhiều không kể xiết. Từng thùng, từng thùng bom mìn và lựu đạn cầm tay chất đống cao như núi, các loại vũ khí quân dụng của Trung Quốc, Mỹ, Anh, Nhật, Liên Xô, Đức muốn bao nhiêu có bấy nhiêu, thậm chí còn có cả xưởng sản xuất vũ khí chiến tranh bản địa “nhãn hiệu Miến Điện”, xưởng này có thể làm nhái súng ngắn và súng trường của Anh. Nơi đây quả không hổ danh với biệt hiệu: “bảo tàng trang thiết bị vũ khí đa quốc gia”. Thế nhưng quân cộng sản Miến Điện lại rất ít vũ khí đời mới, mà đại bộ phận đều là đồ lưu cữu từ những thời kỳ chiến tranh trước.

Rồi kể từ khi chiến dịch Kunlong thảm bại, quân đội cộng sản Miến Điện đã bị gục hẫng không thể đứng dậy nổi nữa, vũ khí đạn dược của bộ đội cũng bắt đầu phải giắt gấu vá vai. Và giờ đây, hội bốn người Tư Mã Khôi ngoại trừ khẩu súng ngắn phòng thân ra thì chỉ còn lại hai khẩu súng trường kiểu cũ do Anh chế tạo, với số lượng đạn dược ít ỏi, còn bên mình hầu như không còn lương thực và thuốc men gì nữa. Cả đoàn tiến vào rừng rậm nguyên sinh trong núi Dã Nhân, tứ bề cây cối mênh mông ngút tầm mắt, mà không hề có bản đồ và người dẫn đường.

Ngày hôm đó, sau khi vượt qua được hai mỏm núi, địa hình dần dần thấp xuống, hệ thực vật trong rừng sâu cũng um tùm rậm rạp hơn, gần như không tìm được chỗ đặt chân xuống. Người đi vào trong đó, ngẩng đầu lên chẳng nhìn thấy bầu trời, nếu không nhờ vào kim chỉ nam và chiếc la bàn, thì chắc chắn không thể phân biệt được phương hướng. Cả hội có cảm giác đang lạc vào một mê cung tự nhiên âm u và kín mít,

bốn người đành phải liên tục dùng dao phát quang cây cỏ xung quanh để mở lối, tốc độ di chuyển vì thế mà chậm đi rất nhiều.

Cánh rừng rậm nguyên sinh rộng lớn này có lịch sử tồn tại hơn một trăm hai mươi mấy triệu năm. Nó nằm ở giữa khe cốc trũng, xung quanh có nhiều dãy núi cao vây kín, nơi này lúc nào cũng tĩnh mịch, yên ắng lạ thường. Hàng trăm khe suối chằng chịt tạo thành một mạng lưới che phủ tứ bề, khiến khí hậu luôn luôn ẩm ướt, oi bức, không có mưa, cũng chẳng có nắng. Trong cánh rừng bí ẩn này có rất nhiều thực vật nhiệt đới sinh trưởng. Chúng muôn màu muôn vẻ, một số loài có thể tưởng tượng ra nhưng đa số chúng thì không thể tưởng tượng nổi. Chủng loại của chúng cũng dễ lên đến con số hàng chục triệu, trong phạm vi tầm nhìn của hai con mắt, nên dường như bạn không thể tìm thấy hai loài thực vật nào hoàn toàn giống nhau.

Cành lá của các cây cỏ thụ đan cài vào nhau che kín vòm trời, có những thân cây cao đến tám chín mét, tán lá dày và rộng khiến bầu không khí trong khu rừng trở nên âm u khác thường. Tầng lớp sương mù nhàn nhạt mịt mù giăng mắc khắp nơi, thỉnh thoảng lại nhìn thấy những con măng xà không lồ ẩn mình trong cây cỏ thụ chờ sẵn mồi. Những loại rắn độc, côn trùng độc, chẳng rõ tên gọi quanh quất suốt cả dải rừng. Cá sấu cũng luôn bất thành linh xuất hiện trong bụi rậm um tùm hoặc bên bờ sông. Ở dưới nước, từng đàn nòng nọc thân hình to lớn dị thường bơi lội nhưng nhúc thành từng bầy từng đàn, chẳng rõ sau khi biến thành ếch, bọn chúng phải lớn đến cỡ nào. Hội Tư Mã Khôi từng lăn lộn nhiều năm ở chốn sa trường, tinh thần cũng chẳng phải hạng vừa, vậy mà khi ngụp lặn giữa không gian tự nhiên xanh thẫm này, thì trong lòng ai nấy đều không tránh khỏi cảm giác rợn tóc gáy.

Bốn người luôn đề cao tinh thần cảnh giác, chẳng phút nào dám lơ là. Họ vừa đi vừa cố gắng né tránh mọi hiểm nguy có khả năng gặp phải. Có điều, mọi vật trước mắt dường như đều được nhuộm kín bởi một màu xanh quái dị, làm đầu óc họ cũng bị nhiễu loạn, mơ hồ theo. Nhìn rừng cây cỏ thụ kênh càng đan cài xoắn xuýt vào nhau, người ta rất dễ nảy sinh cảm giác bàng hoàng như vừa choàng tỉnh khỏi cơn u mê, rồi bất

chợt cảm nhận một cách rõ ràng và sâu sắc, về sự khác biệt to lớn giữa cái vĩnh hằng vô biên của tự nhiên bao la và cái ngắn ngủi mờ mịt của sinh mệnh con người. Sự cảm khái bất ngờ đến từ nơi sâu thẳm trong linh hồn này đã át chế cả chủ thể, nó khiến người ta cảm thấy ngộp thở, đầu óc cũng mụ mị đi ít nhiều. Cả hội đành phải liên tục dừng bước, cẩn thận xác định lại vị trí.

Theo kinh nghiệm từ trước đến nay của Tư Mã Khôi, nếu tiếp tục đi trong tình trạng này sẽ rất dễ bị lạc đường, có lẽ tìm một con suối hoặc một dòng chảy nhỏ nào đó làm vật tham chiếu thì sẽ tốt hơn. Khi bọn họ tiến sâu thêm một đoạn nữa thì chợt nhìn thấy một con suối rộng rãi khoáng đạt nằm sâu trong rừng rậm, bề ngang lên tới mấy mét, dòng nước chảy lững lờ, có vẻ rất êm ả, hiền hòa.

Dòng nước suối trong suốt đến tận đáy, có thể nhìn rõ những viên đá ngũ sắc tròn tròn nằm dưới đáy sâu. Cả con suối ánh lên vẻ mềm mại thướt tha như một dải lụa đào; lòng suối thoải thoải, từng vòng sóng nước lấp la lấp lánh như những vẩy lân tinh.

Tư Mã Khôi quan sát địa hình cạnh đó rồi nói: “Nơi nước nông sẽ tương đối an toàn, chúng ta cứ đi men theo con suối mà lên thượng nguồn, đợi khi cơn bão đến thì sẽ trèo lên chỗ cao hơn.”

Đi trong rừng rậm, không khí ẩm ướt nóng bức suốt cả thời gian dài, đã khiến vết thương trên vai anh cứ ngâm ngấm đau, nhìn lại thì thấy nó đã tấy mủ và bốc mùi hôi, nhưng giờ đây lại chẳng có thuốc men gì, nên cho dù nó có nát mủn ra thì cũng đành mặc kệ. Nhìn thấy dòng nước suối trong lành, mát lạnh, anh bèn đi đến đó, định bụng sẽ tháo vết thương ra rửa cho sạch sẽ.

Nhưng anh chưa kịp đến gần con suối thì Karaweik đột nhiên nhào tới, ôm cứng lấy thắt lưng anh, rồi xông ra trước mặt, cố sức lắc đầu, trên mặt còn đọng nguyên vện thần sắc sợ hãi kinh hoàng, miệng không ngừng “lú lú” điều gì nghe không rõ.

La Đại Hải tóm lấy Karaweik như tóm một chú khỉ rồi giăng cạm ta ra khỏi người Tư Mã Khôi. Anh lớn giọng quát mắng: “Chủ Nhật! Làm gì mà la hét nặng nề lên thế hử? Anh thấy chú mày đi theo chỉ tổ làm vướng chân vướng cẳng bọn anh mà thôi. Nhân lúc còn chưa muộn, hãy mau quay đầu mà trở về. Nói không chừng, bọn lính nhìn thấy chú mày còn ít tuổi, ngay cả lông trên người còn chưa mọc hết, chúng sẽ coi chú mày như quả rắm, đánh một cái là xong đấy.”

Tuyệt đứng bên cạnh nhìn thấy phản ứng của Karaweik, trong lòng thâm nghi chắc có chuyện gì đó không lành, cô vội vàng ngăn Hải ngóng lại rồi dùng tiếng thô ngữ hỏi Karaweik sự tình, hai người trao đổi một hồi. Tuyệt nghe xong, dường như cảm thấy rất khó lý giải, nhưng cô vẫn nói lại với Tư Mã Khôi và La Đại Hải: “Chủ Nhật nói, trong núi Dã Nhân có ma nước, người nào uống phải nước ở đây đều không sống nổi.”

La Đại Hải cho rằng chắc ý của Karaweik là trong nước có độc, nghe xong bèn chẳng buồn để tâm, quay ra nói: “Toàn nói linh tinh, không nhìn thấy cá đang bơi dưới nước mà vẫn sống ngoe nguẩy kia sao?”

Trái với La Đại Hải, Tư Mã Khôi cũng có vài phần tin lời Karaweik, bởi anh từng học được rất nhiều bản lĩnh từ “Văn Võ tiên sinh”, ngoại trừ các bí kíp lục lâm ra, còn có bộ “Kim điển mật truyền”, tục gọi là “Kim bát hoán”, mà từ đầu chí cuối đều học bằng khẩu quyết, do sư phụ truyền miệng lại cho học trò, còn học trò phải nhập tâm ghi nhớ, tuyệt đối không được chép ra giấy dù chỉ một chữ. “Kim bát hoán” chia ra làm ba chương, lần lượt là “Thiên, địa, nhân”. *Thiên*, tức chỉ bát quái trong Tiên thiên tốc chương, *địa* là địa lý sông núi, *nhân* là mọi sự tương tác giữa vật và vật.

Những điều này đều là gốc rễ khởi nghiệp của tổ tiên họ Trương để lại, nội dung vô cùng thâm thúy ảo diệu, có phạm vi bao hàm rất rộng lớn, còn được người đời ca tụng là thiên hạ độc môn. Vì chịu ảnh hưởng từ di huấn của dòng họ: “Thà mất mạng cũng không để lộ nửa chữ vàng” nên từ trước đến nay bí kíp này chỉ truyền thụ cho con trai chứ không

truyền thụ cho con gái, chỉ truyền cho người trong gia tộc chứ không truyền cho người ngoài. Câu cuối cùng trong bộ khẩu quyết đã khái quát tất cả tinh hoa chủ yếu của toàn tập: “Phải nhìn điểm đầu mà suy đoán điểm cuối, gặp một việc mà hiểu ba việc, lấy nhất biến ứng vạn biến, biết giới hạn chừng mực mà dừng lại, am hiểu thông tỏ mọi trò trên đời, như vậy có thể mặc sức tung hoành, thần quỷ khó lường, lòng danh bốn bể”. Do vậy, người ta có thể từ một chi tiết nhỏ mà suy đoán toàn bộ chân tướng sự việc.

Năm đó, khi Tư Mã Khôi được truyền thụ bí pháp “Kim điển mật truyền” thì tuổi hầy còn nhỏ, khó lòng lĩnh hội hết cái ảo diệu ẩn chứa bên trong, mà chỉ gắng học vẹt để cố khắc vào não. Mãi cho đến khi anh gặp được Triệu Lão Biệt nơi Hắc Ốc hoang phế, thì mới biết bí thuật cổ xưa có cội nguồn từ rất lâu đời này quả thực là rất hữu dụng, từ đó mới dần dần bắt đầu mày mò nghiên cứu. Hơn nữa, mấy năm trở lại đây, Tư Mã Khôi cũng chứng kiến rất nhiều chuyện vượt ngoài sức tưởng tượng ở Miến Điện. Mảnh đất hoang vu, vắng vẻ này bị yểm rất nhiều loại tà pháp như phù chú, bùa ngải hại người, bởi thế thường xảy ra những hiện tượng thần bí khó có thể dùng lý lẽ thông thường để giải thích.

Có câu: “Cây có gốc, suối có nguồn”, ở nơi đầm rộng núi sâu này, tất phải tồn tại rất nhiều quái thú, Tư Mã Khôi nghe Karaweik - một người bản địa nói, nước ở trong núi Dã Nhân không được uống, liền lập tức liên tưởng đến thời khắc tan rã của đội quân du kích. Khi đó, hầu hết mọi người thà tự chĩa họng súng vào đầu cũng không dám đến gần khu rừng rậm nguyên sinh nửa bước, thì bên trong chắc hẳn phải có nguyên nhân của nó, chỉ sợ nguyên nhân đó không chỉ đơn thuần dừng lại ở vấn đề “nguồn nước”, nhưng rốt cục cội nguồn gốc rễ của nó là gì thì chẳng ai được rõ. Tư Mã Khôi không hiểu nhiều lắm về núi Dã Nhân bèn nhờ Tuyệt hời kỹ Karaweik, bảo cậu ta kể lại thật cụ thể chi tiết.

Nhưng hỏi ra mới hay, ngay cả Karaweik cũng ù ù cạc cạc, chỉ nghe người Bắc Miến tương truyền từ xưa rằng cánh rừng bí ẩn trong lòng núi sâu có sương mù bủa vây, đó là vùng đất vô cùng nguy hiểm, có đi mà không có về, nó khiến những người bỏ mạng ở đây đã không thể

đầu thai luân hồi, lại không được trở thành Phật, thậm chí còn chẳng thể xuống nổi âm tào địa phủ, cái đợi chờ họ chỉ có hư vô vĩnh hằng.

Hàng trăm dòng nước chảy qua hoặc khởi nguồn từ núi Dã Nhân, cuối cùng đều đổ về vùng đầm lầy rộng lớn, cho dù nước ở đầm trong xanh đến đâu đi nữa, thì từ trước đến nay cũng chẳng có người nào dám uống. Bởi vì những con suối chảy ra từ khe núi từ hàng ngàn năm trước đã sớm bị thổ dân yểm bùa, nên ai chạm vào chắc chắn sẽ bỏ mạng bất thành linh, hơn nữa sau khi chết đi, hồn phách cũng không được siêu thoát. Chỉ có nước sương đêm còn đọng lại vào buổi sáng sớm, hoặc nước tù trong hồ nước mới được phép uống.

Tư Mã Khôi cảm thấy thà tin là chuyện đó có thật mà tránh đi cho lành còn hơn không tin, vì giờ đây chỉ còn cách thật cẩn trọng họ mới mong sống lâu thêm vài giờ. Nghĩ vậy, anh bèn vỗ vỗ vào vai Karaweik tỏ ý đã hiểu ý cậu ta. Xem ra núi Dã Nhân quả đúng là chốn hung hiểm, ngoài khí hậu khắc nghiệt sắp sửa giáng xuống đầu ra thì ngay cả khe suối bờ sông cũng không thể đến gần được nữa.

Kế sách duy nhất lúc này là phải đi ở nơi cao, không thể đi ở chỗ thấp, bởi vậy cả đoàn đành tìm đường lên trên các mỏm núi. Tư Mã Khôi vác súng trường, đang chuẩn bị đứng dậy khởi hành thì lại bị Karaweik níu lại, cậu chỉ tay vào một khe núi ở bên cạnh, miệng nói liên thanh như súng bắn, dường như muốn bảo Tư Mã Khôi nên đi theo hướng ấy.

Miền bắc Miến Điện có một câu truyền miệng đại ý là “Trong quân đội nhân dân không có nhân dân”. Sự thực quả đúng như vậy, đội ngũ tác chiến quân đội nhân dân Miến Điện thực ra chẳng có mấy người gốc Miến Điện mà phần đông đều là người Trung Quốc. Điều này nói ra cũng khá kỳ lạ, tuy nhiên vẫn có một số người bản địa gốc. Tư Mã Khôi sống cùng những chiến hữu Miến Điện trong đội du kích lâu ngày, ít nhiều cũng hiểu được một vài câu thổ ngữ và tiếng Anh thông dụng nhất.

Lúc này dường như nghe thấy Karaweik nhắc đến “con đường” gì đó, đầu óc anh tự nhiên quay mòng khó hiểu: “Này Chủ Nhật! Chú mày nói trong khe núi có đường hả? Không phải đang nói nhăng cuội đấy

chứ? Nơi rừng già núi sâu hiểm dấu chân người qua lại đào đâu ra đường mà đi?”

Tuyệt dịch lại cho Tư Mã Khôi: “Ý của Chủ Nhật muốn nói... trong khe núi đằng kia có một con đường tên là: đường U Linh.”

Thông tin này khiến ba người đều cảm thấy rất đổi mơ hồ, đường U Linh nghĩa là gì? Nó là con đường cho người đi hay cho ma đi?

Khả năng biểu đạt của Karaweik rất kém, không thể giải thích rõ ý nghĩ của mình. Cậu vò đầu bứt tai liên tục, rồi dường như chợt nhớ ra điều gì, cậu bèn dốc ngược túi xách, lật tìm một hồi lâu, cuối cùng cũng lôi được một cuốn nhật ký rách nát, đưa cho hội Tư Mã Khôi xem.

Tư Mã Khôi đón lấy cuốn sách, cảm thấy hình như trong cuốn nhật ký có kẹp một vật gì đó, anh liền lật ra xem thì thấy một chiếc cầu vai của bộ quân phục, trên đó thêu hình một chiếc đầu hổ, nền màu xanh thẫm, như để tượng trưng cho rừng rậm nhiệt đới, bên dưới có mấy hàng chữ cái tiếng Anh, nhưng đã bị sờn rách từ lâu, khó có thể phân biệt đó là chữ gì. Dưới chiếc huy hiệu còn kẹp một bức ảnh đen trắng đã ngả vàng, hình ảnh không rõ nét, có lẽ là bức ảnh chụp tập thể của cả doanh trại bộ đội hơn mấy trăm người. Do số người quá đông nên trông toàn cảnh chi chít, không nhìn rõ được từng chi tiết cụ thể.

Giở mấy trang tiếp, đọc nội dung được ghi chép bên trong cuốn nhật ký, không ngờ văn tự toàn bộ lại là chữ Hán, Tư Mã Khôi chỉ giở vài trang, càng đọc trong lòng càng cảm thấy kinh ngạc. Cùng lúc đó, anh cũng suy đoán được câu chuyện mà Karaweik muốn nói: Ở góc ngọn núi hoang vu hiểm yếu nhất của núi Dã Nhân, quả thực tồn tại một con đường vừa ẩn khuất vừa thần bí, tên là U Linh. Con đường đó vốn có tên là Stilwell, được bộ đội công binh hai nước Trung - Mỹ liên kết xây dựng nên trong thời kỳ thế chiến thứ hai. Cuốn nhật ký cũng nhắc đến dải khu vực có liên quan đến đường U Linh, với rất nhiều sự kiện đặc biệt thần bí khác.

Hồi thứ tư

A - B

Thỉnh thoảng Tư Mã Khôi lại có suy nghĩ: “Vận may, cái thứ ấy đôi lúc lại có vài phần giống với tính cách con gái, bạn càng muốn có cô ấy thì cô ấy lại càng tránh xa bạn, đến khi bạn chẳng còn ôm chút vọng tưởng nào nữa, thì cô ấy lại tự mình mò đến tìm”.

Tình thế bây giờ vừa vặn ứng với suy nghĩ ấy, sau khi đội du kích cộng sản Miến Điện tan rã, những kẻ sống sót trong hội Tư Mã Khôi quyết định mạo hiểm xuyên qua núi Dã Nhân trở về Trung Quốc. Tuy biết chắc rằng con đường họ đang đi là con đường tử thần không có chút cơ may sống sót, nhưng họ vẫn không thể không gắng hết sức tiến lên phía trước. Đúng lúc gần như mọi hy vọng đều bị dập tắt thì Karaweik lại chỉ ra một “con đường quân sự” bí ẩn dị thường.

Tư Mã Khôi biết việc này liên quan rất hệ trọng đến nhiều việc khác nên không dám nhẹ dạ tin ngay, mà nhờ Tuyết hỏi lại Karaweik xem cuốn nhật ký và chiếc cầu vai hình đầu hổ xuất xứ từ đâu, còn anh và La Đại Hải cầm cúi đọc tiếp cuốn nhật ký để xem có thể tìm thấy đáp án từ đó không.

Khoảng hơn nửa tiếng sau, Tư Mã Khôi cuối cùng cũng hiểu rõ mọi mạch nguồn sự việc. Thì ra trong lòng núi Dã Nhân che giấu một con đường chiến lược. Các tư liệu lịch sử gọi nó là đường Stilwell.

Con đường Stilwell kéo dài từ vùng Đông Bắc Ấn Độ ngang qua Miến Điện tới tận vùng Tây Nam Trung Quốc. Con đường được Mỹ và Trung Quốc hợp tác xây dựng từ thế chiến thứ II, có tổng chiều dài 1.726

km. Đây là con đường xuyên rừng, băng qua nhiều núi trong dãy Himalaya và hơn 100 con sông. Hầu hết các đoạn đường đều bị rừng che phủ và không thể sử dụng được. Con đường này đã được các lực lượng Anh và Mỹ sử dụng nhằm cung cấp vũ khí, quân binh cho Trung Quốc để chống lại Nhật Bản trong đại chiến II. Con đường cũng đã được Tưởng Giới Thạch đặt theo tên của nhà chỉ huy quân sự Mỹ tại Trung Quốc thời thế chiến thứ II: Joseph Warren Stilwell.

Đây là khu vực có địa hình gồ ghề, khúc khuỷu và phức tạp nhất trên trái đất. Lốp vỏ địa cầu dường như đến đây thì đột nhiên đội lên vô số nếp gấp, một số nơi có độ cao chênh lệch lên tới ba bốn ngàn mét.

Năm đó có một bức ảnh thời sự chiến tranh nổi tiếng khắp thế giới, tâm hình chụp cảnh một đoàn xe tải Mỹ nối đuôi nhau chạy chậm chậm loanh quanh con đường núi ngoằn ngoèo. Con đường đó nhỏ hẹp dị thường, nhưng chỉ trong khoảng cách vài cây số ngắn ngủi, đã liên tiếp xuất hiện mấy chục đoạn cua gấp, còn một bức khác thì không nhìn thấy đoàn xe tải, mà chỉ thấy con đường núi quanh co, lượn vòng. Hai bức ảnh đó đều có chung một phong nền - đó là đoạn đường lưng danh có tên: “Con đường hai mươi bốn khúc cua”, nó chính là một phần của tuyến đường Stilwell.

Khi tiến hành xây dựng con đường này, chiến tranh đang bước vào giai đoạn ác liệt. Máy bay vận tải của không quân Mỹ viện trợ cho Trung Quốc, liên tục đi đi về về phía trên những đỉnh núi nhấp nhô, nhưng do khi đó máy bay đa phần là loại nhỏ, thêm vào đó điều kiện phi hành trên khu vực này vô cùng khắc nghiệt, nên thường xuyên xảy ra tình trạng máy bay rơi tan xác, tổn thất về người và của quả không thể tính đếm. Nếu chỉ dựa vào đường hàng không thì khó lòng có thể viện trợ một cách đầy đủ cho nhu cầu vật chất ngày một phình to khổng lồ của cả chiến trường Trung Quốc, bởi vậy phía quân đội quyết định mở con đường đi xuyên qua khu rừng nguyên sinh này.

Miến Điện lúc đó đang bị quân Nhật chiếm đóng, bộ đội công binh Trung Quốc và Mỹ đã phải trả giá rất đắt để xây dựng con đường này. Họ đào núi thông đường, bắc cầu qua sông. Trong lúc xây dựng cầu

đường, cuộc chiến tranh với quân Nhật vẫn diễn ra ngày một khốc liệt hơn, mỗi một mét đường đều được đắp bởi sự hi sinh của bao mạng người. Có thể nói, người ta đã dùng tính mạng quý báu của không biết bao nhiêu quân nhân để đổi lấy con đường khúc khuỷu gồ ghề đó.

Điều hiển nhiên mà ai cũng biết là, con đường Stilwell không phải tuyến đường duy nhất, ngoài hai trục đường chủ đạo, mà lúc đó gọi là “trục bắc” và “trục nam” ra thì ở giữa còn có rất nhiều đường nhánh, nguyên nhân chính là do kết cấu địa chất ở đây quá phức tạp, môi trường tự nhiên vô cùng khắc nghiệt, khiến con đường đang xây dựng dở dang thì bị bỏ dở và chuyển sang nơi khác. Vì vậy, men theo con đường Stilwell ngoằn ngoèo như rắn lượn cũng xuất hiện rất nhiều đoạn đường rẽ ngang bị bỏ hoang phế.

Tuyến đường bị bỏ hoang dài nhất trong đó nằm trong lòng núi Dã Nhân, thuộc miền bắc Miến Điện. Năm đó, bộ đội công binh hai nước Trung - Mỹ đã tìm thấy một con đường xưa cũ hoang tàn, có từ thời kỳ chiến tranh giữa Anh và Miến Điện còn để lại trong cánh rừng bí ẩn nơi núi sâu.

Từ những năm chủ nghĩa thực dân bành trướng ở phương Tây, người Pháp đặt hệ thống cai trị của mình dọc suốt ba nước Việt Nam, Campuchia, Lào và gọi chung là Đông Dương. Miến Điện lúc bấy giờ là thuộc địa của thực dân Anh. Trong cánh rừng nguyên sinh giữa lòng sơn cốc có một dải đất từ đầu chí cuối không thuộc địa phận của bất kỳ quốc gia nào, nên hai nước Anh, Pháp đều đã bỏ rất nhiều công sức và tiền bạc để xây dựng các tuyến đường bộ và đường sắt, với ý đồ mưu chiếm khu vực này về tay mình. Nhưng những khó khăn và nguy hiểm mà họ gặp phải ở núi Dã Nhân quả thực đã vượt xa khỏi sức tưởng tượng của họ. Rất nhiều người phải bỏ mạng nơi đây, bởi vậy cuối cùng công trình đã không thể hoàn thành. Tuy vậy, những sự việc khủng khiếp mà mỗi bên gặp phải trong núi Dã Nhân từ trước đến nay đều được giữ bí mật, chẳng bên nào dám tiết lộ công khai.

Trong một ngôi chùa ở Miến Điện còn cất giấu một tấm bản đồ cổ với lai lịch bất minh. Tấm bản đồ mô tả về “Tượng Môn” của núi Dã

Nhân. Địa danh có tên Tượng Môn ấy kỳ thực là một sơn cốc rất sâu. Môi trường tự nhiên trong cốc âm u, ẩm ướt, vô cùng thích hợp để các loài mãnh xà khổng lồ ở Miến Điện ẩn thân. Nghe nói, sơn cốc chính là lãnh địa vùi xương của đàn voi rừng. Tuy rằng di tích thời xưa đã sớm tiêu tan không còn dấu vết, nhưng khi xây dựng con đường Stilwell, quân đội công binh Mỹ đã tham khảo bức bản đồ cổ, rồi căn cứ vào địa hình của dãy núi để sửa chữa con đường thành hình quanh co lượn sóng, đồng thời hi vọng có thể tận dụng đoạn đường bị bỏ phế mà quân Anh để lại. Như vậy, họ vừa có thể tiết kiệm được rất nhiều công sức, vừa có thể làm đường đi xuyên qua lòng núi. Tuy nhiên, cuối cùng sự việc lại không như mong muốn, nên đoạn đường chìm lặn nơi góc chết khu vực miền núi Bắc Miến này dần dần bị người đời cho vào quên lãng, và trở thành “Con đường U Linh” hữu danh vô thực, vất vưởng bao linh hồn oan khuất. Từ đó trở đi, chẳng ai biết đích xác vị trí của nó nữa.

Khi đó, để nhanh chóng đạt được hiệp ước hành động quân sự song phương giữa Trung Quốc và Mỹ, quân đội Trung Quốc đã điều động rất nhiều sĩ quan quân đội biết tiếng Anh, từng được huấn luyện qua lớp đào tạo sĩ quan Mỹ ở Ấn Độ, gia nhập quân đội Mỹ. Trong số đó có thiếu úy Từ, tên đầy đủ là Từ Bình An, ông được đặc phái đến “Quân đoàn công trình tác chiến độc lập thứ sáu của quân đội Mỹ”, đồng thời theo binh đoàn này gánh vác trọng trách cực kỳ gian khổ, đó là xây dựng cầu đường ở núi Dã Nhân. Trong một lần chiến đấu với quân Nhật, ông không may bị thương nặng, cả gương mặt cháy bỏng nghiêm trọng, dung nhan bị hủy hoại hoàn toàn, trên thân thể cũng để lại những di chứng tàn phế. Sau khi lành vết thương, ông không muốn trở về tổ quốc mà chọn cách lưu lại Bắc Miến, lấy một cô gái bản địa làm vợ.

Từ Bình An chính là cố nội của Karaweik, ông đã ghi chép tất cả những điều mắt thấy tai nghe ở núi Dã Nhân vào cuốn sổ nhật ký. Có điều, ông từ già cõi đời khá sớm nên hậu duệ đều nhập gia tùy tục, hơn nữa họ lại được sinh ra và lớn lên trong núi sâu nên tuy là Hoa kiều, nhưng chẳng ai biết nói tiếng Trung Quốc cả.

Vì Karaweik là Hoa kiều, hơn nữa lại từng được Hạ Thiết Đông cứu mạng, nên cậu luôn tỏ ra gần gũi với người Trung Quốc trong đội du kích cộng sản Miến Điện, và thường cảm thấy bản thân như có quan hệ họ hàng với những người này. Tuy cậu không hiểu hội ba người Tư Mã Khôi đang bàn bạc vấn đề gì, nhưng không khó nhận ra những người này đang muốn tiến vào núi Dã Nhân - nơi hiểm trở không gì sánh nổi.

Ở Miến Điện có một loại hương liệu rất đặc biệt, đó là những rễ cây cỏ thụ được đào trong rừng, sau đó đem đốt thành than rồi nghiền vụn mà thành. Núi Dã Nhân có rất nhiều cây cỏ thụ hàng ngàn năm tuổi, ông Từ Bình An lại rất thông thạo địa hình của dải núi, hơn thế nữa còn nắm rõ tình hình phân bố từng đoạn đường, bởi vậy ông thường vào núi đào rễ cây chế thành hương liệu, hoặc hái thuốc nơi núi cao vực thẳm, để duy trì cuộc sống hàng ngày.

Karaweik từng được người nhà nhiều lần dẫn vào núi hái thuốc, nên cũng khá quen đường. Tuy qua nhiều năm, con đường vận tải quân dụng được xây dựng ngày xưa đã sớm bị bùn đất và thảm thực vật che lấp, lại có những đoạn dài bị chôn vùi do lở núi, nhưng ngoài Karaweik ra thì những người còn lại khó có thể tìm thấy dấu vết con đường cũ bị che khuất dưới lòng đất.

Ghi chép của ông Từ Bình An tuy không vẽ bản đồ, nhưng thông qua con chữ, ông đã mô tả địa hình núi Dã Nhân rất chi tiết. Dải núi này chiều đông tây khá rộng nhưng chiều nam bắc lại rất hẹp, địa thế từ tây bắc thấp dần xuống đông nam. Địa hình của nó vô cùng gồ ghề, phức tạp, thực vật rậm rạp, um tùm, dưới lòng đất có vô số huyết động rỗng, sương mù dày đặc, tích tụ từ năm này qua năm khác, chẳng bao giờ tiêu tan. Con đường Stilwell từ nam chí bắc, chạy quanh co khúc khuỷu đến núi Dã Nhân thì chẽ ra thành hình chữ Y, ở giữa là ngã ba, bên phải đánh dấu là tuyến đường 719A, bên trái là tuyến đường 206B, được quân Mỹ gọi chung bằng cái tên “Đường U Linh”.

Tuyến đường A cuốn quanh dải đất men theo sườn phải của núi Dã Nhân, tuy đường dài và phải đi vòng vèo nhưng lại tương đối an toàn.

Tuyến đường B tận dụng rất nhiều huyết động tự nhiên, để đâm xuyên qua núi. Đó chính là con đường ngắn nhất tới biên giới Trung Quốc.

Nhưng khu vực mà tuyến đường B - con đường U Linh - đi qua lại là khu vực đáng sợ nhất trong cả dải núi Dã Nhân. Lúc xây dựng đường hầm này, người ta phát hiện hầu hết các khe đá huyết động trong lòng núi Dã Nhân đều có màn sương dày đặc trắng xóa phun trào, những người vào trong trình thám không một ai trở về. Con đường càng tiến vào sâu càng khiến nhiều thành viên của “Quân đoàn công trình tác chiến độc lập thứ sáu của quân đội Mỹ” mất tích, đến nay vẫn chẳng rõ tung tích.

Về việc sương mù xuất hiện dưới lòng đất, người ta đặt ra ba giả thuyết. Thời kỳ thực dân sơ khai, có một nhà thám hiểm người Anh từng nêu quan điểm: đây là “chướng khí”. Ông ta suy đoán trong sương có chứa một chất kịch độc, chỉ cần hít vào là tim gan liền bị tê liệt, nhưng sau đó qua nhiều lần thử nghiệm, giả thuyết thứ nhất hoàn toàn bị loại trừ. Người ta lại đưa ra một cách giải thích khác: truyền thuyết kể rằng ở nơi sâu trong Tượng Môn có một con mãng xà khổng lồ màu đen cư ngụ, người bản địa gọi nó là “Trường xà”, dân gian nhiều kẻ còn thờ phụng nó như thần tiên. Nó dài đến hàng mét, có thể phun sương nhả mây, chỉ cần người hoặc gia súc đi ngang gần đó lập tức bị nó hút thẳng vào bụng. Đồng thời, họ còn đồn đại nước suối chảy ra từ đám mây mù đó đều lọc qua hàng đống xương trắng chất cao như núi, trong đó còn ngấm cả dịch độc do mãng xà tiết ra, bởi vậy tuyệt đối không được uống.

Giả thuyết có mãng xà phun sương nhả mây dưới lòng đất được rất nhiều người tin là thật. Có điều, nếu hỏi đã ai tận mắt nhìn thấy chưa, thì tất cả đều lắc đầu quầy quậy, nhưng sau đó đều giơ tay thề với Phật tổ rằng quả thực có người từng nhìn thấy nó ở núi Dã Nhân. Nói đi nói lại, cuối cùng cũng khó lòng phân biệt nổi thực hư, vì vậy không thể kỳ vọng lấy được tin tức gì đó đáng giá từ miệng người bản địa.

Thậm chí, có người còn nói, các thổ dân thời cổ đại để bảo vệ bí mật được ẩn giấu trong núi Dã Nhân, đã yểm bùa vào nguồn nước, kẻ trúng tà rất khó giải cứu, gần như không còn đường sống.

Tóm lại, nhắc đến ngọn núi Dã Nhân, thực sự chỉ khiến người ta “không lạnh mà sờn gai ốc, nghe nói mà mặt biến sắc”, nó dường như là con ác quỷ có thể nuốt chửng mọi sinh mệnh trên đời. Bao trùm lên tất cả các truyền thuyết kỳ kỳ là màn sương mù dày đặc vẫn giăng mắc khắp quần thể núi, trông mờ mờ ảo ảo đến quái dị, khiến người ta nhìn mà khiếp sợ, khó mà nắm bắt.

Tuyến đường B do quân đoàn bộ đội công binh Mỹ xây dựng, do gặp phải trở ngại quá lớn nên rốt cục đành đứt gánh giữa đường. Từ sườn tây núi Dã Nhân, họ lại quay về tuyến đường A. Tuy cuối cùng tuyến đường này không thể thông suốt nhưng vẫn có thể đi vòng qua núi Dã Nhân, song cũng phải mất mười mấy ngày.

Karaweik lo rằng hội Tư Mã Khôi có thể bị lạc đường trong rừng rậm nguyên sinh, rồi đi nhầm vào đám sương mù trong núi sâu mà dâng tặng cả tính mạng cho quỷ dữ. Hơn nữa, trong thời kỳ đại chiến thế giới thứ hai, quân Nhật từng dùng máy bay ném bom thả một lượng lớn bom đạn từ trên không xuống lòng núi, sau này mưa to gió lớn khiến đất đá và thảm thực vật che phủ phần địa bị bên trên, nên căn bản không thể nhìn thấy dấu vết của bom mìn. Karaweik từng theo cố nội vào núi nhiều lần, nên cậu biết rõ khu vực bom mìn dày đặc chỉ chút đó, vì thế mới nhất quyết đòi đi theo. Cậu muốn chỉ cho họ thấy tuyến đường A của con đường U Linh, rồi dẫn mọi người đến gần khu vực tam giác Bắc Miến, nơi đó cách biên giới Trung Quốc chẳng còn bao xa.

Tư Mã Khôi thấy cảm động trong lòng, thầm nghĩ: bao nhiêu năm cách biệt với tin tức nơi quê nhà, chỉ phong phanh nghe được vài thông tin vĩa hè, cũng chẳng rõ tình hình trong nước cụ thể ra sao nữa. Năm đó, mấy người bọn ta lén trốn khỏi tổ quốc, giờ lại trở về với tình cảnh của kẻ bại trận, chẳng có chút anh hùng khí khái nào, cũng không thể viện ra nổi bất kỳ lý do gì để biện hộ cho hành động năm xưa. Nếu như may mắn giữ được mạng sống trở về, nếu không bị quy vào tội danh hàng địch phản quốc thì cũng đã là kỳ tích không dám tham lam mơ tưởng rồi; chỉ e cho dù không bị xử bắn, thì cũng phải ngồi tù một gông. Còn về cái cậu Karaweik, nếu đưa vào Trung Quốc là bất hợp pháp, nên kết cục tốt

nhất dành cho cậu bé đó là sau khi rời khỏi núi Dã Nhân, sẽ dẫn cậu đến một ngôi chùa, xuất gia làm hòa thượng rồi yên ổn sống hết kiếp này mà thôi. Thế nhưng anh cũng hiểu, nếu để Karaweik ở lại Miến Điện, chắc chắn cậu sẽ không tránh khỏi cảnh bị truy bắt và chỉ có con đường chết chờ đợi. Có điều kết cục này quá tàn khốc, anh quả thực không dám nghĩ đến.

Tuyệt thương xót sờ sờ vào cái đầu trọc lóc của Karaweik, giọng nghèn nghẹn: “Đứa bé này thật tốt bụng!” Cô vừa nói vừa trừng mắt nhìn La Đại Hải, như tỏ ý trách móc anh lúc đầu hay nổi cáu với Karaweik.

Hải ngọng cảm thấy hơi ngượng ngùng, anh thường đối xử với mọi người khá thiếu tế nhị, lại không giỏi thể hiện tình cảm thật. Thường ngày anh hay lảm lời, nhưng đến lúc cần phải nói thì lại chẳng nói được câu nào tử tế, đành phải giả bộ “quan tâm đến sự trưởng thành của đàn em”, nói tía lia với Karaweik: “Không ngờ thằng giặc nhỏ này lại là Hoa kiều, hôm nay... mẹ kiếp! Cứ coi như La Đại Hải anh đây nợ chú một ân!”

Tư Mã Khôi hiểu rất rõ tuy La Đại Hải chỉ nói một câu đơn sơ như vậy, nhưng sâu bên trong chứa đựng ý chí sẵn sàng chết thay cho Karaweik một mạng. Có điều không hiểu sao, sau khi đứng bên cạnh nghe mấy lời này, trong lòng Tư Mã Khôi đột nhiên dội lên cảm giác sợ hãi khó tả, anh linh cảm chuyến đi này lạnh ít dữ nhiều. Anh cũng không hiểu nguyên nhân gì lại khiến mình có dự cảm xấu đến thế, nên thầm nghĩ hay là cứ ở lại trong rừng rậm nguyên sinh làm người rừng quách cho xong, về mà phải chết thì thà cứ trốn trong rừng sâu mai danh ẩn tích chẳng phải tốt hơn sao?

Nhưng Tuyệt và La Đại Hải lại một lòng nhớ cố hương, hai người họ cứ thúc giục Tư Mã Khôi mau lên đường, hiện giờ càng hướng về phía bắc càng an toàn, nếu không con bão nhiệt đới “Buddha” mà tới thì có muốn đi cũng chẳng thể đi nổi.

Tư Mã Khôi đành lấy lại tinh thần, đi theo ba người vào khe núi phía tây. Nếu tính theo đường chim bay thì khoảng cách trong rừng rậm

núi sâu trông có vẻ khá gần nhưng do địa hình gồ ghề, độ cao chênh lệch rõ rệt, nên khi đi thì lại vô cùng xa xôi và gian nan. Họ vượt núi băng rừng, mài miết đi cho đến khi hoàng hôn buông xuống mà vẫn chưa đến được chân tuyến đường A của con đường U Linh.

Bên mình bốn người bọn họ chẳng còn chút lương thực nào. Đi nhiều giờ trong núi, bụng đói còn cào, không thể chịu nổi, họ đành bắt hai con rắn cỏ chia nhau ăn tạm. Ăn được chút ít còn hơn phải chết đói. La Đại Hải vô tình ngẩng đầu lên nhìn, chợt phát hiện trong lùm cây cỏ thụ có một con chim rừng chẳng biết thuộc họ gì. Con chim đó có bộ lông vũ xanh biếc, rất sặc sỡ, sống động, trông nó khá lớn, tiếng kêu nghe như tiếng người ta gõ tay vào ống trúc rỗng.

Các loài chim trong rừng rậm nguyên sinh nhiều không kể xiết, và đại bộ phận đều có hình dáng rất kỳ quái. Bọn chúng thường tỏ ra không sợ người, có lẽ từ trước đến nay chúng chưa từng nhìn thấy con người, nên cứ cho rằng loài người chẳng khác loài khỉ là mấy. Nhìn thấy có người đi qua, chúng cứ ngơ ngác đứng ngẩn tò te nhằm về phía người mà kêu quang quác.

Hải ngóng thầm nghĩ, chỗ này chắc đã vào rất sâu trong núi, cho dù tiếng súng có to hơn nữa thì cũng chẳng lo đánh động kẻ địch. Anh cố gắng nuốt ngụm nước bọt, giơ khẩu súng do Anh chế tạo, ngắm chuẩn mục tiêu, ba viên đạn tạo thành một đường thẳng. Tiếng súng vừa vang lên, tiếng chim rơi “bịch” từ cây cỏ thụ xuống cũng vang lên một giây sau đó. Tiếng súng đồng thời cũng làm kinh động đến bầy chim cư ngụ trong khu rừng, chúng xáo xác lượn vòng giữa không trung và cất tiếng kêu thê thiết mãi một lúc lâu.

Karaweik và Tuyết không thể chờ thêm liền chạy về phía trước để nhặt con mồi. La Đại Hải cũng đắc chí chạy theo, chỉ có Tư Mã Khôi bị thương khá nặng trên vai, đầu óc hỗn loạn, vác mỗi khẩu súng trường nặng chừng bảy tám cân mà đã cảm thấy bước đi không vững, nên đành tụt lại phía sau. Đột nhiên Tư Mã Khôi cảm thấy sau lưng có chút khác lạ, liền lập tức đề cao tinh thần cảnh giác theo phản xạ, đang định ngoái

đầu lại nhìn xem rốt cục là cái gì, thì một khẩu súng lạnh như băng đã kề ngay sau gáy.

Hồi thứ năm

ĐÁY BIỂN

Mấy năm ở đội du kích Bắc Miến, dường như ngày nào Tư Mã Khôi cũng phải nếm trải những thời khắc lẫn lộn nơi đầu súng ngọn giáo, nên hiểu sâu sắc luật lệ của rừng già là lấy thịt đè người, mạnh sống yếu chết; chỉ cần tỏ ra nương tay hay do dự một chút, chắc chắn sẽ chết mà chẳng có đất chôn thây. Lúc này, đột nhiên anh phát hiện có kẻ kè súng ngay sau gáy, không kịp nghĩ ngợi lâu la, liền lập tức thi triển chiêu: “Túm đầu quật ngựa”. Anh đột ngột cúi mạnh người về phía trước, đồng thời vai phải ngửa ra sau phản đòn. Rồi không đợi kẻ tấn công lên kịp rơi xuống đất, anh nhanh chóng kẹp chặt cánh tay cầm súng của đối phương.

Vết thương ở vai trái của Tư Mã Khôi vẫn chưa lành, nên không thể phát huy tối đa sức mạnh, anh chỉ đành gắng gượng thuận thế thúc một cùi chỏ như trời giáng từ trên xuống dưới, trúng ngay lá mía trên sống mũi, chỉ nghe tiếng xương mũi gãy rụn, phát ra một tiếng kêu nhỏ, vụn xương đâm ngược vào trong não, tên đó chẳng kịp ư hử nửa lời đã mềm nhều nhẹo đổ rạp xuống đất.

Trong lúc cấp bách, Tư Mã Khôi thân thủ nhanh như cắt, ra tay tàn độc gọn gàng, nhưng giờ đây, sau khi hạ gục kẻ địch, anh không còn đủ sức thu thế nên cũng đổ nhào xuống theo. Điều anh lo sợ là chúng không chỉ có một tên, nên vội vàng lăn sang một bên, thuận đà cuộn một vòng giò tay túm lấy khẩu súng trường SMLE, đang định chạy lên phía trước hô hoán hội La Đại Hải mau tìm chỗ ẩn nấp thì thấy hai mươi mấy tên lính Miến Điện được vũ trang đầy đủ thành lính từ rừng rậm chui ra.

Đám lính mới xuất hiện phần đông đều vận y phục đen, đầu chít khăn rằn, trong tay lăm lăm khẩu súng xung phong MP.18, hòng súng đen ngòm chìa thẳng vào hội ba người La Đại Hải ở phía trước. Xem tình hình này, chỉ cần Tư Mã Khôi dám manh động một chút, họ sẽ lập tức bị bắn tan xác.

Tư Mã Khôi tự biết không thể phản kháng nổi, đành buông vũ khí đầu hàng, chịu trận để người ta trói gô lại, siết chặt như bó giò. Tư Mã Khôi tự than khổ trong bụng, chẳng ngờ vào đến tận rừng sâu rồi mà vẫn còn gặp kẻ địch, nhưng nhìn trang phục và vũ khí của nhóm người này có vẻ rất hỗn tạp, không giống với quân đội chính phủ. Nơi ma quỷ hung hiểm dị thường ở núi Dã Nhân này, có lẽ chỉ những hạng người chạy tháo mạng như “đội du kích, phạm nhân giết người cướp của hoặc buôn bán thuốc phiện” mới dám lui tới.

Tư Mã Khôi không đoán nổi nhóm người này rốt cục muốn làm gì, nhưng trong lòng cũng ngầm hiểu mình đã giết chết một đồng bọn của đối phương, nay lại rơi vào tay chúng, đừng nói có viễn cảnh tốt đẹp gì chờ đợi phía trước mà ngay cả tính mạng chắc cũng khó có thể bảo toàn.

Đúng lúc này, từ phía sau đám lính vũ trang Miến Điện lại có sáu người nữa bước ra, già có, trẻ có, trong đó còn có một thằng tây cao to lực lưỡng. Có điều, không ngờ kẻ cầm đầu lại là một cô gái trẻ măng, mặt mày xinh xắn, thanh tú, xem ra cũng chỉ tầm hai mươi mấy tuổi là cùng, đầu đội chiếc mũ chiến đấu có lắp kính chắn gió, trên người mặc bộ trang phục của thợ săn; trông cô ta toát lên vẻ sáng láng, anh dũng, tinh tường, từng trải hơn người.

Đám lính vũ trang Miến Điện lục soát hội bốn người Tư Mã Khôi từ ngoài vào trong rất kỹ càng, rồi đem mấy vật phẩm vụn vặt cùng cuốn nhật ký của Karaweik tất cả giao nộp cho nữ thủ lĩnh xem xét.

Cô ả mặt không biến sắc, cầm từng món lên xem, đến khi lật đến cuốn nhật ký của ông Từ Bình An thì một chút biểu hiện kinh ngạc khẽ thoáng qua gương mặt. Cô ả lập tức gấp cuốn nhật ký lại, cúi đầu nhìn xác chết của đồng bọn đổ rạp trên mặt đất, rồi đi đến trước mặt Tư Mã

Khôi, chăm chú nhìn từ đầu xuống chân như ngăm đánh giá, cuối cùng cũng mở miệng hỏi: “Các anh là người Trung Quốc hử? Sao lại mặc quân phục của quân đội nhân dân Miến Điện? Các anh đến khu rừng già trong vùng núi sâu Bắc Miến này để làm gì?”

Trong mắt Tư Mã Khôi, cô ả trông rất giống với các nhân vật nữ chính bước ra từ phim cổ trang, chẳng biết gốc gác lai lịch ra sao, nhưng nghe đối phương hỏi như thể hoàn toàn không biết việc quân đội nhân dân Miến Điện Cộng hòa có hàng vạn người Trung Quốc, thì liền suy đoán có lẽ họ mới từ nước ngoài đến đây. Anh lại thấy cô gái phát âm tiếng Trung nghe rất trong và chuẩn, không giống với người lớn lên mới học, lại đoán chắc cô ả là người Trung Quốc, hoặc chí ít cũng từng là người Trung Quốc. Tư Mã Khôi cũng tự biết người Trung Quốc mà trà trộn giữa đám người Miến Điện, chỉ liếc mắt một cái là nhận ra ngay, nên thấy chẳng cần thiết phải giấu giếm làm gì, trong lòng thầm nghĩ: “Xem chừng việc này quá nửa là có đất xoay chuyển tình thế”, nhưng trước mắt vẫn chưa rõ đám người này và quân đội chính phủ liệu có liên quan gì đến nhau không, nên không trả lời, mà chỉ gật đầu một cái.

Cô ả mỉm cười ra vẻ thân thiện rồi hỏi: “Sao anh không dám nói, hay tại sợ quá?” Đầu óc Tư Mã Khôi lúc ấy không ngừng hoạt động để tìm kế thoát thân, nhưng miệng vẫn giả hoạt mập mờ: “Quả là tôi đang vô cùng hoảng sợ.”

Nào ngờ, nghe xong cô ả lập tức đánh mặt lại, cái nhìn lạnh băng như nước đá, khế hừ lên một tiếng trong cổ họng: “Đừng giờ trò cợt nhả với tôi! Khi này thuộc hạ của tôi vừa dùng họng súng kề ngay sau gáy, mà anh vẫn đủ thời gian giờ tay thúc chân giết hấn ngay tức thì, không những thế, còn giết vô cùng nhanh gọn tàn nhẫn, chẳng hề do dự một giây. Anh giết người mà không thèm chớp mắt; có được thân thủ nhanh nhẹn và tố chất tâm lý kiệt xuất như vậy mà còn dám mở miệng kêu lo lắng, hoảng sợ vào lúc này sao?”

Tư Mã Khôi nhìn ánh mắt sắc như dao của cô ả thì biết cô nàng này không phải tay dễ đối phó, nhưng miệng vẫn lem lém: “Sở dĩ tôi cảm thấy lo lắng là vì cô ở gần tôi quá, nếu cô đứng cách xa tôi khoảng

mười bước thì còn tạm được, nhưng nếu vượt quá khoảng cách này là tôi lại cảm thấy không an toàn.”

Cô ả lạnh lùng trợn mắt nhìn Tư Mã Khôi một cái: “Tôi hỏi gì, tốt nhất anh hãy thành thực mà trả lời. Chẳng qua niệm tình các anh là người Trung Quốc, nên tôi đã không hạ lệnh bắt sống mang về. Nếu bây giờ tôi giao nộp các anh cho bọn người Miến Điện, chắc chắn các anh sẽ bị họ lột da ăn sống ngay trên cọc. Tôi nghĩ chắc anh hiểu rõ, bọn họ có nhiều chiêu đày ải thể xác người khác như thế nào.”

Tư Mã Khôi hoàn toàn phớt lờ lời đe dọa của cô ả, hùng hồn nói: “La Đại Hải tôi xin hoan nghênh các vị đến làm, ai làm tốt sẽ được trọng thưởng.”

La Đại Hải đang bị người ta trói nghiêng, ấn nằm xuống đất, từ đầu đến giờ chẳng kêu rên nổi tiếng nào, bây giờ nghe thấy Tư Mã Khôi mạo nhận mình nói nhăng nói cuội, lập tức giãy giụa, ngoác miệng mắng lớn: “Tiên sư thằng Khôi, sao cậu mất dạy thế hả? Cậu có chú không hử? Tớ ị vào chú cậu!”

Cô ả thấy Tư Mã Khôi và La Đại Hải căn bản không coi mình ra gì, hơn nữa hai người đều là dạng mồm mép giao hoạt, hỏi cả ngày mà chẳng thăm dò được nửa câu tử tế từ miệng họ, bởi rõ ràng hỏi đông, họ lại đi trả lời tây. Lửa giận không biết từ đâu bốc lên ngàn ngút, ý niệm giết người vụt lóe lên trong đầu, cô ả giật mạnh tóc của Tuyết ngược ra sau, liền sau đó rút “xoẹt” con dao sẵn ra, ánh thép lạnh băng. Cô ả gi lưỡi dao xuống dưới cằm Tuyết, mắt nhìn chằm chằm vào Tư Mã Khôi, hần giọng đe dọa: “Nếu anh còn nói năng bậy bạ nữa, tôi sẽ cắt đứt cổ họng con bé này.”

Nhưng Tuyết không hề sợ sệt, điềm nhiên nói: “Tôi muốn chết từ lâu rồi, có giời thì cứ cho tôi một cái chết thật sáng khoái xem nào!” sau đó cô liền nhắm mắt chờ đợi, Karaweik ở bên cạnh cuống quýt gào thét, nhưng bị một người Miến Điện đập ngã vật ra đất, cầm súng chọc mấy cái liên tiếp vào đầu, trong phút chốc, máu chảy lênh láng khắp mặt cậu bé.

La Đại Hải nhìn thấy cảnh tượng ấy, không đành lòng được liên luôn miệng chửi mắng. Tư Mã Khôi cố nuốt giận vào trong, mặt không biến sắc, tuy bề ngoài vẫn tiếp tục hời hợt ứng khẩu, nhưng trong lòng thì âm thầm tìm cơ hội thoát thân, cướp súng không chế lại kẻ địch. Khi đưa mắt nhìn tứ phía, anh đột nhiên phát hiện: ngoại trừ hai mươi mấy tên lính vũ trang Miến Điện ra thì mấy người do cô ả cầm đầu còn công theo ông kim loại dài ở sau lưng.

Tư Mã Khôi nhận ra loại vũ khí này, nó có tên tuổi hàng hoàng, gọi là “Giáo mỏ vịt”. Cây giáo rỗng ruột, được làm bằng ngũ kim, thân to bằng quả trứng ngỗng, cán dài bằng vai người, bên trong chứa ba khúc ngàm, có thể kéo dài hoặc thu lại tùy ý, phía trước mũi còn có hình đầu thú há miệng, từ trong khe miệng nhả ra ngọn giáo giống hình đầu gậy, mũi giáo bằng, dẹt và sắc lẹm, hơi giống với cây thiền trượng ngũ hành mà các tăng nhân du phương vẫn thường sử dụng, nhưng tinh tế và nhanh nhạy hơn nhiều, lại rất tiện mang theo. Nó chính là công cụ độc môn để phán đoán điều kiện địa chất mà Kim Điện tiên sinh thường dùng khi vẫn còn treo biển hành nghề năm xưa. Loại công cụ này có thể đào núi lấy đất, ngay cả tầng nham thạch cứng rắn, dày đến mấy tấc cũng vẫn đào được. Không những thế, nếu lỡ trong núi hoang rừng thẳm chẳng may gặp phải bất trắc, còn có thể sử dụng như như món binh khí phòng thân. Nghe nói, bọn trộm mộ ở khu vực Lĩnh Nam và Quan Đông trước đây vẫn thường dùng nó để đào huyệt mộ, bặt nắp quan tài.

Tư Mã Khôi nhìn không sai vào đâu được, trong lòng bèn sinh nghi: “Xem ra nhóm người này không phải lính truy sát do quân đội chính phủ phái đến. Nhưng từ trước đến nay nước giếng chẳng phạm tới nước sông, vậy hà cớ gì họ cứ nhất định phải tranh chấp với bọn ta nhỉ? Hơn nữa, núi Dã Nhân thần bí khó lường này có thể nói là góc tối nguy hiểm nhất trên thế giới, vậy rốt cục trong núi ẩn chứa những bí mật gì đáng để bọn trộm mộ bất chấp tất cả, mạo hiểm tính mạng tìm đến đây?”

Bên cạnh cô ả còn có một lão già chừng ngoài năm mươi tuổi, thân hình trung bình, hơi gầy một chút, dưới cằm còn để một nhúm râu dê, đầu trọc lóc, bóng lộn, giống với dáng vẻ của một “học giả”. Lão ta nhìn

thấy không khí lúc này đã căng thẳng đến cực độ, dường như sắp xảy ra nguy cơ tàn sát đẫm máu đến nơi, liền vội vàng chạy ra dàn hòa. Trước tiên, lão ta giải thích đầu đuôi sự việc cho Tư Mã Khôi nghe, lão tự giới thiệu mình họ Khương, quê ở Thiệu Hưng, Chiết Giang, xuất thân là một “nhà thư pháp”, đoạn quay sang giới thiệu cô nàng thủ lĩnh, thì ra cô ả họ Thắng, tên Ngọc, mọi người thường gọi là Ngọc Phi Yến.

Khương sư phụ thanh minh rằng bọn họ là đội thám hiểm khảo sát địa lý, muốn vào sâu trong lòng núi Dã Nhân để tìm dấu tích con đường Stilwell năm xưa. Đầu tiên họ phải bỏ rất nhiều tiền để thuê một đội quân phiệt rất có thanh thế ở vùng tam giác Bắc Miến, sau đó mới tìm cơ hội tiến vào núi. Nhưng khổ nổi, chẳng ai trong số họ thông thuộc môi trường trong rừng rậm, lại không có người dẫn đường, nên cứ loanh quanh mãi trong núi suốt mười mấy ngày trời mà chẳng có kết quả gì.

Khi này đội thám hiểm nghe thấy tiếng súng trong rừng, lập tức tỏa ra tứ phía ẩn trốn, sau đó phát hiện hội mấy người Tư Mã Khôi, trên mình ai nấy đều khoác súng trường, hơn nữa lại có vẻ giống người Hoa, chỉ sợ xảy ra nhầm lẫn tạo thành xung đột không đáng có, nên mới sử dụng hạ sách tấn công lén. Kỳ thực chẳng qua họ chỉ muốn sau khi giải trừ vũ khí của đối phương, sẽ ngồi xuống thương lượng chính sự, nào ngờ Tư Mã Khôi hạ thủ quá tàn độc, khiến tình hình vượt ra ngoài dự liệu ban đầu, chẳng những hai bên chẳng khống chế được cục diện mà phía họ còn tổn thất một người anh em.

Khương sư phụ là một tay lọc lõi già đời, vừa nhìn là biết loại người như Tư Mã Khôi không thể dùng biện pháp cứng rắn mà chỉ ưa mềm dẻo, nên liền khuyên giải: “Trông các hạ râu hùm hàm én, rõ ràng là tướng vương hầu, không những thế thân thủ lại vô cùng phi phạm, chắc chắn không phải hạng người chơi không ngồi rồi, khiến tôi bội phần khâm phục. Trộm nghĩ, hôm nay chúng ta bèo nước tương phùng, trước đây đã chẳng gây thù, thì bây giờ cũng đừng nên kết oán, mất một tên lâu la đâu có đáng gì? Nhưng chớ vì một việc nhỏ mà làm tổn thương hòa khí. Chúng tôi chỉ muốn hỏi một việc, cậu có biết chuyện gì liên quan đến con đường U Linh không?”

Nhưng lão đã phỏng đoán nhầm, Tư Mã Khôi là loại người rượu mời không uống, rượu phạt lại càng không, dầu mỡ chi cũng chẳng ưa, thì làm gì có chuyện anh dễ dàng tin vào mấy lời đường mật khéo léo ấy. Không đợi Khương sư phụ nói hết câu, anh liền đột ngột mở miệng chen vào: “Bọn ‘hồi tử’^[19] trộm mộ các ông muốn tìm con đường Stilwell trong núi Dã Nhân để làm gì?” Anh suy đoán nhóm người Ngọc Phi Yến rất có khả năng là dân trộm mộ, nhưng không rõ mục đích cụ thể của cô ả, cho nên mới mang câu này ra làm mồi nhử, hỏi xem đối phương có phải là “hồi tử” thật hay không.

Lời vừa dứt khỏi miệng, Ngọc Phi Yến và Khương sư phụ đã trợn mắt ngạc nhiên, không ngờ Tư Mã Khôi lại có thể nhận ra lai lịch của cả bọn, nên trong lòng không khỏi kinh ngạc, chẳng kịp được đã bắt giác buột miệng hỏi: “Sao cậu biết?”

Tư Mã Khôi quan sát phản ứng của đối phương liền biết phán đoán của mình hoàn toàn chính xác, bèn dùng ánh mắt hướng về phía cây giáo mở vệt mà bọn họ đeo sau lưng, rồi cười nhạt hì hì lên mấy tiếng: “Võ Đại Lang nuôi rùa - người nào của nấy thôi mà.”

Ngọc Phi Yến và Khương sư phụ nghe xong, miệng không khép lại nổi, hai người liếc mắt ngẫm trao đổi, sau đó Khương sư phụ lại gần cời trói cho Tư Mã Khôi, nhưng ba người còn lại thì vẫn không được thả. Bọn họ chỉ mời một mình Tư Mã Khôi đến nói chuyện cụ thể.

Trước mắt, hai bên cùng có rất nhiều chuyện muốn hỏi đối phương, nhưng chẳng ai chịu mở lòng trước, bởi vì hệ lụy để lại rất lớn. Dường như mọi việc liên quan đến họ đều là những việc mờ ám trong bóng tối, hơn nữa lại không biết đối phương rốt cục là người như thế nào, nên chẳng ai dám dễ dàng hở miệng nửa câu. Trong giới lục lâm có quy tắc “Ba nói, ba không nói”. Nếu lỡ gặp phải tình huống như bây giờ có thể vận dụng phương thức quen dùng của các hành bang, hai thủ lĩnh của mỗi bên cùng nhau ngồi xuống mặt đối mặt - “Gạn đáy biển”. Đây là cách sử dụng ám ngữ trong “Mắt đáy biển giang hồ” của thế giới ngầm

để thăm dò, gạn hỏi lẫn nhau. Sau khi đôi bên đều hiểu rõ gốc rễ ngọn ngành, mới dám đem những việc cơ mật ra bàn bạc chi tiết.

Khuong sư phụ tìm thấy một phiến đá dài phủ đầy rêu xanh ở gần đấy, sau đó sai bọn lâu la lấy mười tám chiếc nắp ấm trà quân dụng để thay thế “bát trà”, lại đổ đầy nước lọc vào trong, rồi lần lượt bày bố mười tám chiếc nắp ấm ở phía phải theo trận pháp đáy biển. Mọi việc xong đâu đấy, lão bèn mời Tư Mã Khôi và Ngọc Phi Yến ngồi vào hai phía đối diện của phiến đá.

Ngọc Phi Yến là chủ, lẽ đương nhiên phải mở màn trước, cô ả đẩy hai chiếc nắp trong thế trận ra phía trước, tay trái giơ ba ngón nhẹ nhàng ấn vào một nắp, tay phải lại xòe ra bốn ngón chỉ chiếc nắp còn lại, nhếch mép cười: “Hành bang các phái, lấy nghĩa khí làm trọng, tam nhất bát nhị, lá rể như nhau. Tư Mã huynh, mời anh uống trà trước.”

Vết thương trên vai Tư Mã Khôi lại ngâm ngâm đau, trong đầu dường như có hàng ngàn con bọ đang ngo ngoe, nhưng đã đến cơ sự này cũng đành dậm lao thì phải theo lao, anh vắt kiệt sức lấy lại tinh thần, nhìn hai chiếc nắp ấm bên trái và bên phải, biết rằng nếu tùy tiện uống sẽ bị đối phương đánh giá mình là kẻ ngoại đạo không hiểu phép tắc. Nghĩ vậy, anh liền lắc đầu nói: “Tại hạ đã không phải tam lão gia, cũng chẳng phải tứ thiếu gia, đâu dám mạo muội trước mặt quý lão gia.”

Ngọc Phi Yến thấy anh am hiểu luật lệ, liền nhẹ nhàng gạt đầu, rút hai chén trà về, rồi bày lại thế trận “Nhất tự trường xà”, xếp mười tám chiếc nắp thành một đường dài ngoằn ngoèo như rắn lượn, đoạn gạn hỏi: “Xin hỏi huynh đài, thế trận treo biển gì, trên biển viết chữ gì?”

Tư Mã Khôi biết Ngọc Phi Yến đang muốn hỏi lai lịch và xuất thân của mình, bèn trả lời: “Ở nhà chẳng dám cãi cha, ra ngoài chẳng dám cãi thầy, quý lão đại đã hỏi, thật chẳng dám giấu. Thế trận treo biển chữ, trên biển viết chữ đồ biển độc sông, tại hạ họ Tây, đầu đội bảy mươi mốt, lưng cõng bảy mươi hai, chân giẫm bảy mươi ba.”

Ngọc Phi Yến vừa nghe liền hiểu ngay, thì ra Tư Mã Khôi là truyền nhân của Kim Điện tiên sinh, nhưng thấy đối phương tuổi đời còn trẻ, khó lòng tin ngay được, nên lại tiếp tục dò hỏi xem bản lĩnh của anh lớn cỡ nào, được truyền thụ những bí kíp gì. Nghĩ vậy, cô ả bèn hắng giọng: “Tại hạ còn muốn thỉnh giáo huynh đài, trên người mang theo hàng gì?”

Tư Mã Khôi trả lời: “Trên người chẳng có hàng gì đặc biệt, chỉ mang theo nửa bộ ‘Kinh Kim Cương’ lừng danh năm hồ bốn bể, nhưng tại hạ chỉ là chân trong chân ngoài, nếu có chỗ nói không đúng, chỉ mong lão thiếu gia bỏ quá cho.”

Anh nói xong, trong bụng thầm nghĩ: “Làm gì có chuyện hỏi tôi mãi thế, tôi cũng phải hỏi cô mới được”, đoạn liền thay đổi thế trận chén trà đáy biển ban đầu thành thế trận “Nhị long xuất thủy”, xếp mười tám chiếc nắp thành hai hàng, mỗi hàng chín chiếc song song nhau, rồi quay sang gạn hỏi Ngọc Phi Yến: “Dám hỏi quý lão đại, trong tay có bao nhiêu thuyền?” Vì khi nãy Tư Mã Khôi đã biết hội Ngọc Phi Yến là dân trộm mộ, cho nên cứ trực tiếp hỏi thẳng cô ả xem rốt cục đã tìm thấy bao nhiêu minh khí được tùy táng trong mộ cổ.

Ngọc Phi Yến cũng không chịu lép vế, liền đáp: “Hỏi hay lắm, trong tay tại hạ thuyền không nhiều cũng chẳng ít, chỉ có khoảng chín ngàn chín trăm chín mươi chín chiếc.” Nói một cách tóm tắt, ý của cô ả là: “Quá nhiều, chẳng thể nhớ nổi.”

Tư Mã Khôi thấy thủ đoạn của cô ả lợi hại, không mấy đáng tin nên hỏi tiếp: “Trên thuyền treo cờ hiệu gì?” Sở dĩ anh hỏi vậy vì bọn “hối tử” trộm mộ trong dân gian, thủ pháp không giống nhau, do chịu sự hạn chế của nhân tố môi trường địa lý và kinh nghiệm kỹ thuật, nên đa số đều phân khu vực để hành sự, dân Hà Nam không xâm phạm đến lãnh địa của dân Thiểm Tây, dân Quan Ngoại không vào Quan Nội. Câu hỏi khi nãy của Tư Mã Khôi đại ý là: “Nhóm người các cô thường đào mộ ở khu vực nào? Sử dụng loại kỹ thuật gì?”

Ngọc Phi Yến lập tức đối đáp: “Trên núi treo cờ thắng lợi, dưới núi treo cờ vàng đất, mừng một, hôm rằm treo cờ long phụng, đầu thuyền treo cờ vuông khẩu hiệu lớn, cuối thuyền treo cờ chín mặt uy phong!” Trong lời cô ả ẩn chứa hàm ý sâu xa, muốn nói nơi nào cũng đều đi cả. Những ngôi mộ cổ từ các triều đại xa xưa, tuy rằng đâu đâu cũng có, nhưng các ngôi mộ chôn ở nơi bình nguyên rộng rãi thường dễ đào dễ lấy nhưng đồ kiếm được lại thường không đáng tiền, có sống có chết, tìm đập chân run, liều mạng một phen cuối cùng lại lấy được mấy thứ dưa chẳng ra dưa, táo chẳng ra táo, thật chẳng đáng chút nào. Ngược lại những ngôi mộ trong núi sâu toàn chôn những bậc đế vương, hầu tướng, minh khí bảo vật muốn bao nhiêu, có bấy nhiêu. Nhưng những ngôi mộ đó địa cung mộ đạo, tường đá nắp sắt, chôn giấu rất nhiều ám khí, cài đặt vô số cơ quan ngầm, kiên cố khó phá, vừa không dễ tìm thấy, lại không dễ khai quật. Ngọc Phi Yến luôn tự nhận mình là dân trộm mộ cao siêu, mộ thường không chê ít, lăng tẩm vua chúa trong núi sâu cũng không ngại khó, chỉ cần cô ả trúng ý thì chẳng có ngôi mộ nào không thể khai quật.

Tư Mã Khôi nghe mấy lời tự cao tự đại này, quả không thể lĩnh giáo nổi: “Tôi hỏi trên thuyền cô có bao nhiêu ván? Mỗi ván đóng bao nhiêu đinh?” Ý anh muốn hỏi: “Bản lĩnh của cô lớn cỡ nào mà dám khoác lác thế hử? Cẩn thận gió to bay mất lưới đấy!”

Thần sắc Ngọc Phi Yến điềm nhiên như không, bình thản trả lời: “Mỗi thuyền có bảy mươi hai ván, tương tự bảy mươi hai phép địa sát, trên ván có ba mươi sáu đinh, giống như ba mươi sáu phép thiên canh.” Ý cô ả muốn nói: “Thuộc hạ của tôi vừa là cao nhân hiểu bí thuật phong thủy lại là chuyên gia tinh thông địa lý, am tường thuộc nỏ, dưới vòm trời này chẳng nơi nào chúng tôi không thể kiếm ăn được.”

Tư Mã Khôi cảm thấy khó chịu trong lòng, lạnh lùng hừ một tiếng, lại hỏi: “Ván có lỗ mà không có đinh là loại ván gì? Ván có đinh mà không có lỗ lại là loại ván gì?”

Ngọc Phi Yến đối đáp tron tru: “Loại có đinh mà không có lỗ là ván nhảy, loại có lỗ mà không có đinh là ván gió.” Trả lời xong, cô nàng

lập tức quay sang hỏi lại: “Anh bảo trên trời có bao nhiêu ngôi sao?”

Tư Mã Khôi nghe xong liền không phục, thăm chử: “Dựa vào mấy món vật vãnh nhà cô mà dám hỏi thân thủ của tôi sao?” nghĩ vậy anh liền thể hiện thái độ bất cần: “Sao trên trời, đếm không hết, tiền nhân nói có ba vạn sáu mươi sáu, còn cô có mấy sợi gân trên người?”

Ngọc Phi Yên thấy ban đầu đối phương còn khá tuân thủ luật lệ, nhưng càng ngày càng trở nên vô phép tắc, không nhin nổi cơn giận thoáng qua, liền nhướn mày đáp: “Trên người có bảy sợi gân, cứ việc xẻ thịt lột da mà tìm. Thế anh có biết một con dao có mấy lỗ không?”

Tư Mã Khôi không thềm khách khí đáp: “Một dao hai lỗ, cô có mấy quả tim, cho tôi mượn một quả mang ra nhắm rượu chơi!”

Hồi thứ sáu

MÁY BAY TIÊM KÍCH

Sắc trời càng lúc càng tối mịt, cả dãy núi Dã Nhân dần dần chìm vào màn đêm im lìm như cõi chết. Đây cũng là thời khắc chìm lắng ngán ngùi báo hiệu cơn giông bão cuồng nộ sắp ập tới.

Vậy mà không khí đông cứng giữa bốn thành viên còn lại của đội du kích cộng sản Miến Điện và nhóm người của Ngọc Phi Yến vẫn ngày một căng thẳng hơn.

Tư Mã Khôi tự biết phe mình đang bị đối phương khống chế, nếu câu nói có chút tỏ ra sợ sệt sẽ lập tức càng bị lấn át hơn, bởi vậy anh không hề nhượng bộ nửa bước khi thương lượng, ngược lại còn dụng tâm chọn những lời hỏ báo khích tướng Ngọc Phi Yến, khiến mặt cô ả biến sắc, lúc xanh lúc đỏ.

Khuong sư phụ đứng bên cạnh là tay cáo già lọc lõi, bươn trải giang hồ đã nhiều năm, lão nhận thấy bọn họ người tám lạng kẻ nửa cân, chẳng ai chịu nhường ai, càng nói càng khiến không khí trở nên căng thẳng, chỉ còn thiếu nước “đâm vào dao trắng, rút ra dao đỏ” mà thôi. Thế là lão vội vàng đứng bên cạnh ho lên một tiếng, như ngầm cảnh báo câu chuyện của hai người nên chấm dứt ở đây, rồi thay nước trà trong chiếc nắp bày trận. Theo tiền lệ cổ xưa, lúc này nên dùng “hồng trà đặc” - một loại trà rất đậm đặc, chỉ cần uống một ngụm là sốc lên tận đỉnh đầu, nhưng điều kiện trong rừng nguyên sinh không có hồng trà nên chỉ còn cách thay bằng chén nước lọc khác, rồi bày lại thế trận thành “Tam

ương khai thái”, xếp mười tám chiếc nắp thành ba hàng, mỗi hàng sáu chiếc.

Chén trà đầy biến bắt đầu bằng việc tự xưng gia môn với thế trận “Nhất tự trường xà”, sau đó bọn họ thay đổi trận pháp thành “Nhị long xuất thủy” để dò hỏi lẫn nhau. Trong “Gạn đáy biển” vẫn còn các thế trận khác như: “Tam dương khai thái, tứ môn đấu đề, ngũ hồ quần dương, lục đỉnh lục giáp, thất tinh bắc đầu, bát quái vạn tượng, cửu tử liên hoàn”, cho đến trận pháp cuối cùng là “thập diện mai phục”. Đôi bên phải tuân thủ quy tắc theo từng tầng thứ để dò hỏi đối phương, đợi khi hỏi ra gốc rễ, thì mỗi bên sẽ biết rõ đầu đuôi sự tình.

Thông qua cuộc nói chuyện, song phương đều hiểu hết ngọn nguồn của nhau, không có xung đột ghê gớm theo đúng nghĩa, càng không cần lo lắng bị thoát gió, lọt nước, sót mất thông tin. Câu chuyện của Tư Mã Khôi tương đối đơn giản, anh có thể đồng đặc kẻ với đối phương mà không cảm thấy tự hổ thẹn với lương tâm, nghĩ lại lúc đầu tư lệnh Tư Mã Khôi một tay quét cả Miến Điện, trăm trận trăm thắng, giết người vô số, tôi giẫm chân một cái cả dải đất Bắc Miến rung chuyển từng đợt, chẳng qua giờ đây quân đội nhân dân rút dài, bọn tôi chẳng muốn uống chung dòng nước đục, nên dự định vòng qua núi Dã Nhân, chạy về phía bắc trốn sang biên giới.

Hội của Ngọc Phi Yến, tổ tiên mấy đời đều hành nghề trộm mộ ở Quan Đông, bọn họ kết bè kết đảng, lấy hiệu là “Sơn lâm đội lão thiếu đoàn”, cũng vì từng gây ra một vài vụ trọng án vào thời Dân quốc, nên đành chạy đến Đông Dương tránh họa, họ buôn lậu ở gần khu vực eo biển Malacca suốt một thời gian dài, đồng thời câu kết với bọn hải phi vớt tàu thuyền thời cổ đại, hoặc là đến vùng biên giới Thái Lan, Campuchia để đào mồ quật mả và tìm kiếm các di tích trong Phật tháp ở các chùa chiền miếu mạo. Nghề mưu sinh chủ yếu của bọn họ là buôn lậu văn vật cổ.

Trong văn hóa truyền thống dân gian Trung Quốc, từ đầu chí cuối đều tồn tại hai chữ “giang hồ”. Trên giang hồ có rất nhiều ngành nghề đặc thù, kẻ ăn mày ven đường dọc phố gọi là “Hoa tử”, kẻ trộm mộ gọi

là “Hồi tử”, ngoài ra còn có “Ngựa vang” nghĩa là dân trộm cướp, “Quải tử” là bọn cướp đường, “Nha tử” là dân đánh cá, “Phi tặc” ám chỉ những kẻ mở khóa phá cửa ăn trộm của nả của thường dân, “Tiên sinh” ám chỉ kẻ hành nghề bói toán, “Mộ sư” ám chỉ thầy coi tướng số phong thủy. Tuy rằng thủ đoạn hành nghề, mưu sinh của mỗi ngành nghề không giống nhau, nhưng đều phải thông văn tử võ và mang một chút màu sắc mê tín nhất định. Nếu trong đó có nhân vật am hiểu về ngũ hành bát quái, bí thuật phong thủy mà trình độ văn hóa lại tương đối cao, thì kẻ đó sẽ được giới giang hồ vô cùng trọng vọng. Từ đó có thể luận ra một cách tương đối là: “nghề hồi tử” chẳng qua chỉ là tên gọi chung dành cho những kẻ trộm mộ dân gian, còn kết cấu thành viên chi tiết thì vô cùng phức tạp.

Sau khi cha của Ngọc Phi Yến qua đời, cô ả được thừa kế tổ nghiệp, dẫn theo những thành viên cơ bản trong tổ chức cũ lập thành “Sơn lâm đội lão thiếu đoàn” và tự mình làm thủ lĩnh. Dưới trướng cô ả cũng có mấy trợ thủ đắc lực, ngoài Thảo Thượng Phi, Xuyên Sơn Giáp, Hải Đông Thanh ra thì còn có một tên lưu vong người Liên Xô rất am tường về thuốc nổ, mọi người gọi hắn là “Gấu trắng”.

Vị Khương sư phụ là tay trộm mộ lỗi đời, không những vậy còn là bậc cha chú của Ngọc Phi Yến, cũng có thể coi lão là thầy cô ả. Bởi thế Ngọc Phi Yến vô cùng kính trọng, gọi lão là “lão Khương” và luôn răm rắp nghe lời.

Ngọc Phi Yến từng được thụ hưởng nền giáo dục cao cấp, mấy năm gần đây đã cải tiến hoàn thiện kỹ nghệ gia truyền của tổ tiên lên rất nhiều. Dưới sự dẫn dắt lãnh đạo của cô ả, “Sơn lâm đội lão thiếu đoàn” dần dần gây dựng thanh thế, cuối cùng tiếng tăm đã vang dội khắp khu vực phía nam. Lần này, bọn họ mạo hiểm tiến vào núi Dã Nhân là do chịu sự ủy thác của một khách hàng lớn, phải đi đến tận cùng con đường U Linh để tìm kiếm một vật vô cùng quan trọng. Công việc lần này không phải khai quật mộ cổ mà là “công việc đánh cược mạng sống”, đó là công việc gian khổ mạo hiểm khác thường, có thể mất mạng bất cứ lúc nào.

Sau khi nghe xong câu chuyện, Tư Mã Khôi liền nói rằng hai bên chẳng có gì liên quan đến nhau, nay đường rộng thênh thang, ai đi đường nấy. Giờ đây cuốn nhật ký cũng rơi vào tay cô, còn muốn gì ở bọn tôi nữa? Chi bằng nhân lúc còn sớm, hãy thả ba người đồng chí của tôi ra, khi này tôi đánh chết một tên thủ hạ của cô, thì chỉ cần một mình tôi ở lại là được, ông đây dám làm dám chịu, muốn chém muốn giết gì, tôi cũng nghe theo hết.

Sau khi nắm rõ được gốc rễ của Tư Mã Khôi, ngữ khí của Ngọc Phi Yến cũng khách khí, dịu dàng hơn trước nhiều, nhưng cô ả vẫn nhất định không chịu thả người, bởi vì lúc “gạn đáy biển” khi này, thuộc hạ của cô ả cũng đã thăm vắn Karaweik - cậu bé mang theo cuốn nhật ký bên mình. Cậu thiếu niên mới mười mấy tuổi đầu, lại ở vùng núi Bắc Miến thì làm sao có thể là đối thủ của mấy gã giang hồ lỗi đời. Quả nhiên vừa mới hỏi dăm ba câu, cậu đã khai tuốt tuột sự tình. Cuốn nhật ký không mô tả tám bản đồ chi tiết của con đường U Linh, bây giờ người duy nhất có thể tìm thấy nó, e rằng chỉ có một mình Karaweik. Cậu bé chính là cơ hội mà ông trời trao tặng cho Ngọc Phi Yến, làm gì có chuyện cô ả chịu bỏ qua. Bởi thế bất luận thế nào, đoàn thám hiểm cũng nhất định sẽ bắt Karaweik theo cùng để dẫn đường.

Nhưng Ngọc Phi Yến cũng không muốn hành sự tuyệt tình quá đáng, nên lúc nói rõ ý đồ của mình cũng đưa ra hai phương án cho đối phương lựa chọn. Trước mắt có thể để Tư Mã Khôi lựa chọn, chỉ có hai con đường: thứ nhất là để lại Karaweik rồi cả hội rời đi, thứ hai là gia nhập đội thám hiểm và cùng tiến sâu vào núi. Ngoài ra, Ngọc Phi Yến cũng hiểu rõ tình cảnh mà hội bốn người Tư Mã Khôi đang phải đối mặt, nên hứa hẹn nếu việc lần này thành công, cô ả sẽ sắp xếp cho bốn người bọn họ rời khỏi Miến Điện, có thể đến Hồng Kông, Thái Lan hoặc thoát hẳn châu Á, cao chạy xa bay, tất cả sẽ do cô ả lo liệu hoàn toàn.

Ngọc Phi Yến cần tăng cường lực lượng gấp, cô ả thấy thân thủ Tư Mã Khôi không tệ, lòng gan dạ, kiến thức cũng hơn người, hơn nữa lại từng là thành viên trong đội du kích cộng sản Miến Điện, chắc chắn sẽ

thông thuộc tình hình trong núi, bèn nảy ý định lôi kéo anh vào đoàn, cô ả đề nghị với giọng vô cùng khẩn thiết.

Tư Mã Khôi liếc mắt nhìn trộm ba người bạn đồng hành bị trói trên cọc, thấy Tuyết và La Đại Hải khẽ gật đầu, tỏ ý không muốn bỏ rơi Karaweik nên cũng đồng ý cùng đội thám hiểm vào sâu trong lòng núi Dã Nhân. Chuyến đi này tuy rằng nguy hiểm vạn phần, nhưng cũng chưa hẳn là tuyệt đường sống. Cả hội đã sớm đặt mình ra ngoài vòng sinh tử, thì còn nơi nào không dám lao vào nữa? Thế là Tư Mã Khôi quyết định gật đầu chấp nhận lời thỉnh cầu của Ngọc Phi Yến, đồng ý gia nhập đội thám hiểm.

Hai bên liền thấp hương lập lời thề, thề hiện mãi mãi không bao giờ hối hận. Sau đó Ngọc Phi Yến lệnh cho thủ hạ cởi trói cho ba người La Đại Hải, lại cung cấp thuốc men cho Tư Mã Khôi chữa thương. Cả đoàn hạ trại tại chỗ, đợi sáng hôm sau mới bắt đầu khởi hành.

Tuyết rất tinh thông y lý, cô nhanh chóng làm sạch mủ trên vai Tư Mã Khôi, sau đó đắp thuốc và băng bó lại như cũ, nỗi lo trong lòng từ đầu đến giờ mới tiêu tan, nếu như không gặp đội thám hiểm trong rừng rậm, vết thương của anh chắc chắn sẽ bị nhiễm trùng càng ngày càng nghiêm trọng, e rằng chẳng đợi được đến ngày ra khỏi núi Dã Nhân.

Ngọc Phi Yến thấy thủ pháp xử lý vết thương của Tuyết nhanh nhẹn, gọn gàng, lại hiểu biết dược tính, có thể sánh ngang với bậc danh y chân chính, nên trong lòng không khỏi ngẫm khâm phục, càng cảm thấy mình lôi kéo được bốn người bọn họ nhập hội đúng là trời giúp sức, hi vọng như được thấp sáng trở lại.

Ngược lại, Tư Mã Khôi chẳng thèm bận tâm xem Ngọc Phi Yến nghĩ gì, anh để mặc cho Tuyết băng bó vết thương, cầm lấy mấy túi thức ăn dã chiến mà La Đại Hải và Karaweik vừa mới đưa cho, đút từng miếng to vào miệng, nhai nhồm nhoàm. Trong thùng thức ăn dã chiến cỡ số sáu này, thứ gì cũng có, không chỉ có cà phê, thuốc lá thơm, diêm mà còn có cả sô cô la. Karaweik đói hoa cả mắt, chẳng quan tâm chúng là gì

đều nhặt lên đút cả vào bụng, miệng cậu đầy thức ăn, đầu không ngớt gật gù với Tư Mã Khôi tỏ ý đồ ăn rất ngon.

Tư Mã Khôi lại cảm thấy loại thức ăn này thật khó nuốt, liền lắc đầu: “Chủ Nhật! Thật chẳng ra dáng nam nhi gì cả, đồ ăn nhai đi nhai lại chẳng có chút mùi vị nào, ngọt chẳng ra ngọt, mặn chẳng ra mặn, sao cậu có thể ăn ngon như thể đang được thưởng thức sơn hào hải vị thế hử?”

La Đại Hải cũng chung cảm nhận như vậy, anh nhổ đám thức ăn mới nhai nhộm nhoạm được một nửa từ trong miệng ra bàn tay, nhìn nhìn rồi nói: “Đúng là không khác gì nhai sáp nến, chẳng lẽ đội thám hiểm ngày nào cũng phải ăn thứ này?”

Tư Mã Khôi giải thích, đã là thức ăn dã chiến thì chắc đều để ăn những lúc tác chiến nơi hoang dã, ở đó làm gì có điều kiện, nên phải ăn như thế này là điều có thể lý giải được, hơn nữa nếu phơi khô lương thực thì có thể bảo quản được lâu hơn.

La Đại Hải bấy giờ mới tỉnh ngộ: “Thì ra là được hong khô, mẹ tiên sư, chẳng trách tớ ăn mà như nhai giấy, có điều họ cũng hong khô quá mức thì phải.” Nói xong, anh lại đút đám thức ăn vừa nhổ ra tay cho vào miệng nhai lại.

Ngọc Phi Yến tròn tròn mắt ngạc nhiên, không nhịn nổi liền đi đến hỏi: “Anh nghĩ cái thứ các anh đang ăn là gì hả? Nó chính là giấy đấy!”

Lúc bấy giờ Tư Mã Khôi và La Đại Hải mới biết mình lầy nhảm, đồ ăn không lấy lại lấy túi giấy ăn có thể tích lớn hơn - được bọc kín trong thùng đựng thức ăn dã chiến, rồi cầm lên đút cả vào miệng mà nhai. Hai người biết được sự thật trố trêu đều tròn mắt há miệng, nhưng họ là những kẻ rất cứng đầu, tất nhiên có chết cũng chẳng chịu nhận sai, cùng lắm đã nhảm thì nhảm cho trót. Họ thanh minh các ông đây đều là người có văn hóa, thường ngày thích ăn sách, vở, giấy, bút, đừng nói hai cuộn giấy nhà cô mà ngay cả cặp răn trong tranh của Tề Bạch Thạch, bọn ông cũng ăn cả hai cân, vừa nói vừa cố tình đút nốt toàn bộ số giấy

ăn trong hộp cơm đã chiến vào miệng nhai nát vụn rồi nuốt xuống bụng, xong đâu đấy mới ăn các thứ khác.

Ngọc Phi Yến không thèm đôi co với hai người. Nhân lúc này, cô ả giới thiệu với hội Tư Mã Khôi thành viên trong đoàn thám hiểm. Gọi là thành viên “đội thám hiểm” cho oai, chứ về thực chất, bọn họ vẫn chẳng thoát xác khỏi “Sơn lâm đội lão thiếu đoàn” của tổ chức “Ngựa vang” truyền thống. Tất cả mọi việc đều do “thủ lĩnh” quyết định, nhưng tâm của kẻ cầm đầu phải ngay, nếu không ngay sẽ bất thành đại sự

Thứ đến là “nhà học giả”, còn gọi là tiên sinh, đó chính là lão tặc có kinh nghiệm phong phú nhất trong đoàn; lão là tham mưu trưởng, có chức năng quân sư cho nhóm. Bên dưới còn có mấy huynh đệ như Thảo Thượng Phi, Xuyên Sơn Giáp, họ đều là tâm phúc đắc lực của Ngọc Phi Yến.

Ngoài ra còn có hai mươi mấy tên lính vũ trang Miến Điện làm chân bốc vác. Chúng đều là những kẻ cầm tử được chiêu mộ từ lực lượng vũ trang quân phiệt Bắc Miến, vì tiền họ sẵn sàng làm mọi việc.

Hội bốn người Tư Mã Khôi bị đẩy lên đầu “tuyển lửa” làm nhiệm vụ dẫn đường, chịu trách nhiệm giúp đội thám hiểm tìm ra con đường U Linh trong núi Dã Nhân.

Tuy cơn bão nhiệt đới “Buddha” sắp tấn công Bắc Miến đang tràn vào dãy núi với tốc độ kinh khủng, dự tính trong hai ngày tới sẽ cập núi Dã Nhân, nhưng quyết tâm của Ngọc Phi Yến dường như còn lớn hơn. Cho dù phải đối mặt với điều kiện khí hậu khắc nghiệt, cô ả vẫn sẵn sàng không ngại trả giá đắt để hoàn thành phi vụ làm ăn lần này, bởi cục diện quân sự khu vực Bắc Miến vô cùng bất ổn, nếu đợi cơ hội lần sau mới vào núi thì không biết còn phải đợi đến tháng nào năm nào.

Tư Mã Khôi suy tính: Ngọc Phi Yến và đám lâu la thuộc hạ của cô ả đều là bọn “hồi tử” chuyên đào bới khai quật mồ mả, buôn lậu cổ vật, nhưng từ trước đến giờ chưa thấy ai nói trong núi Dã Nhân có cổ mộ, huống hồ có thể mua hẳn một đội quân vũ trang địa phương vào núi,

chắc chắn cũng phải chi ra một số tiền không nhỏ, số tiền đó hẳn không phải chỉ đào bới vài ngôi mộ vớ vẩn trong núi là có thể bù đắp được. Rốt cục ai dám bỏ ra số tiền lớn như thế và họ muốn tìm vật gì?

Tư Mã Khôi rất muốn biết rõ nội tình, liền hỏi Ngọc Phi Yên tận cùng con đường U Linh ẩn giấu bí mật gì?

Ngọc Phi Yên lấy một chiếc túi chống thấm, thò tay lôi ra một vật từ bên trong, đó là vài tập văn bản mỏng, ngoài ra còn có một bức ảnh, cô ả nói với hội Tư Mã Khôi: “Đây chính là mục tiêu duy nhất bọn tôi muốn tìm kiếm.”

Tư Mã Khôi và La Đại Hải chụm đầu nhìn kỹ chiếc máy bay trong bức ảnh, địa điểm chụp có vẻ giống với sân bay quân dụng ở một nơi nào đó, hơn nữa tất cả các tấm ảnh đều chụp hình một chiếc máy bay vận tải. Chiếc máy bay này kiểu cổ, hình thù kỳ quái, phần thân và cánh đều khắc biểu tượng rắn độc ngóc đầu đớp mồi, trông rất đặc biệt

Hai người đều thấy quen mắt, hình như họ đã từng nhìn thấy nó ở đâu đó. Xem ra, loại máy bay này không phải kiểu máy bay hiện đại, chắc là diện phải đưa vào viện bảo tàng quân đội từ đời thuở nào. Nghĩ đến đây, Tư Mã Khôi và La Đại Hải đột nhiên nhớ ra những điều mắt thấy tai nghe trong lúc tác chiến trong núi trước đây, cả hai giật mình thốt lên: “Đây chẳng phải máy bay tiêm kích vận tải^[20] của không quân hoàng gia Anh hay sao?”

Hồi thứ bảy

THÁP THÔNG THIÊN

Quân đội cộng sản Miến Điện từng ở gần Lashio, tấn công chiếm đóng sân bay quân dụng do người Anh xây dựng, trong nhà kho không quân còn bảo lưu rất nhiều máy bay chiến đấu kiểu cũ bị hỏng hóc từ những năm trước, trong đó có một chiếc máy bay kiểu dáng giống với chiếc máy bay trong ảnh, mà hình thù quái dị của nó khiến người ta chỉ nhìn qua một lần là không thể quên được. Tàn tích của loại máy bay này rơi xuống lòng núi, bọn họ cũng trông thấy không ít lần.

Bởi thế Tư Mã Khôi và La Đại Hải có thể phân biệt rõ ràng và nhận ra chiếc máy bay có hình thù kỳ quái này. Có lẽ đó là loại máy bay tiêm kích vận tải do người Anh chế tạo. Máy bay tiêm kích của không quân Hoàng gia Anh được sử dụng rộng rãi trong thời kỳ đại chiến thế giới thứ hai, số hiệu và chủng loại rất nhiều, ví dụ như máy bay tiêm kích chiến đấu, máy bay phản tiêm kích ngư lôi, máy bay tiêm kích ném bom hạng nhẹ, máy bay tiêm kích thám thính, máy bay tiêm kích vận tải... Loại hình máy bay này vừa linh hoạt vừa tốc độ, vô cùng thích hợp để phi hành ở những khu vực nhiệt đới khí hậu phức tạp, dễ thay đổi. Trước đây, hàng loạt máy bay tiêm kích phục vụ liên tục trên bầu trời Miến Điện, nhưng chủ yếu là loại tiêm kích hạng nhẹ và tiêm kích trinh sát, còn loại vận tải đã được cải tiến như trong ảnh thì hiếm khi nhìn thấy.

Tư Mã Khôi nói với Ngọc Phi Yến loại máy bay cổ lỗ sĩ này đã sớm rút khỏi vũ đài lịch sử từ đời thuở nào, vậy mà các cô còn mạo hiểm và sẵn sàng trả giá đắt như vậy để đi tìm, e rằng chẳng phải chỉ vì bản thân chiếc phi cơ. Chắc chắn bên trong khoang chứa còn cất giấu bảo vật

gì vô cùng quan trọng. Nhưng vì sao nó lại ở trong núi Dã Nhân? Và vì sao có người không tiếc tiền bạc thuê đội thám hiểm đi tìm kiếm nó? Trộm nghĩ trong đó chắc chắn phải ẩn chứa một nguyên do bí mật không thể tiết lộ.

Ngọc Phi Yên gật đầu thừa nhận phán đoán của Tư Mã Khôi là đúng, có điều cũng chẳng có nguyên do gì không thể tiết lộ. Thì ra sau khi Thế chiến thứ hai kết thúc, trước thềm các nước Miến Điện, Ấn Độ... sắp thoát khỏi ách thống trị của chế độ thuộc địa thực dân Anh, người Anh đã phải không quân đến chuyên chở hàng loạt bảo vật quý hiếm cướp bóc được ở Miến Điện, chuẩn bị đưa ra cảng biển lên thuyền vận chuyển về Bảo tàng đế quốc Anh ở bản địa.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vận chuyển bí mật này, một chiếc máy bay tiêm kích vận tải của không quân Hoàng gia Anh, vì gặp phải thời tiết xấu, đã buộc phải đi lệch tuyến đường phi hành, rơi xuống lòng núi Dã Nhân.

Thông qua báo cáo của các phi hành viên trên máy bay chiến đấu đi hộ tống, thông tin cuối cùng họ nhận được từ chiếc tiêm kích vận tải là: “Chúng tôi bị rơi vào sương mù...” điểm rơi là một khe núi lớn trong rừng nguyên sinh. Có lẽ do ảnh hưởng của dòng không khí lưu thông trong khe núi và kết cấu chiếc phi cơ tương đối nhẹ, nên nó không bị đâm vào núi rơi tan xác ngay lập tức.

Có điều, nơi sâu thẳm trong khe núi khổng lồ đó sương mù dày đặc, đã khiến tầm nhìn từ trên không bị cản trở. Sau khi chiếc tiêm kích rơi vào màn sương bí hiểm mênh mang chẳng bao lâu, lập tức vang lên những tiếng gào thét tuyệt vọng kinh hoàng của các thành viên phi hành đoàn, rồi tất cả rơi vào im lặng và hoàn toàn đoạn tuyệt mọi thông tin với thế giới bên ngoài.

Sau khi thông tin được truyền đến phía quân đội, họ lập tức điều động nhân viên, tổ chức thành các phân đội cứu viện, chia thành nhiều ngả tiến vào núi Dã Nhân để tìm kiếm tung tích chiếc máy bay. Thậm chí

còn không ngại sự ảnh hưởng của khí hậu khắc nghiệt, họ đã phải rất nhiều phi cơ trinh sát tiến hành lùng sục ở tất cả những khu lân cận.

Nhưng những phân đội tìm kiếm cứu nạn tiến vào núi, nếu không trở về công cốc vì không tìm thấy đường thì cũng mất tích một cách bí hiểm sau khi tiến vào khu rừng nguyên sinh. Chẳng biết sau nhiều năm tìm kiếm, số lượng máy bay và con người bị mất tích trong núi đã lên con số bao nhiêu, bởi hoàn cảnh và lai lịch của họ rất đa dạng phong phú, ngoài những phần tử đầu cơ và các nhà thám hiểm muốn tìm kiếm bảo vật ra, thì còn có vô số kẻ chạy nạn, phạm nhân buôn lậu, thổ phỉ và những binh sĩ các nước đi lạc vào núi Dã Nhân qua nhiều thời kỳ chiến tranh. Nhưng bất luận là thời kỳ thực dân Anh thống trị hay thời kỳ phát xít Nhật chiếm đóng, tất cả những vụ mất tích xảy ra trong núi Dã Nhân đều bị giới quan chức các nước né tránh không đưa động đến, và từ trước đến nay cũng không có ghi chép công khai nào tường thuật về quá trình cứu nạn.

Rừng rậm nguyên sinh quanh năm không nhìn thấy mặt trời và sương mù dày đặc ngàn năm chẳng thể tiêu tán dưới lòng đất, đều trở thành bức bình phong thị giác của thiên nhiên. Thêm vào đó, môi trường tự nhiên khắc nghiệt đã khiến núi Dã Nhân cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài, mà đến tận bây giờ vẫn chưa một ai có thể sống sót đi ra từ núi sâu.

Chiếc máy bay mất tích không lâu sau thì Miến Điện tuyên bố độc lập, người Anh hoàn toàn rút lui khỏi lãnh thổ đất nước, vụ án quân sự liên quan đến chiếc máy bay mất tích dưới khe núi lớn trong lòng núi Dã Nhân tưởng như cũng khép lại vĩnh viễn. Thế nhưng rất nhiều người lại tâm tâm niệm niệm chẳng thể quên “bí mật” vận tải trong khoang hàng của chiếc phi cơ, để đến tận giờ vẫn không ngừng kiểm tìm chiếc tiêm kích bị mất tích khi xưa. “Sơn lâm đội lão thiếu đoàn” của Ngọc Phi Yên chính là đối tượng được người ta thuê để đi tìm chiếc máy bay khắc biểu tượng rắn đen và mang “hàng” trong khoang trở về.

Đầu mỗi trong tay Ngọc Phi Yên, ngoại trừ bức ảnh mấy chiếc máy bay vận tải ra, thì chỉ có một vài tin tức tình báo còn sót lại của

phân đội cứu nạn không quân Anh năm xưa mà thôi, nhưng chừng đó cũng đủ để đoán biết vị trí mất tích của chiếc tiêm kích, đại khái nằm ở khe núi không lồ nơi trung tâm núi Dã Nhân. Có điều, sương mù dưới lòng đất từ trong khe sâu phun lên mù mịt, càng lúc càng dày lên theo năm tháng, đã gần như che phủ tất cả các khu vực lân cận.

Nếu đội thám hiểm trực tiếp tiến vào khu rừng rậm nguyên sinh bị sương mù bủa vây, họ sẽ dễ giẫm phải vết xe đổ của người đi trước. Bởi thế sau khi bàn bạc, Ngọc Phi Yên và Khương sư phụ quyết định trước tiên là cần tìm ra con đường Stilwell do quân Mỹ xây dựng, vì nghe nói nơi tận cùng của con đường nằm rất gần vành đai ven khe núi. Năm đó đoàn bộ đội công binh tác chiến độc lập số 6 muốn xây dựng con đường phía rìa sườn để tránh đám sương mù kỳ quái dưới lòng đất phun trào, nhưng lúc đào đường hầm xuyên núi, cả đoàn lại vô tình khiến đất đá sụt lở, chỗ sụt lở lộ ra một huyết động, rồi sương khí từ bên trong phun ra dữ dội, những nhân viên đi vào trình sát đều chết bất thành linh, bởi thế họ mới buộc phải từ bỏ kế hoạch làm đường thông qua núi Dã Nhân.

Khổ nỗi, đội thám hiểm lại không có bản đồ, cũng chẳng có người dẫn đường, nên muốn tìm một con đường bị lãng quên hoang phế mấy chục năm đâu phải chuyện dễ dàng. May mà bọn họ gặp được hội Tư Mã Khôi cùng cậu bé Karaweik. Tuy Karaweik cũng chưa từng đi vào trục đường 206B của con đường U Linh, nhưng chỉ ít cậu bé cũng có kinh nghiệm, biết rõ cục phải đi đâu để tìm nó, đồng thời hiểu cách làm sao để tránh khu vực bom mìn rộng lớn, mà nhiều thời kỳ chiến tranh trong lịch sử còn để lại. Bởi chỉ cần tìm thấy vị trí đường hầm nơi tận cùng trục đường B, là họ có thể tìm cách đi từ chỗ bị sụt lở xuyên qua động huyết dưới lòng đất, vào khe núi không lồ, tìm chiếc máy bay tiêm kích vận tải bị mất tích.

Sau khi Ngọc Phi Yên kể xong toàn bộ đầu đuôi câu chuyện, cô ta liền quay sang nói với Tư Mã Khôi và La Đại Hải: “Bất kể các anh có tin vào số mệnh hay không, chỉ ít tôi cũng cho rằng giữa con người với con người luôn tồn tại một loại ‘lực hấp dẫn’ nào đó. Hôm nay chúng ta tương ngộ trong núi Dã Nhân, cuối cùng lại trở thành bạn đồng hành, e

rằng đó cũng là sự an bài của số phận. Kể từ nay trở về sau, chúng ta nhất định phải đồng tâm hiệp lực.”

Tư Mã Khôi biết Ngọc Phi Yến không muốn tiết lộ thông tin liên quan đến “hàng” và “khách hàng”, nhưng anh cũng biết những vật trong khoang máy bay chắc chắn không phải loại tầm thường, đã là “phi vụ đánh cược mạng sống” thì không thể dễ dàng thành công, nói không chừng lại rơi vào thảm cảnh bị tiêu diệt hoàn toàn. Nghĩ vậy, anh liền cảnh báo Ngọc Phi Yến: “Cô đã nói phải tin vào số mệnh, vậy thì việc thành hay bại còn phải xem ý trời, nếu chuyến đi này không thành công, thì cô cũng đừng miễn cưỡng quá.”

Ngọc Phi Yến khẽ cau đôi mày thanh tú, lời nói có phần trách móc: “Anh đừng lay động quyết tâm của người khác, chỉ cần chúng ta đồng tâm hiệp lực, thì làm gì có chuyện đại sự không thành?”

Tư Mã Khôi bảo: “Chẳng phải tôi muốn giới gáo nước lạnh vào cô, nhưng tôi thấy đội ngũ của chúng ta thế này khó mà đồng tâm hiệp lực nổi. Tôi còn nhớ trước đây, khi còn ở gần khu vực Midzu, đã từng nghe người ta kể một truyền thuyết tôn giáo phương Tây như thế này:

Vào thời viễn cổ, con người trên trái đất phải sống một cuộc sống vô cùng khốn khó, ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, lại chịu sự uy hiếp của lũ lụt, mãnh thú đe dọa sự sinh tồn. Khi đó, loài người nghe đồn trên thiên đình cuộc sống rất sung sướng, quanh năm lúc nào cũng ấm áp như mùa xuân, bốn mùa hoa lá đua nhau khoe sắc, quanh năm cỏ xanh tươi non mơn mớn, sản vật vô cùng phong phú, không bao giờ phải lo lắng về chuyện ăn mặc, càng chẳng bao giờ phải chịu đựng sự giày vò của bệnh tật. Chỉ có điều, nơi đó rất xa xôi, độ cao của nó vượt xa tầm tưởng tượng của con người, những người bình thường sống trên mặt đất không có cách gì lên trên đó được.

Kết quả, mọi người cùng chụm đầu nghĩ kế, rồi quyết định phải bắc một chiếc tháp thông thiên cao vút lên tận trời, như vậy già trẻ gái trai đều có thể lên đó và trở thành thần tiên, không cần chịu đựng khổ ải

nơi trần thế này nữa. Thế là con người bắt tay vào công việc, mọi người đồng tâm hiệp lực, nên tiến độ xây dựng vô cùng nhanh chóng.

Nhìn thấy đỉnh tháp cao đến tận chân mây, càng xây lại càng cao hơn, Thiên đế ở thiên đình bắt đầu lo lắng, đứng ngồi không yên, bụng thăm nghĩ: ‘Trên trời chỉ có một mình ta thoả mái biết bao, bây giờ đám con cháu dưới mặt đất ăn no rừng mỡ, đều muốn lên đây gây sự. Không được, phải mau mau nghĩ cách!’

Kết quả, Thiên đế cũng nghĩ ra một hạ kế, đó là phân chia con người trên mặt đất thành các dân tộc khác nhau, bắt họ phải nói những ngôn ngữ khác nhau, khiến các bên không thể tiến hành giao tiếp được nữa.

Biện pháp này phát huy tác dụng tức thì, bất đồng ngôn ngữ và bối cảnh văn hóa chủng tộc đã trở thành rào cản lớn khó lòng vượt qua, con người trên mặt đất vì không thể giao tiếp với nhau nên không còn đồng tâm hiệp lực, cùng hướng về một mục tiêu như trước được nữa. Cuối cùng, họ không thể xây dựng hoàn thành ‘tháp thông thiên’, và mãi cho đến tận bây giờ, các bên vẫn không ngừng chỉ trích đối phương, rồi chiến tranh, bạo loạn liên tiếp nổ ra hết lần này đến lần khác.”

Ngọc Phi Yến cố gắng kiên nhẫn nghe hết câu chuyện nhăng cuội của Tư Mã Khôi, cuối cùng cau mày hỏi: “Rốt cục anh muốn ám chỉ điều gì?”

Tư Mã Khôi坦然 nhiên đáp: “Điều tôi muốn nhắc nhở là, trong đoàn chúng ta, vừa có người Liên Xô, vừa có người Miến Điện, người Campuchia và cả người Trung Quốc nữa, thậm chí còn có cả những người chẳng biết mình thuộc quốc tịch nào, nên việc giao tiếp giữa các bên đã rất khó khăn thì làm gì dám nói đến việc đồng tâm hiệp lực? Chúng ta chỉ đơn thuần là ‘đám quân ô hợp’ miễn cưỡng lắp ghép lại trong chốc lát, tuyệt đối không thể làm nên đại sự. Bởi vậy, tôi thấy việc tìm chiếc tiêm kích mất tích đã nhiều năm trong núi Dã Nhân không phải điều dễ dàng trong tầm tay, chúng ta chỉ có thể cố gắng hết sức, còn ngộ nhỡ bị thất thủ, thì cô phải đồng ý với tôi, khi bọn cô rút lui, ít nhất phải

mang Karaweik theo cùng, đồng thời sắp xếp cho cậu bé rời khỏi Miến Điện.”

Ngọc Phi Yến chẳng cần nghĩ ngợi đã lập tức bảo Tư Mã Khôi cứ yên tâm, “Sơn lâm đội lão thiếu đoàn” chẳng phải cũng đã từng làm công việc đánh cược mạng sống như thế này, mà cũng đừng thấy đội ngũ thành phần tạp chủng, thực ra anh đâu cần phải giao tiếp, giao lưu gì, bởi vì đã có Ngọc Phi Yến tôi là “thủ lĩnh”, tất cả chỉ cần một mình tôi nói là xong.

Tư Mã Khôi chẳng coi mấy lời của cô ả là gì, trong lòng thầm nghĩ: “Ngọc Phi Yến, cô chẳng phải cũng chỉ là thủ lĩnh một đội trộm mộ thôi sao? Ông đây ở Miến Điện còn chặt đầu không biết bao nhiêu người, nhiều gấp mấy lần số đầu người mà suốt đời cô có thể khai quật trong các ngôi mộ. Ranh con nhà cô có bản lĩnh gì mà dám chỉ huy ông chứ?”

Nhưng anh cũng không muốn đôi co vì việc nhỏ, nên buông xuôi cho câu chuyện tạm dừng ở đây. Anh chỉ nói gọn lỏn: “Hy vọng được như thế,” rồi chuồn ra chỗ khác cho nhẹ nợ.

Lúc này La Đại Hải nhỏ giọng hỏi Tư Mã Khôi: “Nghe nói trong bảo tàng thực dân Anh đúng là có thu thập sưu tầm rất nhiều văn vật cổ đại, nhưng người bản địa Miến Điện nghèo khổ, vất vả như thế, ngay cả một ngôi nhà cho ra hồn cũng chẳng dựng được, thì hàng hóa trong chiếc tiêm kích vận tải của không quân Hoàng gia Anh có thể tốt đến mức nào được nhỉ? Tớ thấy quá nửa chỉ là hư danh, bây giờ con bão nhiệt đới mang thiên tai sắp tràn về, hội người này mạo hiểm cả tính mạng như thế liệu có đáng không?”

Tư Mã Khôi lập tức phản đối: “Đồ Hải ngọng nhà cậu chả hiểu biết gì cả, cậu đừng thấy dân bản địa nghèo khổ mà coi thường; ở đây từng là vương triều cổ đại hưng thịnh hiển hách nhất trong quá khứ, trầm tích lịch sử rất thâm hậu; người bản địa vô cùng sùng bái tín ngưỡng, nên những ngôi chùa lớn danh tiếng đều được xây dựng tường vàng vách ngọc, lộng lẫy huy hoàng. Hơn nữa, nơi đây được mệnh danh là ‘đất

nước hoàng kim, phỉ thúy’ cũng không phải hư danh đâu; nói cái khác có thể cậu không hiểu, tớ chỉ lấy một ví dụ thực tế trực quan nhất, cậu có biết nữ hoàng Anh là ai không?”

La Đại Hải bị hỏi như vậy chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra sao, liền vặn lại: “Xem thường tớ đây hử? Tớ còn lạ gì nữ hoàng Anh, ai chẳng biết trước đây Miến Điện là thuộc địa của thực dân Anh, bây giờ tượng bà ta vẫn còn khắp đất nước Miến Điện. Chúng ta đánh nhau bao nhiêu năm ở đây, tuy chưa nhìn thấy người thật nhưng tượng điêu khắc thì khối ra đấy, ít nhất cũng chạm mặt đến phát quen, bà ta chẳng phải vợ của Tổng thống Anh hay sao? Có điều chuyện tớ vừa hỏi thì liên quan gì đến bà ta?”

Tư Mã Khôi giải thích: “Cậu nhìn tượng điêu khắc thì biết, trên đỉnh vương miện của Nữ hoàng Anh có gắn một viên hồng ngọc to như quả trứng ngỗng, màu sắc tươi đỏ như máu, toàn thế giới chỉ độc nhất vô nhị một viên ấy thôi. Viên ngọc đó được đội thám hiểm của quân Anh vô tình đào được ở núi Dã Nhân Bắc Miến, trong một trận chiến giữa Anh và Miến Điện, sau đó mang về nước, dâng tặng lên nữ hoàng điện hạ đấy!”

La Đại Hải như sực tỉnh, gật đầu lia lịa: “Thì ra là vậy, xem ra hàng trong chiếc tiêm kích vận tải chắc chắn không phải hạng trâu bò bình thường, nếu tìm thấy nó thật, thì chúng ta đúng là ‘chó ngáp phải ruồi’ trúng quả lớn rồi còn gì.”

Tuyệt nghe ý của La Đại Hải dường như muốn chiếm lấy những đồ vật trong chiếc máy bay mất tích làm của riêng, liền bảo anh đừng có nằm mơ giữa ban ngày, cố gắng sống sót ra khỏi núi Dã Nhân mới là điều quan trọng. Anh chưa nghe nói những đoàn thám hiểm trước đây vào trong núi sâu, chưa ai có thể sống sót mà ra được hay sao? Nếu chúng ta cũng chẳng thoát nổi thì biết làm thế nào?

La Đại Hải cười lớn: “Đừng dọa tôi, cô không biết chứ, Hải ngong tôi đây là kẻ cực kỳ nhất gan, chỉ dám ăn gan hùm, cóc tía thôi.”

Ba người bàn luận một hồi, ai nấy đều cho rằng chuyến đi này lành ít dữ nhiều, nhưng nếu quả thực có thể giữ được mạng sống trở về, thì không rõ số phận nào sẽ chờ đợi họ ở phía trước? Trong lúc ngẫm nghĩ về cái được và cái mất, họ cảm thấy tiền đồ thật khó đoán trước, từng dòng suy nghĩ ủa về, rồi tất cả đều dần dần chìm vào giấc ngủ đầy mộng mị.

Ngày hôm sau, khi trời còn chưa sáng rõ, cả đoàn đã bị Khương sư phụ gọi dậy, mọi người nai nịt gọn gàng để chuẩn bị lên đường. Họ đi xuyên qua cánh rừng rậm rạp, leo lên một mỏm núi. Từ trên cao nhìn ra bốn phía xung quanh, giữa những dãy núi dài miên man, phủ mờ sương khói là cả không gian tĩnh lặng như tờ, màn sương sớm vẫn chưa tan hết, dõi mắt ra phía xa, thấy nền trời đỏ au au như máu, đó chính là điềm báo cơn cuồng phong nhiệt đới sắp tiến sát gần.

Khi thời tiết khắc nghiệt mang theo thiên tai tràn về, trong vòng vài ngày liên tiếp, cuồng phong bạo vũ chắc hẳn không thể nào suy yếu. Lúc đó lũ lớn sẽ tràn đến, đất đá sụt lở cuốn theo dòng nước, thậm chí địa hình của núi Dã Nhân cũng có thể vì nguyên nhân này mà biến dạng. Bởi thế thời gian dành cho đội thám hiểm chẳng còn bao lâu, mọi người bắt buộc phải tìm thấy khe núi khổng lồ - nơi có chiếc máy bay bị mất tích - càng sớm càng tốt.

Karaweik đi trước dẫn đường, cả đoàn xuyên qua một khe núi, đi vòng tránh mấy bãi mìn, rồi tìm thấy ngã rẽ hình chữ Y ở khúc quanh gần vực thẳm, quân Mỹ gọi nơi này là “nút Kansas”. Bên tay trái họ là tuyến đường A khúc khuỷu vòng vèo, bên tay phải là đường hầm xuyên núi, thông trực tiếp đến khu vực nguy hiểm bị mây mù che phủ bủa vây.

Trước đây, Karaweik cũng chỉ đến “nút Kansas” là cùng nên tiếp sau đó cả đoàn đành phải tự mò mẫm tìm kiếm tuyến đường B của con đường U Linh. Con đường bị bỏ hoang nhiều năm, bề mặt đều bị thảm thực vật che phủ hoặc sụt lở, đứt gãy, đã chẳng còn hình dạng gì nữa. Móng đường được xây dựng bằng sự trợ giúp cơ giới hóa bây giờ cũng bị những lùm cây bụi ngoan cường xâm nhập, rễ cây đâm xuyên qua khe nứt, đan cài nhằng nhịt vào nhau che kín mặt đường, khiến người ta

không thể nhận ra diện mạo của nó. Thế nhưng chỉ cần nắm vững quy luật lối đi, cũng không khó tìm được dấu tích của con đường bị đất đá và cây cối phủ lấp, từ đó lần hồi dò dẫm, việc xác định vị trí của tuyến đường 206B cũng sẽ không mấy khó khăn.

Chẳng ngờ con đường U Linh chỉ trông thấy đầu mà chẳng tìm thấy đuôi. Tổng chiều dài nửa đoạn đầu đường áng chừng ba mươi cây số, chạy sâu vào núi khoảng gần ba cây số, toàn bộ được xây dựng trong lòng núi. Nó là một con đường cụt, tất cả có mười tám khúc quanh, nửa đoạn sau của con đường đã bị lũ lớn cuốn sập, chẳng để lại dấu vết nhỏ. Đội thám hiểm mất vật tham chiếu, trước mắt chỉ thấy một dải vực thẳm nhấp nhô, dài tít tắp trong rừng rậm. Vực thẳm chắn ngang lối đi khiến mọi người không có cách gì tiến đến lối ra của con đường hầm. Vực sâu lại kéo dài tới cả ngàn mét, thêm vào đó mỗi bước trong rừng rậm nguyên sinh đều vô cùng khó khăn, nếu dò dẫm từng tí một, e rằng phải mất đứt ba đến năm ngày thì may ra mới tìm thấy cổng đường hầm.

Đúng lúc mọi người đang bó tay bất lực thì Karaweik lại tiết lộ một đầu mối. Cậu nhớ trước đây lúc cha cậu còn sống, từng nói: Năm ấy, ông vào rừng hái thuốc, khi đến mép vực gần lối ra con đường hầm, đã tận mắt nhìn thấy một “kỳ quan” khiến người khác không khỏi bàng hoàng, đó chính là “rắn thiêng hiện thân” trong truyền thuyết cổ xưa của người Miến Điện. Ông bị chấn động đến mức gần như hồn lìa khỏi xác, liền cuống quýt chạy thực mạng ra khỏi cánh rừng nguyên sinh. Chẳng ngờ, ông vừa xuống tới chân núi, thì sau lưng mưa lớn đã kéo về, nhấn chìm và hủy hoại nhiều nơi trong núi Dã Nhân. Chỉ cần ông chậm chân một bước, thì đã sớm bỏ mạng trong núi rồi. Bởi vậy ông một mực cho rằng “rắn thiêng” đã hiện thân hiển linh ứng cứu, giúp ông đoán biết được điềm báo nguy hiểm, nhờ đó mới tha nổi mạng sống về nhà.

Căn cứ vào truyền thuyết này, có thể suy đoán: “rắn thiêng hiện thân” là dấu hiệu đặc thù ở gần đường hầm 206, nhưng trong những ghi chép về quá trình xây dựng con đường của quân đội Mỹ thì không thấy nhắc đến hiện tượng kỳ dị ấy. Từ đó có thể thấy, hiện tượng này không phải bất cứ lúc nào cũng gặp được, hơn nữa, đến tận giờ vẫn chưa ai hiểu

rõ “rắn thiêng hiện thân” rốt cục muốn ám chỉ điều gì? Chỉ đành tạm thời suy đoán, càng vào những thời điểm khí hậu khắc nghiệt, càng có nhiều khả năng gặp phải “kỳ quan độc đáo” này.

Dãy núi Dã Nhân sâu hút ở phía Bắc Miến Điện là nơi thâm sơn tuyệt cốc ở tận cùng của mạch núi Himalaya. Những khu vực nằm dưới mực nước biển phần lớn đều bị rừng rậm nguyên sinh um tùm che phủ, bốn phía núi cao vực sâu trùng điệp, hàng trăm khe sông, khe suối chảy qua, khí hậu quanh năm không đổi. Ngoại trừ cơn bão nhiệt đới có quy mô lớn mạnh khủng khiếp ra thì trong núi sâu rất ít khi chịu sự công kích của mưa gió sấm chớp, có lẽ mười mấy năm trở lại đây đều không có cơ duyên gặp phải thời tiết khắc nghiệt kích thích dòng hồng thủy trong núi nổi giận cuộn cuộn như thế này.

Mọi người chỉ có thể suy đoán, về truyền thuyết “rắn thiêng hiện thân” đại khái tồn tại hai khả năng. Khả năng thứ nhất là mượn để chỉ một loại “hiện tượng thiên nhiên” nào đó, bởi vì người Trung Quốc cổ đại cũng từng lấy các con vật đặt tên cho các điềm báo thiên nhiên. Có điều, từ trước đến nay trong lịch sử chưa hề thấy ghi chép về thuật ngữ “rắn thiêng hiện thân”, mà thể hệ tôn giáo ở Miến Điện đều được lưu truyền từ Ấn Độ cổ đại. Có lẽ chính sự khác biệt tồn tại trong bối cảnh văn hóa đã tạo ra những ám thị mà con người hiện đại khó lòng giải thích.

Khả năng thứ hai có vẻ đúng đắn hơn, trong núi Dã Nhân có rất nhiều loại măng xà khổng lồ, thậm chí truyền thuyết còn kể về con quái xà dài đến hàng chục mét. Nó biết nhả khói trắng mịn mịn, hình thành lớp mây mù dày đặc ngàn năm không thể tiêu tán nơi sâu thẳm trong quần thể núi, che phủ khắp mây dậm xung quanh. Người hoặc gia súc mà tiến vào màn sương mù, sẽ lập tức bị nó làm cho tan chảy rồi nuốt vào bụng. Thế còn thuật ngữ “rắn thiêng hiện thân”, nhiều phần để chỉ những con quái xà trốn trong lòng núi bị kinh động vì ảnh hưởng của khí hậu khác thường, nên lũ lượt kéo nhau hiện thân ra khỏi màn sương mù.

Lúc này, khí áp trong núi càng ngày càng xuống thấp, không khí oi nồng dường như sắp cô kết đặc quánh, xung quanh yên ắng tĩnh không

tiếng động, khiến người ta cảm thấy thấp thỏm bất an đến ngộp thở. Tư Mã Khôi phán đoán: “Chắc giông bão và mưa lớn sắp sửa tràn về, nếu không tìm thấy lối ra của đường hầm, thì chúng ta phải lập tức trèo lên chỗ cao ngay.”

Đang định tự mình tìm đường leo lên mỏm núi thì trong khoảnh khắc ngẩng đầu ngược nhìn về sườn núi trọc phía đối diện, Tư Mã Khôi đột nhiên thấy một con măng xà đen sì sì dài khoảng hai ba mươi mét, thân hình mờ ảo như sương khói, ẩn hiện chập chờn. Điều lạ lùng nhất là con hắc xà lại treo mình trên vách đá dựng đứng, án binh bất động, trông nó giống như một bức thạch họa thần bí và cổ xưa. Dán mắt nhìn một hồi lâu, anh phát hiện trên vách vực thẳm rõ ràng hoàn toàn trống trơn, chẳng có vật gì bám víu, làm sao đột nhiên lại xuất hiện cảnh tượng kỳ dị dường vậy?

Tư Mã Khôi còn cho rằng mình bị hoa mắt liên vội vàng gọi, mọi người cùng ngẩng đầu lên, mấy chục cặp mắt đổ dồn về đó kinh ngạc nhìn chăm chăm một hồi lâu, hầu như người nào cũng không dám tin vào mắt mình, bởi vì vật hiện lên trên vách đá đích thực là hình một con hắc xà nằm im lìm bất động. Nhưng nó không phải là bức tranh đá điêu khắc hình con quái xà, càng không phải một sinh vật đã chết. Chẳng ai có thể tưởng tượng nổi “rắn thiêng hiện thân” chỉ tồn tại trong truyền thuyết cổ xưa của Miến Điện lại là bức phù họa thần bí đầy sức sống như thế, ly kỳ đến mức khiến người ta khó có thể tin đó là thật.

Hồi thứ tám

RẮN THIÊNNG HIỆN THÂN

Đúng lúc đoàn thám hiểm bị vực sâu cản đường, trong lúc tưởng chừng sự việc giậm chân tại chỗ thì đột nhiên phát hiện trên vách núi xuất hiện hình thù con hắc xà khổng lồ, dài ngoằn ngoèo cả mấy chục mét. Trên vách đá phủ đầy rêu xanh và các loại thực vật khác nhau, dưới sự phản chiếu của màu xanh lục đậm, con rắn càng trở nên mờ ảo, quái dị như thể vong hồn u uất. Vì khoảng cách ở quá xa, nên mọi người cũng không phân biệt rõ nó là rắn hay trăn.

Đám lính vũ trang Miến Điện nhìn thấy cảnh tượng ấy đều kinh hãi quỳ rạp xuống đất, miệng không ngừng lầm bầm tụng niệm Phật hiệu, hướng về phía vực núi dập đầu liên tiếp.

Ngọc Phi Yên cũng không khỏi kinh ngạc, cô ả cầm ống nhòm, ghé mắt nhìn kỹ, một hồi sau mới bàng hoàng tỉnh ngộ, đoạn nói với mọi người rằng không cần hoảng sợ, bóng đen hình con rắn treo trên vách đá thực ra chẳng phải mãng xà gì hết, chẳng qua chỉ là một bày kiến đỏ đang di chuyển mà thôi.

Thì ra địa thế núi Dã Nhân là một vòng tròn khép kín, tứ bề núi cao trập trùng nhấp nhô, đa phần đều là sản vật từ quá trình tạo sơn của dãy Himalaya thời cổ đại; khí hậu quanh năm ổn định bất biến, gió bão nhiệt đới thông thường cũng khó lòng chạm tới ảnh hưởng đến đất này. Nhưng năm nay, lại là cơn bão nhiệt đới đến từ Ấn Độ Dương có cường độ mạnh khủng khiếp mà mấy chục năm hiếm gặp. Sự biến đổi khí tượng khắc nghiệt này, từ sau khi được dự báo đến nay đã thu hút sự

quan tâm chú ý của đông đảo nhân dân các khu vực trên khắp thế giới, còn theo phân tích của khí tượng, vùng núi Dã Nhân ở miền bắc Miến Điện cũng chịu sự công kích mãnh liệt của cơn bão. Giờ đây, cơn bão nhiệt đới mang mưa lớn sắp tiến đến gần, khiến các con sông con suối vốn hiền hòa nằm im lìm dưới các khe núi thấp bỗng chốc trở nên hung dữ, dòng hồng thủy cuộn cuộn chảy xiết.

Dường như các sinh vật trong rừng già núi sâu đều cảm nhận được cái oi bức khác thường của khí hậu, hàng ngàn vạn con kiến đỏ buộc phải di chuyển lên chỗ cao hơn để tránh nguy cơ chẳng may tổ kiến bị lũ quét, số lượng kiến đỏ trong rừng rậm nguyên sinh nhiều đến khiếp người. Tuy gọi là kiến đỏ nhưng toàn thân nó đen sì sì, chỉ có một chút ở phần đuôi là điểm màu đỏ thẫm, con to nhất phải gần bằng ngón tay người, con bé cũng cỡ hạt gạo, chúng lúc nhúc tụ tập thành từng đoàn bò dọc vách đá hướng dần lên trên. Người đứng ở nơi xa nhìn vào sẽ thấy chúng chẳng khác nào một con rắn dài. Có lẽ từ hàng triệu năm trước từng có người tận mắt nhìn thấy hiện tượng tự nhiên thần bí này, nên mới lưu lại truyền thuyết kỳ kỳ khiến người ta khó lòng tin nổi.

Tuy Ngọc Phi Yến đã nói bóng đen ngoằn ngoèo trên vách đá không phải mãng xà, nhưng nhóm người Miến Điện, bao gồm cả Karaweik, vẫn không thể lý giải được làm sao kiến đỏ trong rừng rậm lại biết chủ động leo lên chỗ cao tránh mưa bão, nên họ cứ một mực cho rằng rắn thiêng mượn xác bày kiến để hiện thân, rồi ai nấy mặt vàng như nghệ, miệng không ngớt lầm rầm tụng niệm.

Ngọc Phi Yến giải thích với mọi người, kiến đỏ sinh tồn trong rừng rậm nhiệt đới còn gọi là kiến vóng, chúng biết nhả ra “chất tín hiệu chỉ đường” khi nhai nuốt thức ăn trên những nơi mà chúng đã hành quân qua. Bởi vậy mỗi lần di chuyển ở khoảng cách xa, chúng đều bò theo một tuyến đường nhất định cùng nhau, đợi khi thời tiết ổn định, thì sẽ quay lại đường cũ để trở về đáy vực, cùng nhau xây dựng lại chiếc tổ đã bị mưa gió cuốn trôi. Nhìn số lượng khổng lồ của đàn kiến đang tụ tập trên vách đá thật khiến người ta khiếp hãi, và có thể đoán định nội trong mười mấy dặm xung quanh chắc không còn đàn kiến nào có quy mô vĩ

đại như thế. Đã có người từng tận mắt nhìn thấy kỳ quan sinh vật của giới tự nhiên ở gần cổng đường hầm của con đường U Linh, thì đường hầm xuyên núi đó chắc hẳn cũng chỉ ở đâu đây mà thôi.

Ngọc Phi Yên móc một sợi dây chuyền vàng trong người ra bảo phiên dịch nói với mọi người: “Ai tìm được lối vào núi, sợi dây chuyền vàng trên tay tôi sẽ thuộc về người đó.”

Tư Mã Khôi vốn còn cho rằng cô ả Ngọc Phi Yên có chiêu thức đặc biệt làm lung lạc lòng người, hóa ra cũng chỉ là hạng mang tiền ra nhử mỗi câu, không có gì mới mẻ cả. Có điều, người ta vẫn thường nói: “Mang tiền trọng thưởng, tất có dũng phu”, mấy người Miến Điện này tuy khiếp sợ núi Dã Nhân đến tận xương tận tủy, nhưng hơn hết, bọn chúng là lũ thổ phỉ hung hãn nên chỉ cần tiền, chẳng cần mạng. Dưới sự dụ dỗ của cái lợi to lớn trước mắt, ban đầu chúng còn hoảng loạn mất một lúc nhưng sau đó dưới lệnh của thủ lĩnh trong đội, chúng lần lượt leo xuống vực sâu tìm kiếm lối ra của con đường hầm.

Đội thám hiểm lòng sục theo hình thức đan rào một hồi, cuối cùng cũng phát hiện thấy cổng đường hầm của con đường U Linh, nhưng phần chớp cổng đã bị sứt lở hoàn toàn, một lượng đất đá lớn đã sụp xuống bịt kín lối ra, dường như nó bị con người dùng thuốc nổ phá hủy. Có lẽ quân Mỹ trước khi rút khỏi đường hầm tuyến đường B, muốn phong tỏa vĩnh viễn khu vực nguy hiểm này nên đã tiến hành kích nổ nhiều lần, khiến lối ra hoàn toàn đổ sụp, không thể tiếp tục đi về phía trước được nữa.

Có điều, vẫn là đám lính vũ trang Miến Điện giàu kinh nghiệm đã tìm thấy một khe núi bí ẩn bị thảm thực vật um tùm che phủ, nằm ở mặt bên của vực thẳm, nơi lũ kiến vóng đang bò. Trên tầng nham thạch nhẵn nhụi ở cổng vào khe núi vẫn còn lưu giữ những bức tranh đá nguyên thủy mô tả cảnh tượng chết chóc của một bầy voi rừng lớn. Lòng sơn cốc thâm u, khúc khuỷu, không gian tĩnh mịch, nặng nề, hai bên mọc đầy cây cỏ thụ tán lá rộng rợp trời, đan kết, xen cài vào nhau, khiến mặt trời không thể chiếu sáng khoảng không trên đầu, mà chỉ có những tia nắng yếu ớt lọt qua kẽ lá âm u rậm rạp.

Cuốn sổ ghi chép của cố nội Karaweik không chỉ mô tả địa hình trong lòng “Tượng môn” hoàn toàn trùng khớp với bức bản đồ cổ, mà còn ghi chép rất nhiều sự kiện liên quan. Nghe nói, trong thời kỳ chiến tranh Anh - Miến, từng có một viên thượng úy người Anh chỉ huy lính tác chiến ở gần khu vực núi Dã Nhân. Do quân Anh được trang bị vũ khí đầy đủ, tinh nhuệ nên đã dễ dàng đánh bại kẻ địch. Trong quá trình truy sát tàn quân, viên thượng úy đó đã gặp một con voi rừng già nua đang chuẩn bị lên đường gặp tổ tiên ở rừng rậm nguyên sinh. Một binh sĩ người Ấn Độ, là thuộc hạ của anh ta vì ham muốn chiếc ngà voi rừng, định dùng súng bắn hạ sát con voi già, nhưng viên thượng úy đã hoạt động nhiều năm ở Ấn Độ, Miến Điện... biết rõ tập tính của bầy voi rừng, nên ngăn không cho người binh sĩ nọ nổ súng làm kinh động đến nó, mà lặng lẽ dẫn quân đi sát theo sau. Điều anh ta muốn biết là rốt cục con voi đến chỗ nào để chờ chết.

Thì ra voi rừng Miến Điện có một tập tính đó là khi một con voi già yếu sắp chết, nó thường linh cảm được sự tất rui của số mệnh, bèn một mình rời khỏi đàn voi, đơn độc tiến vào rừng sâu. Nó đi mãi cho đến huyết động đá, nơi tổ tiên mình vùi xương từ hàng ngàn năm, sau đó nằm phủ phục bên cạnh đống xương voi chồng chất, không ăn không uống, lặng lẽ chờ đợi thần chết đến đón.

Tương truyền, huyết mộ voi rừng Miến Điện, cổ xưa nhất để có lịch sử hàng vạn năm nên xương voi, ngà voi trong động chất đầy như núi. số lượng di hài bầy voi rốt cục có bao nhiêu, chẳng ai đếm được chính xác, cũng là do niên đại quá xa xôi, thậm chí có những chiếc ngà voi quá cổ xưa đã hóa thạch nằm dưới tầng đáy của huyết động.

Những sản phẩm thủ công mỹ nghệ tinh xảo chế tạo từ ngà voi được giới quý tộc châu Âu rất ưa chuộng, nên giá trị vô cùng cao. Viên thượng úy Anh biết rằng, chỉ cần bám theo tung tích con voi già, rất có khả năng sẽ tìm thấy miền đất vùi xương của tổ tiên nó, điều đó cũng có nghĩa là sẽ tìm ra một kho báu vô giá, chứ không chỉ đơn giản dừng lại ở hai chiếc ngà voi.

Khi đó, viên thượng úy Anh vì bị lòng tham làm mờ lý trí nên đã bỏ qua một điều vô cùng quan trọng, đó là ý thức bầy đàn của voi rừng Miến Điện vô cùng mạnh mẽ, chúng không ngại trả mọi giá để bảo vệ bí mật về miền đất vùi xương của tổ tiên. Không những thế, dường như bầy voi cũng biết được, từ trước đến nay, sở dĩ chúng bị loài người săn bắn, hạ sát, căn nguyên chính là vì đôi ngà quý giá, bởi vậy huyết mộ mà chúng lựa chọn thường nằm giữa khu vực nguy hiểm nhất trong núi sâu, rừng già, đủ để khép chặt lối về của bất kỳ kẻ bám sát nào.

Kết quả, viên thượng úy chỉ huy hơn hai trăm tinh binh Ấn Độ, bám sát dấu chân con voi già, tiến sâu vào khe núi ẩn khuất. Vượt qua bao gian khổ hiểm nguy, cuối cùng họ cũng nhìn thấy vô số động huyết thiên nhiên bị màn rế của cây si buông rủ phủ kín, nằm sâu trong khe núi. Đó đều là những huyết động thiên nhiên được hình thành do quá trình nước mưa xâm nhập vào lòng núi đá vôi, làm tan chảy phần nhám thạch mềm xốp, trải qua hàng chục triệu, thậm chí hàng trăm triệu năm dần dần điêu khắc mà thành. Gió lạnh trong động thổi vù vù, huyết động âm u huyền bí bốn phía thông thoáng, hình thành một mạng lưới địa hình Karst - kiểu địa hình phong hóa đặc trưng của những miền núi đá vôi bị nước chảy xói mòn - dày đặc, miên man. Những huyết động này không chỉ khoáng đạt, rộng rãi khác thường mà còn chứa đựng tầng tầng lớp lớp di hài của loài voi rừng.

Viên thượng úy người Anh kinh ngạc cực độ, chỉ có thể dùng bốn chữ “huyết động ma mút” để hình dung cảnh tượng đang hiện ra trước mắt. Mặc dù trong đồng di hài voi rừng cao ngất tuyệt đối không có xương của loài mãnh thú thời kỳ nguyên băng hà, nhưng chỉ có thể hình không lồ của chúng mới đủ sức mô tả huyết động hùng vĩ như một kỳ tích này. Ngoài ra, bọn họ còn phát hiện, nơi tận cùng huyết động ma mút ăn thông với một khe núi khổng lồ có độ sâu khó lường, với màn sương mù ào ra từ lòng đất đặc quánh đến nỗi tưởng như không thể rẽ ra nổi, lúc đó chẳng ai dám bước chân tới thăm dò.

Tuy viên thượng úy không dám tiến sâu vào khe cốc, nhưng núi sâu hiểm nguy mai phục tứ bề, ngoại trừ rắn độc, ác thú ra, thì còn vô số

lời nguyên cổ xưa, nên cuối cùng cả đoàn quân đều bị tiêu diệt gần như sạch trơn. Viên thượng úy nọ cũng nằm trong số những kẻ phải bỏ mạng, chỉ có vài người may mắn sống sót, nhưng chẳng ai mang nổi nửa cái ngà voi ra khỏi rừng. Sau đó, rất nhiều nhà thám hiểm và những kẻ đầu cơ cũng thử vào đây tìm vận may, nhưng chẳng có ai thoát chết trở về. Bởi thế khe núi này bị coi là vùng đất cấm.

Khuong sư phụ phán đoán, khe cốc này có lẽ chính là “Tượng môn” mà tấm bản đồ cổ đã mô tả, hướng đi của con đường Stilwell về cơ bản cũng có nhiều nét tương đồng. Trong quá trình tiến hành thi công đường hầm, quân đội Mỹ đã vô tình xuyên thủng rìa khe cốc khiến sương khí trong lòng đất trào ra, rồi bao nhiêu nhân viên bị bỏ mạng hoặc mất tích cũng từ đây. Bởi vậy, quân đội Mỹ đành từ bỏ tuyến đường 206B. Nơi tận cùng của “Tượng môn” có lẽ cũng nối liền trực tiếp với lòng núi Dã Nhân. Đường đến khe động trong núi sâu có lẽ cũng không chỉ có một lối, nhưng “mọi ngã đường đều dẫn về La Mã”, chẳng có nơi nào là không nguy hiểm.

Nếu bây giờ dùng thuốc nổ để mở lối ra của đường hầm 206 thì chắc chắn không chỉ một hai lần mà có thể thành công ngay được. Khuong sư phụ tự lượng đội thám hiểm đều được vũ trang đầy đủ, hơn nữa kinh nghiệm lại rất phong phú, nếu cứ quanh quẩn mãi ở con đường U Linh tương đối an toàn thì chi bằng mạo hiểm xông vào huyết động ma mùt. Lão ta cũng là kẻ toan tính lọc lõi, nên lão bảo Tư Mã Khôi và La Đại Hải hai người đi trước dò đường, đồng thời còn sắp xếp Xuyên Sơn Giáp đi theo giám sát. Ngọc Phi Yến cũng đồng ý với cách sắp xếp này, bèn vẫy tay gọi ba người lại, rồi ra lệnh cho thuộc hạ đưa hai con dao săn cho hội Tư Mã Khôi dùng để phòng thân, ngoài ra còn phát thêm hai chiếc đèn pin và pháo sáng tín hiệu.

Xuyên Sơn Giáp là gã người Quan Đông, khoảng hơn bốn mươi tuổi, trên mặt hằn một vết sẹo do dao chém, tứ chi ngắn ngủn, thô ráp, thân hình thấp lùn, săn chắc, tính tình trầm lặng ít nói, dễ nóng nảy cáu bẳn, bản mặt lúc nào cũng găm găm. Gã tự biết đi trước dẫn đường rất nguy hiểm, nhưng thủ lĩnh đã phát lệnh thì không dám trái lời, bèn gắt

gồng thúc giục Tư Mã Khôi và La Đại Hải: “Hai thằng ôn nghe cho rõ đây, đi đằng trước, da mặt phải căng ra một chút, cố gắng mà tỉnh táo cho ông mày đấy!”

Tư Mã Khôi và La Đại Hải vốn dĩ định cố tình tụt lại phía sau, nhưng nghe Ngọc Phi Yến bố trí thì thầm nghĩ: “Thành viên trong đội thám hiểm của cô, người nào cũng được vũ trang đến tận răng, còn có cả Thảo Thượng Phi, Xuyên Sơn Giáp, thế mà lại bắt tàn binh bại tướng bọn tôi mạo hiểm tính mạng đi trước dò đường mà không biết ngượng mặt à?” nhưng rồi lại tính: “Chúng ta làm sao phải cúi đầu trước gã lùn tịt thế kia? Đã biết chắc mình sẽ trở thành xác pháo khi đi dò địa lôi cho bọn họ, mà cơ sự đến nước này muốn không đi cũng không được, nên tốt nhất chả nên lèm bèm làm gì, kéo chỉ khiến người ta thêm khinh thường.” Thế là người nào người nấy làm theo gã lùn, uể oải đứng dậy, bước từng bước chậm chạp.

Càng đi sâu vào trong sơn cốc, địa thế càng trở nên rộng rãi, thoáng đạt, nhưng những thân cây cổ thụ cũng cao lớn lừng lững hơn, tưởng như muốn chọc thủng trời, tán lá của chúng um tùm, đan cài, kết chặt vào nhau, tạo thành tấm màn màu xanh khổng lồ giăng mắc giữa không trung, hoàn toàn che kín vòm trời. Trên mặt đất, cây bụi cỏ dại mọc rậm rạp, chông chéo chen lấn lẫn nhau, rất nhiều chỗ phải lần mò từng bước. Do nơi đây quanh năm không có ánh mặt trời, nên những vũng nước tù đọng chỗ trũng cũng bốc lên một mùi hôi thối, tanh tưởi, xộc nhức sống mũi.

Phần đáy rừng rậm hoàn toàn bị lớp sương mờ khói tỏa bủa vây. Sương khí thông thường được chia ra làm mấy loại như: sương mù gió, sương mù núi, sương mù hơi, sương mù bức xạ. Tại những nơi rừng sâu núi thẳm hoặc những khu vực có vũng tù nước đọng, còn xuất hiện chướng khí, sương mù mang theo độc tố. Thế nhưng, đến tận bây giờ vẫn chưa ai có thể giải thích, màn sương mù trong khe cốc khổng lồ của núi Dã Nhân cuối cùng thuộc thể loại sương mù gì, và được hình thành như thế nào. Thông qua kiểm tra, người ta đã xác định loại sương mù này hoàn toàn không có độc, cũng không có tác dụng khiến người ta hôn

mê hay hoang tưởng. Vậy rốt cục nó được sinh ra bởi khí ẩm trong lòng núi, hay từ dưới lòng đất trào ngược lên. Nhưng bất luận thế nào, sự xuất hiện của “sương mù” là dấu hiệu đã bước vào lãnh địa của khu vực nguy hiểm thực sự.

Tư Mã Khôi và La Đại Hải cố nhịn thở, rẽ đám gai bụi phía trước, xuyên qua rừng rậm um tùm dưới sơn cốc, từ từ tiến sâu vào trong. La Đại Hải ngoái đầu nhìn Xuyên Sơn Giáp bám sát phía sau, cách họ chừng mười mấy mét, hần học nói: “Con tặc nữ Ngọc Phi Yến lòng dạ đen tối thật, bây giờ bọn mình bị rơi vào tay nó, mẹ kiếp, khác nào Võ Đại Lang gặp Phan Kim Liên - đúng là lành ít dữ nhiều.”

Tư Mã Khôi điềm nhiên bảo: “Chí ít Võ Đại Lang còn có huynh đệ là Võ Tông giúp ông ta trả thù huyết hận, còn tớ thấy nếu chẳng may bọn mình phải xuống điểm danh với Diêm Vương thì cũng chả có ma nào thêm đến đây giúp dọn xác đắp mộ đâu. Có điều, việc đến nước này, cậu nên nghĩ thoáng một chút, miếu nào mà chẳng có vài oan hồn, ai bảo số bọn mình đen đui.”

Hải ngọng từ đầu đã thấy ngựa mất với đám người trong đội thám hiểm, anh chửi đồng một hồi, sau đó ngoái lại phía sau nhìn Xuyên Sơn Giáp, thấy đối phương cách mình không quá gần, chắc chẳng nghe thấy gì, liền nhỏ giọng hỏi Tư Mã Khôi: “Khôi này, cậu thử ngấm vị đi đằng sau chúng ta xem, sao tớ thấy gã ngựa mất thế nhỉ! Cậu bảo hai đứa bọn mình tham gia ngàn ấy năm trong quân đội cộng sản Miền Điện, giết bao nhiêu người, nổ bao nhiêu vụ, ngay cả bản thân cũng chẳng nhớ xuể, vậy tại sao cứ phải cố nén chịu cảnh này? Cậu nhìn gã kia đi, chẳng qua chỉ là thằng trộm mộ quèn, chẳng làm được trò trống gì ngoài việc lén lút lút đào bới mấy ngôi mộ vô chủ, nhân tiện bắt nạt luôn người chết nằm trong quan tài, gã có bản lĩnh gì mà dám ra vẻ thâm trầm thế nhỉ?”

Tư Mã Khôi cũng liếc mắt nhìn về phía sau một cái, anh bảo La Đại Hải: “Cậu chớ đảo lưỡi nói bừa, gã Xuyên Sơn Giáp đó tuyệt đối không phải hạng tầm thường đâu. Cậu ngấm hai cánh tay vừa ngắn vừa thô của gã mà xem, chắc chắn được rèn luyện lâu năm từ công việc ‘bới huyết, đào lỗ, chui ống khói’, còn đôi chân vòng kiềng nữa chứ, dài như

cái lò xo, vừa nhảy vào động huyết, chỉ cần ‘chiu’ một cái là có thể bắn xa hơn mười trượng. Còn thân thể nung núc những thịt kia, tớ đoán nếu bị ngâm trong mộ cỏ không ăn không uống nửa tháng, gã cũng chẳng thể chết vì đói đâu. Gã Xuyên lão gia này chắc chắn là bậc kỳ tài cái thế, được sinh ra chuyên để khai quật mồ mả đấy!”

La Đại Hải chẳng mấy tin, liền vặn lại: “Cậu bảo gã là người hay cái cào đất?” vừa nói anh vừa ngoái đầu liếc mắt ra sau. Nhưng vừa nhìn anh đã giật nảy mình, vội vàng hét gọi Tư Mã Khôi. Lúc hai người quay đầu lại, chỉ thấy đằng sau vắng tanh không một bóng người, gã Xuyên Sơn Giáp luôn bám sát sau lưng đột ngột biến mất chẳng còn tung tích.

Tư Mã Khôi và La Đại Hải vô cùng kinh ngạc, vì nếu khi này Xuyên Sơn Giáp vô ý rơi vào đầm lầy trong hốc cây thì chắc phải nghe thấy chút động tĩnh gì đó mới phải, đằng này chỉ trong nháy mắt, hai người đều chẳng phát hiện được Xuyên Sơn Giáp vẫn bám ngay phía sau đã biến đi đâu mất.

Đúng lúc đó, hai người nghe thấy dường như có một con vật rất to lớn động đậy trên vòm cây, liền lập tức ngẩng đầu lên nhìn, đồng thời bật sáng đèn pin, chiếu thẳng vào nơi phát ra âm thanh, nhìn qua nhìn lại tìm kiếm thì thấy thân thể của Xuyên Sơn Giáp đang chơi vơi giữa không trung âm u, nét mặt khó coi đến cực độ, ngũ quan biến dạng, dường như miệng không thể nói, chỉ thấy tứ chi vừa ngắn vừa thô, cổ sức gãy giữa, giăng co.

Thì ra ở trên cao cách chỗ họ mười mấy bước, có một con măng xà đen, thân hình to như thùng nước. Con măng xà vắt vẻo trên một thân cây cổ thụ, cuộn thành mấy vòng. Nó thả người từ trên cao xuống, há cái miệng rộng ngoác như cái đầu gạo, đỏ lòm lòm như máu không ngừng hít khí, khi Xuyên Sơn Giáp đi đúng tầm thì bị nó hút ngược từ dưới gốc cây lên giữa không trung rồi nuốt sống vào bụng.

Chương 3

BẢO NHIỆT ĐỐI BUDDHA

Hồi thứ nhất

XẾ BỤNG

Trong rừng già núi sâu ở Miến Điện, măng xà đen và rắn độc là loài sinh vật vô cùng phổ biến, nhưng chẳng thể ngờ được con ô xà nấu mình trên tán cây um tùm âm u này lại có khả năng hút một thân thể to béo, vạm vỡ như Xuyên Sơn Giáp lên giữa không trung trong lúc mở miệng hít thở. Hai người Tư Mã Khôi và La Đại Hải nhìn chăm chăm không rời mắt, trong lòng vô cùng khiếp đảm, sống lưng lạnh buốt như bị nước đá giội vào. Hai người lại chẳng thể ra tay ứng cứu vì trên người chẳng có súng, lại không thể dùng dao sẵn vì khoảng cách quá xa. Họ chỉ biết chôn chân đứng nhìn con măng xà đen bóng há miệng hút ngược Xuyên Sơn Giáp lên, rồi thò đầu xuống nuốt cả người gã vào bụng. Cơ thể con măng xà phút chốc lồi lên hình dạng một con người.

Tuy Xuyên Sơn Giáp có mang theo súng máy tự động, nhưng sự việc diễn ra quá đột ngột, nên gã chẳng kịp phòng bị gì, đến khi nhận ra thì đã bị cuốn vào một cơn lốc tanh tưởi.

Có câu: “Lực bắt nguồn từ đất”, giờ đây hai chân của Xuyên Sơn Giáp lại rời khỏi mặt đất, cả cơ thể chơi vơi giữa không trung, trên đầu dưới chân, chẳng chỗ nào có thể bám víu để phản kháng cả, thế là gã lập tức bị nuốt sống vào bụng con măng xà.

Xuyên Sơn Giáp là tên đạo tặc đào mồ trộm mả chuyên nghiệp. Vì thường xuyên phải làm những công việc liều mạng nên cũng giúp gã có được một thân thủ phi phàm hiếm có, thủ thuật cũng không phải hạng vừa. Gã bị con măng xà khổng lồ nuốt chửng vào bụng, chỉ cảm thấy

một mùi tanh tươi ghê tởm xộc vào tận óc, cả cơ thể dường như bị rơi vào nồi canh sôi sùng sục, toàn thân bỗng rất không thể chịu đựng nổi, may mà thần trí vẫn chưa bị nhiễu loạn, đầu óc hãy còn tỉnh táo. Gã vươn cánh tay ngăn ngụt trong phút chốc thi triển công phu, móc cây giáo mở vệt luôn mang theo bên người, cắm phập lưỡi dao sắc lẹm xuống phía bên dưới, rạch mạnh một đường. Mũi dao rạch bụng con mãng xà nghe “soạt” một tiếng như rạch vào tấm da mủn nát. Thấy vậy, gã lại cố sức rạch thêm vài nhát nữa, bụng con ô xà bị xẻ dọc từ trong ra ngoài.

Con mãng xà không lẽ Miến Điện lúc đầu còn chưa phát hiện bụng mình đã bị rạch lòi cả ruột gan, nên mãi cho đến khi Xuyên Sơn Giáp xẻ một đường dài mười mấy mét dưới đáy bụng, thì nó mới hay tình thế nguy to. Nhưng sự thể đã muộn, nó quằn quại, giãy giụa trên thân cây cổ thụ một hồi mới chết hẳn.

Tất cả những sự việc trên chỉ xảy ra trong thời gian nháy mắt. Không đợi Tư Mã Khôi và La Đại Hải kịp định thần lại, Xuyên Sơn Giáp đã từ vết rạch trên bụng con mãng xà rơi tồm xuống đất, trông gã chẳng khác nào một củ cải đỏ lòm, từ đầu đến chân dính nhầy nhựa chất dịch vị trong dạ dày con quái thú.

Tư Mã Khôi và La Đại Hải thấy thân hình phì nộn của Xuyên Sơn Giáp rơi từ không trung xuống, thì cùng đồng thanh hét lên hoảng hốt, rồi định chìa tay ra đón, nhưng hai người bọn họ làm sao có thể đỡ nổi. Một người sống nặng gần chín mươi cân, lại rơi vèo vèo từ trên cao xuống, trọng lực có khác chi bom dội. Thế là Xuyên Sơn Giáp lao ụp xuống người bọn họ, tất cả ngã nhào ra đất, cuốn cả vào nhau, lăn liên mấy vòng.

Con mãng xà treo mình trên cành cây cổ thụ đã chết vì bị rách bụng, mất máu quá nhiều. Xác nó từ cây cao trôi tuột xuống, Tư Mã Khôi lăn sang một bên tránh con rắn chết. Quay sang Xuyên Sơn Giáp, anh phát hiện gã bị thương không nhẹ, hơn nữa chất axit tiết ra từ dịch vị tiêu hóa trong dạ dày con mãng xà rất đậm đặc, cho dù thân thể gã to khỏe, lại thoát thân thần tốc nhưng da thịt vẫn bị phân hủy nhiều phần, ngũ quan trên mặt cũng chẳng còn toàn vẹn.

La Đại Hải vô cùng thán phục chiêu xẻ bụng mãng xà, tự mình chui ra khi nãy của Xuyên Sơn Giáp, giờ nhìn thấy bộ dạng gã thảm hại như vậy, anh không để ý bản thân cũng đang đau ê ẩm khắp mình mẩy, vội vàng đỡ gã dậy, ân cần hỏi: “Anh bạn Xuyên Sơn Giáp, anh vẫn bình an vô sự đấy chứ?”

Tư Mã Khôi quan sát các tổn thương trên người Xuyên Sơn Giáp, rồi lấy tay khẽ ấn lên bề mặt da, thấy tất cả đều mềm nhũn như quả dưa thối, tóc tai rụng sạch, mũi chạm một cái là rớt xuống, bèn lắc đầu nói: “Đã thành bộ dạng này rồi, còn bình an vô sự được sao?”

Anh tìm mọi cách để gọi mọi người đến một cách nhanh nhất, biết đâu nếu được Tuyệt cấp cứu kịp thời, Xuyên Sơn Giáp lại sẽ giữ được cái mạng. Thế là anh lập tức hươ hươ pháo sáng tín hiệu, giơ cao tay gắng ném nó đi thật xa.

Ai ngờ, ánh lửa màu đỏ của pháo hoa vừa lóe lên, trong phút chốc toàn bộ khu vực phụ cận đều rực sáng. Tư Mã Khôi và La Đại Hải kinh hoàng phát hiện dưới màn bụi bay mù mịt như sương khói, trong những hốc cây hoặc động đá, hàng ngàn con mãng xà Miến Điện đang giương cặp mắt sáng quắc như điện xẹt, miệng thò thụt chiếc lưỡi đỏ lòm, thân con nào con nấy to lừng lững như cái đầu đong gạo, dài chẳng biết bao nhiêu mét, lũ lượt thò đầu ra khỏi hang, vắt vẻo đu mình, rồi ngoằn ngoèo bò xuống đất.

Tư Mã Khôi và La Đại Hải than thầm trong bụng, vừa tận mắt chứng kiến Xuyên Sơn Giáp bị con mãng xà nuốt vào bụng, thân hình biến dạng thảm hại thế nào, nên giờ đâu dám chân chừ nửa giây, cả hai đồng thanh hét lên một tiếng, rồi vội vã quay đầu bỏ chạy thực mạng. Liền ngay đó, mấy chục con mãng xà Miến Điện lập tức phóng mình đuổi theo.

Tuy trong thâm cốc rừng già, cây cối um tùm, địa hình phức tạp khiến tốc độ di chuyển của lũ rắn giảm đi đáng kể, nhưng con người cũng vì thế mà chẳng thể chạy nhanh. Tư Mã Khôi và La Đại Hải chạy

cuồng cuồng ra khỏi chỗ cũ chừng mấy trăm bước. Trong lúc hoảng loạn, họ chẳng kịp nhìn kỹ đường, chỉ thấy chỗ nào có thể dung thân là lập tức lao vào ẩn trốn. Quần áo trên người họ bị móc rách không biết bao nhiêu chỗ, tốc độ di chuyển cũng buộc phải chậm lại. Họ chỉ nghe lũ măng xà rọt đuổi phía sau lao vù vù như gió cuốn, tiếng thân mình chúng va chạm vào cành khô, bùn đất nghe “rào rào”, khoảng cách đôi bên càng lúc càng bị rút ngắn.

Tư Mã Khôi nhận thấy tình thế khó bề thoát thân, nên đành dừng lại cùng La Đại Hải, mỗi người nắm chặt trong tay con dao sẵn, lưng dựa sát vào một thân cây cổ thụ, chuẩn bị quyết chiến sống mái với chúng một phen. Đúng lúc nguy cấp ngàn cân treo sợi tóc, thì hai người đột nhiên thấy hai lưỡi lửa bỏng rát vù vù lao ra từ sau thân cây. Lưỡi lửa rừng rực, sóng này nối tiếp sóng khác. Cây cối xung quanh đổ rạp như gặp phải thần quỷ, để mặc chúng ra sức thể hiện sự hung tợn và cuồng bạo của mình. Những nơi lưỡi lửa liếm đến, ngay cả không khí và bùn đất đều bị bốc cháy, khí quyển khô nóng đến mức khiến người ta phải cảm thấy ngột ngạt.

Tư Mã Khôi trấn tĩnh nhìn lại, thì ra hội Ngọc Phi Yến bám ngay phía sau, nhìn thấy ánh sáng của pháo phát tín hiệu liền nhanh chóng đuổi theo tiếp ứng, rồi khi gần đến nơi, phát hiện phía trước có măng xà lai vãng, bèn dùng bình phun lửa mang theo tấn công chúng. Măng xà Miến Điện tuy da dày thịt cứng nhưng cũng chẳng phải mình đồng da sắt gì, nên làm sao chúng chịu nổi sự thiêu đốt của ngọn lửa cuồng bạo. Con nào không bị cháy thành tro ngay tại trận thì cũng thực mạng luôn lách mắt tăm mắt dạn.

Ngọc Phi Yến phát hiện ba người đi trước dẫn đường giờ chỉ còn hai, liền đoán biết bọn họ đã gặp phải chuyện chẳng lành. Cô ả không hỏi han gì nhiều, lập tức huýt sáo gọi đám lính vũ trang người Miến Điện đến, dùng bình phun lửa mở đường, tỏa ra thành hình nan quạt tiến sâu vào khe núi. Đi chẳng bao lâu, cả hội đã tìm thấy thi thể nằm thẳng đuối trên đất của Xuyên Sơn Giáp.

Mọi người nhìn thấy tư thế chết thảm thương của Xuyên Sơn Giáp, lại nghe Tư Mã Khôi và La Đại Hải thuật lại đầu đuôi sự việc, đều cảm thấy không lạnh mà sờn gai ốc. Ngọc Phi Yến trầm nghĩ: “Lần này Khương sư phụ đã tính sai một bước, việc chưa đến đâu mà khiến một huynh đệ phải bỏ mạng”.

Cô ả dẫn mọi người đến trước thi thể của Xuyên Sơn Giáp bái lạy: “Toàn huynh cứ an tâm lên đường, tất cả già trẻ gái trai trong nhà đã có mọi người thay mặt huynh chăm sóc. Sau khi trở về, chúng tôi sẽ đến chùa Kim Bồ Đề lập bia trường sinh, nếu huynh ở dưới cử tuyến có hay, thì hồn thiêng hãy bay đến đó mà thọ hưởng hương hỏa.” Sau đó, Thắng Ngọc lệnh cho thuộc hạ cắt một ít tóc của Xuyên Sơn Giáp mang về an táng, phần thi thể còn lại được đốt thành tro, rồi đào một nắm mồ chôn cất tro cốt rất cẩn thận.

Ngọc Phi Yến gọi Xuyên Sơn Giáp là Toàn huynh, kỳ thực Xuyên Sơn Giáp không mang họ Toàn, chẳng qua hành quy của bọn hồi tử trộm mộ có rất nhiều điều cấm kỵ, về cơ bản, chúng khá tương đồng với đạo lục lâm.

Theo giới luật của dân giang hồ Quan Đông, điều húy kỵ nhất ở mỗi ngành nghề, chính là trong tên có nhắc đến các số “hai, bốn, sáu, tám, chín”, bạn có thể gọi họ là tam ca, ngũ ca, nhưng không được gọi họ là nhị ca, tứ ca. Xuyên Sơn Giáp là con thứ tư trong gia đình, cho nên Ngọc Phi Yến dùng chữ Toàn để thay thế.

Việc này nếu nghiên cứu kỹ lưỡng thì rất sâu xa, nếu nói đơn giản dễ hiểu một chút thì đại khái là do: “tam giáo cửu lưu, thiên môn vạn đạo” - tất cả bọn họ đều tôn kính Quan Đế Thánh Quân, mà Quan Đế là nhị ca trong ba anh em Lưu Bị kết nghĩa vườn đào, đương nhiên chẳng ai dám bằng vai phải lứa với Quan Nhị Gia. Hơn nữa, thời Bắc Tống có tên Dương Tứ Lang hàng địch theo Liêu, thời Tùy Đường có Lão Lục La nuốt lời thề, phản bội huynh đệ. Họ đều là những điển hình phản diện, cho nên giới giang hồ mới cố tình tránh né để cảnh báo đời sau.

Dân giang hồ còn tuyệt đối tuân thủ luật lệ: “Ba nói, ba không nói, ba lộ, ba bất lộ”. Ba nói, ý muốn ám chỉ những phi vụ của đạo tặc lục lâm, được phép nói với người cùng nghề, được phép nói ở điện đốt hương, được phép nói lúc ra tay trộm được đồ ăn cắp. Ba không nói là, không được nói với đông đảo mọi người ở sân đình, không được nói ở miếu điện - cũng có nghĩa là không được ăn nói tùy tiện trước mặt quan viên cùng nghề và không được nói lúc uống rượu truy lạc. Ba lộ là: được phép tiết lộ lúc bản thân gặp tai nạn, được phép tiết lộ khi có việc gấp, được phép tiết lộ khi gặp đạo tặc. Ba bất lộ là không được tiết lộ cho người gặp trên đường, không được tiết lộ cho người nhà, không được tiết lộ cho kẻ thù. Không được tiết lộ cho người nhà tức là “trên không nói cho cha mẹ, dưới không nói với con cái”, truyền nhân trong gia tộc đương nhiên không tính vào đây. Rốt cục những giới luật và hủ kỵ trong quan gia giới đạo không chỉ giúp họ bảo vệ được bí mật trong nghề ở mức độ nào đó, mà còn giúp họ gặp lành, tránh dữ.

Hội trộm mộ trong “Sơn lâm đội lão thiếu đoàn” đều là những kẻ tin tưởng, khiếp nhược thần linh, nghiêm khắc tuân thủ hành quy xưa cũ. Sau khi đã xử lý hoàn tất thi thể của Xuyên Sơn Giáp, thấy sắc trời đã mỗi lúc một âm u hơn, dưới sự uy hiếp đang ngày càng kề cận của cơn bão nhiệt đới Buddha, mọi người không dám lưu lại lâu hơn, vội vã khởi hành vào sâu trong khe núi.

Vì thời gian gấp gáp, nếu quay trở về đường cũ thì chắc chắn cũng bị nước lũ và dòng bùn đất do cuồng phong bạo vũ mang đến nuốt chửng, bởi vậy, Ngọc Phi Yên không cất cử người đi trước dẫn đường nữa, mà tất cả mọi người cùng tiến vào khu rừng bí ẩn.

Đường nhánh ở khe sâu trong khe núi mỗi lúc một nhiều hơn, mạch núi nhấp nhô, dài miên man đều bị che phủ bởi rừng rậm nguyên sinh. Các loài thực vật sinh trưởng ở đây đều có tính xâm lấn rất mạnh đã khiến địa tầng trong lòng núi bị nứt toác, tạo thành rất nhiều khe sâu, chúng giao thoa ngang dọc lằng nhằng, phân bố chằng chịt như mạng nhện. Trong lòng cốc mọc đầy các loài thực vật khí sinh và thực vật bì sinh^[21], cộng thêm vô số những huyệt động lớn nhỏ, nên trông chúng

chẳng khác gì một mê cung màu xanh nhiều tầng lớp. Lòng núi yếu xóp có thể sụt lở bất cứ lúc nào, cho dù trong tay có bản đồ chi tiết, thì người đi vào nơi sâu vẫn rất dễ bị lạc đường.

Đi như vậy một hồi cũng chẳng biết có đúng phương hướng hay không, Khương sư phụ bèn bảo mọi người dừng lại. Lão giải thích rằng nếu cứ đi mãi thế này, chỉ sợ lạc đường, tốt nhất nên bày trận “Tiên thiên tốc trưởng, ngũ hành bát quái”, để xác định xem phương hướng đội thám hiểm đang đi là đúng hay sai. Hội Ngọc Phi Yên đều biết lão ta dày dặn kinh nghiệm, tinh tường lọc lõi thuật quan sát phân tích thời thế, đoán biết sự biến đổi của tình hình lại rất cao minh, nên đều rất tin phục.

Khương sư phụ lập tức lấy ra một đồng tiền xu, úp ngược lên chiếc quạt giấy xòe rộng, rồi lật đi lật lại nhiều lần, hai mắt lão dán chặt vào mặt đồng xu, miệng không ngừng lẩm nhẩm tụng niệm:

Sửu bát Nam hành, Dậu bát Đông, cầu tài trộm mộ chỉ hư không,

Dần Thìn về Tây, chủ đại hung, trong quan gặp quỷ, tà hại tại,

Hợi Tý phương Bắc, người mất của, đi lại chẳng thành, cách núi sông,

Tỵ Mùi Đông Bắc gặp tai nạn, tam sơn cản lối, chẳng hanh thông,

Ngọ Thân chó đi Tây Nam lộ, xuống ngựa cửa mã, nạn chết chồng,

Gặp Tuất đừng đi dưới đường hầm, đụng độ yêu ma mạng mất không,

Mão lên Tây Bắc tai họa giáng, ung khuyến tác quái, há uống công.

Khương sư phụ tính xong, lại dùng la bàn xác định cho rõ thêm, lão ngắm chuẩn một khe núi sâu, rồi vội vội vàng vàng đi tuột vào bên trong. Ngọc Phi Yên cũng cuống quýt dẫn mọi người bám sát theo sau. Ngược lại với thái độ tin tưởng tuyệt đối của cô ả, Tư Mã Khôi lại đem

lòng sinh nghi. Anh không mảy may nghi ngờ huyền thuật suy đoán phong thủy địa lý của dân trộm mộ, nhưng không hiểu sao lại lờ mờ cảm thấy dường như Khương sư phụ thay đổi cả con người vậy, trên mình lão tỏa ra một mùi khác thường khó có thể hình dung cụ thể, chẳng biết lão định dẫn mọi người đến nơi nào.

Cả đoàn đi theo Khương sư phụ, lòng vòng quanh co trong rừng rậm một hồi khá lâu. Một tên lính Miến Điện phát hiện trong vũng nước tù màu xanh đen lộ ra một cánh tay người chết. Tên đó chắc hẳn phải là tay già đời chôn sa trường, nên nhìn thấy xác chết liền lập tức khám xét một hồi, xem trên thi thể nạn nhân có vật gì đáng giá đại loại như đồng hồ, dây chuyền hay không. Thế là hắn liền đi lên phía trước, gắng sức lôi cái xác lên, hì hục một hồi cuối cùng cũng vớt được cái tử thi nước ướt rùng rùng lên. Cái xác bị lật úp xuống đất, sau khi lật lên, một khuôn mặt đen sì sì lộ ra trước mắt. Dưới ánh đèn halogen, mọi người có thể nhìn thấy da thịt trên gương mặt đã hoàn toàn bị khô đét, lõm sâu, màu da đen quánh như xì dầu đặc, trông chẳng khác gì một cái xác khô bị bay hết hơi nước trên sa mạc. Không những vậy, miệng tử thi còn mở rộng, hốc mắt lõm sâu, vẫn giữ nguyên nét mặt đau đớn trước khi chết, quần áo xung quanh đều mủn như mủn, chẳng rõ đã chết được bao lâu, cũng không thể đoán biết thân phận lai lịch của anh ta.

Lúc này mọi người đều lũ lượt dừng bước theo Khương sư phụ, Tư Mã Khôi nhìn thấy xung quanh có nhiều vết tích cháy đen, do bị bình phun lửa hun đốt khi nãy, trong lòng càng dấy lên nghi ngờ: “Sao lão giặc đất họ Khương cầm cái quạt rách, móng chẳng quạt, lại đi quạt mặt, mà dẫn cả hội trở về sào huyết mãng xà thế nhỉ?” Anh lén sang thì thấy mặt Khương sư phụ trắng bệch như tờ giấy, thần sắc hoảng hốt, mắt khô vàng như sáp nến, gương mặt trông gầy đi rất nhiều so với trước. Anh đứng bên cạnh bình tĩnh quan sát tiếp thì thấy lão có vài nét khá tương đồng với cái xác chết khô trong vũng nước, cả hai đều giống với loài ác quỷ bò ra từ “thành hàm oan”.

Hải Đông Thanh trong “Sơn lâm đội thiếu lão đoàn” là người có ánh mắt rất sắc bén, gã cũng phát giác con đường đang đi là quay trở về

xuất phát điểm ban đầu, lại nhìn thấy Khương sư phụ có vẻ khác thường, liền đi lên phía trước hỏi: “Sư gia, người làm sao vậy?” nhưng chỉ nghe miệng Khương sư phụ lẩm bẩm câu gì chẳng rõ tiếng. Hải Đông Thanh không nghe được, lại cho rằng lão có chuyện cơ mật, bèn ghé sát tai vào, thì thầm: “Sao ạ? Người hãy nói rõ hơn một chút...”

Tư Mã Khôi dự cảm thấy có chuyện chẳng lành sắp xảy đến, anh muốn ngăn cản Hải Đông Thanh nhưng lại chậm mất nửa bước. Hải Đông Thanh chưa kịp dứt lời thì thấy phần miệng của Khương sư phụ đột nhiên rách toạc ra làm tư từ trên xuống dưới, từ trái sang phải.

Tư Mã Khôi biết thời Thanh có một loại ám khí, gọi là “Huyết trích tử”, đó là quả cầu kim loại rỗng ruột gắn dây thừng dài, to gần bằng sọ người, bên trong giấu lưỡi dao sắc bén và dung dịch hóa cốt - loại dung dịch chỉ cần rắc lên thân thể người chết, sẽ lập tức xảy ra phản ứng hóa học, trong phút chốc thi thể hoàn toàn tiêu tán, chỉ để lại chút tạp chất khó lòng phân biệt là thứ gì. Thích khách sử dụng loại vũ khí này thường ẩn mình trên xà nhà, nhìn thấy mục tiêu ở phía dưới, thì ngấm chuẩn đầu người đó và quăng “huyết trích tử”. “Huyết trích tử” hễ chạm đầu người sẽ lập tức phân thành nhiều cánh tỏa xuống phía dưới, ôm chặt lấy sọ người. Thích khách lại vẫy tay giật dây thừng lên, “huyết trích tử” liền tự động cắt đứt đầu người, dưới đất còn mỗi xác chết không đầu đứng sừng sững; thủ cấp trong “huyết trích tử” cũng sớm bị dung dịch hóa cốt giải quyết nhanh gọn, chỉ sót một giọt máu tươi dính trên đó, bởi vậy nó mới có tên “huyết trích tử”.

Tư Mã Khôi cảm thấy đầu của Khương sư phụ giờ đây chẳng khác nào một quả “huyết trích tử”, từ phần miệng rách toạc, nở ra vô số cánh, càng phình càng dài, những chiếc cánh phóng vù về phía trước, nhanh như chớp trùm gọn lấy đầu Hải Đông Thanh rồi lòi vào trong, sau đó liền thu các cánh đang tỏa ra lại và khép chặt. Sự việc xảy ra quá đột ngột, khiến mọi người ai nấy đều kinh hoàng, đứng im như phỗng. Sau thời khắc thất thần, Hải Đông Thanh cảm thấy như có hàng ngàn mũi kim thép chọc thẳng vào óc, đau đến nổi tứ chi co rút, trong phút giằng co giây chết, khẩu súng trên tay gã bị cướp cò, một loạt đạn quét dọc theo

đường di chuyển, đón ngã mấy đồng bọn trong nháy mắt, một viên trong số đó đâm xuyên qua ngực một tên lính Miến Điện, đánh trúng thùng nhiên liệu của bình phun lửa mà hắn đang cõng trên lưng. Chiếc thùng lập tức phát nổ, chỉ nghe “ầm” một tiếng vang trời, quả cầu lửa bùng lên nuốt chửng những kẻ không kịp chạy đang đứng xung quanh, ngọn lửa rừng rực biến tất cả thành tro bụi.

Hồi thứ hai

ĐĨA CAMPUCHIA ĂN THỊT NGƯỜI

Thùng nhiên liệu của bình phun lửa phát nổ, lập tức nuốt chửng mấy tên lính vũ trang người Miến Điện đứng gần đó, cả Hải Đông Thanh và Khương sư phụ cũng bị bùng cháy như hai quả cầu lửa. Khả năng cháy nổ của nguyên liệu chất đốt quân dụng vô cùng mạnh mẽ, chỉ cần nó bùng lên, thì không biện pháp gì có thể dập tắt được. Hơn nữa, ai bị ngọn lửa bủa vây, kẻ đó sẽ nhất định sẽ chết trong tiếng thét gào thảm thiết và ra sức giãy giụa quằn quại.

Ngọc Phi Yến bị chấn động tinh thần một cách mạnh mẽ, chỉ biết đứng chôn chân tại chỗ bởi biến cố xảy ra quá bất ngờ. Cô nàng biết rõ sự lợi hại của bình phun lửa, cho dù cố dập lửa cứu sống hai kẻ may mắn mà “diện tích vết bỏng toàn thân lên đến chín mươi chín phần trăm” thì rừng rậm nguyên sinh cách xa bệnh viện thế này cũng đâu làm được gì, ngoài việc khiến họ phải sống trong đau đớn suốt đời. Điều duy nhất có thể làm bây giờ là lập tức nổ súng, giúp họ sớm kết thúc sự đau đớn do bị ngọn lửa hung tàn hun cháy da thịt. Ngọc Phi Yến từ trước đến nay hành sự rất quyết đoán, nhưng đối với anh em thuộc hạ đã theo mình nhiều năm thì rốt cục vẫn không nở nhẫn tâm, cô ta đành ra dấu nhờ Gấu trắng - kẻ lưu vong người Liên Xô - giúp mình kết liễu họ.

“Gấu trắng” tên thật là Ciglovski, là chuyên gia về bộc phá được Ngọc Phi Yến thuê về. Trước đây hắn từng chịu cực hình, lưỡi bị người ta cắt mất quá nửa, giờ đây gã có miệng mà khó nói thành lời, nhưng kinh nghiệm sử dụng thuốc nổ của gã thì cực kỳ phong phú, chỉ cần dự tính đại khái về số lượng thuốc nổ và phương hướng phát nổ là có thể

làm gần như chính xác so với thực tế. Gã người Nga này có những nét điển hình người vùng Kavkaz, cao khoảng một mét chín mươi, thân hình to lớn vạm vỡ, tâm địa đen tối, hạ thủ tàn độc.

Năm đó, khi làm cố vấn quân sự viện trợ Việt Nam, gã đã lén trốn ra nước ngoài. Sau khi gã chạy trốn, toàn bộ già trẻ gái trai trong nhà gã đều bị KGB bắt giữ xử bắn, bởi vậy gã mang lòng hận thù bức màn sắt Nga - Xô Viết đến tận xương tủy, và có lẽ những trải nghiệm lưu vong khốn khó đã khiến gã hình thành tính cách khát máu tàn nhẫn như tên đồ tể. Gã giương súng, nhắm thẳng vào mấy thân hình đang bốc cháy rừng rực như cây đuốc sống, từ từ hạ gục từng người một, mỗi phát súng đều bắn xuyên não. Trong cả quá trình giết người, gã chẳng hề chần chừ nửa giây, ra tay vừa tàn bạo, vừa chuẩn xác. Với gương mặt tỉnh khô không chút biểu cảm, trông gã chẳng khác gì một cỗ máy hạng nặng do Liên Xô chế tạo - lạnh lùng và tàn khốc.

Hội Tư Mã Khôi và La Đại Hải trở mắt lên nhìn mà từng cơn gai lạnh cứ trườn qua sống lưng, nhưng đặt mình vào vị trí của cô ả mà xét, thì có lẽ Ngọc Phi Yến cũng chẳng qua vạn bất đắc dĩ mà thôi, còn nếu là mình, liệu có đủ nhẫn tâm ra lệnh cho tay người Nga kia hạ thủ bạn bè như thế không.

Sau một hồi súng vang lên, cánh rừng rậm thăm thẳm lại trở về vẻ yên ắng như lúc ban đầu. Ngọc Phi Yến vẫn chưa thể hoàn hồn, tim đập liên hồi, chân tay run lẩy bẩy, cô ta dăm dăm nhìn bảy tám cái xác, chết chẳng toàn thân, cháy rụi, nằm co quắp trên mặt đất. Có ai ngờ, chỉ trong thời gian ngắn ngủi như vậy, cô ta lại mất Khương sư phụ, Xuyên Sơn Giáp, Hải Đông Thanh, những người đều là tam xà tứ trụ trong “Sơn lâm đội lão thiếu đoàn”, là hai cánh tay trái phải của cô. Từ khi bước chân vào giang hồ đến nay, cô ta chưa bao giờ bị mất mát, hao tổn và gặp trắc trở gặp ghèngh đến thế, có lẽ vậy nên trong phút chốc cô ta không thể chấp nhận sự thật và thích ứng với nó.

Lúc này chỉ còn lại mười mấy tên lính vũ trang người Miến Điện và hội bốn người Tư Mã Khôi đi lên phía trước xắn tay áo, đào hố chôn mấy cái xác bị thiêu cháy thành tro. Một người trong đoàn chợt nhìn thấy

có thi thể nằm dưới khe nước nông, cứ nghĩ đó là tử thi của đồng bọn, trong lúc giấy chết đã lặn xuống đó, nên định tiến đến trước vớt cái xác lên.

Nào ngờ, lại gần mới phát hiện thấy thi thể phẳng phát hình người ấy không hề bị lửa thiêu cháy, mặt mũi cũng chẳng thể nhận diện, tảo nước bám đầy thân thể, nhiều chỗ lòi cả khúc xương trắng ớn, chắc đó là thi thể bị chìm dưới nước đã nhiều năm. Xác chết này có rất nhiều điểm tương đồng với cái xác tìm thấy ở ven vũng nước khi nãy. Những chỗ trũng địa thế thấp trong thâm cốc tồn tại vô số vũng, nước tù, lâu ngày tạo thành đầm hồ, hơn nữa người mất tích ở núi Dã Nhân lại nhiều không kể xiết, bởi thế phát hiện mấy cái xác trong vũng nước cũng chẳng phải điều gì kỳ lạ.

Nhưng khi mọi người quan sát kỹ cái xác, thì không nén nổi một tiếng kêu kinh hãi, khắp mình mấy xác chết trương phình nổi lênh bênh trên mặt nước chỉ chít những giác hút. Thật không thể tưởng tượng nổi, vật lộ ra khỏi đám rong rêu không phải xương trắng của người chết mà là một con đĩa đang ngo ngoáy vô số mao nhu động. Nói chính xác hơn, đó là một con đĩa Campuchia ăn thịt người ẩn náu trong cái xác bị tảo xanh bám đầy.

Tư Mã Khôi ở Miến Điện đã nhiều năm, anh biết loài “đĩa Campuchia ăn thịt người”, còn có tên là “đĩa nước nữ hoàng” hay “đĩa chúa”, chỉ sống ở những dòng nước tắm tối trong rừng rậm nhiệt đới ẩm thấp, sinh tồn nhiều nhất ở lãnh thổ Campuchia. Chúng có tập tính ký sinh trong thi thể mục rữa hoặc xác cá chết. Lúc đầu đĩa chúa sống ký sinh trong một cơ thể sống rồi phát triển theo kích cỡ của cơ thể sống đó. Phần lớn đĩa con ra đời đều là những con đĩa bình thường, chỉ những con ký sinh trong cơ thể động vật máu nóng mới trở thành đĩa chúa. Bản thân đĩa chúa không ăn thịt người, mà chỉ hút sạch máu từ đầu xuống chân, và điểm khác biệt so với đồng loại là nó có thể hút cạn máu của một con trâu hoặc voi rừng trong nháy mắt. Ở những vùng hoang dã phía tây nam có rất nhiều loài đĩa này xuất hiện hãm hại con người, nên dân gian mới gọi nó bằng cái tên “đĩa ăn thịt người”.

Những người Miến Điện đều biết sự lợi hại của nó; tuy chẳng ai dám dùng tay sờ vào “đĩa Campuchia ăn thịt người” nhưng chỉ nhìn thôi cũng đủ để họ kinh hồn bạt vía. Bởi vậy, chẳng ai đợi thủ lĩnh ra lệnh, người nào người nấy đều giương súng chĩa thẳng vào mục tiêu, rồi sau trận càn quét của súng đạn, con đĩa chúa to lớn dị thường đã bị bắn tan xác pháo.

Ai ngờ, trong cơ thể đĩa chúa toàn là những con đĩa con to khoảng năm sáu centimet, chui ra từ vết rách do bị súng bắn trên cơ thể mẹ, bò loằng ngoằng xuống nước, gắp da thịt người sống lập tức cuống cuồng xuyên bừa vào. Mọi người hoảng hốt, ai lo thân người nấy, mau chóng tháo chạy. Tư Mã Khôi nhanh tay tinh mắt, liền vớ lấy bình phun lửa còn sót lại ở trên bờ, ngấm thẳng vào lũ đĩa ăn thịt người phun mạnh, luồng lửa hung bạo lao ra quét một đường, trong phút chốc vô số đĩa con và xác đĩa chúa đều bị chết cháy dưới nước.

Tư Mã Khôi giờ cao đèn halogen. Dưới ánh sáng mạnh của chiếc đèn, anh có thể quan sát tất cả mọi nơi gần đầm nước, chỉ thấy trên mặt nước nổi lênh bênh cơ man nào là đĩa Campuchia ăn thịt người, còn thân hình chủ thể ký sinh thì phình to khác thường, trên lưng có những vết vàng trông như mắt người, phần bụng màu tựa lá khô, trên đó có vô số giác hút. Mọi người được tận mắt chứng kiến cảnh tượng hãi hùng như vậy thì gan ruột tự nhiên như bị teo rúm lại, da đầu căng cứng, trong lòng chỉ có mỗi hai từ “khiếp đảm”. Số lượng loài đĩa này trong rừng rậm nhiều vô kể, hơn nữa sức sống của nó lại rất dai dẳng, bền bỉ, trừ bình phun lửa ra thì dao súng bình thường khó lòng giết chết được nó, nhưng chỉ cần không lại gần mặt nước thì sẽ an toàn hơn nhiều.

Lúc này, đám tàn binh vũ trang Miến Điện chỉ còn lại mười mấy người, họ không chịu nghe theo mệnh lệnh của Ngọc Phi Yến nữa. Bọn họ vốn dĩ cũng chỉ là đám quân ô hợp, tất cả đều vì tiền mà bán mạng, tuy hô khẩu hiệu cần tiền, bất cần mạng, nhưng nếu vứt bỏ mạng sống thì tiền kiếm được còn có nghĩa lý gì nữa? Bọn họ thấy trước mắt vẫn chưa tiếp cận được với khe núi, nơi chiếc tiêm kích vận tải mất tích, mà đã thiệt hại bao nhiêu huynh đệ, rồi xem bộ dạng khi nãy của Khương sư

phụ - chẳng phải trúng tà thuật thì cũng bị quỷ ác nơi rừng già núi sâu nhập tràng, giờ còn tiếp tục tiến vào sâu hơn, không khéo chẳng ai giữ được mạng mà trở về.

Hơn nữa, thủ lĩnh đội thám hiểm căn bản chẳng coi họ là con người, chết một mạng mà thờ ơ như chết một con sâu cái kiến, nên nếu còn ở lại chẳng sớm thì muộn cũng bị biến thành “tro pháo” chết thay người ta. Thế là, dưới sự lãnh đạo của một tên, bọn họ cướp tất cả vũ khí lương thực, rồi nhất loạt quay đầu về đường cũ tháo chạy.

Đám lính Miến Điện, tên nào tên nấy đều được vũ trang đầy đủ, khi bị đẩy đến bước đường cùng và phản kháng lại thì họ trở nên cực kỳ nguy hiểm. Hơn nữa, đội thám hiểm chỉ còn lại vài người, không thể không chế nổi cục diện, nếu đối đầu thì chắc chắn hai bên sẽ cùng thương vong thiệt mạng, vậy nên Ngọc Phi Yến chẳng biết làm gì khác ngoài việc đứng trân trân nhìn bóng họ dần khuất xa, răng nghiến vào nhau nghe ken két. Quay đầu lại nhìn hội Tư Mã Khôi, cô ả gần giọng hỏi: “Sao các anh không biến nốt đi?”

Tư Mã Khôi nhìn những người ở lại, ngoại trừ bản thân, La Đại Hải, Tuyết, Karaweik ra thì đoàn thám hiểm chỉ còn Ngọc Phi Yến, Thảo Thượng Phi và anh bạn người Nga Ciglovski, tất cả bảy người. Thoáng suy nghĩ một chút, anh cảm thấy tiền nhân hậu quả đều thật khó lường trước được, hơn nữa cơn bão nhiệt đới có thể ập đến bất cứ lúc nào, mưa to gió lớn sẽ kèm theo lũ lụt, lở núi nghiêm trọng, những khu vực ở địa thế thấp chắc chắn sẽ bị nhấn chìm, và đám lính vũ trang Miến Điện chạy trốn theo con đường cũ, e rằng chẳng khác nào tự mình đâm đầu vào chỗ chết. Bởi vậy, không thềm để ý đến mấy lời châm chọc của Ngọc Phi Yến, anh chỉ hỏi: “Rốt cục chuyện gì đã xảy ra với Khương sư phụ thế nhỉ?”

Đối với những sự việc xảy ra trước khi Khương sư phụ bị lửa thiêu chết, Ngọc Phi Yến vẫn chưa hết tim đập chân run. Cô ta vốn là người thông minh tuyệt đỉnh, chỉ cần người khác gật đầu một cái là lập tức hiểu họ muốn nói gì, nghe Tư Mã Khôi nói, cô lờ mờ cảm thấy không ổn, trầm nghĩ: “Chẳng lẽ đúng là bị trúng tà...”

Tur Mã Khôi không đợi Ngọc Phi Yến trả lời, liền tiếp lời luôn: “Tôi đoán có khả năng Khương sư phụ bị trúng bùa ngải trong núi Dã Nhân.”

Nghe nói, để bảo vệ bí mật của núi Dã Nhân, người cổ đại đã cài đặt rất nhiều lời nguyền độc địa và các cấm bẫy cơ quan hiểm ác. Theo tin tình báo nắm được hiện nay, quân đoàn lính công binh tác chiến độc lập số sáu của quân Mỹ và vô số những nhà thám hiểm bước chân vào núi này trước đây, đều phát hiện rất nhiều di tích và văn vật cổ xưa, nhưng vì chúng bị hư hại nghiêm trọng nên khó có thể phân biệt rốt cục là di tích của thời kỳ, triều đại nào.

Từ đây có thể suy đoán, những truyền thuyết ly kỳ tưởng như hoang đường kia biết đâu lại là sự thật, muốn vào núi Dã Nhân tìm kiếm chiếc tiêm kích vận tải bị mất tích từ nhiều năm, ngoại trừ phải đối mặt với điều kiện khí hậu và môi trường tự nhiên khắc nghiệt phức tạp ra, thì còn phải đối phó với những tà thuật và cấm bẫy mà người cổ đại đã để lại. Còn về việc trong núi Dã Nhân rốt cục ẩn chứa bí mật gì, và ai đã yểm những loại phù chú bùa ngải lấy mạng người này, nếu chỉ dựa vào thông tin hạn hẹp mà bọn họ có trong tay giờ đây thì căn bản không thể mò mẫm ra nổi đầu mối.

Vài năm nay, mấy người Tur Mã Khôi, La Đại Hải, Tuyết... theo chân quân đội cộng sản Miến Điện chiến đấu trong rừng sâu, từng chứng kiến một số người bị yểm bùa ngải, còn Karaweik là dân bản địa chính gốc, sinh ra và lớn lên ở vùng núi này, nên càng rõ tình hình hơn ai hết. Nếu người nào xuất hiện những triệu chứng giống như Khương sư phụ, thì chắc chắn chẳng có nguyên nhân gì khác, mà chắc chắn là bị trúng ngải. Nếu chẳng may gặp loại tà thuật này, ngoài việc trước khi phát tác phải ăn thịt người luyện ngải hoặc yểm “vó ngựa”, thì tuyệt đối chẳng có biện pháp gì giải cứu nổi; có điều tùy vào thể trạng của mỗi người khác nhau, nên cũng có kẻ may mắn thoát nạn, nhưng con số này chỉ chiếm một phần trăm.

Tương truyền, ở Trung Quốc có một phương thuốc, đó là dùng “vó ngựa” để khắc chế bùa ngải, phương pháp dân gian này khởi nguồn từ Vân Nam. Nghe nói, thời xưa phong tục tập quán ở Vân Nam hãy còn mang nặng màu sắc mê tín, nếu ai chẳng may mắc bệnh hiểm nghèo, họ thường không mời lang trung đến khám chữa, mà lại mời pháp sư đến để xua đuổi tà ma, nghênh đón thần tiên, còn nếu lỡ gặp chuyện quái dị thì lập tức dùng vó ngựa. Vậy “vó ngựa” là gì? Đó không phải là da ở chân con ngựa mà người ta vẫn hay dùng để đóng giày, cũng không phải là lớp da sừng cuối chân ngựa. Khu vực miền Nam có tục gọi là “vó ngựa”, còn ở miền Bắc lại gọi “chân gà”, cũng đều chính là chân của con gà trống được cắt ra lúc nó vẫn còn sống. Tương truyền, vật này có thể giúp xua đuổi tà ma, tránh điều hung dữ, nó và “móng lừa đen, bánh đả cầu” được truyền tụng là ba linh vật. Tuy ở miền Bắc không thường xuất hiện “vó ngựa” lắm, nhưng nó lại được truyền bá rộng rãi ở những nước thuộc khu vực Đông Nam Á như Việt Nam, Thái Lan, Malaysia v.v... Thời cổ xưa cũng từng có người dùng nó để đối phó với một số loại bùa ngải, có điều cái ảo diệu, bí mật ẩn chứa trong đó đã sớm thất truyền từ hàng trăm năm trước.

Giờ đây, điều duy nhất có thể xác định được là “ngải” ở núi Dã Nhân, được người cổ đại yểm từ hàng trăm ngàn năm trước, nhưng e rằng bây giờ ngay cả nắm xương của người luyện ngải cũng đã hóa thành tro bụi, chứ nói gì đến thịt, biết đến nơi nào để tìm mà ăn? Bởi vậy ai bị chơi ngải, kẻ đó coi như gặp vận rủi, chắc chắn vô phương cứu chữa; hơn nữa, khi chết đi, đừng nói có thể luân hồi sang kiếp khác, mà ngay cả làm quỷ cũng chẳng thành.

Bùa thuật trong núi sâu ở Bắc Miến vô cùng đặc biệt, những kẻ trúng tà đều xuất hiện một vết đen rất rõ nét ở con ngươi phía đáy đồng tử, hình dạng giống như phân tằm. Nếu xung quanh bạn có ai xuất hiện dấu hiệu ấy, thì chắc chắn họ đã bị yểm bùa chơi ngải, tuyệt đối không sai lệch vào đâu được. Hội Tư Mã Khôi cũng hiểu sơ sơ về bùa và ngải ở Miến Điện, biết được là hễ kẻ nào bị trúng ngải, đứng thực trong đáy mắt họ đều có cùng một đặc trưng này, nhưng chẳng ai hiểu rõ nguyên lý sâu xa của nó.

Cũng chỉ là từng nghe người ta nói, ở Vân Nam, Quý Châu, bọn man di rất giỏi luyện ngải và độc trùng, còn ở Đông Dương, Thái Lan lại là đất bùa chú. Miến Điện vừa vặn nằm lọt giữa hai khu vực đó, bởi vậy tà thuật “bùa” và “ngải” hòa quyện, hợp nhất với nhau thành một thể, cái ảo diệu bên trong của nó vô cùng ly kỳ, quái dị mà người thường không thể lý giải nổi bằng lý lẽ phổ biến, cũng không thể dò dẫm được bằng biện pháp thông thường. Nếu bạn ở Miến Điện mà nhìn thấy gia đình nào phía trong nhà không hề có mạng nhện hoặc đất bụi, thì có thể đoán định nhà đó đang nuôi ngải. Còn nói về các chủng loại ngải, thì nhiều vô số kể, chẳng rõ chính xác là bao nhiêu, có ngải tôm cá, ngải da trâu, ngải tử thi, ngải độc trùng, ngải rắn, ngải chó, ngải vãi, ngải ếch v.v...

Ngọc Phi Yên vẫn bán tín bán nghi, liền hỏi Tư Mã Khôi: “Giờ đây thi thể của Khương sư phụ đã bị bình phun lửa thiêu cháy thành tro bụi, những gì anh nói cũng chẳng qua chỉ là phỏng đoán mà thôi, làm sao có thể khẳng định chắc chắn Khương sư phụ bị trúng ngải?”

Trong lúc hai người đang to nhỏ bàn bạc, thì Thảo Thượng Phi đứng bên cạnh bỗng nhiên ho lớn từng cơn, miệng liên tiếp khạc ra mấy ngụm nước đen, rồi khi gã ngẩng đầu lên thì trong mắt đã xuất hiện một vạch vàng mang tia máu, trông gã lúc này chẳng khác gì bộ dạng của Khương sư phụ khi trước. Thảo Thượng Phi là gã có thân hình nhỏ thó, đầu gián mắt chuột, tính tình cẩn thận lạnh lợi, chắc bởi gã có tài khinh công đi nhanh như lướt, nên mới được đặt cho biệt danh Thảo Thượng Phi - bay trên cỏ. Tuy cũng là loại giặc đất trộm mộ, nhưng gã này bé gan nhỏ mật, nên vừa nãy nhìn thấy đồng bọn rơi vào tình cảnh thê thảm như thế thì đã sợ mất vía, mặt vàng như đất, tâm thần hỗn loạn.

Tư Mã Khôi trông bộ dạng của gã, bất giác như có một luồng khí lạnh buốt xộc thẳng vào óc. Anh vội vàng đi đến đỡ Thảo Thượng Phi, rồi lật mí mắt dưới của gã ra xem, thì thấy dưới đáy hai con mắt đều xuất hiện một vết đen kéo dài qua hai đồng tử, tiếp đó anh lần lượt xem mắt của những người còn lại.

Mọi người nhìn hành động của Tư Mã Khôi, đều dự cảm thấy một tai nạn lớn sắp giáng xuống đầu, chỉ mỗi Hải ngọng là vô tư hồn nhiên, vì hoàn toàn không biết gì cả, còn hỏi Tư Mã Khôi: “Cậu xem cặp mắt của La Đại Hải tớ, có phải tám mươi mấy năm rồi không nhỏ giọt mưa nào, tình cảm tràn trề quá chẳng?”

Tư Mã Khôi không để ý đến lời nói bông đùa của La Đại Hải, bởi vì anh phát hiện tất cả mọi người, có lẽ bao gồm cả đám lính vũ trang Miến Điện vừa tháo chạy khi nãy, người nào người nấy đều có một vạch đen rất rõ nét ở dưới đáy mắt. Giờ đây tính mạng của mọi người chỉ được tính bằng giờ, không, có lẽ chỉ còn từng phút nữa thôi.

Hồi thứ ba

BÙA NGÃI

Chết chỉ là một đoạn đường mà ai cũng phải đi qua trong cuộc đời. Bản thân cái chết có lẽ không đáng sợ, mà điều đáng sợ là khoảnh khắc thấp thỏm, dầy vò khi chờ đợi chiếc bóng của thần chết sắp sửa giáng xuống đầu.

Ngọc Phi Yến biết mình cũng bị trúng ngải, trong lòng cảm thấy chán nản, buông xuôi đến cùng cực. Cô ả kẻ khẩu súng ngắn đã lên nòng vào ngực, chuẩn bị cho thời khắc cuối cùng sẵn sàng nã một đạn vào huyết thái dương của chính mình.

Gã Gấu trắng người Nga tuy là một tín đồ cảm tử, một kẻ điên cuồng mất hết lý trí, nhưng khi thật sự đến lượt mình phải đối mặt với cái chết thì các cơ trên mặt cũng không khỏi thi nhau co quắp lại. Gấu trắng lẳng lặng ngồi một mình dưới gốc cây, chẳng ai đoán được trong đầu gã đang nghĩ gì.

Đối lập với cảm giác bàng hoàng của đội thám hiểm, lúc này mấy kẻ may mắn sống sót trong đội du kích Miến Điện lại không hề bất ngờ một chút nào, bởi họ đã sớm quen với việc chịu đựng và đối mặt với cái chết, thậm chí Hải ngọng còn thoáng có thái độ kiêu như “cười vui trước nỗi đau của người khác”. Tâm trạng của anh giờ đây chẳng khác gì bệnh nhân mang mầm bệnh nan y, vô phương cứu chữa, đang nằm dài chờ chết, đột nhiên biết được mấy vị láng giềng bên cạnh cũng mắc phải chứng bệnh hiểm nghèo y như mình, trong lòng bất giác cảm thấy vô cùng yên ổn, an tâm.

Chỉ duy có Tuyệt là đang bình tĩnh suy xét tỉ mỉ từng sự việc, cô nhìn bộ dạng Khương sư phụ trước khi chết gầy héo như một cái xác khô, liền quay sang hỏi Tư Mã Khôi: nếu tất cả mọi người đều đã bị trúng tà thì tại sao lại không phát tác cùng một lúc? Hay là trong đó tồn tại một quy luật hoặc thứ tự nào đó? Trước đây, khi đoàn lính công trình Mỹ xây dựng con đường hầm này, từng xảy ra sự việc hàng loạt nhân viên trong đoàn bị mất tích. Phải chăng bọn họ cũng chết bởi loại ngải thuật thâm hiểm, quái dị kia? Khái niệm về bùa và ngải quả thực quá đổi mơ hồ để có thể tìm ra căn nguyên, hoặc giả còn có cách giải cứu.

Tư Mã Khôi phán đoán: “Tôi đoán, phạm những người trúng tà đều căn cứ vào thể trạng và sức đề kháng không giống nhau để rồi lần lượt chết theo một quy luật nhất định. Khương sư phụ tuy rằng thể trạng không tồi, đến tuổi này mà vẫn còn có thể vượt núi băng rừng, nhưng rốt cục lão vẫn thuộc dạng tuổi cao sức yếu, mắt mờ chân chậm, khí huyết không thể thông thuận như lúc trai trẻ, bởi vậy lão ta là kẻ bị phát tác trước tiên; tiếp theo đó là lão nhị Thảo Thượng Phi của đội thám hiểm, bởi gã lớn tuổi thứ hai sau Khương sư phụ. Nếu tôi đoán không nhầm thì người kế đến phải chết sẽ là gã ngoại quốc người Nga, còn người bị chết sau cùng sẽ là Karaweik.”

Tư Mã Khôi nói đến đây thì ngoảnh đầu lại nhìn Karaweik, chỉ thấy cậu bé dùng cả hai tay ôm chặt lấy đầu, trên khuôn mặt toát lên thần sắc tuyệt vọng đến cực độ. Ở Miến Điện, những người từng làm hòa thượng đều không sợ chết, vì trong quan niệm của họ, chết chẳng qua chỉ là sự bắt đầu của một kiếp luân hồi khác, nhưng đa số người bản địa đều vô cùng khiếp sợ tà thuật. Họ cho rằng, con bọ ngải luôn vào trong não sẽ dần dần gặm nhấm hết linh hồn trú ngụ trong thể xác của người sống, bởi thế Karaweik cứ mãi ôm đầu, miệng không ngừng lẩm nhẩm chỉ một chữ duy nhất.

Tư Mã Khôi nghe được từ mà Karaweik không ngừng lẩm nhẩm dường như là “trùng”, nên lòng thầm cảm thấy kỳ quái: “Trong đầu lấy đâu ra trùng bọ nhỉ?” nhưng sau đó anh liền nghĩ ra: những người sống trong rừng rậm núi cao, nhiều kẻ thường nuôi trùng độc và xem chúng là

vật môi giới cho các loại tà thuật như bùa hay ngải, bởi vì đặc tính của trùng phức tạp, khó có thể lý giải, nên sẽ khiến những câu chuyện về bùa ngải càng trở nên huyền bí, đáng sợ hơn.

Người ta thường nói: “Người nói vô tâm, kẻ nghe hữu ý”, câu nói của Karaweik khiến Tư Mã Khôi và Tuyết đột nhiên cảm thấy hiểm họa chí mạng mà đội thám hiểm đang gặp phải, rất có khả năng là do trùng trứng của loài “địa Campuchia ăn thịt người” đã ký sinh vào cơ thể họ trong lúc không ai ngờ đến.

Nghe nói, địa Campuchia ăn thịt người có một tập tính rất đặc biệt: trên một cơ thể chủ chỉ có một con địa chúa ký sinh, nếu như trước khi địa chúa thành hình mà cơ thể chủ chết đi, thì tự nhiên nó cũng theo đó mà hóa thành hòn máu đặc. Chẳng những vậy, chúng không thể ký sinh trong cơ thể bộ máu lạnh, bằng không cái trứng sẽ chỉ nở ra một con địa bình thường. Đội thám hiểm từ lối cổng ra đổ nát của con đường U Linh, tiến sâu vào sào huyết trong thâm cốc thì gặp sự công kích của bầy địa. Con địa chúa khổng lồ bị bình phun lửa thiêu cháy khi ấy, cơ thể phình to ngang với thân hình một con người. Hơn thế nữa, ở đầm nước trong chỗ trứng gần đó còn tụ tập vô số đồng loại của nó, nên nếu không có thi thể người chết với số lượng tương ứng, thì làm sao chúng có thể sinh trưởng đông đúc đến vậy? Có lẽ con địa nữ hoàng mà chúng ta gặp ngày hôm nay, cũng chính là một trong những kẻ gặp nạn từng mất tích ở núi Dã Nhân bao nhiêu năm về trước.

Bộ dạng khô quắt sau khi trứng ngải của Khương sư phụ cũng giống như bị một con địa Campuchia ăn thịt người chui vào cơ thể, dần dần hút cạn toàn bộ tinh huyết và óc tủy quanh người, đến cuối cùng con địa thành hình mượn xác chết thay hình đổi cốt. Lúc này, Khương sư phụ trở thành cơ thể chủ cho địa chúa trú ngụ, hay nói cách khác, thì hài lão trở thành sào huyết của nó ở nơi vũng tù này. Lúc phân sọ đột nhiên nổ bung ra, cũng chính là lúc địa nước nữ hoàng đã chui vào não.

Tuy rằng Tuyết đã sớm chẳng hề để tâm đến sự sống chết, nhưng cứ nghĩ bên trong cơ thể mình có một con địa Campuchia ăn thịt người ký sinh thì lại thấy cách chết này quả thực quá sức ghê tởm và kinh dị.

Mặt cô không khỏi biến sắc khó coi, thất kinh hỏi: “Từ khi tôi vào núi Dã Nhân đến nay, trước sau chưa từng chạm vào vũng nước tù có lũ địa đang sinh sống, tại sao lại bị loài địa nước này bám vào người vậy?”

Ngọc Phi Yến ngồi bên cạnh nghe thấy đoạn hội thoại giữa Tư Mã Khôi và Tuyết, cô ả dường như vừa tóm được một tia hy vọng sống, liền nói chen vào: “Nếu anh biết vì sao cơ thể bị loài địa ký sinh thì cũng không đến nỗi phải trúng loại tà thuật này. Môi trường ẩm ướt, oi bức trong núi Dã Nhân khiến chứng khí tràn lan khắp nơi, thực vật, thủy lưu, không khí, bùn đất, mây mù, đầm lầy đều trở nên bội phần nguy hiểm. Địa Campuchia ăn thịt người, thậm chí có thể luôn xuyên qua quần áo, giày tất và da thịt, nói cách khác chẳng lối nào chúng không thể thâm nhập, nên chẳng biện pháp nào đủ đảm bảo an toàn tuyệt đối. Nhưng nếu cái được gọi là ngải độc trùng chỉ là địa chúa chui vào trong cơ thể hút hết huyết khí, tinh tủy, thì phải chăng vẫn còn có thể nghĩ ra cách giải cứu?”

Tuyết am hiểu rất sâu sắc về y lý, khi còn ở trong đội du kích cộng sản Miến Điện, cô đã từng nhiều lần chữa thương cho người bị địa hút máu, nhưng giờ đây cũng chỉ biết lắc đầu nói: “Nếu địa bám ở vùng ngoài da thì còn dùng khói trực tiếp làm nóng nó hoặc đốt giấy cỏ hun chết, tóm lại có rất nhiều cách để đối phó; nhưng một khi nó đã bò vào trong bụng hoặc trong hộp sọ, thì ngoại trừ phẫu thuật lấy nó ra, tuyệt đối chẳng còn biện pháp nào khác. Theo hoàn cảnh của chúng ta hiện nay, tính mệnh chỉ còn tính bằng từng khắc, đừng nói đến việc chẳng thể phẫu thuật, mà cho dù có được đưa đến một bệnh viện hiện đại, với đầy đủ máy móc tối tân, để cấp cứu ngay tức khắc thì cũng chẳng kịp nữa rồi.”

Ngọc Phi Yến liên tiếp đưa ra mấy phương pháp nhưng chẳng cách nào hữu hiệu, ví dụ tự mình nuốt độc dược, như vậy sẽ khiến con địa trong cơ thể cũng bị nhiễm độc mà chết, nhưng cách này chẳng khác nào tự sát. Toàn thân địa Campuchia ăn thịt người toàn là giác hút, những giác hút đó sẽ giúp nó bám chắc như keo trong cơ thể sống, không một loài trùng ký sinh nào có thể bì kịp với nó, cho dù bạn nôn thốc nôn tháo

hết cả gan xanh mật vàng, thì cũng chẳng thể nôn ra nổi con đĩa đang bám chặt trong bụng.

Tư Mã Khôi thấy mọi người xung quanh thần sắc đầy vẻ tuyệt vọng cũng không khỏi chấn động tinh thần, tuy anh chẳng sợ chết, nhưng cũng không cam tâm bị đĩa hút cạn huyết tủy mà khô quăn queo, sau đó thi thể còn chìm trong nước và trở thành sào huyết để trứng của đĩa chúa. Nhìn thân xác đĩa Campuchia ăn thịt người chỉ chít những giác hút, bỗng dung trong óc anh lại thấp thoáng hiện lên hình ảnh kỳ dị của con rết, liền sau đó lại liên tưởng đến việc Triệu Lão Biệt tìm thấy viên ngọc Định Phong cạnh cái xác con rết trong chiếc bàn mục nát năm xưa. Đến tận bây giờ, anh vẫn còn nhớ như in hình ảnh Triệu Lão Biệt với kỹ thuật uyên thâm, khả năng nhận thức vạn vật muôn loài trên thế giới bội phần cao siêu. Nếu giờ đây lão chưa chết, nói không chừng có thể giúp anh nghĩ ra cách hay nào đó, giải quyết con đĩa nước nữ hoàng đang ký sinh trong cơ thể mọi người.

Theo lý, sau khi Tư Mã Khôi mang dòng tộc lục lâm, anh được mật truyền toàn bộ bí kíp “Kim bát hoán”. “Văn Võ sư phụ” anh báỉ làm thầy lúc còn ở nhà, được mệnh danh là “Ma men Trương Cửu Y”, có người gọi ông là “Trương bộ cạp” hoặc “Lão bách khoa toàn thư”. Ngoại trừ chiêu tử là “Bộ cạp đảo đầu bò tường” ra, ông còn rất giỏi đàm đạo về phương thuật, chỉ điểm cát hung. “Mật truyền Kim điểm” mà tổ tiên họ Trương lưu lại, chính là gốc rễ khởi nghiệp của gia tộc, được chia thành ba phần “Thiên, Địa, Nhân”, từ trước đến nay chỉ truyền cho người trong tộc, không truyền cho người ngoài. Đến thời Trương Cửu Y, cả cuộc đời chỉ dạy dỗ cho hai truyền nhân trực hệ trong gia tộc, người thứ nhất là cháu đích tôn của dòng họ, có điều gã này tính tình thuần phác, ù ì, ông Trương Cửu Y chẳng mấy xem trọng hấn ta, nên không truyền thụ thuật suy diễn biến hóa, chỉ truyền cho một số khẩu quyết xem bói, rồi khéo léo đuổi hấn về quê nhà làm nông.

Truyền nhân mà Trương Cửu Y xem trọng lại chính là Tư Mã Khôi, bởi anh nhanh nhạy, thông minh, cốt cách thanh thoát, tướng mạo thân hình đều có thể “trấn áp” được kẻ khác, lại giỏi ăn nói, giáo biện, từ

ngữ sắc bén, biết đối nhân xử thế. Theo cách nói của giới lục lâm, người như thế có thể vượt qua phong ba bão táp, bảo vệ được bí mật gia truyền, gặp lúc thất thủ cũng không bán đứng đồng bọn và thế tộc, vì vậy ông mang tất cả tuyệt kỹ nhét tận đáy hòm nhà họ Trương truyền thụ tuốt tuốt cho Tư Mã Khôi.

Chỉ có điều, lúc đó Tư Mã Khôi tuổi hầy còn quá nhỏ, đến khi bước được chân ra ngoài xã hội bươn chải thì lại không gặp thời, khiến bản lĩnh gia truyền bị xao nhãng, bỏ quên trong nhiều năm. Lúc này, anh bất chợt nghĩ đến sự việc gặp Triệu Lão Biệt năm xưa, lại liên tưởng đến cuộc đời tà môn ngoại đạo của lão, thấy rằng lão có những khả năng mà người thường khó lòng vươn tới được. “Mật truyền Kim điện” mà tổ tiên mình để lại là bộ cổ thuật “tổ tường mọi ngách, lừng danh bốn bề”, vậy sao mình lại phải chịu thua kém người ta? Nhưng rốt cục làm sao mới có thể dùng lý lẽ “tướng vật” trong “Kim bát hoán” để trục xuất con đĩa chúa đang ký sinh ra khỏi cơ thể?

Ý niệm này tuy rằng chỉ lóe lên trong khoảnh khắc, nhưng anh cũng đã lờ mờ hiểu, cái gọi là “vật cực nhi phản, số cùng tắc biến”, rốt cục có ý là trời chẳng bao giờ nỡ tuyệt đường sống của con người. Anh cho rằng, chỉ cần tìm ra nhược điểm của đĩa Campuchia ăn thịt người trong thời gian cực ngắn, thì có thể những kẻ may mắn sống sót của đội thám hiểm sẽ có cơ hội thoát khỏi bàn tay tử thần.

Trong lúc Tư Mã Khôi đang vắt óc suy nghĩ, ánh mắt anh chợt chạm phải Thảo Thượng Phi. Gã đang ngược đầu lên, nhìn chăm chăm vào một thân cây cổ thụ với thần sắc hoảng hốt, thất thần. Lúc này, Thảo Thượng Phi gầy héo như bị thoát xác, hốc mắt lõm sâu hoắm vào trong, miệng ú ớ chẳng nói thành lời. Ngọc Phi Yên lo lắng đâu gã đột ngột ra tay làm người khác bị thương, nên lấy dây thừng trói gã lại. Tư Mã Khôi cũng ngẩng đầu dõi mắt theo hướng nhìn của Thảo Thượng Phi, chỉ thấy trên đó tối hù hù, chẳng nhận thấy có điều gì khác lạ.

Lúc đó, Ngọc Phi Yên nói với mọi người: “Mọi người đừng nào cũng sẽ chết, chi bằng nhân lúc thần trí vẫn còn minh mẫn, hãy mau chóng tránh xa sào huyệt tập trung của lũ đĩa chúa.”

Tư Mã Khôi lại nói: “Thủ lĩnh, cô thử nói xem vì sao Khương sư phụ lại dẫn đội thám hiểm trở về sào huyệt của địa Campuchia ăn thịt người?”

Ngọc Phi Yến đáp: “Chẳng phải anh nói Khương sư phụ bị trúng tà sao? Người chết giống như ngọn đèn đã tắt, bây giờ anh lại trách cứ người ta, phỏng có ý nghĩa gì?”

Tư Mã Khôi nói: “Tôi đoán, chắc ở gần chỗ này ẩn giấu một vật gì đó, vật ấy dụ dỗ Khương sư phụ, hoặc giả dụ dỗ con vật ký sinh trong cơ thể ông ấy trở về đây. Có lẽ là mệnh chúng ta chưa hẳn đã tuyệt, bởi không chừng vẫn sẽ tìm thấy một con đường sống cũng nên.”

Ngọc Phi Yến cảm thấy việc này cũng rất đổi kỳ lạ, đáng nghi. Trong dải rừng rậm âm u chẳng bao giờ nhìn thấy ánh mặt trời này, môi trường ẩm ướt ô uế, tuy khiến người ta cảm thấy ngột ngạt, bức bối nhưng không biết vì nguyên do gì mà trong không gian dường như phảng phất một mùi hương vô cùng quái dị, chẳng rõ đó là mùi thơm của xạ hương hay của trầm hương, không những vậy càng ở nơi cao thì mùi thơm càng nồng đượm. Cô nhìn những cây cổ thụ cao ngút ngàn đến tận trời, trong lòng tự thấy bất lực - tay không làm sao mà leo tới đó được? Trong lúc đang định tìm loại công cụ leo núi nào đó để trợ giúp thì chẳng ngờ đã thấy Tư Mã Khôi buộc đèn halogen lên người, rồi liền đó thi triển tuyệt kỹ “Bọ cạp đảo đầu bò tường” bám thân cây leo ngược lên. Tuy vết thương trên vai anh chưa lành hẳn nhưng thân thủ vẫn nhanh thoăn thoắt như gió cuốn, khiến những kẻ ở dưới đất nhìn lên chỉ biết trợn mắt há miệng mà kinh ngạc và thán phục, người nào người nấy nhìn chăm chăm không rời mắt, chẳng dám phát ra tiếng động, ngay cả hơi thở cũng cố gắng thật khẽ khàng.

Tuy vậy, Tư Mã Khôi rốt cục vẫn đang bị thương, nên khi bò lên tới tán lá thì hai vai đã cảm thấy tê cứng, đau buốt, anh nhìn thấy trong hốc cây cổ thụ có một cái hố giống như hang động vật, trong hố phủ đầy rêu xanh, không khí âm u, lạnh lạnh thấu cả xương, lấy đèn soi vào, chỉ thấy bên trong cát giấu những quả trứng măng xà, quả nào quả nấy to

như nắm đấm, thì ra đây là sào huyết của con ô xà Miến Điện bị bình phun lửa thiêu cháy lúc trước. Anh thò tay ra sờ ba quả trứng trắng đục, cật chúng vào trong lòng, rồi nhẹ nhàng chuồn xuống dưới.

Trong lúc còn chưa rõ sống chết ra sao, lại thấy Tư Mã Khôi lên cây lấy cắp mấy quả trứng măng xà, hội Ngọc Phi Yên cảm thấy tên này chắc là đang sắp phát điên.

Tư Mã Khôi nhìn thấy ba quả trứng trong lòng bình an vô sự thì mới trút được tiếng thở mạnh. Anh cẩn thận nâng niu từng quả trứng, bày chúng lên mặt đất, nhìn sắc mặt mơ hồ khó hiểu của mọi người, anh đành phải giải thích: “Muốn trục xuất con địa chúa đang sống kí sinh ra khỏi cơ thể, chỉ có thể kỳ vọng vào vật cứu mạng này thôi.”

Gã Gấu trắng người Nga thấy vẫn còn cơ hội sống, tinh thần phấn chấn lại ngay tức thì, nhưng trước mắt chỉ có ba quả trứng măng xà, mà những kẻ sống sót còn những bảy người, cháo ít vãi nhiều, chẳng thể nào chia đủ, chắc chắn bốn người trong số họ phải chết. Vậy làm gì có chuyện gã để tâm đến những kẻ xung quanh, nên lập tức thò tay ra cướp, định bụng sẽ nuốt chửng một quả vào bụng.

Nhưng phản ứng của Tư Mã Khôi còn lạnh lẽo gấp bội, chẳng để gã Gấu trắng người Nga kịp đến gần, anh đã nhanh nhẹn ra chiêu “Phu tử tam cùng thủ”, đẩy lùi bàn tay to phàm phạp như chiếc quạt ba tiêu của gã, nhưng trong thời khắc gấp gáp, giành giật từng giây giữa sự sống và cái chết, Tư Mã Khôi không muốn quyết một trận sống mái với gã, mà chỉ xua tay, ra hiệu cho đối phương dừng hòng tiến lại gần, rồi lại làm động tác vuốt cổ, ngầm nói với mọi người tuyệt đối không được ăn “trứng măng xà”, nếu không sẽ càng chết nhanh hơn.

Gã Gấu trắng người Nga bình sinh sức khỏe vô địch, giết người chẳng khác chi giết một con gà, hấn cứ nghĩ chỉ cần thò tay ra là cướp được trứng rắn, nào ngờ lại lấy hụt, trong lòng cũng không khỏi cảm thấy bất ngờ, chẳng biết gã phương Đông này sử dụng tà thuật gì, gã trợn cặp mắt hung tợn gườm gườm nhìn Tư Mã Khôi, nhưng chẳng dám manh động thêm nữa.

Những người còn lại đều biết rõ tập tính của mãng xà Miến Điện, con cái mỗi năm phải sinh ra hàng trăm trứng, ba quả trứng mà Tư Mã Khôi vừa lấy từ trên ổ rấn xuống sờ vỏ ngoài nhẵn nhụi trắng mịn như ngọc, xem ra chúng chỉ là những trái trứng bình thường, chưa được thụ tinh. Tư Mã Khôi nói chúng có khả năng giúp họ trục xuất con địa Campuchia ăn thịt người ra khỏi cơ thể, nhưng lại nói không được đập vỡ hay nuốt chửng, chẳng lẽ vật này dùng để xoa đắp ngoài da?

Hồi thứ tư

CUÔNG PHONG GIÔNG TỐ

Tư Mã Khôi tự biết mạng sống của mọi người giờ đây mong manh tựa ngàn cân treo sợi tóc, nên cũng không dám giải thích dài dòng, chỉ cầm một quả trứng măng xà đặt xuống phía trước, lần lượt hươ hươ trước mũi hội La Đại Hải, Tuyết, Ngọc Phi Yến. Trong giây lát, mọi người đều ngửi thấy một luồng khí thanh thoát thơm nồng quyện vào tận tim phổi, không thể tả hết cảm giác dễ chịu thoải mái, ai nấy không nhịn nổi càng kỳ lạ thắc mắc: “Trứng măng xà Miến Điện sao lại có mùi thơm kỳ diệu đến thế nhỉ?”

Chẳng kịp đợi mọi người hiểu rõ, Tư Mã Khôi liền đập vỡ từng quả, đùn thành một đồng nhầy nhựa trên mặt đất. Một mùi hương kỳ lạ, đậm đặc lập tức lan tỏa khắp không gian, khiến ai nấy không cưỡng nổi, định bò xuống đất liếm đám lòng trứng. May mà nhận thức của Tư Mã Khôi còn vô cùng tỉnh táo, anh là người đã được luyện khí công, nên khả năng định thần hơn hẳn người khác. Anh đứng bên ngăn cản hành vi của mọi người, không để bọn họ tiếp cận đám trứng vỡ.

Khoảng nửa phút sau, mọi người đều cảm thấy có một vật lạ ngo ngoáy nhúc nhích trong cổ họng, buồn buồn ngứa ngứa không thể chịu nổi. Gã Gấu trắng người Nga và Thảo Thượng Phi khô quắt, vàng vọt như xác khô là hai kẻ không chịu nổi trước tiên, bọn họ cùng lúc “ọc” lên một tiếng, rồi mỗi người đều nôn ra một con đĩa ký sinh, dài gần hai mươi mấy centimet, thân thể trong suốt, vằn vện những vết đỏ au au, to như cánh tay trẻ con, toàn thân chi chít giác hút rõ mầu rờn rờn, bọn

chúng nhào xuống đám dịch lỏng dập dính, thân đĩa cuộn lại quét một đường đã hút hết một nửa lòng trứng trên mặt đất.

Mấy người còn lại kẻ trước người sau đều nôn ra con đĩa ăn thịt người ký sinh trong cơ thể, rồi chỉ thấy sau khi đĩa chứa hút sạch đám trứng mẫm xà trên mặt đất chẳng bao lâu thì chúng trở nên cứng đờ, nằm im bất động và hóa thành một đồng máu đặc. Lúc này, mọi người lại ngửi đám vỏ trứng còn sót lại trên mặt đất, chỉ cần hơi lại gần một chút là một mùi khí tanh nồng xộc vào tận óc, ghê tởm, khó ngửi vô cùng, chẳng còn cảm giác thanh ngọt, thơm ngon như lúc trước nữa.

Sống sót sau kiếp nạn, mọi người ai nấy mặt đều trắng bệnh như tờ giấy, thở dốc một hồi lâu, rồi các giác quan dần dần khôi phục, càng nghĩ càng cảm thấy rùng rợn. Cả đội vốn nghĩ phen này chắc chết không còn nghi ngờ, may mà Tư Mã Khôi nhanh trí nghĩ ra cách giải quyết thần kỳ trong lúc nguy cấp, mới cứu được mạng sống trở về, nếu chỉ chậm trễ thêm vài phút nữa, để con đĩa trong cơ thể kịp thành hình, thì e rằng bây giờ tất cả đã rũ áo về trời.

Lúc đầu, Tư Mã Khôi cũng không dám chắc chắn một trăm phần trăm, nhưng giờ đây nhìn kẻ sách cứu mạng quả đúng đã thành công thì trong lòng cảm thấy bội phần may mắn. Anh còn muốn cứu những tên lính vũ trang Miến Điện tháo chạy khi trước, bèn kéo Karaweik chạy ngược về sau đuổi theo. Chỉ cần men theo khe núi tìm kiếm khoảng mấy cây, đã phát hiện mười mấy tên lính vũ trang Miến Điện đang bị lạc đường bởi mùi hương của rừng sâu. Không những vậy, bọn họ chạy chẳng được bao xa, thì cũng moi ra mấy quả trứng mẫm xà trong huyết đá, hóc cây gần đó. Sau khi bọn họ nuốt chửng trứng vào bụng, đĩa chứa trong cơ thể càng lớn nhanh gấp bội, chẳng bao lâu đã hút hết não tủy và tinh huyết quanh người.

Tư Mã Khôi nhìn thấy xác chết của mấy tên Miến Điện, thực sự cảm thấy thất kinh khiếp đảm. Núi Dã Nhân hiểm nguy mai phục tứ bề, tuy rằng bản thân đã thoát khỏi kiếp nạn này, nhưng cũng không biết còn có bao nhiêu hung hiểm đang chờ đợi ở phía trước. Anh lo lẫn lạc mất mấy kẻ sống sót trong đội thám hiểm, nên chẳng thể bận tâm đến mấy

xác chết ấy thêm nữa, liền vội vã quay đầu trở lại tìm hội Tuyết và La Đại Hải, đồng thời thuật lại bi kịch của đám lính Miến Điện cho Ngọc Phi Yến nghe.

Ngọc Phi Yến đã liệu định trước, sau khi mấy người Miến Điện kia bị trúng ngải địa, chắc chắn không thể sống mà chạy thoát khỏi núi Dã Nhân, nên chẳng hề ngạc nhiên trước kết cục này. Có điều cô ả vẫn rất cố chấp, tự đánh giá mình rất cao, không bao giờ chịu gục ngã, giờ đây đã chấp nhận phi vụ mạo hiểm này, thì cho dù có gặp sóng gió nguy hiểm lớn hơn nữa cũng vẫn vọng đồ tiếp tục dấn thân vào sâu trong khe núi không lồ của núi Dã Nhân.

Ngọc Phi Yến vẫn nhớ, khi nhìn thấy bức màn sương mù mỏng tang ở nơi sâu trong khe núi, cũng chính là khi có thể bắt gặp di hài voi rừng bất cứ lúc nào, bởi chỉ cần đi theo dấu tích ấy mà tìm “huyết động ma mút”, cũng sẽ đồng nghĩa với việc tiếp cận khu vực nơi chiếc máy bay vận tải không quân Anh bị mất tích. Giờ đây đã giải trừ được hiểm họa địa Campuchia ăn thịt người, thì làm gì có chuyện cô ả chịu đứt gánh giữa đường.

Có điều, tuy rằng thuộc hạ Thảo Thượng Phi của Ngọc Phi Yến bảo toàn được tính mạng nhưng giờ đây đã trở thành phế nhân; đội thám hiểm trước mắt ngoài thủ lĩnh là cô ả ra thì chỉ còn lại một mình gã Gấu trắng người Nga kia mà thôi, nhưng tay ngoại quốc này lạnh lùng tàn nhẫn, trở mặt thất thường, không đáng tin cậy chút nào. Ngọc Phi Yến đã chứng kiến bản lĩnh của Tư Mã Khôi, cảm thấy con người này quả thực tuyệt luân vô song, nhiều điểm hơn người, nên nếu có thể biến anh ta thành người của mình, thì “hàng” trong chiếc tiêm kích vận tải kia coi như đã nằm trong tầm tay. Nghĩ đến đây, cô ả liền quay sang ngọt nhạt với Tư Mã Khôi: “Ôn cứu mạng, tôi không dám nói bằng lời...”

Chưa nghe xong, Tư Mã Khôi đã vội vàng từ chối: “Tàu hỏa có chạy nhanh cũng là do đầu tàu kéo. Cô là thủ lĩnh của chúng tôi, tôi cứu cô là lẽ đương nhiên, không cần phải cảm ơn. Cho dù cô tình nguyện mang thân ra đáp đền, tôi đây cũng chẳng dám nhận.”

Ngọc Phi Yến đang định mở lời, thì lại bị Tư Mã Khôi chặn họng làm cho ê mặt, cô ả không nén được cảm giác vừa thẹn vừa giận, liền nạt nộ: “Anh muốn chết hả?” Nhưng rồi cô ta lại nghĩ lại: “Gã này đối xử với ai mà chẳng ngang ngược, vô lại như thế. Bây giờ là lúc mình đang cần dùng người gấp, thôi thì cứ tạm thời nén giận mà bỏ qua cho hắn”. Thế là cô ả cố gắng áp chế lửa giận, hạ giọng nói: “Anh đã coi tôi là thủ lĩnh, vậy hẹn ước ban đầu của chúng ta, anh còn giữ lời hay không?”

Tư Mã Khôi nghe mấy lời này thì biết Ngọc Phi Yến chưa chịu nhụt chí từ bỏ, mà vẫn muốn tìm tông tích của chiếc máy bay tiêm kích, trong lòng thầm nghĩ: “Tôi cứ tưởng mình chính là một kẻ liều mạng, ai ngờ cô còn bất cần mạng hơn cả tôi. Phi vụ này nguy hiểm quá lớn, chỉ bằng nhân lúc sớm nhận ra tử khí u ám, mình nhanh chóng xù nợ cho xong”.

Thế nhưng Tư Mã Khôi lại nghĩ đến hoàn cảnh trước mắt, quả thực chẳng còn đường lui mà thoát thân, do tình thế thúc ép, cũng đành chui vào đường chết, chỉ hi vọng Ngọc Phi Yến có thể mang theo Karaweik rời khỏi biên giới Miến Điện. Nếu được như vậy, thì bất luận đối phương tiến hay lùi, anh cũng cam tâm tình nguyện dùng tính mạng đền đáp, có điều anh vẫn có ý muốn bàn bạc kỹ lại với hội La Đại Hải rồi mới quyết định.

Tư Mã Khôi dứt lời, liền đi xem tình hình phía La Đại Hải và Tuyệt, hai người bọn họ cũng giống anh, đều chẳng gặp trở ngại gì lớn lắm, chỉ là mất chút máu, cảm thấy tinh thần kiệt quệ, trên người dường như không còn sức lực.

La Đại Hải nhìn thấy Tư Mã Khôi đi đến, thì than thở: “Hôm qua tớ còn hoài niệm mãi về món trứng xốt cà chua ở ‘quán cơm’ Lục Quốc chỗ mình, nhưng bây giờ nghĩ đã thấy tởm, chắc suốt quãng đời còn lại, tớ chẳng dám động đến cái món đó nữa.”

Tư Mã Khôi cũng xoa đầu an ủi bạn: “Thực ra tớ thấy món trứng cũng chẳng có gì ngon bổ, chẳng qua nó chỉ là vật mà gà mẹ bị sảy thai tọt ra mà thôi, từ trước đến nay tớ chả bao giờ thèm động đũa.”

Lúc này, Tuyết vẫn chưa hồi tâm định thần nổi, cô run giọng nói: “Phen này may mà có Tư Mã Khôi. Tôi còn nhớ trong một cuốn sách y học có nói: ‘Ăn lông uống máu vốn là phong tục của người thượng cổ. Giờ đây, người hiện đại chúng ta đã quen với việc ăn chín uống sôi, nếu không trong bụng tất sẽ nảy sinh giun sán, nhẹ thì tổn hao huyết khí, nặng thì mất cả tính mạng’. Hai năm trước, khi tôi theo nhóm đặc vụ hành nghề ở Mandalay, từng chữa trị cho một thiếu niên mười mấy tuổi người bản địa. Thiếu niên đó thân hình gầy như que củi, chỉ có hộp sọ và bụng là phình to khác thường. Khi cậu bé bước đến trước mặt tôi thì đột nhiên đi hơi gập một chút, rồi đầu cậu bé tự dừng từ cổ lặn lông lốc xuống đất, điều kỳ lạ là chẳng hề thấy máu chảy ra. Tôi lại gần kiểm tra thi thể, thì mới phát hiện trong cổ họng cậu bé bò lổm ngổm cơ man nào là đĩa, phần bụng và sọ não còn nhiều hơn. Lúc đó tôi vẫn chưa hiểu chuyện gì xảy ra, sau đó dò hỏi mọi người xung quanh mới hay, thì ra cậu bé thường ăn ốc vớt được dưới sông, nhưng do nấu không kỹ, cho nên đĩa ký sinh trong con ốc đều chui vào cơ thể cậu bé. Giả sử lúc đầu liệu mạng mà cho cậu bé uống chút thuốc độc vừa phải, may ra còn có thể cứu chữa, nhưng chỉ cần đĩa chui vào não hoặc thành hình trong bụng, thì cho dù ngay cả Hoa Đà có tái thế, cũng đành bó tay.”

Tư Mã Khôi không đề cập đến việc mình sử dụng huyền thuật “tướng vật” của tổ tiên truyền lại, mà chỉ nói: “Tôi đây chẳng qua là hạng gà mờ, tay chiêu, còn những loại tà thuật cài đặt khắp nơi ở Thái, Lào, Campuchia v.v... tuy rằng đồn đại nghe có vẻ vô cùng quái dị, kinh khủng nhưng chỉ cần lật tẩy căn nguyên, tìm được cách khắc chế đối phó thì trong đó chẳng còn gì đáng gọi là bí mật nữa.”

Tuyết nghe xong, vẫn thán phục không ngớt, cô hiểu tập tính ký sinh của loài đĩa hút máu, nên nói với Tư Mã Khôi: “Những người từng bị đĩa chúa ký sinh trong cơ thể, khí huyết suy tổn nặng nề, nhưng cũng chỉ cần trục xuất con đĩa Campuchia ăn thịt người đang ký sinh ra ngoài, thì nội tạng mấy ngày gần đây, không cần lo sợ trong bụng lại nở ra đĩa. Giờ đây, những vũng tù trong rừng rậm không còn uy hiếp chúng ta được nữa nhưng cơn bão nhiệt đới Buddha có thể ập đến bất cứ lúc nào, nên

nếu còn chân chừ ở lại trong núi thì sớm muộn cũng bị nước lũ nuốt chửng. Vậy tiếp sau đây nên đi đâu về đâu, chúng ta phải mau chóng quyết định mới được.”

Tư Mã Khôi gật đầu nói, tiêu trừ được địa Campuchia ăn thịt người chẳng qua là tạm thời khắc chế một trong số vô vàn nguy hiểm tiềm ẩn ở núi Dã Nhân. Chỉ riêng hiểm họa này cũng đã đủ khiến hơn tám mươi phần trăm thành viên của đội thám hiểm phải bỏ mạng, nên nếu tiếp tục truy lùng tông tích chiếc máy bay không quân Anh dưới vực sâu khổng lồ, e rằng sẽ còn phải trả giá đắt hơn. Thế nhưng hiện nay thời tiết chuyển biến ác nghiệt, môi trường cũng càng ngày càng trở nên phức tạp, cho dù có quay về theo đường cũ thì cũng không chắc an toàn thoát thân, nên chỉ còn cách chặt đứt đường lui, quyết tâm tiến lên phía trước, liều mạng sống chết một phen, may ra mới có cơ hội thành công.

La Đại Hải cũng thêm vào: “Mấy năm ở Miến Điện, chỉ toàn làm mấy việc thất đức đốt nhà, giết người, chưa từng chính thức giúp đỡ bất cứ ai, bây giờ gặp cơ hội hiếm có, Hải nguyện tôi đây đương nhiên chẳng còn lời nào phải bàn thêm.”

Sau khi ba người đã quyết định đâu vào đấy, Tư Mã Khôi liền đi đến nói với Ngọc Phi Yến: “Bốn người bọn tôi đều là những kẻ một thân một mình, chẳng có ai phiền lụy, níu kéo, thôi thì cứ theo cô đi một hơi đến tối cho xong.”

Ngọc Phi Yến liền cất lời cảm tạ: “Cám ơn các vị không chê cười và cũng cảm ơn tấm thịnh tình sâu sắc của quý vị, chỉ có điều hi vọng các vị quân tử nhất ngôn về sau không được thay đổi, trở mặt. Từ giờ phút này, chúng ta là những kẻ cùng hội cùng thuyền, hoạn nạn có nhau.”

Cô ả thấy con đường phía trước ngập tràn chông gai, gian nan, nên không dám lơ là, đoạn lệnh cho mọi người mau chóng chỉnh đốn hành lý còn sót lại. Khi đi vào núi, đội thám hiểm mang theo lượng lớn trang thiết bị, nhưng trong lúc hỗn loạn, tan rã đã làm thất lạc không ít, điện đài cũng bị bình phun lửa thiêu hỏng. Giờ đây sắp xếp lại hành lý, vì

chẳng còn mấy chân khuôn vác người Miến Điện, nên mọi người đành cố gắng mang càng gọn nhẹ càng tốt, những gì có thể bỏ lại đều bỏ lại hết.

Gã Gấu trắng người Nga tự chắt lên vai một túi to, nhét đầy “dây dẫn, ngòi nổ, thuốc nổ, khoan hơi”. Tư Mã Khôi cảm thấy dưới lòng đất trong khe núi sâu có sương khí che chắn tầm nhìn, những thiết bị chiếu sáng là vật không thể thiếu, nên nhét thêm mấy cái đèn halogen, đèn pin tụ quang, pin đèn, pháo tín hiệu, pháo sáng v.v... nhét vào túi, những người còn lại đều chỉ mang những loại vũ khí cần thiết và lương khô dạng bánh.

Ngọc Phi Yến bảo La Đại Hải mang nốt chiếc bình phun lửa còn lại để phòng bất trắc, nhưng La Đại Hải một mực không chịu, nói: “Bọn tôi lúc đánh Lashio, khi xuống Lalaung, đột phá vòng vây ở Ayeyanvady, tắm máu Mandalay, có trận đánh lớn nào chưa từng trải qua? Trong rừng sâu tuy đầy nguy hiểm, nhưng chỉ cần dựa vào bản lĩnh chính mình và dao súng trong tay, cũng đủ để đối phó với chúng, chứ cần gì đến bình phun lửa. Hơn nữa, nếu lỡ ra món đồ chơi ấy mà phát nổ, thì Hải ngọng tôi chẳng phải số xui tận mạng hay sao? Cô cứ nhìn mấy vị bị nó thiêu sống thành tro lúc nãy mà xem, đến hình hài cũng chẳng nguyên vẹn, e rằng xuống tới âm tào địa phủ, ngay cả Diêm Vương cũng chẳng thể nhận ra họ là ai. Nếu cô còn cứ khăng khăng bắt tôi vác nó, thì chẳng thà cứ cho đạn lên nòng ‘pằng’ một cái là xong. Bắn vài phát cùng lắm trên người cũng chỉ mọc thêm vài cái lỗ, chết như vậy tôi còn thấy nhanh gọn hơn nhiều.”

Ngọc Phi Yến không ngờ mới nói đã bị đáp trả một thôi một hồi như thế, đành phải gạt bỏ ý định ấy đi.

Lúc này Thảo Thượng Phi nằm trên mặt đất đã khôi phục lại một chút thần trí, sau khi hỏi rõ tình hình, gã biết nếu bị bỏ rơi một mình ở nơi rừng sâu núi thẳm này thì khó mà tránh khỏi cái chết. Gã lật bật cầu xin van nài thủ lĩnh, gắng sức vất ra vài chữ từ kẽ hai hàm răng: “Cầu xin thủ lĩnh mở lòng từ bi, cho tôi bảo toàn cái mạng già này...”

Tuyệt không nỡ bỏ rơi Thảo Thượng Phi, mặc kệ gã tự sinh tự diệt, nên không đợi Ngọc Phi Yên đưa ra quyết định, cô đã tự mình dùng dao cắt hai đoạn dây rừng, tận dụng áo mưa và dây thừng, chế thành chiếc cang tạm thời. Cô cùng Karaweik, hai người khiêng hai đầu cang nhấc bổng Thảo Thượng Phi lên, xong xuôi mọi việc mới chịu khởi hành.

Mọi người tiếp tục tiến về con đường ngoằn ngoèo tựa mê cung ở phía trước khe núi. Từ xưa đến nay, không biết bao nhiêu con voi rừng Miến Điện từng in dấu chân qua nơi này để bước vào huyết động vùi xương của tổ tiên, trong đó có nhiều con vì năm dài sức yếu, hoặc bị hại trong rừng nên đã gục ngã giữa đường. Những hóa thạch xương cốt còn sót lại đó, chính là những tấm biển chỉ đường liên tục cho đội thám hiểm lần mò đến vị trí huyết động ma mút.

Hội Tư Mã Khôi lần theo dấu vết của hài cốt voi rừng, đi khá sâu vào trong khe núi, đột nhiên từng cơn gió núi âm u lạnh buốt thổi đến. Ngọc Phi Yên tự lẩm bẩm trong miệng: “Bão nhiệt đới đến rồi...” và chỉ thấy màn sương mờ trong khe núi vén ra một nửa, khiến tầm nhìn trở nên khoáng đạt hơn nhiều. Mọi người dừng bước thăm dò tứ phía, thấy trong lòng núi có rất nhiều huyết động liên thông với nhau, trong động chất chồng cơ man nào là xương voi, chúng đè lên nhau tầng tầng lớp lớp. Đồng xương voi đó đã tích tụ từ bao đời, cao ngất ngưỡng như những ngọn đồi, xương và ngà đan cài, xen kẽ lẫn lộn.

Nơi sâu nhất trong huyết động ẩn chứa cửa đá, địa đạo, mặt đá được mài nhẵn nhụi, bằng phẳng như loại đá vùng Đại Lý, gần như tất cả mọi nơi đều trang trí bằng những bức phù điêu, tạo ra từ những vết tích dây leo và rễ cây xâm thực vào khe nứt của bức tường, có thể thấy nó đã có từ hàng ngàn năm trước, nhưng không rõ vì nguyên do gì mà tất cả những bức phù điêu đó đều bị cố ý phá hủy hoàn toàn, chẳng hề lưu lại chút thông tin nào cho hậu thế đọc hiểu. Những bộ phận bị cố ý phá hoại dường như là một bức bình phong dày dặn chắc chắn, gạt không đi, không sạch, ngấm che giấu những “bí mật” vô cùng vô tận của núi Dã Nhân.

Con đường địa đạo ăn thông ra ngoài núi, tận cùng là một cánh cửa bằng đá đã bị sụp mất một nửa, phía ngoài mọc đầy cây cối um tùm. Những cây cổ thụ không hoa không trái cao to lừng lững một vòng tay ôm không xuê, tán lá rủ xuống đất. Từ phía sương khí quánh đặc bay là là, khiến tầm nhìn bị hạn chế chỉ quan sát được xung quanh trong vòng mười bước. Đứng giữa mê cung thiên nhiên này, bạn dễ nảy sinh cảm giác không biết mình đang ở chốn nào. Nghe tiếng sấm rền nổ ì ùng giao hòa lẫn nhau, thì biết cơn bão nhiệt đới Buddha đã bắt đầu những đợt tấn công đầu tiên.

Màn sương mù dày đặc bao trùm khắp núi Dã Nhân cũng bị cơn cuồng phong thổi cho tan tác, không gian xung quanh liền chìm vào màn đêm đen thui như ngày tận cùng của thế giới. Tuy những rặng núi nhấp nhô cuối cùng cũng phải tạm thời trút bỏ tấm mạng trắng huyền bí ra khỏi gương mặt, nhưng thay vào đó lại bị mảnh vải đen dày bì nặng nề che phủ kín mít.

Mọi người đành phải giơ tay ra quờ quạng trong bóng tối, dò dẫm từng bước tìm lên chỗ cao hơn. Đúng lúc họ đang leo lên chỗ cao hơn để nhìn xuống xác định vị trí khe núi khổng lồ trong núi Dã Nhân, thì đột nhiên “xoẹt” một tiếng, rồi một dải trắng sáng như băng tuyết, một lần chớp ngoằn ngoèo như rắn lượn vụt lóe lên phía đường chân trời.

Mọi người đều bị giật mình bởi tia sét, bất giác ngẩng đầu nhìn lên, không ngờ lại thấy chiếc máy bay tiêm kích vận tải đang lơ lửng ngay sát khoảng không trên đỉnh đầu. Khoang máy tối mò mò, không một tia sáng, động cơ ở cánh máy bay đã ngừng hoạt động, cả chiếc máy bay giống như một bóng đen im hơi lặng tiếng. Trong cơn cuồng phong vùn vù dưới tầng mây đen, chiếc máy bay vẫn ngang nhiên bay lượn với độ cao rất thấp đến mức không thể thấp hơn được nữa.

Đây quả thực là cảnh tượng ngoài sức tưởng tượng. Dưới điều kiện thời tiết khắc nghiệt như vậy, tuyệt đối không thể có tay phi công nào đủ gan dạ để lái máy bay qua khu vực này, ngoài ra chiếc phi cơ từ trong ra ngoài chẳng hề có ánh sáng, ngay cả tiếng quay của động cơ cũng hoàn

toàn ngưng bật, tất cả đều đen thui, im lìm như thể bên trong khoang chẳng hề có người sống.

Chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi như điện giật, trong ánh sáng chói lòa, trắng lóa của những đường chớp, mọi người thấp thoáng nhìn thấy biểu tượng rắn đen trên thân máy bay. Sấm chớp vụt qua vòm trời cũng chỉ trong thời gian nháy mắt, nên cho dù muốn phân biệt rõ ràng hơn chút nữa, thì xung quanh lại một lần nữa chìm vào màn đêm đen như mực. Chiếc máy bay ma quỷ giống như oan hồn kia cũng vụt biến mất vào bóng tối mênh mông.

Mọi người quá bàng hoàng trước những gì vừa nhìn thấy. Ai nấy đều kinh ngạc đến mức miệng không khép lại được, nửa phút sau mới có thể định thần trở lại, rồi chẳng ai hẹn mà người nào người ấy đều đưa tay dụi mắt, còn cho rằng lúc trước chắc mình bị hoa mắt. Chiếc máy bay tiêm kích vận tải vừa lượn vèo qua đầu khi nãy, trên thân có khắc biểu tượng con rắn đen với hình thù quái dị, rõ ràng hoàn toàn trùng khớp với chiếc máy bay trong ảnh. Nếu phán đoán theo lẽ thường, thì chiếc tiêm kích vận tải rắn đen của không quân Hoàng gia Anh, áng chừng đã mất tích ở núi Dã Nhân vào năm 1948, cách biệt một khoảng thời gian hai mươi mấy năm, làm sao nó có thể tiếp tục bay lượn giữa không trung trong khu vực núi cho đến tận hôm nay?

Khu vực lân cận phần đa đều là những vùng sơn địa thấp nhấp nhô, bị rừng rậm che phủ. Với độ cao khi nãy của chiếc máy bay, thì có lẽ nó phải bị va quệt vào những đỉnh núi, sau đó rơi xuống rừng rậm mới đúng. Thế nhưng nhìn chăm chú một hồi lâu, phía trước vẫn chỉ là màn đêm u tịch, chẳng thấy xuất hiện âm thanh vang trời và ánh lửa ngàn ngụt bốc cháy do chiếc máy bay rơi phát nổ, nó như thể chưa từng thực sự tồn tại, trong bóng tối chỉ nghe thấy tiếng sấm kinh thiên động địa, rền vang khắp núi Dã Nhân.

Hồi thứ năm

STUPA

Sấm vang chớp giạt, chấn động cả vùng núi hoang dã, mây đen dày đặc vùn vù khắp bầu trời, đột nhiên xuất hiện chiếc tiêm kích vận tải lạng lẹ như chiếc bóng u linh, nó lượn qua đỉnh đầu mọi người, rồi phút chốc biến mất trong màn đêm thăm thẳm.

Nhiều lần có người từng nhìn thấy bóng dáng những “con tàu ma” lảng vảng trong khu vực tam giác quỷ Bermuda, rồi cũng có những quả ngư lôi được phóng ra từ tàu ngầm mấy chục năm về trước, đến nay vẫn lờn vờn ngao du trên mặt biển, nhưng từ trước đến nay chưa hề nghe ai nói, trên bầu trời sẽ xuất hiện một chiếc “máy bay ma” đã mất tích từ hơn hai mươi năm trước.

Trên mỏm núi, đội thám hiểm ai nấy đều tròn mắt kinh ngạc nhìn chăm chú, quả thực khó mà tin được những gì vừa nhìn thấy, lẽ nào chiếc máy bay vừa lượn sát mặt đất khi nãy lại đúng là chiếc máy bay tiêm kích vận tải của không quân Anh bị mất tích trong khe sâu khổng lồ ở núi Dã Nhân? Rốt cục nó là thực thể hay u hồn? Hay chỉ là hình ảnh còn lưu lại từ mấy chục năm trước được truyền dẫn qua sóng điện mây mù, giống như chiếc bóng ảo ảnh xuất hiện bởi hiện tượng khúc xạ ánh sáng?

Ngọc Phi Yến thầm hoang mang trong lòng, giờ đây lại không có Khương sư phụ kinh nghiệm lọc lõi ở bên cạnh nên cô ta càng cảm thấy đơn thương độc mã hơn bao giờ hết. Không kìm nổi cô ta liền quay sang hỏi Tư Mã Khôi: “Anh nghĩ vật chúng ta vừa nhìn thấy là vật gì vậy?”

Tư Mã Khôi lắc đầu bảo: “Cô là thủ lĩnh, lại là dân hồi tử trộm mộ, chuyện người sống cô hiểu rõ hơn tôi, chuyện người chết cô cũng thông thạo hơn tôi, bây giờ đến cô còn chả biết thì tôi biết thế quái nào được?”

Ngọc Phi Yến hận Tư Mã Khôi đến nỗi nghiền răng ken két, nhưng cũng không biết phải làm sao đành vót vát: “Bây giờ tôi cũng chẳng có cách gì giải thích, nhưng tôi thấy chiếc máy bay tiêm kích bay trên trời hình như hướng về mỏm núi phía đối diện, chúng ta đành đến đó xem rốt cục nó là gì, rồi phân tích phán đoán sau cũng chưa muộn.”

Tuy chưa đến lúc mặt trời lặn, nhưng dưới ảnh hưởng của cơn bão nhiệt đới cuồng bạo, trên đầu mây đen bủa vây, cả vòm trời đen thui như đít nồi, nên cho dù hai người đứng gần nhau mặt đối mặt, thì vẫn chẳng thể nhìn rõ đối phương, còn những dụng cụ chiếu sáng mang theo người giờ đây gần như không thể phát huy tác dụng. Đội thám hiểm chỉ còn biết mượn ánh sáng lóe lên trong khoảnh khắc ngắn ngủi của những tia sét rạch ngang bầu trời để lần mò qua cánh rừng rậm um tùm, truy lùng theo phương hướng mất hút của chiếc bóng máy bay quái dị, khó nhọc tiến từng bước về phía trước.

Cơn cuồng phong ù ù gầm rít thét gào, cuốn cả cánh rừng nguyên sinh trong núi Dã Nhân vào vòng xoáy của nó, tiếng sấm rền ừng ực ngầm dự báo cơn mưa dữ dội như trút nước sắp tràn về. Dưới sự công kích của cơn bão nhiệt đới hung bạo, gần như tất cả khu vực trong rừng đều trở nên nguy hiểm, bất cứ lúc nào cũng có khả năng xảy ra lũ lụt, lở đất trượt đá.

Thế nhưng căn cứ theo ghi chép của không quân Anh để lại thì khe núi khổng lồ nằm ở phần bụng núi Dã Nhân là một nơi có địa hình tương đối hiểm có. Nó vốn là hẻm núi được hình thành do lòng núi khô cạn bửa ra làm đôi. Nếu dùng cách miêu tả trực quan hơn, thì khe núi khổng lồ này chính là một tòa huyết động nằm ẩn sâu dưới lòng đất. Có thể suy đoán, nó được hình thành bởi những mạch nước không ngừng lồm xồm xuống từ hàng triệu năm trước, độ sâu lên đến hàng ngàn mét, hướng chạy của sơn động gần như vuông góc với mặt đất, cửa động tương đối nhỏ hẹp, càng vào trong càng rộng rãi hơn. Đây là một hiện

tượng địa chất vô cùng đặc biệt, nó không dễ bị lũ lụt từ những nơi thấp đổ về. Đối với đội thám hiểm mà nói, trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt như hiện nay, chỉ cần nghĩ cách tránh không để đất đá trong lòng núi sạt lở rơi trúng người, thì vào sâu trong lòng động lại là biện pháp an toàn hơn cả.

Ở nơi sâu trong khe núi không lồ, quanh năm sương khí mịt mù, chẳng ai rõ rốt cục đám sương mù dày đặc đó là thứ gì, càng không rõ căn nguyên xuất hiện của nó. Mấy chục năm trước, chiếc tiêm kích vận tải của quân đội hoàng gia Anh rơi xuống núi, lại vừa vụn nát tích trong biển sương mênh mông. Khi ấy, do ảnh hưởng của việc thay đổi thời tiết, vị trí của mây mù xuống tương đối thấp, có thể thấp thoáng nhìn thấy cửa động sâu hun hút của khe núi, vậy mà trải qua một quãng thời gian dài, lượng sương mù từ nơi sâu trong khe núi đã trào ra, phủ kín khắp phạm vi mấy chục cây số vuông, thành ra rất khó phán đoán vị trí của nó một cách chuẩn xác.

Đội thám hiểm do Ngọc Phi Yên dẫn đầu, vốn định thông qua con đường Stilwell để tiếp cận khe núi, như vậy sẽ tránh được những trở ngại do các nhân tố tự nhiên bao vây phía ngoài núi Dã Nhân gây nên, rồi từ huyết động dưới lòng đất tìm kiếm lối ra bị sương mù che khuất.

Kế hoạch là vậy, nhưng trong thời gian thực hiện lại có quá nhiều biến cố xảy ra, giờ đây khí hậu thay đổi dữ dội, trong biển cây cối xanh mênh mông, lại càng khó phán đoán chính xác phương hướng. Cả đội đành phải hành sự theo diễn biến tình hình thực tế, tỏa ra truy lùng cái bóng bí ẩn của chiếc phi cơ ma quỷ biến mất sau mồm núi. Đây là đầu mối duy nhất hiện có trong tay, đồng thời cũng là tia hi vọng sống còn của cả đội.

Hai người Tư Mã Khôi và La Đại Hải lần mò từng bước trong rừng rậm đi trước mở đường. Tất cả những gì tầm mắt họ có thể nhìn thấy chỉ là tàn tích của những bức tường thành tan hoang sụp vỡ, trải qua bao bãi bể nương dâu, bị gió mưa xâm thực phá hủy. Tháp cổ đổ nát khắp nơi, chỉ còn lại mỗi cái móng trơ gan cùng tuế nguyệt. Thấp thoáng ẩn hiện dưới bức màn thảm thực vật um tùm dày kín, là một bức tượng điêu khắc

hình đầu người to lớn khác thường nằm đồ ngang trên mặt đất, từ sau những rễ cây cổ thụ đan kết ngoằn ngoèo chồng chéo lên nhau, đôi mắt tượng chiếu ánh nhìn đăm đăm khiến người ta không khỏi cảm thấy rợn tóc gáy.

Càng đi vào sâu, vết tích càng nhiều. Rõ ràng trong những năm tháng xa xưa, đã trôi vào dĩ vãng từ rất lâu, núi Dã Nhân quả thực từng có một thời đoạn lịch sử rất đổi huy hoàng, nhưng rốt cục đó là nền văn minh hiển hách như thế nào? Vì sao lại không hề có bất kỳ tài liệu ghi chép liên quan nào? Và ai, xuất phát vì mục đích gì đã cố tình hủy hoại tất cả những vết tích cổ xưa vốn có thể vén bức màn bí mật che đậy gương mặt thật của nó?

Dân gian Miến Điện còn lưu truyền một thuyết pháp: “Để bảo vệ bí mật chôn vùi trong núi Dã Nhân, người xưa đã cài đặt trùng điệp những cạm bẫy và trở ngại, làm cho bất kỳ kẻ nào có ý đồ rình trộm bí mật này, đều dính lời nguyền tà ác, cho dù chết đi cũng khó lòng giải thoát”. Bởi vậy mà người bản địa sợ núi Dã Nhân hơn cả sợ quỷ, không ai dám lại gần nó nửa bước.

Rất lâu trước đây, Tư Mã Khôi đã sớm nghe đồn về những truyền thuyết này, lúc đó anh còn không tin lắm, nhưng giờ đây khi bản thân cũng lâm vào hoàn cảnh tương tự, thì mới hiểu trong núi Dã Nhân quả thực ẩn chứa quá nhiều bí mật. Tuy anh tham gia quân đội nhân dân cộng sản Miến Điện gần chục năm, nhưng lại không biết rõ lắm về lịch sử cổ đại của Miến Điện, Campuchia. Anh vừa đi vừa hỏi Ngọc Phi Yến ở phía sau: “Theo cô, trong núi có mộ cổ không?”

Ngọc Phi Yến trả lời: “Tôi chưa bao giờ nghe nói trong núi Dã Nhân có huyệt mộ gì cả. Những nước Đông Nam Á như Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào, Việt Nam v.v... đều bị nền văn minh Ấn Độ và Trung Quốc cổ đại ảnh hưởng sâu sắc, nên lăng tẩm các đế vương quý tộc trong lịch sử vô cùng chú trọng đến vấn đề ‘thành phủ thâm u’. Tất cả những di tích mà chúng ta vừa gặp trên đường tuy rằng cổ quái, nhưng không giống với hình dáng những loại tồn tại trong mộ táng, về điểm này, tôi khẳng định không thể nhìn lầm.”

Tư Mã Khôi phán đoán: “Nhưng ngọn núi sâu này lại có vẻ còn thần bí hơn cả thành phủ trong mộ cổ; xem ra việc tìm kiếm chiếc máy bay tiêm kích bị mất tích của quân Anh còn khó khăn gấp nhiều lần so với dự tính. Theo tôi đoán, khe núi không lồ ở núi Dã Nhân quá nửa là tồn tại một vật gì đó mà chúng ta khó lòng tưởng tượng nổi.”

Ngọc Phi Yến cũng có cùng linh cảm như vậy, cô gật đầu nói: “Đúng là một cõi u mê tăm tối, nghe vô thanh, nhìn vô ảnh, thần quỷ khó lường...” đang nói nửa chừng, bất chợt cuồng phong mang theo vô số những giọt mưa to như hạt đậu nành từ giữa không trung xối xả giội xuống, đánh rát cả mặt, làm mọi người không thể ngẩng mặt lên nổi, Ngọc Phi Yến hạ kính chắn gió trên mũ đã chiến xuống, sau đó đưa mắt nhìn lên nơi cao, thúc giục hội Tư Mã Khôi: “Trận mở màn của Stupa đã bắt đầu, nếu các anh không muốn mất mạng, thì phải đi nhanh hơn mới được.”

Tư Mã Khôi biết, trong tiếng Miến Điện, “Stupa” là phiên âm của từ “Buddha”. Nghe nói từ này bắt nguồn từ Ấn Độ, nước lân bang phía tây Miến Điện, chính xác hơn thì đó là tiếng Phạn của người Ấn Độ cổ, nghĩa gốc của nó vốn đề chỉ tháp cổ, còn có nghĩa là ngôi mộ hình vuông hoặc hình tròn, bởi vì tháp ở Ấn Độ đều là những mộ phần để an táng thi hài các bậc thánh tăng hoặc nơi cất đặt xá lị Phật tử. Bởi vậy từ Buddha, ngoại trừ chỉ tháp Phật ra, còn ngầm có một tầng ẩn ý ám chỉ việc “mai táng”.

Chẳng rõ ai đã đặt tên cho cơn bão nhiệt đới đến từ Ấn Độ Dương, di chuyển với tốc độ 140 km/h này là Stupa. Nhưng theo thông lệ từ trước đến nay, phàm những cơn bão có tên hiệu liên quan đến thần phật, thì cấp độ đều không thể là loại nhỏ, nó chắc chắn sẽ mang theo thiên tai với quy mô nhất định. Những nơi bão quét qua đều khiến nhà đổ cửa sập, ngay cả cây cổ thụ ngàn năm tuổi cũng bị nhổ bật gốc rễ, bởi sức tàn phá của nó giống như sức mạnh vô biên của Phật tử, tát bể dãi non, khiến chúng sinh chôn trần gian khốn đốn, không thể chống cự.

Miền Trung và miền Nam Miến Điện là khu vực đồng bằng bình nguyên, thuộc dải khí hậu nhiệt đới gió mùa mang theo mưa lớn, nhưng sang miền Bắc, địa hình bắt đầu thay đổi với hệ thống đồi núi phức tạp, càng ngược về Bắc càng xuất hiện nhiều núi cao vực thẳm, rừng rậm hang sâu. Còn về khu vực núi Dã Nhân, thì hẳn là nơi đường xa núi hiểm, từ xưa đến nay trước sau đều rơi vào trạng thái tuyệt đối kín bưng. Con bão nhiệt đới từ vùng ven biển cập vào đất liền, sau khi xuyên qua vùng bình nguyên rộng lớn ở miền Trung, thì lại gặp sự cản trở của vùng sơn địa, khiến sức gió dần dần giảm xuống, bởi thế nếu là những cơn bão có quy mô nhỏ thì rất khó chạm tới núi Dã Nhân. Nhưng giờ đây, cơn bão nhiệt đới Buddha thực sự đang cuồng bạo, dữ dội chẳng khác chi Stupa, nên núi Dã Nhân Bắc Miến mới đành thúc thủ chịu sự khảo nghiệm hà khắc của trời đất. Thảm thực vật sinh sôi nảy nở um tùm rậm rạp ở đây, cùng với vô số huyết động nông sâu khác nhau đều là những tác nhân khiến địa tầng và lòng núi trở nên yếu ớt khác thường, nên nếu không tìm được nơi ẩn nấp an toàn thích hợp, thì dãy núi cao trập trùng bị rừng nguyên sinh che phủ này sẽ thực sự trở thành mộ địa chôn thây tất cả các thành viên của đội thám hiểm.

Tư Mã Khôi tự biết cân đối thiệt hơn, hiểu rằng không thể lè mề chậm chạp. Anh và Hải ngọng, hai người đội mưa to gió lớn liều mạng phạt đứt những lùm cây bụi dây leo rậm rịt cản đường, gắng sức leo lên các mỏm núi phía trên cao. Tư Mã Khôi cũng liệu định trước, nơi sâu trong khe cốc ở núi Dã Nhân chắc chắn tiềm ẩn vô số hiểm nguy ghê gớm. Trước đây, không biết bao nhiêu nhà thám hiểm và đội cứu nạn đặc phái của quân đội đều bỏ mạng ở trong này. Quân Anh, quân Mỹ hoàn toàn bó tay bất lực với nó. So với đội quân được trang bị vũ khí khoa học tối tân đặc biệt, thì mấy kẻ sống sót vừa may mắn bước ra từ lãnh địa của thần chết như hội anh có thể tìm thấy món hời gì ở nơi đây? Nhưng tình thế ép người ta làm liều, biết rõ đã đi là chẳng còn đường về, nhưng cũng không thể không hô quyết tâm mà ngẩng đầu ưỡn ngực lao vào.

Đội thám hiểm dò dẫm đi từng bước nơi gần đường gờ của mỏm núi. Trong cơn mưa như trút giăng mắc mịt mù khắp cánh rừng, mượn ánh sáng của sấm chớp, mọi người nhìn thấy lòng núi dưới chân gò đội

lên như hình nón, Trong khi chóp nón giống như bị ai đó phạt dứt, lộ ra một hẻm núi khổng lồ, rộng rãi, sâu hun hút. Vết nứt không theo quy tắc vươn dài ra hai đầu Nam Bắc, dài đến mười mấy cây số, chỗ hẹp nhất cũng rộng không dưới mấy trăm mét, giống như một cái miệng rộng ngoác, đen ngòm đang há to trên bề mặt núi, giống như cánh cửa thông với địa ngục đang mở ra ngay trước mắt.

Phân lộ ra trong lòng núi là những tầng nham thạch màu xanh đen, treo lủng liểng vô số loài dây leo, khiến nó trông càng sắc sỡ và quái dị hơn. Mưa gió từng cơn liên tục nối tiếp, đã khiến màn sương mù dày đặc trào ra từ lòng đất bị tiêu tan hoàn toàn, nhưng ở nơi sâu trong khe núi khổng lồ của núi Dã Nhân vẫn miên man mây mù, u tối mênh mông, chẳng thể nhìn thấy đáy.

Trước đây, mọi người không chỉ một lần thử tưởng tượng xem khe núi khổng lồ trong núi Dã Nhân, nơi chiếc máy bay tiêm kích bị mất tích, rốt cục trông như thế nào, nhưng nghĩ đi nghĩ lại thì chẳng qua cũng chỉ hình dung nó là một hẻm núi sâu trong lòng núi, chắc chắn không thể hùng vĩ nguyên thủy như hẻm núi Grand Canyon ở Mỹ, cũng không thể khí nuốt vạn tượng như thung lũng Great Rift ở châu Phi, chỉ có điều nó là một huyết động nằm sâu dưới lòng đất và hướng chạy dựng đứng mà thôi.

Thế nhưng đến tận thời khắc này, khi mọi người mạo hiểm băng qua làn mưa như thác đổ, đứng trên mép vực của khe núi, họ mới thực sự cảm nhận một cách sâu sắc về địa thế đáng sợ, nguy hiểm tột cùng của nó. Những người từng tận mắt chứng kiến, đều không thể không kinh hoàng, bởi đứng trước nó sẽ khiến bạn vô thức nảy sinh ảo giác như thể đang đứng trước vực thẳm sâu vạn trượng, và chỉ cần nhìn lâu một chút sẽ lập tức hoa mắt chóng mặt, dường như dưới lòng đất có một thế lực khủng khiếp vô hình nào đó đang tồn tại, khiến người ta lạnh thấu tim phổi. Đó là cảm giác chấn động bàng hoàng khó có thể diễn tả bằng lời, là sự trống rỗng từ một nơi xa xôi, sâu thẳm nào đó trong linh hồn, là nội hàm to lớn không thể đo lường.

Hồi thứ sáu

ÁNH SÁNG CHÓI LÓA

Cùng với sự xâm lấn của cơn bão nhiệt đới Buddha, mưa gió càng ngày càng trở nên hung bạo. Quần thể thực vật trong rừng rậm nguyên sinh phân bố cao thấp, giao hòa vào nhau, một số thân cây có rễ ăn nông trên mặt đất, độ bảo vệ và bám víu không được chắc chắn lắm, liền bị cuồng phong thổi bật gốc, hoặc nếu không cũng bị phạt đứt ngang thân, một số thực vật khác to lớn lực lưỡng, sức sống bền bỉ dẻo dai hơn thì cũng bị cuồng phong quật nghiêng ngả theo luồng gió cuốn. Giông tố cuồng phong và sấm vang chớp giật gầm réo khắp không trung, nuốt chửng tất cả âm thanh dưới vòm trời.

Hội Tư Mã Khôi đứng trên mép hẻm núi, tay bấu chặt lấy mấy thân cây cổ thụ to đến một vòng ôm không xuể trên mỏm núi, nằm rạp người đưa mắt ngó xuống đáy hẻm núi, thì cảm thấy mưa gió mỗi lúc một mạnh hơn. Trận mưa này đúng chẳng khác nào đổ nước biển Đông, trút sông Ngân Hà, mỏm núi giờ không còn là chỗ có thể trú chân an toàn được nữa. Nhờ vào ánh sét sáng trắng rạch ngang bầu trời, họ có thể nhìn thấy dây leo bám chằng chịt vào bức tường cổ trong lòng hẻm núi, vách treo dựng đứng, hướng đi gần như vuông góc với mặt đất, nơi sâu nhất mây mù dày đặc mênh mang, hoàn toàn che khuất tầm nhìn. Dây thừng đội thám hiểm mang theo chỉ có hạn, mà cho dù buộc tất cả dây thừng lại với nhau, rồi thả xuống lòng huyết động sâu không thể lường này, thì chắc chắn cũng chẳng thể vươn tới đáy.

Đang đợi tìm một chỗ có thể trèo xuống, nào ngờ chiếc cáng mà Tuyệt và Karaweik đang khênh không chịu nổi sức gió, vừa bị cuồng

phong tạt một cái, phút chốc đã căng như cánh bướm. Thảo Thượng Phi đang nằm trong cạm, người gầy khô chỉ còn lại nắm da bọc xương, chẳng địch lại nổi, nên một trận cuồng phong quét qua đã khiến cả người lẫn cạm đều bị cuốn vào không trung, nhẹ như cánh hoa bay theo chiều gió.

Tư Mã Khôi phát hiện chiếc cạm tuột ra khỏi tay Tuyết, ngay sau đó nhìn thấy một bóng người vụt qua trước mắt, liền vội vàng giơ tay định bắt, nhưng lại tóm hụt. Trong cơn cuồng phong giống tổ mà cơn bão nhiệt đới Buddha mang tới, trước mắt anh chỉ nhìn thấy một màn đêm đen đặc, trong chớp mắt đã chẳng nhìn thấy thân thể Thảo Thượng Phi rơi về phương nào. Tư Mã Khôi khẽ thở dài, lòng thầm nghĩ: nếu có trách thì chỉ biết trách cái tên Thảo Thượng Phi đặt không hay, kiếp sau có lẽ nên đổi là “Chùy Ngân Cân” mới thỏa đáng.

Lúc này, khu vực gần mép núi đã chẳng thể trú chân được nữa, may mà còn nhìn rõ địa hình, nên mọi người đang định đội mưa gió rút lui xuống sườn núi để tìm một nơi nhỏ hẹp bằng phẳng hơn tiến xuống đáy hẻm núi. Nhưng dưới áp lực của gió bão hung dữ, ngay bước chân cũng không di chuyển nổi, cả cây cỏ thụ đang bám víu cũng bị gió thổi ngã nghiêng như muốn đổ gục, thì tình thế giờ đây đúng là tiến thoái lưỡng nan.

Ngọc Phi Yên nhận thấy ở trên núi quá nguy hiểm liền vội vàng huých Tư Mã Khôi, ra hiệu cho mọi người phải tức khắc mạo hiểm bò xuống dưới khe núi. Tư Mã Khôi cũng biết đây là kế sách duy nhất có thể thực hiện trong lúc này, liền nắm lấy tay Karaweik, bảo cậu bé hãy theo sát mình, rồi tóm lấy một sợi rễ cây cỏ thụ to như cánh tay người, từ từ tụt xuống dưới.

Lòng khe núi tuy cũng chịu ảnh hưởng bởi cơn bão nhiệt đới, nhưng dưới tác động của địa hình đặc biệt, ở nơi sâu có những dòng khí đối lưu quanh năm lượn vòng khiến mưa gió khó lòng xâm nhập vào bên trong. Từ vách đá bò xuống mấy chục mét, anh đã không còn cảm thấy tiếng gió thổi ù ù trên mặt đất, lượng mưa cũng giảm đi khá nhiều.

Tư Mã Khôi xuống đến độ sâu ngoài trăm mét thì nhìn thấy sương khí dưới chân đặc quánh ngưng tụ, nên nếu còn xuống sâu hơn, thì sẽ lọt vào đám sương dày mênh mông. Loại sương mù dày đặc này lại lịch bất minh, tuy bản thân sương mù hoàn toàn vô hại đối với cơ thể con người, nhưng nó cũng khiến những chất ô nhiễm trong không khí không dễ thoát đi, nên rất có khả năng sẽ trở thành “sương mù sát nhân” khiến con người tử nạn.

Tuy cơn bão nhiệt đới Buddha khiến khí hậu thay đổi theo chiều hướng xấu, thổi tan tác đám sương mù trào ra từ lòng đất ở núi Dã Nhân, sương mù trong khe núi không lồ cũng chịu sự áp chế của cơn giông tố, dần dần hạ thấp xuống với tốc độ chậm chạp, nhưng trong huyết động vẫn hoàn toàn bị mây mù che phủ kín mít, nông sâu khó lường. Trong màn sương bí ẩn ngưng tụ không thể tiêu tán, tử khí bốc lên nặng nề, không rõ ẩn chứa những hung hiểm gì. Cho dù chiếc tiêm kích vận tải đúng thật rơi xuống chỗ này, nhưng nếu đội thám hiểm phải đi vào màn sương mù hạn chế tầm nhìn đến cực độ, tiến hành tìm kiếm khắp khu vực rộng lớn, sâu hút như vậy, thì cũng chẳng khác nào mò kim đáy biển, cơ hội thành công quá đổi mờ mịt, mong manh. Không những vậy, suốt chặng đường mệt mỏi muốn đứt hơi, mọi người đi đến đây đều sức cùng lực kiệt, đều cảm thấy khó có thể gắng gượng thêm được nữa.

Ngọc Phi Yến thấy đội thám hiểm đã thoát khỏi sự tấn công của cơn bão nhiệt, vào đến lòng khe núi, và theo tình hình lúc này thì nên dừng chân hạ trại, không nên gấp gáp quá, kéo cuối cùng lại hóa công cốc. Nghĩ vậy, cô ả bèn bảo mọi người ngừng chân nghỉ ngơi, đợi khi đám sương bí ẩn kia xuống thấp hơn nữa mới tiếp tục hành động.

Ở giữa hai vách đá trong lòng sơn cốc, mọi người tìm thấy một cái động lõm bị dây leo rừng phủ đầy, độ nông sâu rộng hẹp vừa đủ để mấy người bọn họ chen chúc chui vào nhóm một đống lửa, hong khô quần áo vừa ướt sũng nước mưa, đồng thời lấy lương khô ra ăn lót dạ. Bên tai họ vẫn nghe thấy tiếng mưa rơi ào ào, trong những khe đá sát bên cạnh vẫn vọng lại tiếng gió càn quét ù ù. Cả đội trú chân ở nơi hiểm dữ “đầu

không chạm trời, chân không chạm đất”, trong lòng không khỏi thót tim quặn bụng, làm sao có thể yên tâm nghỉ ngơi.

Trong thời gian một ngày ngắn ngủi Ngọc Phi Yến liên tục bị tổn thất mấy thuộc hạ đắc lực, đau đớn như bị chặt mất tay trái tay phải, nên trong lòng đương nhiên không tránh khỏi cảm giác đau buồn, hoảng loạn, cô ảm đạm nghĩ thấy giờ đây bên mình chỉ còn lại mỗi gã Gấu trắng người Nga, mà người này vì tránh né sự thống trị của bức màn sắt Nga - Xô Viết, mới chạy lưu vong sang dải đất Đông Nam Á. Gã từng ở địa phận vô chính phủ giữa ba nước Miến Điện, Campuchia, Thái Lan - bán mạng cho quỷ dữ để trông anh túc. Việc giết người đối với gã đã trở thành bản tính, bởi một khi thú tính trỗi dậy sẽ lập tức trở mặt không còn là người. Sau đó do gây ra đại họa, bị người ta cắt mất nửa cái lưỡi, gã mới đành tháo chạy xuống eo biển Malacca, cuối cùng chuyển đến đầu quân làm thuộc hạ của Ngọc Phi Yến, nhưng tính tình vẫn hung tàn, lạnh lùng, tâm địa khó dò, không đáng tin cậy.

Lúc này, người mà Ngọc Phi Yến có thể gửi gắm niềm tin và hi vọng, chỉ có bốn thành viên trong đội du kích cộng sản Miến Điện mà thôi. Lúc đầu cô ảm chỉ định dẫn theo Karaweik - cậu bé có thể tìm thấy con đường U Linh và thông thạo khu vực chôn vùi địa lôi ngầm, nhưng giờ đây, khi ngoái đầu nhìn lại chẳng đường đã qua, cũng may nhờ lôi kéo Tư Mã Khôi vào nhập hội, nếu không hậu quả thực chẳng dám nghĩ đến. Ngọc Phi Yến dự định sau khi mọi việc thành công, sẽ lôi kéo, mua chuộc mấy người này gia nhập băng đảng của mình. Cái cô tinh thông y thuật, giỏi nắn xương tên là Tuyết gì đó, còn có vẻ dễ thuyết phục, chứ hai gã Tư Mã Khôi và La Đại Hải tính tình quái đản, cứng mềm đều chẳng ưa, phải nói thế nào mới khiến họ động lòng đây? Từ trước đến nay, Ngọc Phi Yến là người đa mưu túc trí, rất giỏi lung lạc lòng người, chỉ cần động não một chút, liền nghĩ ngay ra kế sách, nên nhân thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi, liền tìm đầu mối nơi Karaweik trước tiên.

Ngọc Phi Yến phát hiện cậu bé cực kỳ nhát gan, từ khi vào trong khe núi đến giờ vẫn cứ sợ hãi đến nỗi hai hàm răng liên tục đánh cảm cập vào nhau, chẳng mở miệng nói nổi nửa lời, liền rút một miếng ngọc

phỉ thúy hình ống ở trong người ra. Tổ tiên cô ả từng là giai cấp quý tộc giàu có hiển hách, miếng ngọc phỉ thúy này là một trong những báu vật gia truyền của tổ tiên, nếu bỏ nó vào chậu thau đồng đựng đầy nước sạch, nó sẽ phát ra ánh sáng xanh biếc sóng sánh ngập chậu. Miếng ngọc quả thực là vật khác thường, vì nó còn có khả năng giúp chủ nhân tránh tà chặn nạn.

Ngọc Phi Yến cầm miếng ngọc bội, luồn sợi chỉ đỏ vào, rồi đeo lên cổ Karaweik, đồng thời nói cho cậu bé rõ tác dụng thần kỳ của nó.

Tuyệt thấy Karaweik có vẻ ngờ ngác không hiểu gì, thì nói với cậu vật này vô cùng quý giá, bảo cậu phải mau cảm ơn Ngọc Phi Yến.

Ngọc Phi Yến thầm đắc ý trong lòng, đang định nhận Karaweik là đồng hương, rồi nhân cơ hội này khiến hội Tư Mã Khôi thu nạp mình vào nhóm.

Ai ngờ, Tư Mã Khôi nhìn cũng chẳng thèm nhìn miếng ngọc phỉ thúy gia truyền của cô ả lấy nửa lần, quay ngoắt sang hỏi Ngọc Phi Yến: “Không có công lao mà nhận bổng lộc, e rằng ăn không ngon, ngủ không yên rồi. Thằng nhóc Chủ Nhật này là anh em của tôi và La Đại Hải, cô tặng cho nó vật quý giá như vậy, thì bọn tôi cũng phải tặng lại cô một vật mới phải đạo chứ.”

Ngọc Phi Yến biết thái độ này của Tư Mã Khôi tức là anh không chịu nhận lễ, đang ngầm tỏ ra bất cần, liền thầm nghĩ: “Gã tiểu tử này trên người có vật gì đáng đem ra so sánh với miếng ngọc gia truyền của tổ tiên nhà mình, mà dám mặt dày mang ra đáp lễ?”

Tư Mã Khôi đọc được ý nghĩ của cô ả, liền bảo: “Đừng coi thường người ta quá đáng như thế, chớ quên thuyền rách cũng còn có ba ngàn cái đinh, gia tộc họ Thắng nhà cô có món đồ chơi gia truyền thì chúng tôi cũng có vật ông bà cụ kị để lại chứ,” nói xong liền quay sang La Đại Hải liếc mắt ra dấu, ý bảo hãy lôi vật nhà mình ra cho Ngọc Phi Yến được mở rộng tầm nhìn.

Từ trước đến nay La Đại Hải và Tư Mã Khôi làm việc rất ăn ý nên Đại Hải vừa nghe đã gật đầu tỏ ra hiểu việc, rồi lộn toàn bộ các túi trái phải trước sau trên người, cuối cùng cũng lôi ra được một cây móc ngoáy tai bằng đồng có khắc hoa văn, xem ra có vẻ như là sản phẩm thủ công bản địa của người Miến Điện. Vật đó tuy nhìn khá tinh xảo, màu sắc có vẻ cũng đã lâu năm, nhưng ngắm thế nào thì cũng vẫn là loại hàng chợ, nếu mang ra đặt ngang hàng với báu vật hiếm có khác thường của Ngọc Phi Yến, quả thực trông rõ rẻ tiền, kém phẩm chất. Vậy vật này thì có giá trị gì? Nếu lỡ rơi trên đường, sợ rằng cũng chẳng có ai thèm nhặt.

Tư Mã Khôi thấy Ngọc Phi Yến nhìn chiếc ngoáy tai bằng đồng với con mắt đầy vẻ khinh thường miệt thị, thì vờ cười nhạt một tiếng, nói với cô ả: “Thủ lĩnh! Chắc cô không hiểu về hàng họ lắm thì phải. Có phải cô cho rằng vật trong tay anh em bọn tôi chẳng đáng hai hào mua cái phao câu gà không? Tạm thời chưa vội luận bàn đến việc đắt rẻ, nó thực sự không phải vật tầm thường đâu. Cũng bởi vì cô không biết đáy thôi, chứ lúc cuối đời Thanh đầu những năm Dân quốc, nó được mang ra từ đại nội hoàng cung đấy. Bao nhiêu năm qua, nó là bảo vật nhét đầy hòm nhà Hải ngọng, nếu chẳng phải đem tặng cho nhân vật có thân phận cao quý như cô, thì chúng tôi có sống chết gì cũng chả chịu mang ra đâu.”

La Đại Hải ở bên cạnh cũng giúp đánh trống gõ mõ, hai khước mắt hoe hoe đỏ như thể đang xúc động dạt dào, nuốt nước mắt khuyển can Tư Mã Khôi: “Người anh em! Tớ suy đi tính lại vẫn thấy không nỡ xa rời nó, chúng ta làm như vậy thực sự... thực sự rất có lỗi với tổ tông đó,” nói đoạn liền định lấy vật đang ở trong tay Tư Mã Khôi mang đi.

Ngọc Phi Yến vốn dĩ cho rằng Tư Mã Khôi đang định giở trò với mình, nhưng nhìn sắc mặt trịnh trọng của bọn họ, quả không phải giả vờ, chẳng lẽ mình lại nhìn lầm thật, nhưng xét cả tình và lý thì đều nói không thông, chỉ đành hỏi lại: “Làm sao trong hoàng cung lại có loại hàng chợ này?”

Tư Mã Khôi cố tình ra vẻ bất lực nói: “Chúng tôi biết đến đâu thì nói đến đấy; hôm nay tôi kể lai lịch gốc gác của nó cho cô biết cũng

chẳng hề gì, nhưng cô tuyệt đối không được loan truyền ra ngoài, vì đây chẳng phải chuyện gì vẻ vang cho lắm.”

Ngọc Phi Yên càng cảm thấy khó hiểu hơn, bên trong còn có thể ẩn chứa chuyện gì không rõ ràng nữa đây? Rồi nhìn thấy Tư Mã Khôi thò tay chỉ La Đại Hải, và trầm giọng nói với cô: “Chẳng giấu gì cô, cô đừng thấy Hải ngọng nói giọng Đông Bắc mà cho rằng cậu ta là người Đông Bắc, kỳ thực tổ tông mấy đời nhà Hải ngọng đều là người Bắc Kinh đấy, mà dưới gốc rễ hoàng thành Bắc Kinh từ trước đến nay đều là nơi ngọa hổ tàng long, loại cao nhân nào mà chẳng có? Ông nội nhà Hải ngọng cũng không phải nhân vật tầm thường, mà là vị đại thái giám cuối cùng của vương triều Mãn Thanh, tên là Tiểu Đức Trương. Còn về vật này thì lai lịch càng không phải bàn, đó là vật ông nội Tiểu Đức Trương thuận tay dắt bò - tiện cầm luôn ra ngoài, lúc theo hoàng đế Phổ Nghi rời khỏi Tử Cấm Thành đấy.”

La Đại Hải nghe xong suýt nữa thì ngất xỉu, chửi thề trong bụng: “Tiên sư thằng Khôi, cậu đúng là đồ bụng đầy nước bẩn, thấy lời là chiếm, tớ đêch thấy ai thất đức hơn cậu, có ông nội nhà cậu mới là thái giám ấy!”

Nghĩ là nghĩ vậy, chứ đến nước này thì anh cũng đành tiếp tục nhẫn nhịn, thở dài than vãn với Ngọc Phi Yên: “Cô nghe người ta nói thế cũng chẳng sao, nhưng đã nghe thì phải nghe cho rõ đầu cua tai nheo, thực ra nội tôi, ông già chẳng phải hạng trộm cắp tiện tay lấy đồ của người đâu, chỉ là muốn lưu lại chút kỷ niệm, cái này gọi là làm người không được quên gốc gác. Sau khi nước Đại Thanh của chúng ta không còn, ông già ngày nào cũng lôi cái ngoáy ráy tai này ra lạy đủ ba lạy, khấu đầu đủ chín cái. Ông già vào cung từ lúc sáu tuổi, hầu hạ thái hậu và hoàng thượng quá nửa đời người, mãi đến lúc chết vẫn chưa quên tận trung với chủ đấy...” nói đến câu cuối cùng, dường như hoài niệm lại chuyện cũ, cảm xúc dâng trào đến nỗi giọng cậu nghẹn lại chẳng nói thành lời.

Tư Mã Khôi liền vội vàng cắt lời an ủi: “Nô tài mà làm được đến như vậy, thì cũng coi là chẳng còn gì phải hổ thẹn với chủ nữa rồi.”

Ngọc Phi Yên nghe đến đây thì càng sinh nghi: “Ông Tiểu Đức Trương đã là thái giám trong Tử Cấm Thành, hơn nữa lại tịnh thân, vào làm quan lúc mới sáu tuổi, thì làm gì còn sinh con để cháu được nữa?”

Tư Mã Khôi vội vàng che đậy hộ Hải ngóng: “Sau khi công công Tiểu Đức Trương xuất cung, chẳng phải ông ấy vẫn phải thành gia sống nốt quãng đời còn lại sao? Kết quả là ông ấy lấy một cung nữ già làm vợ, rồi nhận nuôi một đứa con trai lúc tuổi già xế bóng, để còn giúp mình dưỡng già đưa ma; tuy không phải cha đẻ, nhưng tình cảm cha con thân thiết chẳng chê vào đâu được, cái đó gọi là ‘không phải ruột thịt, mà còn hơn ruột thịt’. Đây chính là điểm khiến người ta cảm động nhất trong gia đình nhà La Đại Hải đấy cô biết không?”

Ngọc Phi Yên khẽ gật đầu, nhưng trong lòng vẫn còn rất nhiều nghi hoặc không giải đáp được, bèn hỏi: “Vị công công Tiểu Đức Trương đã định lấy một vật trong cung ra ngoài, sao chẳng lấy vàng bạc ngọc ngà, hoặc chí ít cũng là tranh chữ, đồ cổ, mà lại lấy cái móc ngoáy tai mang về giấu dưới đáy hòm?”

Tư Mã Khôi lại khua môi múa mép bịa một hồi, nói: “Cô đừng coi thường cái móc ngoáy tai bằng đồng chính hiệu này nhé, nó thực tế không hổ danh là quốc bảo đâu, vì sao ư? Bởi vì nhìn một vật cổ, cô không thể phán đoán nó sang hèn dựa vào chất liệu, mà trước tiên phải xem giá trị lịch sử, thứ đến mới là giá trị nghệ thuật của nó.”

Nghe nói từ thời Đại Minh, Hồng Vũ Đế nổi dậy, tắm máu trăm trận, cuối cùng cũng đẩy lùi nhà Nguyên về phía bắc sa mạc Gobi, phục hồi sơn hà Đại Hán chúng ta; sau loạn Yên Vương dẫn quân tạo phản, Hán Chiêu Đế giành được ngôi báu rồi dựng đô ở Bắc Kinh, chăm lo trị quốc, nhờ thế đất nước được hưởng thái bình. Trải qua bao nhật nguyệt vắn vỏi, vật đổi sao dời, việc này gọi là “hoa thơm không thường nở, cảnh đẹp chẳng thường thấy”. Đến những năm cuối triều đại nhà Minh, triều đình thất thế, trong nhiễu ngoài loạn, dân chúng không thể yên ổn sinh sống. Đầu tiên là Đại Thuận hoàng đế Lý Tự Thành lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân lật đổ nhà Minh, bức tử hoàng đế Sùng Trinh ở núi

Môi Sơn, đổi quốc hiệu là Đại Thuận. Thiên hạ bách tính cứ ngỡ từ nay lại được an cư lạc nghiệp, đâu ngờ lại xuất hiện tên Tổng binh Ngô Tam Quế nổi giận vì bị cướp mất hồng nhan tri kỷ, đã mở cửa Sơn Hải Quan cho quân Thanh tràn vào. Đội quân giáp sắt giương cao bát kỳ hành quân như gió cuốn tiến về phía nam, đi đến đâu thắng như chẻ tre đến đó, cứ thế hùng cứ Trung Nguyên, nhưng nước Đại Thanh vẫn dựng đô ở Bắc Kinh, cô có biết vì sao không? Chỉ bởi vì vị hoàng đế Mãn Thanh đó cũng nhìn trúng ý địa hình Bắc Kinh của chúng ta, rõ ràng không phải vùng tầm thường, đất này phía bắc có núi Yên Sơn, phía tây tiếp giáp dãy núi Thái Hành Sơn, phía đông vươn ra biển Bột Hải, phía nam trấn áp núi Hoa Hạ. Quả thật có thể gọi đây là “kim phủ thiên thành”, là nền móng không thể lung lay của vạn cổ ngàn năm.

Từ khi Mãn Thanh làm chủ Bắc Kinh đến nay, liên tiếp mấy đời minh quân thánh chủ, trọng dụng hiền tài, dân no nước mạnh, trọng thị canh nông, bình định mọi cuộc phản loạn, cuối cùng cũng khiến bốn biển thống nhất, muôn dân quy thuận.

Nào ngờ, sau thời Khang Hy, Càn Long trị vì đất nước, lại chẳng ngăn cản nổi sự luân chuyển thịnh suy, thế sự biến đổi, cuối cùng cương triều bại hoại, đại cục hỗn loạn đến nỗi không thể chinh đốn nổi nữa. Mắt nhìn liên quân tám nước tràn vào Bắc Kinh, Từ Hy thái hậu buộc phải bỏ kinh chạy trốn, trên đường khênh kiệu tháo chạy, thời tiết hanh khô, nước non thiếu thốn, mặt trời chói chang xuyên suốt tầng không, tịnh chẳng bóng mây, lão Phật gia trong người bốc hỏa, tai ù mắt mờ, nổi khổ chẳng thể nói thành lời, ngự y chữa trị bằng nhiều phương pháp nhưng vẫn vô hiệu. Đúng lúc sắp sửa hấp hối lìa đời, may mà có một vị cung nữ theo hầu dâng lên thái hậu một cái móc ngoáy tai lung linh tinh xảo - mà nước Xiêm từng cống tặng trước đây. Sau khi được chính tay tổng quản thái giám Lý Liên Anh ngoáy tai lấy ráy ra, mang cục ráy đặt lên bàn cân, thấy nặng hơn hai hoa, Từ Hy thái hậu hạ được nội hỏa trong người, phút chốc cảm thấy tinh thần sảng khoái, tai thông mắt rõ, bởi vậy mà sống lại, trở về Bắc Kinh chủ trương nghị hòa với bọn giặc Tây, ký kết hiệp ước Tân Sửu.

Có thể nói, nếu lúc đó Từ Hy thái hậu không được ngoáy tai, thì bà ta đã chẳng thể bảo toàn tính mạng trở về kinh thành. Nếu bà ta không trở về, thì công cuộc biến pháp năm Mậu Tuất của hoàng đế Quang Tự rất có thể đã thành công, còn ông cũng không cần uất ức đến phát bệnh, để rồi cuối cùng rơi vào thảm cảnh nuốt hận lìa đời. Có ai ngờ, chỉ mỗi chiếc móc ngoáy tai bé tí tẹo, lại trở thành vật chứng lịch sử chứng kiến sự thay đổi biến hóa của phong vân và tình cảnh những năm cuối của thời Thanh bị tước quyền đoạt nước. Chẳng trách sau đó Lý Hồng Chương đại nhân lại cảm thán: *“Nhọc nhân thân ngựa đóng yên cương. Đại sự chưa thành chết còn vương. Ba trăm năm nước nhà suy bại. Chồng chất xác dân rải dọc đường. Thu phong bảo kiếm thâm rơi lệ. Tà dương rọi bóng bức thành tường. Ngoáy tai móc đồng, một báu vật (Nguyên tác vốn là: Phiêu du bốn bể lòng trĩu nặng). Đồng bào ơi hỡi, hãy lên đường.”*

Đến lúc này Ngọc Phi Yến cuối cùng cũng hiểu, thì ra Tư Mã Khôi nói nhiều như thế, chẳng qua chỉ là muốn thể hiện món đồ chơi rách của anh ta có giá trị phi thường, đủ sức ngang hàng với mảnh ngọc bội phi thủy mà mình vừa mang tặng Karaweik. Tấm chân tình sâu nặng, toàn tâm toàn ý phơi ra lại bị gã tát một gáo nước lạnh, đúng là minh châu bảo ngọc rơi vào tay kẻ mù, lòng tốt bị coi là lòng lang dạ sói. Càng nghĩ, cô ả càng tức lộn ruột, không nhịn nổi, đôi hàng lông mày thanh tú dựng đứng lên: “Anh coi thường tôi thế cơ à?”

Tư Mã Khôi thấy Ngọc Phi Yến bị mình chọc tức đến nổi gò má chuyển màu trắng bệch, nước mắt ầng ậng chực trào ra khỏi mi, trong lòng anh cũng không khỏi cảm thấy ái ngại, liền nói thẳng với cô cho rõ chuyện, rồi phân trần: “Cô cứ nhận lấy đi, tuy vật này không thể sánh với những vật cô từng nhìn thấy dưới mộ cổ, nhưng châu châu đã nháy vào chảo mỡ, ít nhiều gì thì cũng thành thức ăn mặn. Hơn nữa, cô cũng đừng tốn công phí sức lôi kéo bọn tôi nhập hội làm gì, bao nhiêu năm nay, chưa có người nào sống sót thoát ra khỏi khe núi trong núi Dã Nhân. Lùi một vịn bước mà nói, cho dù chúng ta thực sự may mắn giữ được cái mạng mà ra được, tôi cũng chỉ hi vọng cô hãy thực hiện lời hứa lúc

trước, dẫn Karaweik cao chạy xa bay, còn về chuyện ba người bọn tôi, cô đừng can thiệp vào nữa.”

Thì ra ba người Tư Mã Khôi, La Đại Hải và Tuyệt trước khi gặp nạn “địa Campuchia” ăn thịt người, đã suy nghĩ rất kỹ, cho dù ba người mình may mắn mang được mạng sống rời khỏi núi Dã Nhân, thì cũng không định trốn ra nước ngoài. Bởi vì sang đó, bản thân chẳng có sở trường, cũng khó kiếm nổi nghề gì nuôi thân, vì kẻ sinh nhai, chắc chắn sẽ bị người khác không chể, sớm muộn gì cũng lại theo Ngọc Phi Yên trở thành dân “hồi tử” trộm mộ.

Nghĩ đến kết cục mà hội Khương sư phụ, Xuyên Sơn Giáp phải nhận, có thể thấy: đúng thực “Người chết vì của, chim chết vì mồi”, bọn họ đều là những kẻ được người ta bỏ nhiều tiền ra thuê, kết quả bị chết oan uổng, bắt mình trong cánh rừng nguyên sinh, đoạt tuyệt với thế giới bên ngoài. Làm những phi vụ mang tính mạng của mình đặt trong túi tiền của thiên hạ như vậy, ai dám đảm bảo một ngày nào đó chẳng gặp vận rủi, rơi vào tay Ma Vương quỷ phủ mà đền luôn tính mệnh. Nếu phải bán mạng cho bọn tài phiệt vì chút tiền bạc, để đến cuối cùng chết nhục nhã chẳng khác nào một con chó, thì chẳng thà cứ vượt biển trở về đất nước, đáng bị bắn thì chịu bắn, đáng bị ngồi nhà đá thì ngồi nhà đá, như vậy còn thoải mái, dễ chịu hơn nhiều.

Ngọc Phi Yên nghe mấy lời của Tư Mã Khôi, con thịnh nộ trong lòng cũng nguôi ngoai đi chút ít, nhưng vẫn còn chưa hết giận, đang lúc định nói với anh câu gì, đột nhiên một âm thanh cực mạnh từ đáy khe núi dội lên, mọi người biết chắc có chuyện chẳng lành xảy ra, liền vội vàng nhào người xuống nhìn. Họ chỉ thấy trong lớp sương mù bí ẩn dày đặc phía dưới sâu, phát ra mấy luồng sáng cực mạnh, vô cùng chói mắt.

Ánh sáng cực mạnh chói lóa, xuyên qua từng tầng sương dày, nhấp nháy, dao động liên tục khiến mọi người hoa hết cả mắt, cùng với đó là âm thanh quái dị cứ “răng rắc răng rắc” như tiếng thân cây cổ thụ mục nát đang bị đồ sập gãy gập, nghe mà sởn gai ốc. Anh ngẫm nghĩ: “Mấy luồng sáng trong sương dày trông chói sáng lóa mắt thế kia, có khi phải mạnh gấp mười lần ánh sáng của đèn chiếu halogen, chắc chắn không

thể là ánh sáng của sinh vật. Lại còn âm thanh giống như tiếng cành cây gãy, rung lên từng đợt dưới khe núi, đang di chuyển đi lên với tốc độ chóng mặt nữa chứ, rốt cục là vật thể gì phát ra tiếng động đó đây?”

Hồi thứ bảy

LAO XUỐNG

Ở nơi sâu khoảng hai ba trăm mét dưới khe núi, bỗng xuất hiện mấy luồng sáng chói mắt phát ra từ đám sương mù dày đặc. Ánh sáng mạnh trong bóng tối dao động bất định, đồng thời dưới lòng đất còn dội lại âm thanh khác thường nghe “răng rắc” như tiếng cành khô gãy vụn, xem động tĩnh thì dường như có một vật gì bên dưới vực sâu đang bò lên với vận tốc rất nhanh.

Tư Mã Khôi đoán định nguồn ánh sáng xuất hiện trong sương mù dày đặc chắc chắn không phải ánh sáng sinh học, bởi những loại ánh sáng do sinh vật hoặc quặng đá phát ra đều thuộc loại ánh sáng lạnh hóa học, thời gian chiếu sáng kéo dài, không tỏa nhiệt. Đối với con người mà nói, đó là nguồn ánh sáng lý tưởng nhất, vậy mà tia sáng dao động trong lớp sương mù mịt kia lại vô cùng chói mắt, những loại đèn chiếu sáng thông thường không thể nào bì được, dường như nó được sinh ra từ nguồn nhiệt quang điện cực lớn. Lẽ nào trong khe núi dưới lòng đất âm u không nhìn thấy mặt trời, hoàn toàn đoạn tuyệt với thế giới bên ngoài này, lại ẩn giấu loại “thiết bị chiếu sáng cực mạnh” có thể hoạt động tốt cho đến tận bây giờ?

Chiếc tiêm kích mất tích gần ba mươi năm. Trong môi trường ẩm ướt, lạnh lẽo thế này, nó cũng sớm bị ăn mòn, hoen rỉ, rách nát chẳng còn hình dạng. Hơn nữa, trên thân máy bay chắc chắn không lắp đặt loại đèn chiếu sáng cực mạnh, bởi thế nguồn sáng phát ra từ màn sương dày đặc, cũng không thể đến từ chiếc máy bay bị rơi vỡ cách đây nhiều năm.

Mọi người kinh hãi tới mức không thốt được thành lời, chẳng ai biết được cái gì sẽ xuất hiện trong đám sương mù. Họ nín thở tập trung nghe ngóng một hồi lâu, chỉ thấy mấy chùm sáng bỗng dưng vụt tắt, đáy khe núi một lần nữa lại trở về trạng thái yên ắng không một tiếng động, như thể chưa từng xảy ra bất cứ việc gì trước đó.

Sở dĩ một việc trở thành nguy hiểm, xét ở một mức độ nào đó là do con người không thể dự đoán trước được chân tướng của nó. Tư Mã Khôi cũng biết gặp những việc đại loại như thế này, chỉ dựa vào phán đoán thì chưa đủ, mà còn phải tận mắt xác thực. Anh và mọi người bàn bạc một hồi, rồi quyết định mình và Ngọc Phi Yến sẽ xuống chỗ sương mù mịt mù dưới kia làm rõ xem rốt cục đó là cái gì. Hai người mang theo vũ khí, trên người buộc đèn led dã ngoại chiếu sáng bằng điốt phát quang hai cực, lại cầm thêm chiếc đèn pin tụ quang siêu sáng, tay bám rễ cây từ từ tụt xuống. Càng đến gần chỗ sương khí trào ra, họ càng lơ mơ nhìn thấy một bóng đen to lớn ẩn hiện trong màn sương mù mênh mang mờ mịt.

Do sự xâm lấn của cơn bão nhiệt đới Buddha càng ngày càng gia tăng, nên sương khí trong lòng khe núi cũng dần dần giảm xuống thấp, lúc hai người đến gần thì sương mù không còn quá dày đặc nữa. Nhờ ánh sáng của đèn pin, Tư Mã Khôi có thể nhìn kỹ bóng đen to lớn đó, không ngờ nó lại là một chiếc máy bay tiêm kích cải tiến, bị vô số rễ cây buộc chặt. Chiếc máy bay có phần đầu tù tròn, phần thân hình e líp dọc, hai cánh phân bố theo hình thang, trước hẹp sau rộng, điểm khác biệt so với các máy bay cùng loại là: từ đầu đến đuôi đều sử dụng kết cấu gỗ ván ép.

Trên thân chiếc máy bay tiêm kích còn có biểu tượng Rắn đen rất bắt mắt. Chiếc máy bay này hoàn toàn giống với chiếc máy bay chụp ở sân bay không quân trong ảnh, không những vậy, kết cấu cũng hoàn toàn đồng nhất với chiếc tiêm kích số hiệu Rắn đen bị mất tích của không quân Anh. Do chiếc máy bay mang số hiệu Rắn đen thuộc loại máy bay tiêm kích cải tiến, nên căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ, nó đã được đặc biệt nói rộng dung tích chuyên chở hàng hóa, phần thân cũng được cải tiến gần như toàn bộ, so với những chiếc máy bay tiêm kích hạng nhẹ

thông thường thì trông nó rất khác biệt, bởi thế, so sánh với ảnh chụp, đoàn thám hiểm không khó đoán ra “thân phận” của nó. Ghi chép năm đó còn cho thấy: sau khi chiếc máy bay bị rơi xuống khe núi, giọng liên lạc chập chờn khi được khi mất phát ra qua sóng điện, lúc các thành viên của đoàn bay gắng sức kêu cứu, cũng đã xác nhận chiếc Rắn đen bị rơi vào sương mù, sau đó thì hoàn toàn mất liên lạc với thế giới bên ngoài.

Nhưng giờ đây, Tư Mã Khôi và Ngọc Phi Yến tận mắt chứng kiến, mới biết chiếc máy bay tiêm kích vận tải đó không hề rơi xuống nơi sâu nhất dưới đáy cốc, mà bị rễ cây cổ thụ treo níu giữ lơ lửng giữa không trung. Máy bay tiêm kích khác với các loại máy bay quân dụng khác, nó hoàn toàn sử dụng gỗ Balsa - một loại gỗ rất nhẹ để xây dựng kết cấu. Động cơ Piston tản nhiệt của nó mang lại hiệu suất cực cao, tốc độ bay nhanh, thời gian bay có thể kéo dài liên tục, nhưng khả năng tải trọng vẫn không vì thế mà giảm xuống. Chẳng những vậy, khả năng thích ứng của nó lại rất cao, có thể thích hợp mọi nhu cầu nhiệm vụ gian nan. Dưới điều kiện khí hậu biến đổi phức tạp ở vùng núi Miến Điện, nó càng phát huy tính năng ưu việt vượt trội. Chiếc máy bay tiêm kích vận tải cải tiến số hiệu Rắn đen khi bị mất lái rơi xuống sơn cốc, đã chịu sự tác dụng của dòng khí lưu thông trong khe núi. Dòng khí đối lưu này đã khiến thân máy bay được bảo toàn nguyên dạng, xem ra chẳng có hư hại gì nghiêm trọng.

Đội thám hiểm liều mạng xông vào núi Dã Nhân là để tìm chiếc tiêm kích vận tải, đồng thời lấy “hàng” trong khoang máy bay về. Thế mà lúc này, chiếc máy bay mất tích mà cả hội đang săn lùng, lại bất ngờ hiện ra ngay trước mắt. Nó bị đám rễ cây bám nhằng nhịt quanh thân, treo lủng lẳng giữa không trung. Như vậy, cũng có nghĩa cả đội không cần xuống dưới đáy động sâu hút, nơi sương khí bủa vây hiểm nguy mai phục tứ bề nữa. Không thể không thừa nhận đây là niềm vui ngoài ý muốn, nhưng chẳng hiểu sao Tư Mã Khôi và Ngọc Phi Yến không hề cảm thấy may mắn, mà ngược lại còn lơ mơ có dự cảm không lành.

Ngọc Phi Yến nhìn bên trong khoang máy bay tối mờ mờ, yên ắng rợn người, liền nhỏ giọng hỏi Tư Mã Khôi: “Anh có cảm thấy chiếc máy

bay vận tải này có điểm gì bất thường không?”

Tư Mã Khôi bám vào rễ cây rủ xuống từ vách đá dựng đứng, nhìn chăm chăm một hồi vào chiếc máy bay tiêm kích vận tải. Anh đã sớm nhận ra vài điểm khác thường, bèn đáp ngay: “Cũng hơi bất thường, trông nó mới quá... dường như chỉ vừa bị rơi xuống chưa lâu.” Trên thực tế, chiếc máy bay tiêm kích vận tải rơi xuống huyết động trong khe núi có lẽ đã gần ba mươi năm. Vậy mà thời gian và quá trình xâm thực của môi trường khắc nghiệt dưới lòng đất lại không để lại chút dấu tích nào trên thân mình nó, lớp sơn vẫn mới toanh như lúc ban đầu, có lẽ ngay cả động cơ cũng hãy còn nóng.

Nghĩ lại việc ở ngoài khe núi lúc trước, mọi người từng nhìn thấy bóng chiếc máy bay u linh bay sát đầu rồi lượn vèo qua, khi ấy trong khoang máy bay không hề có chút ánh sáng nào, cánh quạt cũng đã ngừng quay, khiến đội thám hiểm đuổi theo quỹ đạo phi hành của nó đến tận đây. Theo lý mà suy đoán, chiếc máy bay vận tải vừa bay lượn giữa tầng mây, cũng chính là chiếc Rắn đen đang bị rễ cây cổ thụ buộc chặt dưới khe núi. Thế nhưng sao mỗi lúc xuất hiện nó lại có những đặc điểm khác nhau như hai chiếc hoàn toàn riêng rẽ vậy? Trong khi, chiếc máy bay vận tải số hiệu Rắn đen thực hiện nhiệm vụ chuyên chở đặc biệt của quân đội hoàng gia Anh, chỉ có một chiếc duy nhất đã mất tích hơn hai mươi năm trước trong núi Dã Nhân mà thôi.

Ngọc Phi Yến không nén nổi sự hoài nghi trời dậy trong lòng: “Lẽ nào chiếc khi này nhìn thấy chỉ là ảo giác? Bởi vì mọi vết tích đều cho thấy chiếc máy bay đang hiện hữu ngay trước mắt, quả thực đúng là mới rớt xuống đây chưa lâu. Rốt cục, chiếc máy bay số hiệu ‘Rắn đen’ mất tích nhiều năm đã gặp phải chuyện gì? Trong điều kiện không hề có động lực, làm sao nó có thể bay lượn giữa không trung?” Thế rồi cô ta lại nghĩ: hay là thời gian và không gian - những năng lượng hằng định bất biến này đều bị bẻ cong quay vòng trùng lặp trong đám sương mù dưới lòng đất, mới có thể khiến chiếc máy bay vận tải số hiệu Rắn đen xuất hiện theo phương thức quái dị không thể tưởng tượng nổi giống như loài ma quỷ? Ngoài ra, những phi công trong khoang máy bay đều đi đâu

cả rồi? Còn nữa, mấy luồng sáng chói mắt dội ra từ đám sương mù và âm thanh dị thường kêu “răng rắc răng rắc” không ngớt phát ra từ nơi sâu dưới lòng đất, rốt cục là thứ gì vậy?

Tuy rằng Ngọc Phi Yên đi nhiều hiểu rộng, nhưng tình hình lúc này cũng chẳng khác chi sa vào đám sương mù mịt trời dài năm dặm, không thể phân biệt nổi phương hướng; bởi vì những việc này hoàn toàn khác xa với những phi vụ trộm mộ mà cô ta từng thông thuộc; hơn nữa tình hình đang phải đối mặt hiện tại dường như thuộc về phạm trù “hiện tượng siêu nhiên” mà các kiến thức khoa học thông thường và định luật vật lý đều khó lòng giải thích thỏa đáng. Trong đầu cô ta liên tiếp lóe lên vài ý nghĩ, nhưng rất nhanh sau đó đều bị chính mình phản bác, cuối cùng cô đành một lần nữa quay sang hỏi Tư Mã Khôi: “Trong thực tế sao lại xuất hiện tình huống như vậy được nhỉ? Hay chúng ta đang gặp ác mộng chăng?”

Tư Mã Khôi cũng trầm ước những việc trải qua trong mấy ngày nay chỉ là một cơn ác mộng, nhưng vết thương đang ngấm ngấm đau trên vai cứ không ngừng nhắc nhở anh: “Những việc trước mắt tuy rằng quái dị ngoài sức tưởng tượng, nhưng lại hoàn toàn là sự thật, sự thật không thể chối cãi.”

Lúc này, nghe Ngọc Phi Yên nói, anh trầm tư một lúc rồi mới trả lời: “Chắc chắn chẳng phải ác mộng đâu.”

Miệng thì đáp như vậy, nhưng trong lòng Tư Mã Khôi lại ngẫm nghĩ: “Lời này cũng có hai cách hiểu, từ cổ xưa đã có bốn giấc mộng: Hồ Điệp, Hàm Đan, Nam Kha, Hoàng Lương, sau này còn có thêm Hồng Lô Mộng, tất cả như ngấm ả dụ vạn vật trên thế gian đều hư vô như giấc mộng, đời người vốn dĩ cũng chỉ là một giấc mộng dài, đang sống nghĩa là đang nằm mơ. Nghĩ kỹ lại, câu nói này đúng là cũng có lý lẽ nhất định, khoảng cách giữa giấc mơ và hiện thực vốn rất mong manh, mơ hồ, chỉ có điều những gì cuộc đời mình gặp phải... toàn là ác mộng.”

Từ trước đến nay, Tư Mã Khôi vẫn được coi là to gan lớn mật, anh quyết định vào trong khoang máy bay để nhìn xem thực hư ra sao rồi

mới nói. Tư Mã Khôi đã thi triển chiêu “Tiên nhân treo tranh”, dùng hai chân quắp lấy rễ cây, thân mình nhào ra chúc đầu xuống nhòm vào bên trong, hai tay nhẹ nhàng chạm vào phần đầu khoang lái của chiếc tiêm kích vận tải số hiệu Rắn đen, sau đó dùng đèn pin tụ quang mang theo bên mình soi vào bên trong, rồi ghé mắt quan sát tình hình. Trong phạm vi ánh sáng của đèn pin, anh chỉ thấy khoang lái trống toang hoang, ngoại trừ một vài chỗ bị ngấm nước do va chạm nứt toác ra, thì ngay cả nửa bóng ma cũng chẳng thấy đâu.

Chiếc máy bay bị rễ cây buộc chặt cứng, treo lơ lửng giữa tầng không dưới lòng sơn cốc. Những loài thực vật dây leo thả mình từ trên vách đá dựng đứng xuống dưới, thân to như các cột trụ trong đền chùa, miếu điện, tuy rất dai chắc nhưng rốt cục cũng đâu phải sắt thép, sức chịu đựng cũng đã gần sát mức giới hạn. Hai tay Tư Mã Khôi vừa chạm nhẹ vào phần đầu khoang lái, lập tức phát hiện chiếc máy bay khẽ rung rung như muốn rơi, dường như bất cứ lúc nào cũng có thể tuột khỏi sự níu buộc của đám rễ cây và dây leo để tiếp tục lao xuống nơi sâu hơn.

Tư Mã Khôi cũng không dám liều mạng hơn, anh chỉ sợ sẽ nhào theo chiếc máy bay rớt xuống đáy khe núi có sương mù bủa vây và rơi vào thảm cảnh vật tan người nát. Chẳng tìm thấy bất cứ đầu mối nào trong khoang máy bay, anh bèn chuyển đèn pin tụ quang chiếu sáng hai cánh trên thân máy bay.

Nhưng đúng lúc này, từ trên cao dội xuống hàng loạt tiếng động rung trời chuyển đất; thì ra cơn cuồng phong giông tố do bão nhiệt đới Buddha mang tới quá sức dữ dội, kết cấu đất đá men bờ cốc lại xóp yếu, không chịu nổi sự công kích của mưa bão, nên đã xảy ra hiện tượng sụt lở trên diện rộng, một lượng lớn bùn đất, sỏi đá từ trên cao ùn ùn đổ xuống, không ngừng chảy về nơi sâu. Hội La Đại Hải đợi bên trên chờ tiếp ứng, nhìn thấy cảnh tượng nguy hiểm xảy ra giữa hai vách núi, thì biết nơi này chẳng thể dung thân lâu thêm được nữa, đành phải bám vào rễ cây tụt xuống dưới chạy trốn.

La Đại Hải hướng xuống dưới chỗ Tư Mã Khôi đang đứng rồi hét lên: “Tránh ra mau!”

Tư Mã Khôi hai chân hãy còn quặp lấy rễ cây, nghe tiếng hét thất thanh, liền vội vàng thu chân cong người ngược lên trên, chỉ thấy một luồng gió nhẹ ập vào mặt, trong bóng tối cũng chẳng nhận ra rốt cục là vật gì rơi xuống. Anh vội vàng dùng tay đẩy mạnh thân máy bay, mượn lực đàn hồi đẩy cơ thể bắn ra xa. Một đoạn rễ cây lớn lao uỳnh xuống chiếc máy bay, cùng với đó là sự công kích liên tiếp của dòng đất đá, bùn nước, khiến chiếc máy bay bị va đập mạnh, phần đầu vỡ toác một miếng lớn, cùng lúc đó nó lao mạnh xuống dưới một đoạn, vài sợi rễ cây bám trên thân máy bay cũng bị đứt theo.

Trong khoảnh khắc nhanh như điện xẹt, Ngọc Phi Yên thấy tình hình không ổn: hai vách đá dựng đứng cheo leo, một khi trên cao sụt lở rơi xuống, nếu còn lảng vảng ở chỗ rễ cây cò thụ, thì chắc chắn sẽ không có đường mà di chuyển, né tránh; còn nếu bám vách mà trốn xuống phía dưới, cho dù không bị ngã thịt nát xương tan, thì cũng bị đất đá sụt lở rơi trúng, vỡ đầu mà chết.

Thấy chiếc tiêm kích vận tải số hiệu Rắn đen cũng đang có chiều hướng muốn rơi xuống nơi sâu, cô ta liền lập tức hét gọi mọi người mau chóng trốn vào trong khoang máy, chỉ ít như thế vẫn còn có thể mượn vỏ máy bay tạm thời tránh khỏi công kích, hơn nữa “hàng” trong khoang máy bay cũng phải thu về tay, nếu không bao nhiêu mạng người của “Sơn lâm đội lão thiếu đoàn” đều hi sinh vô nghĩa cả hay sao.

Trên đầu máy bay vốn bị thủng lỗ, bốn người bọn họ trong lúc sốt vó lo chạy trốn, chẳng thêm suy nghĩ lâu, kẻ trước người sau thi nhau chui vào trong khoang. Hai người Tư Mã Khôi và Ngọc Phi Yên trốn gần khoang lái, chưa kịp đóng nắp máy bay lại, thì mấy đoạn rễ cây treo phần đầu máy bay đứt thêm hai cái nữa. Đầu máy gần như chúi xuống dưới, mọi người ngồi bên trong cũng lao mạnh theo đà, ai nấy đều bất giác hét toáng lên, tưởng như tim gan phèo phổi đều vọt ra khỏi miệng, hoảng hốt chụp vội lấy dây an toàn dùng để buộc hàng trong máy bay.

Ngọc Phi Yên chui tọt vào trong khoang lái. Cô ả cũng chưa kịp hoàn hồn trở lại. Nhờ chút ánh sáng phát ra từ đèn tụ quang, cô ta quan

sát bốn phía xung quanh, phát hiện tuy chiếc máy bay mất tích hơn hai mươi năm, nhưng thiết bị điều khiển và đồng hồ các loại thì vẫn còn như mới, chẳng hề bị han rỉ hay bám bụi. Lúc này trong lòng cô ta chỉ sót lại duy nhất một ý niệm: “Sao có thể như vậy được... rốt cục giờ đây đang là năm nào?”

Tư Mã Khôi nhìn thấy Ngọc Phi Yến ngồi vào vị trí phi công điều khiển, khuôn mặt tư lự đăm chiêu, liền hỏi: “Cô biết lái máy bay tiêm kích sao?”

Ngọc Phi Yến từng lái máy bay trực thăng cứu hộ trên mặt nước, dạng Martin đơn giản, chứ chưa từng chạm vào chiếc tiêm kích vận tải của không quân Anh bao giờ, nên lắc đầu đáp: “Tôi không biết, đây lại không phải máy bay trực thăng, nếu không có đường băng thì sao có đà bay lên được đây?”

Tư Mã Khôi trầm nghĩ: “Dù sao trước sau gì cũng chết, nhưng mình đã sống hai mươi mấy năm trời, mà đến tận giờ vẫn chưa hề được lái máy bay, thôi thì trước khi chết cũng phải lái một phen cho sướng đời mới được”. Thế là anh vội đáp: “Không biết lái mà cô còn dám chiếm vị trí này à?” nói xong chẳng cần để ý gì, liền xô Ngọc Phi Yến sang một bên, luồn người chui vào, tranh chiếc ghế phi công, nắm chắc cần điều khiển rồi kéo mạnh một cái về phía sau.

Lúc này, Hải ngọng ở phía sau cũng thò nửa người ra trước, anh không muốn bị rơi tan xác chút nào, tuy nói mọi vật từ xưa đến nay đều phải chết một lần, nhưng cách chết do máy bay rơi lại chẳng đẹp đẽ cho lắm. Đại khái trước đây anh từng mấy lần được mục sở thị cảnh người ta tập lái máy bay, nên tự phong cho mình chức phi công bán chuyên nghiệp: “Thực ra cái này cũng chẳng có gì khó, cậu cứ buộc cục xương vào cái cần điều khiển thì cả chó cũng biết lái ấy chứ.” Hải ngọng vừa đứng một bên chỉ chỉ trỏ trỏ Tư Mã Khôi thao tác như thế nào, vừa thò tay ra ấn loạn xạ tất cả các nút trên bàn điều khiển một hồi.

Ngọc Phi Yến thấy mấy gã liều mạng này rõ là đang nghịch lung tung, liền hoảng hốt quát: “Các anh muốn chết hả?” lời còn chưa dứt thì

một trận bùn đất cát đá bị sụt lở từ bên trên rào rào đổ xuống, phút chốc đã vùi lấp nửa thân máy bay, hàng loạt sợi rế lần lượt đứt phờn phợt, chiếc tiêm kích vận tải của không quân Anh lúc này hoàn toàn rơi vào tình trạng đầu chúc xuống, đuôi chổng lên. Trong tiếng kêu gào hoảng loạn như tuyệt mệnh của đội thám hiểm, chiếc máy bay cứ thế chúc đầu lao vun vút xuống vực sâu mù mịt sương khói.

Hồi thứ tám

HÈM NÚI KHÔNG LỖ

Dưới sự tấn công dữ dội của hết con giông tố này đến đợt cuồng phong khác, lòng núi Dã Nhân đồi rung núi chuyển, trời sụp đất vỡ. Chiếc máy bay tiêm kích vận tải lao vù vù với tốc độ kinh người xuống đáy khe núi, cùng với vô vàn đất bùn cát đá sục lở. Tư Mã Khôi quay cuồng nhào lộn trong khoang máy bay, chỉ thấy bên ngoài cửa sổ bóng tối hun hút bao trùm khắp nơi. Anh thấy trời xoay đất chuyển, hoa mắt chóng mặt, tiếng gió ù ù vang lên bên tai, nhưng một hồi lâu vẫn chưa thấy máy bay phát nổ do đâm phải lòng đất. Bốn xung quanh anh chỉ có màn sương đen bủa vây mù mịt, khiến người ta không thể cảm nhận được sự tồn tại của không gian và phương vị, như thể đang bị rơi xuống động không đáy vậy.

Trong lúc hỗn loạn, cũng chẳng biết có phải mình đã chạm vào nút gì hay không, chỉ thấy một chiếc đèn màu đỏ ở mặt đồng hồ trên bàn điều khiển đột nhiên sáng lên, Tư Mã Khôi thấy ánh đèn nhấp nháy bất định, trong lòng khẽ kích động, nhớ lại loại đèn này dường như là đèn tín hiệu cảnh báo, có lẽ chỉ phát ra khi máy bay bị mất lái hoặc sắp hạ cánh. Tư Mã Khôi than thầm, sương khí dưới lòng khe núi núi Dã Nhân dày không thể lường, mệnh mông như trời đất, vô hạn tựa tạo hóa, chỉ thần quỷ mới rõ khi nào chiếc máy bay vận tải này mới hạ cánh tiếp đất, bây giờ chỉ sợ muốn chết ngay cũng chẳng được nữa rồi.

Chiếc máy bay tiêm kích vận tải đặc biệt số hiệu Rắn đen, lao vù vù xuống dưới với tốc độ rất nhanh, nhưng khi chưa kịp đâm sầm vào mặt đất cho máy tan người nát, thì thân máy bay đột nhiên ngã dần ra.

Thì ra, nửa trên của khe núi mạch chạy bất quy tắc, gần như hoàn toàn là vách treo dựng đứng, nhưng đến dưới đáy vực thì không gian lại rộng rãi thoáng đãng hơn rất nhiều. Hẻm núi này miệng hẹp, bụng rộng, bề mặt cắt ngang của nó tạo thành hình “kim tự tháp”, càng xuống sâu càng khoáng đạt, hơn thế, nửa địa lại thể vô cùng độc đáo, địa khí từ dưới bốc lên, dòng nhiệt khí đối lưu mạnh mẽ không ngừng lưu chuyển ngùn ngụt, nhờ đó mà tự nhiên đỡ được chiếc máy bay, khiến tốc độ rơi tự do của nó từ từ giảm dần.

Kết cấu ván gỗ ép của chiếc máy bay tiêm kích vận tải, từ trước đã được mệnh danh là “chất gỗ kỳ tích”, trong hoàn cảnh đặc biệt gần tương tự với “hiệu ứng ống khói” sẽ phát huy tính ưu việt to lớn; nó giống như cánh diều đứt dây, nhào lộn giữa không trung mấy vòng, cuối cùng ngã ngả nghiêng nghiêng đáp xuống giữa dòng nước lặng. Lúc tiếp đất, cánh trái máy bay bị gãy nát hoàn toàn, cánh quạt trên động cơ cũng bị đâm gãy; dưới tác dụng của quán tính, thân máy bay lật nghiêng, trượt dài một đường trên trăm mét mới dừng lại hẳn.

Tư Mã Khôi trong khoang máy bay cảm thấy ba hồn bảy vía như lao ra khỏi xác, khó khăn lắm mới ép nó về đúng chỗ, toàn thân trăm xương không chỗ nào không đau nhức. Trong khi thần trí còn hoang mang bất định, anh vẫn nhận thức được cuối cùng máy bay cũng đã tiếp đất, chắc là mệnh mình chưa đến lúc tuyệt. Rơi từ độ cao hàng ngàn mét xuống mà không hề bị tan xương nát thịt ngay tại chỗ, điều này hoàn toàn có thể nói là một kỳ tích; nhưng giờ đây hoàn cảnh chưa rõ trắng đen, anh cũng không thể dùng những câu đại loại như “đại nạn không chết, tất có phúc dày” để đánh lừa bản thân, mà chỉ thấy trong lòng không thể không thâm thốt lên một câu: “Xem ra máy bay tiêm kích do người Anh chế tạo đúng là danh bất hư truyền, quả nhiên tỷ lệ sống sót cao đến kinh ngạc!”

Tư Mã Khôi giãy đạp cố gắng đứng dậy, sờ thấy chiếc đèn pin tụ quang trên người, cầm nó chiếu sáng tứ phía, mắt bị chấn động hoa hết cả lên, nhìn cái gì cũng thấy nhập nhèm. Anh lơ mơ thấy các thành viên khác trong đội vẫn tạm bình thường, may mà các thiết bị trong khoang

máy rất gọn gàng ngăn nắp và mọi người đều thắt dây an toàn, tuy không tránh khỏi việc sút đầu mẻ trán nhưng điều đáng mừng là chỉ ít chẳng ai bị gãy tay lìa chân. Người bị thương nghiêm trọng nhất là Karaweik, trong lúc điên đảo quay cuồng, cậu bị rách một đường dài trên đầu, mặt đầm đìa máu, Tuyết ở cạnh đang giúp cậu băng bó vết thương. La Đại Hải và gã Gấu trắng người Nga đều ngã sũng máu tím mặt, nhưng cũng chẳng có gì đáng ngại lắm, chỉ là vẫn hoa mắt chóng mặt, nằm vật trong khoang máy bay mãi chẳng bò dậy nổi.

Tư Mã Khôi dùng đèn pin tụ quang chiếu sang Ngọc Phi Yến, tuy rằng cô ả mặt mày trắng bệnh như giấy sếp nhưng vẫn cố xua tay tỏ ý không sao. Hai người họ đầu óc quay cuồng, tư duy có chút đình trệ, cùng nhìn ra ngoài cửa sổ, chỉ thấy phóng tầm mắt đến chỗ nào, chỗ ấy đều tối như hũ nút, chỉ duy trên đỉnh đầu là có một sợi sáng mỏng lơ mơ ẩn hiện, nên nghĩ chắc đó chính là miệng khe núi lộ ra ngoài núi Dã Nhân, lúc sáng lúc tối trong tiếng sấm rền chớp giập. Từ dưới đáy ngược nhìn lên trên, miệng hẻm núi rộng lớn khác thường ấy, lại chỉ mong manh như một đường chỉ, thực sự khó có thể tưởng tượng là rốt cục bản thân đang ở độ sâu bao nhiêu mét trong lòng núi.

Ngọc Phi Yến thảm kinh ngạc, cô không ngờ huyết động trong lòng hẻm núi, có hướng thẳng đứng này, lại sâu đến dường vậy. Nếu như gần đây không có lối nào khác đi ra khỏi núi, thì giữa không gian đầy động tâm u khó lường này, với độ cao không thể trèo lên như thế, quả thực đã trở thành “con ác mộng” mà đội thám hiểm khó có thể vượt qua. Cô ta ra dấu tay, bảo Tư Mã Khôi ra bên ngoài xem xét tình hình.

Tư Mã Khôi khắp mình mảy đau như thể gãy lìa từng đoạn, đến nỗi phải hít ngược mấy hơi thở lạnh vào trong, rồi gắng sức đẩy nắp trên của máy bay ra, một cảm giác đơn độc cách biệt bất chợt ủa đến. Lúc này, anh mới nhìn thấy màn sương khí dày đặc che phủ khắp nơi sâu trong huyết động đều đã tiêu tan chẳng thấy đâu, chỉ có một lượng lớn nước ngưng đọng khắp vách núi, hình thành nên làn mưa bụi mênh mông không ngừng lất phất bay xuống.

Anh suy đoán: có khả năng do diện tích sụt lở ở ven miệng hẻm núi quá lớn, đã làm thay đổi vòng tuần hoàn khí đối lưu dưới đáy động; ngoài ra, cuồng phong giông tố khiến nước động dưới tầng đất đá trong lòng núi nhanh chóng gia tăng, tràn vào những nơi sâu trong khe núi, trên không trung đang mưa ào ạt, dưới lòng động cũng ảnh hưởng mưa theo, nhờ vậy mới xua tan được đám sương khí mịt mù. Xem ra, trước khi cơn bão nhiệt đới Buddha qua đi, lớp sương mù dày đặc dị thường này tạm thời sẽ không xuất hiện nữa.

Ngọc Phi Yến mau chóng chiếu sáng mọi chỗ. Cô ta lấy súng phát tín hiệu trong ba lô của Tư Mã Khôi, bắn lên hai chuỗi pháo sáng về hai hướng; hai chuỗi pháo phát ánh sáng chói lòa, trắng bạc, lần lượt vạch một đường rơi dài ở phương xa. Do khu vực lân cận đều không bị sương mù dày đặc che phủ nữa, nên có thể mượn ánh sáng xanh mờ ảo, nhìn thấy thấp thoáng khoảng cách giữa đáy động với đỉnh khe núi, thực sự không thể đoán nổi; còn nếu chỉ dựa vào trực giác phán đoán độ cao thẳng đứng đó có lẽ phải trên ngàn mét. Vách đá trong huyết động hình kim tự tháp đều dựng đứng xiên lệch ra ngoài, nhìn nguy hiểm vô cùng, không có chỗ để con người có thể leo lên nổi, cho dù Tư Mã Khôi có giỏi thể hiện tuyệt kỹ “Bọ cạp đảo đầu bò tường” đi nữa thì cũng bó tay đầu hàng. Đây dường như là một cái bẫy của tự nhiên, đã vào thì khó lòng ra. Những kẻ gặp nạn rơi vào nơi này, đúng thực “Xẻ ngang đất rộng không móng sắc, uốn lượn tầng không thiếu cánh bay”.

Đáy khe núi thoải thoải, bốn phía đồng không mông quạnh, nhìn chẳng thấy bờ, tất cả đều là đầm lầy mênh mang do nước dưới lòng đất ngưng tụ lại mà thành; ở nơi xa tít còn có luồng sương khí mông lung chưa kịp tan, khói mờ nước rộng, sương tỏa núi sâu khiến người ta không thể nhìn rõ thực hư. Khu vực đáy động lẽ ra phải là một cái hồ dưới lòng đất, nằm ở nơi sâu nhất của núi Dã Nhân, nhưng do hệ thực vật ở đây um tùm rậm rạp, nên hầu hết nước tụ chưa kịp thẩm thấu xuống tầng đất đã bị rễ cây hút cạn veo, khiến cả lòng hồ dưới đất sâu biến thành đầm lầy. Thêm vào đó, hàng chục triệu năm nay, vô số thực vật và bùn đất bị mưa gió quét từ trên đỉnh cốc xuống, dần dần tích tụ dưới đầm lầy, tạo thành một bờ đê dài miên man. Lớp đất ẩm ướt trên bề

mặt phủ đầy tầng tầng lớp lớp rêu xanh dày, đây đó thỉnh thoảng lại lóe lên những tia sáng lân tinh yếu ớt do sinh vật mục nát hóa thành, ngược mắt ra xa, chỉ thấy mặt nước bập bênh lên xuống, thật giả khó phân.

Huyệt động thâm u dưới lòng đất, từ trước đã là miền đất bí mật mà thế nhân khó lòng nhòm ngó. Tuy rằng hội Tư Mã Khôi có thể sống sót lọt xuống đáy cốc, lại có thể nhân lúc sương mù dày đặc tiêu tan, lợi dụng ánh sáng của pháo phát tín hiệu, đại thể đã nhìn rõ địa hình xung quanh, nhưng trong lòng ai nấy không những đều cảm thấy việc hãy chưa xong, mà ngược lại, một linh cảm bất an còn không ngừng trỗi dậy: “Những gì nhìn thấy trước mắt chỉ là một góc phía trên của tầng băng trôi, không biết còn bao nhiêu bí mật kinh thiên động địa nữa vẫn bị niêm phong kín trong thế giới dưới lòng đất quanh năm không nhìn thấy ánh mặt trời này”.

Ngọc Phi Yến tai mắt tinh nhanh, nên lúc pháo tín hiệu phát sáng lướt qua bầu trời, cô đã phát hiện xung quanh đầm nước và mặt đất ẩm ướt, dường như có vật gì đó đang bò rất nhanh phía ngoài chiếc máy bay vận tải, nhưng tốc độ di chuyển quá thực nhanh đến nỗi chưa kịp nhìn rõ rốt cục là thứ gì, thì bóng dáng của nó đã biến mất khỏi tầm mắt. Cô ngẫm nghĩ: “Trong khu vực đầm lầy âm u, ẩm ướt này, phần nhiều thường ẩn náu những sinh vật có tính tấn công rất cao như cá sấu hoặc măng xà Miến Điện; mạo hiểm rời khỏi máy bay lúc này đúng là không được thỏa đáng cho lắm”. Thế là cô liền thay đổi chủ ý, nhắc nhở mọi người coi chừng động tĩnh bốn phía xung quanh, tạm thời không nên rời khỏi chiếc máy bay tiêm kích vận tải. Nói xong, cô ta lại bắn thêm ba chuỗi pháo sáng phát tín hiệu lên cao, chiếu sáng toàn bộ tầm nhìn lân cận, đồng thời kéo nòng khẩu súng tự động Uzi trong tay lên đạn sẵn sàng, đề phòng lỡ đột ngột xảy ra biến cố gì.

Tư Mã Khôi thấy ánh sáng phát ra từ mấy chuỗi pháo gần chiếc máy bay vận tải, trong huyệt động dưới lòng đất thâm u, yếu ớt chẳng khác chi ánh sáng đom đóm; rồi sau khi pháo sáng tắt lịm, bốn bề một lần nữa lại chìm vào sự tĩnh lặng yên ắng, sâu thẳm vô bờ bến.

Trước đây, không biết bao nhiêu lần anh từng tự hỏi, trong khe núi quanh năm bị sương mù che phủ rốt cục tồn tại thứ gì, nhưng trước sau đều không tìm ra nổi manh mối. Lúc này, thân sa vào đây, anh càng cảm thấy khe động núi Dã Nhân quả thực hiểm ác phi thường. Trải qua bao nhiêu tuổi nguyệt mờ ảo như sương khói là bấy nhiêu năm tháng nó phải chịu cảnh mưa gột gió bào, mãi cho đến tận ngày nay, vẫn mãi là góc chết mà tầm mắt loài người khó có thể nhận thức được. Không chỉ có vậy, trong dải bóng tối mênh mông này chắc chắn còn ẩn chứa một bí mật sâu xa nào đó khó có thể vạch trần. Anh càng nghĩ càng cảm thấy phức tạp, tư duy chìm đắm miên man, không khỏi có đôi chút bần thần. Anh tự lự mãi một hồi lâu chẳng nói câu gì.

Ngọc Phi Yến thấy Tư Mã Khôi cũng có lúc không biết nói gì, lại cảm thấy có vài phần bất ngờ, bèn đưa khẩu súng đang cầm trong tay cho anh, nhắc anh hãy chú ý quan sát tình hình xung quanh chiếc tiêm kích vận tải. Sau đó cô liền khom lưng lần ra phía sau khoang, lần lượt kiểm tra hàng hóa sắp đặt trong khoang, tìm kiếm vật phẩm mà khách hàng ủy thác, khi đã lấy được sẽ lập tức nghĩ cách tìm lối ra, rút lui khỏi núi Dã Nhân.

Ba mươi mấy thành viên của đội thám hiểm, bây giờ chỉ còn sáu kẻ may mắn sống sót, đồng thời lại bị rơi xuống nơi sâu nhất của khe núi núi Dã Nhân cùng với chiếc máy bay vận tải đã mất tích nhiều năm. Nhưng tước bỏ hết những yếu tố ly kỳ khó có thể giải thích mà mọi người đã gặp phải sang một bên, thì sự việc tiến triển vẫn quá đổi bất ngờ, đầu tiên là vô tình tìm thấy chiếc tiêm kích vận tải Rắn đen ngay trong khoảnh khắc đầu tiên, rồi sự xâm nhập của cơn bão nhiệt đới khiến cho sương mù trào ra từ lòng đất bị suy giảm đi rất nhiều, và điều quan trọng nhất là “hàng” trong khoang máy bay không ngờ lại vẫn còn nguyên.

Chiếc máy bay tiêm kích vận tải cải tiến thịnh hành trong chiến tranh thế giới thứ hai này, thuộc loại máy bay hạng trung. Khoang máy bay rộng rãi, chia làm ba phần, xuyên suốt từ đầu đến cuối, không hề có

bức ngăn nào ở giữa. Phần đầu là khoang lái, phần giữa và phần sau là khoảng không gian cần thiết để chuyên chở người và hàng hóa.

Phần sau của máy bay buộc chặt bốn chiếc hòm gỗ hình chữ nhật, đã được niêm phong kín, phía ngoài còn bọc bằng lớp áo mưa dày nặng. Hai chiếc hòm buộc thành một cọc, khóa lại rất chắc chắn, nên trong suốt quá trình rung lắc, động chạm dữ dội khi nảy mà nó không hề có vết tích bị lỏng lẻo hay xô lệch gì, nhưng trên mặt hòm, ngoại trừ một vài con số đánh ký hiệu ra, thì chẳng hề có bất kỳ biểu tượng gì khác.

Ngọc Phi Yến bảo Tuyết cầm đèn halogen, giúp mình chiếu sáng bên trong khoang máy bay, lại lệnh cho gã Gấu trắng người Nga dùng giáo mở vít cạy nắp hòm hàng. Đang đợi bắt tay vào làm, đột nhiên họ lại nghe thấy dường như có người đang nói gì đó ở góc tối trong khoang máy bay. Tư Mã Khôi nghe âm thanh tuy hơi yếu ớt, nhưng rõ ràng là phát ra ngay phía sau. Máy điện đàm không dây của máy bay đã hoàn toàn hỏng hóc, không thể tiếp nhận bất kỳ thông tin liên lạc nào. Tuy rằng, tình hình trong hòm hàng tạm thời vẫn chưa nhìn thấy, nhưng từ đầu đến giờ đều bị niêm phong kín mít, cho dù thực sự có người sống trốn bên trong, thì cũng chết ngạt từ bao giờ. Hơn nữa, vị trí phát ra giọng nói này có lẽ đến từ khoang giữa máy bay, phía nhóm mấy người La Đại Hải đang đứng; bây giờ đội thám hiểm chỉ còn sót lại mấy kẻ may mắn thoát chết. Ngoại trừ gã Gấu trắng người Nga coi như nửa câm ra, thì mấy người còn lại có nói gì, Tư Mã Khôi tự khắc hiểu rất rõ, nhưng giọng nói vừa vọng đến khi này nghe vô cùng cổ quái, rõ ràng còn có người khác nữa.

Tư Mã Khôi lập tức đề cao cảnh giác: “Trong khoang máy bay chắc chắn có kẻ lạ!” Đang lúc anh định động tai lên nghe lại, thì chẳng thấy tiếng gì phát ra nữa.

Tư Mã Khôi còn cho rằng chắc tại mình căng thẳng thần kinh, nên nảy sinh ra ảo thanh, anh bèn quay đầu lại hỏi Ngọc Phi Yến - người cách anh gần nhất: “Khi này cô có nghe thấy gì không?”

Ngọc Phi Yến cũng phát hiện thấy sự thể khác thường. Cô ta từng nhiều lần giao tiếp với khách hàng Âu Mỹ, có thể nghe ra người vừa nói lúc này mang khẩu âm Anh rất rõ rệt, liền trả lời Tư Mã Khôi: “Đường như có một người Anh, ông ta nói hàng trong khoang máy bay... rất nguy hiểm.”

Trong huyết động dưới lòng đất sâu như vực thẳm, vốn dĩ chỉ có bóng tối âm u bao trùm, trong khoang máy bay bị rò nước mưa nhỏ hẹp này chỉ có một ngọn đèn halogen, mọi người tuy ở gần nhau, nhưng ngay cả mặt mũi và bóng hình của đối phương cũng nhìn chẳng rõ. Có điều, cũng chính vì không gian chật chội, hơn nữa khoảng cách lại cực gần, cho nên qua hơi thở tồn tại trên cơ thể người sống, mọi người vẫn có thể cảm nhận được. Tư Mã Khôi có thể khẳng định, bao gồm cả chính mình, thì trong khoang máy bay chỉ có sáu người, làm sao có thể đột nhiên lại nhiều thêm một người được? Trừ khi người Anh mà Ngọc Phi Yến vừa nói đến... là “vong hồn” của phi công không quân Hoàng gia Anh.

Hồi thứ chín

GIỌNG NÓI

Tư Mã Khôi đột nhiên nghe thấy bên cạnh có người nói, nhưng trong khoang máy bay rõ ràng không có người còn sống nào khác. Chiếc máy bay tiêm kích vận tải số hiệu Rắn đen, trong khoang từ đầu đến cuối đều thông suốt, tuy rằng tối mò mò, nhưng cầm đèn halogen lên soi, thì có thể soi trực tiếp rõ từ đầu này đến tận đầu kia. Tất cả khoảng không gian chỉ rộng một nắm tay, thì làm gì còn nơi nào để cho người có thể lẫn trốn. Hay chẳng, ngoại trừ sáu thành viên may mắn sống sót của đoàn thám hiểm ra, trong chiếc máy bay tiêm kích bị mất tích nhiều năm này, còn có một vong linh của viên phi công người Anh đang ẩn náu?

Thông tin giống như lời cảnh báo kia, dường như đến từ một thế giới khác, không chỉ có hai người Ngọc Phi Yên và Tư Mã Khôi nghe thấy, mà gã Gấu trắng người Nga đang ngồi ở khoang giữa cũng nghe thấy rõ mồn một. Gã theo đoàn thám hiểm thâm nhập vào lòng núi Dã Nhân, chẳng qua cũng chỉ vì món thù lao khổng lồ. Có điều, gã hoàn toàn chẳng thể ngờ, sẽ gặp bao nhiêu tình huống phức tạp ngoài sức tưởng tượng ở trong núi đến thế, hơn nữa càng lún càng sâu, đến khi gã muốn phui tay không làm, thì phát hiện đã chẳng thể thoát thân, nên đành phải tiếp tục đồng hành cùng những kẻ sống sót còn lại.

Sau khi chiếc máy bay tiêm kích vận tải rơi xuống đáy khe núi, gã Gấu trắng tuy rằng chẳng gặp thương tích gì nghiêm trọng, nhưng tâm thần lại bị chấn động không nhẹ, đầu óc mụ mẫm “nam bắc khó phân, đông tây khó định”, tuy rằng thân thể đã chạm đất, nhưng lục phủ ngũ tạng hãy còn treo lơ lửng giữa tầng không, chưa chịu chui vào vị trí cũ.

Gã chẳng theo tín ngưỡng nào, tâm tính lạnh lùng tàn nhẫn, từ trước đến giờ chẳng biết sợ sệt thứ gì. Trong quá trình chiếc máy bay bị rơi xuống, khoang máy bay hoàn toàn tối om, bên ngoài càng âm âm u u, mù mù mịt mịt. Gấu trắng ngồi trên ghế nệm, mình thắt dây an toàn, tay nắm chặt sợi dây thừng, trong cơn rung lắc dữ dội, thân thể bị quăng đi quật lại theo quán tính. Gã đã từng đi rất nhiều loại máy bay khác nhau, thậm chí còn bị lửa pháo phòng không trên mặt đất bắn trúng, nhưng cũng chưa từng hoảng hốt mất phương hướng, bởi vì gã biết gặp những tình huống như thế, sợ cũng vô tác dụng, nên chỉ còn biết tuân theo mệnh trời mà thôi.

Nhưng giờ đây, trong khoang máy bay chật chội âm u này, gã loáng thoáng nghe thấy động tĩnh tiếng nói của một người Anh, việc này hoàn toàn vượt ra khỏi nhận thức thông thường của gã. Trước đây, khi còn là lính đánh thuê, gã từng tiếp xúc với một vài người Anh, khẩu âm Anh nặng nề không thể trộn lẫn vào đâu được. Thế nhưng trước mắt trong chiếc Rắn đen này căn bản chẳng có người Anh nào, thiết bị liên lạc ở khoang lái rõ ràng cũng đã bị hư hại, thì vì sao lại có tiếng thì thầm của người Anh? Ngoài ra, chiếc máy bay vận tải đã mất tích hơn hai mươi năm, vì sao mãi đến tận giờ này phút này, vẫn có thể bảo dưỡng y nguyên như mới? Và vì sao trước khi vào khe núi núi Dã Nhân, lại nhìn thấy chiếc bóng đen sì sì của nó bay lượn là là trên đỉnh đầu?

Tổng hợp tất cả những hiện tượng khó giải thích này lại, chỉ làm rõ cho một vấn đề, đó là chiếc máy bay vận tải này đang “gặp ma”, hơn nữa trong máy bay còn lẫn khuất một vong hồn của phi công không quân hoàng gia, cho nên mới nghe thấy giọng nói của vong hồn.

Tuy gã Gấu trắng không nghe rõ được hết toàn bộ nội dung, nhưng vẫn có một vài từ chập chờn lọt vào tai, vong hồn của viên phi công không quân Anh dường như muốn cảnh báo đội thám hiểm: “Hàng trong khoang máy bay vận tải - cực kỳ nguy hiểm!”

Gấu trắng chẳng tin bất cứ ai, nhưng lại vô cùng tin tưởng vào đôi tai của chính mình, gã ra hiệu bằng tay với Ngọc Phi Yến: “Chiếc máy bay này quả thực quá bất thường, trước khi điều tra rõ ràng toàn bộ sự

việc, tốt nhất không nên động chạm bừa bãi vào bất kỳ vật gì, nếu không rất có thể sẽ dính họa sát thân.”

Ngọc Phi Yến luôn lo lắng khe động núi Dã Nhân sẽ liên tục sụt lở do sự công kích của bão nhiệt đới, mà nếu huyết động hình kim tự tháp này sụp xuống hoàn toàn, mọi người sẽ đều bị chôn sống dưới đáy; vậy nên việc cần làm trước mắt chính là mau chóng lấy được “hàng” trong khoang máy bay, sau đó lập tức tìm kiếm lối ra, đợi khi cơn bão Buddha suy yếu thì cả hội sẽ tháo chạy ra khỏi núi Dã Nhân.

Nhưng đến đúng khớp này thì xảy ra sự bất ngờ, trước khi chiếc máy bay vận tải rơi xuống đáy cốc, cô ta hoàn toàn chưa kịp quan sát kỹ tình hình bên trong khoang; nhưng lúc này, cô ta lấy đèn halogen chiếu sáng trước sau trái phải một hồi, thì cũng làm gì có tên người Anh nào trốn trong khoang? Theo tư liệu ghi chép của quân Anh, mà cô nắm giữ trong tay, chiếc máy bay tiêm kích số hiệu Rắn đen trong lúc chấp hành nhiệm vụ ở Miến Điện và mất tích tại nơi sâu nhất trong đám sương mù dày đặc dưới lòng khe núi núi Dã Nhân, khi đó, bao gồm cả phi công, trong khoang máy bay có tất cả ba thành viên. Chẳng lẽ vong hồn của họ đều hãy còn lờn vờn quanh nơi này? Họ không chịu để người khác động chạm vào “hàng” trong khoang máy bay?

Trong lúc mọi người đang rối như tơ vò vì sự việc ly kỳ diễn ra trước mắt, thì thấy Karaweik đầu băng bó trắng toát, tay cầm một vật màu đen đưa ra trước mặt Tư Mã Khôi.

Tư Mã Khôi ngạc nhiên hỏi: “Đây là cái gì thế?” Karaweik tỏ ra luống cuống, cậu hoa chân múa tay nói một hồi lâu, may mà có Tuyết đứng bên cạnh phiên dịch giúp, nên mọi người cuối cùng cũng hiểu rõ. Thì ra, sau khi chui vào khoang máy bay trốn, chiếc máy bay vận tải lập tức bắt đầu rơi tự do với tốc độ kinh khủng, cậu đột nhiên cảm thấy có một vật đập vào người. Trong lúc hoảng hốt, chẳng nhìn rõ là vật gì, cậu liền thuận tay bắt lấy. Lúc ấy cũng không hiểu ấn vào chỗ nào, tự dưng thấy có tiếng nói chuyện phát ra từ bên trong, khiến Karaweik giật nảy người, sau đó chiếc máy bay va chạm vào dòng khí lưu thông lượn vòng dưới khe núi. Trong lúc thân máy bay rung lắc điên đảo, đầu cậu bị đập

mạnh, rách một miếng to, rồi từ đó mất hết cảm giác. Khi tỉnh lại, cậu thấy mình vẫn nắm vật ấy trong tay, ấn một cái lại thấy có tiếng nói phát ra nên Karaweik cảm thấy rất thích thú.

Theo luật lệ bất thành văn của đội du kích cộng sản Miến Điện, trên chiến trường, những vật vô chủ và những vật trên cơ thể người chết, ai nhặt được thì coi như của người ấy, còn ở đây chẳng có ba mục kỷ luật, tám điều quy định gì cả, cũng chẳng hề có khái niệm “tất cả đều phải xung công”, thế là cậu liền nhặt bỏ vào túi, định giữ làm của riêng. Thế rồi đợi khi nhìn thấy năm người còn lại chẳng ai nói câu gì, Karaweik mới mang vật đó đưa cho Tư Mã Khôi xem, muốn nhờ anh chỉ cho cậu cách sử dụng như thế nào.

Nhóm mấy người quan sát vật mà Karaweik nhặt được, thì ra là đó là chiếc máy thu âm loại nhỏ, kiểu cầm tay giống như máy dùng để phỏng vấn, mặt ngang còn cắm chiếc micro có dây. Lúc này mọi người mới vỡ lẽ, tiếng nói của người Anh nghe được lúc trong khoang máy bay đều từ đây mà ra. Tư Mã Khôi đúng là lắc đầu bất lực với cái kiểu ngớ ngẩn, dạy mãi không khôn của người Miến Điện, nhưng sợi thần kinh đang căng như dây đàn cuối cùng cũng chùng xuống một đoạn.

La Đại Hải giơ tay gõ đầu Karaweik một cái: “Ranh con nhà cậu, suýt chút nữa khiến hồn vía bọn anh dạt nhà bỏ đi rồi đấy!”

Karaweik ú ớ chẳng hiểu chuyện gì xảy ra, khuôn mặt ngơ ngơ ngác ngác.

Ngọc Phi Yến thấy cả hội chỉ là sợ bóng sợ gió, nhưng cuốn băng trong máy ghi âm dường như có nhắc đến thông tin gì đó có liên quan đến “hàng” nên trong lòng cô cũng đang có rất nhiều nghi hoặc khó lòng giải thích. Gấp gáp muốn tìm đáp án từ trong cuốn băng, cô bèn quyết định sẽ nghe lại từ đầu đến cuối, rồi sau đó căn cứ theo tình hình thực tế để lấy hàng trong khoang. Nghĩ vậy, cô liền khuyên can: “Dù sao sai một chút và sai một trăm chút cũng chẳng khác nhau là bao, các anh đừng trách cứ người anh em nhỏ tuổi này nữa, cậu ta thì hiểu được gì chứ?” Nói xong, cô lập tức tua lại cuốn băng, rồi cẩn thận nghe lại từ đầu, phát

hiện giọng nói ghi âm trong cuốn băng quả nhiên là của một người Anh. Trừ Tư Mã Khôi và La Đại Hải ra, thì những người còn lại đều ít nhiều hiểu tiếng Anh, nhưng hai người này làm gì có chuyện ngồi yên một bên mà giương mắt nghe như vịt nghe sấm. Ngọc Phi Yến cũng chẳng biết làm sao, đành phải nghe một đoạn, lại dịch một đoạn cho họ.

Không ngờ sự việc nghe được sau đó lại khiến mọi người cảm thấy kinh ngạc, đầu óc như muốn nổ tung, vì nội dung ghi lại trong cuốn băng còn đáng sợ gấp nhiều lần việc gặp phải vong hồn phi công không quân Anh dưới lòng đất như họ nghĩ.

Người ghi âm là một chuyên gia thám hiểm hang động người Anh, tên là Wilson. Anh đã tự mình ghi âm cuốn băng dựa theo thời gian thực tế, bắt đầu từ thời khắc chiếc máy bay vận tải cất cánh tại sân bay, đồng thời nói rằng nếu như có người phát hiện ra cuốn băng này, thì có nghĩa là anh ta đã lâm nạn. Trên đường phi hành, Wilson hồi tưởng ngắn gọn những điều mình đã trải qua, tự nhận đội của anh là phân đội tinh nhuệ có kinh nghiệm phong phú, bao gồm những phi hành viên ưu tú nhất, có chuyên gia nghiên cứu về lịch sử tôn giáo và hiện tượng siêu nhiên, cũng có quân nhân phục viên từ binh chủng không quân, họ không thuộc tổ chức chính trị nào mà chỉ làm việc vì tiền. Lần này, nhận đơn hàng từ một khách hàng không lộ diện, mục tiêu là tìm kiếm chiếc máy bay tiêm kích vận tải mất tích dưới khe núi núi Dã Nhân, nghe nói trong khoang vận tải chất đầy châu ngọc quý hiếm mà bọn thực dân Anh đã cướp đoạt từ Miến Điện, có điều cụ thể là hàng gì thì tuyệt đối cơ mật, nên ngoại trừ đội trưởng ra, các thành viên khác hoàn toàn không hề hay biết.

Qua nhiều lần thăm dò và trinh sát trên không, bước đầu đã xác minh được kết cấu địa hình trong lòng khe núi: đây là một huyệt động khổng lồ mặt cắt hình kim tự tháp, sâu rộng không thể lường, bề ngang tương đối hẹp. Căn cứ vào thông tin liên lạc qua bộ máy điện đàm không dây của phi công lái chiếc máy bay tiêm kích vận tải bị mất tích, thì có lẽ nó đã rơi xuống sườn nam.

Đội thám hiểm đồng thời cũng phát hiện: bất luận trên mặt đất hay dưới lòng đất, đường bộ hay đường thủy, đều không có con đường nào

tuyệt đối an toàn để đi xuyên vào núi. Ngoại trừ màn sương mù dày đặc trào ra từ lòng đất, núi Dã Nhân còn tồn tại một lượng lớn các di tích cổ đại: có điều, phần lớn trong số chúng đều bị hủy hoại nghiêm trọng, nên không thể phán đoán hay khảo nghiệm bối cảnh văn hóa và cội nguồn lịch sử của nó, vì dường như người cổ đại muốn che giấu một bí mật nào đó, đồng thời họ cài đặt trùng điệp cạm bẫy để bảo vệ nó. Trong khi ấy, chiếc máy bay tiêm kích vận tải chuyên chở bảo vật cổ đại Miến Điện lại rơi đúng xuống núi Dã Nhân, tất cả những việc đó phải chăng là sự trùng hợp ngẫu nhiên? Wilson cho rằng có thể mình chỉ quá đa nghi mà thôi, nhưng những ai càng nghiên cứu sâu về luật logic thì càng nên coi trọng sự trùng hợp đó.

Thật không may, tất cả những đội thám hiểm trước đây định vào núi đều không rõ tông tích, và gần như chẳng có kẻ may mắn nào sống sót trở về. Đối với những nhà thám hiểm chuyên nghiệp được trang bị tinh nhuệ, có kinh nghiệm phong phú, rèn luyện qua các lớp đào tạo cao cấp và vũ trang đến tận răng, thì địa hình ngoại vi núi Dã Nhân phức tạp và các loài mãnh xà, độc trùng chẳng phải trở ngại tuyệt đối. Hiểm họa thực sự là đến từ màn sương bí ẩn quanh năm không tiêu tan ở sâu trong núi, sương khí mù mịt bao trùm cả cánh rừng nguyên sinh xung quanh khe núi, đã khiến người ngoài khó lòng nhìn thấu những bí mật bên trong của nó.

Đội thám hiểm Anh của Wilson đã nghĩ ra một kế hoạch gần như là điên cuồng, họ cho rằng chiếc máy bay tiêm kích của không quân hoàng gia năm đó, sở dĩ có thể hạ cánh xuống vùng sương mù ở nơi sâu trong khe núi, là do có hai điểm thuận lợi, thứ nhất là kết cấu chất liệu đặc biệt của loại máy bay tiêm kích, thứ hai là tác dụng của dòng khí lưu thông mà địa hình đặc biệt trong khe núi sản sinh ra; nhưng nếu giả dụ thay vào chiếc máy bay khác, chắc chắn là sẽ bị quá nhẹ hoặc quá nặng, không thể vừa vặn như chiếc tiêm kích. Ngoài ra, điều kiện thời tiết cũng có khả năng là một trong những nhân tố quyết định, vào ngày chiếc tiêm kích vận tải số hiệu Rắn đen mất tích, cũng là ngày cơn bão nhiệt đới di chuyển về hướng bắc, khiến phần lớn vành đai địa hình khe núi núi Dã Nhân bị lộ ra khỏi lớp sương mù dày đặc.

Nếu bây giờ muốn vào sâu trong khe núi, chỉ có đợi đến khi cơn bão nhiệt đới lại đến một lần nữa, đồng thời còn phải sử dụng chiếc máy bay tiêm kích cùng số hiệu với chiếc đã mất tích, thì mới hi vọng đạt được mục đích. Nơi sâu trong núi Dã Nhân có khu vực bom mìn, sương mù, độc trùng và các loại tà thuật, khiến người phương Tây khó lòng lý giải, cho nên bọn họ dự định đáp chiếc máy bay tiêm kích giống nhau, nhân lúc thời tiết thay đổi, mạo hiểm tiến vào nơi sâu nhất dưới khe núi, rồi sau khi thành công sẽ nghĩ cách đáp khinh khí cầu rút lui. Mãi cho đến cuối những năm sáu mươi, vẫn có thể tìm thấy bóng dáng máy bay tiêm kích ở những khu vực tương đối lạc hậu. Họ đã vất vả ngược xuôi một phen, cuối cùng cũng tìm được chiếc máy bay tiêm kích cải tiến, có cùng số hiệu với chiếc Rắn đen, ở một nơi nào đó thuộc khu vực Đông Nam Á.

Gần núi Dã Nhân tồn tại rất nhiều tô tem ^[22] măng xà, chiếc máy bay rơi xuống vùng sương mù mang số hiệu Rắn đen, mạch chạy của khe núi ngoằn ngoèo như rắn lượn, thậm chí ngay cả con đường U Linh mà liên quân Trung - Mỹ đã xây dựng cũng dài như hình rắn. Đội thám hiểm Anh phán đoán: có lẽ “rắn” là chiếc chìa khóa liên kết toàn bộ bí mật trong núi Dã Nhân. Thế là họ liền tìm một chiếc máy bay tiêm kích vận tải, sau đó tiến hành cải tiến, làm mới từ trong ra ngoài, bao gồm cả nước sơn, tất cả đều hoàn toàn giống như đúc với chiếc máy bay bị mất tích, rồi đặt tên cho nó là Rắn đen II với hi vọng nó có thể đem lại may mắn cho đoàn thám hiểm.

Đội thám hiểm Anh mua đứt một sân bay kín đáo, do lực lượng vũ trang địa phương không chế, ở khu vực phi chính phủ giáp ranh Cam Miến, rồi nhân lúc cơn bão nhiệt đới Buddha xâm nhập, họ đáp chiếc Rắn đen II bay vào núi Dã Nhân. Kế hoạch này vô cùng mạo hiểm, thiên thời địa lợi nhân hòa, dùng kỹ thuật, chỉ cần thiếu bất kỳ nhân tố nhỏ nào cũng đều có khả năng ảnh hưởng đến vận mệnh cuối cùng, vì sự thay đổi bất thường luôn mang lại những khó khăn không thể tưởng tượng. Nhưng đối mặt với món thù lao khổng lồ và cảm giác sứ mệnh to lớn vô

hình nào đó đã khiến đội thám hiểm dưới sự thôi thúc của tâm lý đầu cơ, vẫn quyết định lao vào dù biết rõ khó khăn.

Wilson thẳng thắn thừa nhận: “Tính nguy hiểm của nhiệm vụ lần này vô cùng lớn, có khả năng không còn đường trở về, nhưng hi vọng những gì chúng tôi làm là có giá trị.”

Sau khi chiếc máy bay vận tải Rắn đen II cất cánh, nó bay lượn rất lâu trên bầu trời vùng núi, không ngờ thời tiết biến đổi càng lúc càng khắc nghiệt, đằng xa bắt đầu xuất hiện tiếng sấm rền vang dội, sương mù dày đặc gần khe núi cũng không hạ xuống đến mức thấp như dự tính ban đầu. Mọi việc đều không hội tụ đủ điều kiện giống trong kế hoạch, bởi vậy phi công đành đề nghị từ bỏ chuyến hành động này. Nhưng giữa khoảnh khắc cả đoàn đang bay là là vượt qua khe núi, thì đột nhiên xuất hiện chiếc máy bay tiêm kích vận tải u linh như một bóng ma từ trong dải mây mù ngưng tụ không tan biến lờ lờ bay ra.

Wilson nói: “Đó chính là chiếc máy bay tiêm kích vận tải đã mất tích mấy chục năm trước của không quân Hoàng gia Anh, nó lao thẳng vào chúng tôi mà không phát ra một tiếng động nhỏ, đến khi phi công phát hiện thấy nó, đồng thời định chuyển hướng né tránh, thì mọi sự đã quá muộn. Chiếc ‘Rắn đen II’ của chúng tôi đâm trúng chiếc máy bay xuất hiện từ đám sương mù. Lạ một điều, tuy rằng đột ngột xảy ra va chạm giữa không trung, nhưng lại chẳng hề khiến chiếc ‘Rắn đen II’ phát nổ ngay lập tức, mà cảm giác giống như đâm vào một màn sương dày đặc, nhìn không rõ, sờ không thấy, còn chiếc máy bay vận tải đối diện dường như vốn dĩ chỉ là ảo ảnh không hề tồn tại. Nhưng điều khiến mọi người khó hiểu nhất là: trong khoảnh khắc va chạm với chiếc máy bay u linh kia, hai động cơ của chiếc ‘Rắn đen II’ liền ngừng hoạt động, các thiết bị khác cũng hoàn toàn không thể điều khiển nổi, khoang máy bay phút chốc trở nên tối mù, rồi rơi thẳng xuống khe núi trong tình trạng mất lái.

May nhờ thượng đế che chở, nên chiếc ‘Rắn đen II’ thoát khỏi họa máy tan người nát. Nó bị vướng vào các rễ cây cổ thụ, treo lơ lửng giữa không trung. Đợi khi các thành viên lần lượt tỉnh lại khỏi hôn mê, phát

hiện sương mù hoàn toàn che khuất tầm nhìn phía ngoài khoang, chẳng rõ mình bị rơi xuống phương nào, đề duy trì tầm nhìn với khoảng cách nhất định trong sương mù, đội thám hiểm Anh liền bật sáng mấy ngọn đèn halogen cường quang đã chuẩn bị từ trước, vì nó có thể xuyên thấu những tạp chất trong sương mù với hạn độ lớn nhất. Sau đó mọi người mở cửa máy bay ra ngoài, dùng đèn halogen nhiều bóng soi chiếu địa hình gần ‘điểm rơi’. Lúc này đội trưởng đội thám hiểm lại nhắc nhở mọi người thêm lần nữa: nếu tìm thấy chiếc máy bay tiêm kích vận tải bị mất tích, trước khi có sự cho phép của anh ấy, tuyệt đối không ai được mở hòm hàng, bởi vì ‘hàng’ chở trong máy bay cực kỳ nguy hiểm.”

Có điều, lúc này vận đen của đội thám hiểm Anh chỉ vừa mới bắt đầu, ánh sáng cực mạnh phát ra bởi đèn chiếu trên máy bay không ngờ lại dẫn dụ một vật thể to lớn dị thường từ nơi sâu trong đám sương mù đi ra - Wilson miêu tả vật thể đó là “vật thể sống” với giọng kinh hoàng tột độ, nó nuốt chửng cả chiếc Rắn đen II, tiếp sau đó là một loạt tạp âm hỗn loạn điếc tai cùng tiếng gào thét hoảng loạn, rồi băng ghi âm ngừng lại ở đây.

Chương 4

ĐỘNG KHÔNG ĐÁY KINH HOÀNG

Hồi thứ nhất

SÚNG SẼN

Dường như tất cả các đội thám hiểm vào núi Dã Nhân đều suy xét kỹ lưỡng đến những trở ngại và nguy hiểm có thể gặp phải, nhưng hiểm họa khó lòng dự tính nhất lại đến từ màn sương khí không ngừng trào ra dưới lòng đất. Ngoài trừ những kẻ mất tích vĩnh viễn bị nhốt trong đám sương mù bí ẩn, thì e rằng trên thế giới chẳng còn người nào khác có thể giải đáp xem rốt cục họ đã gặp phải điều gì trong đám sương mù, cũng không biết cội nguồn của nó xuất phát từ đâu. Nếu phán đoán theo lý lẽ thông thường, sương mù có khả năng khiến con người nảy sinh ảo giác, hoặc giả sương mù có hàm chứa độc tố, nhưng dựa vào kinh nghiệm phong phú, vũ khí tiên tiến hiện đại, cộng thêm một chút vận may không thể thiếu, thì lẽ ra họ cũng phải có cơ hội để rút lui an toàn khỏi núi mới phải.

Không chỉ có hai người Tư Mã Khôi và Ngọc Phi Yên nghĩ như vậy, mà ngay cả đội thám hiểm Anh lái chiếc Rắn đen II cũng ôm hi vọng về sự may mắn đó. Để đối phó với màn sương mù ngàn năm nằm sâu trong khe động khổng lồ, họ đã làm rất nhiều công việc chuẩn bị cần thiết, bao gồm các loại biện pháp phòng độc cùng nhiều thiết bị chiếu sáng cường quang sử dụng trong sương mù. Thế nhưng, chẳng ai có thể ngờ, bao trùm dưới màn sương mù dày đặc ấy lại tồn tại một thứ gì đó khiến con người hoàn toàn không thể tưởng tượng nổi.

Cuộn băng ghi âm mà Wilson để lại khiến mọi người nghe xong đều thất sắc, im lặng mãi một hồi lâu. Nội dung mà cuộn băng nhắc đến đã hoàn toàn đảo lộn toàn bộ nhận thức về các sự việc của họ trước đây.

Ngọc Phi Yến biết rất rõ trong lòng, hội của cô và đoàn thám hiểm Anh lái chiếc Rắn đen II, chắc chắn đều có cùng một “khách hàng” ngồi phía sau màn diễn. Theo thông lệ quốc tế, nếu khách hàng đã thuê một nhóm người truy tìm tông tích chiếc máy bay vận tải bị mất tích, thì trước khi nhóm người đó thất thủ hoặc từ bỏ, sẽ không cho phép người khác nhúng tay vào. Nếu biết trước cơ sự như vậy, bọn cô ta đã chẳng thêm lao vào để uống ngụm nước đục này.

Ngọc Phi Yến lại nghĩ đến lúc cùng Tư Mã Khôi phát hiện ra chiếc máy bay tiêm kích vận tải, khi ấy sương mù trong khe núi đã hạ xuống mức thấp và chiếc Rắn đen II cũng không có biểu hiện gì bất thường, trong khoang chẳng thấy vết tích thể người Anh nào. Căn cứ vào đó có thể suy đoán: “vật thể sống” mà cuộn băng ghi âm nhắc đến, chỉ hoạt động trong phạm vi sương mù bao phủ, hơn nữa, chính “ánh đèn” đã dẫn dụ nó ra khỏi đám sương mù.

Lúc này Tư Mã Khôi đã cạy được nắp hòm hàng trong khoang máy bay, vừa nhìn quả nhiên bên trong chứa toàn trang thiết bị và vật dụng mà đội thám hiểm Anh mang theo, chứ không phải “báu vật Miến Điện” mà Ngọc Phi Yến đang mất công tìm kiếm.

Anh thấy thần sắc mọi người đều vô cùng nặng nề, như thể đại nạn đang sắp sửa giáng xuống đầu, liền tìm một lý do an ủi: “Chỉ ít cuộn băng ghi âm cũng giúp chúng ta giải thích một việc, đó là chiếc máy bay chúng ta gặp trong khe núi là chiếc ‘Rắn đen II’, chứ không phải oan hồn mấy chục năm trước vẫn lờn vờn trong sương mù còn gì!”

Ngọc Phi Yến liếc Tư Mã Khôi một cái rồi nói: “Anh việc gì phải lừa người rồi tự lừa mình như thế. Chiếc máy bay mà chúng ta gặp quả đúng là chiếc ‘Rắn đen II’, nhưng rốt cục nó đã đâm phải cái gì trong đám sương mù ấy?”

Tư Mã Khôi nói, chiếc Rắn đen II đã đâm chính diện vào chiếc máy bay tiêm kích vận tải, nhưng lại không hề xảy ra cháy nổ, tôi nghĩ chắc là do “sương mù”. Nghe nói trên đời thường xuất hiện ảo ảnh “thành phố trên mặt nước, thành phố trong núi”, buổi tối ở những khu

nghĩa địa hoang vắng còn có “thành ma”. Vật đột ngột xuất hiện từ trong lớp sương mù, quá nửa chỉ là hình ảnh mấy chục năm trước còn lưu lại của chiếc máy bay tiêm kích vận tải bị mất tích mà thôi.

Cuối thời kỳ chiến tranh Thái Bình Dương, quân Mỹ có một trung đội máy bay chiến đấu Mustang P-51. Trong khi đang chấp hành nhiệm vụ tuần tra ở khu vực Thái Bình Dương, đột nhiên họ phát hiện không phận phía đối diện xuất hiện hàng loạt máy bay chiến đấu Mitsubishi A6M Zero của quân Nhật, trong khi hạm đội liên hợp Nhật Bản lúc đó đã hoàn toàn không còn tồn tại, không quân và hải quân đều đã bị đánh cho tan tác, và đã sớm mất quyền khống chế trên khu vực từ lâu. Vậy thì làm sao còn có thể xuất hiện cả đội quân với quy mô cực lớn và chính tề như vậy? Trong lúc phi công máy bay chiến đấu Mỹ định phát đòn công kích, thì toàn bộ quân địch đột nhiên biến mất chẳng còn tông tích, trước mắt họ chỉ còn lại mặt biển mênh mông nối liền đường chân trời dài tít tắp, xanh biêng biếc ngút cả tầm nhìn. Thông qua liên lạc họ được biết: sóng ra-đa hải quân tuần tra ở khu vực lân cận trước sau không hề xuất hiện bất kỳ phản ứng bất thường nào. Khi đó toàn bộ thành viên phi hành của trung đội bay chiến đấu Mustang đều tròn mắt ngạc nhiên, chẳng ai rõ cảnh tượng họ tận mắt chứng kiến khi này rốt cục là chuyện gì.

Sau này, hiện tượng đã được giải thích: đó chỉ là do khúc xạ ánh sáng của hơi nước, và còn có rất nhiều người tận mắt nhìn thấy chiến trường cổ đại rực rỡ huy hoàng trên biển hoặc thấp thoáng hiện lên phía tận cùng đường chân trời trong sa mạc. Có điều, các nhà khoa học đến tận bây giờ vẫn chưa giải thích nổi vì sao những ảo ảnh hình thành trên mặt nước hoặc trong tầng mây, mãi bao nhiêu năm sau này mới xuất hiện.

Đây là những điều Tư Mã Khôi nghe được lúc còn ở trong đội du kích cộng sản Miến Điện. Bản thân anh cũng không biết nó là thật hay giả, sở dĩ giờ đây lôi ra nhắc lại vì thấy cảnh ngộ đội thám hiểm gặp phải trong núi Dã Nhân có vài phần tương tự với các hiện tượng kỳ xuất hiện nơi biển rộng cát dài kia. Giải thích như vậy nghe có vẻ thông suốt lý lẽ hơn cả.

Thế mà Ngọc Phi Yến lại không công nhận suy đoán này. Nếu nói đó chỉ là hiện tượng giả được hình thành do sương mù, vậy thì tại sao vào khoảnh khắc chiếc Rắn đen II đâm phải nó, lại giống như chạm vào bức tường cực mạnh, khiến toàn bộ động cơ, thiết bị đều ngừng hoạt động? Ngoài ra, sau khi nó rơi xuống khe cốc, “vật thể sống” bị đèn halogen cực mạnh dẫn dụ ra khỏi đám sương mù là thứ gì? Các thành viên đội thám hiểm Anh đã gặp phải nạn gì? Và vì sao ngay cả thi thể cùng vết máu đều chẳng lưu lại chút nào tại hiện trường?

Tuyệt cũng có cùng cảm giác nghi hoặc sâu sắc như vậy. Không tìm được, cô liền mở miệng hỏi Tư Mã Khôi: “Vì sao người Anh lại hình dung vật xuất hiện trong sương mù dày đặc là vật thể sống?”

Tư Mã Khôi đáp: “Cái từ này đúng là dễ hù dọa người thật. Kỳ thực, nói trắng ra, đó chẳng qua là một ‘vật sống’ nào đó tồn tại trong đám sương mù trào ra từ lòng đất hay sao?”

Tuyệt lắc đầu phủ nhận: “Chỉ sợ chẳng hề đơn giản như thế, từ này phạm vi bao trùm quá rộng lớn, anh có thể nói cái cây ngọn cỏ là vật thể sống, thậm chí cũng có thể nói cả cõi trời đất này đều là một vật thể sống. Chỉ đến khi chúng ta tận mắt chứng kiến vật xuất hiện trong sương mù ấy, thì mới có thể miêu tả chuẩn xác về nó. Rốt cục trời đất mênh mang, những điều con người biết chỉ vô cùng hữu hạn, nhưng một điểm có thể khẳng định chắc chắn, vật bị đèn halogen dẫn dụ ra khỏi sương mù, tuyệt đối nguy hiểm khác thường, chúng ta không gặp phải nó thì hơn.”

Tư Mã Khôi ngẫm nghĩ: “Có thể làm rõ chân tướng vật ẩn nấp trong sương mù được, cũng chính là vấn đề then chốt giúp đội thám hiểm đào thoát khỏi núi Dã Nhân”.

Nhưng khi bị mọi người liên tiếp đặt câu hỏi như nã đạn pháo, thì anh cũng chẳng biết phải trả lời thế nào, và trong lòng nghĩ: “Tôi còn đang hoang mang đây này, sao các cô toàn nhằm tôi mà hỏi mãi thế?” nên đành phải lảng đi: “Nhìn không hết là việc bình thường dưới trời,

hiểu không thấu là chuyện bình thường trên đất. Mọi việc diễn ra trước mắt quả thực vượt xa khỏi dự liệu, dường như chẳng có chút logic nào, nên nếu có là ai thì cũng chẳng thể giải đáp nổi. Với tình hình này, chúng ta chỉ có thể cố gắng dùng tư duy đàn hồi để giải quyết thôi.”

Ngọc Phi Yến và Tuyết đều ngo ngác không hiểu, nên thắc mắc: “Tư duy đàn hồi có nghĩa là gì vậy?”

Hải ngọng nói thay Tư Mã Khôi: “Cái từ này đúng là để dọa người thật. Kỳ thực nói trắng ra, hiện giờ cậu ta chẳng còn kế sách gì nữa cả, đành phải cố biến vấn đề phức tạp thành đơn giản, biến nó từ lạ thành bình thường. Chúng ta cần gì phải tự làm khó bản thân thế chứ, chẳng may nghĩ quá hóa cuồng thì người chịu thiệt thòi rủi ro là chính mình chứ ai?”

Ngọc Phi Yến gật đầu đồng tình: “Nói cũng có lý. Giờ đây bên ngoài núi mưa to như tháo cống, nước mưa không ngừng thấm qua kẽ đất đá, lòng sơn động bị màn mưa che phủ, khiến sương mù dày đặc dưới khe cốc bị tiêu tan hoàn toàn. Chúng ta nhờ thế mà tranh thủ được thiên thời, nếu bây giờ buông tay từ bỏ thì có khác gì mang công đổ bể. Chiếc máy bay vận tải bị mất tích của không quân Anh, từng xác nhận thông tin thông qua liên lạc điện đàm không dây rằng: đã hạ cánh vào màn sương mù, chứ không chìm xuống đầm lầy. Ở dưới lòng đất có bao nhiêu là đầm lầy, nên nơi cho phép chiếc tiêm kích vận tải hạ cánh chỉ có mỗi dải đất ẩm ướt dài hẹp và sâu hút này thôi. Nếu chúng ta tiếp tục lần mò về phía nam, thì biết đâu vẫn còn cơ hội tìm thấy hàng chứa trong khoang máy bay.”

Trước đây Ngọc Phi Yến thường tự do hành sự theo ý mình, chẳng bao giờ cần giải thích gì với thuộc hạ, nhưng đối với mấy người mới hội Tư Mã Khôi (bọn họ quả thật có thể buông tay gãy căng giữa đường, mà mình chẳng làm gì được), nên cô đành xuống nước, thương lượng đầu cuối với họ, rồi dặn dò mọi người: “Dụng binh hay ở chỗ thần tốc, bây giờ chúng ta không thể nán ná thêm được nữa, phải nhanh chóng bắt tay hành động. Bởi không chừng cơn bão nhiệt đới chẳng kéo dài thêm bao lâu, lỡ mà nó chuyển hướng giữa chừng hoặc đột ngột suy yếu thì sự

việc sẽ phiền phức to, lúc đó đám sương mù chắc chắn sẽ xuất hiện trở lại. Trước khi xuất phát, mọi người cố gắng mang theo những vật dụng cần thiết mà đội thám hiểm Anh để lại, đặc biệt là lương thực và vũ khí phòng thân, cùng với thiết bị chiếu sáng. Nếu trên đường bất ngờ gặp sương mù, thì phải tắt ngay đèn pin cường quang và đèn chiếu halogen đi. Trong tình huống bất đắc dĩ, cũng có thể đổi sang dùng đèn hàn quang hóa học không tỏa nhiệt.” Nói xong, cô bắt đầu tìm kiếm vật dụng cần thiết trong hòm hàng của đội thám hiểm Anh.

Ngọc Phi Yến bất ngờ phát hiện một chiếc máy bộ đàm dạng đeo vai, bèn hỏi hội Tư Mã Khôi xem có ai biết sử dụng không?

Tuyệt xem xong bảo: “Đây là máy điện đàm không dây chiến thuật quân dụng hiệu PRS25/77 mà. Cái này do Mỹ sản xuất, tôi hiểu một chút về thông tin, chắc có thể sử dụng được nó, nhưng bây giờ trong huyết động dưới lòng đất chẳng có kẻ sống sót nào khác ngoài chúng ta, thì cần nó để liên lạc với ai?” Ngọc Phi Yến nói: “Sau khi lấy được hàng, chúng ta sẽ tìm cách rút lui khỏi khe núi, nhưng nếu ra được ngoài núi Dã Nhân mà không có ai tiếp ứng thì cũng chẳng nên cơm cháo gì được, mang theo nó chẳng nguy hại gì, ngược lại biết đâu sẽ có lúc phải dùng đến.”

Tư Mã Khôi thấy Ngọc Phi Yến bố trí mọi việc khá hợp lý, có bài có bản hẳn hoi, nếu là mình thì cũng chẳng thể nghĩ ra sách lược gì hay hơn, nên anh chỉ ngồi im lặng, chẳng nói thêm gì.

Những người còn lại cũng không có ý kiến gì khác, người nào người nấy cắm cúi bắt tay chuẩn bị, chỉ mỗi mình La Đại Hải cả đời chưa từng bị con gái chỉ huy bao giờ, tuy chẳng nói ra miệng, nhưng trong lòng khó tránh khỏi có chút khó chịu. Anh vô tình phát hiện dưới đáy hòm có một hộp gỗ dài, mở ra nhìn thì thấy bên trong đựng một khẩu súng săn bốn nòng kiểu cũ bị tháo rời từng bộ phận, kèm theo hai loại thuốc súng đặc chế. La Đại Hải trong chốc lát đã lắp ráp xong và thấy khẩu súng săn này đúng là to ngoại hạng, hơn nữa chất liệu thân súng rất được chú trọng, công nghệ vô cùng tinh xảo, bốn nòng súng xếp thành hình chữ thập, hai nòng trái phải lắp đạn ghém, hai nòng trên dưới là những đường xẻ rãnh dành cho loại hòng súng cỡ lớn. Anh từng nghe

người bản địa nói, đây là kiểu súng mà dân quý tộc Anh trước đây thường sử dụng khi đi săn voi rừng hoặc tê giác ở Miến Điện hay Ấn Độ. Lớp sừng bên ngoài của tê giác cứng đánh như thép nguội, đủ để phòng vệ trước nhiều loại đạn, chỉ mỗi khẩu “săn voi rừng” với đường kính họng súng ngoại cỡ này là nó không thể địch lại nổi mà thôi.

La Đại Hải hớn hờ ra mặt, nói với Tư Mã Khôi: “Khẩu súng này chẳng khác nào khẩu pháo, có nó bên mình, tớ cũng cảm thấy vững dạ hơn nhiều.”

Tư Mã Khôi nhắc nhở: “Tiên sư Hải ngọng, cậu định mang nó đi bắn cả xe tăng đấy hả? Tớ bảo cho mà biết, sử dụng súng săn nòng ngoại cỡ đó cũng đáng ngại ra phết, tuy rằng uy lực nó lớn thật, nhưng vì được sản xuất từ lâu rồi nên cấu tạo thiết kế có khá nhiều điểm lạc hậu, khuyết điểm vô số, rất dễ cướp cò, đặc biệt lực đẩy về sau mạnh đến kinh người, kẻ nào thể lực yếu ớt, khi nổ súng không khéo còn nảy ra sau ngã chổng vó đấy.”

La Đại Hải tự thấy mình cao to lực lưỡng, thể lực tráng kiện, tay vai chắc chắn nên chẳng coi mấy lời của Tư Mã Khôi vào đâu: “Bọn khom Anh đấy chẳng phải cũng chỉ uống nước máy, ăn mì trắng thôi sao? Đâu phải hạng ba đầu sáu tay gì. Bọn ấy mà đã sử dụng được thì chúng ta cũng có thể chơi cho sướng tay chứ.” Nói xong, anh khoác băng đạn của khẩu săn voi lên người, sau đó quay sang dặn dò Karaweik: “Ranh con nhà cậu nhớ bám đuôi cho sát vào nhé, nếu dám rút lại phía sau, coi chừng anh bắn tuốt xác ra đấy.”

Karaweik cũng biết hoàn cảnh trước mắt vô cùng nguy hiểm, mặt mày hoảng hốt, miệng ngậm chặt chẳng dám ho he câu nào.

Sau khi mọi người đã nai nịt gọn gàng đầu vào đấy, họ mới lần lượt chui ra khỏi khoang Rắn đen II. Người nào người nấy đều lăm lăm khẩu súng tự động trong tay, dùng đèn chiếu halogen mở đường, dò dẫm về phía cực nam của khe núi truy lùng mục tiêu. Vùng nước đọng thấm qua kẽ nứt đất đá bị dòng khí lưu thông ở nơi cao trong khe núi cuốn ngược lên, đã tạo thành màn mưa bụi dày đặc giăng mắc mịt mù khắp

không gian, khiến tầm nhìn cũng bị ảnh hưởng, mọi vật trở nên mơ hồ không còn rõ ràng nữa.

Đáy khe núi toàn là những vùng đất ẩm ướt hoang phế, trong đó có một dải khá rộng, trải dài theo chiều dọc, tạo hình giống như con măng xà khổng lồ. Trên mặt nước xung quanh lại mọc đầy cỏ răng cưa thân dày lá rậm và lau sậy um tùm, chúng cao đến ngang thân người, khiến đầm lầy trông chỉ chít ngang dọc chẳng khác nào bàn cờ.

Tuyệt thấy kỳ lạ liền thắc mắc: “Không gian dưới lòng đất rộng lớn, sâu hút, quanh năm bị sương mù dày đặc phong tỏa như thế này, ánh mặt trời chẳng bao giờ lọt xuống tới nơi thì lẽ ra không thể xảy ra hiện tượng quang hợp được mới phải, vậy mà sao hệ thực vật ở đầm lầy lại có thể mọc um tùm, phong phú dường này nhỉ?”

Tư Mã Khôi cũng đồng cảm: “Điều bất thường nhất là ở đây quả thực quá rộng rãi, trống trải, mà độ sâu của huyệt động không dưới hai ngàn mét. Tôi vốn dĩ cho rằng dưới lòng đất phải có vật gì đó ẩn nấp, nhưng trong này ngoại trừ sương mù ra, thì dường như chẳng có thứ gì.” Trong lúc nói, dưới chùm sáng của đèn chiếu halogen, anh nhìn thấy ở mặt nước lân cận nổi lên mấy khúc trông như củi khô, trong lòng biết chắc, đó chính là cá sấu.

Bốn xung quanh hẻm núi hoàn toàn cách biệt với thế giới bên ngoài. Những loài động thực vật từ trên cao rơi xuống đáy động, chỉ có thể sinh sôi nảy nở ở môi trường gần như khép kín. Bởi vậy, trong đầm lầy dưới lòng đất, xuất hiện các loài sinh vật bò sát như cá sấu hay măng xà Miến Điện thì cũng chẳng phải điều gì kỳ lạ. Nhưng “vật thể sống” xuất hiện từ đám sương mù và tấn công chiếc Rắn đen II rốt cục là thứ gì? Hình dạng của nó chắc chắn không thể nhỏ được, hơn nữa, nó có thể mượn sự trợ giúp của sương mù nhanh chóng di chuyển lên nơi cao, nên chắc chắn không thể là cá sấu hoặc măng xà Miến Điện.

Tư Mã Khôi chẳng lần tìm được đầu mối, nên mặc kệ không buồn nghĩ nhiều nữa. Anh ngẩng đầu nhìn lên cao, trước đây anh chẳng có chút cảm xúc nào với cơn bão nhiệt đới Buddha, chỉ thấy khí hậu khác

nghiệt là mối hiểm họa chí mạng, nhưng giờ đây lại ngàn vạn lần mong rằng cơn giông tố xua tan mây mù này đừng có dừng lại.

Trong lúc bước đi với đầu óc trống rỗng, đột nhiên anh nhìn thấy phía trước có một con cá sấu khổng lồ dài mười mấy mét, nặng tới vài tấn, há miệng lộ ra hàm răng sắc nhọn lờm chờm. Nó nằm vắt ngang đường, án binh bất động, bất ngờ bị kinh động bởi ánh sáng đèn halogen và tiếng bước chân, nhưng nó chẳng hề tấn công mà chỉ chậm chạp nhúc nhích thân hình nặng trịch phát ra mấy tiếng “ì oạp ì oạp” rồi cứ thế trườn sâu vào đám lau sậy, nghe âm thanh dường như đã bò đi khá xa.

Ngọc Phi Yên vội nhắc nhở mọi người, tuyệt đối không được đi gần chỗ cỏ lau sậy mọc, để tránh bị cá sấu mai phục ngoạm một ngoạm mà lôi xuống đầm lầy.

Lúc này gã Gấu trắng người Nga đột ngột dừng bước, làm một nhúm đất nơi con cá sấu khổng lồ vừa trườn qua làm vỡ cả tầng gỗ mục, dưới lớp rêu xanh và bùn đất dày lộ ra một khoảng đất rộng màu vàng như gan chó. Gã liên tiếp móc mấy chỗ khác nữa trên mặt đất, tất cả đều giống như vậy, xem ra nó kéo dài một mạch xuống tận nơi sâu dưới đáy đầm. Gã Gấu trắng người Nga dường như cảm thấy việc này rất đổi bất thường, gương mặt vốn dĩ lạnh như băng của gã giờ đã phủ thêm một làn mây u ám.

Tuy rằng Tư Mã Khôi không hiểu gã khom người Nga kia đang làm trò gì, nhưng nơi này cực kỳ nguy hiểm, đâu thể tự tiện dừng lại như thế, bèn hỏi: “Bác chuyên gia nhất chết cho em hỏi, bác đang đào bom đấy à?”

Gã Gấu trắng người Nga nghe thấy tiếng nói liền ngẩng đầu lên, mặt lạnh tanh hướng thẳng về phía Tư Mã Khôi mà há to miệng, bên trong lộ ra mỗi cái cuống lưỡi, ngậm ra hiệu mình không thể nói, sau đó liền dùng dao găm vạch vài chữ trên mặt đất.

Mọi người chiếu đèn nhìn xuống, chỉ thấy bốn chữ cái tiếng Anh “MOHO”, ai nấy đều cảm thấy kỳ lạ khó hiểu: “Đây là tên người à?”

Ngọc Phi Yến biết một số kinh nghiệm mà chuyên gia bom mìn Gấu trắng này từng trải qua, nhìn thấy mấy chữ cái tiếng Anh trên mặt đất, thì liền hiểu ra điều mà gã muốn nói với mọi người, cô ta kinh ngạc hỏi lại: “Có phải anh muốn nói chúng ta bị rơi vào trong ống kính viễn vọng rồi không?”

Hồi thứ hai

KẾ HOẠCH KÍNH VIỄN VỌNG ĐỊA CẦU

Gã Gấu trắng người Nga dùng dao găm vạch bốn chữ “MOHO” trên mặt đất, chỉ có Ngọc Phi Yến hiểu rõ ý gã. Đây là một sự thật khiến người ta không thể nào chấp nhận nổi: đáy động dưới khe núi khổng lồ ở vùng núi Dã Nhân được cấu thành bởi vật chất thạch quyển ^[23], sáu kẻ may mắn sống sót của đội thám hiểm không rõ vì sao lại rơi vào “điểm gián đoạn Moho” ở giữa lớp vỏ địa chất và quyển Manti của trái đất.

Nếu phải giải thích sự việc này, thì phải bắt đầu nói từ thời kỳ đầu những năm 50, khi đó hai trận địa đối địch là hai cường quốc Liên Xô và Mỹ thường chịu sự chi phối bởi tư duy chiến tranh lạnh. Họ đổ một lượng lớn tài sản vật chất vào cuộc chiến tranh không bao giờ chấm dứt, nghiên cứu khoa học quân sự cũng phát triển đột biến với tốc độ gần như là thần kỳ, hai bên đều vắt kiệt sức để khai phá mọi nguồn tài nguyên chiến lược.

Liên Xô khi đó có một dự án bí mật, đặt biệt danh là “Kính viễn vọng địa cầu”. Vùng phía đông và phía nam trên lãnh thổ Liên Xô rất rộng lớn trống trải, uốn vòng theo dải đồi núi, hang động thiên nhiên và các mỏ khoáng nhiều vô kể. Vì muốn nắm giữ được nguồn tài nguyên phong phú tiềm ẩn dưới lòng đất, đồng thời chạm tay vào thế giới chưa từng được biết đến của nhân loại sớm hơn nước Mỹ, người Liên Xô đã dùng thiết bị máy móc khoan sâu hạng nặng, bí mật tiến hành đào bới ở độ sâu chưa bao giờ từng có trước đây, dưới một hang động khô trong bồn địa thiên nhiên.

Công trình này tiêu tốn khoảng thời gian gần hai mươi năm, huyết động mà họ đào được nằm dựng đứng với độ sâu đạt tới mười ba ngàn mét, là huyết động sâu nhất trên thế giới được biết đến. Bởi vì việc này liên quan đến những cơ mật quân sự ở mức độ tối cao, cho nên dự án “Kính viễn vọng địa cầu” từ đầu chí cuối tuyệt đối được tiến hành trong trạng thái tuyệt mật, bên ngoài rất ít người biết đến nội tình sau bức màn.

Gấu trắng Ciglovski nghiên cứu tinh thông về chất nổ và khoan xuyên địa chất. Vào thời kỳ cuối của công trình “Kính viễn vọng địa cầu”, gã từng tham gia vào dự án và có cơ hội tiếp xúc với rất nhiều bí mật có liên quan. Nhân loại đã chế tạo ra kính thiên văn, có thể dùng mắt thường để thăm dò mọi bí mật của không trung vũ trụ, nhưng mắt người lại không thể nhìn xuyên thấu lòng đất, cho nên họ mới đặt tên cho vực sâu năm xuyên qua địa tầng trái đất là “Kính viễn vọng địa cầu” với mong muốn có thể thông qua nó để trực tiếp quan trắc vật chất dưới lòng đất.

Tại các độ sâu khác nhau trong lòng đất, kết cấu của vật chất cũng hoàn toàn khác nhau, không phải tất cả từ trên xuống dưới đều là bùn cát đất đá lẫn lộn. Nói một cách khái quát, đại thể có thể phân chia trái đất thành ba tầng khu vực, phần ngoài cùng gọi là lớp vỏ địa chất, phần sâu hơn là tầng quyển manti trung gian, hay còn gọi là lớp phủ, bên trong lớp phủ là phần lõi. Phía ngoài và phía trong tầng quyển manti, chỗ ranh giới của loại các vật chất khác nhau gọi là điểm gián đoạn, chỗ giáp ranh giữa lớp vỏ và lớp phủ được gọi là điểm gián đoạn Moho, chỗ giáp ranh giữa lớp phủ và lớp lõi được gọi là điểm gián đoạn Gutenberg.

Năm đó, người Liên Xô đã đào tới độ sâu hơn mười ngàn mét dưới lòng đất, lấy được mẫu vật từ tầng quyển manti bên trong “điểm gián đoạn Moho”, phát hiện dưới lòng đất hàm chứa loại vật chất có tính phóng xạ rất lớn, khiến vật chất tầng thạch quyển hình thành giống như sáp parafin, nó không phải đá cũng không phải cát, có lẽ bên trong chứa vi sinh vật, nên mới hiện lên những vết vân màu gan chó hiêm gập ấy, hoàn toàn không giống với cấu tạo địa chất thường thấy trong các hang động khác ở núi Dã Nhân. Gấu trắng từng nhìn thấy mẫu vật này ở Liên

Xô, đồng thời hiểu rằng vạch ranh giới loại vật chất dưới lòng đất này mang tính toàn cầu, nhưng tùy vào khu vực bề mặt khác nhau thì độ sâu của điểm gián đoạn Moho cũng thay đổi; nếu ở núi Dã Nhân Miến Điện, chỉ ít phải nằm sâu dưới lòng đất khoảng mấy chục nghìn mét thì mới có thể xuất hiện loại vật chất đặc thù này.

Ngọc Phi Yên ngược đầu lên nhìn khe nứt của miệng vực ở mãi trên cao qua lớp mưa bụi, trong lòng trào lên cảm giác khác lạ khó nói thành lời. Lúc này, bên ngoài núi mưa to như trút, sấm sét giao hòa, không thể dùng mắt thường phán đoán dựa theo tia sáng của ánh chớp, mà chỉ có thể nhìn con số hiển thị vị trí so với mực nước biển trên đồng hồ đeo tay, khoảng cách theo chiều thẳng đứng giữa đáy động và miệng vực áng chừng khoảng hai nghìn mét. Hơn nữa, đỉnh khe núi, bản thân lại nằm trong núi Dã Nhân, nơi có vị trí tương đối cao so với mực nước biển, trừ đi độ cao của ngọn núi, thì từ mặt đất xuống dưới này không thể vượt quá một nghìn mét. Độ sâu ấy đương nhiên không thể gọi là nông, nhưng sự biến hóa của vật chất địa tầng cho thấy rõ ràng mọi người đang ở độ sâu mười nghìn mét dưới lòng đất, chứ không phải một nghìn. Việc đó cũng có nghĩa là độ sâu mà bản thân tự cảm giác thấy còn kém độ sâu thực tế một số không. Trong lòng khe núi thăm thẳm như vực sâu vạn trượng này, dường như mọi logic và kiến thức thông thường đều mất hết ý nghĩa, khiến người ta hoàn toàn khó lòng phán đoán được rốt cục bản thân đang gặp phải tình huống gì.

Ngọc Phi Yên trong lòng hỗn độn một mớ, cô ta tóm tắt nội dung tình hình mà gã Gấu trắng phát hiện với những người còn lại. Hội Tư Mã Khôi trình độ văn hóa có hạn, nên chẳng thể nào hiểu được “điểm gián đoạn Moho” và “kính viễn vọng địa cầu” rốt cục là chỉ thứ gì? Nếu như diễn đạt nôm na có khi họ lại hiểu được chút ít.

Hải ngọng tặc lưỡi: “Bây giờ dù sao chân đã chạm tới đáy rồi, còn lo nó sâu bao nhiêu làm chi? Tôi thực sự chả hiểu chuyện này có gì đáng để quan tâm. Rơi xuống từ một ngàn mét cũng chết, mà rơi xuống từ mười ngàn mét chẳng phải cũng chết sao? Kiểu gì thì vẫn một kết cục thối nát xương tan vung vãi tứ phía, dù sao có thành bộ dạng gì thì bản

thân cũng chả nhìn thấy; bởi vậy, căn bản chẳng cần suy nghĩ về độ nông sâu của huyết động dưới lòng đất này làm gì cho mệt óc.”

Tư Mã Khôi ngẫm nghĩ một hồi rồi nói: “Chắc là vẫn hơi khác một chút đấy, rơi từ hai ngàn mét thì chỉ cần gào lên một tiếng thảm thiết, chẳng kịp đau buồn gì đã ra đi rồi. Nhưng nếu rơi từ nơi cao mười ngàn mét, cứ mặc thân thể rơi tự do xuống dưới, trước tiên cậu phải gào mất vài tiếng, sau đó móc một điều thuốc ra hút, rồi lôi giấy bút ra viết di chúc, dặn dò hậu sự xong đâu đấy, lại hồi tưởng quãng đời chinh chiến trên lưng ngựa ở cánh rừng rậm nhiệt đới này hết mấy lượt, cúi đầu nhìn xuống, thì ô hay, vẫn còn nửa đoạn đường nữa mới rơi được tới đáy kia.”

Ngọc Phi Yến thấy hai người bọn họ căn bản chẳng hiểu chuyện gì, bèn nói: “Bất kể do địa chất trong lòng núi Dĩ Nhân biến dị hay do cảm giác về không gian của bản thân bị nhiễu loạn, đều là những vấn đề sau này mới cần đề tâm đến. Giờ phải cân nhắc việc nào quan trọng việc không. Hiện giờ quan trọng nhất là đi tìm chiếc máy bay tiêm kích vận tải bị mất tích.”

Cô thấy đầm lầy dưới lòng đất mênh mang vô bờ bến, lớp phủ thực vật và bóng tối lại cản trở công cuộc tìm kiếm, nên với tình hình này, muốn tìm thấy mục tiêu, gần như là mò kim đáy bể, thật khiến người ta chẳng biết bắt đầu từ đâu. Tất cả mọi chiêu phép đào mò quật mả trong núi trước đây đều chẳng có tác dụng gì ở nơi này, đầu óc cô trống rỗng không nghĩ ra nổi một kế sách nào.

Tư Mã Khôi theo đoàn thám hiểm vào núi sâu, thấy hội trộm mộ Ngọc Phi Yến đúng là có chút bản lĩnh, nhưng kinh nghiệm và kỹ thuật truyền thống của bọn họ, dường như hoàn toàn không thích hợp trong rừng rậm nhiệt đới Miến Điện. Ngay từ đầu, Khương sư phụ quyết định tiến vào thâm cốc theo con đường “tượng môn” là đã phạm vào điều đại kỵ.

Tư Mã Khôi lăn lộn trong đội du kích cộng sản Miến Điện đã nhiều năm, ngoài việc phóng hỏa giết người, thì kinh nghiệm về những phương diện như tác chiến trong rừng rậm, mưu cầu sinh tồn ở nơi

hoang dã, tìm kiếm cứu viện hay phân biệt phương hướng v.v... anh đều nắm rõ như lòng bàn tay. Anh quay sang nói với Ngọc Phi Yến: “Địa hình vùng núi Miến Điện cực kỳ phức tạp, muốn đảm bảo an toàn, thì phải cố gắng thực hiện theo phương châm - đi chỗ cao, chớ đi chỗ thấp, đi đường rộng, chớ đi đường hẹp, đi dọc chớ đi ngang, băng rừng chớ lội cỏ.”

Thế mà bây giờ đội thám hiểm ở đáy khe núi tìm tung tích chiếc máy bay tiêm kích vận tải bị mất tích, trong bốn điều cấm kỵ, họ đã phạm phải ba. Thứ nhất, đi xuyên vào trong huyết động, tức là đi nơi thấp, thứ hai sự hạn chế của địa hình và môi trường, khiến tầm nhìn trở nên vô cùng hạn hẹp, tức là đi nơi hẹp, thứ ba dưới lòng đất toàn là đầm lầy, cỏ rặng cưa và lau sậy mọc um tùm rậm rạp, rất dễ bị cá sấu lén tấn công. Có thể nói, cảnh ngộ họ gặp phải bây giờ hiểm ác đến cực điểm.

Nghe Tư Mã Khôi nhắc đến cá sấu mai phục dưới đầm lầy, mặt mày ai nấy đều tự dưng biến sắc. Nhớ năm đó ở Miến Điện, đội quân hơn hai ngàn tên, được vũ trang đầy đủ đến tận răng lạc bước vào đầm lầy, do binh sỹ bị thương quá nhiều, mùi máu tanh bốc lên nồng nặc, kết quả là dẫn dụ vô số cá sấu trườn ra khỏi đầm. Chưa đầy nửa tiếng sau, hơn hai ngàn con người gần như đều trở thành miếng mồi sống nuôi cá sấu. Căn cứ vào tập tính của loài này là, sau khi phát hiện ra con mồi, nó không lập tức tấn công ngay, mà trước tiên sẽ quan sát kỹ một hồi, nhưng khi có con nhào lên trước, thì đồng loại sẽ thi nhau phi lên tranh mồi. Lúc đó kết cục như thế nào, đương nhiên chẳng cần nói thì ai cũng tự rõ.

Tư Mã Khôi lại nói: “Trước mắt chỉ biết chiếc máy bay vận tải đại khái hạ cánh ở cực nam khe núi, nhưng huyết động dưới lòng đất thênh thang thâm u như thế này, dựa vào mấy khẩu súng của chúng ta, mạo hiểm đội mưa dò dẫm đi tìm trong đầm lầy, thì biết đến bao giờ mới thấy?”

Ngọc Phi Yến bị Tư Mã Khôi vặn lại thì máu quyết tâm đã nguội đi quá nửa, lặng lẽ hỏi: “Theo như anh nói, chẳng lẽ chúng ta không còn cơ hội nào tìm thấy chiếc máy bay tiêm kích vận tải đó sao?”

Tư Mã Khôi đáp: “Hoàn cảnh càng nghiệt ngã thì cơ hội càng nhiều hơn. Lúc đầu tôi cũng chẳng có cách gì hết, có điều từ khi đi vào đầm lầy, tôi lại đột nhiên nghĩ ra một cách, không chừng lại dùng được.”

Chủ nghĩa thực dân Anh thống trị Miến Điện gần trăm năm, trong thời kỳ đại chiến thế giới lần thứ hai, quân đội Anh đánh nhau với quân Nhật ở Miến Điện, quy mô phải tới hơn một triệu người. Đương nhiên, phần lớn lính tráng lúc đó đều đến từ những nước thuộc địa, tuy nói rằng họ chiến đấu vì nước Anh vĩ đại, nhưng rất nhiều người cả đời chưa hề đặt nửa bước chân lên lãnh thổ nước Anh, thậm chí cũng chẳng rõ nước Anh nằm ở đâu trên bản đồ.

Giữa các nước thuộc địa rải rác khắp thế giới, người Anh coi trọng nhất Ấn Độ đất rộng người đông, trong khi Miến Điện lại là bức bình phong chiến lược tự nhiên của Ấn Độ. Năm đó, họ xây dựng Miến Điện trở thành một tỉnh của Ấn Độ. Bởi thế người Anh đặc biệt chú ý phát triển Miến Điện trong suốt nhiều năm, biến nó trở thành một trong những quốc gia giàu có nhất Đông Nam Á. Thời kỳ này, chế độ thống trị thực dân đã có ảnh hưởng vô cùng sâu rộng đối với Miến Điện. Cho đến ngày nay, lãnh thổ Miến Điện còn rất nhiều đường bộ, đường sắt, sân bay do người Anh xây dựng, đặc biệt có vô số vũ khí chiến tranh nằm rải rác khắp nơi trên đất nước, bao gồm cả pháo hạng nặng, xe tăng, máy bay chiến đấu.

Tư Mã Khôi cho dù không thông thạo tình hình nước Anh lắm, nhưng anh tham gia quân đội nhân dân cộng sản Miến Điện đã bao nhiêu năm, nên nắm rất rõ những loại vũ khí do người Anh chế tạo. Chiếc máy bay tiêm kích, anh cũng từng nhìn thấy không ít lần. Trước đây, cùng đồng đội hành quân trong núi sâu rừng thẳm, đôi lúc anh cũng gặp vài xác máy bay ném bom bị rơi xuống núi, và cả những quả bom hạng nặng ném xuống nhưng không phát nổ. Binh lính bản địa của quân đội nhân dân cộng sản nhìn thấy vỏ ngoài chiếc máy bay, liền dỡ nó ra mang về, những phần tương đối hoàn chỉnh họ còn có thể mang ra chợ bán lấy tiền, hay đổi lấy vật dụng có giá trị tương ứng. Bởi vì loại gỗ ván ép sử dụng cho máy bay tương đối nhẹ, nguyên liệu hoàn toàn dùng gỗ Balsa,

một loại gỗ khá giống với họ gỗ hồng (Paulownia) ở châu Á. Loại gỗ này không nứt không cong, dễ gia công, khả năng chịu chấn động tốt, không dễ bị biến dạng và không dễ cháy, nên nó rất thích hợp để làm đồ gia dụng hoặc sửa chữa nhà cửa. Nếu nhìn thấy trong nhà người bản địa, có những đồ gia dụng đơn giản do mấy tấm gỗ ván ép cũ kỹ lắp ghép thành, thì chẳng cần hỏi cũng biết, nguyên liệu chắc chắn được lấy từ chiếc tiêm kích của quân đội Hoàng gia Anh.

Những điều này đều là điều ai cũng biết, bình thường đến mức không thể bình thường hơn nữa, làm gì có chỗ nào đặc biệt? Nhưng Tư Mã Khôi từng được truyền thụ Kim điển, hiểu được cái lý “tướng vật”, đó là căn bản khởi nghiệp của tổ tiên, giờ đây trên thế giới, ngoại trừ anh ra, thì chẳng còn người thứ hai có được bản lĩnh này nữa.

Vậy thế nào là “tướng vật”? Thời xưa thường có các thuật sĩ xem tướng số cho người sống, dựa vào ngũ quan diện mạo và khí sắc để phán đoán cát hung phúc họa cho họ, ngoài ra còn có thầy địa lý xem “tướng đất”, nghĩa là thông qua bố cục địa hình phong thủy để phán đoán sông núi địa lý. Bên cạnh đó còn có rất nhiều hạng mục tạp nham như tướng mèo, tướng bò, tướng ngựa v.v... Thế nhưng tất cả quy nạp lại, cổ pháp đó toàn bộ đều thuộc về đạo “tướng vật”.

Thời xưa, đạo chỉ “tướng vật” nhìn tên mà biết nghĩa, “tướng” tức là chỉ vật có thể dùng mắt nhìn thấy, còn về hàm ý của “vật” bao trùm phạm vi vô cùng rộng lớn, vạn vật trong cõi trời đất, bất kể sống chết gì, đều được coi là “vật”. Là vật tất phải có thuộc tính, chẳng có cái gì không hợp lẽ âm dương sinh khắc.

Người xưa giải thích về nguyên lý “tướng vật” như sau: “Thiên địa vốn vô vi, thuộc tính vạn vật vốn dĩ đã có, muốn miêu tả vạn vật, hãy xem tạo hóa nhỏ bé của nó, mà phân biệt thời số vận hạn, sẽ linh ứng như thần phán.”

Lời này hàm ý quá sâu xa, nếu nói đơn giản, rõ ràng hơn một chút, thì ta có thể lấy một ví dụ tương đối trực quan để hình dung: “Bỏ một giọt nước mắt vào ống rồi mang vào phòng thí nghiệm, từ đó ta rất dễ

phân tích mọi thành phần hóa học, để biết giọt nước mắt do những phân tử nào cấu thành. Nhưng lý do gì khiến giọt nước mắt có thể trào ra khỏi cơ thể? Rốt cục do đau buồn hay do mừng vui? Cho dù áp dụng các phương pháp khoa học tiên tiến hơn nữa, thì cũng không thể phân biệt được nguyên nhân phát sinh ra nó. Cái này nghĩa là biết hình mà không biết tính. Nhìn rõ, sờ thấy bao giờ cũng dễ phân biệt, còn những khí chất vô hình vô ảnh thì rất khó phán đoán, chỉ có thể thông qua cổ pháp tương vật để quan sát phân tích, điều ấy gọi là: nhìn hình, biết tính - biết tính mới có thể biết tường tận nguyên lý và nhờ đó cuối cùng sẽ tìm thấy con đường giải quyết.

Tuy Tư Mã Khôi lĩnh hội bản lĩnh gia truyền này không sâu lắm, chẳng qua thủ thân được một chút lông da bên ngoài, tới được trình độ nông cạn “nhìn hình, biết tính”. Có điều, khi ở gần đầm lầy dưới lòng đất, anh đã tiến hành phân tích tỉ mỉ mọi vật xung quanh, không khỏi giật mình trước một số điều mình đã thấy.

Anh biết chất liệu chế tạo nên chiếc máy bay tiêm kích vận tải, còn có một đặc tính: nếu gỗ ván ép Balsa bị ngâm lâu trong môi trường ẩm ướt, không có ánh sáng mặt trời, thời gian càng lâu thì tính gỗ càng nặng nề âm khí. Nếu chiếc máy bay vận tải hạ cánh xuống khe cốc sâu mấy chục năm, thì cũng tức là trong rừng rậm dưới lòng đất đang vùi chôn một thân gỗ âm khí cực mạnh.

Cỏ rắng cưa và lau sậy trong đầm lầy cũng đều hợp theo lẽ chuyển biến của tạo hóa. Nếu ở môi trường bình thường, cùng một đám lau sậy, nhưng khóm ở mặt bắc sẽ um tùm rậm rạp vì ở gần mặt trời hơn, còn khóm ở mặt nam sẽ khô cằn hơn một chút. Nhưng ở dưới khe núi quanh năm bị mây mù che phủ không chút ánh sáng này, quy luật sinh trưởng của lớp phủ thực vật chắc là sẽ không phân biệt nam bắc. Thế nhưng, chiếc máy bay tiêm kích vận tải đã mất tích mấy chục năm nay, chắc chắn đang tỏa âm khí nặng nề ở nơi nó nằm, nói cách khác, nơi nó nằm gọi là “cực âm”, bởi vậy đám lau sậy mọc gần vị trí chiếc máy bay sẽ cằn cỗi hơn. Nếu tiến hành quan sát phân tích tỉ mỉ, thì sẽ không khó xác định phương hướng chính xác của nó.

Nếu Tư Mã Khôi không cùng đội du kích cộng sản Miến Điện lẫn lộn bao nhiêu năm nơi rừng già núi sâu, và không hiểu được đôi chút về bí thuật tướng vật, thì cũng khó có thể nắm vững được kinh nghiệm đặc thù này. Trong đầu anh nảy ra một kế sách, chỉ sợ để lâu sinh biến, nên liền đi trước dẫn đường và nói với hội Ngọc Phi Yến: “Mọi người chỉ cần đi theo tôi, trong ngày hôm nay chắc chắn sẽ có kết quả,” rồi lại dặn dò: “Đi lại trong đầm lầy, mọi người hãy đi theo hàng dọc, khoảng cách giữa người trước và người sau không được vượt quá một cánh tay, đồng thời phải bước nhẹ, đứng chắc, nài nịt các vật dụng tùy thân như súng, ba lô, bình nước đều phải gọn gàng, ép sát vào người, những vật cao quá đầu, rộng quá vai đều vứt hết, như vậy khi xảy ra tình huống đột biến như bị ngã hay thụt chân, mới có thể đảm bảo những vật dụng mang theo không rơi vãi, mất mát, cũng có thể tránh va chạm vào bụi cỏ phát ra tiếng động lớn dẫn dụ bọn cá sấu đến, làm như vậy sẽ giúp hành động được nhanh chóng hơn.”

Tư Mã Khôi nói xong, lập tức dùng dao săn phạt một đoạn cành khô, cắm xuống bùn dưới đầm để dò đường. Anh lần mò theo khu vực tỏa ra âm khí nặng nề tối tăm nhất trong đầm lầy, chậm chạp tiến từng bước. Những người còn lại bám sát phía sau, xuyên qua bụi cỏ rậm rạp um tùm và bóng tối mênh mang, rồi chẳng biết họ đã đi được bao nhiêu cây số thì nhìn thấy ở nơi sâu phía bãi cỏ hoang, đột nhiên có một vật gì rất to lớn nằm chắn ngang.

Nhờ vào chùm sáng phát ra bởi đèn chiếu halogen, họ nhìn kỹ vào vật thể ấy, thấy thấp thoáng như hình của chiếc máy bay tiêm kích vận tải. Nó nằm bất động chìm sâu vào giấc ngủ im lìm ở nơi đây liền một hơi đã hai mươi mấy năm, nửa thân dưới của nó đã bị lún dưới đầm lầy, gần đó nhấp nhô lồi lõm đầy những vật trông như sập nền, bao phủ kín mít chẳng chừa chỗ nào, đồng thời trên bề mặt đất ẩm ướt còn lộ ra rất nhiều mảnh đá ^[24], kết dính lằng nhằng bởi chất keo giống như thảm rêu, nhìn vào chẳng khác nào loại dầu nền, người Miến Điện gọi nó là “nền nước”, kỳ thực đó là sào huyết một loài bướm đêm có tên gọi là “ngài mắt kính”.

Mọi người vừa đến gần, thì lũ côn trùng bị kinh động hoảng hốt bay tứ tán khắp nơi. Dưới làn mưa bụi mịn mịn, chúng túa ra từ lùm lau sậy gần đó, không ít con bị nước mưa đánh ướt sũng, nhìn thấy chùm sáng lay động trong bóng tối, liền ngò nghếch đầu bỏ nhào vào đèn chiếu halogen, trên cánh ngài có những vết vằn màu trắng, trong suốt như mắt kính, chúng đều là loại sinh vật sinh sôi nảy nở ở những nơi ẩm ướt quanh năm. “Nén nước” là loại hợp chất do bụi phấn trên cơ thể bướm đêm ngưng tụ đông đặc lại mà thành, và cho dù dưới làn mưa sương tắm tới, nó vẫn có thể tỏa ra thứ ánh sáng lạnh lạnh, nhưng trong môi trường đặc biệt này, rất khó có thể nhìn thấy từ phía xa, mà phải lại gần ở khoảng cách mấy chục mét mới có thể phát hiện được. Chiếc máy bay tiêm kích ngủ yên dưới lòng đất đã bao nhiêu năm, chất gỗ Balsa tuy rằng đã qua gia công, nhưng do ngâm lâu dưới lòng đất quá mức nóng ẩm nên rất dễ bị mục nát; giờ đây xung quanh nó đã sớm trở thành sào huyệt tụ tập của loài bướm đêm.

Hội Tư Mã Khôi mặc kệ chẳng buồn giơ tay xua bọn bướm đêm đang bám đầy người, đội mưa xách đèn đi tới chiếc máy bay. Tuy rằng toàn thân nó phủ đầy rêu xanh và rễ cây, nhưng dùng giáo mỏ vịt xới tung lớp phủ thực vật bên ngoài, thì đã lộ ra cửa khoang máy bay bị đóng kín mít. Họ kiểm tra mọi dấu hiệu đặc trưng, thấy đây chính là chiếc máy bay tiêm kích mà đội thám hiểm cần tìm. Đến phút giây này, tim ai nấy đều bất giác đập loạn xạ cả lên.

Ngọc Phi Yến giơ tay sờ vào thân máy bay ướt lạnh, trơn nhầy, xem ra bề mặt cũng kết đầy tổ ngài. Tuy rằng việc này hoàn toàn nằm trong dự liệu, nhưng cô dường như càng ngày lại càng lún sâu hơn vào bể nghi hoặc: “Chiếc máy bay tiêm kích thực sự, quả đúng đã rơi xuống khe núi hai mươi mấy năm. Vậy thì lẽ nào vật mà chiếc ‘Rắn đen II’ đâm phải trong đám sương mù lại là một bóng ma?” Cô nóng lòng muốn xem hàng trong khoang còn nguyên lành không, bèn giục Hải ngọng đi cạy cánh máy bay.

Hải ngọng đành trao khẩu súng săn cho Tư Mã Khôi, cầm lấy cây giáo mỏ vịt chọc vào khe cánh máy bay. Cùng với âm thanh cọt xát nghe

trầm đục rồi lại kèn kẹt do han gỉ, cánh cửa máy bay bị anh nậy ra một đường rãnh to, luồng khí ẩm mốc lập tức xộc thẳng vào mũi, chùm sáng của đèn halogen như bị bóng tối nuốt chửng, chẳng thể nhìn thấy tình hình bên trong khoang.

Tư Mã Khôi thấy cảnh tượng mờ mịt, bèn ngăn Hải ngưng lại, không để bạn tùy tiện trèo vào, rồi tự mình lẻ làng tiến sát, anh muốn cố gắng quan sát rõ tình hình trong khoang trước đã. Tư Mã Khôi giờ cao ngọn đèn, ghé mắt nhòm, chỉ thấy trong khoang tối mịt, im lìm, chẳng thể nhìn rõ nơi xa, còn nơi gần cũng không thấy điều gì bất thường. Bỗng nhiên anh nhìn thấy một vật đang bò phía trước, nhưng ánh sáng của ngọn đèn trong tay ảm đạm như sắp tắt, nên căn bản chẳng thể nhìn thấy rõ nó là cái gì.

Tư Mã Khôi trong lòng lờ mờ cảm thấy không ổn, liền định thu người lùi bước, ai ngờ từ trong khoang máy bay ào ra một vật đen ngòm, anh chưa kịp tránh thì toàn thân đã bị nó khóa chặt ngắc, chỉ cảm thấy luồng khí lạnh xuyên thấu tận xương, đầu óc tối tăm, cảm giác ngột ngạt tựa ngộp thở, trong khi cả người dường như bị một sức mạnh khủng khiếp nào đó đè nén bóp nghẹt, rồi bất giác kéo sâu vào trong khoang. Anh vội vã giơ tay ngăn lại, không ngờ tay vừa đẩy ra, thì chạm vào một khoảng không hư vô trống rỗng, chỉ có sương mù dày đặc bủa vây trước mắt mà thôi.

Hồi thứ ba

HÀNG NGUY HIỂM

Tư Mã Khôi hoảng hốt phát hiện trước mắt là một dải hư không, vật đang bóp nghẹt cơ thể mình dường như chỉ có đám sương khí hữu hình vô chất này thôi. Ngực anh đau tức, thân thể không thể cử động, miệng cũng không thể thốt thành lời, bất giác bị kéo tụt vào trong quảng sương. Lúc đó anh lại cũng đang đứng quay lưng về phía mấy người cùng hội ở ngoài máy bay, khiến tầm nhìn của mọi người bị cản trở, nên chẳng ai có thể phát hiện cảnh ngộ bất ngờ mà anh gặp phải.

Nửa thân trên của Tư Mã Khôi bị kéo về trước, đầu ngón chân vẫn cố bám trụ trên mặt đất nhưng chẳng thể gồng mình lên được, cánh tay trái cầm đèn cũng bị sương mù không chế, khí lạnh xuyên thấu đến tận xương tủy, mắt nhìn tính mạng ngàn cân treo sợi tóc. Anh thầm oán thán trong lòng và giữa lúc tình thế cấp bách, tay phải anh gạt nòng khẩu “súng săn voi” lên.

Khẩu súng săn nòng cực đại nổ “đoàng” một tiếng thật lớn, khiến toàn thân Tư Mã Khôi bị bắn ngược về phía sau, đập mông một nhát rất mạnh xuống bùn. Trên nóc chiếc máy bay tiêm kích cũng bị đạn xuyên thủng một lỗ lớn, gió hoang mưa lạnh liền ủa vào, phút chốc màn sương mù mịt mù trong khoang bị thổi tan tã.

Hội Hải ngọng nghe thấy tiếng súng mới biết xảy ra biến cố, cả bọn vội vàng chạy lại đỡ Tư Mã Khôi dậy, chỉ thấy trên người anh toàn là vết thâm tím, mặt trắng bệch như sáp nến.

La Đại Hải và Tuyệt hiểu rất rõ tính cách can trường của Tư Mã Khôi. Khí phách gan dạ, cái thứ này có thể chia ra làm nhiều loại: một vài kẻ có gan cọt nhả phụ nữ, nhưng không có gan sống mái một phen với kẻ thù, một số người khác không sợ tuốt thịt lột da, nhưng lại sợ bị bác sĩ tiêm, có kẻ dám ăn trộm ví tiền nhưng không dám chặn đường cướp của. Đương nhiên, cũng có người văn võ song toàn, như Tư Mã Khôi chẳng hạn, bẩm sinh đã là một kẻ liều mạng, trước giờ luôn điềm tĩnh ung dung trước mọi hoàn cảnh, lâm nguy cũng chẳng mảy may run sợ. Nhưng lúc này, nhìn thần sắc cũng thấy rõ là anh vừa bị chấn động không nhỏ; vậy rốt cục Tư Mã Khôi đã nhìn thấy vật gì mà khiến anh sợ tới mức như vậy?

Mãi một lúc sau, Tư Mã Khôi mới định thần lại được, sờ những vết bầm trên cơ thể, vẫn thấy đau đến tận xương tủy. Anh cũng không thể xác định rốt cục mình đã gặp phải cái gì giữa khoảnh khắc đó, chỉ có thể hình dung mọi cảm giác sợ hãi dường như đều cộng gộp cả vào lúc ấy, nên lòng thầm nghĩ “Chẳng lẽ trong đám sương mù kia lại có ma?” nhưng suy ngẫm một lát, lại thấy không giống, có lẽ đội thám hiểm Anh trên chiếc Rắn đen II cũng gặp phải cảnh ngộ giống mình, cuối cùng ngay cả một cái xác cũng chẳng thấy đâu, tất cả đều bị đám sương mù dưới lòng đất núi Dã Nhân phân hủy hòa tan, hay là bị lôi đến nơi nào khác?

Hải ngọng hỏi Tư Mã Khôi: “Lúc lặn lội trên chiến trường năm đó, tình hình chiến sự trên không thảm khốc ác liệt như thế, xác người chết lấp đầy cả rãnh núi, hai đứa bọn mình mò mẫm giữa đêm tối trong rừng sâu, tìm đạn trên thân thể người chết, lúc đó tớ cũng chẳng thấy cậu nhú mày một cái, thế mà bây giờ sao lại thế hả?”

Tư Mã Khôi lắc đầu, trả cho Hải ngọng khẩu súng săn, khi này chẳng hiểu ma sai quỷ khiến thế nào, tự nhiên anh lại cầm món đồ chơi này trong tay, nếu không có nó thì kết cục thật chẳng dám nghĩ tới. Tuy rằng Tư Mã Khôi đã sớm mặc kệ sự sống chết, nhưng anh vẫn không thể giải thích rõ ràng rốt cục khi này mình sợ điều gì. Có lẽ cảm giác này gần giống với cảm giác lần đầu tiên nghe người ta kể chuyện “Tây Du

Ký”, tuy nhiều lần ăn thịt lợn, cũng nhìn thấy lợn chạy tới chạy lui, nhưng không thể nào tưởng tượng nổi làm sao lợn lại mặc được quần áo, nói được tiếng người, mà lúc đó cứ tin là thật, nên tự nhiên cũng thấy khiếp đảm. Có lẽ đối với những hiện tượng chưa biết, vượt ra ngoài phạm trù nhận thức của mình, con người chắc hẳn đều ôm tâm lý hoảng sợ hình thành từ phút đầu tiên, và trước sau không thể khắc phục được nhược điểm này.

Tư Mã Khôi không muốn thuật lại chuyện vừa gặp cho mọi người nghe, để tránh nảy sinh áp lực tinh thần và hoảng sợ không cần thiết, nên chỉ nói sương mù ở huyết động này không ổn lắm, chiếc máy bay tiêm kích lại bị niêm phong nhiều năm dưới lòng đất, sương khí bên trong chưa chịu ảnh hưởng bởi mưa gió, nhưng bây giờ trên nóc đã bị xuyên thủng một lỗ hổng lớn, sương khí trong khoang sẽ nhanh chóng tan hết, giờ chắc đã an toàn rồi, mọi người mau vào lấy “hàng”, rồi nhanh chóng chuồn khỏi nơi quỷ quái chết tiệt này cho xong.

Ngọc Phi Yên thấy Tư Mã Khôi không hề có biểu hiện gì khác thường, thì tạm yên tâm trở lại. Rút kinh nghiệm lần trước, cô xách khẩu súng xung phong Uzi quét một lượt đạn vào khoang, khiến nóc máy bay bị thủng lỗ chỗ, nước mưa lại càng tràn xuống nhiều hơn, quả nhiên không thấy xuất hiện điều gì bất thường nữa; thế là cô bảo Tuyết và Karaweik cùng mình đi vào tìm “hàng”, còn Tư Mã Khôi, La Đại Hải và gã Gấu trắng người Nga ở lại bên ngoài canh giới.

Tư Mã Khôi cũng rất muốn biết vị khách hàng thuê đội thám hiểm rốt cục muốn tìm kiếm “hàng” gì. Người và máy bay mất tích trong rừng rậm Miến Điện suốt thời kỳ chiến tranh nhiều không kể xiết, vậy sao họ lại quan tâm duy nhất đến chiếc máy bay tiêm kích của không quân Anh? Chỉ riêng những gì Tư Mã Khôi tận mắt chứng kiến: để truy lùng chiếc máy bay giữa núi Dã Nhân hiểm nguy mai phục tứ bề, họ phải trả giá bằng mấy chục sinh mạng, thì không biết trong những năm gần đây đã có bao nhiêu kẻ phải thiệt thân vì nó nữa.

Thường nói thế gian có báu vật vô giá, nhưng đó chẳng qua chỉ là một cách hình dung mà thôi, phải trả một cái giá quá đắt như vậy, chỉ để

kiếm tìm một vài món đồ cổ moi ra từ lòng đất Miến Điện thôi sao? Tư Mã Khôi không thể lý giải: vị khách sai khiến tất cả đứng đằng sau tấm màn này có tâm địa gì, cũng chẳng rõ “hàng” trong khoang máy bay có điểm gì đặc biệt, mà khiến người ta huy động nhiều sức người sức của như vậy. Anh chỉ cảm thấy: “Trong con mắt của những kẻ lăm tiền nhiều của kia, mạng sống con người chẳng qua chỉ là thứ rơm rác, đối với họ, nó chẳng có giá trị gì”.

Giữa lúc ấy, đột nhiên lại nghe được tiếng “soạt soạt” từ trong bụi cỏ rậm cửa dưới hầm sâu vọng lại, dường như có vật gì đang bò lên với tốc độ cực nhanh. Trước đây, khi ở ngoài khoang chiếc Rắn đen II, anh đã phát hiện có tiếng động tương tự như vậy, lúc này lại thấy nó xuất hiện, anh lập tức đề cao tinh thần cảnh giác. Hải ngọng và gã Gấu trắng ở bên cạnh cũng đều nhất loạt giương súng lên, sẵn sàng ngắm bắn.

Ba người bọn họ đều là những kẻ từng trải, dày dạn kinh nghiệm chiến đấu, nên trước khi nhìn thấy mục tiêu, họ tuyệt đối không nổ súng mù quáng. Ba người giờ cao ngón đèn chăm chăm quan sát, chỉ thấy từ nơi sâu trong bụi cỏ xuất hiện một con thần lằn màu xanh ngọc, to như nắm tay, từ đầu đến chân thon dài, xanh mỡ màng như ngọc phi thúy, cặp mắt lồi ra trông như hai ngọn đèn đỏ, miệng không ngừng thè chiếc lưỡi dài, đớp những con ngai mắt kính bị nước mưa đánh rụng trên mặt đất, động tác cực kỳ mau lẹ, thần tốc.

Con thần lằn cỏ không tránh người, bò một mạch đến trước mặt bọn họ. Tư Mã Khôi và La Đại Hải đều biết đây là loại thần lằn thường xuất hiện trong rừng rậm, con có kích thước nhỏ gọi là thần lằn, còn con có kích thước lớn gọi là rồng Komodo. Lúc bình thường nó nằm im như chết, nhưng khi trườn bắt mồi thì nhanh như cắt. Nó sinh trưởng rất chậm, nghe nói ở miền núi Miến Điện, từng có người bắt được con rồng Komodo hơn một trăm tám mươi tuổi, thân mình to lớn ngang ngửa với một con trâu đực.

Hải ngọng thấy vậy, lập tức hạ bớt cảnh giác. Anh đã hành quân nhiều năm trong rừng già núi sâu, cũng rất giỏi bắt thần lằn, liền khoác súng lên vai, nhân lúc con thần lằn không đề ý, chớp nhanh lấy nó từ

phía sau, bóp chặt đuôi nó, rồi nói với Tư Mã Khôi: “Chả ngờ trong đầm lầy mà tớ còn tìm được món đồ chơi này.”

Tư Mã Khôi nhú mày bảo: “Bốn chân của nó có máu độc đấy, dính một tẹo cũng đủ cậu toi đời, cẩn thận kẻo ảnh hưởng đến sức khỏe quãng đời còn lại, mau ném nó xuống đất, di cho nó một nhát cho xong.”

Hải ngọng nói: “Lớn bé gì thì cũng coi là một sinh mạng, giẫm chết như thế thì phí quá...” Anh vốn định giở trò đùa ác, toan ném con thần lằn lên người gã Gấu trắng, nhưng lời còn chưa dứt, đã nghe trong lùm cỏ dài gần đầm lầy phát ra những tiếng động loạn xạ, chẳng ngờ vô số con thần lằn không ngừng ùn ùn chui ra. Chúng bị bọn bướm đêm thu hút đến, trườn lên với vận tốc cực nhanh, giống như gió cuốn mây tàn, phút chốc đã nuốt sạch bay bọn bướm đêm vào bụng. Bọn bướm đêm tuy có cánh, nhưng lại chẳng thể bay được dưới trời mưa, nên đành trở thành bữa ăn thịnh soạn cho lũ thần lằn cỏ. Lũ thần lằn bò ra từ đầm lầy càng lúc càng nhiều, những con tranh mỗi chậm hơn đồng loại một chút, bèn nóng nảy kêu “chít chít” loạn cả lên, chúng bò loăn ngoăn trên mặt đất, thể hiện sự lo lắng bất an.

Ba người thấy bày thần lằn xuất hiện với số lượng kinh người, con nào con nấy xù vẩy khắp mình mẩy, liền bắt giắc lùi về sau mấy bước. Con thần lằn bị La Đại Hải bóp chặt trong tay cũng giãy giụa dữ dội. Toàn thân nó đều là những chiếc vẩy nhỏ, sắc như dao cạo, trong lúc quần quai, lớp vẩy của nó cứa cả vào hai tay Hải ngọng, phút chốc máu chảy đầm đìa.

Hải ngọng nổi cơn thịnh nộ, xé tay áo băng vết thương, chửi tục một hồi, rồi định cầm súng săn bắn chết con thần lằn đó cho hả giận, nhưng thấy bày thần lằn từ đầm lầy bò lên nhiều không kể xiết, chúng lũ lượt ùn ùn kéo đến, nên đành nói một khẩu súng, mà cho dù có bình phun lửa, cũng chưa chắc đã ngăn cản nổi bọn chúng.

Tư Mã Khôi thấy tình thế bất lợi, liền ra hiệu bằng mắt với La Đại Hải, cả hai người lập tức chui vào trong khoang máy bay, gã Gấu trắng người Nga cũng không dám chậm trễ, chui tọt vào theo. Ba người vội vã

đóng chặt cánh cửa, tìm vật chặn các lỗ hổng và khe hở, đề phòng bọn thần lẩn lút vào trong tấn công.

Ngọc Phi Yến đang dẫn Tuyết và Karaweik bật đèn pin siêu sáng đi tìm “hàng”. Tư Mã Khôi thuật lại tình hình bên ngoài cho cô ta nghe, rồi bảo trước mắt trong vòng một tiếng chắc không thể nào ra ngoài được, mà phải đợi đến khi bọn thần lẩn ăn hết sạch lũ bướm đêm rồi mới tính tiếp. Thần lẩn cỏ ở rừng rậm nguyên sinh Miến Điện có tập tính rất kỳ lạ, ngay cả những người bản địa giàu kinh nghiệm nhất cũng không dám kinh động đến chúng.

Theo lẽ thường mà nói, có rất ít loài thần lẩn mang nọc độc, còn những loại thần lẩn sinh tồn trong rừng rậm Miến Điện đều không có túi độc, thế mà rất nhiều người vẫn chết vì chất kịch độc của nó. Nghe nói rồng Komodo Miến Điện bản thân không hề có độc, chỉ khi máu tươi của nó từ cơ thể trào ra bên ngoài mới trở thành dịch độc, hơn nữa còn là loại dịch mang độc tính cực mạnh, vô phương cứu chữa. Đến ngày nay, người ta vẫn không thể điều tra rõ, máu độc dẫn đến chết người của chúng chứa thành phần gì. Năm đó cũng từng có nhà khoa học tiến hành những nghiên cứu có liên quan, nhưng chẳng thu được kết quả gì, cuối cùng chỉ có thể giải thích theo cách lý luận của một nhà tôn giáo người Nhật Bản: sinh vật bản thân chúng vốn dĩ không có độc, chỉ khi chúng tích lũy đủ cảm giác giận dữ, thì mới tấn công vào cái hư vô trong tinh thần của con người mà thôi.

Mọi người biết rõ điểm đáng sợ của thần lẩn cỏ, nhưng rốt cục chúng vẫn chỉ là loài sinh vật bò sát đầu óc đần độn, đội thám hiểm lại có máy bay che chắn, bởi thế chúng chẳng thể tạo ra hiểm họa gì lớn lắm. Chỉ có điều không biết cơn mưa trong khe núi sẽ kéo dài được bao lâu nữa, bởi vì so với thần lẩn, thì điều đáng sợ hơn gấp nhiều lần chính là đám sương mù giết người bủa vây khắp đáy động.

Khi này Tư Mã Khôi suýt chút nữa thì hiến tặng cả tính mạng cho đám sương mù, nên đến giờ anh vẫn còn cảm thấy tim đập chân run. Nơi sâu trong đám sương mù dày đặc dường như chẳng tồn tại bất kỳ thứ gì, khoang máy bay cũng không tìm thấy thi thể của thành viên phi hành

đoàn, có lẽ họ và đội thám hiểm Anh trong chiếc Rắn đen II đều vĩnh viễn “tan biến” trong sương mù. Anh nói với hội Ngọc Phi Yến tuyệt đối không được chạm vào màn sương mù bí ẩn trào ra từ lòng đất, sương khí càng đậm đặc thì càng nguy hiểm. Tuy rằng cơn bão nhiệt đới Buddha bội phần hung tàn dữ dội, nhưng nó lại mang đến cho chúng ta cơ hội vô cùng hiếm hoi để thoát khỏi bàn tay thần chết, đồng thời có khả năng sẽ lấy được “hàng” ra khỏi núi Dã Nhân.

Thế nhưng Ngọc Phi Yến vì đang nhìn chăm chăm vào khoang hàng như kẻ mất hồn, nên cô không hề để ý đến mấy lời của Tư Mã Khôi. Tư Mã Khôi thấy thần sắc Ngọc Phi Yến khác thường, đang định hỏi xem rốt cục có chuyện gì, thì nghe Tuyết ở bên cạnh nói với mình: “Anh không nhớ sao, trong cuốn băng ghi âm mà chuyên gia hàng động người Anh đó để lại, từng nhắc đến một việc, anh ta nói hàng chứa trong chiếc máy bay tiêm kích vận tải... cực kỳ nguy hiểm.”

Tư Mã Khôi nghe xong mới chợt nhớ ra khi nãy quên băng magnet việc này, sinh vật bò sát máu lạnh trong đầm lầy dưới lòng đất, cơn cuồng phong giông tố vùn vù ngoài núi, và đám sương mù có thể xuất hiện trở lại bất cứ lúc nào, đều đang là mối hiểm họa tiềm ẩn, trong khi “hàng” ở khoang máy bay lại gần ngay gang tấc. Xem ra, trước mắt ngay cả khoang chiếc máy bay vận tải cũng chẳng thể an toàn tuyệt đối. Nhưng “nguy hiểm” mà người Anh kia muốn ám chỉ là thứ gì? Nó “nguy hiểm” đến mức độ nào? Chẳng lẽ chạm cũng không được chạm, xem cũng không được xem hay sao?

Tuyết vừa cùng Ngọc Phi Yến lục soát kỹ lưỡng toàn bộ khoang hàng máy bay, cô hạ giọng nói với Tư Mã Khôi: “Chiếc máy bay vận tải này căn bản chẳng chuyên chở bất kỳ loại ‘hàng’ nào cả, chúng ta bị mắc lừa rồi.”

Lúc Tư Mã Khôi vừa chui vào khoang, thì nhìn thấy phía sau máy bay có chứa một thùng hàng giống chiếc thùng phuy khổng lồ, dường như cả khoang hàng đều bị nó chiếm hết chỗ, nhưng đến tận giờ, anh vẫn chưa biết bên trong nó đựng thứ gì. Anh chỉ mong mau chóng lấy được hàng, rồi kết thúc nhiệm vụ thót tim này, nhưng lúc này nghe Tuyết nói

trong máy bay chẳng hề có “hàng”, anh không khỏi ngạc nhiên hỏi lại: “Khoang hàng máy bay chỉ có mỗi cái vỏ rỗng thôi sao?”

Căn cứ vào những thông tin mà hội Tư Mã Khôi được biết trước mắt, chiếc máy bay tiêm kích vận tải thuộc về không quân Hoàng gia Anh, lúc đang thực hiện nhiệm vụ, thì gặp thời tiết khắc nghiệt, mất tích trong hẻm núi Dã Nhân, khoang hàng chở rất nhiều bảo vật Miến Điện, giá trị không thể ước lượng nổi; còn đội thám hiểm do Ngọc Phi Yến dẫn đầu, lại được một nhà tài phiệt nào đó thuê tìm kiếm “hàng” trong chiếc máy bay với bất kỳ giá nào. Giờ đây, mọi người đã tìm thấy chiếc máy bay, nhưng tung tích của “hàng” thì vẫn chưa thấy, cùng lắm cũng chỉ là một phen vô hụt, chứ sao có thể nói là “bị mắc lừa”?

Tư Mã Khôi biết rõ Tuyệt không phải hạng người nói sai sự thật, nên trong lòng anh cảm thấy có điều gì uẩn khúc. Anh không hỏi thêm gì nữa, mà vội vàng cùng Hải ngọng đẩy nắp thùng hàng sang một bên để nhìn cho rõ. Hai người cầm đèn chiếu halogen nhòm vào, khi nhìn rõ tình hình bên trong, thì cả hai đều rùng mình một cái, đồng thanh kêu lên thất kinh: “Thằng cha này được, một quả bom to tổ bố!”

Hồi thứ tư

BOM ĐỊA CHẤN

Thì ra chiếc thùng hàng bằng nhôm giống như thùng phuy kia lại là thùng chứa bom ngoại cỡ, bên trong đựng một trái “bom địa chấn” hạng nặng. Vào thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội Hoàng gia Anh từng trang bị hàng loạt bom chấn động cỡ lớn, quả nặng nhất phải lên tới chục tấn, được gọi là “Grand Slam”^[25], sức hủy diệt vô cùng đáng sợ.

Loại bom cỡ lớn này, đa số đều do máy bay ném bom Lancaster từ không trung thả xuống, chuyên dùng để phá hủy vật chắn kiên cố dưới lòng đất được đúc bởi bê tông cốt thép. Do bom rơi xuống với vận tốc cực nhanh, nên sóng xung chấn hình thành sau khi phát nổ sẽ khuếch tán rộng ra tứ phía, dẫn đến hiệu quả gần giống với hiện tượng động đất, bởi vậy nó còn có tên là “bom địa chấn”. Nhưng tuyệt đối không thể coi thường sóng xung chấn sinh ra do quá trình phát nổ mạnh, vì nó có khả năng sát thương rất cao đối với quân địch đang lẫn trốn trong đường hào giao thông hoặc trong hầm phòng không.

Hội Tư Mã Khôi đều đã từng trải qua chiến dịch Kunlong ở giai đoạn ác liệt thảm khốc nhất. Lúc đó quân chính phủ muốn khai thông phòng tuyến sông Irrawaddy, nên đã điều động rất nhiều loại pháo hạng nặng, quần thảo đánh phá khắp trận địa kiên cố của quân đội cộng sản. Tuy rằng trước đó quân cộng sản đã thực hiện công tác chuẩn bị rất chu toàn, đào nhiều hầm ẩn trú và chiến hào sâu, sẵn sàng tư thế chiến đấu, nhưng dưới làn pháo lửa dữ dội, họ vẫn gánh chịu hậu quả thương vong

rất nặng nề. Trong số những binh sĩ hi sinh, có chín mươi phần trăm không phải chết trực tiếp do bom nổ, mà do pháo hạng nặng gây chấn động làm chết đứng ngay trong chiến hào. Sau chiến dịch này, nguyên khí quân cộng sản bị hao hụt thảm hại, không còn khả năng chiến đấu trực diện với quân đội chính phủ nên đành phải rút lui vào núi thực hiện chiến thuật đánh du kích.

Bởi vậy bọn họ hiểu rõ hơn ai hết, đừng thấy hàng trong khoang máy bay là kiểu bom đời cũ mà coi thường, bởi cho dù quả bom gây chấn động nặng cả tấn này còn lại đến tận ngày nay, thì nó vẫn là loại vũ khí khủng khiếp nhất. Một khi nó đã nổ, cho dù ai may mắn không bị tan xác ngay tại hiện trường, thì lục phủ ngũ tạng của họ cũng bị sóng xung chấn ép cho dập nát.

Tuy Tư Mã Khôi là người phản ứng rất nhanh, nhưng cũng không thể ngờ nổi bảo vật Miến Điện trong khoang hàng chiếc tiêm kích vận tải lại là một quả bom địa chấn lạnh tanh thế này. Vật lù lù như một đồng thiếc xám sắt nguội kia chắc phải nặng đến cả tấn, nếu chỉ dựa vào sức của sáu kẻ may mắn sống sót trong đội thám hiểm thì làm sao có thể xoay vần nổi nó? Huống hồ, trên đời này sao lại có chuyện phi lý như thế, làm gì có kẻ ăn no rồi hơi, thuê bao nhiêu đoàn thám hiểm đến núi Dã Nhân chỉ để tìm một quả bom ngàn cân như vậy?

Lúc này Tư Mã Khôi mới cảm nhận một cách sâu sắc về chuỗi sự kiện liên quan đến chiếc máy bay tiêm kích vận tải, chỉ e nó phức tạp hơn rất nhiều so với những gì mà giờ đây anh được biết, vốn dĩ con đường của hội anh và Ngọc Phi Yến đã khác nhau, hai bên lại chẳng hề có gì liên can; nhưng theo lời hứa lúc trước, hội anh cũng chỉ cần trợ giúp đội thám hiểm tìm thấy chiếc tiêm kích vận tải trong khe núi núi Dã Nhân, sau đó mang “hàng” ra ngoài. Bây giờ tình hình chuyển biến đột ngột thế này, anh không thể không hỏi đối phương xem rốt cục thế nào.

Hải ngọng cũng chẳng nề nang gì, quay sang chất vấn Ngọc Phi Yến: “Nói thật cho cô biết, Hải ngọng tôi vài bữa nay chưa giết đứa nào, chân tay cũng ngứa ngáy khó chịu lắm rồi đây, nếu như cô không giải

thích lý do nghe cho lọt cái lỗ tai, thì đừng trách bọn ông cho ném tí mùi.”

Kỳ thực sau khi nhìn thấy hàng trong khoang máy bay, Ngọc Phi Yến cũng cảm thấy rất bất ngờ, nhưng trong lòng cô ta đúng thực cũng có vài điều giấu giếm hội Tư Mã Khôi. Đang lúc cô ta định nói cho Tư Mã Khôi biết, thì nghe La Đại Hải giọng uy hiếp, nên chẳng khách khí nữa, đáp luôn: “Anh bạn họ La đúng là kẻ nhiều lời; tôi cũng nói thật cho anh biết, trong khoang chỉ có mỗi quả bom địa chấn này thôi, nó chính là ‘hàng’ mà đội thám hiểm cần tìm đấy. Có điều chúng ta chẳng cần phải mang nó ra khỏi núi, mà chỉ cần làm nó phát nổ là được. Những việc khác các anh không cần hỏi nhiều, chỉ cần làm theo lời tôi nói là được.”

La Đại Hải nghe vậy chế nhạo: “Cô nói thế thì khác gì không nói, định dọa ma bọn này đấy à? Để cô tự nói ra là Hải ngọng tôi đã chữa lại cho chút sĩ diện rồi mà còn chưa biết? Đừng biến mình thành kẻ được cho liêm sỉ mà vẫn không biết liêm sỉ là gì.”

Ngọc Phi Yến làm gì có chuyện nuốt trôi mấy lời này, cô ta cười nhạt đáp: “Ba tờ giấy dán thành một cái đầu lừa, mặt của anh cũng to thật đấy.”

La Đại Hải càng nghe càng ức chế, anh nạt nộ: “Hải ngọng ta gặp bọn cấp vật các cô, đúng là cáo hoa nằm ấp ổ gà, nói lý không được, đành phải dùng năm đấm hỏi chuyện vậy...”

Tư Mã Khôi thấy hai người này như thể ăn nhằm phải gan hùm, nói chuyện hung hăng, bất cần, căn bản chẳng giải quyết nổi vấn đề gì, đành phải ra mặt khuyên giải. Anh nói với Ngọc Phi Yến: “Nói thế dễ làm tổn thương người khác lắm đấy! Đại trượng phu thân chết, tiếng vẫn còn, nếu cô tự tiện chà đạp danh dự người khác như thế, tôi cũng chỉ còn cách tạ lỗi cáo từ tại đây để cất bước về cố hương thôi.” Nói xong anh gọi ba người còn lại đến, quay lưng như thể định bỏ đi thật.

Ngọc Phi Yến lạnh lùng hừ lên một tiếng, trợn mắt nói với Tư Mã Khôi: “Nhìn bộ dạng của anh kìa, vừa nhắc đến về nước là hí ha hí hửng, trong suốt hai ngày tôi quen anh, chẳng bao giờ thấy anh hào hứng như thế, hay là ở trong nước có bóng hồng nào đang chờ?”

Tư Mã Khôi nghe cô ả nói thế, cũng không tránh khỏi có chút bực mình: “Nhà cô bán dấm đây à, sao nói gì mà chua ngoa thế?” Ba người chẳng hợp lời, càng nói càng căng thẳng, trong khi gã Gấu trắng người Nga thì từ đầu chí cuối mặt đều lạnh như tiền. Gã đang chăm chú quan sát kết cấu của quả bom địa chấn, hoàn toàn vô cảm với tất cả những việc khác, còn Karaweik lại trề miệng ngoác ra nụ cười ngờ nghếch, mọi người chẳng coi lời của cậu vào đâu, may mà nhờ Tuyết khuyên giải, cuộc cãi vã mới tạm lắng xuống.

Ngọc Phi Yến bình tĩnh trở lại, tự biết hiện giờ mình là kẻ thân cô thế yếu, nếu làm hội Tư Mã Khôi điên tiết lên, thì khó mà thu dọn nổi chiến trường. Thế là, cô ta đành nói rõ toàn bộ quá trình sự việc cho hội Tư Mã Khôi nghe. Nhóm người của cô ta quả thực được “khách hàng” thuê để đi tìm chiếc máy bay vận tải bị mất tích của không quân Hoàng gia Anh; nhưng cô ta cũng chưa bao giờ tận mắt nhìn thấy khuôn mặt thực sự của khách hàng, chỉ biết chiếc máy bay tiêm kích vận tải chuyên chở cỗ vật Miến Điện chuẩn bị được bí mật đưa vào viện bảo tàng để quốc Anh, nên nhiệm vụ của đội thám hiểm là vào khe núi dưới lòng đất, tìm “hàng” trong khoang máy bay. Trước đó, đội thám hiểm được thông báo: “hàng” trong khoang máy bay vô cùng nguy hiểm. Trước khi xuất phát, cả đội lại nhận được một bức mật hàm niêm phong dấu đỏ, kèm theo chỉ thị, chỉ khi nào tìm thấy chiếc tiêm kích bị mất tích, đồng thời xác định chính xác số hiệu hàng hóa, mới được phép mở bức mật hàm và giải quyết “hàng” theo phương thức nói trong thư. Thông tin trong bức mật hàm được viết bằng chất dịch của cá mực, vết chữ sau khi gặp không khí sẽ lập tức bốc hơi biến mất, không để lại chút dấu tích nào.

Ngọc Phi Yến tìm thấy khoang hàng, xem rõ chỉ thị trong mật hàm, mới biết mục đích của chuyến mạo hiểm này là phải dẫn nổ quả bom địa chấn, còn về chuyện bảo vật Miến Điện chứa trong máy bay

tiêm kích, chẳng qua chỉ là cái bóng nhằm che đậy chân tướng sự thật mà thôi.

Về tình hình “khách hàng”, Ngọc Phi Yến chỉ biết đó là một vị tài phiệt trong thế giới ngầm, được gọi bằng biệt danh Nấm mồ xanh. Tiền thân của tổ chức này có thể truy ngược về những năm thế kỷ mười sáu, nó được thành lập bắt đầu từ Công ty Britain - Đông Ấn. Công ty Đông Ấn tiến hành các hoạt động thương mại viễn dương ở Nam Á, chuyên buôn bán nha phiến, buôn lậu thuốc lá, thỏa sức cướp đoạt tài nguyên kinh tế, tiến hành khuếch trương chủ nghĩa thực dân cho đế quốc Anh, đồng thời âm mưu chiếm nguồn lợi nhuận khổng lồ. Chính phủ Anh ủy quyền cho công ty Đông Ấn tất cả mọi quyền lực, như quyền lũng đoạn thị trường, quyền huấn luyện quân đội, quyền tuyên chiến - giảng hòa, quyền lập tòa án phán quyết cư dân các nước thuộc địa và bản quốc, nên nó dường như trở thành đại diện chính thức ở nước ngoài của chính phủ Anh.

Thế nhưng quy luật ở đời: cực thịnh tất sẽ suy, cùng với sự phát triển rực rỡ của nền tư bản công nghiệp, công ty Đông Ấn vốn dựa vào sự lũng đoạn của nền tư bản thương mại, cuối cùng cũng không tránh khỏi vận mệnh phá sản giải thể. Nhưng sự biến mất về thể xác chẳng qua chỉ là lớp vỏ ngoài của công ty Đông Ấn, còn kẻ thao túng đích thực đứng sau lưng thì ngược lại có thể nhờ đó mà gỡ bỏ được cái xác ung nhọt nặng nề, rồi lợi dụng mạng lưới quan hệ mà công ty Đông Ấn để lại, ngấm ngầm cấu thành một thế lực mới. Thế lực này đồng thời buôn bán tin tình báo, vũ khí và thuốc phiện, rồi dựa vào cơ hội chiến tranh để gặt hái tiền của, khống chế rất nhiều đội quân phụng mệnh như con rối. Thế lực của nó bám rễ sâu rộng ở khắp nơi, nhưng hành sự vô cùng kín tiếng bí mật, nên thế giới bên ngoài phần lớn đều không biết đến sự tồn tại của nó.

Tuy rằng những điều Ngọc Phi Yến biết chỉ giới hạn đến đây, nhưng cô ta nhìn kí hiệu đặc thù trên thân quả bom nặng cả tấn thì cũng không khó khi suy đoán tiền nhân hậu quả của toàn bộ sự việc: chiếc máy bay tiêm kích vận tải và quả bom địa chấn chứa bên trong, quá nửa

đều thuộc về kẻ có biệt danh là Năm mồ xanh. Địa thế khe sâu núi Dã Nhân rất đặc biệt, dưới lòng đất không chỉ có sương mù che khuất tầm nhìn, mà còn có dòng khí lưu thông cực mạnh, nếu lợi dụng loại máy bay chiến đấu đến thả bom từ trên không, thì căn bản không thể phán đoán được độ sâu thẳng đứng của huyết động, từ đó khó lòng phá nổ chính xác, mà nếu lỡ khe núi bị sụt lở, thì sự việc càng trở nên dở hơn mà thôi. Phương tiện duy nhất có thể đi vào khe núi sâu hút là chiếc máy bay tiêm kích vận tải với thiết kế độc đáo. Bởi vậy Năm mồ xanh mới phái người lái chiếc “tiêm kích”, mang theo quả bom địa chấn vào lòng khe núi, nhưng có lẽ họ không ngờ được mối hiểm họa đến từ đám sương mù, nên khi phi hành đoàn trên chiếc máy bay chưa kịp kích nổ quả bom, thì đã gặp tai nạn bất trắc, thế là họ lại phải lợi dụng các đội cảm tử khác, tiếp tục hoàn thành kế hoạch ban đầu, chỉ có điều không rõ trong đó còn ẩn chứa nguyên do gì chưa thể tiết lộ nữa không.

Sau khi Ngọc Phi Yến kể lại toàn bộ câu chuyện, cô ta lại lần nữa nhấn mạnh với hội Tư Mã Khôi: dù sao chuyến này vào núi thực hiện “phi vụ liều mạng” là lấy tiền của người, thay người chịu nạn, nên cho dù hàng trong khoang là bảo vật Miến Điện, thì cũng không đến tay chúng ta, giờ đây lâm vào tình cảnh này, đương nhiên không thể ra về tay không, chỉ đành tiếp tục hành sự theo chỉ thị, kích nổ quả bom địa chấn.

Tư Mã Khôi trầm nghĩ, cơn bão nhiệt đới Buddha với cấp độ và sức mạnh hiếm có, mấy chục năm mới xuất hiện, nếu không nhờ cơ duyên này, đội thám hiểm chắc cũng không thể né tránh khỏi màn sương mù đoạt mệnh mà an toàn xâm nhập vào khe núi, giờ đây phải kích nổ quả bom địa chấn nặng ngàn cân, thì cũng dễ như trở bàn tay. Có điều, chuyện này vẫn có nhiều uẩn khúc đáng ngờ. Tuy rằng chiếc máy bay tiêm kích vận tải nhờ vào kết cấu đặc biệt của nó, có thể thâm nhập nơi sâu nhất dưới khe núi, nhưng cụ thể hạ cánh xuống khu vực nào thì khó lòng phán đoán trước được. Còn quả bom địa chấn trong khoang cũng không thể dịch chuyển sang chỗ khác một lần nữa, mà với khoảng không gian mênh mông vô bờ bến dưới lòng đất này, thì cho dù sức công phá của nó có mạnh hơn nữa, rốt cục vẫn rất khó bao trùm toàn bộ khe núi.

Kết quả của kế hoạch này căn bản sẽ không thể thực hiện đúng như dự tính, vậy thì tại sao lại có người chủ định cho nổ tung mạch núi Dã Nhân? Trộm nghĩ căn nguyên gốc rễ của việc này chắc hẳn không hề đơn giản, chỉ e hệ lụy khôn lường.

Tư Mã Khôi lại suy nghĩ: vậy kẻ có biệt danh là Năm mò xanh rốt cục muốn làm gì, nên có liên quan đến bí mật cổ xưa vùi chôn dưới lòng núi Dã Nhân không? Việc này rốt cục đâu có liên quan đến bốn thành viên của đội du kích, sao mình phải nghĩ nhiều? Anh quan sát xung quanh, thấy sắc mặt Ngọc Phi Yến dường như chẳng còn điều gì giấu giếm đối phương, hơn nữa theo quy tắc trong giới, việc này vốn dĩ không được nói ra, nên bây giờ cũng chẳng còn gì để truy hỏi thêm nữa.

Hội La Đại Hải cũng nghĩ như Tư Mã Khôi, chẳng buồn điều tra gốc gác, cũng không muốn hỏi nhiều nữa, chỉ mong nhanh chóng hoàn thành phi vụ này, sau đó nghĩ cách thoát ra khỏi núi, trước mắt chỉ còn đợi thời cơ đến là bảo gã Gấu trắng người Nga kích hoạt ngòi nổ quả bom.

Nào ngờ giữa lúc ấy lại xuất hiện một biến cố ngoài dự liệu, gã Gấu trắng sau khi quan sát tỉ mỉ quả bom địa chấn, lấy tay ra hiệu bảo mọi người: “Quả bom này có cài đặt thiết bị hẹn giờ, muốn kích nổ nó cũng rất đơn giản. Nhưng có lẽ do ảnh hưởng của quá trình rung lắc dữ dội nên thiết bị kích nổ đã bị hư hại, không thể phục hồi, cho nên sau khi kích hoạt, mọi người chỉ còn khoảng thời gian mấy chục phút để di dời. Uy lực trái bom này lại quá lớn, phạm vi sóng xung chấn bao phủ rất rộng, nên bây giờ chỉ còn cách để một người lại phụ trách kích nổ, những người khác phải rời đi trước, nếu không tất cả sẽ cùng chết chung một hố; thế nhưng người ở lại sau cùng kích hoạt trái bom, chắc chắn sẽ không còn đường thoát thân.”

Sự thực tàn khốc này, giống như một gáo nước lạnh đột ngột hắt thẳng vào mặt mọi người. Mạng sống của ai cũng chẳng phải từ trên trời tự nhiên rơi xuống, làm gì có người nào chịu ở lại làm xác pháo thế mạng? Tư Mã Khôi càng biết rõ hơn nữa uy lực của bom địa chấn, bây giờ trên lãnh thổ Miền Điện vẫn còn rất nhiều hố bom rộng không gì

sánh nổi, mà đa phần đều do máy bay ném bom của Anh năm đó để lại khi phá hủy lá chắn của quân Nhật. Những hố bom đó thật chẳng khác chi hố nham thạch, được hình thành do mảnh thiên thạch từ trên trời rơi xuống, vì lớp bề mặt trong hố hình thành các quãng sóng khuếch tán thành từng vòng tròn, bao nhiêu năm sau vẫn chẳng có cọng cỏ nào mọc lên nổi. Những nơi sóng địa chấn lan đến, đất đá bị nung nóng bỏng, chạm vào là chết, dính vào là tử.

Tư Mã Khôi thầm tính toán trong lòng, thấy chẳng ai đáng phải chết cả, liền nói với Ngọc Phi Yến: “Vật cố định, còn con người phải chuyển động, người sống cần biết biến hóa ứng phó. Nếu thực sự không xong, thì chúng ta hãy mặc kệ quả bom đó. Sau khi trở về, cô cứ nói là đã cố gắng phụng mệnh hết sức, kích nổ trái bom địa chấn, nhưng tiếc thay quả bom xịt này chẳng thêm phát nổ, hoặc có thể đổ lỗi rằng: đã kích nổ, nhưng uy lực của nó chưa đủ, nên không thể đạt được hiệu quả như mong muốn. Dù sao thì chỉ cần da môi trên chạm da môi dưới một chút thôi mà, tùy cô muốn nói thế nào chẳng được. Sau khi cơn bão nhiệt đới qua đi, lòng đất lại bị sương mù bủa vây, lẽ nào họ lại dám xuống đây để tiến hành điều tra hiện trường chắc?”

Ngọc Phi Yến lập tức lắc đầu: “Tuyệt đối không được, anh không biết gì về Nấm mồ xanh đầu, mấy ngón ma thổi đèn như bột khói này thì giấu nổi ai chứ?”

Tư Mã Khôi vẫn điềm nhiên như không: “Trong thời đại này, người nào càng nghiêm túc thì càng dễ trở thành kẻ ngốc. Làm người không nên thật thà quá, đừng quên trên thế giới chẳng bao giờ tồn tại loại mắt nhìn xa vạn dặm, tai nghe xa vạn lý, người ngoài làm sao biết chuyện gì đã xảy ra trong khe núi núi Dã Nhân? Chúng ta ở đây có sáu người, tôi, La Đại Hải và Tuyệt sau khi rời khỏi núi Dã Nhân, sẽ bơi qua sông Mungkoe trở về Trung Quốc, cả đời này có lẽ chẳng còn cơ hội gặp lại nhau. Gã người Nga thì là câm dờ, hơn nữa gã cũng chẳng sợ chết quá đi chứ? Hay lẽ nào cô sợ thằng oắt con không hiểu chuyện như Karaweik lỡ lời nói ra? Tôi thấy chỉ cần cô không tiết lộ, thì tuyệt đối thần không hay, quỷ không biết.”

Hải ngọc cũng nói, không có quy tắc, chẳng thành vòng tròn, nhưng quy tắc đều do con người đặt ra, cho nên chúng ta làm người thì không thể cứ ngồi ôm mãi một quy tắc cứng nhắc, mà phải biết tránh nặng đón nhẹ. Chỉ cần thằng cha địa chấn này phát nổ, trời rung đất chuyển vẫn là nhẹ, đầm lầy bùn nhão như thế, dựa vào hai cái cẳng, chắc chắn chẳng kịp trốn chạy, thế chẳng phải tất cả chúng ta tự dung đều khỏe re mãi mãi dưới âm tào địa phủ sao?

Ngọc Phi Yến nghe mọi người khuyên giải, cũng bắt đầu động lòng, đang định đồng ý, thì chợt nghe thấy một giọng nói lạnh băng, trầm đục từ sau lưng vọng tới: “I staring at you!”

Hồi thứ năm

CON MẮT NGOÀI KHOANG LÁI

Tư Mã Khôi cũng nghe thấy vô cùng chính xác. Âm thanh đó vừa rất đổi xa lạ, lại vừa có vài phần quen tai, anh và những người còn lại đều ngâm cảm thấy rùng rợn trong lòng, đồng thời quay đầu lại nhìn.

Trong khoang máy bay tối mù mù, làm gì có bóng người nào thừa ra, chỉ có chiếc máy ghi âm cầm tay vừa phát hiện được trong chiếc Rắn đen II khi này là vẫn ngang nhiên nằm trên mặt đất, thì ra đây chính là nguyên nhân khiến mọi người đều cảm thấy âm thanh nghe quen tai.

Tư Mã Khôi thầm nghĩ: đây đúng là gặp ma thật, anh vẫn nhớ lúc ở trong chiếc Rắn đen II, không nghe thấy đoạn ghi âm vừa rồi, hơn nữa âm thanh lúc này khàn đục, trầm thấp, hoàn toàn khác với giọng của Wilson trong đội thám hiểm Anh. Có thể khẳng định, giọng nói này vô cùng xa lạ, không biết ai đã nhấn nút bật của chiếc máy ghi âm nhỉ? Khi này sự chú ý của tất cả mọi người đều tập trung vào trái bom địa chấn, nên không ai để ý đến tình tiết này.

Ngọc Phi Yên nhặt chiếc máy ghi âm lên xem lại, phát hiện nội dung ghi âm ban đầu đều bị xóa sạch, tua đi tua lại mấy lần, đều chỉ có duy nhất một câu: “Im staring at you...” nghe mãi đến cuối cùng pin yếu, âm thanh càng lúc càng kéo dài, nghe rất quái dị. Hải ngọng hỏi: “Câu nói đó có nghĩa gì vậy?” Tuyết dịch lại cho anh: “Có nghĩa là “Ta đang nhìn các người”. Hải ngọng cảm thấy vô cùng kỳ quái, nhìn trước nhìn sau rồi nói: “Ai đang nhìn chúng ta hả?”

Lúc rời khỏi chiếc Rắn đen II, mọi người khá vội vàng, chẳng ai còn nhớ sau khi nghe xong cuộn băng ghi âm, ai là người cuối cùng cầm nó, nhưng trong khoang máy bay, ngoại trừ sáu người sống ra, thì chẳng còn kẻ may mắn nào sống sót nữa cả. Vậy thì ai là kẻ đã xóa trộm nội dung trước đây trong băng rồi để lại lời cảnh cáo này?

Mọi người thì vậy, nhưng Ngọc Phi Yến lại cực kỳ quen thuộc với âm thanh này. Tuy từ trước đến giờ, nhóm của cô ta đều liên lạc thông qua người phụ trách trung gian, nhưng cô ta cũng từng vài lần nói chuyện công việc chi tiết bằng điện thoại với kẻ đầu não phía sau của tổ chức mang tên Nấm mồ xanh, biết giọng đối phương khàn đục, sống sượng, nghe rất khác người bình thường, nên chỉ cần nghe qua một lần thì sẽ không thể quên được. Bởi vậy, nghe thấy âm thanh vọng ra từ băng ghi âm, cô ta lập tức biết đây chính là Nấm mồ xanh - người đã phân công nhiệm vụ cho đội thám hiểm. Cũng vì ngoại trừ giọng nói của người này ra, thì tên tuổi, tướng mạo, thân phận v.v... cô ta đều không biết chút nào, do đó mà cô ta đành phải gọi hắn bằng cái tên Nấm mồ xanh.

Ngọc Phi Yến ngẫm kỹ lại việc này, càng nghĩ càng thấy lạnh sống lưng, sự việc đúng là quá đổi kỳ quái khiến người ta khó lòng định liệu. Rốt cục ai là kẻ đã mở cuộn băng ghi âm? Lời ghi âm trong đó vốn dĩ không hề tồn tại, chắc chắn nó không thể nào tự nhiên xuất hiện, lẽ nào Nấm mồ xanh thực sự có khả năng xử lý sự việc cách xa ngàn dặm bằng cảm giác? Trộm nghĩ trên thế giới này không thể có loại tà thuật nào kỳ dị đến thế.

Ngọc Phi Yến cầm máy ghi âm nhìn đi nhìn lại, rồi quay sang nói với Tư Mã Khôi, nếu trên thế giới quả thực không có mắt nhìn vạn dặm, tai nghe vạn lý, thì chỉ có một khả năng: đó là vào thời khắc này, Nấm mồ xanh đang ẩn trốn trong chiếc tiêm kích vận tải, có thể một trong sáu kẻ may mắn sống sót chúng ta, có một kẻ là “quỷ biến”, nên nhất cử nhất động của đội thám hiểm trong khe núi đều không thoát khỏi tầm mắt của Nấm mồ xanh.

Lời này thốt ra đã khiến mọi người đều cảm thấy dường như có một bóng đen âm u vụt lướt qua tim. Khi này, mọi người còn đang bàn bạc từ bỏ kế hoạch hành động, thì đột nhiên từ máy ghi âm lại vọng ra một câu nói, sự thật hiện ra trước mắt hết sức rõ ràng: Nắm mò xanh đang muốn cảnh cáo đội thám hiểm: “Đừng hòng ôm bất kỳ mơ tưởng, ảo vọng nào, phải mau chóng kích nổ bom địa chấn.”

“Quý biển” mà Ngọc Phi Yến nhắc đến, cũng là một cách gọi trong ngôn ngữ cũ của giới lục lâm, bây giờ từ này được dùng để chỉ “tai mắt”, “gián điệp”. “Biển” ý muốn chỉ bí mật, “quý” có nghĩa là ngấm theo dõi, cách xưng hô này cũng có lai lịch hắc hoi. Trước đây, những ám ngữ mà giới lục lâm thường dùng, được gọi chung là “Mắt giang hồ đáy biển”, tương truyền hàng ngàn năm trước, có một người đánh cá trên biển, nhưng anh ta liên tục quăng ba mẻ lưới, đều chẳng thu được gì, mẻ lưới cuối cùng lại vớt phải một chiếc hộp sắt, trong hộp sắt đựng một phần của tập sách cổ. Người ngư dân đó liền mang ra chợ cho mọi người xem, những người có học vấn cao đều đọc được tất cả các chữ trong cuốn sách, nhưng câu từ lắp ghép lại thì đầy ẩn ý và rất khó lý giải, đọc xong như hiểu mà lại như không, chẳng ai biết rõ rốt cục nó ghi chép nội dung gì. Sau đó, cuốn tàn thư đã rơi vào tay một sư phụ lục lâm, ông ta đã đặt tên cho nó là “Đáy biển”, mượn nguyên tác đồng thời cộng thêm đôi chút sửa chữa thêm thắt, dần dần đã biến thành ám ngữ ngấm được giới giang hồ sử dụng rộng rãi sau này. Cuốn tàn thư được mệnh danh là cuốn “Kinh kim cương” lừng danh khắp năm hồ bốn bể. Đây chính là lai lịch của “mắt giang hồ đáy bể”.

Tư Mã Khôi nhận ra câu nói vừa rồi của Ngọc Phi Yến, là lời đồng âm đa nghĩa, cô ta đang muốn ám chỉ cho mình biết tên “quý biển” kia ẩn thân rất kỹ, chẳng có tung tích nào mà tìm kiếm. Nắm mò xanh để lại lời cảnh cáo trong cuốn băng ghi âm, cũng chưa chắc là “người”, bởi vì nếu là người, thì sao lại vô hình vô ảnh, mà có thể nói rõ ràng rạch ròi đến thế? Đối phương đã nắm rõ mọi tình hình, thì khoảng cách tất phải ở gần ngay trước mắt mọi người, ngoài ra, khoang máy bay nhỏ hẹp, kín mít, làm gì có chỗ nào ẩn giấu người được?

Tư Mã Khôi trầm nghĩ, bất luận Năm mồ xanh là người hay là ma, đối phương chắc chắn đang trốn trong khoang máy bay, nhưng trong khoang tất cả chỉ có sáu người mà thôi. Anh biết rõ bản thân mình hoàn toàn không liên quan đến Năm mồ xanh, còn năm người còn lại, giơ bàn tay ra đếm cũng có thể đếm rất rõ ràng: La Đại Hải và Tuyết đương nhiên không cần nói, Karaweik tuy là người Miến Điện bản địa, nhưng một cậu thiếu niên vùng sơn cước mới mười mấy tuổi đầu thì làm được được trò trống gì? Sao có thể là đầu não tổ chức thương mại lớn nhất trong thế giới ngầm ở Đông Nam Á. Huống hồ, thời gian Karaweik theo chân đội du kích cộng sản Miến Điện cũng không phải là ngắn, trong khi việc gặp đội thám hiểm ở núi Dã Nhân là việc mới chỉ xảy ra khoảng, hai, ba ngày, bởi thế chắc chắn cậu bé cũng chẳng liên can gì đến Năm mồ xanh.

Lại nghĩ Ngọc Phi Yến là thủ lĩnh đội thám hiểm, nếu cô ta quả thực không cần biết đến hậu quả, mà cho kích nổ quả bom địa chấn trong khoang máy bay, thì những người còn lại cũng không có sống có chết ngăn cản làm chi, mà việc gì cô phải giả thần giả quỷ với chính mình, bởi thế Ngọc Phi Yến cũng có thể loại trừ ra ngoài.

Theo lý mà nói, nếu thực sự có một gã “quỷ biển” ngấm ngấm theo dõi hành động của đội thám hiểm trong bóng tối, thì đó phải là kẻ ẩn mình dưới lớp vỏ thuộc hạ của Ngọc Phi Yến; nhưng từ khi đội thám hiểm vào núi đến giờ, các thành viên gần như đều bị chết hết, chỉ có hai người may mắn sống sót là Ngọc Phi Yến và gã Ciglovaski người Nga.

Tư Mã Khôi cảm thấy gã khom người Nga tuy tính tình lạnh lùng, tàn nhẫn, giết người không ghê tay, tuyệt đối không phải hạng lương thiện gì, nhưng vẫn có một điểm không thể bỏ qua: gã mũi to này là chuyên gia bom mìn, chất nổ, nên đối với quả bom địa chấn hạng nặng trong khoang máy bay, chắc chắn chẳng ai có thể hiểu về nó hơn gã. Nếu không phải là gã đã chỉ ra thời hạn kích nổ quả bom, thì những người xung quanh nào biết nguy hiểm ẩn chứa bên trong. Bởi vậy, qua chi tiết này cũng có thể thấy Ciglovaski không phải là kẻ có biệt danh Năm mồ xanh.

Tư Mã Khôi suy đoán loạn xạ một hồi, đầu óc mau lẹ sắp xếp mọi người thành hàng dọc, xem xét liên mấy lượt, về cơ bản, anh phủ định phán đoán trong sáu người có một kẻ là Nấm mồ xanh. Thế nhưng kẻ được gọi là Nấm mồ xanh chắc chắn vẫn đang trốn trong khoang, chỉ có điều hắn trốn ở “góc chết” mà mọi người không ai nhìn thấy được. Mà cũng không hẳn đó là “góc chết” về mặt thị giác, bởi rất có khả năng là “góc chết” trên trường nghĩa tâm lý, nghĩa là “góc chết” mà người ta không thể tưởng tượng được bằng tư duy thông thường.

Những người còn lại đều giống như Tư Mã Khôi, xoay vần sự việc mấy lượt trong đầu, càng nghĩ càng cảm thấy kinh hoàng bất an, nhưng giờ khắc này, chẳng ai dám mở lời bàn bạc. Bởi vì lời càng nhiều họ càng dễ lỡ miệng, biết rõ trong khoang có một Nấm mồ xanh giống như vong hồn đang đứng cạnh ngằm theo dõi, nó đã có thể sử dụng máy ghi âm để phát lời cảnh cáo trong lúc mọi người không hề phát hiện ra, nên nếu như nó ngấm ngấm ám hại thì cũng đủ khiến người ta có đề phòng cũng như không. Hải ngọng đột nhiên nảy ra suy một nghĩ kỳ lạ: nói cuốn băng ghi âm này xuất hiện một cách kỳ quái, không khéo bên trong có ma, thì nhân lúc sớm sủa, mau chân giẫm nát nó cho xong, tránh khỏi sau này món đồ chơi kia lại tự mình giở trò quái quỷ nào đó, khiến chúng ta ở nơi tối lửa tắt đèn này mà còn phải nơm nớp đề phòng nó. Nghĩ đi nghĩ lại có khi đây chẳng qua là tâm bệnh. Nói xong, anh liền ném nó xuống đất, dùng cán súng gỗ đập không thương tiếc. Chiếc máy ghi âm của đội thám hiểm Anh để lại, vỡ vụn thành từng mảnh, cuộn băng bên trong cũng vỡ hỏng hoàn toàn.

Mọi người nhất thời im lặng, chẳng ai nói với ai lời nào. Tư Mã Khôi thấy dường như khó có thể nhìn thấy dấu tích gì từ vẻ bề ngoài, nên cũng không muốn rút dây động rừng. Để tiết kiệm nhiên liệu, anh liền tắt đèn halogen đang cầm trên tay, chỉ dùng chút ánh sáng tỏa ra từ chiếc đèn pin. Loại ánh sáng này vô cùng ảm đạm, nhưng năng lượng tiêu hao tương đối nhỏ, có thể duy trì chiếu sáng trong thời gian rất lâu. Khoang máy bay phút chốc chập chờn bóng sáng, người hay ma khó mà phân biệt nổi.

Tư Mã Khôi quanh năm lảng vảng ở nơi đầu súng mũi gươm, xem sự sống cái chết đều nhẹ tựa lông hồng, thêm vào đó lại có tâm lý phản nghịch thiên bẩm rất mạnh, thì làm gì có chuyện chịu để yên mặc cho người khác xoay vần? Tuy anh không biết tình hình cụ thể về kẻ được gọi là Năm mò xanh, nhưng thấy kiểu hành sự của hắn đầy bí hiểm, quái dị, thì đoán ngay tên này chắc chắn thuộc loại tà môn ngoại đạo, việc gì mình phải bán mạng cho những hạng người như thế? Ông mày bảo không làm là không làm, đũa nào làm gì được ông? Nghĩ đến đây, anh một lần nữa lại gọi mấy anh em trong đội du kích cộng sản Miến Điện đến, chuẩn bị “phủi đít ra về”.

Nhưng Tư Mã Khôi vừa nhìn thấy cái đầu băng bó trắng xóa của Karaweik thì lập tức lại nhớ ra: “Lúc đội du kích cộng sản Miến Điện tan rã, Karaweik đã không quản nguy hiểm, dẫn bọn mình từ con đường U Linh đi xuyên qua núi Dã Nhân, giờ đây làm sao mình có thể mặc kệ sự sống chết của cậu bé?” Có điều, hoàn cảnh trước mắt của hội Tư Mã Khôi ngay cả cái mạng của bản thân cũng khó bảo toàn, còn người có thể dẫn Karaweik chạy trốn khỏi Miến Điện chỉ có một mình Ngọc Phi Yến, nên anh lại đành ghìm lòng lại, hỏi Ngọc Phi Yến bây giờ dự định làm thế nào, hay là phải để một người ở lại kích hoạt quả bom địa chấn?

Ngọc Phi Yến trong lòng rõ hơn ai hết, người nào ở lại người đây sẽ cầm chắc lệnh bài tử hình. Thực ra cô ta chẳng buồn bận tâm đến điều này, bởi vì trong mắt cô ta, sinh mệnh và giá trị sinh mệnh là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau, bởi thế cô ta cũng dễ dàng đưa ra quyết định về cái được cái mất. Trong lòng Ngọc Phi Yến sớm đã có sự tính toán so sánh thiệt hơn, liền nói với mọi người: “Bây giờ chúng ta sẽ rút thăm phán định sống chết, ai rút phải quân bài đen sẽ phải ở lại kích nổ quả bom, kẻ ở lại sống hay chết đành phải tuân theo mệnh trời vậy...”

Tư Mã Khôi nghe xong, trong lòng ngầm phán đoán: “Tổ tiên Ngọc Phi Yến xuất thân là dân trộm mộ Quan Đông, kỹ thuật ngửa bài này chắc chẳng ai thắng nổi cô ả, vì xem ra mọi người có vẻ đều bình đẳng như nhau, nhưng trên thực tế, tất cả quyền định đoạt đều do cô ả ngầm nắm giữ”. Tư Mã Khôi nghĩ đến đây, đang định lên tiếng vạch trần

thủ đoạn, nhưng lời chưa kịp thốt ra khỏi miệng thì đã nghe Tuyệt nói trước với Ngọc Phi Yến: thời gian hẹn giờ của quả bom địa chấn chỉ có hạn, trong khi Năm mò xanh khi này vừa lợi dụng máy ghi âm để cảnh cáo mọi người, mà hắn lại thật sự đang ẩn nấp giữa chúng ta, vậy thì hắn cũng có khả năng rút phải quân bài đen, bị bom nổ thịt nát xương tan, nói không chừng thời gian mấy chục phút đó cũng chẳng đủ để hắn chạy thoát. Ngọc Phi Yến cúi đầu đáp: “Cũng mong như vậy.”

Tư Mã Khôi và La Đại Hải ngược lại không thể nào chấp nhận suy đoán này. Tuy ngoài miệng chẳng nói gì, nhưng trong lòng họ đều nghĩ: “Trên thế giới này, kẻ điên nào mà không có chứ? Có thể đúng là chúng ta gặp phải tên không sợ chết, hướng hồ đối phương trốn trong chỗ tối, u hồn tựa bóng ma vô hình vô ảnh, hắn có phải người sống hay không còn khó nói nữa là”.

Tư Mã Khôi nghe thấy âm thanh bò trườn của bọn thần lằn cỏ bên ngoài khoang cửa đã có phần suy yếu, cùng lúc Hải ngọng lại ngồi khuyên can Ngọc Phi Yến, bảo cô hãy từ bỏ ý niệm kích nổ quả bom: “Xem ra cô cũng không có vẻ là người cứng nhắc, bảo thủ. Cô cứ nghĩ kỹ lại mà xem, thằng cha địa lôi này đủ sức phá nổ cả dãy núi Dã Nhân khiến trời rung đất chuyển. Hơn nữa ở khu vực sâu hút dưới đáy này, sương mù vẫn chưa tan hết, cho dù chỉ để lại một người kích nổ thì biết đâu là sau khi bom nổ, sương mù dày đặc lại đột nhiên từ dưới lòng đất ùn ùn trào lên, khi đó ngay cả những người đã tháo chạy trước đó cũng tuyệt đường sống luôn. Hơn nữa, lúc chúng ta phát hiện ra cuốn băng ghi âm trong chiếc ‘Rắn đen II’, quả thực cũng bị nó làm cho mất hồn mất vía, sau đó mới biết chẳng qua chỉ là sợ bóng sợ gió vớ vẩn. Có khả năng lời cảnh cáo vừa rồi xuất hiện trong máy ghi âm cũng chỉ do mọi người nhất thời hoảng loạn, không thể phân biệt rõ chân tướng thật sự mà thôi, hết nghi thần nghi quỷ, lại nghi người, cứ ngồi đó nghi nghi hoặc hoặc mà tự mình giết mình...”

Tư Mã Khôi và La Đại Hải đều tự tìm những lý do mà ngay cả bản thân mình cũng khó tin nổi, hòng đánh tan ý niệm của Ngọc Phi Yến. Nhưng lúc lời mới nói được một nửa, thì đã thấy sắc mặt Ngọc Phi Yến

trở nên vô cùng khó coi. Họ phát hiện hướng nhìn của cô là nhằm vào vị trí khoang lái ở ngay sau lưng mình, nên trong phút chốc đều cảm thấy khí lạnh xâm chiếm da thịt, vội vàng quay người xem rốt cục là thứ gì. Vừa mới ngoảnh đầu lại thì thấy trong bóng tối có một con mắt không lồ ám đầy ma khí, ánh mắt nhấp nháy như ánh nến, đang im lặng bất động nhìn chăm chăm vào những người ở trong khoang.

Hồi thứ sáu

KINH HOÀNG

Tư Mã Khôi thấy hiện tượng lạ, không kịp đi tìm đèn halogen, trong lúc hấp tấp, đành vội xách đèn pin, mượn ánh sáng yếu ớt của nó nhìn về phía trước, chỉ thấy bên ngoài khoang lái có một con mắt khổng lồ nhìn chăm chăm không rời. Mắt to như cái bánh xe, hai mí mắt chậm chậm khép mở, thần sắc vô định, dường như nó đang nhìn xuyên thấu qua ô cửa sổ khoang lái, bám dính vào sáu người sống đứng bên trong.

Sau khi quan sát rõ ràng, Tư Mã Khôi biết đây là mắt của một con rồng Komodo to lớn khác thường. Do quanh năm sống ở nơi huyết động tối tăm ẩm ướt, thường xuyên bắt các loại côn trùng có lân quang làm thức ăn, nên phần mắt của nó không những không bị lớp vảy che mờ, mà ngược lại thị lực càng được tiến hóa hơn, hai mắt lồi hẳn ra phía ngoài. Không tính cái đuôi, thân thể của nó vẫn dài đến năm, sáu mét, da cứng thịt dày; bình thường nó có thể nằm im bất động như tượng gỗ hàng mấy tháng ròng, nhưng lúc này nó bị ánh đèn trong chiếc tiem kích vận tải dẫn dụ đến.

Tuy rằng trên người ai nấy đều có súng và dao sẵn, nhưng rồng Komodo sống trong núi sâu Miến Điện, bất phân lớn nhỏ, trên mình đều mang chất kịch độc, có thể dùng mắt khổng chế người trong vòng trăm bước, rất khó phòng bị, nên chẳng ai dám chọc giận chúng. Một khi rồng Komodo triển khai tấn công, nó sẽ trở nên đáng sợ hơn cả cá sấu đầm lầy.

Tư Mã Khôi thấy tình thế không ổn, vội vàng tắt đèn pin đang cầm trong tay, nhỏ giọng nói với mọi người: “Đừng động đây!”

Hội Ngọc Phi Yến không ai không biết rằng Komodo có thị giác linh động với mọi trạng thái, nó vô cùng nhạy cảm với vật thể di động và ánh sáng, nên chẳng ai dám cử động dù rất nhỏ. Tại họ nghe thấy trên nóc máy bay như có vật thể gì rất nặng chậm chạp ngoay ngoay, đoán chắc đó là một con rồng Komodo khác, đang bò lồm ngồm trên nóc, mọi người liền lập tức tắt hết mọi nguồn ánh sáng bên mình.

Cả khoang máy bay trong khoảnh khắc đã trở nên đen quánh như sơn, chỉ có vẩy lân quang lấp lánh cứ chập chờn nhấp nháy, đó là vẩy lân quang của những con bướm đêm bị ánh đèn thu hút đâm loạn xạ vào người lúc ở lùm cỏ - trước khi đội thám hiểm vào trong máy bay. Tuy đi dưới màn mưa, nhưng họ vẫn bị khá nhiều bụi lân quang bám dính, đồng thời còn có không ít con bướm đêm theo chân bay vào bên trong.

Tư Mã Khôi trầm nghĩ, mấy con rồng Komodo vẫn còn luẩn quẩn ở đây chưa chịu bỏ đi, nguyên nhân chắc là do đám bướm đêm còn lại này, anh đang định phúi sạch bụi lân quang trên mình, thì đột nhiên thấy nóc máy bay phát ra âm thanh kêu “răng rắc”.

Chiếc máy bay ngủ im trong đầm lầy dưới lòng đất suốt một thời gian dài, kết cấu chất gỗ đã sớm bị mối mọt mục nát bởi không khí ẩm ướt xâm hại thì làm sao có thể chịu được thân thể khổng lồ nặng nề của rồng Komodo, chỗ lúc trước bị súng săn voi bắn thủng, bây giờ đều bị ép xuống đến nứt toác.

Chi sau của con rồng Komodo khổng lồ thụt xuống khe nứt. Trong lúc khẩn thiết khó lòng thoát thân, nó vắt kiệt sức dùng đuôi quấy đạp, khiến chiếc máy bay bị rung lắc gần như tan ra thành từng mảnh. Hằng hà sa số những con thần lằn nhỏ nhân cơ hội này đã len chui vào bên trong qua các kẽ nứt.

Mọi người đứng trong bóng tối, hai mắt không nhìn thấy gì, chỉ cảm thấy lũ thần lằn bò từ chân lằn ngược lên người, nhưng ai nấy không

thể không giơ tay hay đạp chân để giãy chúng ra.

Đúng lúc này, đột nhiên từ quả bom địa chấn bỗng vang lên một tiếng “kịch”, âm thanh tuy không lớn, nhưng hai tai Tư Mã Khôi rất nhạy cảm nên từ vị trí đang đứng anh phán đoán: hình như nút kích hoạt của quả bom địa chấn đã được mở. Trong lòng anh bỗng chốc buốt lạnh, biết chắc Năm mò xanh đang trốn trong khoang máy bay đã giở trò quỷ, phen này rắc rối to rồi, quả bom địa chấn hạng nặng với uy lực vô biên sắp phát nổ trong vòng vài phút nữa, mà hậu quả thật không dám nghĩ tới.

Tư Mã Khôi nóng lòng muốn biết, gã Năm mò xanh kia rốt cục đã dùng cách gì để trốn dưới con mắt của mọi người mà không hề bị phát hiện. Anh chẳng còn bận tâm đến mấy con rồng khổng lồ Komodo đang lờn vờn ngoài khoang lái, lập tức huơ huơ chiếc đèn pin trong tay, quét một đường: ngoại trừ sáu kẻ may mắn sống sót ra thì làm gì còn người nào thừa, thế nhưng nút kích hoạt ở phần đuôi quả bom địa chấn đúng thực là đã bị “người” trong bóng tối âm thầm khởi động.

Hội Ngọc Phi Yên thấy tình hình khác lạ, ai nấy đều kinh ngạc không thốt nên lời, biết chắc chuyến này sẽ chết không còn nghi ngờ gì nữa. Quả bom chứa trong chiếc tiêm kích số hiệu Rắn đen, tuy không thể sánh với quả “Grand Slam” đã san phẳng cả dãy núi, nhưng khối lượng của nó cũng đủ để người ta khiếp vía, vì gần như vượt qua cả cực giới hạn tải trọng của chiếc tiêm kích vận tải. Giờ phút này, cho dù mọi người có mọc thêm vài cái chân, cũng không thể chạy trốn khỏi phạm vi bao trùm nguy hiểm của sóng xung chấn phát nổ trong thời gian ngắn như vậy.

Đám sương mù bí ẩn ngàn năm không tan ở núi Dã Nhân, cơn bão nhiệt đới Buddha hoành hành, khe sâu không đáy giống như kính viễn vọng địa cầu, rồng Komodo, cá sấu, mãng xà Miến Điện mai phục dưới đầm lầy, quả bom địa chấn hạng nặng chứa trong khoang hàng chiếc Rắn đen, và cả Năm mò xanh ẩn trốn giữa bóng tối đang ngấm ngấm theo dõi hành động của mọi người kia nữa, vòng sóng nguy hiểm này nối tiếp vòng sóng nguy hiểm khác, vô số ẩn số khó lòng giải thích không ngừng

xuất hiện, khiến thể xác và thần kinh của mấy kẻ may mắn sống sót trong đội thám hiểm, đều bị đẩy đến gần mép vực suy sụp.

Mọi người biết giờ đây chỉ có đường chết không còn đường sống nên nhất thời đều như bị đông cứng, ai nấy ngẩn người bất động, nhưng sau giây phút ngẩn ngui đó, trong đầu không hên mà cùng xuất hiện một ý niệm: “Chạy! Có thể chạy bao xa thì chạy!” Tâm lý này được gọi là “chó cùng dứt đuôi”, ngồi đây đợi chết, cùng chiếc máy bay nổ tan xác thành khói bụi tro tàn thì chi bằng hãy cố gắng chạy trốn đi thật xa, không chừng vẫn còn bảo toàn được thi thể.

Tư Mã Khôi hét lên với những người còn lại: “Đừng ngẩn tò te ra nữa, mau rút thôi!”

Ngọc Phi Yến nhắc nhở: “Vùng đất ẩm ướt phía nam, cỏ mọc um tùm, có thể làm giảm sóng xung chấn của vụ nổ, sau khi rời khỏi máy bay, mọi người hãy cùng chạy về phía đó nhé!”

Mất nhìn thời gian trôi chảy từng giây từng phút, mọi người chỉ mong rời khỏi trái bom địa chấn càng xa càng tốt; nhưng muốn rời khỏi chiếc máy bay, trước hết phải giải quyết xong hai con rồng Komodo khổng lồ đang quần đảo ngoài khoang lái, lúc này không thể không hạ quyết tâm lao ra chiến đấu trực diện với nó.

Hải ngọng xung phong mở màn, anh giương khẩu súng săn bốn nòng, chĩa lên lỗ hổng trên nóc máy bay, ngắm chuẩn vào bụng con rồng Komodo đang nằm ẹp ở ngoài, rồi bắn một phát. Khẩu súng săn này tuy không bằng súng bắn tia công phá, nhưng nếu hạ gục mục tiêu gần, thì uy lực của nó lại không loại vũ khí nào có thể sánh kịp. Chỉ nghe “đoàng” một tiếng rồi khói trắng tỏa ra mù mịt như sương mây, con rồng Komodo khổng lồ thoáng chốc đã ngã vật ra đất, bụng thủng ruột lòi, máu chảy lênh láng.

Cùng lúc này, con rồng Komodo ở ngoài khoang lái, cũng bị gã Gấu trắng người Nga ném quả lựu đạn tan thành hai mảnh. Nó tuy chết mà không phục, hai mắt vẫn đỏ au au tựa máu nhìn trừng trừng như

muốn lòi hẳn ra ngoài, rồi mí mắt lộn mạnh một cái, một tia máu từ hốc mắt bắn vọt ra, xuyên phụt qua khe nứt máy bay.

Rồng Komodo rất giỏi ngụy trang, bình thường nó có thể nằm im bất động giống như phiến đá hoặc thân cây khô, đợi khi con mồi đến gần mới bất ngờ vùng dậy, phun máu độc từ hốc mắt tấn công đối thủ. Chất dịch máu trong nang mắt của nó kịch độc không gì sánh nổi, hơn nữa tốc độ lại nhanh thần kỳ, khiến người ta khó lòng tránh được.

Gã Gấu trắng người Nga không ngờ con rồng bị tan xác thành hai mảnh, mà vẫn có thể lén tấn công, nên cho dù phản ứng của gã rất đổi nhanh nhạy, nhưng vẫn bị máu độc bắn vào mắt trái. Gã đau đớn gào rú thảm thiết như một con mãnh thú bị chọc tiết. Tuy thể xác đau đớn bội phần nhưng đầu óc hãy còn tỉnh táo, gã biết rằng một khi bị chất độc từ mắt chạy vào não, thì coi như hoàn toàn xong đời, hết thuốc cứu chữa; dưới sự thôi thúc của khao khát sinh tồn mãnh liệt, gã cố nén cơn đau thấu đến tận tim, gắng gượng móc con mắt bên trái của mình ra.

Phân dịch độc mà gã người Nga tránh được, đều bắn vào thân thể mấy người ở phía sau. Khoang máy bay chứa một quả bom khổng lồ, sáu người còn lại phải chen chúc nhau trong một khoảng không gian nhỏ hẹp còn lại. Mọi người chỉ còn cách đứng nghiêng, vì ngay cả xoay người cũng rất khó khăn, làm sao có thể né tránh nổi, kết quả người nào cũng bị máu độc bắn vào.

May mà chất độc chỉ bám vào ba lô hoặc quần áo, không tiếp xúc với da thịt, nhưng gã Ciglovski cao to ngoại cỡ kia lẫn lộn giãy giụa, dùng sức quá mạnh, nên chạm cả vào Tuyết đứng ngay sau lưng. Tuyết bị gã xô đẩy, gáy đập vào vỏ sắt cứng đanh của quả bom địa chấn, phút chốc máu tươi chảy ra đầm đìa, trong lúc hoảng loạn, cũng chẳng rõ vết thương nặng nhẹ thế nào.

Mọi người chưa kịp rời khỏi chiếc tiêm kích vận tải thì trong thời gian chớp mắt, liên tiếp hai thành viên nữa lại bị trọng thương, có điều vì nguy cơ cấp bách trước mắt, không cho phép trù trừ nán ná lâu thêm, nên chẳng ai dám chậm trễ. Ngọc Phi Yến giơ chân đạp tung cánh cửa,

giương khẩu súng xung phong Uzi đi trước mở đường. Hải ngọng công Tuyết trên lưng, Tư Mã Khôi gọi Karaweik cùng xách nách dìu gã Gấu trắng mặt đầm đìa máu, mỗi người cầm một cây nến tín hiệu, bám sát sau lưng Ngọc Phi Yến. Không quản đường dưới chân gập ghềnh lồi lõm, họ liều mạng băng băng tháo chạy về phía đầm lầy um tùm cây cối.

Gã Gấu trắng tuy thân thể khỏe như bò mộng, nhưng vừa bị mất một mắt, vết thương quả không nhẹ, lại bị vài phần chất độc ngấm vào não nên thần trí bắt đầu nhiễu loạn, phút chốc mất hết lý trí như kẻ điên dại, rồi thú tính khát máu chợt trỗi dậy, trong lòng chỉ muốn giết người. Gã phát hiện hai cánh tay đều bị người khác kẹp chặt, liền thuận thế cuốn một vòng, hai bàn tay to phàm pháp như hai cánh quạt, định bóp chặt yết hầu của Tư Mã Khôi và Karaweik.

Tư Mã Khôi và Karaweik xả thân lôi gã tháo chạy khỏi chiếc tiêm kích vận tải, còn thần kinh mạch mệnh đều đổ dồn về quả bom hạng nặng ở phía sau, thì làm sao kịp đề phòng biến cố xảy ra ngay bên cạnh. Thế nhưng Tư Mã Khôi do suốt ngày lăn lộn nơi đường biên sống chết, từ trước đến giờ vẫn vô cùng nhanh nhạy, còn Karaweik tuy rằng tuổi còn nhỏ, nhưng vì cả ngày trèo cây xuyên núi nên thân thủ cũng lanh lẹ như khi, hai người đều ứng biến thần tốc, phát hiện thấy bàn tay to lớn của gã người Nga như hai gọng kìm đang nhắm vào cổ họng mình, liền vội vã lùi người lại, né sang một bên.

Ciglovaski thấy mình vô trượt, liền lập tức rút dao sẵn ra, quay người lại chém. Tư Mã Khôi không kịp đứng dậy, vội lăn mấy vòng trên mặt đất, tránh đường dao chém. Anh thấy mặt gã Gấu trắng máu thịt hỗn độn, chỉ lộ ra mỗi con mắt hung quang sáng quắc, liền biết gã này đã mất hết lý trí, giống như một con chó dại, một khi nó đã lên cơn, thì chắc chắn sẽ không chịu buông tha, bèn hét lớn bảo Karaweik mau mau tháo chạy, tuyệt đối không được dừng lại.

Karaweik nhìn thấy gã khom người Nga đột nhiên trở nên hung tợn như ác quỷ, đã sớm kinh hồn thất tán, toàn thân mềm nhều nhẹo, không biết phải làm thế nào, mãi đến lúc nghe tiếng hét của Tư Mã Khôi, mới giật mình bừng tỉnh, thực mạng lao về phía hội La Đại Hải.

Ai ngờ gã Ciglovaski tuy rằng thần trí đang hoảng loạn, nhưng bình sinh giết người như giết rận, chẳng khác nào cỗ máy giết người do Liên Xô chế tạo, thủ đoạn giết người dường như trở thành bản năng, phát hiện có người chạy trốn, gã không thèm đuổi theo, mà “hừ” lên một tiếng rồi ra sức ném con dao sẵn trong tay về phía đó.

Con dao sẵn quân dụng hình vòng cung mà đội thám hiểm sử dụng trong rừng rậm, còn gọi là “dao mở núi”, sống dao dày, nhưng lưỡi rất mỏng và sắc, cán ngắn, thân dài, trước rộng sau hẹp, được làm bằng thép lò xo, là loại dao cực kỳ sắc bén. Con dao sẵn từ tay Ciglovaski phóng đi, gấp như sấm đánh, nhanh như chớp giật, chỉ thấy tiếng u u của kim loại vọng lại, nó lượn vòng trên không trung, rồi tiện ngang cổ Karaweik, nghe sắc lẹm, cái đầu người lập tức bị cắt ngang rồi ra khỏi thân. Thế bay của con dao vẫn không hề suy yếu, tiếp tục lượn tiếp vài mét nữa mới chịu rơi xuống đất.

Karaweik đang chạy điên loạn về phía trước, đột nhiên bị con dao sắc từ phía sau cắt một đường vừa nhanh vừa mạnh, tuy đầu đã lìa khỏi thân, nhưng theo quán tính, chân vẫn không dừng lại ngay được, mà tiếp tục chạy thêm dăm ba bước nữa thì thi thể không đầu mới đổ rầm xuống đất.

Màn thảm kịch đột ngột xảy đến quá nhanh. Tư Mã Khôi thấy Karaweik chết đứng dưới lưỡi dao của gã Gấu trắng, bản thân lại không kịp đến ứng cứu, tuy nói sinh tử vô thường, chẳng ai đoán trước được, nhưng anh vẫn không thể kìm chế nỗi cơn thịnh nộ bốc cháy phừng phừng trong lòng, làm ánh mắt xung huyết đỏ lòm. Trong lòng dấy lên ý niệm giết người, anh ngẩng đầu nhìn gã Gấu trắng cũng đang quay người nhào đến, thầm nghĩ: “Hôm nay không phải tao chết thì mày phải chết”, rồi lập tức tránh sang một bên thủ thế, hai tay nắm chặt hai cán con dao sẵn.

Tuy trong lòng Tư Mã Khôi vừa giận vừa hận, nhưng đối mặt với cường địch, anh vẫn không hề mất bình tĩnh. Tư Mã Khôi biết gã người Nga cao lớn tay dài, chẳng khác nào loài dã thú, hơn nữa gã từng phục

vụ trong quân đội Xô Viết nhiều năm, xem tư thế vung tay đá chân của gã thì biết chắc chắn gã này giỏi đấm bốc. Nên cho dù trên vai anh không bị thương, mà trực diện bổ nhào vào đối phương, thì e rằng cũng không chiếm được nửa phần lợi thế, huống hồ quyết đấu sinh tử, cần phải tốc chiến tốc thắng.

Trong lòng Tư Mã Khôi ngầm định giới hạn, nên anh không giằng co chính diện với gã người Nga, mà chỉ bắn một phát đạn hù dọa, rồi tránh sang bên trái đối phương. Gã Gấu trắng nhào lên không trúng, bèn quay người lại tóm, nào ngờ bước chân Tư Mã Khôi di chuyển nhanh như sóc, tuyệt đối không tiếp xúc mặt đối mặt với gã, anh lui lại, quay người lên sang phía phải đối phương. Gã Gấu trắng thân hình to lớn lực lưỡng, nên khi phải liên tục xoay chuyển hết bên trái lại sang bên phải, tất có đôi chút lóng ngóng, mới chạy được hai ba vòng, bước chân đã bắt đầu loạng choạng, trọng tâm không vững, Tư Mã Khôi nhanh như cắt chớp cơ hội, vọt ngựa gã ra đất.

Tuy gã người Nga bị ngã mạnh, nhưng vẫn kịp đập Tư Mã Khôi một cái. Tư Mã Khôi không ngờ đối phương ra tay nhanh như vậy, bị đập loạng choạng, anh cũng ngã nhào xuống đất theo gã. Tự biết mình phải chạm trán với kẻ thù hiểm ác nhất từ trước đến nay, nhưng lòng quyết tâm báo thù còn mạnh hơn nên anh chẳng hề có ý sợ hãi rút lui. Vừa ngã, anh liền lập tức đứng bật dậy, tiếp tục cầm con dao sẵn nhào lên.

Không ngờ, lúc đó mùi máu tanh nồng nặc bốc ra từ cơ thể gã Gấu trắng đã dẫn dụ một con cá sấu đang nằm mai phục dưới đầm lầy. Nó há to cái miệng đỏ lòm rộng ngoác ngoạm mạnh vào hai chân Ciglovaski, chậm chạp kéo gã về phía sau. Hàm cá sấu chỉ chít những chiếc răng nhọn hoắt như lưỡi cưa, lực ngoạm lại rất lớn, nên quá nửa thân người của gã Gấu trắng bị nó nuốt chửng. Gã bất giác cảm thấy đau buốt đến tận xương tủy, gã cố giãy giụa nhưng không thể thoát ra nổi.

Dưới cơn đau dữ dội, cổ họng gã phát ra những tiếng nghe “khắc khắc”. Rồi thần trí cuối cùng cũng minh mẫn trở lại, gã tự biết thân rơi vào cảnh ngộ này, chắc chắn chẳng còn đường sống, lại sợ bị cá sấu lôi

xuống đầm lầy, phải chịu cái đau đớn do bị xé xác nuốt chửng, bèn tự mình kết liễu cuộc đời. Gã sờ cuộn thuốc nổ mang theo bên mình, rồi giật mạnh dây dẫn lửa.

Cùng với tiếng nổ lớn vang khắp đầm lầy là xương thịt máu me bay ra tứ phía. Tư Mã Khôi vội vàng tránh qua một bên, tuy anh từng chứng kiến tận mắt vô số cái chết trên chiến trường Miến Điện, nhưng nhìn cảnh tượng này, anh vẫn thấy bàng hoàng sửng sò, lòng cảm nhận sâu sắc sự bi thảm của thế gian, dường như cũng chỉ đến thế là cùng. Anh ngẩng đầu lên nhìn, thấy phía trước pháo tín hiệu vụt lóe sáng. Thì ra La Đại Hải cũng Tuyết bị thương ở đầu, gấp gáp chạy theo Ngọc Phi Yến vào đồng cỏ sâu nên không hề biết biến cố xảy ra phía sau. Mãi cho đến khi nghe thấy tiếng nổ do gã Gấu trắng tự kết liễu đời mình, mới biết có chuyện chẳng lành, anh liền bước chậm lại, ngoái đầu nghe ngóng.

Tư Mã Khôi tự hỏi: “Không biết thời gian đã qua bao lâu, dường như vượt cả thời hạn ấn định, sao trái bom địa chấn trên chiếc tiêm kích đến bây giờ vẫn chưa phát nổ?” Nhưng không kịp nghĩ nhiều, anh vội vàng đuổi theo hội La Đại Hải. Ngọc Phi Yến và La Đại Hải chỉ thấy có một mình anh đi đến, trong lòng đều cảm thấy kỳ lạ, bèn hỏi nguyên do, nhưng lời còn chưa kịp thốt ra khỏi miệng, bỗng nhiên nghe thấy một tiếng nổ long trời lở đất, đáy khe núi Dã Nhân sâu vạn trượng đột nhiên xảy ra vụ nổ dữ dội, đúng chẳng khác gì “tinh cầu tương kích, càn khôn vỡ vụn”.

Hồi thứ bảy

KÉN

Quả bom địa chấn nặng ngàn cân trong chiếc máy bay tiêm kích vận tải, cuối cùng cũng phát nổ, năng lượng giải phóng do khí nén cao áp giãn nở đúng là rung trời chuyển đất, đổ biển trút sông. Tiếng vang lớn chấn động cả khe núi sâu hút. Sóng xung chấn và sức ép dữ dội từ trung tâm nổ lan truyền ra, mạnh như cơn lốc, nhanh chóng phủ khắp đầm lầy dưới lòng đất.

Bốn kẻ may mắn tháo chạy khỏi bàn tay thần chết là Tư Mã Khôi, La Đại Hải, Ngọc Phi Yến và Tuyết, vừa mới bỏ trốn chẳng bao xa, thì đã bị cơn bão sóng xung chấn cuốn vào vòng xoáy của nó. Do vụ nổ xảy ra quá nhanh, sấm nổ bịt tai còn không kịp thì làm gì có thời gian để tìm chỗ ẩn náu, khiến thân thể dường như bị một bức tường xi măng dày nặng đột ngột đâm sầm vào với vận tốc khủng khiếp, nên họ chẳng khác nào cánh hạc giấy bị đứt dây, lật nhào xuống bùn đất.

Trước mắt Tư Mã Khôi là một khoảng đỏ đen lẫn lộn, hai tai anh bị chấn động không nghe thấy gì ngoài tiếng “ong ong”, còn trong đầu chỉ là một dải hỗn loạn, sau đó liền mất toàn bộ ý thức.

Không biết thời gian đã trôi qua bao lâu, những giọt nước mưa lạnh buốt tận xương không ngừng tạt vào mặt làm Tư Mã Khôi dần dần tỉnh lại. Anh chỉ cảm thấy đầu đau như muốn vỡ tung, mọi thứ trước mắt mờ ảo dập dềnh, không hề nhìn thấy một chút ánh sáng nào. Trọng lòng anh còn lơ mơ nhớ lúc trước trái bom địa chấn vừa phát nổ, quả bom địa chấn do Anh chế tạo tuy rằng vẫn thuộc phạm trù vũ khí thông thường,

không thể so sánh với bom hạt nhân, nhưng sức phá hoại khủng khiếp của nó đúng là có thể dời núi lấp biển.

Trước đây, Tư Mã Khôi từng nghe người bản địa nói, năm đó lúc phản công Miến Điện, tình hình chiến sự vô cùng ác liệt, chỉ cần ban ngày, ngẩng đầu nhìn lên trời, sẽ thấy máy bay quân Đồng minh quần thảo hết phi đội này đến phi đội khác, nghìn nghịt như chim én, rồi ném những quả bom còn to hơn cái nhà, quả nọ tiếp quả kia, phạt đứt bay cả đỉnh núi. Kích thước loại bom địa chấn thuộc hàng khủng, trọng lượng cũng nặng khác thường, nếu là cấp Grand Slam, thì nhất loạt đều phải do máy bay Lancaster thả xuống. Quả bom với cấu tạo hình giọt nước với bề mặt tuyệt đối nhẵn nhụi không nếp gấp này, lúc thả xuống sẽ xoay vòng với tốc độ cao giữa không trung, khi tiếp đất nó có thể xuyên thấu hố công sự với độ sâu rất lớn, rồi hủy diệt vụn nát mọi mục tiêu chiến lược.

Có điều, nhìn tổng quan cả quá trình lịch sử chiến tranh thế giới thứ hai, toàn bộ số bom Grand Slam mà quân Anh sử dụng còn chưa đến một trăm quả, hơn nữa tuyệt đại đa số đều dùng ở các chiến trường châu Âu. Trong thời kỳ chiến đấu với quân Nhật ở Miến Điện, bom địa chấn quân Anh sử dụng tuy thể tích nhỏ hơn một chút, nhưng bên trong lại nhồi loại thuốc pháo tiên tiến có độ phát nổ rất cao nên so với Grand Slam, uy lực của nó cũng khủng khiếp không kém, thậm chí có thể nói còn ngang ngửa về mọi điểm.

Bom địa chấn trong vực sâu núi Dã Nhân được đặt trong khoang hàng chiếc tiêm kích vận tải, đồng thời lại không có sóng xung chấn tốc độ cao được sản sinh ra khi thả từ không trung xuống, một khi kích hoạt kíp nổ tại chỗ, tuy không thể đâm sâu, nhưng vẫn có thể hình thành hố bom với đường kính gần trăm mét; hơn nữa, phạm vi bao phủ của sóng địa chấn, có tác dụng hủy diệt, còn trải rộng hơn. Môi trường trong đầm lầy dưới lòng đất rất khắc nghiệt, chỉ dựa vào đôi chân, thì chạy nổi bao xa, bởi thế hội Tư Mã Khôi đã liệu định trước là trong thời gian có hạn, căn bản không thể chạy đến được khu vực an toàn. Mọi người còn cho rằng chắc chắn là sẽ chết chứ không thể khác được. Lúc này, Tư Mã

Khôi đã bắt đầu tỉnh lại, tâm thần hoảng loạn, anh cảm thấy cơ thể như bị vụn nát thành từng mảnh, nhưng đột nhiên thấy cuống họng có vị ngọt, liền ộc ra một ngụm máu đen, liền sau đó thấy tứ chi, trăm xương đều đau buốt, mới biết mình vẫn còn sống.

Tư Mã Khôi thoát khỏi đại nạn, hai kiếp vẫn được làm người, nhưng trong lòng lại không hề cảm thấy may mắn chút nào, mà ngược lại còn thấy rất đổi hoang mang: cho dù anh có mệnh lớn phúc dày, đoạt quyền tạo hóa, thì vẫn chỉ là người trần mắt thịt, dầu không thịt nát xương tan ngay tại chỗ, thì cũng sẽ bị sóng xung chấn ép cho dập nát tất cả lực phủ ngũ tạng mà chết, vậy mà không hiểu sao vẫn có thể sống đến tận bây giờ?

Anh thấy rằng mọi hiện tượng kỳ dị trong khe núi Dã Nhân đều không thể giải thích nổi. Tư Mã Khôi bị sóng xung chấn quả bom làm cho chân động đến nổi khí huyết đảo lộn cả lên, tai trái không nghe thấy gì, tai phải không ngớt ù ù, sau gáy ủa gió lạnh, thị giác, thính giác đều hỏng cả, dường như chỉ còn mỗi hồn phách là vẫn chưa lìa khỏi thể xác mà thôi. Anh nằm vật trên đất trăm mối không thể giải thích thấu đáo, cũng không rõ ba người còn lại sống chết ra sao, trong lòng vừa tuyệt vọng, vừa bất an, khi thấy mình mảy chân tay mềm nhũn, không thể động đậy nổi.

Tư Mã Khôi lúc mơ lúc tỉnh, cứ như vậy chập chờn không biết bao lâu trong đêm tối. Cuối cùng khí huyết như thủy triều dâng lên tụt xuống trong lòng ngực anh cũng dần dần bình lặng, tay chân đã có thể tự do cử động, anh hít sâu một hơi, giãy đạp giữa đám cỏ hoang bùn lầy rồi mới nhồm người đứng dậy được. May mà lúc chạy trốn khỏi máy bay tiêm kích, chiếc ba lô chất đầy các thiết bị chiếu sáng không bị rơi mất, nên khi sờ thấy nền tín hiệu, anh quăng nó ra xa. Rồi qua màn ánh sáng, anh nhìn thấy hội La Đại Hải đang nằm vật trong đám cỏ rặng cưa, cách mình chẳng bao xa. Họ cũng bị sóng xung chấn làm chân động ngất đi, tai, mũi, họng đều rỉ máu, nhưng chẳng ai bị thương ngoài da cả.

Tư Mã Khôi bước tới, lần lượt gọi ba người kia dậy. Mọi người giành giật được sự sống sau kiếp nạn, trên mặt, trên người họ toàn là

máu và bùn. Ai nấy tự kiểm tra vết thương của mình, nội tạng bên trong dường như không có gì đáng ngại lắm, chỉ có điều tinh thần vẫn đang bị hoảng loạn, chưa thể ổn định ngay được, màng nhĩ cũng bị rung động mạnh, mãi lâu sau mới có thể nghe được chút âm thanh.

Vết thương sau đầu của Tuyết tương đối nặng, sau khi thay băng khác vẫn không ngừng chảy máu, cô chợt nhớ đến tung tích của Karaweik, liền nóng lòng gạn hỏi Tư Mã Khôi.

Tư Mã Khôi cũng chẳng giấu giếm, kể lại toàn bộ câu chuyện cho Tuyết nghe, thi thể của Karaweik và gã Gấu trắng người Nga, một người mất đầu, một kẻ tan xác thành trăm mảnh, sau khi bom địa chấn phát nổ, lại càng chẳng biết chỗ nào mà lượm nhặt nữa.

Tuyết và La Đại Hải nghe tin dữ, thần sắc u ám ảm đạm, im lặng mãi một hồi lâu. Ngọc Phi Yến cũng lặng lẽ không nói; bất kể do chủ động hay bị động, giờ đây quả bom địa chấn cũng đã bị kích hoạt phát nổ theo chỉ thị của Nấm mồ xanh. Hội ba người Tư Mã Khôi đã sớm dự tính, tiếp theo đây đương nhiên là sẽ vượt biên giới trở về đất nước, không còn liên quan gì đến đội thám hiểm nữa. Nhưng núi Dã Nhân vô cùng hiểm trở, cơn bão nhiệt đới Buddha lại vẫn chưa lắng xuống, giờ đây muốn đi đến được vùng trời của sự sống, tất phải nương tựa vào nhau.

Lúc này bốn người sức cùng lực kiệt, tuy biết rõ nguy hiểm mai phục tứ bề dưới đầm lầy, nhưng cũng không thể mau chóng rời khỏi đây, đành phải đến một chỗ khô ráo hơn ở gần đó, tạm thời nghỉ ngơi, chỉnh đốn hành lý.

Ngọc Phi Yến gắng hết sức trấn tĩnh tâm thần đang hoảng loạn cực độ, quan sát tứ phía, nhưng càng nhìn càng cảm thấy bất an. Từ lúc tận mắt nhìn thấy hàng trong máy bay tiêm kích, đến khi Nấm mồ xanh hiện thân theo dõi hành động của đội thám hiểm trong bóng tối, rồi cuối cùng là kích nổ quả bom hạng nặng... tất cả đều xảy ra quá nhanh, chẳng để lại chút thời gian nào cho người ta suy nghĩ. Bây giờ ngẫm kỹ lại, trong toàn bộ sự việc, quả thực có quá nhiều điểm quái dị.

Mọi người vốn dĩ cho rằng Năm mồ xanh muốn lợi dụng bom địa chấn để phá hủy mạch đất trong khe núi Dã Nhân, áp chế sương mù đậm đặc bên trong. Thế nhưng lòng huyết động rộng rãi thênh thang thế này, mà chỉ dựa vào một trái bom hạng nặng đời cũ, thì căn bản không thể phát huy tác dụng mang tính quyết định, hơn nữa bốn kẻ may mắn sống sót đều không chạy thoát khỏi phạm vi sóng xung chấn bao phủ, nhưng tại sao lại vẫn có thể bảo toàn tính mạng? Ngoài ra, lũ cá sấu, mãng xà dưới đầm lầy nhiều như thế, trong lúc bốn người bọn họ hôn mê bất tỉnh, sao chúng chẳng hề đến tấn công?

Trong lúc Ngọc Phi Yến còn đang mơ hồ kỳ lạ, thì đột nhiên Tư Mã Khôi ngửi thấy thoang thoảng một mùi khí rất khác lạ từ làn không khí âm u, ẩm ướt dưới lòng đất bốc ra. Nó có vài phần giống mùi long não, lại tựa như một chất hóa học nào đó đang xảy ra phản ứng kịch liệt. Nhìn sang đám cỏ rậm rạp của vồn mọc um tùm xung quanh, anh không ngờ thấy chúng đều đã chết rụi cả, mà chẳng biết chết từ lúc nào.

Tư Mã Khôi cũng cảm thấy trên da thịt dường như có cảm giác hơi ran rát như bị bỏng, trong lòng anh chợt bừng tỉnh ngộ, anh nói với Ngọc Phi Yến: “Cô không cần suy đoán loạn lên thế, chúng ta chưa bị quả bom địa chấn nổ cho tan xác, tuyệt đối chẳng phải kỳ tích gì. Hàng trong máy bay tiêm kích vận tải, đã sớm bị người ta cải tiến lại rồi, rất có khả năng nó là một quả bom nguyên tử thể lỏng.”

Ngọc Phi Yến chưa từng nghe thấy mấy chữ: “bom nguyên tử thể lỏng”, nên cho rằng Tư Mã Khôi cố tình khoác lác để người khác phải kinh ngạc, liền cau mày nói: “Lúc này là lúc nào rồi mà anh còn lòng dạ nói nhăng cuội, núi Dã Nhân làm sao có bom hạt nhân được?”

La Đại Hải và Tuyết năm đó đều là chiến hữu cùng Tư Mã Khôi nam tiến chiến đấu ở Miến Điện, nên họ hiểu rất rõ điểm đáng sợ của thứ vũ khí hạt nhân thể lỏng. Cả hai đều thất kinh hỏi lại: “Vũ khí hạt nhân thể lỏng? Ý cậu muốn nói trong quả bom địa chấn đó có chứa chất độc màu da cam gây rụng lá sao?”

Thì ra mấy năm trước, khi hội Tư Mã khôi từng theo anh Thiết Đông sang xin gia nhập quân đội ở Việt Nam trên đường tiến về phía Nam, đến biên giới Bắc Việt, do lúc đó không trung bị tấn công không ngớt, nên mọi người đành phải hành quân theo con đường nhỏ, những gì họ thấy ven đường, là rất nhiều những quả núi trọc lóc, mặt đất chẳng mọc nổi một ngọn cỏ, lớp phủ thực vật suốt một dải rộng lớn đều bị chết hết. Trước đây mọi người chưa từng nhìn thấy hiện tượng kỳ lạ này, nên ai nấy trông ngực cứ đánh thành thịch.

Trong đoàn người bọn họ, kiến thức quân sự của Hạ Thiết Đông phong phú nhất, anh nói với mọi người: rừng rậm Việt Nam, đại bộ phận khu vực đều được bao phủ bởi rừng cây nhiệt đới xanh quanh năm và rừng cây rụng lá bán nhiệt đới. Thực vật đã trở thành một tầng bình phong thiên nhiên trên mặt đất, giúp bộ đội hành quân mà không lo bị kẻ địch phát hiện. Không quân Mỹ vì muốn mục tiêu quân sự bí mật của Bắc Việt không còn nơi nào ẩn giấu được, đồng thời cắt đứt tuyến đường mòn bí mật Hồ Chí Minh, nên đã cho máy bay thả một lượng lớn chất độc màu da cam xuống khu vực chiến lược quan trọng và hậu phương Bắc Việt. Chất độc này được lấy từ các chất lỏng công nghiệp đặc thù, nó có tác dụng diệt cỏ và gây rụng lá.

Loại vũ khí hóa học đó có khả năng làm tắt cả thực vật đều khô héo, chết rũ chỉ trong thời gian một đêm, tất cả các loài thực vật sinh sống trên trái đất, chỉ cần tiếp xúc với nó đều không thể sống sót. Chất độc màu da cam chuyên được sử dụng để phá hủy hệ thực vật tự nhiên và sự cân bằng sinh thái, ở nhiều vùng đất trên lãnh thổ Việt Nam, người dân bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng, nên thường gọi nó là bom nguyên tử thể lỏng, ai ai cũng biết.

Đó là lần đầu tiên hội Tư Mã Khôi được lĩnh giáo sự đáng sợ và tàn khốc của chiến tranh hiện đại. Đến Miến Điện, mọi người cũng nghe nói tới loại vũ khí hóa học này, mà tổ chức đầu tiên phát minh ra nó là Đức Quốc Xã, rồi quân đồng minh Anh, Mỹ tiếp tục sáng chế, đồng thời bí mật vận chuyển một lượng lớn bom mìn chứa chất độc màu da cam đến các chiến trường Thái Bình Dương chiến đấu với quân Nhật. Chất

hóa học trong chất độc màu da cam, không chỉ có khả năng giết chết thực vật, mà còn có khả năng giết chết con người. Có điều, người bị nhiễm chất độc màu da cam tại thời điểm ấy không hề thấy xuất hiện biểu hiện gì khác thường, mà mãi nhiều năm sau mới phát bệnh, nguy hại trực tiếp hoặc gián tiếp của nó quả là vô cùng vô tận. May mà khi ấy việc quân Nhật tan rã thảm bại đã được dự đoán trước, cho nên quân đồng minh không có cơ hội sử dụng nó trên diện rộng.

Tư Mã Khôi phát hiện, sau khi bom địa chấn phát nổ, hệ thực vật trong đầm lầy bắt đầu trở nên dị thường, bầy cá sấu và thằn lằn ở gần đó cũng chạy trốn mất tăm; lúc này anh mới kinh hoàng nhớ ra loại chất độc mà chỉ nghe tên, chứ chưa bao giờ tự mình trải nghiệm. Quả bom địa chấn trong chiếc máy bay tiêm kích vận tải đã được cải tiến đến chín phần, bên trong lõi bom có chứa một lượng lớn các hợp chất hóa học kích độc, còn mục đích thực sự của nó không phải nhằm phá hủy mạch đất trong khe núi Dã Nhân, mà là hủy hoại triệt để hệ thực vật dưới đáy động.

Ngọc Phi Yến cũng là người nhanh mắt sáng dạ, khi nghe Tư Mã Khôi nói ra bí mật của quả bom địa chấn, cô ta liền lập tức kết nối mọi sự kiện và có ngay lời giải. Trong lòng khe núi quanh năm không thấy mặt trời, phần đáy lại bị hệ thực vật um tùm che phủ, nên chắc chắn đó không phải là hệ thực vật thông thường dưới lòng đất. Ngoài ra, lòng đất không ngừng phun trào một lượng lớn sương mù dày đặc, những việc này chắc chắn có liên quan đến nhau. Quả bom địa chấn trong chiếc tiêm kích vận tải, được cài đặt loại chất độc gây rụng lá cực kỳ đặc biệt nào đó, có thể chuyên dùng để hủy diệt thực vật dưới lòng đất, bởi vậy Năm mò xanh mới không ngừng phái người liều chết thâm nhập vào khe núi kích hoạt quả bom, nhưng không hiểu hẳn ta hành động như vậy, rốt cục là nhằm mục đích gì?

Ba người Tư Mã Khôi, La Đại Hải và Tuyết từ lâu đã sớm không màng đến sự sống chết của bản thân. Sau khi phát hiện trong bom địa chấn có chứa chất độc màu da cam, lúc đầu ai nấy đều khó tránh khỏi cảm giác hoảng loạn, nhưng về sau nghĩ kỹ lại, họ thấy rằng thế cũng

chẳng sao. Tuy nói di chứng hậu họa của loại vũ khí hóa học này là vô cùng vô tận, lúc đó ở tại hiện trường phát nổ, thì cho dù có đeo mặt nạ phòng độc, nhưng với tình trạng không mặc loại trang phục đặc biệt phòng chống hóa chất, e rằng cũng khó mà được bảo vệ hoàn toàn. Nhưng dù sao thì chất độc cũng chẳng phát tác ngay tức thì, vì thời kỳ ủ bệnh có thể kéo dài năm ba năm, cũng có thể bảy tám năm, thậm chí có thể kéo dài hơn nữa, ai mà nói chính xác được. Lúc này Karaweik đã chết, trong lòng mọi người đều đau buồn, nên chẳng muốn có bất kỳ liên can gì với núi Dã Nhân này nữa, họ chỉ mong cơn giông tố tạm ngớt là lập tức lên đường.

Tuyệt thấy Ngọc Phi Yến thần trí bất định, cho rằng cô ta đang sợ di chứng để lại do chất độc màu da cam đáng sợ mang đến, liền nói: “Việc này đúng là rất khó chấp nhận, chúng ta chắc chẳng ai cảm thấy dễ chịu cả, nhưng dù sao việc cũng xảy ra rồi, cô nghĩ nhiều cũng vô ích thôi.”

La Đại Hải trong lòng đang sẵn bực mình, thấy Ngọc Phi Yến cau mày thiếu não, thì càng được thể cười vui trước nỗi đau của kẻ khác: “Gặp phải chuyện đen đủi này, với cô có thể nó là địa ngục, nhưng với chúng tôi, nó chẳng qua chỉ như cơm bữa thường ngày mà thôi.”

Tuyệt đẩy Hải ngọng sang một bên, lại tiếp tục khuyên giải Ngọc Phi Yến: “Từ khi đội thám hiểm vào núi đến nay, trên đường bị tổn thất thương vong rất nặng nề, thoát khỏi thiên la, lại rơi vào địa võng, những hung hiểm trong núi Dã Nhân dường như vô cùng vô tận, chỉ sợ là rơi vào cái hố không đáy, chớp mắt vô tình, còn quay đầu là sẽ có kẻ sách, hay là cô cùng chúng tôi trốn ra khỏi núi cho xong?”

Kỳ thực sau khi hội Xuyên Sơn Giáp gặp phải bất trắc, Ngọc Phi Yến cũng đã suy tính đến việc rút tay không làm nữa, nhưng tâm trạng của cô lúc đó chẳng khác nào tâm trạng của kẻ đang đánh bạc. Vì phi vụ làm ăn này mà bọn cô đã bỏ ra bao nhiêu tiền của, nếu giờ đây đứt gánh giữa đường, chẳng phải tất cả công sức đều đổ xuống sông xuống bể cả hay sao? Cuối cùng càng lún, càng sâu, càng lúc càng thua đậm, đến khi thực sự muốn dừng chân, thì tất cả đã quá muộn.

Lúc này Ngọc Phi Yến nghe Tuyết nói, thực đúng như người mù được chữa sáng mắt, lời nói đã khiến cô giác ngộ triệt để. Cô ngẫm lại thấy quả không sai, sau khi quả bom địa chấn phát nổ, núi Dã Nhân không biết còn xảy ra những hiểm họa gì nữa, thế là cô liền gật đầu chấp nhận cùng ba người sống sót của đội du kích, nghĩ cách tháo chạy khỏi núi Dã Nhân.

Ai ngờ đúng lúc đó, mặt đất dưới chân rạn nứt sụt lở dữ dội làm mọi người cuống quýt. Cho rằng chắc sóng địa chấn chưa hoàn toàn dứt hẳn, người nào người nấy hấp tấp gắng sức đứng lên, thi nhau lùi ra sau né tránh. Đến khi giẫm chân lên được chỗ đất rắn chắc, rồi dùng đèn halogen chiếu sáng bốn phía xung quanh, họ chỉ thấy cả khu vực đầm lầy trước mắt đang lặn lẽ sụt xuống với tốc độ nhanh đến chóng mặt. Quảng sáng của đèn chiếu tuy rằng không thể rọi đến nơi xa, nhưng cũng có thể đoán được tình hình sụt đất này chắc là do điểm trung tâm phát nổ đang khuếch tán rộng ra ngoài.

Tại khu vực bị sụt xuống, đầu tiên là mặt nước không ngừng bốc bọt khí, sau đó hiện ra một vũng xoáy tròn ốc, nước tù bùn lầy trong đầm dường như liên tiếp bị hút xuống phía dưới, cuối cùng cũng lộ ra một đường vực thẳm, cúi đầu xuống nhìn, chỉ thấy phía dưới tối mịt, chẳng rõ đáy sâu bao nhiêu. Thì ra dưới vùng đầm lầy trong khe núi Dã Nhân còn tồn tại một khu vực sâu hút không thể lường được như vậy.

Ngọc Phi Yến thấy sự việc này ẩn chứa quá nhiều uẩn khúc kỳ bí, bất giác nghĩ đến tầng đất lúc trước nhìn thấy dưới đáy động: chúng đều là hợp chất Silicat, màu vàng như gan chó, trông rất khác thường. Lúc đó gã Gấu trắng từng giải thích loại vật chất này tiềm tàng ở tầng giữa lớp vỏ địa chất và quyển manti, chỉ có nơi vực thẳm dựng đứng với độ sâu trên chục ngàn mét mới xuất hiện mà thôi, nhưng độ sâu của khe núi Dã Nhân chắc chỉ vào khoảng hơn hai ngàn mét, nên căn bản không thể chạm tới điểm gián đoạn Moho.

Giờ đây xem ra sự thực không phải như vậy, gã người Liên Xô đó quá nửa là hoa mắt nhìn nhầm, vật chất đặc biệt dưới đầm lầy chắc là do

một loại thực vật bào tử^[26] nào đó sinh tồn trong lòng đất, hình thành một tầng “kén” dày bì giữa lòng khe núi. Trải qua năm dài thảng rộng, ken trầm tích thành vũng bùn, lúc này tầng ken đã bị chất độc màu da cam trong quả bom địa chấn phá hủy, nên đang nhanh chóng héo rụng, chết rũ.

Mọi người hít ngược một hơi khí lạnh vào phổi, nếu cả khu vực đáy sơn cốc đều như vậy, thì quả thực không thể tưởng tượng thực vật bào tử, giống hình chiếc ô kia, rốt cục có thể sinh trưởng to lớn cỡ nào; chỉ thấy vực sâu không đáy, vốn bị ken niêm phong kín mít từ hàng chục triệu năm nay, đột nhiên bửa đôi ra. Đường nứt sâu hút đột ngột xuất hiện trước mắt mọi người, dường như là đường hầm đi xuyên vào tâm trái đất, nó vừa sặc sỡ quái dị, vừa mờ mịt, thần bí, vươn dài xuống lòng đất vô cùng vô tận. Nó mang đến cho người ta cảm giác âm u, ghê rợn, bởi vì bên trong đó tràn ngập bóng tối chưa hề được biết đến; thứ bóng tối mà mắt thường và tâm linh con người vĩnh viễn không thể nào nhìn thấu được, mà nơi tận cùng của bóng tối lại càng là điều bí ẩn nhất trong những điều bí ẩn.

Hồi thứ tám

SỤT LỞ

Sau khi đáy động xảy ra vụ nổ khủng khiếp, cỏ rừng cưa trong đầm lầy đều bị chất độc màu da cam phá hủy, trong khi đó dưới vùng đầm lầy, còn có cả một tầng thực vật loại bào tử đặc biệt, tạo thành bức bình phong giống như kén nhộng, rồi tất cả hệ thực vật và động vật lưỡng cư bò sát đều sống kí sinh trên lớp kén đó. Tác dụng ghê gớm của chất độc hóa học đã khiến lớp kén này nhanh chóng trở nên khô héo, chết rũ, rồi tốc độ phân rã diễn ra quá nhanh, khiến vực sâu không đáy dưới sơn cốc bất ngờ lộ ra ngoài dự liệu. Cùng với sự hủy diệt của lớp phủ thực vật, sương mù dày đặc từ dưới vực sâu cũng ùn ùn phun trào, dần dần lan tỏa khắp không gian tối đen như mực.

Mọi người cúi xuống dưới nhìn, phát hiện hệ thực vật trong lòng đất núi Dã Nhân dường như chính là gốc rễ của sương mù, nhưng đầm lầy ở gần đó đang không ngừng sụt lở, không cho phép họ nán lại quan sát lâu hơn, thế là cả hội đành phải nhanh chóng rút lui ra xa.

Trải qua hàng loạt biến cố bất ngờ xảy đến, trong lòng Tư Mã Khôi đã sắp xếp được toàn bộ sự việc: đây chắc chắn là nơi sâu nhất của khe núi Dã Nhân, cũng là nơi chôn giấu một bí mật kinh người nào đó, thế nhưng lại bị đám sương mù bí ẩn không tiêu tan bủa vây cả ngàn năm, biến nơi này thành chốn cách biệt tuyệt đối với thế giới bên ngoài, hình thành nên một rào cản không thể nào phá vỡ. Vậy nên, chỉ có cách sử dụng chất hóa học đặc chế gây rụng lá, thì mới có thể hủy hoại thảm thực vật tạo ra sương mù dưới lòng đất đó. Từ hai mươi mấy năm trước, người ta đã sớm chế tạo được bom địa chấn chứa loại chất độc hóa học

này, đồng thời cũng liều chết lái chiếc tiêm kích vận tải thâm nhập đáy động, thế nhưng lần hành động ấy hoàn toàn thất bại, những thành viên phi hành đoàn may mắn sống sót, sau đó đều bị tan biến trong lớp sương mù.

Nhưng lớp phủ thực vật khổng lồ sản sinh ra sương mù rất cục là giống cây gì? Hội Tư Mã Khôi hoàn toàn không biết. Động thực vật ở núi sâu rừng già Bắc Miến có đến hàng chục triệu loài, giờ đây, những loài đã phân chi phân họ được biết đến chỉ chiếm một phần mười, số còn lại, đều thuộc phạm trù thế giới chưa từng nhìn thấy, chưa từng nghe thấy.

Ngoài ra, các hiện tượng quái dị xuất hiện trong lớp sương mù, những nhà thám hiểm biến mất không tung tích, thực vật bào tử che phủ vực sâu dưới lòng đất, tất cả những ẩn số ấy rất cục đang vùi chôn bí mật gì? Bao nhiêu nghi vấn đặt ra đây mà chẳng thể giải thích, hơn nữa còn hoàn toàn nằm ngoài dự liệu của mọi người.

Tư Mã Khôi suy ngẫm: có lẽ nên đi vào nơi sâu dưới đáy động, sẽ giải được câu đố. Với tính cách thường ngày của Tư Mã Khôi, chắc chắn anh cũng rất hiếu kỳ muốn tìm hiểu ngọn nguồn, đồng thời sẽ xuống dưới để thám thính một chuyến. Thế nhưng giờ đây anh lại chẳng có tâm trạng ấy, mấy năm ở Miến Điện, ký ức tàn khốc lưu lại trong bộ nhớ, tất cả dường như một cơn ác mộng không thể nào phai nhòa. Bây giờ, anh chỉ muốn rời khỏi chốn quỷ quái này càng xa càng tốt.

Bốn người không quản cảm giác mệt mỏi và đau đớn đang lan tỏa khắp cơ thể, cùng lôi kéo nhau đạp bùn, rẽ nước chạy về khu vực đường viền đáy khe sâu. Khe núi Dã Nhân là một huyết động dựng đứng, trên hẹp dưới rộng, phần đáy vô cùng chênh thang khoáng đạt. Cuồng phong giông tố do cơn bão nhiệt đới Buddha mang tới, khiến lòng đất lênh láng nước tụ, nước mưa thuận theo khe nứt của tầng đá trong khe sâu không ngừng thấm thấu vào trong, làm cho những nơi trong lòng núi trước đây bị cát sỏi, bùn đất chèn kín, giờ đều được xuyên thông. Bởi vậy bọn họ suy đoán: bốn phía huyết động chắc chắn không phải bức tường thép bao vây kín mít, khi đã có một lượng lớn nước mưa nhỏ xuống thì chân núi

sẽ xuất hiện rất nhiều đường nứt, giờ đây sương mù cũng đã tan hết, chỉ cần đợi mưa lớn ngớt cơn là có thể tìm cách lần mò mạch đất, rút chạy khỏi núi Dã Nhân.

Nhưng trời đã không chịu chiều lòng người thì còn biết làm sao. Bốn người đang cuống cuống chạy trốn, chân sau đá chân trước, đi chẳng được bao xa, bỗng lại cảm thấy dưới chân hẫng xuống đột ngột làm cả hội ngã lăn ra đất, thì ra thực vật dạng kén dưới đầm lầy khô héo quá nhanh, khiến vực sâu nhanh chóng sụt lở, nuốt chửng chỗ đặt chân của mọi người.

Hội Tư Mã Khôi ngã trên mặt đất, khắp nơi đều là bùn lầy, nên cho dù tay giãy chân đạp thế nào, họ cũng không thể thoát thân ra nổi, tất cả đều theo đám bùn nát trượt xuống đáy động sâu thẳm dưới đầm lầy.

Phần đáy động như thể vực sâu không đáy này, lại có cây cỏ thụ chẳng chịt quăn quýt đan xen vào nhau, tuy tất cả đã khô héo nhưng tàn tích lại chưa hoàn toàn mục nát, hình hài hầy còn nguyên, cành cây thậm chí vẫn giữ được những nhánh xiên nhỏ. Loại cây cỏ thụ này dày đặc tầng lớp như thể một cánh rừng rậm dưới lòng đất, có lẽ mạch nước chảy xuống bào mòn từ bao nhiêu năm trước đã khiến tầng địa bị chỗ này sụt xuống.

Hội Tư Mã Khôi lực bất tòng tâm, đành thuận thế trượt đến một nơi thoai thoải. May mà chỗ nào cũng toàn bùn đất và gỗ mục, nên chẳng ai bị thương nặng. Mọi người tập hợp nhau lại, giơ đèn chiếu lên, chỉ thấy mình bị rơi vào một tán cây có hình dạng giống như cây nấm đá, phần thân dưới là một thân cây cỏ thụ to cỡ mười vòng ôm, bên trong rỗng ruột, người có thể chui vào trú chân, thế là mọi người bèn đi vào bên trong khi bên tai vẫn nghe thấy tiếng bùn đất liên tiếp cuộn chảy không ngớt, còn bộ rễ của thực vật bào tử rủ xuống lòng đất cũng nói nhau trút xuống. Lúc này cho dù họ bản lĩnh có lớn bằng trời thì cũng không thể trèo lên được, nên ai nấy đều liên miện than vãn.

Hải ngọng tức giận đá chân một cái vào hốc cây, lớn tiếng chửi: “Bạn này thì đúng là mẹ nhà nó đi đời thật rồi, có biến thành chim cũng

chả bay ra nổi.”

Tư Mã Khôi thăm ước lượng, thể tích sụt lở của đầm lầy rất lớn, nhưng lối ra chưa hẳn đã bị dòng bùn đất bịt kín; thực vật bào tử kia tuy bị chất độc màu da cam hủy hoại, nhưng vô số rễ của nó chắc vẫn bám sâu dưới lòng đất, không chừng vẫn có thể bám vào mấy cái rễ chưa bị đứt mà trèo ngược lên trên. Có điều, anh thấy mọi người đều đã sức cùng lực kiệt, hơn nữa vết thương trên đầu Tuyết cũng không nhẹ, nếu hành động vội quá, chỉ sợ sẽ xảy ra bất trắc, thế là anh bèn nói: “Không ngờ nơi sâu nhất dưới khe núi lại thế này. Tôi thấy nơi đây cũng có thể coi là chôn đào nguyên nhô nhỏ, chỉ bằng cứ tạm nghỉ ngơi khoảng một vài tiếng, rồi nghĩ cách khác sau.”

Ngọc Phi Yên khẽ than: “Hàng nghìn năm không nhìn thấy ánh sáng mặt trời, hàng trăm nghìn năm chẳng có người nào lui tới, nơi đây quả nhiên là ‘chôn đào nguyên’ để cô hồn dạ quỷ mai danh ẩn tích, né tránh thế sự.” Nói xong cô ta rút lương khô ra, chia cho mọi người ăn, rồi tập hợp, kiểm đếm hành lý còn sót lại, phát hiện thấy các thiết bị chiếu sáng cùng thuốc súng bị rơi rớt nghiêm trọng, số lương thực còn lại cũng chỉ đủ duy trì cho bốn người ăn trong nửa ngày, trong lòng không khỏi lo lắng.

Vết thương trên đầu Tuyết tuy đã khép miệng, nhưng vì mất máu quá nhiều nên khiến thân thể cô vốn đã yếu ớt, giờ lại càng không thể tiếp tục gắng gượng; cô gồi đầu lên ba lô rồi mau chóng thiếp đi.

Tư Mã Khôi nhìn thấy giọt nước đọng nơi khóe mắt Tuyết, biết là cô đang đau lòng vì cái chết đột ngột thảm thương của Karaweik, nên trong giấc ngủ mộng mị vẫn day dứt không nguôi, anh bèn dùng tay giúp cô khẽ quệt vệt nước mắt. Đến lúc tới lượt mình phải ngủ một lát, thì anh mãi vẫn không thể chợp nổi mắt.

Hải ngọng và Ngọc Phi Yên cũng vậy, thần kinh ba người bọn họ rơi vào trạng thái căng thẳng cao độ suốt một thời gian dài, hướng hồ lúc này thân vẫn đang trong vòng nguy hiểm, tia hi vọng thoát hiểm để sống

sốt lại quá mờ mịt mong manh, bởi vậy họ rất khó đột ngột thả lỏng cơ thể, chỉ đành ngồi thức bên ngọn đèn mờ ảo.

Tư Mã Khôi trầm nghĩ: “Nếu lúc này mà bà giáo dạy toán hỏi cấp một của mình có ở đây thì tốt biết mấy. Bà ấy không chỉ giỏi toán mà còn có một khả năng đặc biệt là chỉ cần giảng bài trên bục, thì học sinh trong lớp mí mắt trên sẽ dính mí mắt dưới, thần kỳ như thuật thôi miên, nói ngủ là ngủ được ngay, trời có nổi sấm sét cũng chẳng tỉnh nổi.”

Anh nghĩ lung tung một hồi, rốt cục vì mệt mỏi quá sức nên mắt cũng díp lại, ý thức dần dần chập chờn mơ hồ. Đúng lúc anh đang nửa tỉnh nửa mơ, thì cảm giác bên cạnh mình dường như có điều gì khác thường. Đội thám hiểm có tất cả hơn ba mươi thành viên, những người sống sót đi vào khe núi chỉ còn sáu người. Sau khi bom địa chấn trong chiếc máy bay tiêm kích vận tải phát nổ, chất độc màu da cam nhanh chóng khuếch tán, đã khiến cả vùng đầm lầy bị sụt xuống, nhốt những kẻ sống sót ở nơi này, kể cả bản thân, bây giờ chỉ có bốn người mà thôi, thế nhưng không biết tự lúc nào, dưới bóng đèn yếu ớt, thấp thoáng thừa ra một người.

Tư Mã Khôi thấy người đó ôm hai đầu gối, bất động ngồi xuống bên cạnh mình, không biết đang nhìn cái gì, trong lòng anh cảm thấy rất đổi quái dị: “Đúng là mẹ nó chứ, mình gặp ma sao? Người này là ai vậy?” Anh rất muốn gắng gượng xem rõ thân hình mặt mũi người đó, có điều ánh đèn mờ ảo đến nỗi khiến người ta dường như chẳng mở nổi mắt ra, tuy rằng khoảng cách rất gần, nhưng anh chỉ thấy hình hình bóng bóng, không thể nhìn một cách xác thực.

Tư Mã Khôi lòng đầy nghi hoặc. Anh nhớ lại lúc trong khoang máy bay tiêm kích vận tải, mọi người phát hiện Năm mò xanh trà trộn vào đội thám hiểm, nhưng chỉ nghe thấy tiếng, chứ không nhìn thấy hình phảng phất như một vong hồn bám đuôi dai dẳng phía sau, chẳng lẽ giờ đây “nó” quyết định hiện thân? Tư Mã Khôi chẳng nói chẳng rằng, giờ tay định bóp chặt vai người đó, để xem rõ mặt mũi đối phương ra làm sao. Chẳng ngờ người đó cũng đột ngột đứng dậy, dường như mặt kẻ mặt với Tư Mã Khôi, do khoảng cách quá gần, nên ngũ quan trên khuôn mặt

mơ hồ đến khó phân biệt; trong thời khắc bất thần, anh chỉ thấy đôi mắt giống như một cặp hổ đen.

Khi Tư Mã Khôi nhìn thấy ánh mắt đó, thì anh giống như bị một cục băng tuyết lạnh buốt ném thẳng vào ngực, rồi phút chốc từng cơn hàn khí ác nghiệt bất giác ủa đến, khiến mỗi lỗ chân lông của anh đều tê cóng thấu xương. Anh đang định rút con dao sẵn ra, thì ngọn đèn đặt trong hốc cây vụt tắt, mọi vật trước mắt rơi vào dải bóng tối đen ngòm, xung quanh cũng chẳng còn động tĩnh gì nữa.

Khi Tư Mã Khôi bật được chiếc đèn pin giắt theo người, thì chỉ thấy ba người bạn đồng hành vẫn đang ngủ rất say, còn gần đó cũng chẳng còn bóng dáng nào khác. Khấp người anh từ trên xuống dưới đều ướt sũng mồ hôi lạnh, trong lòng không khỏi hoài nghi chuyện gặp khi này phải chăng chỉ là một giấc mộng. Nghe nói mộng là sự cảm ứng của tâm niệm, tuy anh cũng không tin mấy vào những điều u minh đen tối, nhưng cũng khó tránh khỏi cảm giác tựa gai đâm vào lưng, cứ thấy sau gáy lạnh lạnh, ròn rợn.

Lúc đó hội Ngọc Phi Yến và Tuyết cũng bị ánh đèn pin đánh thức dậy, Tư Mã Khôi kể lại chuyện vừa xảy ra cho bọn họ nghe, rồi cuối cùng nói: “Nếu không phải do áp lực thần kinh của tôi quá lớn, mà tự tưởng tượng ra âm hồn, thì cánh rừng già dưới lòng đất này rất quái dị, tóm lại, nơi này tuyệt đối không nên nán lại thêm.”

Mọi người suy đoán: cánh rừng già này, quá nửa là tầng sâu nhất trong khe núi Dã Nhân, chắc chắn là chôn giấu rất nhiều bí mật, còn độ hung hiểm tất chẳng cần bàn, giờ đây nghe Tư Mã Khôi kể lại, ai nấy đều cảm thấy nguy hiểm, kinh sợ, không khỏi rợn hết cả tóc gáy, chẳng người nào còn muốn lưu lại lâu hơn. Sau ít phút nghỉ ngơi, họ bèn thay pin đèn, lấy lại tinh thần, rồi tiếp tục khởi hành.

Tư Mã Khôi giờ cao đèn halogen mở đường. Ngọc Phi Yến vác khẩu súng xung phong Uzi cùng Tuyết đi ở giữa. Hải ngọng ôm khẩu săn voi ngoại cỡ đi sau cùng. Bốn người bám sát nhau, lấy la bàn để phân

biệt phương hướng, họ đi xuyên qua cánh rừng rậm um tùm, lần mò tiến về vùng đất khô ráo địa thế cao hơn.

Trong rừng rậm hoang phế bị vùi sâu dưới lòng đất, chỗ nào cũng yên ắng đến khác thường, mọi người loạng choạng bước đi trong lớp sương mỏng giăng mắc mờ ảo. Đến chỗ phía trước bị một thân cây cổ thụ đổ rạp chắn ngang đường, Tư Mã Khôi tiến lên, giờ cao đèn halogen quét một đường, rồi đang định đi vòng qua nó thì bất ngờ nhìn thấy trong lùm gỗ mục khẳng khiu trơ cành, ẩn hiện một đôi mắt đỏ lờm như máu, tà khí phát ra từ ánh mắt hung ác đến rợn người.

Tư Mã Khôi lóe lên suy nghĩ: “Thì ra ở đây có mai phục!” Anh tự biết nếu hạ thủ trước chưa chắc đã là tốt, nhưng ra tay sau chắc chắn sẽ lãnh đủ hậu quả, nên không hề do dự nửa giây, anh liền bấm mạnh con dao sẵn trong tay xuống. Chỗ dao cắm xuống chỉ nghe “keng” một tiếng, như chặt phải vật gì rất cứng, tay cầm dao bị tác động run lên bần bật.

Lúc này ba người còn lại cũng đuổi kịp đến ngay sau lưng Tư Mã Khôi, mọi người đều nắm chắc vũ khí và định thần lại rồi quan sát, chỉ thấy ánh sáng vàng lóe lên chói cả mắt, thì ra đây là tượng một con mãng xà được đúc bằng vàng. Đôi mắt của mãng xà vàng được nạm hồng ngọc bị ánh sáng chiếu vào, phát ra từng lớp sóng quái dị làm cho đôi mắt như đang không ngừng đảo qua đảo lại, thần thái giống y như thật, chẳng khác nào con rắn sống. Phạt mấy cảnh khô cạnh con mãng xà, họ phát hiện nó là một bức phù điêu khắc trên thỏi vàng, mà thể tích thỏi vàng lại rất lớn, khác hẳn những thỏi vàng thường thấy.

Nhìn cảnh tượng này, mọi người không khỏi kinh ngạc, và càng kỳ lạ hơn vì không hiểu sao thỏi vàng lại nằm ở đây. Tiện tay gạt mấy cành cây và bùn đất ở gần đó sang một bên, họ lại phát hiện trên dưới trái phải thỏi vàng, là vô số những thỏi vàng khác, không ngờ đó là một bức tường thành được lắp ghép bằng từng thỏi vàng.

Bức tường thành bằng vàng cao vút, đúc tầng tầng lớp lớp các bức phù điêu, mỗi bức phù điêu lại được khảm nạm những viên đá quý với màu sắc khác nhau. Tất cả sinh linh của trời đất, uy nghiêm của thần

phật, truyền thuyết trong sử thi, thánh chiến vinh quang, đều được chuyển hóa bằng những dấu tích huy hoàng rực rỡ, rồi vĩnh viễn ngưng tụ lại ở bức tường. Sự diễm lệ, hùng vĩ siêu nhiên của nó đã đủ khiến trí tưởng tượng mong manh và nhợt nhạt của loài người sụp đổ nặng nề.

Chương 5

THÀNH NHỆN VÀNG

Hội thứ nhất

TÒA THÀNH BỐN TRIỆU BẢO THÁP

“Vận may” - cái thứ ấy, có thể là bà mẹ đẻ đối với người này, nhưng lại là mẹ dì ghẻ đối với kẻ khác.

Tư Mã Khôi cảm thấy mấy người của hội anh chắc đang được dì ghẻ nuôi dưỡng, bởi họ rơi vào nơi sâu nhất dưới đáy sơn cốc khổng lồ của núi Dĩ Nhân cùng với loài thực vật dạng kén. Địa hình nơi này rất đặc biệt, không biết bao nhiêu năm trước đã từng trải qua những kiếp nạn long trời lở đất nào, mà khiến mạch nước lún sâu dường vậy, lòng núi dần dần trống hoác, từ đó cả cánh rừng rậm nguyên sinh rộng lớn bị thụt xuống đáy động.

Lòng khe núi ngay sau đó liền phát triển loại thực vật bào tử giống hình chiếc ô, che phủ hoàn toàn cánh rừng rậm dưới lòng đất, ngày dài tháng rộng, chẳng ngờ lại tích bùn thành đầm. Huyệt động thâm u sâu hơn hai ngàn mét theo chiều dựng đứng này, mãi mãi chẳng bao giờ nhìn thấy ánh mặt trời, bởi vậy tốc độ phân hủy mục nát của cây cối trong không gian ẩm ướt khép kín đã diễn ra rất chậm chạp, màu sắc nhợt nhạt, đập vào mắt chỉ thấy toàn như gấm dệt đen sì sì, nếu như không hề xảy ra biến cố gì, thì chỉ sợ thêm vài chục ngàn năm nữa, hình hài của nó vẫn giữ nguyên như cũ.

Mãi đến khi quả bom địa chấn trong chiếc tiêm kích vận tải phát nổ, chất độc màu da cam khuếch tán ra khắp nơi, hủy hoại lớp phủ thực vật dày đặc trong không gian kín mít dưới đáy cốc, rồi đầm lầy theo đó sụt lở xuống dưới, thì khu vực cấm địa này bởi vậy mới bị lộ ra ngoài.

Do điểm phát nổ không xảy ra ở nơi trung tâm sơn cốc, nên lớp phủ thực vật ở nơi xa nhất tuy cũng tận số diệt vong, nhưng mức độ hủy hoại không nghiêm trọng lắm, vẫn còn vô số những chiếc rễ đen sì, to lừng lững như cột đình đâm rủ xuống lòng đất. Bốn kẻ may mắn sống sót của đội thám hiểm đành lần mò trong đám tàn tích thực vật dưới lòng đất di chuyển dần xuống, hi vọng tìm thấy khu vực có thể bò ngược lên trên.

Ai ngờ, trong cánh rừng sâu dưới lòng đất thâm u, lặng ngắt một màu này lại ẩn giấu bức tường thành xếp bằng vàng. Thân tường cao vút, dựng đứng bị che phủ bởi bùn đất và rễ khô, gạt bỏ lớp bụi đất che phủ bên ngoài, liền lộ ra ánh vàng kim chói mắt. Bóng tối dày đặc và màn sương mù mỏng tang bủa vây tứ bề, khiến mọi người không thể nhìn rõ quy mô của bức tường vàng, chỉ thấy phù điêu khắc trên thỏi vàng trùng trùng điệp điệp, vô cùng vô tận, tuy dày đặc nhưng vẫn có thứ bậc, trình tự tinh ảo tuyệt luân, kỹ thuật chế tác hoàn mỹ như thể không phải vật chốn trần gian.

Hội Tư Mã Khôi giơ cao đèn chiếu halogen quan sát một hồi lâu, người nào người nấy đều tròn mắt kinh ngạc, chỉ thấy mỗi một thỏi vàng trước mắt đều được đúc thành một tầng khung tháp cổ khắc hình khuôn mặt người, bảy thỏi hợp thành một thể, quán quanh chân tháp là măng xà, hình thái mỗi con một khác, thiên biến vạn hóa, chẳng bức nào giống bức nào. Các bức phù điêu trong thân tháp lại vẽ trời đất bao la mênh mông, bên trên là trăng sao nhật nguyệt, bên dưới là sinh linh muôn thú, tiên nữ phiêu bồng, măng xà dữ tợn, dũng sĩ đầu người mình voi, thậm chí cả cuộc chiến tranh huy hoàng giáo vàng ngựa sắt và cả chư vị thần phật đang cúi nhìn chúng sinh chen chúc dưới phàm trần. Có thể nói, thiên địa vạn vật không gì không bao hàm trong đó.

Miền Điện chịu sự ảnh hưởng rất sâu sắc từ nền văn hóa Ấn Độ cổ, hàng ngàn năm nay, Phật pháp cực thịnh chẳng ngày suy vong, nơi nào cũng có đền đài miếu mạo nổi tiếng, nhưng thần phật trong những bức phù điêu vàng này, hình thái lại vô cùng đặc biệt, nhuộm đầy màu sắc tôn giáo ly kỳ nơi đất khách, thậm chí nó khác biệt rất lớn với hình tượng thần phật thường thấy ở bất kỳ khu vực nào trên thế giới. Dường như từ

bản thân những bức vẽ, người ta có thể nhìn thấy bóng dáng thần bí đã sớm biến mất của một vương triều cổ đại.

Bốn người nằm mơ cũng không thể ngờ tới trong cánh rừng già núi sâu Bắc Miến, lại có nhiều vàng thỏi đến vậy. Họ lần lượt gỡ bỏ lá cành mục nát hai bên ra, những thỏi vàng khảm đầy đá quý và phù điêu lần lượt hiện ra trước mắt. Không biết bức tường thành này rốt cục có điểm tận cùng hay không, bởi càng nhìn càng hoa mắt chóng mặt, trong khi ánh sáng của đèn chiếu chỉ soi rõ được khoảng cách trong vòng mười bước chân. Cảm giác này chẳng khác nào thầy bói mù xem voi, gần đó lại không hề có vật tham chiếu, nên hoàn toàn không thể phán đoán tình hình thực tế.

Mọi người không ngớt bàng hoàng, kinh ngạc, chỉ thấy một cảm giác chật chội, bí bách rất mãnh liệt chọt ủa giội vào mặt. Bức tường thành cao vút đục đầy phù điêu vàng giống như một vị thần Kim Cương lạnh lùng, tàn khốc, nó im lặng điềm nhiên chấp nhận sự kinh sợ và kính nể của kẻ phạm trần. Hội Tư Mã Khôi nhìn hồi lâu, trong lòng không tránh khỏi cảm giác rờn rợn, xương sống gai lạnh. Sức mạnh của tôn giáo có thể khiến con người điên cuồng, rò dại, chắc cũng chỉ có nguyên nhân này, mới tạo ra được một kỳ tích hiển hách và rạng rỡ dường vậy. Tận mắt chứng kiến sự tồn tại của những bức phù điêu bằng vàng, lập tức sẽ khiến đầu óc con người bật lên một cụm từ xuất thân từ Phật pháp: bất khả tư nghị, ý nói sự thần thông và trí tuệ của Phật tổ cao siêu huyền diệu đến mức người phạm trần không thể nào suy nghĩ bàn luận cho thấu đáo được.

Tư Mã Khôi vừa nhìn vừa đánh trống ngực vì quy mô của bức tường thành rộng lớn khó lường, nó ngang nhiên ngủ yên dưới lòng đất, dường như không thể nào đi vòng qua nổi. Chỉ có trời mới biết người ta đã dùng bao nhiêu thỏi vàng để tạo ra nó. Móng tường nằm sâu dưới mặt đất một đoạn khá lớn, phần còn lại đều ẩn mình trong bóng tối, những gì nhìn thấy trước mắt chẳng qua chỉ là một khúc mà thôi. Thực không thể tưởng tượng được cổ nhân hàng ngàn năm trước rốt cục đã xây dựng nó bằng cách nào. Sơn cốc núi Dã Nhân bị sương mù trầm tích không tan

bủa vậy, nuốt chừng vô số sinh mạng, vì sao lại vui chôn một lượng vàng nhiều đến thế? Chúng do triều đại nào để lại? Và những thỏi vàng tạc kín phù điêu ăn khớp hoàn toàn với nhau, tạo nên bức tường thành giống như một công trình kiến trúc này, rốt cục có hình dạng và quy mô như thế nào?

Trong khắp năm châu bốn bể, những điều lạ lùng kỳ quái chưa tận mắt trông thấy, chưa tận tai nghe thấy, không biết còn bao nhiêu nữa. Tuy hội ba người Tư Mã Khôi, La Đại Hải và Tuyết, lưu lạc ở nơi tha hương rừng già núi thẳm đã không ít năm, nhưng những hiểu biết về lịch sử và văn hóa của Miến Điện cũng chỉ có hạn, nên chẳng ai nói được nguồn gốc, lai lịch của nó.

Tuyết nhìn đến nổi da nổi cả gai ốc, cô quay sang nói với Tư Mã Khôi: “Những bức phù điêu dát vàng này, dường như có điểm gì không giống lắm với những vị bồ tát thường thấy trong đền chùa ở Miến Điện, chúng cứ cổ quái thế nào ấy.”

Tư Mã Khôi gật đầu: “Tôi từng nghe nói Phật tổ Thích Ca Mâu Ni được hạ giáng trong một gia đình hoàng tộc, là con vua Tịnh Phạn nước Ca tì la vệ^[27]. Khi mới sinh, ngài đứng trên bông sen vàng, hào quang trí tuệ tỏa sáng khắp mười phương thế giới, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, miệng nói: ‘Trên trời dưới đất chỉ mình ta vĩ đại’. Thân mình ngài màu vàng kim, cao một trượng sáu, biến hóa thần thông, không gì không hiểu, không gì không thông, phổ độ chúng sinh thiên hạ, tướng ngọc trang nghiêm, diệu pháp vô biên, được người đời mệnh danh là Thiên Nhân Sư. Nhưng thần phật trên những bức phù điêu này đúng là có chút dữ tợn quái dị, tôi cảm thấy mấy hình người ngợm này nhìn chẳng phải loại lương thiện gì, chỗ nào cũng bốc mùi tà khí...”

Hải ngọng kinh ngạc nhìn khối vàng khổng lồ, không khỏi nảy sinh cảm giác thám phục, anh lấy tay vỗ bồm bộp vào mặt của một vị thần trên bức phù điêu, miệng nhắc nhở Tư Mã Khôi: “Thằng ôn nhà cậu mồm mép ý tứ một chút đi, đừng có thất đức như vậy được không hả? Dù sao thì cả đời tở, đây là lần đầu cảm thấy vàng nó lại thường thế này,

không ngờ có thể dùng làm vật liệu xây dựng, chẳng khác gì đất đá gạch ngói. Nếu chuyên số vàng này ra ngoài núi, đổi lấy vũ khí, không biết có thể trang bị cho bao nhiêu đội quân nhỉ? Đừng nói đến việc xới đất đánh chiếm lại Yangon^[28] chỉ là chuyện nhỏ, mà nếu biết dùng tiết kiệm một tí, thì ngay cả phát động chiến tranh thế giới lần thứ ba chắc cũng chẳng phải vấn đề gì to tát lắm. Hải ngọng tở bình sinh chỉ có một mong muốn, đó là trở thành bộ trưởng Bộ quốc phòng. Lúc lựa chọn mua vũ khí, tở nhất quyết không thêm mua đồ của bọn khờ Mỹ, đồ Mỹ sản xuất tuy hiện đại thật, nhưng tần suất xảy ra sự cố rất lớn. Đồ của Tiệp Khắc, Canada và Liên Xô chế tạo vẫn da thật thịt thật hơn, cho dù dính mưa lớn hay ngâm dưới sông sâu đầm lầy cả ngày, nhưng chỉ vác lên một cái là vẫn bắn bồm bồm giòn tan như thường...”

Tuyệt khuyên La Đại Hải đừng có nổi lòng tham cạo vàng trước mặt Phật mà chuốc họa vào thân, hướng hồ từ lúc mọi người chạy trốn khỏi hiện trường quả bom địa chấn phát nổ, họ đều bị chất độc màu da cam gây bỏng. Tuy rằng không biết trong trái bom đó cụ thể chứa loại chất độc hóa học gì, nhưng nhìn mức độ ô nhiễm và hủy hoại mà nó gây ra cho hệ thực vật dưới lòng đất, cũng có thể lường được cuối cùng bọn họ cũng chẳng thể gặp được kết cục gì tốt đẹp. Giờ đây, họ vừa thoát kiếp nạn để hồi sinh, đã là vạn hạnh trong mọi bất hạnh rồi, điều nên nghĩ lúc này là mau chóng tìm cách thoát khỏi núi Dã Nhân mà trở về Trung Quốc trước khi đại hạn kịp xảy ra, làm sao còn tâm tư mà động lòng tham nữa?

Tư Mã Khôi nói: “Tuyệt nói rất phải! Có điều, vàng là thứ có thể khiến người ta nhìn mà động lòng, ai ai cũng yêu thích, không chỉ mỗi người Trung Quốc chúng ta thích đâu, mà nhân dân trên toàn thế giới đều thích cả, vì nó tượng trưng cho hòa bình. Tôi thấy nếu như chúng ta vì nền hòa bình của toàn nhân loại, mà khuân hết số vàng bạc châu báu ở đây ra ngoài, cho dù Phật tổ có biết, thì người cũng cảm thấy hãnh diện mà thôi...”

Tư Mã Khôi vừa nói chuyện với Tuyệt và La Đại Hải vừa đưa mắt liếc trộm Ngọc Phi Yến, phát hiện thần sắc cô ả rất bất an, thậm chí còn

có vài phần khiếp sợ, không biết là vì nguyên do gì. Từng có một vĩ nhân đã nói rất hay thế này: “Một tên trộm mộ không muốn phát tài, thì không thể coi là một tên trộm mộ đạt tiêu chuẩn”. Tư Mã Khôi cảm thấy việc này hết sức khác thường, liền hỏi Ngọc Phi Yên xem cô nàng đã phát hiện ra chuyện gì.

Ngọc Phi Yên rốt cục vẫn là một nhân vật xuất chúng hàng đầu trong giới trộm mộ, nhìn thấy trên những bức phù điêu bằng vàng có rất nhiều tháp cổ, trong đầu đại thể đã phác họa ra nét khái quát của sự việc, chỉ có điều biết chừng ấy cũng mới chỉ như ếch ngồi đáy giếng mà chê trời bé như chiếc vung, tức thời không thể nói chính xác hoàn toàn được, nên vẫn chưa dám khẳng định chắc chắn. Thấy Tư Mã Khôi hỏi, cô ta mới định thần lại, trả lời: “Tôi thấy màu sắc của mấy thỏi vàng kia có gì đó hơi kỳ quái, không giống với vàng thật, nhưng rốt cục nó là loại vật chất gì, hiện thời tôi cũng chưa phân biệt nổi. Ngoài ra dây phù điêu đồ sộ này không phải thành trì, cũng chẳng phải đền chùa miếu mạo, chỉ sợ nó chẳng phải bất kỳ công trình kiến trúc nào mà chúng ta có thể tưởng tượng, hơn nữa đáng lẽ nó không thể xuất hiện ở núi Dã Nhân mới phải...”

Mọi người nghe xong càng cảm thấy mơ hồ không hiểu, tuy rằng họ quanh năm chiến đấu ở khu vực vùng núi Bắc Miến, nhưng chưa hề nghe qua chuyện này, câu hỏi chứa đầy một bụng mà chẳng biết nên bắt đầu hỏi từ đâu.

Thần sắc Ngọc Phi Yên rất nghiêm trọng, cô nói: “Rất có khả năng đây chính là tòa thành Nhện Vàng do quốc vương Anagaya của Chăm Pa xây dựng, còn được gọi là tòa thành bốn triệu bảo tháp.” Sau đó cô liền kể tóm tắt với mọi người đầu đuôi sự việc, thì ra cái được gọi là tòa thành Nhện Vàng là một truyền thuyết cổ xưa được lưu truyền từ hàng ngàn năm. Trước đây, Chăm Pa từng tồn tại một vương triều vô cùng cường thịnh và hiển hách, lịch sử gọi là vương triều Bagan, phạm vi lãnh thổ của nó vượt sang cả phần đất Việt Nam và phía bắc của Lào, tín ngưỡng khởi nguồn từ thể hệ tôn giáo thần thú Vệ Đà (Veda) của Ấn Độ giáo cổ đại. Họ chuyên sản xuất vàng, ngọc đẹp, ngà voi, đá quý, và đó

là một vương quốc hùng mạnh, thịnh vượng nhất trong khu vực, bởi thế chư quốc xung quanh đều nhắm nhe nhòm ngó, xâm lăng nhiều lần. Thế nhưng người Chăm Pa cổ đại phía bắc đã đánh cản được các vương triều đến từ Trung Nguyên, phía nam lại dẹp tan các vương triều của Việt Nam, Lào... trước sau không bao giờ mất thế thượng phong; mãi cho đến khi Nguyên Thế Tổ Hồ Tất Liệt phái đại quân chinh phạt, mới khiến đất nước Chăm Pa cổ dần dần trở nên suy yếu, hậu duệ của họ đến nay vẫn còn một bộ phận ở lại các nước Lào và Việt Nam.

Thành trì của người Chăm Pa cổ đại và lăng tâm của các vương hầu quý tộc, đại đa số đều bị khói lửa chiến tranh hủy hoại, số ít những di tích hoang tàn còn lại, cũng sớm trở thành sào huyệt cho rắn chuột dơi cú ẩn mình. Ở Việt Nam đến nay vẫn lưu truyền một truyền thuyết liên quan đến tòa thành Nhện Vàng của vương triều Chăm Pa. Giờ đây, tuy các nhà khảo cổ học đã phát hiện ra những di tích lịch sử kỳ vĩ như Angkor Wat ở Campuchia, Buddha Bà La Môn ở Indonexia v.v... nhưng tất cả đều kém xa, không thể so sánh với tòa thành này, chỉ có điều trước sau không thể tìm đủ chứng cứ để chứng minh nó thật sự tồn tại.

Tương truyền ở phương Tây cổ đại có tháp Thông Thiên do vua Babylon xây dựng, còn phương Đông có tòa thành Nhện Vàng đối sánh. Dưới thời kỳ vua Anagaya cai trị, ông ta đã cho đúc một tòa thành trì bằng vàng, khảm nạm các loại đá quý và ngọc phi thúy, các bức phù điêu trên tòa thành có vô số hình bảo tháp, bởi vậy nó mới mang tên này. Nó lộng lẫy rực rỡ tuyệt đỉnh, dường như có thể tranh ánh hào quang cùng nhật nguyệt. Có điều, công trình kiến trúc này tuy gọi là thành mà thực ra không phải thành, bởi chỉ do quy mô của nó quá lớn, mà theo quy định của người xưa: phạm vi xây dựng vượt quá mười dặm, được gọi là thành, nên mới có chữ “thành” ấy, còn về bên trong chứa đựng những gì, hoặc giả nói trong thành có tồn tại cung điện lầu đài gì hay không thì từ trước đến nay chưa ai chứng thực được.

Người Chăm Pa cổ rút kiệt ngân khố quốc gia đổ dồn vào tòa thành Nhện Vàng, và từ đó trở đi đất nước cứ dần lụi bại, không thể chấn hưng, rồi cuối cùng mang đến vận đen suy bại diệt vong cho hậu thế.

Các vương triều từng xâm lăng chinh phục Chăm Pa cổ, lại đều không thể phát hiện tung tích tòa thành này, cho nên nhiều người cho rằng: “Giai đoạn lịch sử thần thoại ly kỳ, cùng tòa thành Nhện Vàng bí ẩn khó lường này, có khả năng chỉ là một truyền thuyết hoang tưởng mà thôi, chứ chưa chắc đã thực sự tồn tại trên đời”.

Mãi cho đến khi đại chiến thế giới thứ hai bùng nổ, kẻ xâm lược đã cướp bóc được một lượng lớn văn vật cổ từ Việt Nam và Lào, trong đó có cả mấy bức bích họa của nước Chăm Pa còn lưu truyền lại, nội dung bức vẽ miêu tả hình của bốn triệu tòa bảo tháp, và điều này đã cung cấp cho những nhà nghiên cứu hậu thế rất nhiều thông tin quý giá. Từ đó, người ta mới phát hiện ra tên gọi tòa thành bốn triệu bảo tháp, kỳ thực không được chuẩn xác lắm, bởi vì con số bốn triệu chỉ là con số giả tưởng, còn bảo tháp trong bức phù điêu vàng rốt cục có bao nhiêu, thì chẳng ai có thể nói chính xác. Ngoài ra, nó cũng không phải một tòa thành trì, càng chẳng phải công trình kiến trúc mang ý nghĩa thông thường như miếu thần, tường thành hay lăng tẩm.

Từ màu sắc mấy bức bích họa người ta có thể thấy hình thù kỳ quái của nó, đại thể đó là một kiến trúc hình bánh răng do nhiều thỏi vàng xếp khít vào nhau, phần giữa hình bầu dục, phía ngoài có tám chân dài ngắn khác nhau vươn ra tứ phía, cấu tạo chĩnh thể tương tự với hình dáng một con nhện. Nhận thức của các học giả cận đại về nó, phần lớn đều dựa vào bình diện bức bích họa và tài liệu cổ ghi chép, ngoài những thứ đó ra, chẳng còn khảo chứng nào khác, bởi vậy người phương Tây đều gọi nó là tòa thành Nhện Vàng. Họ cho rằng, đây chỉ là một phù hiệu hoặc tô tem cổ của vương triều Chăm Pa, chứ chưa hẳn là một vật thể có thật.

Cho dù tòa thành Nhện Vàng thực sự tồn tại trên đời, thì cũng phải nằm trong lãnh thổ phía bắc Việt Nam hoặc Lào mới đúng. Ngọc Phi Yến lúc này tận mắt nhìn thấy tháp cổ trùng trùng điệp điệp trên các bức phù điêu, mới biết đến tám chín phần mười, đây chính là tòa thành bốn triệu bảo tháp của vua Chăm Pa, không ngờ nó lại bị vùi chôn dưới sơn

cốc không lồ của núi Dã Nhân Bắc Miến, nên chẳng trách từ trước đến nay người ta không thể tìm thấy tung tích của nó.

Nhận thức của thế giới đối với vật thể thần bí như tòa thành Nhện Vàng này, từ trước tới nay vẫn vô cùng có hạn. Chỉ biết tòa thành bốn triệu bảo tháp đã dùng vô số thỏi vàng đúc thành phù điêu xếp chồng lên nhau mà thôi. Chưa ai giải thích được vì sao người cổ xưa lại muốn xây dựng nó. Ngoài ra, thần thú Vệ Đà mà vương triều Chăm Pa cổ thờ phụng lại chẳng hề có thân thể thực, nhưng lại có vô số hình thể tượng trưng rất kỳ dị quái đản, mà măng xà và tháp cổ chính là tượng trưng đáng sợ nhất, bởi nó dự báo sự kết thúc và cái chết.

Ngọc Phi Yến cảm thấy trên những bức phù điêu vàng kia lơ mờ tỏa ra mùi tử khí rất nặng nề. Chỉ có ma quỷ mới biết vì sao vua Anagaya lại cho xây dựng con quái vật ấy, hơn nữa Năm mồ xanh lại bất chấp mọi giá để đi tìm vật này. Lẽ nào tất cả chỉ vì một mục đích đơn giản là vàng thôi sao? Phải chăng trong tòa thành bốn triệu tòa bảo tháp còn ẩn chứa những bí mật nào khác? Cô nói với mọi người: “Nếu như chúng ta còn muốn giữ mạng sống, thì phải rời khỏi nơi đây càng xa càng tốt...” Giữa lúc cô đang nói, thì bỗng nghe thấy ở nơi sâu hút trong bóng tối truyền lại từng chuỗi âm thanh của cánh khô đang di chuyển cọt xát, nghe “ken két”, lúc đầu còn cách quãng, yếu ớt, càng về sau càng gấp gáp và rõ ràng hơn, âm thanh nghe đau buốt đến tận óc.

Hồi thứ hai

SÓNG ĐIỆN TRONG ĐỘNG TỐI

Hội Tư Mã Khôi nghe Ngọc Phi Yến nhắc đến truyền thuyết vua Anagaya nước Chăm Pa xây dựng tòa thành Nhện Vàng, ai nấy đều cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Điều khiến họ kinh ngạc là từ khi khai thiên lập địa đến nay, chưa bao giờ nghe nói trên thế giới lại có vật nào kỳ dị như vậy, kỳ dị ở chỗ thời xưa lấy đâu ra nhiều vàng đến thế, hơn nữa phần bên trong của những thỏi vàng đúc phù điêu lại có thể chồng xếp hoàn toàn ăn khớp với nhau, rung lắc thế nào cũng không đổ, mà ngay cả khi núi bị sụt lở xuống đáy động, nó cũng chẳng hề nứt vỡ. Đừng nói hơn một ngàn năm về trước, mà cho dù là người hiện đại, cũng không chắc đã có được công nghệ đúc tạo tuyệt vời như có phép thần này.

Mọi người tuy trong lòng đều thâm thán phục, nhưng chẳng ai còn lòng dạ để đào sâu tìm hiểu về nó. Lúc này thân họ vẫn đang nằm trong vòng nguy hiểm, mà trước tiên tìm đường thoát ra khỏi núi mới là việc quan trọng nhất, bởi thế họ cũng chỉ thuận miệng bàn bạc mấy câu mà thôi. Nào ngờ lời của Ngọc Phi Yến còn chưa dứt, thì lại nghe từ nơi cao truyền đến những âm thanh quái dị, nghe “ken két ken két”.

Ban đầu, mọi người còn cho rằng lúc bom địa chấn phát nổ, màng nhĩ tai bị sóng địa chấn dội tới làm tổn thương, nên mới nảy sinh ảo giác. Nhưng liền sau đó cả hội thấy hình như không đúng, tai ù cũng không hề có những động tĩnh như vậy, lại phát hiện âm thanh cảnh khô di chuyển phát ra ở phía trên đỉnh đầu, thế là mọi người liền vội xách đèn chiếu halogen lên định xem rõ rốt cục đang xảy ra điều gì bất thường. Thế nhưng ở dưới đáy vực sâu hút này, do chịu ảnh hưởng của môi trường,

nên ắc quy tiêu hao rất mau, ánh sáng nhợt nhạt tỏa ra hầu như chẳng có chút tác dụng nào, đèn đâu cũng đều là một dải đen sì sì, chẳng nhìn thấy gì hết.

Mọi người nghe tiếng động càng lúc càng dồn dập, dường như có rất nhiều cây cỏ thụ ngàn năm đang gãy giữa rạch đất, làm xuất hiện âm thanh the thé rất chói tai, khiến người ta cảm thấy dường như có luồng điện xẹt qua da đầu, cơ thể tê giật hết cơn này đến cơn khác.

Tư Mã Khôi nhớ lại lúc chiếc Rắn đen II bị tấn công trong đám sương mù, khi ấy cũng phát ra kiểu âm thanh này. Thông tin mà Wilson - thành viên đội thám hiểm để lại trước khi chết, cũng nói là trong đám sương mù tồn tại một “vật thể sống” rất to lớn và đáng sợ, nhưng màn sương bí ẩn trong sơn cốc đều bị mưa lớn trấn áp, nên khi xuống đầm lầy dưới lòng đất đội thám hiểm mới không gặp tình huống gì đặc biệt. Lúc đó anh suy đoán, nguồn gốc của sương mù rất có khả năng do lớp phủ thực vật trong không gian khép kín sinh ra, mãi sau này chất độc màu da cam chứa trong quả bom địa chấn mới phá hủy triệt để loài thực vật bào tử, nên cứ nghĩ từ nay mọi người không còn chịu sự uy hiếp của đám sương mù giết người nữa, vậy thì sao tình huống này lại lần nữa xuất hiện ở đây? Lẽ nào nơi sâu dưới sơn cốc lại đang bắt đầu nổi sương mù?

Khi tìm thấy chiếc máy bay tiêm kích vận tải, tuy Tư Mã Khôi đã từng tiếp xúc gần gũi với sương khí tàn sát trong khoang máy bay, nhưng bản thân anh cũng không thể nói rõ trong đám sương ấy rốt cục có thứ gì, mà chỉ có một điểm có thể đoán định chắc chắn là: bất kỳ người nào đi vào sương mù, đều không thể trở về.

Đèn chiếu sáng trong ba lô Tư Mã Khôi bị rơi mất, dùng đèn halogen và pháo phát sáng không thể nhìn rõ tình hình nơi xa, nhưng chỉ nghe tiếng động, họ cũng có thể biết kẻ sắp đến chắc chắn không mang theo thiện chí. Có lẽ đám sương mù giết người của núi Dã Nhân lại lần nữa xuất hiện. Nếu bám vào tường thành hoặc rễ thực vật dưới lòng đất mà leo ngược lên trên, trong thời gian ngắn, tuyệt đối không thể trở về chỗ đầm lầy sụt lở, nếu giữa đường bị đám sương mù ấy bủa vây thì lại rắc rối to. Hơn nữa sự xuất hiện của sương mù, cũng ngầm dự báo cuồng

phong giông tố do cơn bão nhiệt đới Buddha mang đến đã bắt đầu suy yếu, chắc chẳng bao lâu nữa, cả sơn cốc sẽ không còn nơi trú thân an toàn.

Tư Mã Khôi hoàn toàn không biết gì về những vương triều cổ đại nhuốm đầy màu sắc tôn giáo thần bí. Ngay cả tên tuổi của vua Anagaya và tòa thành Nhện Vàng cũng lần đầu nghe thấy, đó cũng là phạm vi mà mọi người chưa nhận thức tới, nên căn bản không thể suy đoán chân tướng thật sự của nó; hướng hồ cảnh ngộ trước mắt lại vô cùng nguy cấp, nên họ tất phải tìm đường tháo thân trước đã.

Hải ngọng trong lòng nơm nớp bất an, anh than trách: “Năm nay đúng là chẳng thuận ngay từ đầu năm, mùa xuân vừa đến, trận đánh mùa xuân liền thất bại, tiếp sau đó, đánh lớn bại lớn, đánh nhỏ bại nhỏ, chẳng đánh thì cũng thua. Khó khăn lắm chúng ta mới giữ được cái mạng trở về, ma xui quỷ khiến thế nào lại nhảy bổ vào núi Dã Nhân, kết quả làm lớn rủi lớn, làm nhỏ rủi nhỏ, chẳng làm thì cũng rủi, sao trên đời bao nhiêu chuyện rủi ro cứ trút hết lên đầu chúng ta thế nhỉ?”

Tư Mã Khôi cho rằng trong lòng La Đại Hải thâm sợ, bèn nói: “Hải ngọng nhà cậu cứ việc yên tâm đi, sau mộng đít nhà cậu vẫn khắc rành rành hai chữ ‘may mắn’ đấy thôi, ai chết thì chết, chứ cậu chả chết nỗi đâu mà sợ.”

Hải ngọng vội vàng biện minh: “Tôi đây lúc đầu cũng là người trong quân đội đấy nhé, tôi sợ quái gì chứ?” Ngừng một lát, anh lại tiếp: “Nhưng nói đi thì cũng phải nói lại, có câu rất hay: ‘Sóng gió gập ghềnh thường như cơm bữa, biết lùi biết tiến mới là anh hùng’, rơi vào cục diện tình thế bất lợi này, không chạy thì chẳng lẽ ở lại đợi sét chẻ thành đôi mảnh à?”

Tuyệt đề nghị: “Chạy thì đúng là phải chạy rồi, nhưng khe vực núi Dã Nhân đúng là sâu quá, xuống thì dễ mà lên thì khó, sương mù dưới lòng đất xuất hiện một cái, thì nơi đây sẽ biến thành cái ‘ống khói’, từ phía xung quanh căn bản chẳng có đường nào để đi. Tôi thấy đánh rắn phải đánh vào tận chồn tim gan, chỉ có nghĩ cách tìm ra cội rễ sản sinh

đám sương mù, thì mới phá hủy được nó hoàn toàn và đảm bảo được an toàn tuyệt đối.”

Tư Mã Khôi lắc đầu nói, sương mù mênh mông như muốn nuốt chửng tất cả thế này, không thể so sánh với vật có hình có khối như địa Campuchia ăn thịt người được, huống hồ giờ đây đã mất cơ hội tấn công trước, hoàn cảnh vô cùng bị động, sương mù càng lan tỏa, phạm vi hoạt động của chúng ta càng trở nên nhỏ hẹp. Sắp bước lên kiệu hoa về nhà chồng mới bắt đầu bấm lỗ tai, chắc chắn sẽ chẳng kịp nhận của hồi môn nữa.

Ngọc Phi Yên mắt thấy thân rơi vào đường cùng, mà hội Tư Mã Khôi thần sắc vẫn điềm nhiên như không, tư duy tỉnh táo, nên trong lòng trộm nghĩ: “Mấy tên này thật đúng là mấy kẻ liều mạng. Xem ra tinh thần thép rèn giữa từ môi trường chiến tranh bom rơi đạn lạc, quả thật đã khiến người thường không thể so sánh. Mình cũng không được lộ thái độ hoảng sợ, tránh để bọn họ chê cười xem thường”. Nghĩ đến đây, cô bèn nói: “Ngại một nỗi bóng tối dưới lòng đất lại cản trở tầm nhìn, đúng là chẳng còn cách nào mà nghĩ. Nhưng để cố gắng né tránh sương mù ở bên trên, chi bằng chúng ta hãy đánh bay ý tưởng trèo ngược lên trên, mà trước tiên phải đi thăm dò tình hình xung quanh, sau đó sẽ tìm đường thoát thân ở phần đáy cùng của sơn cốc.”

Tư Mã Khôi biết Ngọc Phi Yên là dân trộm mộ có hạng, người như cô ta giỏi nhất khoản đào huyệt xuyên núi; bởi vì làm cái nghề này, bắt buộc phải có “nhãn lực”, nghe nói phương ngôn của bọn họ là “đạo nhãn vi thượng, pháp nhãn thứ chi”. Cái gọi là “đạo nhãn” tức là dựa vào kỹ năng, kỹ xảo của chính mình, trực tiếp quan sát hình núi thế sông, còn “pháp nhãn” là dùng các phương pháp như thiên tinh, hà đồ, tử vi... để phán đoán cát hung sinh tử của địa lý. Ý của họ là trước tiên phải dựa vào chính mình, sau đó mới dựa vào các công cụ hỗ trợ. Có khi ở huyệt động dưới lòng đất cô ta lại có cơ hội thể hiện sở trường nhiều hơn là ở rừng già núi sâu trên mặt đất thì sao. Nhưng vùng đất Bắc Miến này là nơi giao thoa của rất nhiều mạch đất, cho dù Kim điện sư phụ năm đó có tái thế sống lại, thì cũng nhìn mà thấy mù mịt như không. Cái gọi là “núi

hiểm nước dữ”, tức ám chỉ những nơi có địa hình nhiều loạn, thì chẳng một chương pháp nào có thể tìm ra nổi. Theo phong tục của người bản địa, sau khi người chết đi, không được trực tiếp chôn ngay xuống đất, mà phải phơi thi thể trong nhiều tháng ròng, đợi khi da thịt mục nát hết cả, chỉ còn mỗi nắm xương khô, mới cho vào chum sành chôn cất. Họ làm vậy là để đề phòng xác chết tiếp nhận khí đất mà trở thành xác ướp. Bởi vậy bản lĩnh của Ngọc Phi Yến chưa chắc đã thể hiện được ở nơi sơn cốc, nhưng do sự hạn chế của địa hình, kế hoạch cô ta vừa nêu ra cũng chính là sự lựa chọn thông minh duy nhất hiện tại, trong điều kiện gần như bó tay bất lực.

Thế là mọi người bèn điều chỉnh phương án hành động, đầu tiên phải tiếp cận vách tường bên trong khe cốc, họ đứng lại phán đoán phương hướng cơ bản, rồi suy đoán chỗ dừng chân hiện tại có lẽ gần đầu phía nam của huyết động nhất, nên liền quay đầu trở lại tòa thành Nhện Vàng, lần mò trong bóng tối đi dần về hướng nam. Kết cấu nơi sâu nhất trong khe núi Dã Nhân tuy rằng không phức tạp lắm, nhưng những thực vật bào tử này to lớn khác thường, hình thành lớp vỏ thực vật giống như kén ở mãi trên cao, nếu nhìn từ mặt cắt, nó có kết cấu hình chữ H, phần ở giữa sinh trưởng theo chiều ngang chính là “kén”, hai bên là rễ cây đâm sâu vào lòng núi, rũ xuống mặt đất. Nó bao trùm cả tòa cổ thành đúc phù điêu bốn triệu bảo tháp, liên kết thành một thể, chỉ cần rút một sợi, sẽ chạm đến toàn thân. Bởi vậy sau khi bom địa chấn phát nổ, chất độc màu da cam hủy hoại tầng kén giống hình cây nắm đá, từ đó sự chết chóc nhanh chóng lan ra khắp một dải thực vật rộng lớn dưới sơn cốc. Giờ đây, cánh rừng rậm nguyên sinh mục nát tối tăm và rễ cây khô héo đan cài, giao kết với nhau, rồi lúc đêm lay sục lở, một lượng lớn bùn lay và nước tù trút đổ xuống đáy vực, bởi thế nơi nào cũng toàn rào cản, khiến người ta muốn hành động mau lẹ cũng không được.

Những cây cổ thụ hàng ngàn năm tuổi đều là những cây già hình nền đan cài lẫn lộn, tán lá dày rộng vô cùng, tầng tầng lớp lớp bủa vây. Tàn tích của loài thực vật dây leo khô quấn queo không chút sinh khí, giống như một con măng xà đen nằm ngủ im lìm dưới bùn lay. Tất cả hình thành nên vô số bức màn dày đặc, xem ra nơi nào cũng tràn ngập

điều kỳ quái. Tuy chúng vẫn giữ một màu xanh im lìm, nhưng trên thực tế chúng đã hoàn toàn mục nát, chẳng thể cảm thấy một chút dấu tích của sự sống, không gian yên ắng tĩnh lặng mà vô cùng ngột ngạt.

Dưới điều kiện môi trường khắc nghiệt như vậy, mọi người vẫn gắng gượng tiến lên, chân thấp chân cao bước trong bóng tối. Họ cũng chẳng rõ đã đi được bao xa, chỉ dựa vào la bàn để phân biệt phương hướng. Giữa lúc trong lòng họ đang thấp thỏm lo sợ, thì luồng khí âm u ngột ngạt của bùn lầy trong đầm lầy đang dần dần lan tỏa khắp lòng đất, hơn nữa độ ẩm ở đây rất cao, màn sương mù mỏng tang giữa những lùm cây khô bay lất phất, dường như sương là mưa mà mưa cũng chính là sương vậy, chúng chui vào mũi, xộc lên tận óc, khiến người ta đau buốt cả đầu. Mặt nạ phòng độc mà đội thám hiểm mang theo đã bị thất lạc, may mà quân đội cộng sản Miến Điện phân phát cho bộ đội chiếc khăn quàng dệt bằng vỏ cây, chất vải này vừa mát mẻ lại vừa mềm dai, có thể phòng tránh chương khí, thổ ngữ bản địa gọi là khăn thủy bố. Căn cứ vào các cách sử dụng khác nhau, nó có rất nhiều công dụng hỗ trợ, đó là vật không thể thiếu khi đánh trận trong rừng sâu núi thẳm, lúc thường có thể dùng để quấn cổ, khi vào rừng thì thắt cổ áo để tránh muỗi vắt côn trùng chui vào trong quần áo. Lúc này, nó tự nhiên lại phát huy tác dụng rất tốt, hội ba người Tư Mã Khôi đều lấy ra để bịt mũi.

Ngọc Phi Yến cũng muốn tìm biện pháp đề phòng hữu hiệu, nhưng trên người lại không có khăn thủy bố, nên cô ta đành tìm một chiếc khăn quàng che mặt lại, tuy vậy vẫn cảm thấy khó mà chịu đựng thêm được. Cô ta cau mày nhìn chiếc đồng hồ đo không khí đeo trên cổ tay, thấy thông số hiển thị rõ ràng trên mặt đồng hồ: lượng khí Cacbonic là 0,5; nồng độ khí Metan ở mức dưới 1%, mới tạm thời yên tâm, nhưng liền sau đó cô ta phát hiện chỉ số này lúc cao lúc thấp, chẳng biết nó bị hỏng từ lúc nào nữa.

Ngọc Phi Yến vội vàng nhìn lại chiếc la bàn, phát hiện nó cũng trong tình trạng không bình thường như vậy. Nghe nói dưới lòng đất có núi từ, bởi vậy những vật sắt trôi nổi đều tự động quay về hướng nam. Từ thời thượng cổ, Hiên Viên Hoàng Đế đã biết vận dụng nguyên lý này

để tạo ra xe chỉ nam, nhờ vậy mà có thể đại phá quân Xi Vưu trong sương mù; còn loại la bàn mà đội thám hiểm sử dụng là kim chỉ bắc, kim của nó chỉ về hướng Bắc là do hướng từ bắc, hướng từ bắc và hướng bắc thật sự chênh lệch một độ nhất định, nếu có thể tính ra sai số góc lệch này, thì việc đoán định phương hướng càng chính xác hơn. Thế nhưng trong khe sâu của núi Dã Nhân, dường như đang tồn tại một loại từ trường cực mạnh, kim chỉ bắc chắc chắn bị nó gây nhiễu loạn, mới mất tác dụng như vậy. Cô ta dừng chân nói với mọi người: “Khe sâu dưới lòng đất này tối mù mù, không những thế sương khí càng ngày càng dày đặc, nếu la bàn mà nhiễu loạn, thì chẳng còn vật tham chiếu nào dẫn đường nữa, chúng ta đúng là trở thành kẻ mù thật rồi.”

Chiếc máy điện đàm mà Ngọc Phi Yến đeo trên lưng vẫn chưa bị thất lạc, để xác định xem có thực sự bị từ trường nhiễu loạn hay không, cô ta bảo Tuyết mở máy điện đàm không dây ra, chỉ nghe thấy những tạp âm “rè rè”, “xẹt xẹt” phát ra, sau đó không ngờ lại có tiếng người nói lúc được lúc mất, âm thanh rất đổi mơ hồ, cũng chẳng rõ họ muốn nói gì. Tuyết giật nảy mình, suýt chút nữa đã ném chiếc máy xuống đất: “Ma quỷ thần ơi, sao ở đây lại bắt được tín hiệu nhỉ?”

Mọi người đều nhìn nhau kinh hãi, không hẹn mà cùng lập tức đề cao cảnh giác. Tuyết định thần lại, cố dò tìm điều chỉnh tần sóng. Âm thanh trong bộ điện đàm không dây dần dần trở nên rõ ràng hơn. Cô nghe một hồi, rồi nhỏ giọng bảo: “Đối phương hình như muốn nói đến một tọa độ nào đó!” - ngoài y thuật gia truyền ra, cô còn có tài năng thiên bẩm về ngôn ngữ, vừa mới tới Miến Điện chưa bao lâu cô đã được điều đến sư đoàn nhiệm vụ đặc biệt - khu quân sự đông bắc của quân cộng sản Miến Điện, tham gia khóa đào tạo chuyên môn giải mã điện đàm mật, các loại máy thu phát tín hiệu có công suất nhỏ thể bán dẫn không dây, nên chẳng loại nào cô không thông thạo. Không những vậy, cô còn hiểu cách xem bản đồ quân dụng, dạng tọa độ đơn giản thế này đối với cô chỉ là chuyện nhỏ. Trong lúc đang bận ghi nhớ tín hiệu vào đầu, cô chợt thấp thoáng nghe thấy một lời nói phát ra từ chiếc máy bộ đàm không dây chiến thuật: “Tôi đang... ở trong rãnh...” có thể xác định chính

xác đó là dạng mã quốc tế, hơn nữa nó liên tục phát ra cùng một nội dung trùng lặp.

Tư Mã Khôi gật đầu với Tuyết, ra hiệu cô hãy trả lời, đồng thời hỏi rõ thân phận của đối phương. Tuyết làm theo lời anh, nhưng đoạn sóng điện đó lập tức chìm vào im lặng, sau đó nó đáp lại bằng một mật mã kỳ quái không thể giải đọc nổi: “A...A...D.”

Hồi thứ ba

MŨ SẮT

Sau khi thông tin được truyền đến, từ nơi sâu trong bóng tối phát ra tín hiệu “A...A...D” thì nó liền đứt đoạn liên lạc. Ngọc Phi Yến ngạc nhiên hỏi: “Như vậy... có nghĩa là gì? AAD là ai nhỉ?” Tư Mã Khôi nói: “Có khả năng là một loại mật mã quốc tế được tăng thêm độ bảo mật hoặc là ám ngữ chỉ người trong quân đội mới sử dụng, chúng ta không thể biết được.” Tuyệt gắng sức sức sạo trí nhớ trong đầu: “Hình như tôi... đã nghe thấy đoạn mật mã này ở đâu rồi thì phải, nhưng sao chẳng thể nhớ ra nổi...”

Trong huyết động dưới lòng đất thâm u, sâu thăm thẳm, độ ẩm của không khí rất cao, chỗ nào cũng mờ ảo mơ hồ, địa hình đặc biệt khiến nó hoàn toàn đoạn tuyệt với thế giới bên ngoài, còn hội Tư Mã Khôi thì căn bản không thể tìm cách suy đoán nguồn gốc của đoạn sóng điện khi này. Bởi vì, những người bị mất tích trong sơn cốc núi Dĩ Nhân quả thực quá nhiều, có khả năng đoạn sóng điện này được phát ra do một kẻ may mắn sống sót nào đó trong đoàn thám hiểm, cũng có thể là của tên Năm mò xanh lúc ẩn lúc hiện giống như vong hồn kia. Nhất thời chẳng ai có thể đoán chính xác nó là điềm lành hay điềm dữ, nhưng mọi người đều cảm thấy việc này rất mờ ám, có khả năng là trò lừa đảo, không nên tin thì hơn, chẳng những vậy, nội dung mã cũng rất khó lý giải: “Trong rấn? Chẳng lẽ một người chết bị rấn nuốt chửng vào bụng, đang liên lạc với chúng ta?”

Tư Mã Khôi nói chuyện này có chút kỳ quái, những thiết bị bị lẽ ra đều có thể sử dụng bình thường, đến đây thì bị hỏng hóc, còn chiếc máy

điện đàm không dây lẽ ra không thể bắt được sóng điện, thì lại bất ngờ thu được tín hiệu. Chẳng lẽ tất cả những điều này đều có liên quan đến sương mù xuất hiện trong núi Dã Nhân? Phương hướng của la bàn hoàn toàn hỗn loạn, chúng ta không thể căn cứ vào phương hướng thông tin cung cấp để điều tra gốc rễ sự việc.

Trong lúc mọi người đang bàn bạc kể sách, thì Hải ngọng đứng bên cạnh giới đột nhiên phát hiện: nơi xa trong bóng tối, thấp thoáng ẩn hiện ánh sáng của một ngọn đèn lúc tỏ lúc mờ, anh vội vàng nhắc hội Tư Mã Khôi chú ý. Tư Mã Khôi chăm chú quan sát hồi lâu, thấy đó không phải lửa ma trôi, mà dường như người nào đó dùng tay che đèn làm tín hiệu, tín hiệu ánh sáng vừa lóe lên, chẳng đợi mọi người kịp phân biệt kỹ, nó đã vụt tắt không thấy đâu nữa.

Hải ngọng chẳng buồn để tâm, từ lúc vào núi đến nay, anh đã phải dồn lòng kìm nén sự ức chế tức giận của bản thân, giờ đây không chịu được nữa, anh bực tức hầm hầm nói: “Mẹ nhà nó, không biết thằng oắt con nào đang tác yêu tác quái thế không biết? Ông mày nhất định phải xem mày là người hay là ma mới được!” Nói xong, anh liền xách khẩu súng săn, lần theo phương hướng phát ra tín hiệu ánh sáng, đi về phía trước tìm kiếm. Tư Mã Khôi cũng gọi Tuyết và Ngọc Phi Yến, bảo bọn họ hãy mau bám theo sau, xem bên đó rốt cục đang xảy ra chuyện gì.

Bốn người lấy khí thế, dàn trận thành đường quân đi theo hình nan quạt tiến lên phía trước truy lùng, trong khi bốn phía chỉ thấy một dải đêm tối đen như mực, mắt nhìn cái gì cũng nhập nhòa chập chờn, nên bước chân đành phải giảm tốc độ.

Tuyết nhỏ giọng hỏi Tư Mã Khôi: “Năm mò xanh cứ trốn mãi trong bóng tối nhìn lên chúng ta, không biết hấn là người hay là ma, hay là một loài quái vật nào khác. Nhưng từ sau khi quả bom địa chấn phát nổ, hấn chẳng còn xuất hiện nữa, tín hiệu ánh sáng và âm thanh khi nãy lại lịch rất quái dị, hay là do hấn phát ra nhỉ?”

Tư Mã Khôi cũng cho rằng, lúc đang ở trong chiếc máy bay tiêm kích vận tải, Năm mò xanh chắc đã ẩn trốn giữa mấy kẻ may mắn sống

sót của đội thám hiểm, bởi vì tình hình lúc đó rất đặc thù, khoang máy bay giống như một gian mật thất, nếu hắn không ở gần ngay trước mắt, thì tuyệt đối không thể nắm rõ tình hình xảy ra trong khoang như lòng bàn tay thế được. Nếu tín hiệu khi này có liên quan đến hắn, thì tuyệt đối không đáng tin, vì quá nửa là hắn muốn dẫn dụ những kẻ may mắn sống sót từng nhìn thấy tòa thành Nhện Vàng bước vào con đường chết, nhằm giết người diệt khẩu. Hơn thế nữa, Tư Mã Khôi còn suy đoán, giờ đây kẻ bám đuôi giống như u hồn kia, chắc chắn đang trốn ở một góc chết nào đó, chỉ có điều bọn họ mãi vẫn chưa tìm được cơ hội tóm cổ hắn ra mà thôi.

Tuyệt nghĩ đi nghĩ lại lời của Tư Mã Khôi, nhưng vẫn không hiểu nổi, nên đành hỏi anh: “Lúc trước anh từng nói trong tâm lý con người tồn tại góc chết, đó là điểm mù như thế nào vậy?”

Tư Mã Khôi nói, đã là góc chết trong tâm lý, thì nó chính là phạm trù rất khó tưởng tượng bằng tư duy thông thường, bởi vậy bây giờ chúng ta ngồi đây suy đoán lung tung cũng chẳng có ý nghĩa gì. Năm đó, ở vùng Tương Tây thuộc tỉnh Hồ Nam, có xảy ra một vụ án mạng rất ly kỳ uẩn khúc. Khu vực Tương Tây từ xưa đến nay là nơi nhiều núi, lắm động, vô số vũ khí súng đạn và thổ phỉ, bọn sơn tặc thổ phỉ nhiều như cỏ dại, những thương nhân đi lại trên đường, một mình dừng chân bên sườn núi nghỉ ngơi đều bị kẻ từ phía sau xô ngã xuống, rồi dùng dao cắt đầu. Năm đó có một tiệm buôn, mà ông chủ của tiệm tự mình ra ngoài lấy hàng, người nhà không yên tâm, liền tính ngày ông sắp trở về, rồi phái quản gia mang theo hai gia nhân, đến thị trấn nhỏ cách nhà khoảng mười mấy dặm đón chủ. Thị trấn đó nằm trong núi sâu heo hút, xung quanh có rất nhiều thổ phỉ, nhưng lại là con đường bắt buộc phải đi qua nếu muốn về nhà. Trong thị trấn chỉ có một quán trọ lớn, không có phòng đơn, mà toàn bộ hai mươi mấy người nằm quay đầu vào nhau trong một gian phòng. Vị quản gia đến rất đúng lúc, ông ta dò hỏi nhà trọ, được biết ông chủ tối hôm qua đã nghỉ trọ ở quán, rồi mắt nhìn mặt trời đã lên khá cao, cũng đến lúc phải trả tiền phòng đi về, nhưng nheo mắt đếm tất cả khách trọ trong quán từ đầu chí cuối có mười tám người, chỉ duy bóng dáng của ông chủ là chẳng thấy đâu. Vị quản gia lại vào trong phòng xem, chỉ thấy

bốn bức tường trống hoang, làm gì còn ai nữa. Thăm cảm thấy việc này có gì không ổn, ông liền vội vã đi tìm chủ quán đối soát xem danh sách khách trọ ngày hôm qua, quả nhiên, giấy trắng mực đen ghi rõ: tối qua có mười chín khách trọ, nhưng qua một đêm sang bình minh ngày hôm sau, một người đang sống sờ sờ lại tự dưng bốc hơi biến mất trước mắt mọi người? Trong lúc cấp bách, vị quản gia, cố sống cố chết ngăn cản những người khách đang định ra về lại, rồi trần tình: ông chủ chúng tôi tối qua rõ ràng nghỉ trọ trong quán này, mà sao bây giờ sống chẳng thấy người, chết chẳng thấy thân, tung tích hoàn toàn bất minh như vậy? Hay là quán trọ này là quán trọ xã hội đen, ngầm mưu sát tính mạng khách để cướp tài sản. Lúc đó trên phố cũng vừa vặn có một đội tuần phủ đi tuần, thấy đám đông náo loạn ồn ào, liền bắt tất cả về phủ tra xét. Bọn họ vốn chỉ định nhân loạn kiếm tí tiền, chẳng ngờ, khi lục soát, trên mình mười tám vị khách trọ cùng phòng với người khách thương nhân kia, mỗi người đều mang theo một bao thịt người. Dưới sự bức cung tra hỏi và dùng hình, cuối cùng mấy vị khách kia đã phải cúi đầu nhận tội, đồng thời thuật lại toàn bộ quá trình sự việc. Thì ra mười tám tên này đều là thổ phỉ, trên đường nhìn thấy vị thương nhân kia xách hành lý đầy căng, liền muốn tìm nơi hoang vắng giết người đoạt tài sản, nhưng từ đầu chí cuối đều không tìm được cơ hội hạ thủ, cuối cùng, bọn chúng đành bám theo đến tận thị trấn nhỏ. Bọn thổ phỉ giả như không quen biết, đã thuê đứt cả quán trọ để được cùng chung phòng với vị khách kia. Sau khi màn đêm buông xuống, đợi lúc vị khách đó ngủ say, bọn chúng liền dùng gỏi bịt chặt mũi, khiến người đó ngạt thở mà chết, sau đó dùng dao phanh thân, chia thành mười tám khúc, lại dùng vôi và dầu hỏa bao kín lại, không để lộ nửa vết máu. Sau đó, mỗi tên lần lượt vác một phần xác theo người, định bụng sau khi rời quán trọ, sẽ ném xuống núi cho chim thú rĩa thịt, như vậy tuyệt đối không thể để lại bất kỳ dấu vết nào. Nhưng chắc là do bọn chúng đã giết quá nhiều người, nên cuối cùng cũng bị oan hồn của họ ngáng chân, khiến lũ thổ phỉ chưa kịp rời khỏi quán trọ, thì vị quản gia nọ đã làm loạn lên, vụ án từ đó bại lộ. Sau đó, chúng bị quan phủ trói gô lại, mang vào thành diễu phố rồi chặt đầu thị uy dân chúng. Vụ án mười tám mảnh thân xác kia đã gây chấn động không nhỏ trong

xã hội lúc bấy giờ, biến người bách tính trăm họ đua nhau đồ xô ra xem cảnh xử tử lũ thổ phỉ ở pháp trường, đúng là vô cùng náo nhiệt.

Tư Mã Khôi nói với Tuyết: “Trong ‘Đáy biển giang hồ’, giới lục lâm gọi giết người là ‘đẩy bò’, bọn thổ phỉ kia đã lợi dụng góc chết trong tâm lý con người, sau khi ngấm trúng vị khách buôn trên đường, chúng bèn ra tay giết chết ông ta trong quán trọ, phanh thây thành nhiều mảnh, dùng vôi yểm vùi, khiến máu không nhỏ ra, rồi chia mỗi người một bao mang theo. Bởi vậy lúc vào thì có mười chín khách trọ, nhưng lúc ra lại chỉ có mười tám người. Chúng ngang nhiên giết người cướp của ngay trong thị trấn mà không hề để lộ chút dấu vết nào, nếu không có sự ngẫu nhiên xảy ra, thì ai có thể vạch trần thủ đoạn ‘đẩy bò’ của bọn bất nhân đó?”

Tuyết nghe xong thì tỉnh ngộ ra, có lẽ Năm mò xanh đã dùng một thủ đoạn khác thường nào đó để lẫn trốn vào giữa những thành viên may mắn sống sót của đội thám hiểm, nhờ thế mà hắn có thể xuất hiện hoàn toàn vô hình trước cặp mắt của mọi người, chứ chưa hẳn là một vong hồn thật sự.

Lúc này, Hải ngọng đang lòng sục ở phía trước, anh phát hiện trong lùm tàn tích của loài cây dây leo mọc ngay bên cạnh, dường như ẩn giấu một vật gì đó. Hệ thực vật dưới lòng đất, cây nào cây nấy thân mình to lớn, hình dáng kỳ dị, tán lá dày rậm tầng tầng lớp lớp, vượt xa mọi định nghĩa diễn giải trong bất kỳ cuốn từ điển nào. Những rễ cây cổ thụ lồi lõm nhấp nhô trên mặt đất, chẳng khác nào bề mặt của mặt trăng: nghèo nàn mà thô lương, tuyệt đối không tồn tại sự sống. Trong khi ấy, giữa những thân cây cổ thụ, xuất hiện một vật nằm thù lù thành đống đen sì, thể tích rất lớn, xem ra nó hoàn toàn không ăn nhập với môi trường xung quanh, cũng chẳng giống với thân cây cổ thụ khô héo bị đổ rạp. Hải ngọng giương khẩu súng săn đâm một cái, chỉ thấy vang lên âm thanh nghe đánh “coong”, như thể chạm phải vỏ sắt. Anh ngạc nhiên cực độ: “Trong cánh rừng rậm nguyên sinh chôn vùi dưới lòng đất, làm sao tự dung lại mọc ra vật này được nhỉ?” đoạn quay đầu vội vã vẫy gọi ba người còn lại đến xem rốt cục nó là cái gì.

Tư Mã Khôi nghe tiếng gọi, liền nhanh chân chạy mấy bước, anh xách đèn halogen vừa chạy vừa quét một đường ánh sáng, chỉ thấy trong lùm cây cạnh chỗ Hải ngọng đứng, thấp thoáng một bóng đen đang quỳ, bóng đen đó đội chiếc mũ sắt M1 trên đầu, hẳn đang định giăng co nhôm người dậy, dưới chiếc mũ sắt dường như là một khuôn mặt trắng bệch đến đáng sợ.

Tư Mã Khôi vô tình liếc mắt nhìn, trong phút chốc một luồng khí lạnh thổi thấu cả xương, anh giật nảy mình kinh hãi, đang đà chạy nhanh, chân không kịp thu lại, suýt chút nữa đâm bổ vào thân cây. Chẳng lẽ Tư Mã Khôi sợ ma? Anh là người bò ra từ đồng thây người chết trên chiến trường. Từ khi nam tiến đến nay, ngày này qua ngày khác hành quân tác chiến nơi rừng sâu núi thẳm, nếu anh là người nhát gan một chút, thì chắc đã đứt dây thần kinh mà hóa điên, nhưng một người cho dù có gan góc, dũng cảm thế nào thì vẫn tồn tại một vài nhược điểm. Lúc này, anh nhìn thấy chiếc mũ sắt M1, mà cảm nhận được nỗi sợ dường như đang bò vào tận từng gióng xương.

Thì ra nỗi sợ của anh bắt nguồn từ sự ám ảnh khó quên trong quá khứ. Cục diện chiến trường Bắc Miến khi ấy vô cùng phức tạp, ở khu vực không nằm trong sự kiểm soát của quân đội, địa bàn chiếm cứ của các băng nhóm lực lượng vũ trang đan cài hình răng lược, trong đó có vài đội quân là cựu binh của Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch, từ Trung Quốc chạy trốn sang Miến Điện, vào thời kỳ chiến tranh giải phóng, quân đội cộng sản Miến Điện gọi chúng là “bọn phỉ Tưởng”. Hội người này rất cục bộ, lại giỏi xuyên núi vượt non. Hơn nữa, tất cả đều là bọn cựu binh giao hoạt già đời, kinh nghiệm tác chiến vô cùng phong phú, súng bắn cực chuẩn xác, người ngoài bất kể dùng kế mềm hay cách cứng đều chẳng thể lung lạc được chúng, bất kể là quân đội cộng sản hay quân đội chính phủ, kẻ nào ngang chân, chúng giết kẻ nấy. Bình thường chúng sinh sống trong núi sâu, tự cung tự cấp, đôi khi lại chạy ra ngoài làm lính đánh thuê để kiếm tí tiền; đã ẩn trốn là ẩn liền một mạch hai mươi mấy năm, nhóm người này hình thành một dạng lực lượng vũ trang rất đặc thù ở Bắc Miến. Người Trung Quốc có mặt rất nhiều trong đội ngũ quân

đội cộng sản, mà đại đa số đều là thanh phần thanh niên trí thức đến từ Vân Nam. Thông thường họ đều chưa học qua bất kỳ khóa huấn luyện quân sự nào, mà chủ yếu dựa vào kinh nghiệm người cũ dạy người mới; bình thường họ chỉ cần học qua cách sử dụng vũ khí hạng nhẹ và lựu đạn cầm tay là có thể xách vũ khí xông ra mặt trận. May mà năng lực chiến đấu của quân đội chính phủ cũng chẳng cao siêu gì, nên anh em chỉ cần dựa vào bầu nhiệt huyết sôi sục cũng có thể đánh nhau ngang ngửa với chúng. Những chú lính mới vận đen, vừa giao đấu với quân địch đã chạm phải nòng súng mà tử trận thì chả nói làm gì, nhưng còn những người mệnh lớn, sống dai một chút, sẽ học được rất nhiều kinh nghiệm chiến đấu từ chiến tranh, đánh nhau nhiều thì kiến thức trận mạc cũng tự nhiên sẽ tăng lên theo từng ngày.

Tư Mã Khôi nằm trong thành phần này, nên đừng thấy anh còn trẻ tuổi mà coi thường. Anh đã đánh trận ở Miến Điện ngót nghét mấy năm, nên bảo anh là cáo già chốn sa trường thì cũng chẳng ngoa, vì chỉ nghe âm thanh pháo đạn rạch trời, là biết ngay nó có rơi xuống đầu mình hay không, lại nói lỡ gặp mai phục trong rừng, đánh cả ngày mà chẳng thấy bóng dáng của kẻ địch, nhưng chỉ cần nghe âm thanh vũ khí trên tay đối phương bắn ra, là có thể phán đoán được mình đang phải đối mặt với loại vũ khí nào. Quân đội chính phủ, súng ống tốt, pháo đạn cũng không tệ, nhưng khi bắn phá thì bừa bãi, mù quáng, chẳng thèm ngắm chính xác mục tiêu, nên sức chiến đấu cũng kém. Trong khi đó bọn phỉ Tưởng tuy số lượng không đông lắm, về cơ bản cũng chẳng có đạn pháo gì sát, súng ống cũng chỉ là loại phổ thông đời cũ, phương thức bắn phần lớn đều sử dụng kiểu bắn tia, đặc biệt rất giỏi trốn ở nơi tối bắn lên đối phương, vậy mà, xác suất bắn trúng lại cao đến kinh ngạc, nên chỉ cần tiếng súng vang lên thì chắc chắn nếu không phải bạn thì sẽ có đồng đội nào đó đứng cạnh bạn đổ cái rầm.

Lúc đó anh em rất rầu rĩ: “Nghĩ năm ấy quân đoàn hàng triệu người chúng ta oai hùng vượt sông lớn, ưu thế lấn lướt, tiến quân như chẻ tre, đánh bọn Quốc dân đảng tan tác như gió thu quét lá, kẻ địch chẳng dám bắn trả lấy một phát súng, sao bây giờ lũ tàn quân chạy xuống Miến Điện lại trở nên lợi hại thế nhỉ?” Về vấn đề đó họ nghĩ mãi

đến tận giờ mà vẫn chưa thông, nhưng vì chịu thiệt nhiều thì kinh nghiệm chiến đấu cũng phải phong phú lên, cuối cùng họ tổng kết được một bài học: “Không gặp bọn phỉ Tưởng thì thôi, chứ lỡ gặp rồi thì không chết cũng thương nặng, chẳng mò được tí lời nào từ chúng, ta căn bản chẳng phải đối thủ của chúng.” Bọn họ đúng là sợ phỉ Tưởng sợ đến tận xương tủy.

Trong ấn tượng của Tư Mã Khôi, mãi tới bây giờ hình ảnh các kiểu thành viên vũ trang ở Miến Điện vẫn hiện lên trong đầu rất sống động, nhưng dường như chẳng ai trong số họ đội kiểu mũ sắt M1 của Mỹ. Loại mũ này mấy năm gần đây chỉ có bọn phỉ Tưởng đội mà thôi, có điều cũng rất ít hàng thật, đa số chỉ là hàng Tưởng nhái Mỹ, kiểu dáng nhang nhác, nhưng nhìn kỹ mới phát hiện có rất nhiều điểm khác biệt.

Bởi vậy, phản ứng đầu tiên của Tư Mã Khôi lại cứ ngỡ nó là thật: “Sợ cái gì chứ, chẳng ngờ lại gặp phải bọn phỉ Tưởng trong núi sâu này.” Anh không buồn lý giải thêm nữa, tóm lấy cơ hội bất ngờ ra tay, giơ tay lao mạnh con dao sẵn về phía cái bóng, con dao vừa vịn cắm đúng vào cổ nó, nhưng nơi lưỡi dao sắc cửa vào lại chặt đứt một sợi dây tử đằng, còn chiếc mũ sắt rơi lăn lóc xuống đất.

Tư Mã Khôi định thần nhìn kỹ lại, thấy trên cây cỏ thụ nổi cộm lên một hình khối thực vật màu trắng giống như cây họ dền, hình thù kỳ dị, nó vừa vịn mọc đúng dưới chiếc mũ sắt. Sau khi nhìn rõ, Tư Mã Khôi thâm tự xấu hổ trong lòng, không ngờ anh lại bị thứ này dọa cho đứng tim.

Lúc này Tuyết và Ngọc Phi Yên cũng đuổi đến sau lưng, hai người đỡ Tư Mã Khôi dậy, đồng thời nhặt chiếc mũ sắt lên xem, cả hai đều rất đổi ngạc nhiên: “Vật này ở đâu ra thế nhỉ?” Tư Mã Khôi cũng lại gần nhìn, rồi bảo: “Không phải kiểu Tưởng, chiếc mũ này là M1 chính hãng của Mỹ đấy!” Anh chợt nhớ vết thương trên đầu Tuyết cũng khá nặng, trong không gian hoàn toàn kín mít thế này, mà chiếc mũ sắt vẫn mới nguyên, không hề có chút han gỉ, anh liền phải bùn đất dính phía ngoài, lau sạch rồi đội lên đầu Tuyết.

Tuyệt thấy chiếc mũ sắt M1, đột nhiên nhớ ra một chuyện, cô lập tức giở cuốn nhật ký của ông nội Karaweik ra xem lại, chỉ vào một dòng trong đó rồi nói với Tư Mã Khôi: “Thì ra ám ngữ AAD xuất hiện trong chiếc máy bộ đàm không dây chiến thuật, chính là tên mã liên lạc của đoàn tác chiến công trình độc lập thứ sáu.”

Tư Mã Khôi liếc nhìn, thì quả đúng như vậy, không những thế, điều khiến người ta ngạc nhiên còn ở phía sau. Hải ngọng gọi mọi người lại xem thứ anh vừa phát hiện được, đó là một chiếc xe tải lớn loại mười bánh kiểu Dodge của Mỹ, có tải trọng khoảng sáu bảy tấn, bản thân nó cũng nặng tầm ba bốn tấn. Kiểu xe tải vận chuyển quân dụng đời cũ của Mỹ sản xuất này cũng thường thấy ở khu vực miền núi Miến Điện, năm đó, men theo đường viền của con đường Stilwell, rất nhiều chiếc xe đã bị đổ nhào xuống vực thẳm hoặc bị bom mìn phá nổ, đến nay người ta cũng không thể thống kê ra con số tồn thất chính xác.

Nhưng điều khiến hội Tư Mã Khôi cảm thấy khó lòng lý giải không phải ở bản thân chiếc xe, vì nếu suy đoán theo niên đại người Chăm Pa cổ xây dựng tòa thành bốn triệu bảo tháp, thì cánh rừng rậm nguyên sinh này ít nhất cũng phải đến hàng ngàn năm không nhìn thấy ánh mặt trời, vậy sao tự dưng lại mọc ra một chiếc xe tải đời cổ của thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai?

Mọi người giơ ngón tay tính đi tính lại, bây giờ là mùa hè năm 1974, còn quân Đồng minh tiến hành chiến dịch quy mô lớn ở Miến Điện, và những việc xảy ra sau năm 1941, chỉ cách thời điểm hiện tại một khoảng thời gian ngắn ngủi ba mươi mấy năm. Đương nhiên rất có khả năng trong ba mươi năm ấy, từng xảy ra một cơ duyên trùng hợp ngẫu nhiên nào đó, khiến nó xâm nhập vào sơn cốc núi Dã Nhân, nếu nói rộng phạm vi tư duy một chút, thì điều đó vẫn có thể giải thích được.

Những cây cổ thụ rợp trời trong cánh rừng rậm nguyên sinh, cây nào cây nấy cao to kèn kàng, cành lá xuề xòa vươn ra tứ phía, quán quýt đan bện vào nhau, loăn ngoăn như rắn lượn. Giữa những cành cây khô là loài dây leo chằng chịt giăng mắc từ nơi này sang nơi khác, bủa vây không gian xung quanh chẳng khác gì thiên la địa võng, khiến con người

đi bộ qua đó cũng cảm thấy vô cùng vất vả, đành phải tiến từng bước khó khăn, vậy thì làm sao lại có thể lái cả một chiếc xe tải, tổng trọng lượng lên tới mười tấn vào trong này được?

Ngay liền đó, mọi người còn phát hiện, phía sau chiếc xe tải kiểu Dodge khoảng vài mét, lại có một chiếc xe khác giống y như vậy, rồi men theo con đường, họ còn tìm thấy vô số xe tải Dodge trong tàn tích cánh rừng. Chúng dường như kéo dài đến vô tận, chiếc này nối tiếp chiếc khác.

Hồi thứ tư

KHOẢNH KHẮC NGÀN NĂM

La Đại Hải xoa đầu nói: “Lạ thật! Ánh sáng khi này đúng là xuất hiện ngay ở gần đây, không lẽ vẫn còn một kẻ may mắn sống sót khác? Nhưng xung quanh đến nửa bóng ma cũng chẳng có nữa là. Hơn nữa, mấy cái xe tải mười bánh của Mỹ này rốt cục từ đâu ra vậy nhỉ?”

Tư Mã Khôi nói: “Cậu nghĩ nhiều làm cái mẹ gì, trước tiên phải xem trong xe có gì ăn không đã, nếu là đồ hộp, có khi nó vẫn chưa bị hỏng đâu, cái nào mang được thì mau mang theo hết.”

Trong lúc vẫn nói chuyện, thì hai người đã nhanh chóng dùng cả tay lẫn chân leo lên một chiếc xe, mở tấm vải bạt ra nhìn, phát hiện bên trong căn bản chẳng hề có đồ ăn, chỉ có hai khẩu súng cối gắn cả giá đỡ và bộ phóng, còn lại toàn là hòm đạn, ngoài ra còn có một ít mìn chống bộ binh và bom xăng.

Khu vực Bắc Miến nhiều năm nay chiến sự không ngớt, vũ khí đạn dược các số hiệu, chủng loại và nơi sản xuất dường như chỗ nào cũng có, nhìn đâu cũng thấy. Người dân sống ở những miền núi hoang vu như thế này, có lẽ cả đời chẳng nhìn thấy những vật dụng phổ thông hàng ngày như xà phòng, kem đánh răng, nhưng nếu hỏi đến các loại bom mìn chống bộ binh, phá xe thiết giáp, hay vũ khí của Mỹ, vũ khí của Nhật, thứ gì họ cũng có thể kể ra vanh vách.

Ngọc Phi Yến lại chẳng hề biết mấy loại vũ khí đời cổ lỗ sĩ này là gì, cô ta thấy nòng pháo súng cối to đến phát sợ, liền hỏi hội Tư Mã Khôi: “Đây là pháo gì vậy?”

Tư Mã Khôi nhìn đồng bom trên xe, liền nhớ đến những chiến hữu bị bom đánh lìa cả chân, đột nhiên lại nghe Ngọc Phi Yến hỏi, bèn hững hờ trả lời: “Đây là súng cối hóa học 107 ly của bọn khộm Mỹ, đạn nổ mạnh, đạn khói, đạn phốt pho, loại nào nó cũng chơi được hết, nhất là loại đạn cháy phốt pho, nó đã cháy là lan suốt một dải rộng, khi bốc cháy phát ra âm thanh ‘lốp bốp’, có lần cũng suýt nữa tôi bị món đồ chơi này thiêu chết đấy.” Nói xong, anh nhảy xuống xe, luồn vào buồng lái qua cửa kính bị vỡ ở phía trước, lưới bụi giăng kín bên trong, buồng lái trống toang hoang, ngay cả mẫu giấy vụn cũng chẳng có.

Mọi người quan sát kỹ mấy chiếc xe tải quân dụng một lượt, thấy tất cả đều không thể khởi động được, thấy các thứ còn rơi rớt lại bên trong hầu như đều gần giống nhau, phần lớn là đồ quân nhu, nhưng không hề có khẩu súng nào, cũng chẳng phát hiện thấy nửa bộ xương khô của lái xe sót lại. Cả đoàn xe dường như từ trên trời tự rụng rớt xuống vậy.

Bốn người nhìn nhau, trong đầu không hẹn mà cũng xuất hiện một ý niệm: “Phải chăng đây là nơi tận cùng của con đường U Linh 206B?”

Đoàn lính công trình tác chiến độc lập thứ sáu của quân Mỹ, lợi dụng đoạn đường cũ do quân Anh để lại từ cuộc chiến Anh - Miến lần thứ nhất, sau đó lại xây dựng tiếp đến khu vực gần sơn cốc núi Dã Nhân. Lúc đang xây dựng thì từ chỗ đường hầm sụt lở, sương mù dày đặc không ngừng phun ra, khiến nhiều thành viên trong đoàn mất tích, bởi vậy họ đành phải từ bỏ, lúc rút quân, họ đã dùng bom mìn phá sập đường hầm, vậy tại sao đội xe vận tải này lại có thể vào được nơi sâu nhất trong sơn cốc? Ngoài ra số hiệu trên xe rất mờ nhạt, không rõ ràng, khó có thể khẳng định chắc chắn là đoàn xe của quân đội.

Cho dù mọi người đã nghĩ nát óc, nhưng cũng không thể nghĩ ra đội xe vận tải này vì sao lại xuất hiện trong cánh rừng rậm dưới khe cốc, phân đội bị mất tích rốt cục đã gặp phải tai nạn gì? Lẽ nào giữa cõi u minh, thực sự có thần chết dang rộng tay đón họ vào lòng?

Hải ngọng đoán mò: “Nếu tín hiệu mà chúng ta nhìn thấy lúc trước quả thực do một trong số những thành viên bị mất tích phát ra, thì nơi này đúng là gặp ma thật rồi!”

Ngọc Phi Yến là dân trộm mộ nên rất kỵ hai từ “gặp ma”, cô nàng nặng giọng nói: “Đồ nhà quê nhà anh chỉ biết mỗi chuyện gặp ma thôi à? Nếu có ma thật thì sự việc đã đơn giản hơn nhiều. Tục truyền ‘Ma sợ súng đạn, gặp phải súng đạn, thì hình bóng gì cũng tan biến’, chúng ta đều mang theo súng, vậy làm sao có thể gặp ma được? Cái gọi là ‘lục hợp chi ngoại, tồn nhi bất luận’ tức mọi việc ngoài trời đất, tạm thời đừng bàn luận đến, nhưng theo ý tôi, tất cả những hiện tượng như trọng lực khác thường, ảo giác ảo thanh, hiệu ứng từ trường, không gian bốn chiều giao thoa, vật chất bóng đêm, tác dụng đĩa bay, hiện tượng mất trọng lực v.v... tuốt tuốt đều có khả năng tồn tại ở đây.”

Hải ngọng đang định mở miệng giễu lại cô nàng thì Tư Mã Khôi đã nói trước: “Thực ra mấy lời này của cô cũng thiếu kiến thức thật đấy! Tất cả những hiện tượng thần bí lung tung mà cô vừa nói, đến tận bây giờ vẫn chưa có hiện tượng nào được người đời giải thích hoặc chứng thực cả, nói cho cùng, nó có gì khác biệt với mấy chuyện ma quỷ kia?”

Lúc này, Tuyết gọi bọn họ: “Mọi người đừng cãi vã nữa, mau đến xem chuyện này là thế nào!”

Thì ra gần chỗ chiếc xe tải mười bánh của Mỹ, sừng sững mấy tòa kiến trúc được xếp chồng lên nhau bằng thứ vật liệu như thể đá xanh, tảng đá rất to, bề mặt lộ ra màu xanh đen u tối, bên trong còn có tượng người tượng thú bằng đá. Dường như đó là một cung điện và đền chùa chìm sâu dưới lòng đất từ hàng ngàn năm trước, có tường thành, hành lang thấp thoáng ẩn hiện dưới lùm rễ cây che khuất, tuy trong bóng tối mọi người không thể nhìn rõ nơi xa cảnh tượng trông như thế nào, nhưng chỉ căn cứ vào những tàn tích điêu khắc tinh xảo trước mắt, cũng đủ để cảm nhận được quy mô rộng lớn và thần bí của tòa thành.

Tuyết xách cao đèn halogen, để mọi người quan sát kỹ lưỡng bức tường thành; không biết bắt đầu từ khi nào, giữa những khe đá thăm thẳm

ra một tầng mỏng tang loài thực vật như thể họ đèn. Trên tàn tích cánh rừng dưới lòng đất chẳng chút sinh mệnh, không ngờ lại xuất hiện dấu vết của mầm sống. Phát hiện này đã khiến mọi người không khỏi há hốc mồm ngạc nhiên, mãi hồi lâu không ngậm miệng lại nổi.

Cung điện và đền chùa ngủ yên dưới lòng đất đến cả ngàn năm nay, tuy đã sớm bị thời gian phôi pha đến già nua, cũ kỹ, hơn nữa nó lại bị loài thực vật giống như cây họ đèn giăng tơ mắc sợi chằng chịt ôm trùm bên ngoài, khiến các kẽ đá rạn nứt thành những đường khe trông đến rối rắm, nhưng dù thế nó vẫn giữ nguyên vẻ yên ắng, uy nghiêm, trầm mặc kể lại cho thế nhân về một thời vàng son huy hoàng đã sớm sụp đổ trong quá khứ. Những thông tin vô cùng vô tận mà nó truyền đạt đến, như thể một cuốn sách cổ dày nặng và ly kỳ, trong khi hội Tư Mã Khôi chỉ vô tình lật giở và tìm đọc vài trang rách nát còn sót lại để hiểu sơ qua về nó, như thế thì làm sao có thể khám phá được ẩn số to lớn và bí ẩn được giấu kỹ bên trong.

Tư Mã Khôi không ngừng đánh trống ngực, anh lại gần xem xét tỉ mỉ, và phát hiện bên trong tàn tích những cây cỏ thụ chết khô đều mọc ra một tầng cây họ đèn. Trong rừng nguyên sinh rậm rạp, thường xảy ra hiện tượng: sau khi những cây cỏ thụ hàng ngàn năm tuổi chết đi, thân mình chúng sẽ được hồi sinh, rồi lần nữa đâm chồi nảy lộc. Nhưng ở nơi sâu nhất trong sơn cốc, dưới vực sâu quanh năm chẳng nhìn thấy mặt trời này, tình trạng đó lại xuất hiện với số lượng lớn và phạm vi rộng thì quả thực rất khác thường.

Loài thực vật giống như cây họ đèn sinh trưởng với tốc độ nhanh đến kinh người, cây nào cây nấy y hệt cái cây mọc ở dưới chiếc mũ sắt M1, trước mắt chỉ thấy chúng đan kết với nhau như một đồng cỏ chăn gia súc, thân to như cổ tay trẻ em, bên trong quần chi chít xúc tu, trông rất ma quái kỳ dị, chẳng khác gì một sinh vật có máu có thịt hẳn hoi.

Tư Mã Khôi càng nhìn càng thấy kỳ lạ, liền dùng tay thử chạm nhẹ một cái, chỉ thấy đầu ngón tay có những sợi tơ trắng như sương khói chảy thành dòng, nhìn thế nào cũng không giống với bào tử nấm sinh trưởng dưới lòng đất. Anh vội bỏ khăn thủy bố trên mặt ra, rồi gí sát mũi

lại gần ngủi, trong lòng chợt dấy lên cảm giác kinh hãi khó diễn tả bằng lời: “Lẽ nào thời gian ở đây bị đông kết đứng im rồi sao?”

Ba người còn lại thấy Tư Mã Khôi như thể biết rõ về loài thực vật đặc biệt này, bèn lên tiếng dò hỏi, bảo anh nói rõ sự tình.

Tư Mã Khôi quan sát kỹ loài thực vật đang sinh sôi nảy nở ở gần đó, và cảm thấy nhất thiết phải giải thích rõ ràng mọi chuyện với những người bạn đồng hành chưa hiểu rõ chân tướng: “Tôi thấy, loài thực vật có hình dạng gần giống với cây họ dền này rất đối khác thường, tuy rằng thân nó tương tự như thực vật thân thịt, nhưng lại không hề giống với loài nấm thường xuất hiện dưới lòng đất. Khi mình đứng cách xa thì nó không màu không mùi, nhưng khi lại sát gần thì lại ngửi thấy một mùi nồng nặc không thể chịu nổi. Lá và xúc tu mọc trên thân cây chỉ cần chạm nhẹ là rơi rụng lả tả, như thể không có hình dạng vật chất cố định, hình dạng bề ngoài của nó gần giống với kết cấu lỏng lẻo của hoa bồ công anh. Nói theo thuyết ‘tướng vật’ thì loài cây này thân như thân nấm, lá tựa hoa bồ công anh, nảy mầm sinh trưởng thần tốc, chẳng khác gì rễ thiêng cây thần. Nơi sâu nhất trong sơn cốc nặng mùi tử khí, chẳng hề có chút sinh khí nào, vậy mà lại xuất hiện loại cây đặc biệt ấy, điều này chẳng phải rất khác thường hay sao?”

Ngọc Phi Yến nói: “Rừng rậm nguyên sinh ở miền núi Miến Điện có lịch sử hàng trăm triệu năm tiến hóa, thực vật ở đây có trăm cái kỳ, ngàn cái quái, những gì con người biết hiện nay chỉ vào khoảng một hai phần trăm, nên cho dù dưới lòng đất tồn tại một loài thực vật kỳ lạ nào đó, thì cũng đâu có gì đáng phải ngạc nhiên?”

Tư Mã Khôi nói: “Sự việc đâu đơn giản như cô nghĩ, theo tôi được biết, chỉ có loài Udumbara sinh trưởng trong huyết động núi sâu ở quốc đảo Ceylon^[29], phương Tây cổ đại, mới hội tụ đủ những đặc trưng này, đó là một loài cây vô cùng cổ xưa.”

Ngọc Phi Yến nghe nói thì giật mình kinh ngạc: “Ceylon vốn là tên gọi cổ xưa nhất của nước Sri Lanka, ở đó có Udumbara ư? Trong cuốn từ điển Phật giáo ‘Nam vô diệu pháp liên hoa tâm kinh’ hãy còn ghi chép

về nó. Udumbara hay còn gọi là Ưu Đàm, ba ngàn năm mới nở hoa một lần, thành ngữ ‘Hoa ưu đàm chỉ có một lần’ cũng xuất phát từ đây mà ra. Tương truyền, hàng ngàn năm Udumbara mới xuất hiện một lần, và nó chỉ tồn tại trong một khoảng khắc rất ngắn rồi lập tức khô héo, nên thế gian vẫn mãi hoài nghi không biết loài cây ‘không thể hiểu nổi’ này có thực sự tồn tại hay không?”

Tư Mã Khôi nói: “Thực ra nước Ceylon cụ thể nằm ở đâu tôi cũng không rõ, cây Udumbara được ghi chép trong kinh Phật có lẽ cũng chỉ là một hình thức ẩn dụ, nó có tồn tại hay không, đến nay mọi người vẫn đang nghiên cứu, chưa thể đưa ra lời khẳng định xác đáng. Có điều, loài thực vật gần giống với hình dáng ban đầu của nó nhất, có lẽ là ‘linh chi nhục’ hay còn gọi là ‘thị nhục’ hoặc ‘thái tuế’, thường xuất hiện ở dưới lòng đất khu vực phương Tây cổ đại, nó là hình thái sinh mệnh thứ tư trong giới tự nhiên, không phải thực vật, không phải động vật, cũng không phải loài nấm, nó là một niêm khuẩn thể phức hợp, không thể nhìn thấy kết cấu tế bào dưới kính hiển vi. Người cổ đại cho rằng, nó là thuốc tiên trường sinh bất lão, hậu thế cũng có người gọi nó là Udumbara. Vật này có thể sống phụ sinh trên tảng đá hoặc thân cây mục nát, phần lớn đều do âm khí xâm nhiễm tích tụ ngàn năm mà thành, nó gần giống với loài nấm được tập hợp bởi vô số con bọ siêu nhỏ, sinh mệnh vô cùng ngắn ngủi, chỉ tồn tại trong thời gian chớp mắt là tan biến vô hình vô ảnh.”

Kiến thức của Tư Mã Khôi biết cũng chỉ giới hạn đến đó, nhưng anh có thể “nhìn hình mà biết tính”. Anh suy đoán: có khả năng đến tám chín phần mười loài thực vật dưới lòng đất sinh trưởng ở khe núi Dã Nhân, chính là Udumbara mà sách cổ đã ghi chép, những gì nhìn thấy trước mắt có lẽ là khoảnh khắc ngắn ngủi mà hàng mấy ngàn năm mới xuất hiện một lần.

Hải ngọng đứng bên cạnh nghe mà cảm thấy rất đổi hiếu kỳ, nên không nén nổi liền chen ngang một câu: “Cuộc đời con người, chỉ vội vàng vàng sống được mấy chục năm, trong khi mấy cái cây ở dưới lòng đất này mấy ngàn năm mới xuất hiện một lần, sao nó lại để chúng ta

đuổi kịp được nhỉ? Thế chẳng phải quá rõ ràng là chúng ta vô cùng may mắn hay sao? Không lẽ anh em chúng mình làm quá nhiều việc thiện, khiến trời đất phải cảm động, ngay cả Bồ Tát cũng phải lác mắt?”

Tư Mã Khôi chẳng hề tán đồng ý kiến của La Đại Hải: “Đồ Hải ngọng nhà cậu đừng có nằm mơ nữa. Người ta có câu thế nào nhỉ ‘Trời đất tuy bao la nhưng chẳng nơi nào mọc nổi ngọn cỏ không rễ, cửa Phật tuy rộng lớn nhưng chẳng chỗ nào dung nạp kẻ bất lương’, mấy người chúng ta đều chẳng phải thiện nam tín nữ gì, thì dựa vào đâu mà khiến Bồ Tát phải mở mắt chứng giám? Cây Udumbara ngàn năm mới thấy một lần dưới vực thẳm, khả năng chẳng phải điềm báo tốt lành gì, bởi vì sự sinh diệt của nó vốn dĩ chỉ tồn tại trong thời gian khoảnh khắc, chứ không thể sống sót dai dẳng thế này, đây là cảnh tượng mà người trần mắt thịt như chúng ta có thể gặp được ư? Chỉ sợ trong đó ẩn chứa điều kỳ quái gì đây, theo tớ suy đoán, chúng ta sắp phải đối đầu với một phiên phức rất lớn rồi đây.”

Tư Mã Khôi không muốn nhiều lời với Hải ngọng nữa, anh phân tích tình huống đang gặp phải trước mắt cho mọi người thấy: giờ đây đã xác định được sự tồn tại của Udumbara, thì cũng có thể từ đó mà suy đoán tình hình của huyết động dưới lòng đất. Tuy nói Udumbara cách mấy trăm năm thậm chí hàng ngàn năm mới xuất hiện một lần trong khoảnh khắc ngắn ngủi, nhưng thân hình Udumbara ở sơn cốc núi Dã Nhân này lại to lớn khác thường, vượt xa phạm vi chúng ta có thể tưởng tượng. Hơn nữa, nó lại không ngừng sinh sôi nảy nở, gốc rễ có khi đạt tới bảy tám thước, che phủ toàn bộ huyết động dưới vực thẳm, thật chẳng khác gì một con quái vật.

Hồi thứ năm

LỜI GIẢI KHÔNG PHẢI LỜI GIẢI

Vô số gốc rễ của Udumbara vươn dài ra, hòa thành một thể với cả khe núi Dã Nhân, bao gồm mọi đền đài cung điện chìm sâu dưới lòng đất, và tòa thành bốn triệu bảo tháp của quốc vương Anagaya xây dựng. Tầng kén dưới đầm lầy kỳ thực chính là quả của Udumbara. Tuy rằng chất độc màu da cam đã phá hủy loài thực vật này, nhưng bộ rễ phân bố khắp lòng núi của nó vừa sâu vừa rộng lại chưa bị hủy diệt hoàn toàn, hơn nữa còn có thể hồi sinh với tốc độ nhanh chóng đến kinh ngạc.

Tuyệt cũng từng nghe một lão tăng ở đền chùa Miến Điện có nhắc đến Udumbara, loài thực vật này không chỉ tồn tại ở Ấn Độ cổ đại hay Sri Lanka, mà ở gần khu vực đảo Borneo và đảo Sumatra ở Indonesia cũng có dấu tích của nó, nhưng từ cổ chí kim, chưa ai có được cơ duyên hiếm hoi, tận mắt nhìn thấy Udumbara nở rộ như vậy, những gì họ thấy chỉ là thân cây khô héo mục nát từ hàng ngàn năm trước, chẳng hề có chút dấu vết của sự sống. Lúc này, cô nhìn loài thực vật rất giống với cây đèn gai càng ngày càng phát triển to lớn, rồi từ trong chảy ra vô số sợi tơ như màn sương mỏng, quấn quýt, bay lượn giữa không gian, chẳng chịu tản đi. Cô phát hiện dường như sương khí ở khu vực gần đó càng lúc càng dày đặc hơn, đến lúc này cô mới biết nguồn gốc của màn sương mù thần bí ở núi Dã Nhân thì ra bắt nguồn từ cây Udumbara vùi sâu dưới lòng đất.

Sở dĩ Tư Mã Khôi biết đến Udumbara, là vì khi xưa lúc theo “Văn Võ tiên sinh” học nghệ, anh từng đọc một cuốn kỳ thư có tên là “Bác vật chí” của Trương Hoa tiên sinh đời Tấn viết, trong đó miêu tả tất cả các

loài sinh vật kỳ dị trên đời, ghi chép vô số hoa cỏ chim cá, côn trùng cỏ quái. Đáng tiếc bộ sách cổ này không được lưu truyền hoàn chỉnh, phần để lại cho hậu thế chỉ còn khoảng một phần mười, trong đó có một đoạn ghi chép liên quan đến Udumbara. Chỉ là khi đó, Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm không gọi nó bằng cái tên Udumbara, mà theo cách gọi cổ, thì nó tên là “Thị nhục” hay “Minh căn”.

Nhưng bất kể lời của vị lão tăng trong ngôi chùa nọ hay là ghi chép của Trương Hoa tiên sinh về loài cây thần kỳ trong cuốn “Bác vật chí”, thì có lẽ cũng chỉ đều là nghe người nào đó truyền lại, chứ chưa hẳn đã được tận mắt nhìn thấy vật thực, bởi vậy họ đều không thể mô tả chi tiết. Nếu hội Tư Mã Khôi không vào nơi sơn cùng cốc hẻm trong núi Dã Nhân, thì cũng không thể biết lớp sương mù phun ra từ lòng đất lại do Udumbara sản sinh.

Tình hình có thể xác định trước mắt là, thân Udumbara to lớn kia ít nhất có hai nhược điểm. Thứ nhất, nó có thể bị chất độc màu da cam hủy hoại, thứ hai, nó sợ nước. Mưa lớn do cơn bão nhiệt đới Buddha mang đến khiến phần thượng tầng của Udumbara bị tan biến tận gốc, nhờ vậy khi hội Tư Mã Khôi đi vào đầm lầy tìm chiếc máy bay tiêm kích vận tải, mới không gặp phải điều gì bất thường. Sau khi đầm lầy sụt lở, bùn đất trút đổ xuống lòng đất, khiến sương mù gần tòa thành Nhện Vàng cũng bị tản mát, nhưng lúc này, tác dụng của chất độc màu da cam đã tới cực hạn, Udumbara ẩn nấp trong đáy cốc dần dần hồi sinh, cản trở mưa gió từ trên cao xả xuống, nếu không có bùn đất và khí ẩm dưới bùn lầy lắng đọng xuống đây, thì tốc độ sinh trưởng của nó còn nhanh hơn nhiều.

Thời gian và không gian dành cho bốn kẻ may mắn sống sót trong đội thám hiểm, chẳng còn lại là bao.

Đội thám hiểm người Anh, sau khi rơi xuống sơn cốc, đã dùng đèn chiếu sáng cường quang, kết quả lại dẫn dụ một “Vật thể sống” khổng lồ từ mặt đất chồi lên, và bị nó tấn công, ngoài ra còn xuất hiện đoàn xe tải mười bánh, của Mỹ sản xuất, trong rừng rậm, tất cả những sự kiện đáng sợ chẳng thể giải thích này, dường như đều liên quan đến sương mù trong khe sâu núi Dã Nhân.

Tuy mọi người đều biết nguồn cội của sương mù là từ cây Udumbara cổ xưa, nhưng cũng chỉ biết vậy mà không biết tại sao lại như vậy. Thông qua tiếp xúc, họ nhanh chóng phát hiện loại thực vật dạng sương mù kia, ngoại trừ mùi khí có chút kỳ quái, thì nó không gây nên sự uy hiếp trực tiếp nào đối với cơ thể con người, bởi vậy họ tin chắc trong sương mù nhất định còn tồn tại một sinh vật khác, đợi khi sương mù hoàn toàn bao phủ nơi này, sẽ là lúc nó xuất hiện.

Mọi người bàn bạc mấy câu, ai nấy đều thấy chẳng có kế sách gì khả thi, trong lòng càng lúc càng tuyệt vọng; lúc này trừ khi tìm thấy một quả bom địa chấn chứa chất độc màu da cam nữa, thì chắc chắn họ chẳng thể chạy thoát khỏi núi Dã Nhân.

Tư Mã Khôi nói, bây giờ cần phải bình tĩnh suy nghĩ, nếu chạy loạn xạ giữa không gian bóng tối bủa vây tứ bề, thì chẳng khác gì tự mình đâm đầu vào đường chết. Mọi người tuyệt đối không được manh động, thử ngẫm mà xem, Udumbara sinh trưởng dưới lòng đất này vô cùng sợ nước, vừa tiếp xúc với nước mưa là lập tức tan biến mất tăm, trong khi cuồng phong giông tố mà cơn bão Buddha mang đến khiến nước lũ trong núi dâng lên đột ngột, dềnh ngập mọi khe nứt. Giờ đây, đường thủy mới là con đường an toàn nhất để tiến vào sơn cốc, vậy thì vì sao đoàn thám hiểm Anh lại liều chết lái máy bay thâm nhập từ trên không. Có phải bằng thiết bị và kinh nghiệm của họ, thì không thể tìm thấy mạch nước chẳng?

Ngọc Phi Yến nghĩ một lát rồi nói: “Sơn cốc này là địa hình do núi nứt toác mà thành, mạch nước phía ngoài không ăn thông với đáy vực. Ngoài ra người Anh chắc chắn biết mọi mạng lưới sông ngòi trong rừng sâu núi Dã Nhân đều có địa Campuchia ăn thịt người sống ký sinh với số lượng lớn, mà nguy cơ chí mạng này rất khó đề phòng, nên mới buộc phải chọn đường hiểm mà đi.”

Tư Mã Khôi gật đầu nói: “Thế thì coi như số bọn họ đen đủi, may mà chúng ta tránh được kiếp nạn đó. Hơn nữa giờ đây khí huyết trong cơ thể không đủ, nếu có đi bằng đường thủy thì cũng chẳng cần lo bị địa

chui vào ký sinh. Bởi vậy, bây giờ có thể xác định chính xác mục tiêu hành động, phải cố gắng tìm ra khu vực có nước ngầm, bất luận là sông ngầm hay mạch nước, chỉ cần tìm thấy nguồn nước, mới có thể tránh được sương mù.”

Hải ngọng tán đồng: “Xem ra thằng quỷ nhà cậu vẫn là tên đa mưu túc trí, ruột tử không cong, nên bó tay chẳng nuốt nổi lưỡi liềm.”

Ngọc Phi Yến cũng cảm thấy kế này khả thi, cho dù có chạm trán với địa Campuchia ăn thịt người ở trong nước, thì rốt cục lúc trước cũng đã có kinh nghiệm ứng phó, như thế vẫn còn hơn bị sinh vật đáng sợ xuất hiện trong sương mù nuốt chửng. Có điều nói thì dễ mà làm thì khó, mắt nhìn tứ bề sương khí dần dần lan tỏa, biết đi đâu để tìm mạch nước?

Tư Mã Khôi gấp gáp vạch kế hoạch: “Trong tình trạng la bàn mất tác dụng, mà mạo hiểm xông vào đám sương mù, thì đừng có nghĩ đến việc chui ra được. Tôi thấy cánh rừng dưới lòng đất, và cả cung điện đền đài của nước Chăm Pa cổ, vốn dĩ đều tồn tại trên mặt đất, rồi hàng ngàn năm trước do chịu ảnh hưởng sự lún xuống của mạch nước, nên mới sụt xuống nơi sâu nhất dưới đáy khe vực. Bởi thế dưới chân chúng ta chắc chắn có hồ nước hoặc mạch nước, cổ nhân đã dạy: người đi chỗ cao, nước chảy chỗ trũng...” Anh vừa nói vừa xách đèn halogen nhìn trái phải một vòng, thấy dòng bùn đất dưới chân đều đang chậm chậm chảy về một hướng, xem ra nơi thấp nhất chắc chắn có chỗ để nước ngầm xuống dưới.

Mọi người lần tìm theo dấu tích, đổi mắt ngược nhìn điểm rơi của quang sáng ánh đèn, thì thấy đó chính là một bức tường đồ nát còn sót lại đứng sừng sững một mình, dưới sự bủa vây của tàn tích rễ cây khô héo, thấp thoáng ẩn hiện những tháp cổ và tượng đá cao vót, có hình thù cổ xưa, kỳ quái, vết tích hoang phế do đá tảng và thực vật tạo thành, giống như một mê cung chẳng thấy điểm tận cùng, chúng lặng lẽ nhốt chặt vô số bí mật vào bóng tối, nên ánh sáng yếu ớt của chiếc đèn trong tay Tư Mã Khôi khi so sánh với nó, thật mỏng manh đến bi thảm.

Mắt nhìn sương mù xung quanh càng lúc càng dày đặc, hội Tư Mã Khôi chẳng còn đường nào thoát thân. Nhìn vết tích chuyển động chậm chậm của dòng nước tù, cả hội đành quyết định dồn sức đánh liều một lần, mạo hiểm đi vào tìm lối thoát của mạch nước. Đúng lúc mọi người đang định khởi hành, thì ngọn đèn trong tay Hải ngọng đột nhiên tắt ngấm, anh ra sức đập mạnh tay vào đầu đèn, quang sáng yếu ớt cuối cùng cũng dật dẹo sáng lên, xem ra pin đã gần hết.

Lúc này Tư Mã Khôi mới nhận thức được, so với sự giới hạn về thời gian và không gian, thì trở ngại lớn nhất cản trở việc họ chạy thoát, chính là sự tiêu hao quá độ và thất lạc của các trang thiết bị. Phần lớn đạn dược, thức ăn, pin đèn tìm thấy từ chiếc máy bay của đoàn thám hiểm người Anh đều bị rơi mất lúc đắm lầy sụt lở. Giờ đây trên mình bốn người họ, chỉ còn lại nửa bao diêm chống ẩm và hai thanh pháo phát tín hiệu, đèn halogen và đèn pin cầm tay đã hoàn toàn chẳng còn nguồn nhiên liệu thay thế. Tuy nhiên vẫn còn một ngọn đèn pin loại tiết kiệm điện, nhưng trong không gian dưới lòng đất tối tăm ẩm ướt thế này, ngoại trừ đèn chiếu halogen và pháo sáng phát tín hiệu ra, thì những nguồn sáng khác hầu như chẳng có tác dụng gì.

Tư Mã Khôi biết rõ, nếu không có nguồn chiếu sáng đầy đủ, muốn mò tìm trong bóng đêm để thoát ra khỏi vực thẳm dưới lòng đất cũng đâu phải chuyện dễ dàng. Nhưng việc đã đến nước này, thì chẳng thể ngồi mà so tính thiệt hơn được nữa, đành phải đi bước nào biết bước đấy mà thôi.

Bốn người phân phát số vũ khí còn lại, may mà súng không rời tay, nên tình trạng rơi rớt thất lạc cũng hạn chế. Khẩu súng săn nòng ngoại cỡ của Hải ngọng vẫn còn, Tuyết có khẩu súng ngắn TT30 để phòng thân, hòm cứu thương cô cũng trên lưng từ đầu chí cuối cũng không bị mất. Còn Ngọc Phi Yên, lúc trước cô đã đưa cho Tư Mã Khôi khẩu HP-35 Browning dự phòng của mình, rồi cô lại tìm thấy một khẩu súng ngắn Liên Xô trong chiếc máy bay của đoàn thám hiểm Anh, lúc này vì nhìn thấy trong tay Tư Mã Khôi chỉ có mỗi con dao săn, nên cô liền đưa nốt

súng và đạn cho anh rồi dặn dò: “Chỉ còn hai băng đạn ở ổ sau, anh dùng tiết kiệm một chút đấy!”

Tư Mã Khôi giơ tay ra đón, vừa liếc mắt đã thấy nó chẳng hề xa lạ, đó là khẩu súng Stechkin kiểu APS, thân súng làm toàn bộ bằng thép, không lắp gá gỗ; so với các loại súng khác, nó nặng hơn một chút, nhưng loại APS này là loại nạp đạn tự động đơn giản, với búa nổ nằm bên ngoài và cò súng tác động kép. Nó có chốt an toàn ba nấc nằm ngay cạnh tay cầm, và có thể điều khiển được cả chế độ bắn phát một hay bắn tự động, cỡ nòng 9x18 PM, ổ đạn kép gồm 20 viên. Ngoài ra, ưu điểm rõ rệt nhất của loại vũ khí do Liên Xô sản xuất này là có thể sử dụng linh hoạt ở mọi điều kiện thời tiết khắc nghiệt, bất luận ở môi trường khô lạnh hay ẩm ướt nóng bức, đều có thể bắn nổ bất cứ lúc nào, tốt hơn rất nhiều thứ vũ khí thô sơ mà mình đang cầm trong tay, thế là anh bèn gật đầu với Ngọc Phi Yến tỏ ý cảm ơn.

Tư Mã Khôi lại tìm thấy mấy quả lựu đạn phốt pho trên chiếc xe tải Dodge, anh lần lượt phân phát cho ba người còn lại, thứ này khi đốt cháy sẽ sản sinh ra một lượng khói lớn, nhưng những lúc cấp bách, vẫn có thể lợi dụng chất đốt trong thân nó để cung cấp ánh sáng trong khoảng thời gian ngắn. Để tiết kiệm sự tiêu hao nguồn điện, mọi người chỉ sử dụng một chiếc đèn halogen để thấp sáng, rồi chẳng để ý đến bùn đất dưới chân, gạt bỏ những đoạn rễ khô chắn đường, họ đi sâu vào đám hoang phế chỗ bức tường đổ nát phía trước. Dưới ánh sáng không ngừng lay động của đèn chiếu, một hàng tượng người đá khổng lồ dần dần hiện ra. Tuy chúng đã bị đổ nát khá nghiêm trọng, nhưng vẫn thấy được quy mô hoành tráng của chúng vượt ra khỏi tầm tưởng tượng, dường như chúng là những võ sĩ bảo vệ vô số bí mật của đế quốc cổ xưa. Khuôn mặt tượng đá sống động như thật, nhưng khuôn mặt nào cũng giống khuôn mặt nào, chẳng hề có sự khác biệt, tất cả đều cùng một thần thái nghiêm trang, vừa lạnh lùng vừa điềm nhiên, khiến người ta cảm thấy dường như có một thế lực kỳ dị nào đó đang ẩn trốn trong bóng tối, chăm chú quan sát tất cả mọi vật xung quanh, thông qua con mắt lạnh băng của tượng đá.

Ngày nay, tuy khoa học kỹ thuật đã phát triển hơn xưa, nhưng ở một góc sâu xa nào đó trong nội tâm loài người, vẫn không thể thoát khỏi sự khiếp sợ và kinh hoàng đối với bóng tối. Có lẽ bởi vì chỉ có bóng tối thăm thẳm mới là sự tồn tại vĩnh hằng của vũ trụ, hoặc giả trong bóng tối thực sự có quá nhiều thứ mà loài người không thể nào nhận thức nổi. Giống như cung điện đá hoang phế, vùi chôn trong tàn tích cánh rừng mà họ đang thấy trước mặt, chẳng ai có thể đoán trước được là đằng sau vẻ im lìm chết chóc kia, rốt cục ẩn náu thứ gì.

Hội Tư Mã Khôi quan sát tình hình xung quanh, chẳng hiểu sao người nào cũng nổi da gà ớn lạnh, và trong lòng không tìm được câu hỏi: “Nơi đây rốt cục là chỗ nào?”

Hải ngọng ra vẻ hiểu biết nói: “Tớ thấy chỗ này có vẻ là cơ quan trung ương thời cổ đại, đại khái là nơi vị lãnh đạo tối cao tuyên bố lúc sáng sớm ‘Chư vị ái khanh, có tầu thì tầu mau, không tầu thì bãi triều’, bọn họ gọi nơi này là cái gì ấy nhỉ?”

Tư Mã Khôi thấy mấy tượng người đá gần đó, cái nào cũng đầu thần mặt quỷ, thì nói với Hải ngọng: “Ý của cậu là điện Thái Hòa hả? Tớ lại có cảm giác nơi đây giống như một ngôi chùa vậy.”

Ngọc Phi Yến nói: “Tuy rằng những ghi chép về tòa thành Nhện Vàng gần như hoàn toàn trống trơn, nhưng hậu duệ của vương triều Chăm Pa thì đến nay vẫn còn. Di tích đô thành, cung điện năm đó đều ở đường biên giới giáp ranh giữa Việt Nam và Lào, cách chỗ này rất xa. Ngoài ra, tôn giáo thần phật ở Miến Điện phần lớn bắt nguồn từ Ấn Độ cổ, nên trên tường đá đâu đâu cũng điêu khắc những hình ảnh mang đậm màu sắc Vệ Đà^[30], bởi vậy, chắc đây là một miếu thần hoặc ngôi chùa cổ. Trước khi chúng ta bước chân vào sơn cốc núi Dã Nhân, thì cũng đã nhìn thấy rất nhiều di tích Chăm Pa bị hủy hoại, đổ vỡ, mặt mũi chẳng thể phân biệt nổi, nhưng ngôi chùa cổ chìm sâu dưới lòng đất cùng với tòa thành Nhện Vàng này, lại hoàn toàn ngược lại, nó được bảo toàn gần như nguyên vẹn.”

Tư Mã Khôi nghe Ngọc Phi Yến nói, trầm nghĩ cả đáy sơn cốc đều bị một thân cây Udumbara khổng lồ bao trùm, hình thể rất kỳ dị, khiến người ta quả thực khó lòng dùng lý lẽ thông thường mà tưởng tượng. Đây đúng là một chùa cổ bị cây cối um tùm rậm rạp che khuất, chỉ mong rằng nó cũng có một con đường nhỏ quanh co, thông với một nơi thâm u, tĩnh lặng nào đó. Nếu không nhanh chóng tìm ra được mạch nước ngầm, thì chắc chắn cả hội sẽ bị nhốt đến chết dưới lòng đất mà trở thành tượng sống. Tuy trong lòng anh tràn ngập bất an, nhưng vì địa hình gồ ghề khúc khuỷu, hơn nữa thể lực mọi người đã đến giới hạn, chỉ có thể cố gắng gượng chút sức tàn, bởi vậy tốc độ di chuyển vô cùng chậm chạp.

Lúc này, mọi người lại nhìn thấy phía trước có tòa tháp đá, móng tường đã bị sụp đổ mất một nửa, nằm nghiêng, gá mình trên một rễ cây khô to lừng lững như cái cột nhà. Do thân tháp đổ nghiêng, nên lúc đi vòng quanh mặt bên của nó, có thể thấy hình dáng tổng thể của tháp cổ, và ngay cả từng bức phù điêu được khắc vẽ tinh xảo ở bên trong cũng thu hết vào tầm mắt.

Những bức phù điêu khắc vẽ kín mít thân tháp, rất giống những bức phù điêu trên bức tường thành cổ mà họ thấy lúc trước, chúng đều có mảng xà quấn quanh chân tháp. Ban đầu, Tư Mã Khôi chẳng mấy để mắt tới, nhưng khi lại sát gần, mới thấy nó có chút cổ quái, chỉ là không thể nói rõ rốt cục chỗ nào có vấn đề, bất giác anh quan sát nó kỹ hơn một chút.

Tuyệt cũng phát hiện ra điểm bất thường, cô nói với hội Tư Mã Khôi: “Những con mảng xà này rất cổ quái, dường như nó không giống với bình thường lắm thì phải.”

Tư Mã Khôi thuận miệng đáp: “Đúng là có chút khác thường, to thế này... thì là rắn hay trăn nhỉ?” Bốn hình đen thui một dải, con mảng xà đá cuốn quanh thân tháp vừa dài lại vừa to, chỉ nhìn thấy đầu mà chẳng thấy đuôi đâu, không thể tưởng tượng nổi dung mạo toàn diện của nó, thế là anh vừa đi lên trước, vừa xách đèn nhìn nó một lần nữa.

Ba người còn lại bám sát ngay sau, trong lòng ai nấy đều cảm thấy có chút dị thường. Ngọc Phi Yến thắc mắc: “Tháp cổ và măng xà là tô tem đáng sợ trong thể hệ tôn giáo vương triều Chăm Pa, nó mang ý nghĩa chết chóc và hủy diệt. Trước đây tôi từng qua tay vài món đồ cổ, trong đó cũng có loại biểu tượng này, nên cũng không thể coi nó là vật hiếm có. Nhưng tại sao tôi lại cứ cảm thấy con măng xà dưới lòng đất được điêu khắc có chút kỳ quái, trên thân nó... dường như thừa ra một cái gì đấy.”

Hải ngọng ngạc nhiên hỏi: “Trên thân rắn thừa ra cái gì? Chẳng lẽ người ta ‘vẽ chân cho rắn’, nói xong anh quay sang hỏi Tư Mã Khôi: “Cậu thấy tứ sử dụng câu thành ngữ ấy có chuẩn không?”

Tư Mã Khôi men theo tháp đá bị đổ sụp, xem xét một hồi, nghe Hải ngọng hỏi, trong lòng bất giác thâm kích động, lẩm bẩm bụng bảo dạ: “Vẽ chân cho rắn? Rắn mọc chân... thế thì nó là loài rắn bốn chân rồi. Đáy khe sâu núi Dã Nhân có rất nhiều loài thần lằn sinh tồn, có lẽ người cổ đại coi con vật bốn chân này là rắn thật cũng nên, chúng ta rất khó dùng quan niệm của người hiện đại để suy đoán ý đồ thực sự của người cổ đại...” Vừa nói, anh vừa đi đến tận cùng của tháp đá, và phát hiện tòa tháp đá này có hình thù rất đặc biệt: thân tháp căng tròn, bụng rộng, chóp hẹp, tường bên trong xây kín mít, đó là một tòa tháp bị phong bế, không có lối ra, góc mái khắc hoa văn thô mộc cổ xưa hình chiếc lá có gai nhọn, măng xà quấn quanh thân tháp hòa cùng một thể với tháp cổ, thân hình quái dị của nó xuất hiện ngoằn ngoèo khắp trong ngoài điện thờ, nửa ẩn nửa hiện, dường như tháp cổ là măng xà, và măng xà cũng là tháp cổ, rất khó phân tách thành hai thực thể riêng biệt. Điều kỳ lạ nhất là hai bên thân măng xà còn khắc những chiếc vây ngắn hình tròn dạng xoắn ốc, chia thành nhiều cặp dọc theo thân rắn, dường như nó không giống với loài thần lằn cổ, thường gọi là rắn bốn chân.

Hải ngọng rầu rĩ vò đầu bứt tai: “Nhưng có phải nó chỉ có mỗi bốn cái chân đâu, tớ thấy nó có sáu cái, hay tám cái gì đấy cũng chẳng rõ, chắc không thể là rắn, mà có khi là một con rết...”

Tuyệt nói: “Rất không giống như vậy, hai hàng bên sườn nó giống vây, chứ không giống chân, chỉ có sinh vật bơi trong nước mới có vây, chẳng lẽ đó là loài cá ba sa tám chân thường xuất hiện ở sông Ayeyarwady?”

Tư Mã Khôi nghe mọi người bàn luận, trong đầu anh đảo đi đảo lại tám chín vòng. Đột nhiên một ý tưởng vụt lóe lên: “Tôi thấy tòa tháp cổ có măng xà quấn quanh này khả năng là một ám hiệu, chính vì sự tồn tại của nó, nên mới có người lái máy bay tiêm kích vận tải liệu chết đâm xuống sơn cốc.”

Hồi thứ sáu

SƯƠNG MÙ

Mọi người nhất thời không kịp phản ứng, chẳng hiểu vì sao tòa tháp cổ lại có thể liên quan đến chiếc máy bay tiêm kích vận tải? Ngọc Phi Yến tranh hỏi trước: “Mấy lời anh nói ngọn nguồn bắt đầu từ đâu vậy?”

Tư Mã Khôi giải thích: “Trên thân măng xà không phải là những chiếc vây ngắn, mà khả năng rất lớn là một loại ‘cánh’. Ban đầu, tôi cũng không nghĩ ra chi tiết này, nhưng từ hình dạng kỳ quái và những hoa văn họa tiết phù điêu hoa cỏ chi chít khắp thân tháp, có thể suy đoán, hình dạng của nó chẳng khác nào Udumbara; xem ra tòa tháp phong bế trong ngoài nhất thể, dường như tượng trưng cho sương mù xuất hiện dưới lòng đất. Còn hình con rắn quái dị có những cặp vây ngắn bò xuyên qua thân tháp, đây chẳng phải đang vẽ cảnh chiếc tiêm kích vận tải mang biểu tượng Rắn đen thâm nhập vào sơn cốc ư? Có thể tất cả những điều đó chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng Wilson - thành viên của đoàn thám hiểm Anh gặp nạn, nói không sai: Nghiên cứu về logic càng sâu, thì càng phải trân trọng sự ngẫu nhiên. Mọi truyền thuyết cổ xưa vừa thần bí vừa đáng sợ trong núi Dã Nhân đều không tách rời hai yếu tố - măng xà và sương mù, nên hàm ý ẩn dụ mà tòa tháp xây kín mít kia tượng trưng có lẽ là: ‘Chỉ có rắn bay mới vào được trong sương mù’. Đây chính là ám hiệu của vương triều Chăm Pa để lại từ hàng ngàn năm trước.”

Ban đầu hội Ngọc Phi Yến nghe Tư Mã Khôi giải thích đều cảm thấy quá đổi ly kỳ, nhưng nghe đến cuối cùng, thì lại thấy khá hợp tình

hợp lý, chỉ e người cô đại đúng thực đã để lại ám hiệu này cho hậu thế.

Tur Mã Khôi nói: “Đây chỉ là suy đoán chủ quan của bản thân tôi, vì vẫn còn rất nhiều tình tiết quan trọng không thể lý giải được. Nhưng luận điểm về chiếc tháp xây kín với ám thị tiên tri: chỉ có rắn bay mới vào được trong sương mù, thì có lẽ không thể sai được. Năm mồi xanh - kẻ đã thuê đội thám hiểm mạo hiểm tiến vào sơn cốc - không rõ vì lý do gì, chắc cũng nắm được bí mật này, bởi vậy hẳn mới sắp xếp kế hoạch hành động, lợi dụng máy bay tiêm kích vận tải chở bom địa chấn. Có điều, Năm mồi xanh chắc cũng giống chúng ta, chỉ nhìn thấy ẩn số, chứ không rõ hàm ý thực sự của ẩn số đó, chính vì vậy nên hai chiếc tiêm kích vận tải bay vào sơn cốc mới lần lượt gặp phải tai nạn bất trắc.”

Hội Tur Mã Khôi vẫn còn nhớ trong cuốn băng ghi âm mà Karaweik phát hiện, đã ghi âm lại màn thảm kịch khi đoàn thám hiểm gặp tai nạn. Họ đáp chiếc Rắn đen II, bay vào sơn cốc, sau khi bị rơi xuống liền sử dụng đèn chiếu cường quang đặc chế để quan sát địa hình trong sương mù, chẳng ngờ ánh sáng đèn lại dẫn dụ một “vật thể sống” to lớn khác thường, nhanh chóng bò từ dưới vực thẳm lên, rồi liền ngay sau đó là tạp âm khủng bố giống như cành cây khô bị gãy vụn vang lên từng đợt, cuối cùng vật thể lạ đó tấn công đội thám hiểm. Hội Tur Mã Khôi và Ngọc Phi Yên khi bám vách đá cheo leo dựng đứng bò xuống đáy sơn cốc, thì sương mù đã bị mưa lớn áp chế hạ xuống thấp, hai người bọn họ cũng chẳng phát hiện thấy ai sống sót trong chiếc phi cơ, thậm chí ngay cả mảnh vụn của thi thể cũng không còn, dường như mọi người trong khoang máy bay đều tan biến vào sương mù vậy. Trong khi đó, lúc hội Tur Mã Khôi xuống đầm lầy, và tìm thấy tàn tích chiếc máy bay tiêm kích vận tải mất tích hai mươi mấy năm trước; khi bắt đầu bước chân vào cánh cửa, màn sương mù chưa bị nước mưa xua tan, vẫn còn tích tụ ở khoang máy bay, dường như trong đám sương mù ấy tồn tại một sức mạnh đáng sợ không thể ngăn cản, nên xém chút nữa Tur Mã Khôi đã bị nó lôi tuột vào bên trong. Thế nhưng lúc đó, anh lại không hề nghe thấy âm thanh tạp âm chói tai, nên mãi đến tận bây giờ anh vẫn không thể giải thích nổi: vậy giữa khoảnh khắc ngắn ngủi đó, rốt cục mình đã gặp phải chuyện gì.

Giờ đây, mọi người đang đứng giữa những tòa tháp xây kín hoang phế trong ngôi chùa cổ, phát hiện nó ẩn chứa một ám hiệu bí mật, đó là: “chỉ có rắn bay mới vào được trong sương mù”. Chân tướng của ẩn số này rất khó phán đoán, có lẽ “rắn bay” quần quanh thân tháp, chính là “vật thể sống” xuất hiện từ đám sương mù dày đặc và tấn công các thành viên của đội thám hiểm Anh. Sương mù bí ẩn do Udumbara sinh ra và con quái vật nằm rình mò trong sương mù, chính là hai cánh cửa lớn khóa chặt bí mật cuối cùng của tòa thành Nhện Vàng.

Mọi người căn bản không thể tưởng tượng nổi con mãng xà mang theo vây ngắn ở hai bên mình, rốt cục là thứ gì, trên thế giới này chẳng lẽ lại từng tồn tại loài mãng xà có thể bay lượn trong sương mù? Con rồng trong truyền thuyết Trung Hoa cổ đại, cũng có thể vờn mây cuổi gió, nhưng rốt cục nó chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng, chứ làm gì có ai đã tận mắt nhìn thấy?

Ngọc Phi Yến nói với Tư Mã Khôi: “Con quái xà luôn ra từ tháp kín, trên mình có ít nhất sáu, bảy cặp vây ngắn, cũng chưa hẳn là nguyên hình của một loài sinh vật nào đó. Bởi vì những sinh vật có thể dang cánh bay lượn trong thế gian, bất luận là côn trùng, loài chim, hay loài dơi, đều chỉ có nhiều nhất hai cặp cánh, nghĩa là bốn chiếc cánh, đây là quy luật khách quan của quá trình tiến hóa.”

Tư Mã Khôi nói, phạm chuyện gì cũng không thể tuyệt đối, lúc trước ai có thể nghĩ ở nơi sâu thẳm trong khe núi, lại sinh trưởng cây Udumbara to lớn dường vậy. Từ khi nó sinh cho đến lúc chết đi, vốn dĩ chỉ tồn tại trong khoảnh khắc ngắn ngủi, nhưng hiện tượng đang xảy ra lúc này quá sức khác thường, các quy luật và phép tắc của tự nhiên dường như đều bị bóp méo; không chừng, trong sương mù quả thật còn tồn tại một thứ vượt xa phạm trù nhận thức của con người.

Trong suốt thời gian mọi người bàn luận, đám sương mù ở sau lưng dường như đã đậm đặc đến nỗi không thể nhìn thấy gì trong đó. Tuyệt nhắc nhở mọi người: “Chúng ta buộc phải tìm nơi ẩn thân ngay lập

tức, bởi vì bất kể trong sương mù tồn tại vật thể gì, thì chắc chắn nó sắp xuất hiện rồi đây.”

Tư Mã Khôi cũng nghe thấy từ nơi xa trong đám sương mù, xuất hiện một âm thanh “két két” rất chói tai, nghe như thể tiếng đóng mở của cánh cửa gỗ mục nát. Trong khi Udumbara sinh trưởng từ trong khe đá càng lúc càng nhiều, thì anh hiểu rõ thời gian chạy trốn càng lúc càng ít, nên không dám nán ná lâu hơn, liền vội vàng hét gọi mọi người mau mau tháo chạy.

Nhưng, ở đây khí hậu khắc nghiệt, địa hình phức tạp, tường đá, tháp đá đồ ngổn ngang khắp nơi, tàn tích rễ cây đan cài, quấn quýt vào nhau, hơn nữa mọi người lại ở trong hoàn cảnh tắt lửa tối đèn, sương khí mù mịt, chỉ dựa vào mỗi ngọn đèn halogen để tìm đường, thì đừng nói lúc này thời gian gấp gáp mà ngay cả trong tình huống bình thường, mò mẫm giữa đồng đồ nát những cung điện đèn chùa cổ này một hai ngày, cũng chưa chắc đã tìm thấy lối ra của mạch nước ngầm.

Lúc trước, Tư Mã Khôi thấy dòng nước từ ngập ngang đầu gối, từ từ hạ thấp và có xu hướng chảy về một nơi; lại thấy cỏ thành và cả cánh rừng rậm nhiệt đới sau khi sụt xuống lòng đất đều được bảo tồn nguyên vẹn, liền ngẫm nghĩ gần đây chắc hẳn phải là vùng địa hình vòm cầu, mà địa tầng lòng núi sụt lở từ hơn một ngàn năm trước chính là phần mặt cầu, còn phía dưới của nó rất có khả năng là huyết động hoặc khe nứt tương tự như hố ở dưới gầm cầu. Ở những khu vực có nước, sự sinh trưởng của Udumbara sẽ phải chịu sự hạn chế, mà nếu không có loài thực vật này, thì sẽ không xuất hiện sương mù; không có sương mù nghĩa là mọi người được an toàn. Bởi vậy anh cho rằng cần phải nhanh chóng tìm thấy lối ra của huyết động dưới lòng đất, dấu cho không có mạch nước, thì ít nhất cũng có thể đảm bảo trong khoảng thời gian nhất định sẽ không nguy hiểm đến tính mạng.

Chẳng ngờ, môi trường khắc nghiệt hạn chế tốc độ di chuyển, không những vậy sương khí lại lan tỏa rất nhanh, Tư Mã Khôi thấy cứ thế này thì không ổn, trong lòng biết rõ, cho dù mọi người cố gắng tranh thủ từng phút, cũng không thể kịp được. Anh nhìn địa hình xung quanh,

thấy cách đó không xa có một tòa điện bằng đá, trước tường điện có một hàng cổng vòm đá, trong ngoài thông thoáng, bên trong có tượng thần bốn mặt, bốn tay, bèn giơ tay chỉ, bảo mọi người mau vào trong tránh nạn, rồi lách người vào theo. Thế nhưng, khi giơ đèn halogen lên quét một đường, thì thấy bức tường phía sau điện đã sớm sụp đổ từ bao giờ, con người căn bản chẳng thể ẩn nấp.

Bốn người không ngớt kêu ca, đang định quay đầu bước ra, đột nhiên lại nghe thấy trên bức tường vòng cung có tiếng “soạt soạt” khe khẽ. Tư Mã Khôi chiếu đèn vào trong tường đá xem xét, thì thấy một nhành Udumbara to như cổ tay đang từ khe ngói trên đỉnh đầu chui vào, và phun ra từng dòng sương khí mỏng tang. Lúc này ở phía sâu trong đám sương mù vọng lại tiếng động như thể cành khô gãy vụn, âm thanh đó có vẻ như từ xa đang tiến lại gần. Rồi không đợi mọi người kịp phản ứng, chỉ thấy đột nhiên “soạt” một tiếng, một bóng đen rất dài từ trên không lướt vèo qua. Tuy mọi người đều chăm chú quan sát, nhưng chẳng ai thấy rõ đó là thứ gì, vì dường như nó dán vào vỏ bức tường, rồi lách mình một cái là biến mất, còn bóng đen nhìn thấy trước mắt chỉ là tàn dư của thị giác. Trên bức tường đá, nhành Udumbara cũng đã vỡ vụn thành một đám sương khí. Nói thì dài dòng, nhưng sự việc diễn ra vô cùng nhanh chóng, sao băng vụt lướt qua bầu trời, hay gió thổi điện giật có lẽ cũng không thể nhanh bằng, chỉ có thể nói nó vượt cả tốc độ của ánh sáng, nên mắt người dường như không thể theo kịp tốc độ di chuyển của nó; bởi chỉ thoáng một cái, tạp âm “cọt kẹt” kia đã cách xa đến mấy trăm mét.

Tư Mã Khôi kinh hãi đến cực độ: “Đây chính là quái vật trong sương mù rồi, có khả năng nó đang đi săn mồi, di chuyển nhanh như thể vút một cái là mất tăm dấu vết trên bầu trời; cứ cho là trên thế gian thực sự có loài mãnh xà biết bay, thì chắc chắn cũng không thể bay nhanh đến vậy”.

Ý nghĩa trong đầu Tư Mã Khôi vẫn chưa kịp chuyển động, thì vật vừa lướt qua đỉnh đầu lại lượn một vòng nữa ở gian điện, và trong nháy mắt đã bay đến ngay trước mặt. Anh vội vàng ném chiếc đèn halogen

trong tay ra xa, hông đánh lạc hướng nó, nhưng chiếc đèn vừa tuột khỏi tay thì ánh sáng của nó gần như bị động tối nuốt chửng, lập tức tắt lịm giữa không trung. Hải ngọng đứng bên cũng cảm thấy nguy hiểm, đang định bóp cò khẩu súng săn nòng ngoại cỡ, nhưng trong lúc lúng túng thế nào lại chẳng ngắm chuẩn mục tiêu, nên cũng không biết đạn bay đi đâu.

Có câu: “Tiếng đạn chữa khỏi bách bệnh”, tuy mọi người đã sớm sức cùng lực kiệt, đi bộ mà hai cẳng chân gần như không thể trụ thẳng được nữa, nhưng khi thực sự đến thời khắc nguy cấp liên quan đến tính mạng, thì năng lực tiềm tàng trong tinh thần lại luôn có thể phút chốc vượt xa cực hạn chịu đựng của thể xác. Tư Mã Khôi cảm thấy tình hình không ổn, lập tức đẩy Hải ngọng đang đứng ở trong vòm cổng đá sang một bên, đồng thời cũng thuận đà nằm rạp sang bên cạnh. Động tác này hoàn thành gần như cùng lúc với thời điểm đèn chiếu tắt lịm và súng săn phát nổ, bởi sau đó mới nghe thấy tiếng đèn halogen rơi xuống mặt đất. Tuy tốc độ phản xạ của Tư Mã Khôi vô cùng thần tốc, nhưng vẫn chậm mất một bước, trong lúc Hải ngọng né tránh, thì cảm thấy có cái gì vụt quét qua hông một cái, giống như bị tảng băng lạnh buốt đâm xuyên thấu, giờ tay ra sờ thì thấy toàn là máu tươi, lúc đó anh mới cảm thấy như bị lửa thiêu đốt.

Thì ra Hải ngọng bị vật lướt nhanh như tia sét trong sương mù chạm một chút vào eo, vậy mà không ngờ ngay cả quần áo và da thịt đều bị xéo nát một mảng, vết thương thành hình vòng cung, đều tăm tắp, phút chốc máu trào ra như suối chảy.

Tuyệt và Ngọc Phi Yến đứng phía sau phát hiện đèn halogen phía trước đột nhiên vụt tắt, liền biết có chuyện xảy ra, hai cô vội rút ra hai quả lựu đạn phốt pho, loại lựu đạn này chẳng khác gì quả bom xăng, lúc nó bốc cháy, tuy rằng sản sinh ra màn khói dày đặc, nhưng trong khoảnh khắc, ánh sáng trắng của nó sẽ bốc lên chói lòa, khiến tứ phía trông như một vùng ánh tuyết.

Ngọc Phi Yến lập tức lấy bình tông đựng nước trên người xuống, rót toàn bộ chút nước sạch còn sót lại vào mấy nhánh Udumbara đang

sinh sôi nảy nở trong khe đá, sau đó lại lấy thêm nước từ dưới lòng đất, tưới ướt sũng toàn bộ khu vực trong ngoài cửa điện. Đám sương khí từ đó cũng giảm dần, nhưng bên tai họ vẫn nghe âm thanh trong bóng tối di chuyển mau lẹ kinh người, nên biết rằng nó vẫn lảng vảng bay lượn đâu đây xung quanh, nhưng không dám lại gần điện đá, nơi lượng sương mù đã trở nên yếu mỏng.

Tư Mã Khôi và Tuyết nhờ ánh sáng nên có thể nhìn thấy Hải ngọng đang nằm vật ra đất, máu chảy lênh láng, vết thương có vẻ không nhẹ, hai người vội vàng chạy tới đỡ anh dậy. Hòm cứu thương mà Tuyết tìm thấy trong máy bay của đội thám hiểm Anh, loại thuốc cấp cứu nào cũng có, trong đó có cả loại keo đặc cầm máu, có thể trực tiếp dán lên vết thương hở. Lúc này, chẳng thể suy tính gì thêm, cô lấy tất cả số keo trong hộp dán cả vào vết thương của Hải ngọng, lại giở băng gạc cuốn mấy vòng liền. Hì hục làm một hồi lâu, cuối cùng cô cũng đã cầm máu được cho anh.

Gương mặt La Đại Hải trắng bệch, đau đến nổi các cơ trên mặt đều co rút, anh cúi đầu nhìn vết thương, gắng gượng nói cứng: “Vết thương bé tí này, mẹ nhà nó, chẳng khác nào gãi ngứa cho ông...” tuy nói vậy, nhưng trong lòng anh sợ đến tột cùng, thầm nghĩ: “Cái thứ chết tiệt này ít ra cũng phải xẻo của mình mất hai cân thịt, may mà Hải ngọng ta đây da cứng thịt dày, chứ không khéo ngay cả ruột cũng lòi ra ngoài chứ chẳng chơi”.

Lúc này Ngọc Phi Yến phát hiện cạnh bức tường đồ nát mọc lên nhánh Udumbara, khói trắng của lựu đạn phốt pho và sương mù chạm vừa vào nhau, thì từ đó rơi ra một vật hình dạng như thể con mãng xà lớn, lúc này nhìn kỹ lại, nó rõ ràng giống như loài sinh vật nhuyễn thể ruột khoang sống ở đáy biển, to như cái thùng nước, dài khoảng hơn hai mét, không vảy, không da, toàn thân gần như trong suốt, trông nó chẳng khác gì một ống thủy tinh lớn biết chuyển động, hai bên có những cặp vây ngắn, mọc đối xứng, sắc như lưỡi dao, chẳng thể phân biệt được phần nào là đầu, phần nào là đuôi, nó ngo nguẩy uốn éo, lắc mình rũ hết bùn đất trên người, định dang cánh bay, tần suất chuyển động của những

chiếc vây ngắn tựa mái chèo xoắn ốc càng lúc càng mau, phát ra thứ tạp âm ồn ào như thể gỗ mục rạn nứt.

Hồi thứ bảy

HỒI THỜ

Ngọc Phi Yến sợ đến mức mặt thất sắc. Cô giương khẩu súng xung phong Uzi, nhằm thẳng vào mục tiêu quét một loạt đạn nghe “pằng pằng pằng”, nhưng tốc độ di chuyển của sinh vật đó lại nhanh như gió cuốn, điện xẹt, chỉ thấy nó thần tốc vụt lướt, nên cũng chẳng rõ là nó đã xuyên qua các luồng đạn dày đặc để thoát thân, hay trước khi khẩu Uzi kịp phát nổ nó đã bay đi mất. Đôi mắt của loài người không thể nhìn rõ quỹ đạo chuyển động của nó, nên đợi khi phản ứng lại thì đã muộn. May mà màn khói đặc do lựu đạn phốt pho sản sinh phun trào mù mịt, thêm vào đó màn sương khí cũng đã giảm nên tốc độ của loài sinh vật ấy cũng trở nên chậm chạp hơn một chút. Lúc nó định lao đến trước mặt Ngọc Phi Yến, lại bị khói lửa giữa không trung chặn đứng, chẳng kịp nhìn rõ nó quay người chuyển mình thế nào, mà ngoắt một cái thân thể đã vòng thẳng tấp về phía sau, đột ngột lún vào trong sương, nghe âm thanh dường như đã bỏ đi khá xa.

Trong thời gian ngắn ngủi như vậy, cả hội liên tiếp lâm vào một loạt cảnh hiểm nguy, chẳng còn khoảng trống cho người ta kịp thở ra một tiếng, rồi mọi người lần nữa lại thoát khỏi bàn tay tử thần, nhưng hồn vía ai nấy đều thất kinh, tim nhảy loạn xạ trong lồng ngực. Hơn nữa, mọi người cũng biết tình hình đúng như Tư Mã Khôi tiên liệu, tòa tháp chết đó quả nhiên ám chỉ Udumbara sinh ra sương mù thần bí và loài rắn bay rình mồi trong sương mù. Chỉ có điều, loài “rắn” đó thực ra không hẳn là rắn, mà là một loài sinh vật đáng sợ chưa bao giờ nhìn thấy, mà cũng chưa bao giờ nghe thấy. Tư Mã Khôi tuy thông hiểu phương thuật

nhận biết tính vật, nhưng cũng không thể tưởng tượng nổi trên thế giới lại tồn tại một dị chủng như vậy.

Tương truyền, từ thuở hồng hoang sơ khai, thiên địa hỗn độn, ngũ hành sinh khắc, lúc ấy vạn vật còn chưa thành hình, mà mới chỉ như một mớ hư vô, hỗn độn. Khi hỗn độn được khai phá, những vật dương trong và nhẹ thì trở thành Thiên, những vật âm nặng và đục thì trầm mình vào trong Địa. Giữa chốn hồng hoang tồn tại một dị vật, chuyên lấy hỗn độn làm thức ăn, tên gọi là “Ly chùy”, thân mình nó tròn dài, trong như tuyết ngân, chuyển động nhanh tựa ánh sáng, vô hình vô ảnh, người thượng cổ nhìn thấy nó mà như chẳng thấy gì... Tư Mã Khôi nghĩ, chắc quá nửa nó chính là loài sinh vật này rồi. Nghe động tĩnh trong sương mù, thì biết số lượng chúng không ít, nên anh lại nghĩ: chắc chắn chúng chính là thủ phạm khiến toàn bộ nạn nhân mất tích trong núi Dã Nhân đều tan biến không dấu vết, có lẽ chúng đã nuốt chửng họ, ngay cả cặn bã xương xẩu cũng chẳng để lại.

Lúc này, nước tù sót lại nơi trứng cũng chẳng còn bao nhiêu, trong khi bên ngoài tòa điện đá sương mù vẫn dày đặc như bức tường thành, chẳng thể ngăn chặn thêm được nữa. Nhờ ánh sáng trắng chói mắt đang bốc cháy, Tư Mã Khôi thấy sương mù phía sau bức tường tan hoang trong tòa điện đổ nát có vẻ khá thưa mỏng, liền dẫn ba người còn lại, đi xuyên qua chỗ hổng của tường thành ra ngoài, tạm thời thoát khỏi khu vực mịt mờ sương mù.

Ngọc Phi Yến nhìn thấy sương khí phía trước không còn dày đặc, liền lấy đèn pin ra soi, thì phát hiện phía sau điện có một thân cây cổ thụ chẳng chịt những rễ dài buông thõng, bên trong ẩn chứa rất nhiều Udumbara chưa thành hình. Có điều, sương mù phía sau cứ bám riết lấy mọi người như hình với bóng, căn bản chẳng cho họ cơ hội dừng chân nghỉ ngơi hay quan sát, nên họ chỉ cầm cúi chạy loạn xạ về phía trước. Tuy chạy là vậy, nhưng trong lòng ai nấy đều biết rõ, đó chỉ là sự sai khiến của bản năng mưu cầu sinh tồn, kỳ thực giành giật chạy trốn lúc này chẳng có mấy ý nghĩa, không bao lâu nữa, tất cả sẽ bị sương mù nuốt

chứng, sự khác biệt giữa việc chạy trốn và ngồi xuống bó tay đợi chết chẳng qua chỉ là vấn đề sớm hay muộn.

Đúng lúc cuồng quát chọn đường, đột nhiên họ lại thấy ánh đèn lúc ẩn lúc hiện cách đó khoảng mười mấy mét, cự ly khá gần, nhưng vẫn không thể nhìn một cách chính xác, chỉ có thể lờ mờ cảm nhận đó chính là ánh sáng của pháo tín hiệu mà họ đã trông thấy ở cạnh hàng xe tải, đồng thời chiếc máy bộ đàm không dây lúc đó cũng không ngừng phát ra tín hiệu lặp đi lặp lại cùng một nội dung: “Tôi đang... ở trong rấn... tôi đang... ở trong rấn...”

Tư Mã Khôi trầm nghĩ: “Thông điệp bằng ánh sáng này lai lịch bất minh, chẳng biết có phải nó đang dẫn dụ chúng ta đến gần dãy xe tải Dodge hay không? Sao lúc này nó lại xuất hiện ở nơi sâu trong khu hoang phế, chỗ bức tường đổ nát, rốt cục nó có ý nghĩa gì? Không lẽ bị rấn nuốt chửng vào bụng thì an toàn chẳng? Nếu thực như thế, thì thà giờ đây ông mày cứ “bòm” một phát vào huyết thái dương, mà kết liễu cuộc đời cho sướng. Nhưng rồi nghĩ lại, thấy đoạn tín hiệu này dường như hàm chứa ẩn ý khác, chỉ là chẳng biết ai đã phát ra nó? Nếu đối phương là hạng lương thiện, thì tại sao không chịu hiện thân cho mọi người biết? Chỉ sợ đó là cái bẫy, không phòng không xong. Nhưng tình hình trước mắt, cũng chỉ còn đường chết mà chẳng còn đường sống thì việc gì mình phải sợ nó nhỉ? Thế là anh ôm súng vào ngực, lần theo hướng ánh sáng đi về phía trước.

Bộ dạng bốn người thê thảm đến cực độ, dường như vừa đi vừa lăn, vừa bò vừa lết, vội vàng hấp tấp tiến bước, còn bốn phía vẫn một màu đen ngòm ngòm, chẳng hề thấy nửa đốm sáng. Thế rồi trước mặt họ chợt có khối đá lớn màu xanh đen sừng sững chắn ngang, bề mặt đá nhẵn thín, không có lấy nửa cọng cỏ, phần lồi lên trên mặt đất to như cả quả đồi, hình thù chẳng khác gì chiếc bát tô úp ngược, trông rất nổi bật, phần đáy trải hàng bậc thang bằng đá đen đã vỡ nát, tận cùng là đáy động đã bị đá chặn phân nửa, cửa động được chạm khắc thành hình đầu con mãng xà. Có lẽ nó vốn dĩ là phần đáy của tòa tháp cổ sừng sững, nhưng sau khi phần đỉnh của tòa bảo tháp thứ bảy trong “tám tòa bảo tháp cát

tường” được mệnh danh là “Bảo tảo” (tức chiếc ô quý) bị sụp đổ, thì nó chỉ còn lại mỗi tàn tích móng tháp hình chữ thập gãy góc.

Phía sau quả đồi đá là tòa thành bốn triệu bảo tháp bị rễ cây che khuất, và nơi sâu của huyết động tối tăm kia dường như thông thẳng với phần bên trong của tòa cổ thành đúc đầy phù điêu vàng. Mọi người có thể mãi mãi không bao giờ nhìn thấy toàn bộ dung mạo tòa thành Nhện Vàng, ngay cả khi đã lại rất gần, nhưng vẫn cảm nhận rõ ràng độ hùng vĩ đội trời đạp đất của nó. Nó giống như một chiếc tráp thần kỳ nặng hàng triệu tấn, im lìm sừng sững đứng giữa vực thẳm, tuy rằng những bức phù điêu được đúc bằng vàng trông rất xa hoa độc đáo, nhưng vẫn không thể che giấu được sự đơn độc, thê lương nổi trội của nó, và thực không biết nếu bước chân vào trong, thì sẽ còn gặp phải tình huống bất ngờ đến mức nào nữa. Nhưng sương khí bám gót rất nhanh, nên bốn người chẳng kịp nhìn rõ, cũng chẳng kịp suy nghĩ trước sau, cứ liều mạng ôm súng lên vào, rồi lập tức đóng chặt cánh cửa lại, cầm đèn pin lên soi, xung quanh vắng tanh không một bóng người, hai bên đều là bức tường đá lạnh lẽo, nhẵn bóng, không hề có vết nứt hay khe hở nào, nơi sâu gió lạnh thổi vi vút, dường như đó là một con đường ngầm, chẳng hiểu nó thông đến nơi nào.

Tư Mã Khôi trút tiếng thở dài, anh thấy bên trong huyết động quá tối, đèn pin chẳng phát huy được mấy công dụng nên hoàn toàn không nhìn rõ mình đang ở đâu, hơn nữa chiếc đèn chiếu halogen cuối cùng cũng đã hết sạch nhiên liệu, không thể sử dụng được nữa, anh bèn rút một cuộn pháo phát tín hiệu, gấp hai đầu lại, rồi huơ nhẹ trên tay, ánh sáng xanh mờ vụt lóe lên.

Tư Mã Khôi cầm chặt pháo tín hiệu trong tay, mượn ánh sáng yếu ớt của nó ngẩng đầu lên nhìn. Bất chợt anh thấy một bóng đen lay lắt ở đường biên phạm vi chiếu sáng, thoáng nhìn lại tưởng là Tuyết, bởi vì trên đầu kẻ đó cũng đội chiếc mũ sắt M1 của Mỹ, nhưng rất nhanh sau đó, anh phát hiện thấy ba người bạn đồng hành còn lại lúc này đang ở ngay sau lưng mình. Anh lập tức đề cao cảnh giác, cầm chặt khẩu súng, chăm chú quan sát kỹ, và phát hiện kẻ đó gầy guộc như một nắm xương

tàn, cúi đầu ngồi cuộn tròn trong góc tối, chẳng thể nhìn rõ khuôn mặt giấu dưới chiếc mũ sắt, chỉ thấy chiếc áo sơ mi rách mún như mún, mình mẩy bần thiêu như vừa đi mò hén, trong tay hắn nắm một cuộn pháo phát tín hiệu đã tắt ngấm, bên vai khoác lệch chiếc túi vải buồm quân dụng, ngồi im bất động như khúc gỗ khô. Với sự nhạy bén cực độ của mình, Tư Mã Khôi hoàn toàn không phát hiện thấy bất kỳ dấu tích của sự sống nào trên cơ thể đối phương, nên trong lòng anh càng nghi hoặc nhiều hơn: “Chẳng lẽ người chết dùng pháo phát tín hiệu dẫn đường cho chúng ta đi vào đường ngầm?”

Tư Mã Khôi lập tức nghĩ đến việc khi nãy phát hiện thấy một hàng xe tải quân dụng Dodge của Mỹ ở cánh rừng rậm dưới lòng đất, rồi nơi sâu trong sơn cốc núi Dã Nhân đâu đâu cũng chỉ chút những tàn tích của thực vật, mà nếu có đi vào bên trong, thì ngay cả chỗ đặt chân cũng chẳng dễ kiếm, nên căn bản không thể có đường cho phép xe tải cỡ lớn lái vào. Thế nhưng, mười cỗ xe tải kèn kàng kia lại tự dung mọc lên giữa cánh rừng một cách ngoài sức tưởng tượng như thể không gian ở đây đã tồn tại hiện tượng giao thoa trùng ảnh đặc biệt; điều này thật khiến người ta không thể lý giải nổi.

Mười cỗ xe tải ấy chuyên chở rất nhiều trang thiết bị quân dụng, xem ra đó là đội xe vận tải của quân Đồng minh, nhưng các nhân viên trong xe đều nhất loạt mất tích, sống không thấy người, chết không thấy xác, giống hệt đội thám hiểm người Anh trong chiếc tiêm kích Rắn đen II vậy. Tất cả bọn họ đều bất vô âm tín, quá nửa chắc đã bị rắn “Ly chùy” lỏng vẳng trong sương mù nuốt chửng, nên ngay cả mảnh xương vụn cũng chẳng còn.

Hội Tư Mã Khôi luân quân mãi xung quanh tòa thành Nhện Vàng, lạc mất cả phương hướng, rồi gặp phải Udumbara sinh sôi nảy nở thần tốc, khiến sương mù tụ hợp quánh đặc. Bốn kẻ may mắn sống sót đã bị dòn vào chân tường không lối thoát, chẳng ngờ giờ đây lại bị ánh sáng đèn tín hiệu mờ mờ ảo ảo dẫn đến con đường ngầm nằm dưới chân tòa tháp cổ hoang phế.

Mãi đến lúc này, Tư Mã Khôi mới nhìn rõ kẻ dùng pháo sáng tín hiệu dẫn đường bọn họ thoát hiểm, nhưng chẳng ngờ đó lại là một người chết, mà nhìn bộ dạng ăn vận, thì dường như hắn ta là quân nhân Mỹ bị mất tích trong cuộc phản công của Miến Điện. Anh suy đoán, thân phận của hắn ta có lẽ liên quan đến đoàn xe tải trong cánh rừng rậm. Sở dĩ anh đoán đối phương là người chết, là vì phàm người sống đều có hơi thở, cũng có nghĩa là phải hít vào thở ra. Con người lấy khí làm gốc, lấy hơi làm rễ, chỉ cần hít vào một cái, trăm mạch giãn nở, chỉ cần thở ra một cái, trăm mạch khép kín, khi con người hít thở, khí oxi sẽ chuyển hóa thành khí cacbonic, đồng thời khiến các lỗ chân lông dưới lớp da sản sinh một nhiệt lượng rất nhỏ, đây chính là cái mà người xưa gọi là “dương khí” hay “sinh khí”. Thế nhưng trên cơ thể kẻ đang ở trước mắt, anh lại không hề cảm nhận được sự tồn tại của hơi thở, bởi nó yên ắng bất động, giống như một thi thể chết đột ngột trong bóng tối đã bao năm.

Tư Mã Khôi trong lòng cảm thấy kỳ quái, thầm nghĩ: “Chẳng lẽ mình gặp ma thật sao?” rồi một tay anh lần cò súng, một tay nắm chặt thanh pháo sáng tín hiệu, rướn người lên trước, định mượn ánh sáng xanh mờ nhìn rõ khuôn mặt giấu kỹ dưới chiếc mũ sắt kia.

Chẳng ngờ, Tư Mã Khôi vừa cử động thì bóng người ở góc tường bỗng dưng đột ngột đứng bật dậy mà chẳng hề có động tĩnh nào báo trước. Tư Mã Khôi và ba người còn lại giật nảy người, đồng thanh hét lên kinh hãi, vội vã lùi lại phía sau, rồi cầm vũ khí lên, nhưng họ chưa kịp bóp cò thì bóng đen đội mũ sắt đã sớm trốn chạy vào nơi sâu trong đường hầm tự lúc nào.

Tư Mã Khôi muốn đuổi theo để làm cho rõ trắng đen, nhưng lại sợ ba người ở lại phía sau sẽ gặp bất trắc, nên đành kìm lại. Anh thấy vết thương ở hông của Hải ngọng rất nặng, di chuyển đi lại càng khiến vết thương không khỏi hở miệng nứt toác, máu tươi chảy ròng ròng từ đùi xuống chân, đi một bước, máu tươi lại in một dấu hình bàn chân, đau đến mức trán ứa mồ hôi lạnh. Lập tức Tư Mã Khôi ra hiệu bảo mọi người không nên manh động, tạm thời dừng chân tại chỗ, băng bó lại vết thương cho La Đại Hải.

Tuyệt kiểm tra và làm sạch miệng vết thương của La Đại Hải, đồng thời cũng tiêm một mũi cầm máu chống nhiễm trùng cho vết rách, sau đó quay sang nói với Tư Mã Khôi: “Hải ngọng chỉ bị vết thương ngoài da thôi, may mà thể lực cậu ta tốt, nên chẳng có gì đáng ngại.” Nhưng khi Tuyệt nói thì khuôn mặt của cô lại rất đăm chiêu lo lắng, ngẫm ám thì cho Tư Mã Khôi biết: vết thương của Hải ngọng không hề lạc quan chút nào, phen này cậu ta quả thật đã lãnh đủ đòn.

Tư Mã Khôi nhìn tình hình mà không khỏi lo lắng, nhưng anh cũng chẳng nghĩ ra được cách gì. Lúc này ánh sáng yếu ớt của thanh pháo tín hiệu cũng đã mờ nhạt rồi dần tắt, tuy rằng mọi người thấy sương mù không còn phun ra, nhưng bị nhốt trong bóng tối đen kịt thế này thì cũng chẳng khá hơn, thế là mọi người bèn quyết định phải tiến lên phía trước thăm dò cho rõ tình hình. Họ thay đèn halogen bằng đèn pin để soi đường, rồi thuận theo đường hầm đi sâu khoảng mấy chục mét, chỉ thấy một dãy bậc thang đi xuống, phía sâu hơn nữa là một con đường thẳng như cán bút đi xuyên sâu vào trong động đá. Không gian nơi này vô cùng bằng phẳng khoáng đạt, vòm trần cong cong vừa rộng vừa cao, nếu sắp hàng ngang mấy cỗ xe tăng ở bên trong chắc cũng không vấp vấp, hơn nữa địa thế có chiều hướng thấp xuống, khiến dòng bùn đất chảy vào cứ chậm chậm trôi về nơi sâu, trong đường hầm hình thành một con sông ngầm, hai bên có xây bờ cát và bậc đá.

Họ đi dần hàng ngang, bốn người đi vào nơi sâu trong đường hầm, nếu suy đoán theo phương vị, thì có lẽ đã bước vào tòa thành bốn triệu bảo tháp bị vùi một nửa dưới lòng đất, và lúc này mới biết bên trong nó quả nhiên tồn tại khoảng không gian. Nhìn bốn bức tường đều là những viên gạch lớn màu sắc sặc sỡ, không rõ người cổ xưa đã dùng loại sơn màu nào, mà trong môi trường ẩm thấp tối tăm thế này, nó vẫn có thể tươi sáng rực rỡ đến chói mắt. Trên những viên gạch đều khắc hình một khuôn mặt người vô cảm, hàng dãy hàng dãy nối tiếp nhau, chẳng rõ số lượng chính xác là bao nhiêu. Trước bức tường là hai hàng tượng người đá trong tư thế quỳ đứng, có khuôn mặt hoàn toàn giống nhau chẳng chút khác biệt, và dưới sự thâm nghiêm lạnh lùng đến cứng ngắc ấy, lại ần

giấu mùi hơi thở chết chóc khiến người ta sợ hãi. Con đường hầm như phẳng phất nối liền giữa thực tại và hư ảo này, dường như là một cửa động rộng lớn khác thường, mà mọi người không thể tưởng tượng điểm tận cùng của nó thông ra nơi nào, thậm chí ngay cả nó có điểm tận cùng hay không, thì cũng chẳng ai biết được.

Tư Mã Khôi vừa đi vừa để ý động tĩnh xung quanh, đồng thời quay sang dò hỏi Ngọc Phi Yến, vì sao vua Chăm Pa lại cho xây dựng “con quái vật” này dưới lòng đất? Tại sao trên mỗi viên gạch đều khắc hình một khuôn mặt người? Chẳng lẽ đó là dung mạo của vua Chăm Pa?

Kiến thức về tình hình thực tế tòa thành bốn triệu bảo tháp của Ngọc Phi Yến chỉ có hạn, nhưng cô đã từng xem qua không ít văn vật Chăm Pa cổ, nên cũng hiểu đôi chút về lịch sử có liên quan. Khi nghe Tư Mã Khôi hỏi đến việc này, cô liền bất giác nhớ đến một chuyện, nên vừa suy ngẫm vừa đáp lời anh: “Dung mạo? Dung mạo của vua Anagaya không giống thế này, ông ta vốn dĩ không phải là người...”

Hồi thứ tám

KẺ MAY MẮN SỐNG SỐT

Tư Mã Khôi vốn dĩ cho rằng tòa thành cổ này là lăng tẩm dưới lòng đất của vua Chăm Pa, nhưng giờ đây nghe Ngọc Phi Yên nói, lòng anh tràn đầy kinh ngạc, vua Anagaya không phải là người? Vậy chẳng lẽ vương triều cường thịnh bậc nhất thời cổ đại lại để một con khỉ lên làm chủ đất nước?

Ngọc Phi Yên lườm Tư Mã Khôi một cái, ánh mắt sắc như dao: “Tôi bảo ông ta là khỉ hồi nào? Anh đừng có xằng xiên bậy bạ, phải nghe tôi nói hết đã chứ. Vua Chăm Pa...” cô ta đang định giải thích cặn kẽ, thì nghe có tiếng khuấy động “bì bõm” trong làn nước đen ngòm từ nơi không xa lắm vọng đến, một con cá sấu xù xì như đoạn củi khô nổi lên bênh trên mặt sông đang lao vào bọn họ.

Thì ra lúc đầm lầy sụt lở, vô số cá sấu không kịp tránh nạn, đã trượt xuống đáy vực, chúng đuổi theo mùi âm khí tối tăm, ẩm ướt mà lần được tới đây. Cũng chẳng rõ chúng chui vào đường hầm từ khe nứt nào, nhưng con sông ngầm này là dòng nước chết, nên chẳng tìm thấy bất kỳ loại thức ăn nào, trong khi ống quần và giày của Hải ngọng ướt đầm máu tươi, nên phút chốc như mời gọi tất cả bầy cá sấu dưới nước đến.

Tuy bốn người đều mang theo vũ khí, nhưng lại không có thiết bị chiếu sáng, nên họ chẳng dám dựa vào đèn pin mà liều mạng đối đầu với chúng giữa đêm tối. Thấy tình hình không ổn, họ liền rút lui lên bệ đá nhỏ hẹp ngay bên sườn đường hầm.

Bệ đá chỉ rộng chừng nửa mét, cách một đoạn lại có một tượng người đá thấp lùn quỳ rạp xuống đất, trong khi hội Tư Mã Khôi đều biết, cá sấu từ trước đến nay nổi tiếng hung bạo và tham ăn, đừng thấy cơ thể nó có vẻ chậm chạp vụng về mà coi thường, vì bốn cái chân vừa thô vừa ngắn có thể đột ngột phóng vù lên mặt nước cao hàng mấy mét, đớp gọn cả cây lẫn khỉ, chứ bệ đá cao hơn đầu người này thì nhằm nhò gì? Bởi vậy mọi người đều ẩn mình nấp phía sau tượng đá, chẳng dám động cựa, tai nghe âm thanh cá sấu lê tấm thân nặng nề quẫy nước, thì biết chúng không phải chỉ có một con.

Tư Mã Khôi thò đầu khỏi lưng tượng quan sát tình hình, nhìn dòng sông ngầm dưới đáy đường hầm, anh đành nuốt mấy lời định nói khi trước vào bụng, chỉ bảo ba người còn lại: “Chúng ta đúng là vừa thoát khỏi hang cộp đã rơi vào bẫy rông. Không biết kẻ dẫn dụ chúng ta vào con đường hầm này, lai lịch thế nào? Nếu hắn ta quả thật là binh lính quân Đồng minh mất tích ở vùng núi Bắc Miến trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai, thì làm sao có thể sống sót dưới lòng đất quanh năm không có ánh mặt trời này những ba mươi mấy năm?”

Hải ngọng tuy vết thương ở hông vô cùng đau nhức, nhưng không nhịn được, liền nói chen vào: “Tớ thấy thằng cha ấy căn bản chẳng giống người sống tí nào. Theo quan điểm học thuyết tương đối, trên thế giới này có người, tất sẽ có ma, có lẽ chúng ta gặp ma thật rồi.”

Tư Mã Khôi lắc đầu nói: “Ban đầu tớ cũng cho rằng vậy, nhưng lúc pháo sáng tín hiệu chiếu qua đó, tớ nhìn thấy rõ ràng hắn có bóng, những người sau lưng có bóng thì không thể nào là ma, có điều...”

Lời chưa nói dứt, thì nghe phía sau tượng đá ở con đường hầm đối diện, vọng lại những âm thanh khe khẽ. Lúc này, thiết bị chiếu sáng bên mình, ngoại trừ mấy cuộn pháo tín hiệu và lựu đạn phốt pho ra, thì chỉ còn lại hai chiếc đèn pin và một ngọn đèn tiết kiệm điện. Loại đèn tiết kiệm này chẳng khác nào đèn kéo quân thời trước, bên trong là ống phát sáng tiết kiệm điện năng, bốn phía lắp thấu kính giúp khuếch tán tia sáng, có thể chống gió, chống nước, lại có thể treo trong lều làm nguồn sáng cố định, nhưng ánh sáng của nó không mạnh lắm nên không thể soi

rõ nơi xa, vì chỉ có đèn pin tụ quang mới soi được khoảng cách năm sáu mét. Chùm sáng của đèn pin tụ quang cũng có thể điều chỉnh, quang sáng càng tập trung thì phạm vi soi sáng càng xa, nhưng phạm vi chiếu sáng lại càng nhỏ. Tư Mã Khôi điều chỉnh quang sáng đèn pin lên tới cực hạn, giờ cao soi về khu vực phát ra động tĩnh, ba người còn lại cũng nhẹ nhàng mở chốt an toàn khẩu súng đang cầm trên tay, bóp hờ vào lẫy, chỉ cần nhấn một cái là đạn nổ.

Quang sáng đèn pin chỉ còn lại chu vi khoảng một nắm tay, nhưng cự ly chiếu sáng thì tăng lên không ít, qua con sông ngầm, và có thể soi rõ đầu bên kia của đường hầm, nhưng nhìn bằng mắt thường, thì vẫn cực kỳ mơ hồ, chỉ thấy trên vai bức tượng đá hình như có một người đang đứng, chiếc mũ sắt lụp sụp phía trên lúc ẩn lúc hiện, dường như là “người” lúc trước chạy trốn vào nơi sâu trong đường hầm, đang mai phục bên bờ đối diện nhìn trộm hành động của hội Tư Mã Khôi.

Tư Mã Khôi đang định mở miệng hỏi, thì đã nghe đối phương giành nói trước: “Đừng chiếu đèn pin nữa, tôi bị nhốt lâu ngày dưới lòng đất, mắt không nhìn được ánh sáng, các anh rút cục là ai vậy?” Giọng nói yếu ớt như chẳng còn chút sức lực nào, nếu không căng tai lên nghe kỹ, thì căn bản không thể nghe rõ được.

Mọi người nghe xong đều ngạc nhiên không thốt thành lời, nghe giọng nói thì đối phương cũng là người Trung Quốc, hơn nữa hình như là khẩu âm vùng Vân Nam, chẳng lẽ anh ta không phải quân Mỹ bị mất tích năm đó? Ngoài ra, Tư Mã Khôi cũng biết, những người sống quanh năm trong bóng tối, mắt không được phép đột ngột nhìn ánh sáng, nếu không con người sẽ nổ mà mù lòa, bèn hạ quang sáng đèn pin xuống thấp, rồi đáp lời: “Chúng tôi là đội đặc vụ chiến trường đông bắc quân đội cộng sản Miến Điện, còn anh ở đơn vị nào?”

Người đội mũ sắt bên bờ đối diện tỏ ra hơi ngạc nhiên một chút, thắc mắc: “Đội đặc vụ... quân đội cộng sản Miến Điện ư? Đội đó làm gì vậy?”

Tuy Hải ngọng đang bị thương, nhưng miệng thì không nín lại được, bèn hỏi ngược đối phương: “Hỏi làm gì? Đó là đội du kích vũ trang nguy hiểm nhất quả đất, tôn chỉ của bọn ta là giúp các ông dân nghèo ngày nào cũng được ăn tết, là đến nhà những tên giàu có nhưng bất nhân, ăn cơm của chúng, ngủ giường của chúng, rồi xem xem con vợ chúng nó trông có thuận cái lỗ mắt hay không...” Tư Mã Khôi nhỏ giọng cảnh báo Hải ngọng, bảo anh mau ngậm miệng, đừng nói năng xằng bậy, bây giờ không phải lúc uốn bẩy tác lưởi, sau đó anh cất cao giọng hỏi đối phương: “Việc của chúng tôi tương đối phức tạp, một hai câu không thể giải thích hết được, hay anh hãy nói về mình trước, mau cho chúng tôi biết anh là ai?”

Đối phương tựa hồ cảm thấy hội Tư Mã Khôi không có ý đối đầu, bèn khai báo tên tuổi: “Tôi ở đoàn lính công trình tác chiến độc lập thứ sáu, đơn vị vận chuyển bổ sung hỗn hợp, ban liên lạc, tên là Tiền Bảo Sơn.”

Tư Mã Khôi nhớ lại cuốn nhật ký của ông nội Karaweik để lại, có ghi chép tình hình cụ thể về việc xây dựng con đường U Linh của quân Đồng minh ở Miến Điện vào thời kỳ kháng Nhật. Đoàn lính công trình tác chiến độc lập thứ sáu của quân Mỹ, trên vai đeo huy hiệu hình đầu hổ, phụ trách việc khai thông đoạn đường qua núi Dã Nhân, mặt khẩu liên lạc của đơn vị đó là “AAD”. Do nhu cầu giao tiếp, thương lượng nên lúc đó, quân đội Mỹ được điều động không ít binh lính người Trung Quốc, xem ra người này là một trong số đó. Đối phương đã nhắc đến “đơn vị vận chuyển bổ sung”, thì hàng xe tải mười bánh Dodge kia chắc chắn là do bọn họ lái vào đây, nhưng sao đội xe đó lại xuất hiện ở nơi sâu nhất trong sơn cốc? Làm sao họ lái được xe vào đây? Cả đơn vị vận tải sao chỉ còn sót lại một mình anh ta còn sống? Trong môi trường khắc nghiệt này, anh ta dựa vào cái gì mà tồn tại đến tận bây giờ? Chẳng lẽ suốt thời gian gần ba mươi năm dài đằng đẳng đó, từ đầu chí cuối đều không thể tìm nổi cơ hội trốn thoát ra ngoài?

Không chỉ mình Tư Mã Khôi, mà cả ba người còn lại trong lòng đều chông chênh nghi hoặc, vấn đề chủ yếu nhất là muốn nhanh chóng biết

rõ: “Rốt cục có cơ hội chạy thoát khỏi núi Dã Nhân hay không?”

Tiền Bảo Sơn cũng phát hiện được nghi hoặc của bốn người, bèn than thở: “Tôi bị nhốt dưới con đường hầm này bao nhiêu năm thì bản thân cũng chẳng đếm chính xác được. Để tôi kể câu chuyện của mình cho các anh nghe, các anh sẽ tự khắc hiểu hoàn cảnh trước mắt là như thế nào.”

Sau đó, Tiền Bảo Sơn liền kể đầu đuôi sự việc cho mọi người nghe: vào thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai, chiến trường Trung Quốc tiếp nhận con đường viện trợ từ bên ngoài, mọi luồng viện trợ chỉ nhờ vào “tuyến đường bay bướu lạc đà”. Thế nhưng nếu chỉ dựa vào lực lượng vận chuyển không quân, thì sẽ khó lòng chống đỡ nổi nhu cầu vật tư khổng lồ của cả chiến trường Trung Quốc, mà những tuyến giao thông đường bộ khác đều đã bị quân Nhật cắt đứt, bởi vậy, muốn phản công ở Miến Điện, phải khai thông tuyến đường Trung Ấn, đó là mục tiêu chiến lược lúc đó của quân Đồng minh. Tiền Bảo Sơn quê ở Vân Nam, từng theo quân viễn chinh tiếp nhận khóa huấn luyện sĩ quan Mỹ ở Ấn Độ, cuối cùng bị điều về đơn vị vận chuyển bổ sung của đoàn lính công trình tác chiến độc lập thứ sáu, tham gia nhiệm vụ xây dựng con đường Stilwell trong núi Dã Nhân.

Con đường núi Dã Nhân phân bố thành hình chữ Y, bên trái là tuyến đường A, bên phải là tuyến đường B, lúc đó con đường được xây dựng trước là tuyến đường B có khoảng cách chim bay ngắn hơn, vì trước khi quân Nhật xâm chiếm Miến Điện, núi Dã Nhân đã tồn tại đường hầm bí mật do thực dân Anh khai phá, nhưng trong quá trình thi công, đã xảy ra quá nhiều biến cố bất ngờ. Những trở ngại phải đối mặt vượt xa dự tính, đã khiến quân Mỹ đành phải khai phá tuyến đường A ngoằn ngoèo khúc khuỷu.

Vậy mà tuyến đường A xây dựng vòng theo ngoại vi núi Dã Nhân, vẫn chẳng thể xây dựng thuận lợi, do tàn quân Nhật lẫn trốn trong núi không kịp thời diệt sạch, nên lính công trình thường xuyên bị những tiểu đội nhỏ quân Nhật quấy nhiễu, và những cuộc chiến đấu lẻ tẻ, quy mô nhỏ dường như chẳng bao giờ dứt. Lần đó, đơn vị vận tải của Tiền Bảo

Sơn lái đoàn xe tải Dodge chuyên chở một số vật tư quân nhu cần thiết cho tiền tuyến; đoàn xe nối đuôi nhau chạy đến điểm nút Kansas thì gặp mai phục, lâm vào vòng vây của quân Nhật.

Trải qua cuộc giao chiến ngắn ngủi, đoàn vận tải phát hiện đội quân Nhật này được trang bị rất nhiều xe tăng thiết giáp đời 97 do Mitsubishi thiết kế và chế tạo, mà người Trung Quốc vẫn gọi nó là “Xe mai rùa”. Lúc đó do vội vàng tiếp chiến với quân địch, nên đội xe đã bị đối phương kìm kẹp trước sau, mắc kẹt trên đường, địa hình nơi ấy lại vô cùng bất lợi, nếu còn tiếp tục giằng co thì chỉ có thiệt thân. Giữa lúc tình thế cấp bách ngàn cân treo sợi tóc, chiếc xe dẫn đường phía mũi trước, đánh nhau với quân địch ở cự ly tương đối gần, liền cho nổ pháo, rồi tăng tốc đâm sâu vào chiếc xe tăng đời 97.

Chiếc xe tăng 97 của quân Nhật tuy được mệnh danh là chiến xa hạng trung, kỳ thực chỉ có thể miễn cưỡng gọi là xe tăng hạng nhẹ, vì trọng tải chiến đấu mới có 1,5 tấn, trong khi trọng tải tổng thể của xe tải Dodge nặng tới gần mười tấn, nên luận về sức mạnh hay sự đồ sộ, thì căn bản chúng không cùng đẳng cấp. Người lái xe tuyến đầu càng đánh càng hăng tiết, cộng thêm địa hình nhỏ hẹp, quanh co của con đường núi, kết quả cả xe tải và xe tăng đều lộn nhào xuống khe núi, hai bên cùng rú nhau châu trời.

Đội xe bị kẹt phía sau cũng xông lên đột phá vòng vây, vừa đánh vừa chạy, cuối cùng cũng thoát khỏi cuộc chiến đấu, chẳng ngờ không hiểu ma xui quỷ khiến thế nào lại lái vào tuyến đường B hoang phế, lúc đó trong đội xe có một hướng dẫn viên kiêm phiên dịch người bản địa tên là Mukhan, anh ta dẫn cả đội vào một đường hầm.

Sau đó để ngăn chặn sự truy đuổi của quân Nhật ở phía sau, đội xe liền sai công binh đánh sập lối vào đường hầm, chẳng ngờ bom nổ đã khiến cả con đường hầm liên tiếp sụp đổ với quy mô lớn, nên tuy đã cắt đuôi được kẻ địch, nhưng đồng thời lại chặn đứng đường rút lui của chính mình. Bọn họ không còn cách lựa chọn nào khác, đành phải men theo con đường mới xây dựng được một nửa, tiếp tục tiến sâu vào trong núi.

Tiền Bảo Sơn là cô nhi, lớn lên trong trường giáo hội ở Vân Nam, bởi vậy anh ta là tín đồ trung thành của Thiên chúa giáo, mãi đến trước khi bước vào đường hầm tối om này, anh ta vẫn thực sự tin tưởng bản chất của thượng đế đến tận xương tủy, nên chưa bao giờ thử nghĩ xem: “Ác linh có tồn tại hay không?”

Hồi thứ chín

ĐƯỜNG HÀM CHẾT

Tiền Bảo Sơn nói, bản thân anh ta chưa bao giờ tin vào tà thuật, nhưng những gì gặp phải trong núi Dã Nhân, đã thực sự khiến anh ta cảm thấy dường như đã chạm tới hơi thở của ma quỷ.

Sau khi đội vận tải chạy trốn vào đường hầm, liền bị mất phương hướng, vô tình đâm xuống một hang sâu rộng lớn, thần bí. Huyệt động cổ xưa này được hình thành từ hàng trăm triệu năm về trước, đi đến đâu cũng thấy ngà và xương voi cao ngất như núi, mạng lưới huyết động đá vôi và hành lang dưới lòng đất giao thoa chằng chịt, tuy nơi nào cũng rộng rãi bằng phẳng như đường hầm, thậm chí có chỗ còn to bằng mấy sân bóng đá gộp lại, nhưng nó thực sự là một mê cung vô cùng phức tạp, chằng chịt; không ít khu vực bị sương mù phong tỏa, nên phân đội trinh sát đi trước dò đường chẳng thấy ai trở về.

Anh Mukhan người Miến Điện đã nói với sư đoàn trưởng: chỉ e nơi này là huyết động ma mút trong núi Dã Nhân. Anh ta còn tự nhận mình rất thông thạo tập tính của voi rừng, nên chắc chắn sẽ tìm thấy lối ra khỏi Tượng Môn, nói đoạn liền đi trước dẫn đường. Anh ta dẫn đội xe quay đầu về hướng có bức màn được kết thành bởi trùng điệp những mạng lưới đá vôi, rồi đi sâu mãi vào một huyết động thấp lè tè, chiều cao của nó chỉ khoảng mười mấy mét, nhưng tứ phía vô cùng khoáng đạt, hình dáng tựa như vỏ sò, trên mặt đất chỉ chít những nếp gấp khúc, địa hình gồ ghề lồi lõm rất khó đi, hơn nữa phần phủ dưới đáy động cũng không phải lớp đất đá, mà dường như là một loài thực vật, nên đi được nửa đường thì nhiều bánh xe bắt đầu lún xuống.

Sư đoàn trưởng phát hiện tình hình không ổn, vội vàng ra lệnh cho cả đoàn vận tải bỏ xe chạy lấy người, rút trở về đường cũ, ai ngờ đáy động bị đoàn xe nặng trăm tấn đè xuống, nứt toác thành một khe hở rất rộng, rồi từ giữa kẽ nứt, sương mù trào lên mù mịt, chẳng đợi đoàn vận tải kịp hiểu ra chuyện gì, thì tất cả đã bị rơi vào sương mù.

Chiếc xe của Tiền Bảo Sơn và Mukhan rơi xuống tán lá một cây cổ thụ nằm sâu dưới lòng đất, người ngồi trong xe ngã xấp mặt mày, chỗ nào cũng bê bết máu. Họ nghe có tiếng hét lớn kêu cứu vọng ra từ những chiếc xe khác, nhưng trong chớp mắt đã im bật không một động tĩnh, cũng chẳng rõ họ đã gặp phải thảm cảnh gì. Hai người vội vàng trèo ra khỏi xe, định đến ứng cứu, nào ngờ chiếc xe tải mười bánh vắt vẻo trên một cành cây, phía dưới gốc cây là con đường sâu hút lênh láng nước tù. Tiền Bảo Sơn không phân biệt được phương hướng trong sương mù, vừa giẫm chân đã bước hụt xuống khoảng không chơi vơi, cả thân thể lập tức ngã nhào. Mukhan ở phía sau định kéo anh ta lên, kết quả Tiền Bảo Sơn lôi tuột cả hai xuống. Hai người men theo gốc cây lăn vào một huyệt động âm u, lạnh lẽo dưới lòng đất, suýt chút nữa thì sặc nước mà chết, rồi khi bọn họ giãy giụa bò được dậy, dùng đèn pin chiếu sáng, leo lên chỗ cao, thì mới phát hiện nơi rơi xuống khi nãy đã bị bánh xe lún xuống chặn đứng.

Hội Tư Mã Khôi nghe đối phương nói đến đây, mới biết dãy xe tải mười bánh xuất hiện trong cánh rừng rậm, quả nhiên từ trên cao rơi xuống, chẳng trách toàn thân xe đều vỡ nát, hư hỏng nặng nề. Quả của cây Udumbara to lớn hình thành một tầng kén hình chiếc ô che phủ toàn bộ thành cổ, giữa tầng kén tồn tại một khoảng không gian trống rỗng, không hề có sương mù. Đội vận tải bổ sung đoàn lính công trình tác chiến độc lập thứ sáu, vì tránh né sự truy sát của quân Nhật, đã lỡ chân lạc bước vào huyệt động ma mút giống như mê cung huyền bí, kết quả là cả đội xe đều rơi xuống đáy động, toàn bộ thành viên bị sương mù nuốt chửng, chỉ có hai người là Tiền Bảo Sơn và Mukhan may mắn sống sót, nhưng tiếp sau đó, hai người bọn họ đã gặp phải những tai ương gì? Làm sao có thể người chẳng ra người, ma chẳng ra ma, sinh tồn mấy chục

nằm ở nơi hoàn toàn đoạn tuyệt với thế giới bên ngoài này? Anh lính Miến Điện tên Mukhan bây giờ còn sống hay đã chết?

Tiền Bảo Sơn tiếp tục kể phần còn lại của câu chuyện: anh ta và Mukhan rơi vào một huyết động ẩm ướt, âm u, lạnh lẽo, xung quanh tứ khí bốc lên ngùn ngụt, chẳng nhìn thấy nửa bóng người, kêu trời trời không thấu, gọi đất đất không hay, nên thần kinh dường như suy sụp đến tột độ. Cũng chẳng biết họ lẩn mò bao lâu trong đường hầm rồi vô tình chui vào một sơn động rất sâu, trong động đá ngọc cao ngất, rêu xanh phủ dày, sinh trưởng rất nhiều loại nấm đất và quả mọng, thịt quả dày, nhiều nước, vị hơi đắng, nhưng có thể ăn được.

Hai người hoảng loạn trong lòng, ăn bừa vài trái quả mọng, rồi tiếp tục đi về phía trước, đi mãi cũng đến con đường hầm rộng rãi ẩn giấu dòng sông ngầm này, càng đi vào sâu, càng thấy khí đen âm u mịt mù, khiến họ ớn lạnh tận tim, dừng chân không dám bước tiếp.

Tiền Bảo Sơn chỉ muốn quay đầu ra ngay, nhưng lúc này Mukhan lại tiết lộ một câu chuyện rất kỳ lạ. Anh ta nói từ hơn một ngàn năm trước, sơn cốc núi Dã Nhân từng là thần cung của một vương triều Chăm Pa hiển hách. Thần cung dùng để thờ phụng các thần linh Vệ Đà trên trời, tầm cỡ tương đương như quốc miếu vậy. Sau khi người Chăm Pa chinh phục vương quốc Thaton, những nô lệ bị bắt giữ và một lượng lớn thợ mộc lành nghề điêu luyện, đều được tập hợp lại để xây dựng tháp cổ. Trong khoảng thời gian đằng đẳng trên dưới hai trăm năm, họ đã xây dựng được mười ba ngàn tháp đá lớn nhỏ với hình thù độc đáo, phong phú, mỗi tòa một khác, rồi đem toàn bộ châu báu của vương triều Chăm Pa cổ chôn cả xuống dưới chân tháp. Khi ấy, núi cao trập trùng, quần thể tháp cổ dày đặc như cánh rừng, trèo lên bất cứ tòa tháp nào, tiện tay chỉ về đâu, hướng tay chỉ cũng sẽ có một tòa tháp khác cao to sừng sững chắn ngang tầm mắt. Mỗi khi mặt trời lặn, ánh hoàng hôn đỏ au và những vầng mây đầy trời sẽ nhuộm cả rừng tháp thành một màu vàng ánh kim rực rỡ, sau đó mới dần dần chìm sau những đỉnh núi nhọn hoắt trùng điệp ở phía xa. Phàm những ai đã tận mắt trông thấy kỳ quan này,

đều không khỏi trầm trở thán phục trước vẻ uy nghiêm, lộng lẫy như cõi mộng của nó.

Có điều, tuy địa thế núi Dã Nhân kỳ lạ tột độ nhưng đó lại là một ngọn núi cát có vỏ ngoài là đá. Vì bên trong toàn bộ là đất cát, nên lòng núi rỗng ruột, đáy thần điện che phủ dải hồ rộng lớn dưới lòng đất. Sau này, do mạch nước lún xuống, lòng núi sụt vỡ, nên vô số tháp cổ cùng toàn bộ thực vật trong cánh rừng gần đó đều bị lún chìm dưới vực sâu không đáy, từ đó hình thành nên khe sâu núi Dã Nhân.

Nói khe sâu núi Dã Nhân là một vực sâu không đáy, thì cũng chẳng ngoa chút nào. Thì ra, mạch nước hồ dưới lòng đất đã sớm khô kiệt, nhưng đáy hồ vẫn sót lại bể bùn rộng lớn vô biên, thành cổ và cánh rừng sụt xuống dưới, đều bị bùn lầy sâu khôn lường và khí mê-tan che đậy, và vì nằm chênh vênh trên lớp bùn lầy, nên bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng tiếp tục sụt lún sâu hơn.

Đại nạn khủng khiếp bất ngờ đổ xuống, khiến vương triều Chăm Pa vô cùng khiếp sợ. Họ cử người xuống khe núi thăm dò, chỉ thấy tòa thành bốn triệu bảo tháp bị hư hại nghiêm trọng, bèn cho rằng đây là họa trời tru đất diệt, là thần phạt nổi trận lôi đình, là điềm hung vong quốc.

Quốc vương Chăm Pa lúc bấy giờ là vua Anagaya, ông ta nghĩ kế đề phòng hậu họa về sau, liền sai người luyện vàng, đúc cảnh tượng bốn triệu tòa bảo tháp lên bức tường thành, rồi từng thỏi vàng trùng trùng điệp điệp chồng chất lên nhau, tạo thành thứ kiến trúc hình con nhện quái dị. Bởi vậy, họ đặt tên cho khối vàng thỏi này là “tòa thành bốn triệu bảo tháp”, với ý định lưu lại, đợi khi nào phục hưng đất nước thì sẽ dùng tới.

Cũng chẳng ai hiểu rõ vì sao người Chăm Pa khi ấy lại có nhiều vàng đến thế. Có thuyết nói, người cổ xưa biết nuôi loài “kiến tha vàng”, vàng đúc tòa thành cũng không phải là loại vàng ròng tinh khiết, mà những thỏi vàng ấy thực ra là “vàng hời”, loại vàng có pha lẫn bạc, màu vàng xanh được cán mỏng như tờ giấy, bọc bên ngoài viên gạch. Công nghệ xây dựng này rất thường thấy ở Miến Điện, nên ngẩng đầu lên nhìn

chỉ thấy những tòa tháp vàng cao chọc trời, mà bên ngoài chính là lớp giấy vàng, nhìn từ đằng xa lấp lánh rực rỡ, sừng sững huy hoàng. Thế nhưng, nếu muốn tính riêng số vàng và đá quý bao bọc ở bề mặt, thì cũng chẳng thể biết chính xác rốt cục người Chăm Pa đã sử dụng bao nhiêu châu báu nữa.

Sau khi mạch nước trong khe núi biến mất, lòng núi bỗng dựng mọc lên cây thần Udumbara cổ xưa, nó dần dần bao trùm kín mít toàn bộ tòa thành Nhện Vàng dưới lòng đất, rồi từ đó sương mù bủa vây khắp nơi. Người Chăm Pa lại phá hủy toàn bộ những kiến trúc cổ đại còn sót lại trên mặt đất, đồng thời để lại lời nguyên độc địa: măng xà và tháp cổ sẽ bảo vệ vĩnh viễn những bí mật của vua Anagaya, kẻ nào có ý đồ nhòm ngó kho báu của vương triều Chăm Pa, đôi cánh tử thần sẽ giáng xuống đầu kẻ đó.

Về sau, vương triều Chăm Pa quả nhiên dần dần suy vong, có điều dân tộc cổ xưa này vẫn còn chút thế lực nhất định ở phía bắc Việt Nam và Lào, thậm chí có thể nói, mấy trăm năm trở lại đây, cả lịch sử Việt Nam chính là lịch sử giao chiến giữa người Việt và người Chăm. Mãi đến ngày nay, hậu duệ người Chăm Pa vẫn còn rơi rớt lại ở hai đất nước này. Do ngày dài tháng rộng, họ dần dần cũng quên mất cội nguồn của chính mình, chẳng thể giải mã nổi ám hiệu của tiền nhân để lại, duy có một vài truyền thuyết cổ quái ly kỳ là vẫn lưu truyền cho đến giờ. Truyền thuyết nói: “Tòa thành cổ chìm sâu dưới lòng đất, rần bay xuyên qua, sương mù bủa vây khe núi”, nhưng chẳng ai có thể giải thích rõ ràng rốt cục đó là lời tiên tri hay ám thị.

Sương mù trong khe núi Dã Nhân sinh ra bởi thực vật dưới lòng đất. Tương truyền, đài hoa dạng sương mù Udumbara tuy sợ nước, nhưng với địa hình đặc thù của sơn cốc, nếu chẳng phải mưa lớn cuồng phong khiến lũ lụt kéo về đột ngột, thì cũng rất khó có thể xua tan được đám sương mù. Trong khi đó người Chăm Pa lại đào một huyệt động hình bụng rắn ở phần đáy tòa cổ thành, đồng thời cài đặt rất nhiều hố cát ngầm nước suốt dải rừng; nước tụ thành dòng ở đáy động, hàng tượng đá dọc hai bờ sông đều há miệng rộng bụng, tất thảy đều liên quan đến bùn

cát dưới đáy thành cổ, nó có tác dụng điều chỉnh mực nước, mà những khu vực có nước tù, sương mù sẽ không xuất hiện, bởi vậy đường hầm này là nơi an toàn duy nhất trong sơn cốc núi Dã Nhân.

Mukhan không phải hậu duệ của triều đại Chăm Pa còn sót lại ở Bắc Miến, sở dĩ anh ta biết những chuyện này là bởi vì trong thời kỳ thực dân Anh thống trị, anh là lính Anh quốc tịch Miến Điện, từng chuyên trợ giúp đoàn thám hiểm Anh tìm kiếm tin tình báo khắp nơi, nhưng chưa kịp đợi đến khi người Anh khai quật kho báu của quốc vương Anagaya, thì quân Nhật đã đánh chiếm toàn bộ Miến Điện.

Về sau, quân Đồng minh phản công, thu hồi phần lớn vùng đất đã mất, Mukhan trở thành phiên dịch, chẳng ngờ lần thi hành nhiệm vụ đi theo đoàn vận tải này, lại rơi vào khe sâu trong núi Dã Nhân, nơi các đoàn thám hiểm nằm mơ cũng muốn tới, đúng là kết quả vượt xa dự tính ban đầu của con người. Nhưng trong tình hình này, những người còn lại chỉ sợ đều đã gặp nạn, bởi đường hầm chẳng có lối nào thoát thân, bên ngoài sương mù che phủ khắp nơi, lại còn mất liên lạc, còn những đội quân Đồng minh khác, căn bản không hề hay biết việc đội vận tải bổ sung đã bị rơi xuống huyết động ma mút, nên chẳng thể hi vọng bọn họ đến cứu viện.

Mukhan nói với Tiên Bảo Sơn rằng kỳ thực tòa thành bốn triệu bảo tháp vốn dĩ không phải thành trì, và bên trong chỉ có một con đường duy nhất, ngoài con đường đó ra, thì không tồn tại bất kỳ khoảng không gian nào. Trên thực tế, cả tòa thành cổ là một con đường xuyên suốt, tất cả bí mật của quốc vương Chăm Pa đều được cất giấu sau bức tường phía cuối con đường, nhưng tình hình bên trong cụ thể ra làm sao, thì anh ta không hề hay biết.

Mukhan cho rằng trước mắt chỉ có nghĩ cách thăm dò nơi sâu nhất, may chẳng mới tìm được lối ra, bởi vì sau khi đất sụt, người Chăm Pa mới xuống khe núi xây dựng tòa thành cổ. Nơi này lại quá sâu, không thể trực tiếp xuống dưới được, nên chắc chắn phải còn một lối vào bí mật khác, có điều tất cả chỉ là phỏng đoán, không thể xác định chắc chắn. Anh ta lại nói: “Tương truyền bất cứ kẻ nào to gan dám nhòm ngó bí mật

của vua Anagaya, thì kẻ đó sẽ bị chết bất đắc kỳ tử. Tình hình trước mắt hoàn toàn mờ mịt, nếu lỗ bên trong quả thực có ác quỷ, thì chắc phải nạp mạng cho nó, chỉ bằng bây giờ một người vào trong trước, nếu lỗ không may gặp phải điều gì bất trắc, thì cũng không đến nỗi cả hai đều bỏ mạng.” Thế là Mukhan để Tiên Bảo Sơn đứng đợi bên ngoài, một mình xách súng bước sâu vào trong đường hầm tìm lối. Thế nhưng anh ta đã một đi không trở lại, như tượng đất chìm bể sâu, trâm bạc rơi đáy giếng, từ đó trở đi hoàn toàn bất vô âm tín, mặc kệ Tiên Bảo Sơn ở ngoài hét khản cả cổ họng, bên trong vẫn chẳng tiếng hồi âm.

Tiên Bảo Sơn cho rằng Mukhan chắc chắn đã gặp phải ác quỷ, và ít ra là cũng đã bị nó lột da nuốt sống. Tuy anh ta cũng từng làm lính, nhưng tính tình lại yếu đuối nhất gan, chẳng bao giờ cương quyết làm nổi việc gì, nên lúc này trong lòng cũng khiếp vía, chẳng dám lại gần đường hầm nơi Mukhan mất tích nữa.

Do bản năng mưu cầu sinh tồn của loài người, anh ta đành ăn loài nấm đất sinh trưởng trong huyết động để sống qua ngày. Gắng gương khổ sở suốt gần ba mươi năm dưới đường hầm, ngày nào Tiên Bảo Sơn cũng phải liên tục tự nói chuyện một mình, nếu không có khi ngay cả ngôn ngữ của loài người cũng quên mất. Hơn nữa, do sống lâu trong đêm tối âm u, sinh khí của người sống trên cơ thể cũng dần dần biến mất, nên bản thân anh ta cũng chẳng rõ rốt cục mình là người hay là ma, và đã sớm từ bỏ mọi hi vọng thoát thân khỏi nơi này, chỉ đợi dương thọ vừa tận, là đổ vật nằm chết mà thôi. Nhưng hôm nay đột nhiên lại nghe thấy ở bên trên dường như trời long đất lở, rồi nước tù trong đường hầm cũng theo đó dâng lên mạnh mẽ, anh ta lại cho rằng nước lũ trên núi tràn xuống, liền liều chết trèo lên để nhìn cho rõ trắng đen. Vì sống quá lâu trong bóng tối, hai mắt đã thích ứng với môi trường nơi đây, lúc nhìn thấy hội Tư Mã Khôi ẩn mình trong hốc cây nghỉ ngơi, anh ta không biết kẻ đến là loại người nào, nếu lỗ gặp phải bọn gian tặc tìm đến khai quật kho báu vua Chăm Pa, thì khó mà tránh khỏi họa giết người diệt khẩu, bởi vậy chỉ âm thầm theo dõi trong bóng tối, không dám lại gần.

Tiền Bảo Sơn quan sát rất lâu, và cảm thấy hội Tư Mã Khôi không giống bọn phi. Mãi đến khi Udumbara khô héo bắt đầu hồi sinh trở lại, rồi sương mù theo đó xuất hiện ngày càng dày đặc, bốn kẻ may mắn sống sót bị lạc đường giữa đám tàn tích rừng thực vật, anh ta mới dùng pháo phát tín hiệu để dẫn họ vào đường hầm bụng rắn.

Khi kể hết câu chuyện, Tiền Bảo Sơn liền dò hỏi hội Tư Mã Khôi vì sao lại đến đây. Tư Mã Khôi chỉ nói bọn họ đều là dân du kích, căn bản không hề hay biết trong núi Dã Nhân có tồn tại tòa thành Nhện vàng của vua Anagaya, rồi vì gặp phải cơn bão nhiệt đới, buộc phải nhảy vào sơn cốc tránh né, không ngờ mặt đất sụt lở, mới lạc bước đến nơi đây. Còn về những chuyện quan trọng khác như: sau khi quân Đồng minh phản công Miến Điện, tình hình thế giới thay đổi thế nào, và cả chuyện bọn họ vào núi tìm chiếc tiêm kích vận tải, kích nổ quả bom địa chấn v.v... thì anh không nhắc đến chữ nào.

Tiền Bảo Sơn cũng chẳng dò hỏi thêm về việc này nữa, mà chỉ nói chắc do trời còn thương nên khiến anh ta còn sống sót sau hàng trăm tai nạn lẽ ra phải chết, không những vậy, còn có thể gặp được đồng hương. Anh ta sống trong đường hầm chớp mắt đã mấy chục năm, hiểu rõ địa hình nơi này tựa lòng bàn tay, phát hiện phía dưới đường hầm là bãi đầm lầy không đáy, quả thực chẳng tồn tại bất kỳ lối ra nào. Hơn nữa, cơn địa chấn lúc trước đã khiến huyết động tàn phế này xuất hiện rất nhiều chỗ sụt lở, giờ đây chỉ có đường hầm chính trong tòa cổ thành có thể tạm coi là an toàn, còn những khu vực xung quanh đều bị chặn đứng hoàn toàn, khí ôxy còn sót lại chỉ sợ không thể duy trì lâu dài. Cũng may người nhiều thể mạnh, có thể giúp đỡ lẫn nhau, biết đâu lại vững dạ dám chui vào trong thăm dò, tìm hiểu rõ trắng đen ngọn ngành thế nào, như vậy còn tốt hơn tiếp tục bị nhốt dưới lòng đất đợi ngày thần chết dang tay ra đón. Lúc đó, hai bên vẫn đứng cách nhau một dòng sông, trong nước vẫn lảng vảng lũ cá sấu hung tợn, nên họ đành phải ỉn mình sau bệ đá nói chuyện, tạm thời không thể gặp mặt.

Tư Mã Khôi từ khi mưu sinh ở khu Hắc Ốc đã sớm thấu hiểu sự nham hiểm của thế nhân, nên không thể không đề phòng kẻ khác. Càng

ngẫm nghĩ câu chuyện của Tiền Bảo Sơn, anh càng thấy bên trong có gì không ổn, nên thầm nghĩ: “Gã ta tự xưng là thành viên bị mất tích của quân Đồng minh, cứ tưởng bịa chuyện ma như thể Robison Crusoe một mình giữa đảo hoang, là có thể hù dọa được ông mày sao? Trong đường hầm chẳng có ác ma thì thôi, chứ nếu quả thực có ác ma tồn tại, thì tuyệt đối cũng chính là mi, kẻ may mắn sống sót thứ năm!”

Tư Mã Khôi cẩn thận xem lại cuốn nhật ký của ông Từ Bình An, bên trong có ghi chép rất nhiều tư liệu liên quan đến quá trình xây dựng đường bộ trong núi Dã Nhân của đoàn lính công trình độc lập tác chiến thứ sáu. Anh lại phát hiện những lời kể của Tiền Bảo Sơn có lẽ nửa thực nửa hư, bên trong nhất định có phần thực, ví dụ như truyền thuyết về vua Anagaya và vương triều Chăm Pa, chuyện đoàn vận tải bị sụt xuống cánh rừng rậm dưới lòng đất coi như tương đối đáng tin; nhưng những thông tin liên quan đến thân phận và lai lịch của Tiền Bảo Sơn thì chưa hẳn là thật, rất có thể hấn mạo nhận tên tuổi ai đó.

Những nghi hoặc này đã khiến Tư Mã Khôi cảm thấy vô cùng bất an. Nơi sâu nhất trong sơn cốc núi Dã Nhân vốn dĩ là một không gian hoàn toàn khép kín, phía dưới tòa thành cổ lại là bãi đầm lầy tràn ngập khí mê-tan, nếu chẳng phải chất độc màu da cam khiến Udumbara khô héo, khiến lượng bùn nước trầm tích trên tầng kén bị sụt lở xuống lòng đất, thì không khí trong huyết động và đường hầm căn bản không thể đủ cho một người bình thường sống sót suốt thời gian dài. Ngoại trừ loài thực vật đặc biệt không chịu sự ràng buộc của môi trường như Udumbara, thì trong huyết động chắc chắn không thể xuất hiện bất kỳ loài nấm đất nào, mà điều đáng nghi nhất là đối phương không mang theo máy bộ đàm, cho dù anh ta là lính thông tin, mang chiếc bộ đàm không dây SCR cũ rích từ thời chiến tranh thế giới thứ hai, thì trải qua khoảng thời gian dài đằng đẳng như thế, máy cũng đã sớm hỏng hóc, không thể sử dụng được nữa.

Từ tình hình trên có thể suy đoán: kẻ tự xưng là cựu binh Tiền Bảo Sơn, chắc chắn đang âm mưu che giấu ý đồ gì đó, hơn nữa lại không dám trực diện lộ mặt cho mọi người biết, hành tung lén lút khác thường,

chẳng biết phía dưới chiếc mũ sắt M1 kia, rốt cục ẩn giấu một khuôn mặt như thế nào?

Chương 6

KẺ CẬN KẺ THIÊN QUỐC

Hồi thứ nhất

ĐÁP ÁN THỨ CHÍN

Tiền Bảo Sơn - kẻ may mắn sống sót thứ năm nói với hội Tư Mã Khôi: “Trong đường hầm hình bụng rắn dưới chân tòa tháp cổ... tồn tại ác quỷ.”

Đôi tai Tư Mã Khôi nào phải được làm bằng bông, anh đâu chịu tin mấy lời ma quỷ của hắn, cái câu: “Không được có tâm hại người, nhưng không thể không có tâm phòng người”, chính là đề chỉ lúc này đây. Anh xem xét địa hình trong đường hầm và khẳng định: chắc chắn không một ai có thể sinh tồn lâu dài dưới huyết động cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài, hơn nữa trên cơ thể đối phương lại toát ra mùi tử khí chết chóc không thể che giấu, càng khiến anh lập tức liên tưởng đến Nấm mồ xanh. Tuy rằng giọng nói của hai người này hoàn toàn khác biệt, nhưng giọng nói và thân phận đều có thể nguy tạo, còn câu chuyện xây đường trong núi Dĩ Nhân của đoàn lính công trình tác chiến độc lập thứ sáu, cũng chẳng phải chuyện cơ mật tuyệt đối, nên không hẳn không ai biết tới. Giả sử Nấm mồ xanh như vong hồn kia thực sự tồn tại, sau khi hắn kích nổ bom địa chấn, nhất định cũng sẽ liều mạng tiến vào thành cổ, mà không cần để ý hậu quả, bởi nếu không, tất cả những việc hắn làm trước đây đều trở nên vô nghĩa.

Tư Mã Khôi suy đoán: không thể có thêm kẻ may mắn sống sót nào nữa, nên kẻ tự xưng là quân nhân mất tích Tiền Bảo Sơn có lẽ chính là Nấm mồ xanh, luôn luôn theo dõi hành tung của đội thám hiểm từ bóng tối. Chuyện này còn ẩn chứa rất nhiều uẩn khúc, chỉ e bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra biến cố. Nghĩ đến đây, một dự cảm không lành

đột ngột dội lên, nhưng anh lại nghĩ theo góc độ khác: tạm thời bất luận thân phận thực sự của Tiền Bảo Sơn là gì, nếu khi này chẳng phải hắn ta đã sử dụng pháo tín hiệu để dẫn mọi người vào đường hầm, thì bốn người bọn ta đã sớm chết trong sương mù từ khuya rồi. Xem ra tạm thời hắn chưa muốn giết người diệt khẩu, mà chắc hắn còn che giấu ý đồ gì khác... Thế là anh giả bộ tin tưởng, đồng cảm với Tiền Bảo Sơn, đoạn nói: “Đường đời vốn dĩ khúc khuỷu khó đi vậy đấy, huống hồ lại đi nhầm đường, bị nhốt ở nơi quái quỷ này mấy chục năm, nghĩ cũng đáng thương cho ông anh thật. Có điều, khi xưa Khương Tử Nha tám mươi tuổi vẫn ngồi bên bờ sông Vị câu cá, mãi khi tương ngộ với Tây Bá Cơ Xương, ông ta mới được đón lên xe về cung, bái làm thầy, mới dẫn binh thảo phạt nhà Thương, định ra cơ nghiệp tám trăm năm của nhà Chu. Thế mới thấy, kỳ ngộ trong cuộc đời chẳng hề phân biệt sớm muộn đâu anh bạn ạ.”

Tiền Bảo Sơn nghe xong, chỉ co người lại sau tượng đá thờ dài một tiếng, mà chẳng tiếp lời, liền sau đó định dẫn mọi người đi vào đường hầm dưới thành cổ.

Tư Mã Khôi có ý thăm dò, anh vòng vo mấy câu, nhằm tìm manh mối, thấy Tiền Bảo Sơn định đứng dậy khởi hành, liền vội bảo: “Ông anh chậm bước một lát, trước khi chúng ta xuất phát, tôi muốn nhìn rõ mặt ông anh cái đã, ông anh cũng chẳng cần đa nghi làm gì, tôi làm vậy tuyệt đối chẳng có ý gì khác, chỉ là nhất thời hiếu kỳ mà thôi, bởi vì nghe nói những người quanh năm không ăn muối, toàn thân sẽ mọc lông trắng.” Tư Mã Khôi nhớ lại bộ phim “Cô gái tóc bạc” từng xem khi trước, mà nguyên tác của nó dựa vào truyền thuyết dân gian: “Cô tiên tóc bạc” của khu vực Sơn Tây, Sát Ha Nhĩ, Hà Bắc, sau này được cải biên dựng thành phim. Cô gái tên là Dương Hỉ Nhi bị địa chủ bức phải trốn vào núi sâu, lấy nước suối, quả rừng và đồ cúng lễ ăn trộm trong miếu thổ địa làm thức ăn sống qua ngày, rồi ngày qua tháng lại, mái tóc xanh trên đầu dần dần trở nên trắng toát; bởi tục truyền, những người không ăn muối đều bị như vậy. Tư Mã Khôi cũng không biết điều này là thật hay giả, nhưng mặc kệ nó thế nào, anh cũng chỉ muốn mượn cớ để xem rõ khuôn mặt thật sự giấu kỹ dưới chiếc mũ sắt của Tiền Bảo Sơn mà

thôi; kỳ thực chỉ cần anh ta nhắm chặt mắt lại, ở khoảng cách xa thế này, cho dù có bị đèn pin chiếu một chút thì cũng chẳng hề hấn gì.

Ba người còn lại, mỗi người đều có mỗi lo riêng, nếu Tiền Bảo Sơn quả thực là Năm mồ xanh, thì lỡ nhẹ dạ tin lời đối phương, nhất định sẽ rơi vào miền đất vạn kiếp không thể siêu sinh, nhưng đối phương lại nói năng trơn tru, chẳng hề sơ hở nửa lời, nên trước mắt căn bản không thể phân biệt được thật giả; lúc này nghe Tư Mã Khôi nói, đúng là đã khiến Tiền Bảo Sơn không còn đường lui mà thoái thác, nên bọn họ đều ngậm gật đầu.

Tiền Bảo Sơn dường như không ngờ đến tình tiết ấy, kết quả gã cũng chẳng tìm được có gì từ chối, nên phủ phục sau tượng đá im lặng hồi lâu chẳng đáp lời, rồi mãi sau mới lên tiếng thừa nhận lúc trước đúng là mình có ý che giấu, nhưng không hề mang ác ý, mà chỉ là một vài chuyện thực sự rất đáng sợ, nếu nói tuột chân tướng, có khi mọi việc sẽ càng tệ hơn...

Tư Mã Khôi đang định hỏi tiếp, đột nhiên thấy các bức tường đá xung quanh rung chuyển mãnh liệt, gan bàn chân tê rần, mọi người vội vàng trèo lên mình tượng đá. Mặt đất rung chuyển kéo dài chừng nửa phút, sau đó lại trở về bình thường, nhưng ở hướng lối vào, không ngừng vọng tới âm thanh như thể đá vỡ rơi xuống nước, ngoài ra gã Tiền Bảo Sơn trốn ở đường hầm phía đối diện cũng tự dưng bốc hơi biến mất dạng.

Mọi người đành giơ cao đèn pin lên soi, hàng tượng đá sừng sững quỳ dưới đất trong bóng tối vẫn còn đó, chỉ duy bóng dáng đội mũ sắt là chẳng thấy đâu. Vì sự hạn chế của địa hình, nên mọi người cũng không có cách nào sang bờ đối diện để truy rõ trắng đen, Tuyết thấy lạ hỏi: “Kẻ chúng ta vừa gặp rốt cục là người hay...”

Tư Mã Khôi cau mày, nói với ba người: “Trước tiên chẳng cần quan tâm gã cự binh đó là người hay ma, gã từng nói với chúng ta, phía dưới lòng đất là đầm lầy rộng lớn, việc này chắc là sự thật. Tuy Udumbara đã hồi sinh trở lại, nhưng bom địa chấn và chất độc màu da

cam thì vẫn phá hủy kết cấu núi Dã Nhân ở một mức độ nhất định; còn địa chấn khi này có lẽ là do tòa thành cổ tiếp tục lún xuống tạo ra. Nếu đường hầm bị sụt lở nghiêm trọng, bất kể sương mù hay khí mê-tan trào ra, thì chúng ta cũng chẳng thể đương đầu nổi.”

Hải ngọng nghe xong, kinh hãi nói: “Như thế chúng ta khác gì gà rơi vào nồi nước sôi, giãy giụa sống chết thế nào cũng chẳng nhào ra được?” Nói đoạn, anh liền lớn tiếng mắng chửi thậm tệ: “Tớ thấy cái tên họ Tiền kia chắc chắn chẳng phải tên tốt đẹp gì, làm sao có thể tin lời ma quỷ của gã? Gã tự mình biến mất lại càng hay, tục ngữ nói: ‘Bớt một bát hương, ít một con ma’, chúng ta càng đỡ phải nom nớp đề phòng, có gã, lòng dạ chẳng được một phút yên ổn.”

Tư Mã Khôi nhìn trái ngó phải, rồi nói với mọi người: “Gã này có ý ẩn giấu chân tướng, chẳng hiểu định giở trò quỷ gì. Nhưng mọi chuyện xảy ra trong núi Dã Nhân, đều liên quan đến bí mật mà vua Chăm Pa vùi chôn ở nơi sâu nhất trong tòa thành cổ, nên chúng ta buộc phải liều chết tiến vào làm rõ sự tình, mới mong tìm ra cách giải quyết.”

Mọi người đều cảm thấy lời Tư Mã Khôi nói rất phải, cả tòa thành cổ đều bị sương mù bao vây, sơn cốc núi Dã Nhân vốn dĩ chẳng hề tồn tại một nơi nào an toàn tuyệt đối, nên tiếp tục lưu lại đường hầm cũng rất nguy hiểm, chỉ còn có cách biến nguy thành an. Thế là, cả hội bèn men theo bệ đá, tiếp tục tiến sâu vào trong, đi thêm một đoạn nữa, thì gặp một dải sụt lún nằm vuông góc với đường hầm, tạo ra một không gian khoáng đạt hình chữ “T”.

Hình dáng ban đầu của nó đã sớm chẳng thể nhận ra, chỉ thấy bên trong bức tường đồ nát xung quanh lộ ra từng tầng đá đen ngòm, góc rẽ của Udumbara cũng bắt đầu khởi nguồn từ đây. Những chiếc rễ còn to hơn cả thân cây, phẳng phất tựa hồ vô số huyết quản, lồi hẳn lên trên bề mặt. Sự xâm thực của thực vật đã khiến tòa thành cổ đá vôi này phải chịu một tác động ngoại lực không nhỏ, tạo ra rất nhiều khe nứt và huyết động chẳng theo quy tắc nào từ bên trong, nhưng quá nửa những khe nứt ấy đều bị tảng đá lớn sụt xuống chặn lại. Trên bức tường đối diện với

đường hầm, tồn tại vô số những huyết động lớn giống như tổ kén, đường kính khoảng trên dưới một mét, mà ánh sáng đèn pin soi không tới đáy.

Lúc này đèn đã hết sạch pin, trong tay bốn người chỉ còn ngọn đèn tiết kiệm điện sử dụng được. Tư Mã Khôi thường đặt mạng sống trên chiến mã, giáp sắt, coi dao súng là bạn, dường như ngày nào cũng “treo sọ ngang thắt lưng quần”, chẳng hề bận tâm đến sự sống chết, nhưng cứ nghĩ phải lạc vào miền đất tối tăm âm u, chẳng nhìn thấy gì, thì trong lòng anh cũng khó tránh khỏi cảm giác ngột thở đến khó chịu. Anh dự định nhân lúc còn nguồn sáng, phải mau chóng hành động, nếu không hoàn cảnh sẽ càng trở nên gian nan hơn. Lặng tai nghe ngóng, thấy gần đó hoàn toàn im ắng, anh bèn dẫn đầu đội thám hiểm, giẫm chân lên tượng đá bị đổ vượt sông, sau đó giơ đèn lên, lần lượt đón ba người còn lại sang.

Bốn người chỉ có thể dựa vào chút ánh sáng yếu ớt của một ngọn đèn, họ biết chỉ cần cách xa một chút là hoàn toàn rơi vào bóng tối đen ngòm, bởi vậy chẳng ai dám lơ là, người nọ bám sát người kia, nửa bước không rời. Đợi khi tất cả đều sang được bờ đối diện, họ soi đèn lên trước, chỉ thấy trong động có một hàng tượng người sơn màu, tướng mạo xấu xí, đáng sợ, vừa đen vừa béo, râu ria xồm xoàm, trang phục quái dị. Mọi người lại nhìn mấy nơi khác thì thấy chỗ nào cũng như vậy, đếm đi đếm lại thấy có tất cả chín bức tượng, được đặt trong hốc đã lõm sâu vào lối tường.

Tư Mã Khôi phát hiện phần tường lõm vào, phía sau thân tượng sơn màu có điểm khác thường, anh liền lại gần quan sát, thì thấy ngoài riềm có vết nứt rất rõ ràng, liền thắc mắc: “Những chỗ này dường như đều là cánh cửa ngầm, hơn nữa còn được sắp xếp theo thể ‘Cửu cung tổng nhiếp’ đời Hán, như vậy thì từ trái qua phải, cửa thứ bảy chắc là cửa sinh thì phải. Có điều không biết vua Chăm Pa có hiểu về lý luận thuật số này không nhỉ?”

Hải ngọng sốt ruột thúc giục: “Nghĩ lắm làm gì cho mệt, nói không chừng người ta cũng từng đến Trung Quốc du học rồi cũng nên, hơn nữa có khi lại còn đào sâu nghiên cứu bộ môn này ấy chứ,” nói xong liền bảo

Tuyệt giơ đèn lên soi, gọi Tư Mã Khôi thò tay giúp sức, bước lên định đẩy bức tượng sơn màu trong hộc đá.

Ngọc Phi Yến vội ngăn lại: “Hai kẻ liều mạng các anh chẳng muốn sống thì chớ, đừng hại chết cả tôi lẫn Tuyệt. Tôi từng thề là mình sẽ chết trong an lành, tôi không muốn nuốt lời... ít nhất không phải hôm nay.” Liền sau đó cô rút cây giáo mở vệt sau lưng ra, vừa bấm lấy một cái, ống ngàm bên trong bật ra. Cô ta lại tiếp lấy ngọn đèn từ tay Tuyệt, treo nó lên đầu mũi giáo như thể người ta treo đèn lồng, giơ tít lên trên cao.

Hội ba người Tư Mã Khôi, Hải ngọng và Tuyệt thuận theo ánh đèn, ngược mắt nhìn, người nào người nấy đều thầm kinh ngạc trong lòng: thì ra phía trên chín cánh cửa ngàm là một bức bích họa lớn, lồi hẳn lên bề mặt tường, trong tranh là hình một con voi trắng, thân voi lấp lánh ánh hào quang phát ra từ châu báu, vàng bạc. Trên lưng voi có một người tay chân rất dài ngồi chễm chệ, người này mình khoác giáp ma, vai đeo trường đao, trang phục lộng lẫy, xung quanh điểm xuyết hoa lá cà độc dược, thần thái giống y như người thật, dường như chỉ cần gọi một cái là có thể từ trong tranh bước ra, kích thích tỷ lệ gấp đôi người thường.

Ngọc Phi Yến di chuyển chùm sáng vào đúng khuôn mặt trên bức bích họa, rồi nói với hội Tư Mã Khôi: “Các anh hãy quan sát kỹ gương mặt này nhé...”

Tư Mã Khôi định thần lại, hai mắt giương to, nhìn chăm chăm hồi lâu, mà vẫn chẳng thể phát hiện ra điểm gì bất thường. So với mấy bức phù điêu đá Chăm Pa đầu thần mặt quỷ kia, thì người cười trên lưng voi mặt mũi lại tròn trịa, hồng hào, toát ra nét đoan trang hiền từ, chẳng khác nào Phật Tổ chuyển thế, chỉ có điều hai mắt người này hơi lồi ra một chút, đỉnh trán rất dài, hai tai rủ xuống khá rộng, môi cực dày. Thần thái, hình ảnh của bức bích họa được điêu khắc sinh động như người sống, khóe miệng khẽ giữ nụ cười mỉm bí ẩn không dễ phát hiện, dường như nụ cười đó mang sự khoan dung vô hạn đối với những tranh chấp bon chen nơi trần thế, tuy hiện rõ nét hòa bình nhân hậu, nhưng cũng thần bí khó lường, khiến người ta chỉ cần nhìn một lần là nhớ mãi.

Tư Mã Khôi nhìn đến đây, tim bỗng nhiên đập thành thịch, thầm nghĩ: “Chẳng biết người được vẽ trên tường đá là nhân vật nào, chứ ngoài đời làm gì có ai giống thế này”. Anh hỏi Ngọc Phi Yến: “Khuôn mặt người này thì có gì hay mà xem?”

Ngọc Phi Yến nói, người Chăm Pa rất coi trọng gương mặt, bởi vậy thần phật trên bức phù điêu vàng được khắc thành muôn hình vạn trạng, dung mạo mỗi bức một khác, trong khi tạo hình của tượng đá và nô lệ bên trong đường hầm thì tất cả chỉ có một tướng mạo. Điều này thể hiện sự khác biệt về thân phận và địa vị của từng tầng lớp trong xã hội thời thượng cổ. Bức bích họa còn sót lại ở lãnh thổ Lào của vương triều Chăm Pa, cũng có vẽ chân dung vua Anagaya. Tương truyền vị vua Chăm Pa này khi sinh ra tướng mạo đã khác thường, khiến người ta không dám trực diện ngược nhìn, dân gian hậu thế gọi ông ta là Bò Tát sống, là người gần kề Thiên quốc nhất. Trong khi đó, dân chúng cùng thời với ông ta, lại căm hận gọi là mặt quỷ hoặc mặt yêu tinh. Đặc trưng nhân vật được vẽ trong bức bích họa rất rõ rệt, chắc chắn đây chính là vua Anagaya - kẻ đã xây dựng tòa thành Nhện Vàng.

La Đại Hải và Tuyết không hiểu cách nói cũ về mấy chuyện tướng thuật, nên chẳng thể giác ngộ sâu xa, chỉ có Tư Mã Khôi am tường cổ pháp Kim điển, cổ pháp Kim điển ngoài môn tướng vật, còn bao hàm thuật tướng người. Phàm dung mạo tướng người, đều là để người ta xem số mệnh; trước tiên phải xem phần đầu, vì đầu mặt là chủ của ngũ tạng, là tôn của bách thể, nên trước hết phải xem khung xương mặt. Người ta nói: “tứ phía tám hướng phải cân đối”, trong đó “tứ phía” có nghĩa, tai trái là phía đông, tai phải là phía tây, mũi là phía nam, gáy là phía bắc. Sau khi xem “tứ phía” phải xem đến “cửu cốt”, cũng chính là xem tất cả hệ thống xương khớp trên cơ thể, rồi cuối cùng mới xem đến mi nhãn, ngũ quan và các thứ khác như minh độ, linh nhạc, u ần, tâm ần, hà nhạc v.v... từ đó có thể suy đoán sự hưng suy của mệnh lý. Nhưng tất cả những thuật số ma quỷ này đều của giới giang hồ, lai lịch thực ít ỏi, nên tuy Tư Mã Khôi cũng am hiểu một chút, nhưng chẳng bao giờ nghiên cứu kỹ lưỡng. Lúc này nghe Ngọc Phi Yến nhắc đến, anh mới phát hiện

thân hình tướng mạo của vua Anagaya đúng là đặc biệt kỳ lạ, trong tướng thuật cổ, căn bản không tồn tại khuôn mặt như vậy.

Tư Mã Khôi lại nhớ đến lúc Ngọc Phi Yến bảo vua Anagaya không phải “người”, bây giờ nhìn lại, anh cảm thấy nói vậy dường như cũng hơi quá lời, cùng lắm thì dung mạo vua Anagaya trên bức bích họa cũng chỉ kỳ dị một chút mà thôi. Dù sao hơn một ngàn năm trước đâu có máy ảnh, nên ai biết dung mạo thực sự của nhà vua có giống y chang bức họa hay không? Những thứ cổ tình phô trương thần thoại này không thể coi là thật được. Nghĩ vậy, anh bèn nói: “Đại khái quan niệm thẩm mỹ của người Chăm Pa là thế này, tay cầm quả trứng lạc đà mà vẫn có thể bảo nó là viên thuốc đông y. Tướng mạo vua Anagaya đối với chúng ta tuy cũng kỳ dị thật, nhưng trong con mắt của người Chăm Pa, thì đó lại là tư thế của long phụng, là gương mặt của trời đất, điều này cũng chẳng có gì đáng phải ngạc nhiên lắm.”

Ngọc Phi Yến nói: “Tôi cũng không biết tướng mạo ngoài đời của vua Anagaya có giống với bức bích họa phù điêu hay không, nhưng anh cứ nhìn vua Anagaya vẽ trên tường mà xem, thân cưỡi chiến tượng, mình khoác giáp trụ, vai đeo trường đao, phía dưới lần lượt có chín vị tôn giả râu ria xồm xoàm quỳ mọp ra đất, chắc đó là chín vị yêu tăng. Cảnh tượng này quả thực đã từng diễn ra vào thời cổ, ngay cả sử sách Trung Hoa cũng ghi chép sự việc đó.”

Theo ghi chép trong cuốn: “Chân Lạp phong thổ ký”, ngày trước nước Chăm Pa vì chuyện diệt Phật mà giao đấu với kẻ địch, chém đầu vô số, đồng thời bắt được chín vị yêu tăng đến từ Thổ Phồn, dẫn đến trước kiệu vua, vua hỏi chúng tăng: “Từng nghe trình độ tu luyện của các vị đã đạt đến độ cao thâm, không biết các vị có tường tận chuyện quá khứ tương lai?” Chúng tăng đáp: “Chúng tôi khác với những kẻ phạm tục, có thể biết chuyện quá khứ, tương lai.”

Vua không biến sắc mặt, liền hỏi một vị trong đó: “Đã biết chuyện tương lai, vậy chẳng hay có biết hôm nay ngài phải chết hay không?” Tăng nhân này trả lời: “Không chết.” Vua Chăm Pa liền ra lệnh cho thị vệ lập tức trảm đầu ngay trước mũi voi, rồi lại hỏi vị tăng nhân thứ hai:

“Hôm nay ngài phải chết hay không?” Người thứ hai cũng đáp: “Không chết,” thế là cũng bị chém phăng thủ cấp. Vua lại hỏi người thứ ba, vị tăng nhân này rút ra bài học, cho rằng vua Chăm Pa cố tình khiến bọn họ đoán không trúng, nên đáp: “Hôm nay tất sẽ chết.” Chẳng ngờ vua Chăm Pa lại nói: “Lời ngài rất chuẩn, vậy thì trăm sẽ tiễn ngài về thế giới cực lạc Tây phương,” kết quả vị tăng nhân đến từ Thổ Phồn cũng bị chém đầu tại trận.

Vua Anagaya lại tiếp tục hỏi lần lượt những vị còn lại cùng một câu hỏi như vậy. Vị tăng thứ tư bị ép đến chẳng biết làm thế nào, đành trả lời: “Không biết,” vua cười nhạt, lập tức ra lệnh xử tử. Vị tăng nhân thứ năm hơi giảo hoạt một chút, nghĩ đi nghĩ lại, bèn trả lời: “Chết là tại phật pháp bất linh, không chết là tại vương pháp bất hành.” Vua Chăm Pa nổi cơn thịnh nộ, quát lớn: “Đồ chuột thối, yêu pháp nhà mi mà dám so sánh với vương pháp của ta sao?” Rồi vua hắng giọng một tiếng ra lệnh xử trăm tức thì. Vị tăng thứ sáu ngấm ngầm thăm dò ý nhà vua, ra giọng thỏa hiệp, thưa: “Hôm nay có thể chết, cũng có thể không chết, chết hay không chết, tất cả đều do số phận.” Vua Chăm Pa giận dữ mắng: “Mi đúng là hạng dao nhọn hai đầu, tội ác tày đình, lập tức phanh thây trăm mảnh,” nói xong, nhà vua liền tự tay vung dao xẻ thịt. Vị tăng thứ bảy, thứ tám đã sớm thất kinh, hồn lìa khỏi xác, bị hỏi đến chẳng biết trả lời làm sao, đương nhiên không tránh khỏi họa dao chém. Đến lượt vị tăng nhân thứ chín, ông chỉ nói một câu, vậy mà lại khiến vua Chăm Pa hạ đao dừng hình.

Hồi thứ hai

NĂM MÒ XANH

Vị tăng nhân cuối cùng khoan thai, chậm rãi trả lời: “Chết là bởi uy của quân vương, không chết là bởi ân của quân vương.” Vua Chăm Pa nghe xong thì bật cười ha hả, hạ đao không tiếp tục xử phạt nữa, chừa lại mạng sống cho vị tăng nhân thứ chín, lại xây tháp cho ông vùi xương, sau đó hủy đi đôi mắt, dùng xích sắt trói lại, giam cầm ông trong địa cung dưới đáy tháp.

Hội Tư Mã Khôi nghe xong đều cảm thấy cứng lưỡi vì khiếp sợ: “Vua Anagaya đúng là thủ đoạn quá tàn độc, giết người như trò chơi; trộm nghĩ người này tự cao tự phụ, trừng phạt quá dã man, lại xa hoa vô độ, chỉ e bản thân ông ta sau này sẽ chẳng gặp kết cục gì tốt đẹp!” Vừa nghĩ vừa thán phục kiến thức uyên bác của Ngọc Phi Yến, ba người cùng cảm thấy cô nàng quả thực có vài điểm hơn người.

Ngọc Phi Yến nói: “Tuy tôi không biết trong thành cổ dưới lòng đất núi Dã Nhân rốt cục cất giấu bí mật gì, nhưng bức bích họa này quả thực mô tả cảnh tượng vua Chăm Pa giết tăng diệt Phật, tám người trong đoàn chín vị tăng Thổ Phồn đều bị hại, chỉ có một người sống sót, bởi vậy trong chín cánh cửa ngầm, chắc chỉ có một cửa sinh, nếu ẩn nấp bộ phận khởi động, chắc chắn sẽ gặp rắc rối to.”

Tư Mã Khôi là người cơ trí, anh ngẫm nghĩ một chút, nghe Ngọc Phi Yến kể sự tích vẽ trên bức bích họa, là hiểu ngay hàm ý của nó, liền lần mò thò tay vào sờ, quả nhiên có một tượng đá trong huyết động ở tình trạng bị giam cầm, có điều tượng đá này quá nặng, dường như cấm

rẽ xuống đất vậy, không có lực khoảng mấy trăm cân thì không thể xô dịch nổi, càng không biết nên đẩy hay nên xoay. Tư Mã Khôi dẫn đo suy tính kỹ lại thì phát hiện đôi mắt của tượng đá vẫn chưa bị hủy, bèn thử lấy ngón tay ấn ngược vào trong, nào ngờ chỉ khẽ chạm một cái nó đã hơi dịch chuyển, liền phát hiện con người trái của tượng đá hơi thụt vào, nhưng khi bỏ tay ra, nó lại chạy về vị trí ban đầu, thì ra tượng đá rỗng ruột, phía trong có cái đặt hệ thống đóng mở. Anh lại dùng tay cùng lúc ấn vào hai bên mắt thì chỉ nghe một tiếng động “ầm ầm” vang lên, bức tường phía dưới bích họa vẽ vua Chăm Pa liền tách ra một khe hở rồi ngay sau đó lại lộ ra một cánh cửa đá kiên cố dày nặng và khá thấp.

Mọi người phát hiện vua Chăm Pa trong bức bích họa ngạo nghễ trên cao, muốn đi vào nơi sâu nhất của thành cổ, thì chỉ còn cách đi qua cánh cửa đá nhỏ hẹp lùn thấp dưới chân ông ta, hơn nữa, còn bắt buộc phải cong lưng cúi đầu như mèo thì mới chui qua được; trong lòng ai nấy đều không ngừng chửi thề, chỉ muốn phá nát bức bích họa cho hả giận. Thế nhưng chợt nghĩ, ắc quy ngọn đèn tiết kiệm điện sắp cạn kiệt, buộc phải tìm thấy lối ra trước khi không gian xung quanh hoàn toàn chìm vào bóng tối, nên chẳng ai còn thời gian để ý tới nó làm gì. Nào ngờ, cánh cửa đá đóng mở rất kiên cố, có lẽ hàng ngàn năm chưa được mở ra, bốn người gắng sức cùng nhau đẩy thật mạnh, đẩy đến nỗi eo nhức vai tê, thì mới đẩy được nửa bức tường, vừa vắn đủ cho một người chui lọt. Bên trong phía sau cánh cửa đá tối om om, dường như còn có một khoảng không gian khá lớn.

Căn cứ vào những gì mọi người được nghe thấy, nhìn thấy, thì thực sự không thể suy đoán tòa thành cổ này rốt cục tồn tại thứ gì. Vô số bích họa và phù điêu ở đây, bức nào cũng tinh xảo tuyệt luân, kỹ thuật bồi phần điêu luyện, sức tưởng tượng cực kỳ phong phú, quy mô hoành tráng và kết cấu kỳ dị, đã khiến người ta không thể tin nổi. Dù trải qua hàng ngàn năm, chúng vẫn im lìm bất động dưới lòng đất, dường như tất cả chúng đều không phải là sản phẩm được tạo ra bởi bàn tay con người, nên trong mắt bọn họ, giờ đây mỗi một tảng đá đều chứa đầy ẩn số.

Ngọc Phi Yến không dám liều lĩnh xông vào, cô lấy đèn soi nhìn một hồi, nhưng trước mắt chỉ thấy một màu đen chứ nào nhìn thấy thứ gì. Nếu cả tòa thành Nhện Vàng chỉ là một con đường độc đạo, thì có lẽ tiến lên một bước, là thu ngắn khoảng cách với cái chết lại một bước.

Đúng lúc mọi người đang dồn sự chú ý tập trung vào nơi sâu sau cánh cửa đá, thì Tư Mã Khôi nghe thấy có một âm thanh rất nhỏ vọng lại từ nơi xa, dường như có vật gì đó vừa chạm vào mặt nước phẳng lặng. Anh giả vờ không hề hay biết, chỉ liếc mắt nhìn trộm qua đó, lúc này ở lâu trong môi trường thiếu ánh sáng, mắt anh đã khá quen với bóng tối, thêm vào đó dưới bùn lầy nước tù, có chứa loại khoáng vật lân tinh, nên thỉnh thoảng lại lóe lên những đốm lửa ma trời chập chờn. Bởi vậy, cho dù không gian đen ngòm một khối, nhưng chỉ cần không có sương mù, chẳng cần mượn ánh sáng của ngọn đèn, anh vẫn có thể lờ mờ nhìn thấy hình khối của vật thể gần đó. Tư Mã Khôi lặng im quan sát, phát hiện phía sau bức tượng đá đồ nát, tựa hồ mai phục một bóng người, đầu tròn vo như thể đội vỏ dừa, không còn nghi ngờ gì nữa, đó chính là gã Tiền Bảo Sơn - kẻ may mắn sống sót thứ năm, đang đội chiếc mũ sắt M1.

Tư Mã Khôi suy đoán, có lẽ một mình hắn không thể đẩy được cánh cửa đá, nên mới cố tình dẫn dụ mọi người đi vào đường hầm, lúc này nhìn cửa động đã mở, liền tìm cơ hội khễ khàng lén vào trong. Tiền Bảo Sơn lai lịch không rõ ràng, dường như nửa cố ý nửa vô tình giấu giếm giếm điều gì, mà điểm đáng ngờ nhất là hắn không dám để lộ gương mặt thật của mình cho người khác nhìn, nên đã tâm khó lường, chỉ e chẳng phải hạng lương thiện. Cơ hội tóm cổ hồn ma này chỉ cần lơ là một chút là biến mất như chơi, nhưng Tư Mã Khôi làm gì có chuyện dễ dàng chịu bỏ qua, anh lặng lẽ không để phát ra nửa tiếng động nhỏ, nhẹ nhàng rút lui khỏi phạm vi chiếu sáng của ánh đèn, leo lên bức tường đồ nát, lui về sau tìm cách tiếp cận Tiền Bảo Sơn.

Thân thủ Tư Mã Khôi nhanh thoăn thoắt. Trong bóng tối, anh bò ngang qua những bức tường đá hình mặt người đồ nát chẳng còn thể dạng gì, vòng qua dòng nước tù trong đường hầm, lúc hành động hoàn toàn im lìm không một tiếng động. Giới gian tặc lục lâm trước thời Dân

quốc, tương truyền có bốn tuyệt kỹ cái thế, bốn tuyệt kỹ đó lần lượt là: hạt tử bà thành (bọ cạp đào đầu bò tường), khôi tinh thích đầu (sao khuê đá đầu), bát bộ hãn thiềm (tám bước đuổi cóc) và nhị lang đảm sơn (nhị lang gánh núi). Tư Mã Khôi lại là chân truyền của môn tuyệt kỹ: “hạt tử bà thành”, bản lĩnh “tháo ủng ngược” này quả khiến thế tục kinh hãi, trước giờ luôn chiếm ngôi vị nhất tuyệt trong bốn môn tuyệt kỹ, vì nó được đặt tên theo tư thế di chuyển thần tốc mà quái dị. Tiền Bảo Sơn trốn sau lưng tượng đá, đang dồn toàn bộ tâm trí vào việc nhìn trộm cánh cửa đá, đột nhiên phát hiện thấy tình hình bất ổn, nên không khỏi bội phần kinh ngạc; hắn càng chẳng ngờ Tư Mã Khôi lại đến nhanh thế, khiến miệng chỉ kịp thốt lên “Á” một tiếng rất khẽ, rồi lên người ra sau chạy trốn.

Tư Mã Khôi vốn dĩ định sẽ ra tay tóm gọn đôi phương, nhân lúc hắn không ngờ đến, để xem rốt cục hắn là quái nhân phương nào; lúc này nghe một tiếng la khẽ vọt ra từ miệng Tiền Bảo Sơn, âm thanh tuy rất nhỏ và gấp, nhưng với anh chẳng khác nào tiếng pháo nổ giữa trời đêm. Bởi vì, giọng nói của người này, hoàn toàn trùng khớp với ngữ âm bí mật phát ra từ chiếc máy ghi âm, lúc đoàn thám hiểm phát hiện bom địa chấn trong chiếc tiêm kích vận tải. Chuỗi âm thanh giống như tạp âm hình thành do điện từ nhiễu loạn, vừa cứng ngắt vừa khô gầy, âm thanh đó đã sớm ghi sâu vào trí nhớ Tư Mã Khôi, bây giờ cuối cùng anh cũng có thể xác định: Tiền Bảo Sơn chính là Năm mò xanh với lai lịch ly kỳ bất minh kia.

Từ khi bắt đầu nghe băng ghi âm trong khoang máy bay, Tư Mã Khôi cứ mãi băn khoăn vì không thể xác định Năm mò xanh giống như vong hồn kia có tồn tại thực sự hay không, bởi vì chỉ nghe thấy âm thanh mà không thấy hình ảnh, nên khi hành động cũng chịu sự hạn chế. Chỉ khổ một nỗi vì chẳng tìm ra kế sách gì, anh đành phải nhẫn nhịn lặng im, mãi đến giờ phút này mới nước chảy đá lộ. Anh nghĩ mọi cảnh ngộ giống như cơn ác mộng, từ khi đoàn thám hiểm vào núi đến nay, cái chết thê thảm của Karaweik và gã Gấu trắng Ciglovaski, vết bỏng hóa học nghiêm trọng mà những kẻ sống sót còn lại phải mang trên mình, tất cả đều do Năm mò xanh mà ra. Trong lòng anh phút chốc trào lên luồng sát

khí, ý muốn giết người ngùn ngụt dâng cao không thể nào cưỡng chế nổi, anh không muốn để hấn sống sót, thế là bèn chĩa súng từ trên tường cao xuống, bóp cò nổ súng liên tiếp mấy phát.

Đạn súng sớm đã được Tư Mã Khôi lên nòng, hòng súng vừa giơ lên, một loạt đạn đã vun vút lao ra. Loại súng xung phong do Liên Xô chế tạo, vừa có thể làm súng ngắn, vừa có thể làm súng xung phong, nên bắn liên thanh cũng chẳng hề gì, nhưng dưới tình trạng chưa kịp chuẩn bị tư thế thì xác suất bắn trúng cũng khó lòng đảm bảo. Có điều, cự ly giữa anh và Năm mồ xanh rất gần, từng loạt đạn bao trùm khắp đầu mặt như thế, thì chí ít cũng phải có hai ba viên bay trúng mục tiêu.

Năm mồ xanh thấy tung tích của mình đã bị bại lộ, liền vội vàng nhanh chân chạy trốn, nhưng vẫn chậm mất nửa bước. Chiếc mũ sắt M1 lăn lông lốc xuống đất giữa lúc hoảng loạn, liền theo đó một viên đạn xuyên thẳng vào huyệt thái dương làm hấn ngã gục ngay tại trận.

Tư Mã Khôi chỉ sợ đối phương vẫn chưa chết hẳn, đang định vùng lên bắn thêm hai phát nữa, nhưng bỗng nhiên một cơn gió mang theo mùi tanh tươi chọt ào đến. Thì ra lũ cá sấu đang săn mồi dưới đầm lầy bỗng chốc phi vọt lên, há to cái miệng đỏ lòm như máu ra đón mồi. Anh vì mãi tán công Năm mồ xanh mà quên mất việc đề phòng lũ cá sấu mai phục dưới đường hầm đang lặng lẽ đến gần, lúc này có tránh cũng không kịp, đành nhắm mắt chờ chết.

Ba người Hải ngọng, Tuyết và Ngọc Phi Yên, đều không thể tưởng tượng Tư Mã Khôi nói ra tay là lập tức ra tay, đợi khi bọn họ kịp phản ứng lại, thì đã nhìn thấy Tiền Bảo Sơn đổ gục tại trận trong tiếng súng nổ, đồng thời còn nhìn thấy một con cá sấu đang lao mình lên. Ba người còn lại cũng rất nhanh tay nhanh mắt, vội vàng bắn loạn xạ một loạt đạn, khiến con cá sấu đang chơi vơi giữa không trung lập tức bị bắn tan xác pháo, xác nặng nề rơi tõm xuống nước. Tuyết lại ném thêm hai quả lựu đạn phốt pho, khói lửa bùng rất khiến những con cá sấu còn lại gần đó cũng vội vàng rủ nhau rút lui.

Tư Mã Khôi mãi mê tránh né cá sấu, chân tay không kịp bám vào vết lõm trên bức tường đổ nát, nên rơi tõm xuống dòng nước, may mà phía dưới toàn bùn đất, nên mới không bị ngã vỡ sọ. Hội Tuyệt lo lắng sau khi khói lửa của lựu đạn phốt pho tan hết, lũ cá sấu lại kéo đến, nên vội vàng chạy tới tiếp ứng, kéo Tư Mã Khôi lên bờ.

Bốn người chưa kịp mở miệng ra nói lời nào, thì nhìn thấy một người bò ra từ màn khói dày đặc mù mịt. Ánh sáng phản chiếu chói lòa, soi rõ thân hình kẻ đó như một hồn ma, chẳng ngờ đó chính là Năm mò xanh vừa bị Tư Mã Khôi dùng súng bắn chết. Tư Mã Khôi cho dù là người có khả năng luôn trấn tĩnh trước mọi điều bất ngờ, mà vẫn không khỏi gai lạnh toàn thân: “Năm mò xanh vừa bị bắn chết, chí ít cũng bị một viên đạn xuyên qua đầu, óc não cũng chảy cả ra, mà sao hắn vẫn có thể bò dậy được? Trừ khi hắn không phải người sống, nhưng người chết thì thi thể thẳng đuốn, cứng ngắc, làm sao có thể đi lại và nói chuyện, còn nếu hắn là vong linh thì sẽ không có bóng in dưới ánh đèn mới phải...”

Tư Mã Khôi cứng miệng chửi một câu: “Mày không nhân cơ hội này mà sớm ưỡn xác ra đi, còn lồm ngồm bò dậy làm gì?” Trong tay bốn người lúc này đều có vũ khí, họ bèn giơ súng lên, hòng súng đen ngòm chĩa thẳng vào Năm mò xanh, đang định bóp cò, thì thấy đối phương từ từ ngẩng đầu lên. Lần này, nhờ có ánh sáng trắng xóa của lựu đạn phốt pho đang đốt cháy, nên mọi người có thể mặt đối mặt nhìn rõ môn một đối phương, nhưng chỉ là vừa nhìn một cái, thì dường như cả hội đang trải qua một thời khắc khủng khiếp nhất trong cuộc đời, khiến hai hàm răng họ lập cập va vào nhau, ngón tay họ cứng lại không thể nào bóp cò, họ khiếp sợ đến nỗi toàn thân như cứng lại.

Tình hình lúc này là hội Tư Mã Khôi phục dưới đường hầm, mượn ánh sáng của lựu đạn phốt pho bốc cháy, thấy Năm mò xanh đột ngột bò dậy từ đám khói. Tuy khoảng cách không gần lắm, nhưng sau khi chiếc mũ sắt M1 của đối phương rơi xuống đất, cũng vừa lúc khiến khuôn mặt giấu kỹ dưới chiếc mũ lộ ra, đủ cho mọi người nhìn rõ đến mức không thể rõ hơn được nữa, chỉ thấy đôi mắt hắn hơi lồi ra, đỉnh trán rất dài, đôi

tai rủ xuống khá rộng, môi cực dày, bị ánh sáng trắng xóa phản chiếu trông càng trắng bệch, chẳng hề có chút thần sắc của con người, trong hai hốc mắt xám xịt mờ hồ, chẳng hề có chút sinh khí mà người sống lẽ ra đều có.

Lúc này Tư Mã Khôi có thể xác định chắc chắn: người này chính là Năm mồ xanh, nhưng không ngờ đối phương sau khi bị đạn xuyên qua não, mà thi thể vẫn có thể đi lại như thường, hơn nữa chẳng ai có thể ngờ khuôn mặt của Năm mồ xanh lại có bộ dạng như vậy, chẳng lẽ vua Chăm Pa đã chết từ hàng ngàn năm trước... lại từ quan tài hoặc từ trên bức bích họa, nhảy vọt ra?

Nghe nói vua Chăm Pa Anagaya bẩm sinh đã có tướng mạo khác thường, được hậu thế mệnh danh là Thiên Bồ Tát, đại ý chỉ tướng mạo của vua Chăm Pa khác biệt quá lớn với người thường, vì khuôn mặt ông ta cũng chẳng phải loại xấu xí, khó nhìn gì, cùng lắm chỉ là hơi quái dị, ly kỳ, phảng phất như hình thần phật trong tôn giáo cổ đại. Thần tượng vẽ trên một số bức phù điêu hay bích họa tuy rằng vẫn chỉ một mũi, hai mắt, chẳng mọc thêm thứ gì khác, nhưng vẫn nổi bật sự khác biệt so với hàng phàm phu tục tử. Trong lúc chế tác, người thợ thường tăng thêm vài nét đặc trưng thể hiện khí chất một cách khoa trương, nên nếu đột nhiên những bức tượng đó biến hóa thành người thật, sống sò sò hiện ra trước mắt, thì ai nhìn cũng phải lạnh người, và ngay cả dưới ánh sáng ban ngày họ cũng sợ muốn chết, huống hồ, sự việc ấy lại diễn ra trong đường hầm thành cổ tối om âm u lạnh lẽo.

Khoảnh khắc mà hội Tư Mã Khôi nhìn thấy khuôn mặt của Năm mồ xanh, ai nấy đều cảm thấy tim mình như một khối thủy tinh vừa bị chấn động đến vỡ vụn, làm chân tay họ không nghe sai khiến, da đầu họ tê dại tựa hồ có một luồng điện kích qua; họ chỉ nghe cái xác cổ ấy phát ra những tiếng “ùng ục” trong cổ họng, rồi hấn nhật cái mũi sắt rơi trên đất, nhanh chóng bò về phía cánh cửa đá.

Hồi thứ ba

QUỐC VƯƠNG CHĂM PA

Mọi người chỉ cảm thấy người lạnh buốt kinh hãi, da thịt như co rút, dưới chân như đổ nhựa đường, chẳng thể nào nhúc nhích nổi, mắt họ chăm chăm nhìn Năm mồ xanh, hoặc có thể nói: nhìn vua Chăm Pa đã chết từ hàng ngàn năm trước, hấn lên vào cửa đá phía sau họ, rồi từ đó mất hút trong bóng tối.

Hải ngọng ra sức dụi mắt: “Chẳng lẽ, mẹ nó chứ, tớ bị hoa mắt à, các cậu có nhìn thấy gì không? Khi này là người cổ đại kia nhảy ra từ bức bích họa...”

Tư Mã Khôi cũng kinh hãi không thốt nên lời: “Sao Năm mồ xanh lại trông giống y như bức vẽ vua Anagaya thế?” Con người dưới vòm trời này, đừng thấy người nào cũng hai cánh tay, hai cẳng chân, mà cho rằng họ đều giống như nhau tuốt tuột, vì họ còn có sự khác biệt của khuôn mặt, bởi mỗi người đều do cha mẹ sinh ra, mà cội nguồn huyết mạch thì đâu chỉ có ngàn dây vạn sợi, nên làm gì có chuyện giống nhau hoàn toàn? Cho dù tướng mạo xem ra có vẻ giống nhau như đúc, nhưng nếu nhìn kỹ, thì vẫn có thể phát hiện ra vài điểm khác nhau, hướng hồ giữa hai thời đại, hai con người chẳng hề can hệ gì, dung mạo lại vô cùng đặc biệt, làm sao có thể giống một cách vô lý đến vậy?

Ngọn lửa do lựu đạn phốt pho sản sinh dần dần suy yếu, bóng đêm không ngừng lấn át những tia sáng còn sót lại trong đường hầm. Tư Mã Khôi thấy ngọn đèn tiết kiệm điện cùng lắm cũng chỉ dùng được khoảng một hai tiếng nữa, nếu bây giờ mà còn chút sợ sệt, khiếp hãi, thì sẽ bị

nhốt đến chết dưới lòng đất tối đen này. Anh nghĩ thầm: “Dù sao sống chết gì cũng chỉ một mạng, hôm nay liều chết xông lên, cho dù thực sự có loài ác ma mượn xác hoàn hồn đi nữa, thì cũng phải nhìn cho rõ nó mới được”. Lập tức, anh liền khoát tay gọi mọi người, xách súng đuổi theo sau.

Hải ngọng thấy Tuyết sợ xanh mặt, liền lên giọng trấn an, giúp cô vững dạ: “Có gì đáng sợ chứ hả? Thằng cha trong tay chúng ta có phải cây gậy đốt lửa đâu, khẩu súng sẵn mà bọn khom Anh dùng đúng là lợi hại lắm đấy, không chỉ nòng ngoại cỡ, khả năng sát thương lớn, mà bề mặt bao phủ của đạn cũng rất rộng, chỉ cần ‘bòm’ một cái, ngay cả tê giác cũng chẳng chống đỡ nổi, ban này chỉ vì tôi chưa quét sạch ranh giới ngấm bẩn, vì sợ sát thương nhầm mọi người, chứ không thì đã sớm bắn nó tan xác...” nói xong liền cùng Tuyết kẻ trước người sau chui vào cửa đá.

Ngọc Phi Yến thấy hành động của ba kẻ liều mạng, trong lòng nghĩ chắc họ đã phát điên. Cô ta hơi do dự một chút, nhưng vì sợ một mình ở lại đường hầm tối đen như mực, biết đâu sẽ xảy ra bất trắc, thế là đành cắn răng cắn lợi, theo chân hội Tư Mã Khôi.

Mọi người đều biết phía trước tất có nguy hiểm, bởi vậy thần kinh người nào cũng căng thẳng, im tiếng nín hơi. Vừa chui qua cửa đá, họ bèn tựa lưng vào vách, rồi ai nấy giơ súng cảnh giới, chuẩn bị tâm lí sẵn sàng đối mặt với cái chết. Vậy mà trong bóng tối, tất cả vẫn yên ắng đến kỳ lạ, chỉ nghe phía xa lờ mờ có tiếng nước chảy, dường như dòng suối tồn tại ở đâu đây, ngoài ra chẳng còn thứ âm thanh gì khác. Trong khi đó, Nấm mồ xanh lên trón vào đây cũng chẳng thấy xuất hiện, ánh đèn chỉ soi sáng ở khoảng cách chừng năm sáu mét, nên căn bản không thể phán đoán bản thân đang đứng ở vị trí nào.

Tư Mã Khôi lo lũ cá sấu trong đường hầm bám đuôi theo, nên đợi khi ba người còn lại vào hết, anh liền đóng cửa đá lại, và đồng thời cũng phát hiện phía sau cánh cửa có một bức phù điêu. Bức phù điêu vẽ con mãng xà trắng bập bênh trên mặt biển sóng to gầm gào, vua Chăm Pa

nằm nghiêng trên lưng rắn, dưới chân là hai nô lệ quỳ bưng hai cây nến to, ngẩng mặt lên lại có một tòa bảo tháp chín tầng.

Tư Mã Khôi chỉ đưa mắt nhìn qua bức phù điêu trên tường, nên nhất thời khó lòng giải mã được hàm ý ẩn chứa bên trong, sau đó anh liền nhờ ánh sáng yếu ớt mờ tối mà quan sát địa hình xung quanh, và chỉ thấy vách tường đá kín mít, thân tường được xếp chồng bởi vô số viên đá tạc hình mặt người, dày chi chút. Những khuôn mặt lạnh lùng, cứng nhắc ấy, càng tôn thêm vẻ thần bí và đáng sợ của vương quyền. Rất nhiều châu báu ngọc ngà rơi vãi rải rác khắp mặt đất, từ những bức thần tượng được đúc bằng vàng cho đến những tượng đầu người chạm trổ các loại đá quý, khi bị ánh đèn chiếu vào, nó đều tỏa ra thứ hào quang kỳ dị.

Mọi người đã tận mắt nhìn Năm mồ xanh trốn vào trong thạch thất, nhưng khi bám theo hắn, thì lại chẳng thấy gì, nên có cảm giác nơi đây tựa hồ một khoảng không gian thâm u cực độ. Tư Mã Khôi đang định xách đèn thăm dò từng nơi, thì ánh sáng trong thân đèn đột nhiên vụt tắt, gõ đập thế nào cũng không sáng lại, không hiểu vì bị hỏng hóc chỗ nào. Bốn phía phút chốc chìm vào bóng tối mênh mang, bóng đèn tuyệt vọng cũng theo đó mà bủa vây tâm can, Tư Mã Khôi âm thầm than vãn, sao đúng lúc này đèn lại hỏng được nhỉ, thật chẳng khác nào gặp được gió thì thuyền lại gãy mái chèo, đến bờ vực thẳm thì ngựa đứt dây cương.

Bên người Hải ngọng còn có một quả lựu đạn phốt pho nữa, nếu lợi dụng nó để phát sáng, đại khái có thể duy trì trong vòng mười phút gì đó; nhưng chưa đến thời khắc cuối cùng thì chẳng ai dám nỡ mang nó ra sử dụng. Bốn người rơi vào bóng tối, mắt không nhìn thấy bất kỳ vật gì, họ đành liều chết dùng chân sát vách tường, thứ nhất là để nghỉ ngơi chốc lát, bàn bạc đối sách; thứ hai là để sửa đèn, ngọn đèn này không giống hết pin, rất có khả năng là đứt dây hay chạm mạch gì đó, vì các thiết bị chiếu sáng mà đội thám hiểm mang theo thường là rất bền, tuyệt đối không dễ hỏng hóc, nếu xuất hiện tình trạng thế này, chỉ cần tháo ra lắp ráp lại, là có thể chiếu sáng được như cũ. Tư Mã Khôi bảo Tuyệt mồm trong bóng tối tháo đèn ra kiểm tra, xem nó có thể sáng lại được hay không.

Tur Mã Khôi vừa nắm chặt khẩu súng đề phòng bất trắc xuất hiện trong bóng tối, vừa nghĩ lại cảnh ngộ gặp phải lúc trước. Anh vốn dĩ định cài bẫy theo bẫy, tìm cơ hội lật ngược tình thế, biến khách thành chủ trong đường hầm, giải quyết dứt điểm nguy cơ chí mạng luôn luôn mai phục bên mình, vì nếu không, cục diện sẽ bị người khác khống chế mãi mãi không thể xoay chuyển được. Ai mà ngờ được Năm mò xanh ẩn hiện như vong hồn kia, sau khi bị súng xung phong bắn trúng, lại vẫn có thể đi lại như thường; nhưng điều khiến người ta kinh ngạc hơn là, kẻ đó trông giống vua Chăm Pa đã chết từ hàng ngàn năm trước, như thể móc ra từ một khuôn đúc vậy. Những biến cố bất ngờ này đã khiến bốn kẻ may mắn sống sót, một lần nữa lại rơi vào tình thế hoàn toàn bị động.

Tur Mã Khôi không thể nhịn nổi, nghiến răng mắng chửi: “Chẳng lẽ gặp phải xác ướp sống dậy hay sao? Giữa ngày tháng Sáu mà tuyết bay đầy trời, sông Hoàng Hà chín khúc chảy ngược về tây, trong núi Dã Nhân chuyện quái quỷ gì cũng có cả ư?”

Hải ngọng ngán ngẩm nói: “Đã đến nơi sơn cùng thủy tận này rồi, cậu đừng có ngồi lèm bèm làm gì. Có điều, tớ ngẫm mãi vẫn không ra... vị cổ đại trên bức bích họa, vì sao lại đột ngột sống dậy nhỉ? Chuyện này mờ ám, tà ma thế nào ấy, mẹ nó, đúng là nổi hết cả da gà. Năm kia nghe tin Undurkhaan kích gây cát vùi, thất bại thảm hại, tớ đã cảm thấy chuyện này có chút tà tính, muốn không tin cũng không xong.”

Lúc này Tur Mã Khôi mới nhớ ra, anh vẫn chưa kể cho ba người còn lại nghe việc mình đã phát hiện ra chân tướng Tiền Bảo Sơn chính là Năm mò xanh, thế là anh bèn tường thuật tóm tắt một lượt, đồng thời còn nói: Năm mò xanh rất thông thuộc tình hình mất tích của đội vận tải bổ sung, lại nắm bắt được nhiều bí mật trong sơn cốc núi Dã Nhân. Tuy rằng trước đây hắn sử dụng dị thuật để thay đổi giọng điệu, nhưng ngữ khí bản địa chính gốc thì người ngoài không dễ bắt chước được; bởi vậy trước mắt có thể chắc chắn ba điểm liên quan đến tên này: “Thứ nhất, hắn từng là thành viên quân sự lúc quân Đồng minh kháng Nhật ở Miền Điện; hơn nữa, có khả năng quê hắn ở Vân Nam. Thứ hai, hắn là kẻ đầu sỏ đứng sau tám màn Năm mò xanh, thuê đội thám hiểm và vạch kế

hoạch hành động. Thứ ba, tuy lai lịch của hắc bất minh bí ẩn, nhưng chắc chắn rằng không liên quan chút nào đến vương triều Chăm Pa.

Ba người còn lại trước đây đều không hiểu vì sao Tư Mã Khôi đột ngột nổ súng, thì đến lúc này mới bừng tỉnh ngộ. Nhưng đối với chuyện Năm mồ xanh có dung mạo giống vua Anagaya như đúc, thì mọi người vẫn cảm thấy không thể lý giải nổi, bởi chỉ e việc này tuyệt đối không đơn giản là việc hai người giống nhau. Đầu tiên, Năm mồ xanh rất am tường những bí mật của vương triều Chăm Pa chôn giấu trong núi Dã Nhân, vì nếu hắc không dùng pháo phát tín hiệu dẫn đường, thì chẳng ai có thể tìm thấy đường hầm bụng rắn. Kế đó, hắc có thể trốn trong khoang máy bay tiêm kích vận tải, ẩn thân tàng hình ngay trước mắt mọi người. Sau cùng, mọi vết tích trên cơ thể hắc, đều chẳng giống người sống chút nào. Tất cả những điểm này, đều nhằm chứng minh một điều: Năm mồ xanh không phải hậu duệ của vua Chăm Pa, cũng không có việc trùng hợp tương mạo hoàn toàn giữa người thời nay và người cổ đại, mà rất có khả năng bản thân Năm mồ xanh chính là vua Chăm Pa; còn về việc hắc ta là quái vật có thể sống hàng ngàn năm, hay sau khi chết đi đã bị nhập tràng, nhảy ra khỏi quan tài mộ cổ, thì hoàn toàn không thể phán đoán chính xác. Thế nhưng, có thể chắc chắn một điểm, tòa thành bốn triệu bảo tháp ở nơi sâu nhất trong sơn cốc chính là mục tiêu thu hút hắc trở về núi Dã Nhân.

Tư Mã Khôi đầy dạn nghi hỏi: “Tòa thành bốn triệu bảo tháp do vua Chăm Pa bí mật xây dựng, bên ngoài đúc đầy những bức phù điêu vẽ cảnh trời đất, người vật, cỏ cây, chim cá, cây cao núi nhọn, thần phật quý quái, vô cùng vô tận, nhưng bên trong ngoại trừ đường hầm được xếp chồng bởi các thỏi đá tạc hình mặt người, thì chỉ có mỗi gian mật thất rơi vãi đầy vàng bạc châu báu này thôi. Chẳng lẽ đáy tòa thành cổ chính là lăng tẩm dưới lòng đất?” Sau đó, Tư Mã Khôi lại xoay sang hướng khác, vì nghĩ thấy không đúng lắm: “Nếu tòa thành cổ này đúng là một địa cung lăng tẩm, thì thi thể của vua Chăm Pa đáng lẽ phải ở trong quan tài mới phải, chứ không thể cùng đội thám hiểm đi từ ngoài vào.” Trong lòng trăm mối khó gỡ, anh liền quay sang hỏi Ngọc Phi Yến, xem cô ta

còn biết chuyện gì liên quan đến Năm mò xanh và vua Chăm Pa nữa không, và nơi này phải chăng là địa cung mộ cổ?

Ngọc Phi Yến tâm thần còn chưa ổn định trở lại, nói với Tư Mã Khôi: “Lúc trước tôi đã nói với anh rồi đấy thôi, chỗ này chắc chắn không phải là lăng tẩm dưới lòng đất, nếu tôi nhìn nhầm, thì cam tâm móc hai mắt ra cho anh luôn. Còn về Năm mò xanh, tôi chỉ biết đó là kẻ đầu não của một tổ chức tài phiệt, còn cụ thể tình tiết thế nào, thì tôi đều không rõ, có điều là, quả thực từ trước đến nay chưa một ai nhìn thấy gương mặt thật sự của hắn. Chúng ta đã vô tình phát hiện ra bí mật này, thì cho dù có giữ được mạng sống thoát khỏi núi Dã Nhân, cũng vẫn bị người ta giết người diệt khẩu, chỉ e trốn chạy đến chân trời góc biển cũng chẳng thoát nổi...” Rồi trong lòng cô ta đột nhiên nảy ra một ý niệm: Nếu có thể nghĩ cách giải quyết dứt điểm Năm mò xanh, lại có thể giữ được mạng sống ra khỏi đây, thì toàn bộ kho báu của vua Chăm Pa chôn vùi dưới núi Dã Nhân, chẳng phải tất cả đều về tay mình cả hay sao? Nhưng rồi cô ta lại lo lắng: đã rơi vào hoàn cảnh này rồi, có thể thoát nạn hồi sinh là đã may mắn, nếu còn tham thú tiền bạc của cải, trời xanh tự khắc không phù hộ độ trì, nếu còn có dã tâm tham lam, cuối cùng sẽ chỉ hại chết bản thân mà thôi.

Tư Mã Khôi nghe ra một vài manh mối, liền gật đầu bảo: “Thì ra Năm mò xanh tìm trăm phương ngàn kế để che giấu gương mặt thật của mình, là vì sợ bị mọi người biết thân phận của hắn. Nếu chẳng phải khi này chúng ta tận mắt chứng kiến, thì ai có thể ngờ người này lại chính là vua Chăm Pa đã chết từ hơn ngàn năm trước. Xem ra, ngoại trừ việc chúng ta phải tìm cách thoát thân, thì còn phải nhanh chóng tìm ra Năm mò xanh, nếu không hậu họa sẽ rất khó lường.”

Tuyệt lo lắng nói: “Việc này đâu có dễ dàng thế, nếu Năm mò xanh là xác chết cổ đại hàng ngàn năm, thì cho dù chúng ta có tìm thấy hắn, cũng làm được gì nào? Chẳng lẽ lại giết một người đã chết từ đời thuở nào thêm một lần nữa?”

Tư Mã Khôi nghe Tuyệt nói, trong lòng đột nhiên bị kích động mạnh. Anh phát hiện phương hướng tư duy của mình khi này là hoàn

toàn sai lệch. Anh lại hỏi Ngọc Phi Yến: “Cô có biết sau khi vua Chăm Pa chết thì xảy ra việc gì không? Hoặc giả lúc đó ông ta quả thực đã chết thật hay chưa? Những việc này có được ghi chép rõ ràng lại chẳng?”

Ngọc Phi Yến nhỏ giọng nói: “Vua Anagaya đương nhiên chết thật rồi, nhìn lại từ cổ chí kim, trên đời này làm gì có người nào trường sinh bất tử? Cho dù tướng mạo kỳ dị, gần như người trời, nhưng rốt cục vẫn chỉ là một thân máu thịt, cuối cùng cũng không thể chạy thoát tiếng gọi của thần chết. Tương truyền, khi tại vị, vua Anagaya đã tàn sát quá nhiều người, rồi cuối cùng không bệnh tật gì mà đột nhiên lăn ra chết bất đắc kỳ tử; cảnh chết vô cùng khủng khiếp, lăng tẩm an táng ở khu vực đồi núi nơi biên giới giữa Việt Nam và Lào. Thời cận đại, lăng tẩm nhiều lần bị khai quật trộm, mộ chí cũng bị hủy hoại hoàn toàn, nên đến nay chẳng còn tung tích gì nữa mà tìm.”

Tur Mã Khôi biết đây chính là vấn đề then chốt, liền tiếp tục gạn hỏi: “Vậy có ai phát hiện thấy xác của vua Anagaya trong mộ cổ không?”

Ngọc Phi Yến hồi tưởng lại: “Theo tôi được biết, năm đó chiếc quan tài bằng vàng liệm xác vua Anagaya, bị dân trộm mộ mang ra bán đấu giá trên tàu ở vùng biển quốc tế, sau đó được tín đồ của ông ta chuộc lại, bí mật vận chuyển về Việt Nam, đặt ở cố đô triều Nguyễn - triều đại cuối cùng ở Việt Nam, cũng chính là hoàng cung thành cổ Huế. Mãi cho đến khi chiến tranh ở Việt Nam bùng phát ác liệt thì tòa thành cổ ở Huế cũng bị ảnh hưởng bởi bom đạn tàn phá. Lúc đó, chiếc quan tài vàng của vua Chăm Pa đặt trong thành, cùng với hài cốt bên trong, đều chẳng biết biến mất đằng nào.”

Hội ba người Tur Mã Khôi, La Đại Hải và Tuyết cũng nghe phong thanh về tình hình Việt Nam lúc đó, tuy không biết cụ thể, nhưng họ cũng rõ, trong cảnh hỗn loạn ấy, pháo rơi đạn lạc chẳng khác nào mưa đá từ trên trời bỗng dưng giội xuống, nên xảy ra bất kỳ biến cố gì cũng chẳng phải là điều lạ lẫm. Không chừng, chiếc quan tài đã bị bom đánh tan tành, còn xác vua Anagaya ở bên trong lại “nhập tràng” chạy mất

tiêu. Nhưng sao ông ta lại trở về tòa thành cổ chôn vùi dưới lòng đất này làm gì?

Hồi thứ tư

CHÂN TƯỞNG

Mọi người không hẹn mà đều có cùng một dự cảm: “Vì sao thầy ma cô đại nhảy ra khỏi quan tài lại trở về tòa thành Nhện Vàng? Đáp án rất có thể đang nằm trong bóng tối ngay trước mắt.” Nhưng ở nơi này, ngay cả ánh sáng lân quang yếu ớt của khoáng vật cũng chẳng thấy đâu, cả không gian đều là đêm đen tuyệt đối, nếu không dựa vào thiết bị chiếu sáng, thì căn bản không thể nhìn thấy bất kỳ vật gì. Vì vậy, ngoại trừ trạng thái căng thẳng và đè nén khó lòng giải tỏa, thì tinh thần bất an, khiếp sợ của mọi người cũng dần dần tăng lên trong bóng tối.

Tuyệt từng nghe kể một câu chuyện rất đáng sợ, tương truyền ở một thôn quê nọ, có người đột nhiên chết bất đắc kỳ tử. Người nhà vì chưa kịp làm quan tài, liền đặt tạm thi thể ở ngoài sân cỏ, thấp ngọn nến phía đầu người chết, lại đắp một cái chăn trắng lên tử thi, rồi bắc mấy chiếc ghế làm giá đỡ. Sau đó lại thuê một gã thanh niên gác đêm, đợi ngày hôm sau mới làm quan tài nhập liệm. Gã thanh niên gác đêm liền uống vài bình rượu cho vững dạ, kết quả là say rượu lăn ra đất ngủ như chết, anh ta mơ hồ nghe thấy tiếng chó sủa, mà phong tục bản địa kỳ nhất là bị chó đen nhìn thấy thi thể, anh ta giật mình tỉnh dậy, nhìn thấy một con chó đen to lớn đang gặm ngón chân người chết. Lúc này mây đen che kín bầu trời, một tiếng sét đột ngột vang rền, thi thể đang nằm thẳng đuối trên ghế gỗ, đột nhiên bật dậy, bỏ chạy thục mạng ra ngoài cổng, khiến người gác đêm sợ đến mức vãi tè ra quần, liền vội vàng hét gọi mọi người đến giúp, rồi đội mưa đi tìm, nhưng tìm khắp nơi mọi chôn mà vẫn chẳng hề thấy tung tích. Mãi rất lâu sau đó, trong thôn có

một thương nhân bán đồ da làm ăn xa, đi ngang qua một nơi, nhìn thấy người chết tháo chạy năm đó, đang ghếch chân bên vệ đường mở sạp bán thịt bò. Nơi này cách quê nhà họ xa hàng ngàn dặm, thương nhân bán đồ da nọ cứ nghĩ anh bạn cùng thôn kia vẫn chưa chết, bèn tiến đến hỏi chuyện, rồi kể lại sự việc thi thể tháo chạy giữa đêm khuya năm đó, và hỏi anh ta làm sao lại lưu lạc được tới đây. Người cùng thôn nghe xong, đột nhiên ngã vật xuống đất, không ngồi dậy nổi, trong chớp mắt liền lộ ra trạng thái thi thể mục rữa; cuối cùng phải báo cho quan phủ biết, rồi thi thể được thiêu cháy tại chỗ, tro cốt gửi về quê nhà mai táng.

Việc này được thời đó gọi là “kinh hồn vạn lý”, nguyên nhân đại thể do người chết lúc đầu sinh khí tàn tồn trong cơ thể vẫn chưa hoàn toàn tiêu tán, khi gặp phải tình huống đặc biệt, ví dụ như bị sét đánh trúng, hoặc bị chó đen nhìn thấy, thì xảy ra các hiện tượng quái dị như hồi hồn nhập tràng. Những xác chết này ban ngày có thể đi đứng nói chuyện chẳng khác gì người sống, chỉ khi đêm xuống mới lộ nguyên hình là một thi thể cứng đờ, đồng thời mất hết thần trí, hoàn toàn không nhớ đến những việc đã từng trải qua trong quá khứ, đến lúc được người ta kể lại nguyên nhân cái chết, mới hoảng hốt đến mức hồn đột ngột lìa khỏi xác mà lẩn ra chết hẳn.

Tuy Tuyệt tham gia quân đội cộng sản đã vài năm, từng nhìn thấy không ít cảnh tượng chết chóc khiến người ta chấn động tâm kinh, nhưng dưới áp lực mà bóng tối mang đến, thần kinh cô cũng dần rơi vào trạng thái căng thẳng cực độ. Lại nghe Ngọc Phi Yến kể việc mộ cổ của vua Chăm Pa bị đào trộm, tình hình mất tích của chiếc quan tài vàng ở Huế, và những cảnh ngộ khủng khiếp mà cô vừa trải qua khi nãy trong đường hầm, đã khiến cô đột ngột nhớ đến truyền thuyết dân gian của người bản địa lúc mới bắt đầu tham gia quân ngũ. Trong lòng không khỏi ớn lạnh rùng rợn, một cảm giác không còn chút sức lực đã bắt giắc xâm chiếm toàn bộ cơ thể cô. Trong lúc tim đập chân run, suýt chút nữa là cô đánh rơi chiếc đèn đang lấp rập trong tay xuống đất, rồi không kìm được, cô quay sang hỏi Tư Mã Khôi: “Chẳng lẽ Năm mò xanh đúng thật là cái xác nhảy ra từ quan tài sao?”

Tư Mã Khôi lại cho rằng hoàn cảnh mà mọi người gặp phải, tuyệt đối không đơn giản như những gì Tuyệt đang nghĩ, nhưng nếu không tìm cách khiến chân tướng sự thật phơi bày ra ánh sáng, thì cả hội sẽ phải đành ngồi đợi chết ở nơi tối tăm đến mức xòe tay trước mặt mà chẳng nhìn thấy ngón tay. Anh cảm thấy, có lẽ tung tích của chiếc quan tài và hài cốt vua Chăm Pa, chính là điểm nút quan trọng nhất giúp vạch trần chân tướng sự việc núi Dã Nhân, nên anh lại tiếp tục hỏi đồn Ngọc Phi Yên: “Từ khi lăng tẩm của vua Chăm Pa bị phá hủy đến nay, có người nào còn tận mắt nhìn thấy hài cốt đặt trong quan tài nữa không?”

Ngọc Phi Yên nhớ lại, rồi đáp: “Những hiểu biết của tôi về việc này, cũng chỉ thông qua người ta kể lại mà thôi, không rõ có thật hay không. Nghe nói, lúc chiếc quan tài bị khai quật, những kẻ trộm mộ định hủy cái xác, nhưng tất cả đều bị chết thảm bất ngờ, bởi vậy người ta lấy đinh đóng chết chiếc quan tài lại, mãi đến trước khi nó bị mất tích trong chiến dịch Huế ở Việt Nam, thì trước đó đều bị niêm phong kín mít, chẳng ai dám to gan lớn mật mà mở ra nhìn trộm thi thể của vua Chăm Pa khâm liệm bên trong.”

Tư Mã Khôi nghe Ngọc Phi Yên nói đến đây, cuối cùng cũng nắm bắt được một chút manh mối. Anh phân tích với mọi người: “Tôi cảm thấy, nếu nói vua Chăm Pa mà chúng ta vừa gặp trước cánh cửa đá khi này, là tử thi trong chiếc quan tài cũ bò ra từ mộ cổ, thì khả năng này không lớn lắm, bởi vì Năm mồ xanh - kẻ thuê đội thám hiểm tìm kiếm chiếc máy bay tiêm kích vận tải, tuy nắm rõ kết cấu bên trong sơn cốc như lòng bàn tay, nhưng hẳn ta cũng không biết chân tướng ẩn giấu sau ám hiệu cổ xưa về rắn và tháp, nếu không thì mấy chiếc máy bay hẳn phải đi đều đã chẳng phải chết cả trong sương mù. Ngoài ra, tôi thấy những bức vẽ vua Chăm Pa còn sót lại trên phù điêu và bích họa, ngoại trừ dung mạo đặc biệt ra, thì cơ thể cũng vô cùng cổ quái, tứ chi rất dài, khác xa với thân hình của kẻ đội mũ sắt kia, nếu đem so sánh tỷ lệ kích thước trong bức họa với kích thước của người thực, thì vua Chăm Pa và Năm mồ xanh không thể là cùng một người.”

Trong bóng tối, mọi người gắng hết sức chế ngự cảm giác tuyệt vọng đến suy sụp, rồi dần dần ép đầu óc mình慢慢 trở lại, hồi tưởng tỉ mỉ mọi việc đã gặp trong sơn cốc núi Dã Nhân, thấy rằng quả đúng như lời Tư Mã Khôi nói: “Năm mò xanh rõ ràng không hề biết nguy hiểm thực sự tồn tại trong sương mù dày đặc dưới lòng đất, nhưng những ẩn số vây quanh hắn ta vẫn còn rất nhiều, sau lưng hắn rốt cục che giấu một thân phận như thế nào?” Năm mò xanh, là kẻ đầu não của một tập đoàn thế giới ngầm, không chế tổ chức thương mại buôn bán vũ khí lớn nhất khu vực Đông Nam Á, có bao kẻ tình nguyện vì tiền mà sẵn sàng chết thay, thì việc gì hắn phải tự mình dẫn thân vào vòng nguy hiểm, thâm nhập sơn cốc núi Dã Nhân? Vậy mục tiêu thực sự của hắn là gì? Vì sao sau khi bị đạn bắn trúng, hắn vẫn không chết? Phải chăng thật ra hắn đã sớm chết từ lâu rồi? Lúc trước trong khoang máy bay tiêm kích có chứa quả bom địa chấn, Năm mò xanh có lẽ đã trốn ngay trước mũi mọi người, nhưng trước sau vẫn chẳng hề để lộ tung tích. Rốt cục hắn làm được điều này bằng cách nào? Sau khi lên vào sau cửa đá, hắn đã trốn vào đâu? Những nghi hoặc nối tiếp nghi hoặc, đan xen chông chéo, phức tạp không thể nào tìm ra lời giải đáp.

Tư Mã Khôi suy đoán: “Phía sau phần lớn ẩn số, đều chỉ ra một tia manh mối, manh mối đó chính là dung mạo, có lẽ khuôn mặt của vua Chăm Pa... đã bị Năm mò xanh lấy đi. Tôi không rõ Năm mò xanh thực sự có phải là một hồn ma hay không, nhưng sắc mặt của hắn tỏa ra một mùi tử khí nồng nặc dưới màu da trắng bệch, hai hốc mắt không hề có sinh khí của người sống, nghe nói chỉ những xác ướp bị chôn vùi ngàn năm trong quan tài niêm phong kín mới có sắc mặt này.”

Ngọc Phi Yên nghe xong, sợ đến nỗi phải hít ngược một hơi khí lạnh, cô thắc mắc hỏi: “Ý anh nói Năm mò xanh đã lột khuôn mặt của tử thi ra, rồi úp đội lên đầu chính mình? Đúng là lần đầu tiên tôi nghe có người dám làm vậy đấy.” Tuyệt nghe xong mà toàn thân bủn rủn lạnh ngắt: “Vì... vì sao hắn lại làm thế?”

Tư Mã Khôi nói: “Tôi cũng chỉ hiểu ngoài lề một chút về tướng thuật Kim điện, chẳng qua là do gia truyền, thầy dạy, chứ không thể gọi

là tinh thông. Tôi thường cho rằng vận may là thứ rất vi diệu, khó có thể nắm bắt, người thường liệu có mấy ai lĩnh ngộ được nó? Bất luận nói phúc hay nói họa, đều không thể tin tuyệt đối được. Nhưng nghe nói, kiểu quan niệm cho rằng tướng mạo có thể điều khiển được cát hung phúc họa, thì nguồn gốc đã có từ lâu đời, tồn tại hoặc ít hoặc nhiều trong tôn giáo cổ đại, có điều phong vật mỗi nơi một khác. Còn quan niệm quái dị lấy tướng mạo phân biệt đẳng cấp sang hèn của vương triều Chăm Pa, được sinh ra bởi bối cảnh như thế nào, nó có gì khác biệt với tướng thuật cổ xưa khởi nguồn từ Trung Quốc, thì tôi lại không biết rõ. Tôi chỉ có thể áp dụng tướng thuật Kim điển mà mình am hiểu để đánh giá sơ qua về đặc trưng tướng mạo của vua Chăm Pa. Tôi thấy tướng mạo vị vua Anagaya này đúng là rất kỳ quái, chỉ có bì tướng, chứ không có cốt tướng, vậy mà lại được người cổ xưa tôn vinh là người trời thì nguyên do vì đâu? Có lẽ, theo quan niệm thời đó, những kẻ phạm trần có dung mạo giống như thần phật, thì đều là người gần kề với Thiên quốc nhất. Những người tin tưởng vào thuyết số mệnh đều cho rằng, chỉ cần sinh ra làm người, thì chẳng khác nào côn trùng bay vào lưới nhện, đến chết cũng không giải thoát khỏi sự ràng buộc của mảnh lưới vận mệnh, trong khi vận mệnh lại được phản ánh trực tiếp nhất trên khí sắc ngũ quan của khuôn mặt. Theo tướng thuật cổ xưa mô tả thì: miệng to đút lọt nắm tay, trán rộng đủ cho ngựa chạy, môi dày trĩu rủ, mắt tựa ngư long... những kẻ có khí chất thần thái như vậy, đều là tướng mạo cao siêu. Có điều, ngàn người có ngàn tướng mạo, vạn người có vạn khuôn mặt, nhưng chưa ai hội tụ được tất cả những đặc trưng này trên mặt, bởi vì đây là tướng mạo thập toàn, người bình thường không thể tồn tại vận may nhiều đến thế được. Vậy mà khuôn mặt của vua Chăm Pa đúng là lại có đủ những yếu tố ấy, lẽ nào bên trong còn ẩn chứa một loại sức mạnh có thể điều khiển thành bại, thậm chí, giải thoát khỏi ‘lưới nhện’?”

Tư Mã Khôi suy đoán: vua Chăm Pa tuy rằng đã chết gần ngàn năm, hài cốt sớm đã mục rữa từ lâu, nhưng khuôn mặt lại có thể bảo tồn nguyên lành trong quan tài đến tận ngày nay. Nắm mồ xanh lấy đi khuôn mặt của xác chết cũng có nghĩa là lấy đi “vận may” của vua Chăm Pa,

bởi vậy, hắn mới to gan dấn thân vào vòng nguy hiểm bước chân xuống sơn cốc núi Dĩ Nhân.

Hải ngọng nghe xong một hồi, cho rằng chuyện này làm gì đến nỗi phức tạp như thế. Bởi chẳng bao giờ tin vào số mệnh, anh liền nói với Tư Mã Khôi: “Cậu cũng bắt đầu mê tín rồi đấy, vận may, cái thứ ấy có cảm nắm được không? Nó hình vuông hay hình tròn? Là đực hay cái? Bao nhiêu tiền một cân? Đã ai tận mắt nhìn thấy bao giờ chưa? Chúng ta thân là quân nhân, quăng sọ xuống đất mà đá như trái bóng, sao cậu có thể tin vào điều này được hả?”

Ngọc Phi Yến lại hoàn toàn đồng ý với lời của Tư Mã Khôi: “Anh bảo ai không tin vào vận may? Thế nhân thấp hương cầu khẩn bỏ tát, bái lạy sư tổ, thờ cúng tổ tiên, đeo bùa hộ mệnh, chẳng phải cũng đều chỉ là để cầu vận may thôi sao? Phàm khi thực hiện những công việc nguy hiểm, từ trước đến nay đều là ‘mười phần chuẩn bị, chín phần ứng biến, một phần vận may’, bởi nếu thiếu một phần vận may đó, thì bất luận ban đầu anh có chuẩn bị chu toàn thế nào, và có phương pháp xuất chúng đến đâu, cuối cùng cũng khó lòng thành công; cái này người ta gọi là ‘mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên’ đấy.”

Tư Mã Khôi nói: “Lời của mọi người đều có lý của nó; rốt cục vận may, cái thứ ấy quá hư ảo, mờ mịt, nhưng tôi tin nó chắc chắn vẫn tồn tại khách quan, chỉ có điều cũng không thể dồn mọi hi vọng vào nó được.”

Lúc này Tuyết nói với Tư Mã Khôi: “Tôi nghe người bản địa nói, ở gần khu vực biên giới giữa Miến Điện và Campuchia, thường có những tà thuật như bỏ bùa, nuôi ma. Họ móc tiểu sành đựng xương cốt của thi thể chôn dưới núi sâu, sau đó âm thầm cống về nhà nuôi dưỡng, người ta gọi việc này là chuyển mệnh, hay cống ma, bởi vậy phía sau những người có vận may đều có ma bám theo, muốn có gì là được cái nấy, chẳng ai động được đến họ...”

Hải ngọng lên giọng oán trách: “Tuyết ơi là Tuyết, cùng lắm tôi có thể nhẫn nhịn kẻ điên nhưng chỉ là hai thôi nhé, nếu ngay cả cô cũng tin mấy món này, thì tôi cũng chẳng còn biết trông đợi vào đâu nữa.”

Tư Mã Khôi bảo Hải ngọng hãy bình tĩnh lại một chút, nếu so với bóng tối mà thị giác không thể nhìn xuyên thấu, thì điểm mù tồn tại trong tâm lý, còn đáng sợ gấp bội, bởi nếu không nghĩ cách tìm ra lời giải, thì cho dù bốn phía đều thông sáng, cũng khó lòng thoát khỏi sơn cốc núi Dã Nhân sương mù dày đặc bao vây này.

Hải ngọng nói: “Dù sao cảm giác có mắt như mù này đúng là chẳng dễ chịu chút nào, cái đèn đó đã sửa xong chưa vậy? Nếu như chẳng còn trò gì nữa, thì chúng ta mau mau nghĩ ra chiêu khác mới được...” Anh vừa nói, vừa lần sờ quả lựu đạn phốt pho, định dùng chất đốt của nó để chiếu sáng, nhưng lúng túng thế nào lại trượt tay đánh rơi xuống đất, trước mắt tối mù mù, chẳng nhìn thấy vật gì, anh đành thò tay ra trước lần mò. Ai ngờ vừa sờ xuống, liền chạm phải một mảnh da thịt lạnh ngắt, anh lại sờ kỹ hình dạng của nó, thì thấy có mũi, có mắt, còn có cả miệng, nhưng lại chẳng hề thấy hơi vào, rõ ràng là cái đầu của một người chết.

Hải ngọng thâm cảm thấy kỳ quái, lúc đèn tắt, mọi người đều tựa lưng vào vách tường, đứng im tại chỗ, sao khi ấy lại chẳng hề phát hiện gần đó có thi thể người chết nhỉ? Cho dù Năm mò xanh có đeo khuôn mặt bóc ra từ thi thể vua Chăm Pa, thì mũi miệng vẫn phải phả hơi thở mới phải chứ? Đẳng nay, xúc giác truyền đến từ đầu ngón tay hoàn toàn tĩnh lặng, cảm giác chẳng có chút hơi khí nào, rõ ràng cái đầu phía sau khuôn mặt không hề có sinh mệnh tồn tại... Nghĩ đến đây, Hải ngọng mới phản ứng trở lại, anh sợ đến nỗi vội vàng rút phất tay, lập tức giương khẩu súng sẵn đang ôm trong lòng, hoảng loạn bóp cò.

Lúc này, Tuyết cũng vừa lắp đèn xong, cô nhẹ nhàng nhấn công tắc, ánh sáng trong thân đèn lóe lên, mọi người nhờ ánh sáng yếu ớt mờ ảo, phát hiện phía ở trước lộ ra một bóng đen sì sì. Bóng đen hơi ngẩng đầu lên, tứ chi hướng xuống đất, khuôn mặt cứng ngắt vô cùng quái dị, trên làn da trắng bệch là thần thái âm hiểm, giống như đúc với bức vẽ trên bích họa của vua Chăm Pa, thái dương còn có một lỗ hồng do đạn xuyên vào, đó chính là Năm mò xanh - kẻ mạo nhận thành viên bị mất tích của quân Mỹ.

Tư Mã Khôi thấy Nắm mồ xanh lộ diện trước ánh sáng đèn, vết tích lỗ đạn bắn cũng vô cùng rõ rệt, nên lòng không khỏi thảm kinh hãi. Đột nhiên anh liên tưởng đến chuyện “cỗng ma” mà Tuyết vừa kể, trong óc bất giác lóe lên một ý niệm: “Đầu là chủ thể của tư duy bát mạch, chim mất đầu không bay, người mất đầu không chạy, cho dù Nắm mồ xanh từng là người sống, đầu bị đạn xuyên thủng như thế, thì chắc chắn sẽ chết không còn nghi ngờ, càng không thể tồn tại tư duy, ý thức, trừ khi hiện tượng không chế thi thể hành động bây giờ là... mượn xác hoàn hồn!”

Hồi thứ năm

KỶ TÍCH

Tuy ánh đèn khiến Nấm mồ xanh đứng gần đó phải lộ diện trước mặt mọi người, nhưng chiếc đèn dường như vẫn chưa phục hồi hoàn toàn, vì điện áp không ổn định nên ánh sáng của nó cứ chập chờn, nhấp nháy, rồi đột ngột vụt tắt, bóng tối lại một lần nữa nuốt chửng tất cả trong nháy mắt.

Lúc này, Hải ngọng là người giương súng trước tiên, anh bóp cò một cái, hai loạt đạn bay ra vùn vụt, chỉ nghe “pằng pằng” mấy tiếng vang lên, kèm theo đó là khói trắng bay ra mù mịt. Ba người còn lại lần lượt định thần tỉnh khỏi cơn kinh hãi, người nào người nấy cầm chắc vũ khí ngắm bắn. Tư Mã Khôi phát hiện dưới tia lửa đạn liên thanh lóe lên, phía trước hoàn toàn trống trơn, chẳng có nửa bóng người, liền hô mọi người ngừng bắn, giữ đạn. Bốn phía xung quanh lại rơi vào trạng thái yên ắng rợn người, ai nấy tim đập điên cuồng không ngớt, chẳng biết tiếp theo đây sẽ xảy ra sự việc bất ngờ nào nữa. Hải ngọng thấy đèn tiết kiệm điện dường như hồng hắt, anh định bạo gan, tiếp tục mò mẫm tìm quả lựu đạn phốt pho vừa bị rơi khi nãy.

Bất chợt, cách đó mười mấy mét, một âm thanh trầm đục vang lên: “Đừng tìm nữa, quả lựu đạn đang ở chỗ ta...” Âm giọng vừa phát ra cứng ngắt và khàn đục, giống hệt với âm thanh trong cuốn băng ghi âm lúc kích nổ bom địa chấn trên máy bay, chỉ có điều, giọng nói này không sử dụng âm giả nữa.

Mọi người nghe xong vừa kinh hoàng, vừa khản trương, đang định tiến lên đột phá vòng vây, thì nghe đối phương cười nhạt: “Bọn mi đúng là chẳng biết trời cao đất dày là gì, đặt lòng ngỗ ngược không thấy nhẹ, đội cối đá cũng không biết nặng, nếu còn muốn giữ cái mạng thì chớ hành động ngông cuồng.”

Tư Mã Khôi thầm nghĩ: Năm mô xanh đã dám hiện thân, chắc hẳn hẳn phải có chiêu bài yểm trợ gì đây. Hơn nữa, đầu hẳn bị súng bắn trúng, không những không chết, mà cũng chẳng thấy máu chảy ra, lớp vỏ thể xác này tuy rằng hình bóng đều có, nhưng không biết hẳn là quái vật phương nào. Thiết bị chiếu sáng của mọi người lại bị hư hỏng hết, hoàn cảnh bây giờ vạn phần bất lợi, hiện tại vẫn chưa phải thời cơ thích hợp để hành động. Thế là anh liền giơ tay, ngăn ba người lại, không vội vàng tiến bước, chỉ đứng tại chỗ hỏi: “Người rốt cục là ai?”

Kẻ đó phát ra một tràng cười lạnh lùng, khô khốc: “Tất cả những lời bọn mi nói với nhau khi nãy, ta chẳng để lọt nửa chữ, đều nghe hết cả rồi. Bốn tên khốn bọn mi đúng là mọc mắt sau gáy, kiến thức và khả năng phán đoán khá lắm! Bây giờ mà ta nói mình là thành viên bị mất tích lúc quân Đồng minh phản công Miến Điện... chỉ e chẳng che đậy được nữa rồi.”

Tư Mã Khôi tự biết những điều mình tiên liệu lúc trước quả nhiên không sai, một mặt anh vừa âm thầm suy nghĩ đối sách, một mặt vẫn điềm nhiên ứng khẩu: “Dựa vào ba món võ quèn, mà dám tự nhận mình có thể che đậy kín bưng không cho gió lọt, kỳ thực chẳng qua cũng chỉ rào trước chó chui, rào sau mèo luôn, chẳng chỗ nào chặt chẽ.”

Kẻ náu mình trong bóng tối, nghe Tư Mã Khôi nói, liền hừ một tiếng vô cảm, đoạn nói: “Ta chỉ là một phút sơ suất, để lộ chút khe hở, chẳng may bị bọn mi nhìn thấu tung tích, nhưng rốt cục bọn mi vẫn chưa thể vượt qua ‘ranh giới cuối cùng’. Nếu không, bọn mi đã sớm châu trời từ khuya rồi, làm sao còn có thể sống sót đến tận lúc này.”

Tư Mã Khôi ngẫm hiểu, “ranh giới cuối cùng” mà đối phương ám chỉ là mấy kẻ may mắn sống sót của đội thám hiểm, vẫn chưa nhìn thấy

khuôn mặt thật sự của Năm mò xanh. Không hiểu bên trong còn ẩn chứa những uẩn khúc gì nữa, mà hắn không dám để bất kỳ ai biết được? Kể nào nhìn thấy, hắn lấy mạng kẻ nấy? Trộm nghĩ, văn kiện cơ mật quốc gia có lẽ cũng chỉ bí mật đến mức đó là cùng, huống hồ, tướng mạo một người cho dù xấu xí, quái dị đến mấy, thì đâu cần thiết phải giữ bí mật cao độ dường ấy. Có điều, Tư Mã Khôi cho rằng bây giờ có gạn hỏi việc đó cũng chẳng có ý nghĩa gì, công việc cấp bách lúc này là phải nhanh chóng nắm bắt động cơ của đối phương, thế là anh nói: “Người đâu phải Tây Thi, Chiêu Thuyền, làm gì có ai ham ngắm dung nhan của người, bây giờ người xuất hiện, không phải để báo với bọn ta điều huy ký này đây chứ?” Hải ngọng ở bên cạnh cũng lên tiếng dọa nạt: “Tốt nhất người hãy mau chóng tìm một lý do thỏa đáng để bọn ta không xé người ra thành bốn khoanh tám mảnh đi.”

Kẻ đó chẳng thể hiện động tĩnh gì, ngữ khí càng trở nên thâm trầm: “Nguy hiểm mà bọn mi đang gặp phải, đáng sợ hơn rất nhiều với những gì có thể tưởng tượng, nếu bọn mi cứ tiếp tục duy trì quan hệ đối địch, thì với ai cũng đều bất lợi cả.” Rồi hắn ta nói thẳng, đúng là có vài chuyện muốn kể cho mọi người nghe. Hắn không giấu giếm, thừa nhận thân phận mình chính là Năm mò xanh - kẻ đầu não thuê đội thám hiểm và vạch ra toàn bộ kế hoạch hành động.

Năm mò xanh là tổ chức thương mại buôn bán vũ khí, thuốc phiện, tin tình báo ngầm, lớn mạnh nhất toàn khu vực Đông Nam Á. Do người đứng đầu đương nhiên không bao giờ lộ mặt, nên người ngoài không biết rõ lai lịch thân phận của hắn, chỉ gọi hắn theo tên gọi của tổ chức. Kỳ thực, trước đây hắn đều sử dụng biệt danh Tiền Bảo Sơn khi giao dịch bên ngoài, quê gốc ở Vân Nam, từng có quan hệ mật thiết với thực dân Anh và giới kinh doanh ở Miến Điện, Lào, Việt Nam, Campuchia.

Trước khi Tiền Bảo Sơn trở thành kẻ đầu não của tổ chức Năm mò xanh, thì đã biết người Anh từng nhiều lần cử các đội thám hiểm, thâm nhập sơn cốc núi Dã Nhân, mục tiêu hành động không chỉ là để tìm các thành viên mất tích, mà chủ yếu là để điều tra về tòa thành Nhện Vàng

của vương triều Chăm Pa, nhưng do núi cao rừng sâu, địa hình khúc khuỷu, môi trường phức tạp, nên chưa một lần thành công.

Trong khi đó, những tin tình báo và tư liệu của từng lần hành động mà người Anh thu thập được trong nhiều năm cuối cùng đều rơi vào tay Tiền Bảo Sơn, cộng thêm những tin tức mà hắn ta có được từ nhiều nguồn kênh bí mật, đã khiến hắn nhận thức nền văn minh Chăm Pa mang đậm màu sắc thần bí mãnh liệt, là một nhánh của Ấn Độ giáo cổ đại, chưa bị Phật giáo đồng hóa. Từ hàng ngàn năm trước đây, nơi sâu trong cánh rừng rậm nguyên sinh đã che giấu miếu thần cung phụng thần thú Vệ Đà của vương triều Chăm Pa, sau đó do mạch nước núi Dã Nhân sụt lún, khiến toàn bộ tháp cổ và điện đá trên bề mặt đất chìm sâu xuống lòng núi.

Quốc vương Chăm Pa lúc đó là vua Anagaya. Ông ta là người có dung mạo đặc biệt, tự phụ cực đoan, tôn thờ tướng mệnh, tính tình hỉ nộ bất thường, tàn nhẫn khát máu, diệt phật trừ tăng. Mỗi lần trừng phạt, ông ta đều bắt lột toàn bộ da mặt của tù binh khi họ còn đang sống sờ sờ. Những tăng lữ, nô lệ, thợ mộc bị ông ta tàn sát nhiều không thể đếm xuể. Khe sâu núi Dã Nhân bị lún sâu như vực không đáy, bị coi là điềm hung vì trời tru đất diệt những kẻ thống trị bằng thần quyền, và khiếp sợ nhất là sự sụp đổ của tín ngưỡng. Vua Chăm Pa, để diệt trừ tai họa, đã lệnh cho người xuống huyết động sâu thăm xây dựng lại tòa thành bốn triệu bảo tháp, rồi người phương Tây căn cứ vào hình thù đặc biệt của nó, mà đặt tên là tòa thành Nhện Vàng.

Nghe nói, vua Chăm Pa sinh ra đã có tướng mạo khác thường, ngàn năm hiếm có, được mệnh danh là người gần kề Thiên quốc nhất, nhưng rốt cục ông ta vẫn là một thân máu thịt, khoảng cách thực tế với Thiên quốc vẫn vô cùng xa vời, gần như không thể nào đi đến được. Trong khi đó, ở tòa thành Nhện Vàng dưới sơn cốc núi Dã Nhân lại chôn vùi bí mật có liên quan đến khoảng cách này, cũng tức là nói cả tòa thành Nhện Vàng chính là con đường xuyên thông tới Thiên quốc. Bởi vì sau khi núi Dã Nhân sụt xuống, có người đã phát hiện thấy tảng đá khổng lồ tròn vẹn một khối trong đám bùn lầy dưới lòng đất, nếu đem thể tích của

nó so sánh một cách trực quan, thì có lẽ phải rộng bằng cả một sân bóng đá, còn bên trong thân đá có rất nhiều huyết động thiên nhiên. Vua Chăm Pa ra lệnh cho người đục đẽo tảng đá thật gọn gàng, để thành hình tòa thành Nhện Vàng quái dị. Phần lớn huyết động thiên nhiên ban đầu đều được đóng kín, nơi sâu nhất chỉ có một gian mật thất gọi là “thi nhãn” tức là mắt của thi thể, mà ngoại trừ vua Chăm Pa ra, thì chẳng người nào hay biết bên trong cất giấu vật gì. Cũng bắt đầu từ lúc đó, cây Udumbara kỳ lạ xuất hiện và sinh sôi nảy nở không ngừng xung quanh thành cổ rồi sương mù do nó sinh ra đã che phủ mọi con đường dẫn vào sơn cốc. Đến khi vua Chăm Pa không bệnh mà chết đột ngột, thì ông ta đã mang theo toàn bộ bí mật vào trong quan tài, chẳng để lại chút văn tự ghi chép nào cho hậu thế, tất cả đều trở thành ẩn số thiên cô, không lời giải đáp.

Tiền Bảo Sơn chẳng bao giờ tin vào thuyết thần phật hay thiên đường địa ngục, hẳn cho rằng: loài người từ vượn cổ tiến hóa đến nay, tuy rằng khoa học kỹ thuật và trình độ văn minh càng lúc càng phát triển vượt bậc, nhưng bản chất con người thì trước sau vẫn không có gì thay đổi. Hàng ngàn vạn năm nay, người nào chẳng phải đi lại, đứng ngồi, ăn uống, ngủ nghỉ, sinh lão bệnh tử, đẻ con nối dõi, bởi vì đây chính là hình thái của sinh mệnh loài người. Có lẽ cái được gọi là thần, đại khái là để chỉ những bậc có khả năng vượt qua hình thái sinh mệnh này, vĩnh viễn không trầm luân, là sự tồn tại mà những kẻ phàm trần đáng thương chỉ có thể sống một cuộc đời, mãi mãi không thể nào lý giải nổi. Thế nhưng từ cổ chí kim, chẳng hề có bất kỳ sinh mệnh nào thay đổi được hình thái tồn tại của chính mình.

Tiền Bảo Sơn không giống vua Chăm Pa đã chết từ hàng ngàn năm trước, mà thông qua các thông tin thu thập được, hẳn có thể suy đoán bí mật trong “thi nhãn”, nên chỉ là muốn tìm cơ hội nhìn xem chân tướng ẩn chứa bên trong. Có điều Udumbara hiếm có mọc ra từ thành cổ, đã che lấp hoàn toàn huyết động dưới lòng đất, kèm theo đó, còn sản sinh ra một lượng lớn sương mù, ngoại trừ sinh vật bò sát máu lạnh, thì những người sống đi vào, đều bị nó nuốt chửng, chẳng ai may mắn sống sót thoát được.

Tiền Bảo Sơn hao kiệt tâm trí, cuối cùng cũng tìm được vài cuốn bản đồ cổ đại do vua Chăm Pa để lại, mô tả kết cấu địa hình bên trong sơn cốc. Có điều, tuy hắn biết về truyền thuyết chỉ có rắn bay mới vào được trong sương mù, mà nghĩ mãi vẫn không ra. Để thâm nhập vào lòng đất tìm hiểu ngọn nguồn, trước tiên hắn đã thuyết phục người Anh khai thông đường hầm trong núi Dã Nhân, sau đó vì quân Nhật tràn vào Miến Điện nên kế hoạch trên đành phải từ bỏ giữa chừng. Vào thời kỳ đại chiến thế giới thứ hai, Tiền Bảo Sơn lại cung cấp thông tin, dẫn dụ quân Mỹ lợi dụng đường hầm bị bỏ hoang trước đây, xây tiếp con đường xuyên thông qua núi, đồng thời hắn lại cử thuộc hạ dẫn đội vận tải bổ sung hỗn hợp của đoàn lính công trình tác chiến độc lập thứ sáu đi vào huyết động ma mút. Thậm chí, trước ngày Miến Điện giành độc lập, hắn vẫn sai người mạo nhận là không quân hoàng gia, lái chiếc máy bay tiêm kích cải tiến, chở bom địa chấn xâm nhập sơn cốc, chuẩn bị lợi dụng chất độc màu da cam để phá hủy hệ thực vật dưới lòng đất, nhưng kết quả hoàn toàn thất bại.

Trong những lần hành động, có một lần tiến gần thành công nhất chính là khi chiếc tiêm kích vận tải mang hiệu Rắn đen, phi hành trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, liều chết hạ cánh xuống sương mù, nhưng do sau đó liền bị mất liên lạc, nên tất cả công lao đều đổ xuống sông xuống bể. Muốn hủy diệt hoàn toàn Udumbara sản sinh sương mù, bắt buộc phải có chất độc hóa học đặc trị. Loại chất độc màu da cam này và bom địa chấn đều thuộc cấp độ quân dụng, bị quản lý rất chặt chẽ, sau khi quân Anh rút khỏi Miến Điện thì chẳng dễ kiếm được. Bởi vậy, phương án hành động hay nhất là hắn phải cử tiếp một đội cảm tử nữa, bay vào sơn cốc, kích nổ bom địa chấn trong khoang máy bay. Có điều do tình hình Miến Điện bất ổn, xung đột vũ trang không ngừng leo thang, nên hắn mãi vẫn chưa tìm được cơ hội thích hợp.

Tiền Bảo Sơn là người vô cùng cẩn trọng, chưa bao giờ để lộ tung tích trước mặt người khác, bởi vậy nhiều lần hành động chỉ đứng sau bức màn bố trí kế hoạch, chứ không dám thân trực tiếp vào nguy hiểm. Thế nhưng hắn biết màn sương mù dày đặc trong núi Dã Nhân khó lòng xuyên qua, hơn nữa cùng với sự thay đổi của cục diện chính trị, cơ hội

dành cho bọn hán càng ngày càng ít, nên hán đành phải nghĩ kế sách đặc biệt, ra tay từ lĩnh vực nằm ngoài phạm vi nhận thức của khoa học, đồng thời dự định tự mình vào núi, tìm kiếm tòa thành Nhện Vàng.

Trước tiên, Tiền Bảo Sơn nhân lúc chiến tranh ở Việt Nam đang diễn ra ác liệt, liền lẩn vào hoàng thành Huế, ăn trộm chiếc quan tài của vua Chăm Pa, đồng thời lột lớp da mặt của người chết có tướng thập toàn từ phần đầu sọ. Bởi vì Tiền Bảo Sơn biết, hán ta chẳng thiếu gì, chỉ thiếu duy nhất một phần “vận may” khó lòng nắm bắt.

Theo tiêu chuẩn của tòa thánh Vantican, những kẻ có thể tạo ra hai hoặc hơn hai kỳ tích sau khi chết, thì sẽ được coi là “thánh nhân”. Ví dụ, sau khi chết đi, người nào đó, có thể bảo tồn được thi thể không mục không rữa, trải qua hàng trăm ngàn năm, trong điều kiện nhiệt độ môi trường bình thường, mà không thực hiện bất kỳ biện pháp xử lý đặc biệt nào... thì đó được coi là một kỳ tích. Nếu ai mắc phải bệnh hiểm nghèo không thể chữa trị, chỉ cần thành tâm khấn vái cầu nguyện, rồi tiếp xúc với thi thể, bệnh tật nan y trong người tự khắc không chữa mà khỏi, đó cũng là một kỳ tích. Chỉ khi xuất hiện hai kỳ tích, thì thi thể ấy mới được công nhận: người chết sinh thời là một vị thánh nhân. Tất cả quan niệm thuộc loại này đều là quan niệm tôn giáo của người phương Tây.

Trong khi đó, vua Chăm Pa bẩm sinh đã có tướng mạo khác thường, vận may rất mạnh mẽ, như mặt trời lúc chính ngọ. Ví dụ như, ông ta sát nghiệp rất nặng, sinh thời chắc chắn có vô số kẻ địch, ông ta thường xuyên phải đối mặt với những thủ đoạn hành thích hạ độc của kẻ khác, nhưng không hiểu âm mưu dương lạc làm sao, mà cuối cùng những kẻ đó lại chẳng lần nào thành công, mỗi khi thân lâm vào đại kiếp, ông ta đều hóa nguy thành an một cách dễ dàng. Thậm chí sau khi chết, thi thể cũng xuất hiện ít nhất ba kỳ tích: thứ nhất, tuy thi thể mục rữa, nhưng phần đầu lại không hề bị hỏng, mặt nhăn bóng tựa chiếc bình bạc, sống động y như còn sống; thứ hai, từ khi vương lăng bắt đầu bị khai quật trộm, những người từng mở quan tài, nhìn thấy mặt vua thần thái nguyên vẹn, đều kinh hoàng khiếp sợ, không kẻ nào không ngấm ngấm lo lắng, muốn hủy hoại khuôn mặt yêu ma, nhưng tất cả chúng đều gặp phải tai

nạn bất ngờ mà chết, chẳng tên nào ngoại lệ, những kẻ còn lại sợ hãi hồn bay phách tán, đành phải đóng lại quan tài, không dám nhìn mặt lần nữa; thứ ba, nghe nói âm hồn trong quan tài của vua Chăm Pa vẫn chưa tiêu tán, ai có thể lấy khuôn mặt trên xác chết thay vào đầu mình, âm hồn của vua Chăm Pa sẽ đi theo, giúp kẻ đó hóa giải mọi điềm hung thành điềm lành.

Tiền Bảo Sơn cũng am hiểu một chút về phương thuật, nhưng không tin tưởng hoàn toàn. Sở dĩ hắn dám làm như vậy, là vì đã cho mình uống một liều thuốc an thần, và rất cực vận may, cái thứ đó vô hình vô ảnh, là chuyện ngày sau mới biết có tồn tại hay không, chẳng ai dám khẳng định chắc chắn. Sau đó, hắn tiếp tục bắt tay chuẩn bị, đợi chờ thời cơ. Quả nhiên, chẳng bao năm sau, do Miến Điện xảy ra loạn chiến, nên cả một khu vực rộng lớn lại rơi vào trạng thái nằm ngoài vùng kiểm soát của quân đội. Tiền Bảo Sơn mua đứt vài thế lực vũ trang địa phương, bố trí cứ điểm hành động bên ngoài núi, đồng thời không tiếc tiền bạc, chiêu mộ các chuyên gia, cao thủ đủ mọi phương diện, lập kế hoạch chia ra làm ba đội, tiến vào núi tìm kiếm tòa thành cổ dưới lòng đất.

Tuy rằng công tác chuẩn bị bội phần chu đáo, nhưng những nhân tố chưa biết vẫn còn rất nhiều, đội thám hiểm cùng lắm cũng chỉ nắm hai phần chắc chắn, nên Tiền Bảo Sơn không khỏi lo trước phòng sau, do dự khó quyết. Lúc đó, đột nhiên nghe tin, cơn bão nhiệt đới khủng khiếp mấy chục năm khó gặp không ngừng vùn vụt, rất có khả năng sẽ ập đến núi Dã Nhân, rồi cuồng phong giông tố sẽ xua tan triệt để màn sương mù ngàn năm tích tụ dưới sơn cốc. Tiền Bảo Sơn không thể ngờ trở ngại lớn nhất trước mắt lại được ông trời hóa giải một cách dễ dàng như trở bàn tay. Đó cũng là lần đầu tiên trong đời, hắn đã thấy được “vận may” mà chiếc mặt nạ da người của xác chết này mang lại.

Hồi thứ sáu

LỜI NGUYỄN

Giống như lời của một câu tục ngữ Ả Rập: “Vận may là danh từ thay thế cho kỳ tích. Cho dù bạn ném một người đang gặp may xuống đáy đại dương, thì anh ta vẫn có thể cười cá biển bơi ngược vào bờ, bởi vì trên thế giới không có sức mạnh nào đối phó nổi một kẻ may mắn”.

Tiền Bảo Sơn thu thập và tìm hiểu rất nhiều truyền thống phong tục và sách cổ Chăm Pa, rồi căn cứ vào các phương pháp ghi chép trong đó, hắn ta lột hoàn chỉnh bộ da mặt trên đầu vua Chăm Pa, và đeo lên mặt mình. Từ đó về sau, xung quanh hắn luôn xảy ra những sự việc kỳ quái không thể nào giải thích, những sự việc này hư vô khó diễn tả bằng lời, cũng chẳng rõ rốt cục do hiệu ứng tâm lý hay do âm hồn vua Chăm Pa bám theo, nhưng rõ ràng là khuôn mặt khiến hắn cảm nhận được sâu sắc thế nào gọi là đổi vận.

Tiền Bảo Sơn chắc hẳn có thần quỹ trong bóng tối ngấm tương trợ, giúp hắn gạt bỏ mọi điều bất lợi, nên trước khi cơn bão nhiệt đới tấn công, hắn đã lần lượt cắt cử nhiệm vụ cho ba đội thám hiểm, chỉ nói với họ phải đến núi Dã Nhân để tìm tung tích của chiếc tiêm kích mất tích. Hắn bịa rằng hàng hóa trong khoang máy bay đều là châu báu ở Miến Điện được bí mật vận chuyển về Anh, trước khi không quân hoàng gia rút lui, đồng thời cảnh báo vật đó vô cùng nguy hiểm, để sau khi tìm thấy “hàng” thì mới tiếp tục hành sự theo chỉ dẫn, còn trước đó hắn hoàn toàn không tiết lộ cho bất kỳ ai chân tướng sự việc.

Giờ đây hấn đã có được “thiên thời”, nên các phân đội phải lập tức triển khai hành động. Có điều, do nhân tố khí tượng và địa hình, nên thời gian xuất phát của mỗi đội được sắp xếp sớm muộn khác nhau. Đội thám hiểm đầu tiên đi xuống cao su tiến vào núi bằng đường thủy từ mặt bắc, nhưng bọn họ gặp phải thời tiết bất lợi, rất nhanh sau đó liền mất liên lạc, có lẽ đã xảy ra bất trắc, đội thám hiểm thứ hai chính là hội Ngọc Phi Yên, tuy cả đội thương vong chết chóc thảm hại, nhưng lại có vài kẻ may mắn vẫn sống sót, cuối cùng còn vào được tận khe sâu trong núi Dã Nhân.

Tiền Bảo Sơn theo phân đội thám hiểm người Anh, lái chiếc Rắn đen II, bay lượn trên bầu trời, nhưng vì sự biến hóa của thời tiết vượt xa dự tính, nên khi đến gần sơn cốc thì đành phải đảo tay lái quay đầu, nào ngờ chiếc máy bay lại đâm vào một quãng mây đen. Sau cú va chạm, động cơ máy bay liền ngừng hoạt động, máy bay rơi từ không trung xuống, rồi bị rễ cây trên vách cheo leo chằng buộc. Sau khi các thành viên trên máy bay thoát khỏi cơn hôn mê, hồi tỉnh, phát hiện xung quanh toàn là sương mù, họ liền mở cửa máy bay, bật đèn cường quang để quan sát tình hình gần đó, kết quả là gặp phải sự tấn công bất ngờ. Nhưng ngay sau đó cuồng phong giông tố nhanh chóng trấn áp sương khí, Tiền Bảo Sơn một lần nữa lại may mắn thoát nạn. Lúc này hội Tư Mã Khôi đang trốn tránh đất đá sạt lở trong lòng núi, hoảng loạn không biết đi đường nào, liền xông bừa vào trong khoang máy bay, sau đó cả người và máy đều bị rơi tùm xuống vực sâu. Chiếc máy bay tiêm kích cải tiến này là “kỳ tích sản phẩm gỗ” đời cũ do hàng không đế quốc thiết kế, nhờ vào hiệu ứng ống khói do dòng khí đối lưu trong huyết động sinh ra, có thể an toàn hạ cánh xuống lòng cốc, đồng thời cả hội tránh khỏi nạn thịt nát xương tan.

Tiền Bảo Sơn cảm thấy vô cùng may mắn, hấn hoàn toàn tin rằng vận may đang đứng về phía mình, tin rằng từ giờ phút này trở đi cho dù có bị trời chém, thì hấn cũng chẳng hề tổn thương nửa cọng lông. Bởi vậy hấn bỏ qua việc thiết bị kích nổ hư hỏng, tiếp tục trốn trong bóng tối, dùng máy ghi âm uy hiếp mọi người phải lập tức kích nổ bom địa chấn.

Sau khi sự việc thất bại, hắn liền lợi dụng hoàn cảnh tối tăm trong khoang máy bay, tự tay ấn nút kích hoạt.

Ngay sau đó, quả bom địa chấn phát nổ kinh thiên động địa, chất độc màu da cam hủy hoại lớp kén do thực vật dưới lòng đất hình thành, Tiền Bảo Sơn cuối cùng cũng vào được nơi sâu nhất trong sơn cốc, đồng thời tìm thấy đường hầm dưới tòa thành thành Nhện Vàng. Thế nhưng dựa vào sức lực của một người, thì không thể nào đẩy nổi cánh cửa đá, hắn đành phải quay trở lại cánh rừng rậm, định tìm thuốc nổ trong chiếc tiêm kích Rắn đen II, nhưng nào ngờ lại gặp được bốn kẻ may mắn sống sót còn lại của đội thám hiểm.

Tiền Bảo Sơn biết không phải hội Tư Mã Khôi mệnh lớn sống sót đến tận bây giờ, mà do thời vận của mình đã đến, muốn chặn cũng chẳng chặn nổi. Ngoài ra, hắn còn phát hiện thấy đội xe vận tải quân Đồng minh - mà khi xưa bị thuộc hạ Mukhan của mình dẫn xuống huyết động ma mùt, rồi mất tích trong núi Dã Nhân, hắn bèn nhặt một chiếc mũ sắt, thay trang phục, mạo nhận mình là cựu binh bị nhốt dưới lòng đất, mượn ánh sáng của pháo phát tín hiệu, dẫn dụ bốn kẻ may mắn sống sót đi vào đường hầm, tuy rằng giữa đường hành tung bị bại lộ, nhưng hắn vẫn có thể nắm bắt cơ hội đi vào tận đây.

Đường hầm hình bụng rắn từng là trung ương giữa thành cổ và không gian sau cánh cửa đá mà vua Chăm Pa để lại, khoảng cách giữa nó với bí mật cất giấu trong mật thất “thi nhãn” dường như có thể chạm tay với tới được. Nhưng sau khi kiểm tra, Tiền Bảo Sơn mới phát hiện: sự việc không đơn giản như hắn đã dự tính, với năng lực của mình, hắn căn bản không thể vào được “thi nhãn”.

Núi Dã Nhân hiểm nguy mai phục tứ bề, chỉ cần đi nhầm một bước sẽ rơi vào miền đất vạn kiếp không thể siêu sinh. Tiền Bảo Sơn tin tưởng sâu sắc rằng “vận may” không bỏ rơi mình, chỉ có điều thời cơ chưa chín muồi mà thôi. Hắn đang lúng lúng thì hội Tư Mã Khôi bám đuôi riết phía sau khiến Tiền Bảo Sơn không dám trực tiếp lộ diện, đành mai phục trốn trong góc tường. Hắn nghe trộm hội Tư Mã Khôi nói chuyện, và không ngờ bốn người này đã bóc mẽ được nguồn gốc của hắn, nên trong lòng

không tránh khỏi kinh ngạc. Hắn lặng lẽ tiếp cận, tìm cách phá hỏng đèn, rồi nhân lúc hỗn loạn lấy trộm lựu đạn phốt pho, khiến mọi người mất hết các thiết bị chiếu sáng, bị nhốt chặt trong bóng tối, không thể tiếp tục hành động. Đến lúc này, hắn mới hiện thân nói rõ nguồn cơn, đồng thời phân tích lợi hại, hi vọng hai bên có thể đạt được thỏa thuận giao dịch.

Tiền Bảo Sơn thừa nhận, trước đây đã lợi dụng đội thám hiểm, và chính vì hắn che giấu tình hình thực tế của núi Dã Nhân, nên mới gây ra thương vong cho nhiều thành viên một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Bây giờ trước mắt, tất cả những kẻ may mắn sống sót tham gia vào lần hành động này, đều bị nhốt dưới lòng đất, nên nếu hai bên trở mặt giao đấu thì cũng chỉ khiến người chết kẻ vong mà thôi, chẳng ai có lợi cả. Bởi vậy, Tiền Bảo Sơn đảm bảo, chỉ cần hội Tư Mã Khôi không tiếp tục giữ mối quan hệ đối địch, đồng thời giúp đỡ hắn tìm ra “thị nhân”, hắn sẽ nói cho họ biết con đường rút lui an toàn ra khỏi núi Dã Nhân; sau đó, ngoại trừ món thù lao đã hứa với Ngọc Phi Yến, hắn còn trọng thưởng hậu hĩnh cho cả hội. Tiền không phải vấn đề, muốn bao nhiêu con số, các vị cứ việc mở lời yêu cầu, hắn tuyệt đối đáp ứng theo đúng con số nêu ra.

Tiền Bảo Sơn lại nhấn mạnh thêm lần nữa, phàm những chuyện có thể nói ra cho mọi người biết, hắn đều đã đánh bài ngửa cả, đồng thời cũng nêu ra ba điều kiện: thứ nhất, về chuyện rốt cục trong mật thất “thị nhân” cất giấu bí mật gì; thứ hai, khuôn mặt và thân phận thực sự của Nấm mồ xanh; thứ ba, hắn làm cách nào lẩn trốn ngay trước mắt đội thám hiểm, mà không hề bị phát hiện. Tóm lại, ba điều kiện này là ranh giới mà bất kỳ ai cũng không được phép chạm tới, sau cùng hắn nói: “Nếu bọn mi cảm thấy những điều kiện trên đều có thể chấp nhận được, thì chúng ta cứ một lời mà quyết, hành sự phải nhanh chóng, không nên nán ná chậm trễ.”

Tư Mã Khôi kiên nhẫn, nghe Tiền Bảo Sơn nói một hồi, anh biết Nấm mồ xanh chẳng phải hạng người lương thiện gì, mấy lời hứa hẹn này làm sao có thể nhẹ dạ mà cả tin? Chỉ có điều Tư Mã Khôi vẫn không thể tưởng tượng được, lúc đó Nấm mồ xanh đã lẩn trốn vào giữa đội thám hiểm bằng cách nào mà không bị phát giác. Tòa thành cổ toàn bùn

đất nước tù, lại rộng lớn, sâu hút, tứ bề tối đen như mực, có thể tạm thời che đậy hành tung thì chẳng nói làm gì, nhưng trong khoang máy bay tiêm kích vận tải, không gian nhỏ hẹp chật chội như thế, ngoài dưới đáy da mắt ra thì làm gì còn chỗ nào giấu nổi người? Tiền Bảo Sơn tuy rằng tự nhận mình là người sống, nhưng vì sao không bao giờ dám lộ khuôn mặt thật cho mọi người thấy? Huống hồ đầu hấn lại bị đạn bắn xuyên qua, suýt chút nữa thì rơi sọ, thế mà hấn vẫn có thể đi lại như thường. Hơn nữa, xung quanh tứ bề tối om om, trong tình trạng chẳng hề có chút nguồn sáng nào hỗ trợ, mà hấn vẫn có thể thông thạo tất cả. Tư Mã Khôi vừa nghe đối phương thuật lại mọi chuyện trải qua, vừa âm thầm ngẫm nghĩ các khả năng, anh thấy, trước mắt có quá nhiều nhân tố không thể xác định, nhưng lại có một điểm có thể chắc chắn: ba bí mật mà Năm mò xanh nêu ra, chỉ cần tìm cơ hội phá giải một điều, thì sẽ uy hiếp trực tiếp đến cả kết cấu. Nghĩ vậy, anh bèn giả vờ tin lời và ra giọng thỏa hiệp: “Bọn ta không có nguồn sáng, đi một bước trong bóng tối còn khó khăn, thì làm sao mà trợ giúp người được?”

Ngọc Phi Yến cũng bán tín bán nghi hỏi Tiền Bảo Sơn: “Rốt cục lời nói gió bay, làm sao bọn tôi dám tin ông chứ?” Tuyệt ngậm ngậm cau mày, nhỏ giọng hỏi Ngọc Phi Yến: “Cô dám tin lời hấn sao?”

Hải ngọng sớm đã không giữ nổi bình tĩnh, chỉ có điều chẳng thể làm gì trong bóng tối, đành lớn tiếng mắng chửi: “Mẹ kiếp! Ai dám tin mấy lời quỷ nhà nó, khéo chết cũng chẳng biết mình chết thế nào.”

Ngọc Phi Yến thầm nghĩ: rõ ràng là Tư Mã Khôi tiếp lời hấn trước, sao các anh lại quay sang trách móc tôi? Cô nàng không khỏi bực mình, cảm thấy hội Tuyệt rốt cục vẫn không phải là người cùng đường với mình, chẳng thể so với những huynh đệ sinh tử của Sơn lâm đội thiếu lão đoàn, rồi cảm giác ngăn cách vừa nổi lên, cô ta liền vô tình dịch chuyển ra xa nửa bước, chẳng ngờ, chân vừa hạ xuống liền đạp phải một vật gì đó. Ngọc Phi Yến là người cực kỳ nhạy bén, nhờ vào xúc giác, cô ta liền biết đó dường như là đinh chốt giống như lò xo ép, rồi lập tức nhớ đến hàng hóa nhìn thấy trên mấy chiếc xe tải Dodge khi trước, thân người bất giác túa mồ hôi lạnh, kinh hoàng thốt lên: “Mìn!”

Ba người còn lại nghe tiếng, đều giật nảy mình, Tư Mã Khôi biết tình thế không ổn, vội vàng hét lớn: “Không được nhúc nhích!” Nhưng lời cảnh báo thốt ra muộn mất một tích tắc, Hải ngọng đã nằm rạp xuống theo phản xạ bản năng, nào ngờ lòng bàn tay ấn đúng vào bộ phận kích hoạt của trái mìn. Anh lạc giọng thốt lên hai tiếng: “Toi rồi!” Cũng may mà trong lúc hoảng loạn anh vẫn không rút tay lại, mà lập tức gắng sức duy trì tư thế phủ phục, giữ vững trọng tâm cơ thể, bất động không nhúc nhích.

Tuyệt khe khẽ nhấn vào vai Ngọc Phi Yến, như để an ủi: “Cô tuyệt đối không được cử động đây!”

Ngọc Phi Yến nghĩ: vạn sự đều rui cả thành tro, nên bất lực nói: “Tôi xong rồi, cô mau chạy đi.” Tuyệt không trả lời, sờ quả mìn mà chân Ngọc Phi Yến đang giẫm lên, phân biệt hình thù và chi tiết của nó trong bóng tối, rồi sợ hãi hít ngược một hơi khí lạnh, nói với Tư Mã Khôi: “Đây là mìn chống bộ binh loại tháo nổ, chỉ cần nhấc chân... là mất căng.”

Tư Mã Khôi biết rõ điểm lợi hại của loại mìn này, nó chuyên dùng để sát thương bộ binh, tuy không gây chết người, nhưng sẽ nổ cụt chân, khiến họ mất khả năng chiến đấu, đồng thời trở thành gánh nặng cho đồng đội. Hơn nữa, loại mìn này lại áp dụng nguyên tắc kích hoạt dạng tháo nổ, sau khi kích hoạt, chỉ cần thay đổi lực tác dụng một chút là nó lập tức phát nổ, thần tiên La hán cũng chẳng thể thoát thân, cho dù có dẫn chuyên gia tháo mìn của đơn vị lính công binh đến, thì cũng không thể tháo gỡ an toàn một cách tuyệt đối được. Có lẽ lúc xây dựng con đường Stilwell, ở khu vực núi Dã Nhân vẫn lẫn trốn rất nhiều binh lính Nhật mà quân Đồng minh chưa thể tiêu diệt hết, nên để đề phòng bọn chúng đến phá đường, hai bên đường còn cài đặt khá nhiều loại mìn chống bộ binh. Ngoài ra, cài mìn cũng là một trong những nhiệm vụ thường nhật của đoàn lính công trình, bởi vậy trên xe tải chuyên chở vật dụng vũ trang của quân đội Mỹ mới có mấy vật này. Tư Mã Khôi lo lắng, căng thẳng đến nổi trán nổi lằn gân xanh, lòng thảm máng Tiền

Bảo Sơn thủ đoạn thâm độc, khi này không chỉ ăn cắp lựu đạn phốt pho, mà còn âm thầm lặn lẽ cài địa lôi ngay cạnh cả hội.

Lúc này, trước mắt mọi người bỗng nhiên bùng sáng, thì ra Tiền Bảo Sơn thắp ngọn đèn đèn đồng lớn ở gần đó. Ngọn đèn đồng được đúc thành hình con rắn chín đầu, bên trong chín cái đầu rắn đều có mỡ người, cao người và dầu cá, được mệnh danh là hỏa diệm ngàn năm, hay lò lửa vạn kiếp, trong thân rắn giấu bắc và đường dẫn dầu, chỉ cần châm lửa vào một cái, là chín cái đầu rắn đều cùng lúc được thắp sáng. Trong nháy mắt, ánh sáng chiếu rọi cả phạm vi trải rộng trăm bước.

Tư Mã Khôi dụi dụi mắt, nhờ ánh sáng mà nhìn khắp bốn phía xung quanh, anh thấy nơi mình đang đứng là một tòa điện lớn như đàn tế thần vậy, vòm điện vừa cao vừa rộng, xung quanh có năm đường hành lang xếp tầng đi xuống, mỗi tầng đều có một bức bích họa lớn màu sắc rực rỡ, diễm lệ hùng tráng chẳng khác nào sử thi. Bốn góc có nguồn suối ngầm phun trào tựa hồ không bao giờ cạn kiệt, chính giữa sừng sững một tòa tháp cổ phình bụng hình thù cổ quái, phía trong các động nhỏ xung quanh đựng đầy kim châu bảo ngọc, và hàng nghìn bức tượng nằm la liệt, tất cả như thể không phải đồ vật chốn trần gian. Một hàng phù điêu quái xà mình mọc bốn tay bốn chân, bốn tay lần lượt cầm nắm pháp loa sankha^[31], sen vàng, quyền trượng^[32], pháp luân^[33], mình mảy phủ đầy vẩy cứng, cuốn quanh thân tháp. Hội Tư Mã Khôi và Tuyết đứng ngay trong một đường hành lang, ở khe đá nứt trên mặt đất, ngay sát chân, còn cái khoảng sáu, bảy trái mìn chống bộ binh nữa. Ngọc Phi Yên và La Đại Hải đen đui mỗi người giẫm ngay phải một quả trong số đó, mồ hôi lạnh đang nhỏ xuống tong tong, thân thể chịu sự căng thẳng đến cực hạn, liền trở nên tê cứng.

Tiền Bảo Sơn ẩn mình dưới bóng đèn đèn đồng, lạnh lùng nói: “Xem ra bọn mi còn hiểu rõ sự đáng sợ của mìn chống bộ binh hơn cả ta đây. Chịu áp lực từ thể xác đến tinh thần, xem ra chẳng mấy ai còn có thể gắng gượng được lâu đâu.” Tiền Bảo Sơn tự nhận mình từng buôn bán vũ khí chiến tranh mấy chục năm, rất giỏi gỡ mìn, giờ đây người có thể cứu Ngọc Phi Yên và Hải ngọng chỉ có hắn, nên nếu Tư Mã Khôi không

muốn giương mắt nhìn các bạn bị mình nổ máu thịt tan tác, thì buộc phải nghe theo mọi mệnh lệnh của hắn, chứ không còn lựa chọn nào khác. Tiền Bảo Sơn nói với Tư Mã Khôi: con quái xà bốn tay bốn chân kia, tương truyền là tượng phù điêu “thi thần” thời cổ đại, quái xà không có mắt, trong miệng ngậm một tráp ngọc, bên trong đặt chiếc chìa khóa mở mật thất “thi nhãn”. Tiền Bảo Sơn đã nhìn thấy một bức vẽ trong quan tài vua Chăm Pa, nên hắn ta hiểu rất rõ những chân lý huyền diệu và bí ẩn cất giấu dưới bóng tối tĩnh lặng. Hắn đã từng tận mắt chứng kiến Tư Mã Khôi thi triển tuyệt kỹ bọ cạp đảo đầu bò tường trong đường hầm, liền lệnh cho anh cởi bỏ mọi vũ khí, chỉ mang theo cây giáo mở vệt, leo lên đỉnh tháp, tìm tráp ngọc.

Tư Mã Khôi cúi đầu liếc mắt nhìn mấy quả địa lôi chống bộ binh dưới đất. Anh hiểu rõ loại mìn đời cũ do Mỹ chế tạo là loại vô cùng tàn độc, một khi đã kích hoạt thì không có cách nào giải trừ, mà ngay cả những chuyên gia gỡ mìn công binh giàu kinh nghiệm nhất, cũng chưa chắc đảm bảo được ba phần, thì ai dám khẳng định kẻ buôn bán vũ khí đã hiểu được cách tháo mìn? Cũng giống như kẻ buôn bán thuốc phiện, có khi cả đời chưa từng tự mình trồng cây anh túc bao giờ, hướng hồ Tiền Bảo Sơn hành sự nham hiểm, tàn độc, hắn ta căn bản không hề để tâm đến sự sống chết của mọi người, nên dù hứa xong chắc chắn hắn cũng sẽ nuốt lời.

Hải ngọng bò trên đất, vết thương ở hông lại bắt đầu nứt toác, máu tươi tuôn ra đầm đìa. Anh cảm thấy bản thân khó có thể gắng gượng thêm nữa, tự biết vận mình đến đỗi, bèn cắn răng nghiêng lợi, nói với Tư Mã Khôi: “Bạn này chắc tớ thật rồi, nếu mắt và cánh tay đều hỏng, thì sống làm chó gì cho mệt? Cậu và Tuyệt mau chạy ra xa một chút, rồi cho tớ phát súng, cứ ngắm trúng đầu mà nổ, để tớ được chết một cách thoải mái tí chút. Nhưng các cậu nhất định phải thay tớ băm nát tên khốn Tiền Bảo Sơn kia thành vụn mảnh, tớ dù đi trước một bước, trên đường xuống hoàng tuyền vẫn đợi hắn...”

Tư Mã Khôi nói với Hải ngọng: “Tớ mà cho cậu ăn đạn, mẹ nó chứ, cậu thì sướng rồi, nhưng cả quãng đời còn lại của tớ sẽ phải sống

trong ác mộng, tuy quãng đời còn lại, có khi cũng chẳng qua được hết hôm nay.”

Ngọc Phi Yến đứng bên, nghe thấy hai người đối thoại mà xót xa, lại nghĩ người khác đã chẳng dám ra tay, thì chỉ còn cách tự mình kết liễu cuộc đời vậy. Nghĩ đoạn, liền nói với Tư Mã Khôi: “Thỉnh thoảng tính khí tôi hơi nóng nảy, mong anh đừng để bụng.”

Tư Mã Khôi vẫn giữ thần thái điềm nhiên, dường như hoàn toàn bỏ ngoài tai mấy lời vừa rồi của Ngọc Phi Yến, chỉ rút cây giáo mở vạt cô mang theo cắm sau lưng, rồi bỏ khẩu súng xung phong và con dao săn xuống, nhắc chân nhìn đáy giày, thấy phía dưới toàn đất bùn chui vào kẽ, liền dùng khăn thủy bố ra sức lau chùi, rồi tiện tay ném chiếc khăn cho Tuyết. Sau đó anh chẳng hề ngoái lại nhìn ba người còn lại lấy một cái, mà ung dung quay người đi xuống hành lang, thi triển tuyệt kỹ “tháo ủng ngược” bò lên tòa tháp cổ.

Tòa tháp cổ và thân măng xà đều là vách cheo leo dựng đứng. Tư Mã Khôi không dám lơ là, dang rộng tay chân, thân thủ nhanh nhẹn, chẳng thua gì khi vượn, một hơi leo lên mãi tít lên cao, ôm đỉnh tháp nhìn xuống dưới, thấy ba người Tuyết, Hải ngọng và Ngọc Phi Yến bên cạnh điện, chỉ còn là một khối đen sì sì, chẳng thể phân biệt ai với ai. Anh hít một hơi thật sâu, cố gắng nén cơn đau kịch liệt đang giằng xé trên vai, rồi lại từ đỉnh tháp bò tới chỗ đầu rắn, quả nhiên thấy miệng con rắn há to, cắn chặt chiếc tráp ngọc hình mắt rắn, bên trong cất giữ một con rắn bốn chân khảm vàng nạm bạc, to gần bằng cánh tay người. Tư Mã Khôi rướn người lấy con rắn bốn chân ra, liền sau đó, cắm cây giáo mở vạt vào sau lưng, rồi đưa mắt từ trên đầu rắn nhìn xuống dưới: dưới ánh đèn mờ ảo, những thỏi đá to lớn lát nền điện hiện hình thành một khối đen sì sì, khó lòng phân biệt rõ, nhìn kỹ thì đó chính là hình một tòa tháp cổ, nếu không leo lên nơi cao như thế này, chắc chắn không thể phát hiện trên mặt đất cũng có hình vẽ, trong khi căn mật thất “thi nhãn” lại ẩn mình dưới chiếc bóng của đầu rắn.

Tư Mã Khôi nhìn rõ vị trí, lập tức từ tháp cổ tụt ngược xuống, lần đến chỗ thỏi đá, dùng giáo mở vạt cạo hết bùn đất, nạy theo đường viền

của thỏi đá, quả nhiên khe hở nở rộng ra, dưới những thỏi đá lộ ra một mảnh tiền đồng đúc hình tròn, với hoa văn cổ quái, rộng khoảng một mét. Bên trên đồng tiền có con thần lằn bốn chân nạm vàng, khảm vào hoa văn đồng tiền. Tư Mã Khôi nhấn tay vào con thần lằn nạm vàng, quay nửa vòng ngược chiều kim đồng hồ, vào đúng ổ khóa, rấn bốn chân và nắp đồng đã kết lại thành một thể, rồi anh dùng hai tay nắm chặt và nhấc mạnh lên trên. Cửa động ầm ầm chuyển động, mở ra một địa huyết, từ bên trong ủa ra luồng khí đen ngòm, đèn nền trong đại điện trở nên mờ tối theo sự xuất hiện của luồng khí.

Tư Mã Khôi biết rõ sự lợi hại của luồng khí độc hại này nên anh không dám lại gần quan sát tình hình trong địa huyết, mà lánh sang một bên nói với Tiền Bảo Sơn: “Việc ngươi sai ta làm, giờ đã làm xong, còn hai quả mìn dưới kia thì tính sao đây?”

Tiền Bảo Sơn ung dung đáp lời: “Dù sao cũng đã chịu được từng ấy thời gian rồi, còn vội gì chứ? Cho dù định mau chóng biến thành ma, đầu thai sang kiếp khác, thì cũng chẳng cần phải tranh thủ từng giây như thế.”

Tư Mã Khôi trầm cuống lên, lại hỏi: “Ngươi vốn dĩ không biết tháo gỡ mìn, cũng không định để bọn ta thoát khỏi núi Dã Nhân đây hả?”

Tiền Bảo Sơn có niềm tin rất sâu sắc rằng: trên thế giới không một sức mạnh nào có thể đối kháng được “vận may”, cảm giác để vượt qua mọi sợ hãi này đã khiến hắn cứ nghĩ mình đang ở Thiên quốc. Hơn nữa, toàn bộ tiến triển của sự việc vẫn đang nằm trong tầm kiểm soát của hắn, bí mật trong “thị nhãn” đã gần ngay trước mắt, thì làm gì có chuyện hắn để mắt đến sinh mạng mấy người này, thế là hắn cười nhạt không đáp.

Tư Mã Khôi thấy mình đoán không sai, mắt tóe lửa, giận dữ nói: “Vậy thì đừng trách ta không khách sáo, cả đời này ta ghét nhất những kẻ nói lời rồi nuốt lời, lật lọng trở mặt, và cả những kẻ lừa mình gạt trời, buôn bán vũ khí, buôn bán thuốc phiện. Tất cả tội ác của ngươi gặp phải tay ta, có chết mười lần vẫn còn là ít.”

Tiền Bảo Sơn không hề để ý, điềm nhiên bước ra từ phía sau đèn đồng, đứng đỉnh nói: “Mi cho rằng dựa vào bản lĩnh loài khỉ nhà mi, là có thể động vào ta sao?”

Tư Mã Khôi chỉ vào Tiền Bảo Sơn và nói: “Cho dù ngươi có là thần phật hạ giới, hôm nay ông mày cũng nhất quyết phải động đến cho bằng được.”

Tiền Bảo Sơn tuy chẳng hề sợ hãi, như bản tính hấn lại là người cẩn thận, hay nghi kỵ, khó lòng tránh khỏi nảy sinh nghi hoặc, lỡ đâu có chuyện gì xảy ra thật thì dở, thế là hấn bèn dò hỏi: “Mi dựa vào đâu mà phát ngôn ngông cuồng như thế?”

Tư Mã Khôi nói: “Dưới vòm trời chỉ có một cách, có thể đối phó với một người đang gặp vận may đây.”

Tiền Bảo Sơn hơi sững sốt, nói: “Tuyệt đối không thể... đó... đó là cách gì vậy?”

Hồi thứ bảy

BIẾN MẤT TRONG MẬT THẤT

Tiền Bảo Sơn tin tưởng tuyệt đối rằng chiếc mặt nạ da người của vua Chăm Pa có thể đem lại vận may cho bản thân, mà chẳng ai lại có thể phủ nhận sự tồn tại của vận may, bởi vì cán cân hai đầu thành bại, rốt cục sẽ nghiêng về phương nào, lại thường bị sai khiến bởi những nhân tố vô cùng vi diệu, nhưng nó là thứ vô hình vô ảnh, thậm chí chẳng một tiêu chuẩn cụ thể nào có thể đo lường. Lúc này, nghe Tư Mã Khôi nói, trong lòng hắn khó tránh khỏi nghi kỵ.

Chỉ thấy Tư Mã Khôi tiếp lời: “Người vẫn không tin sao, trên thế giới quả thực vẫn tồn tại một sức mạnh có thể đối phó với kẻ đang gặp vận may, đó là nghĩ cách để mình còn may mắn hơn hắn ta.”

Tiền Bảo Sơn nghe xong và nghĩ là Tư Mã Khôi chỉ đang ba hoa để thu hút sự chú ý, liền yên tâm trở lại, lạnh lùng nói: “Mi cho rằng vận may của mình, có thể so sánh với vận may của vua Chăm Pa - người vĩnh viễn bắt người ta ngẩng đầu ngược nhìn hay sao?”

Tư Mã Khôi bất lực lắc đầu: “Ta chỉ là hồ tiêu xào rau, hồ tiêu rang cơm, mỗi đánh mặt chược là không hồ đồ cũng chẳng hồ tiêu, nếu thực sự có may mắn thật thì đã chẳng phải chạy sang Miến Điện tham gia đội du kích, càng chẳng phải vào núi sâu để gặp phải loại quái vật người không ra người, ma không ra ma như người...”

Tiền Bảo Sơn nhếch mép cười: “Nếu như người biết giữ đức cho cái miệng một chút, biết đầu tám kiếp sau sẽ được gặp may mắn cũng nên.” Hắn thấy Tư Mã Khôi đang nói nhăng nói cuội, dường như muốn

cổ ý kéo dài thời gian, chỉ e đêm dài lắm mộng, nên phút chốc liền đề cao cảnh giác, đồng thời lần ra phía sau chiếc đèn đồng, ẩn mình trong góc tối dưới bóng đèn, đang định tiếp cận địa huyết nơi cửa động, thì nghe Tư Mã Khôi sắc giọng lên tiếng: “Kỳ thực, trên mặt vua Chăm Pa, vốn dĩ không hề tồn tại vận may.”

Thì ra, lúc Tư Mã Khôi bước vào đại điện của tòa thành Nhện Vàng, đã nhìn thấy sau cánh cửa đá có một bức bích họa với nội dung kỳ dị. Anh nhớ Ngọc Phi Yến từng nói, vương triều Chăm Pa áp dụng hệ thống trị thần quyền, tôn thờ thần thú Vệ Đà, lấy dung mạo con người để phân biệt sang hèn, tướng vật đáng sợ của mãng xà và tháp cổ ngầm dự báo sự kết thúc và cái chết; những bức phù điêu xung quanh thành cổ, về cơ bản đã đều lấy điều này làm gốc. Đường như đây chính là một “tòa thành chết”, còn bức bích họa phía sau cánh cửa đá, tựa hồ ám thị cái chết của quốc vương, nhưng vì sao lăng tẩm của vua Chăm Pa lại không đặt ở đây?

Nếu nói khe sâu trong núi Dã Nhân hoàn toàn đoạn tuyệt với thế giới bên ngoài, hàng ngàn năm trước đã bị sương mù che phủ, cho dù trong điều kiện bình thường, dường như không ai có thể phát hiện thành cổ vùi sâu dưới lòng đất. Hơn nữa, hình thù của tòa thành Nhện Vàng, tượng trưng cho cái chết này lại rất kỳ lạ, thế gian không thể có cái thứ hai, thế mà nó lại không phải là nơi mai táng hài cốt của một đời thần vương. Vậy vua Chăm Pa hao tâm tốn của xây dựng nó rốt cục nhằm mục đích gì? Những nô lệ và thợ xây dựng thành cổ đều bị giết hết, là nhằm để che đậy bí mật gì? Vua Chăm Pa bản ngã tự tôn rất cao, được coi là người gần kề Thiên quốc nhất, nhưng dường như đối với bí mật ẩn chứa trong tòa thành Nhện Vàng, ông ta vừa kính sợ, lại vừa khiếp đảm.

Tư Mã Khôi cảm thấy có một bí mật tồn tại trong tòa thành Nhện Vàng, nhưng nó thế nào thì anh vẫn chưa rõ, anh chỉ có thể suy đoán lơ mơ về nó, mà một vài manh mối anh có được cũng đan xen phức tạp, nên vẫn chưa thể tìm ra mấu chốt. Tuy từ lúc bắt đầu phát hiện hàng trong chiếc tiêm kích, đội thám hiểm đã có cơ hội so găng với Nấm mồ xanh, nhưng trước sau đều ở thế bị động, dường như chẳng nhìn thấy bất

kỳ tia hi vọng nào. Tư Mã Khôi am tường thuật Kim điện, anh hiểu vận may được quyết định bởi tinh thần nội tại của con người, đồng thời anh không tin người nào có thể thực sự khống chế vận may, huống hồ dung mạo vua Chăm Pa rất đặc biệt, có bì tướng mà không có cốt tướng, nên rõ ràng không phải khuôn mặt bẩm sinh. Chỉ có điều Tư Mã Khôi cũng cảm thấy: phía sau chiếc mặt nạ da người lấy từ xác chết vua Chăm Pa, quả thực tồn tại một thứ vô hình vô ảnh, nó có sức mạnh ngăn chặn da mặt của xác chết không bị hủy hoại, dường như đó là một ẩn số lời nguyên ngàn năm không tiêu tán. Trong khi đó, trên thân thể Năm mò xanh tử khí toát ra nặng nề, nên tuyệt đối chẳng phải người gần kề Thiên quốc, mà nếu phải miêu tả, thì nói “hồn ma gần kề địa ngục” mới chính xác. Nhưng không rõ vua Chăm Pa rốt cục đã bỏ lời nguyên gì vào khuôn mặt của chính mình, hay vong hồn ông ta thực sự vẫn chưa thể siêu thoát, cứ mãi quanh quẩn trong bóng tối nhìn đăm đăm vào khuôn mặt như người trời của mình.

Tư Mã Khôi biết trên mình Năm mò xanh có ít nhất ba bí mật: thứ nhất là thân phận và khuôn mặt thực sự của hắn; thứ hai là phương pháp lẩn trốn vào trong máy bay; thứ ba là động cơ thâm nhập thành cổ tìm kiếm mật thất “thi nhân”, và vì sao những bí mật này không thể để người ngoài biết được? Có lẽ chỉ vì một nguyên nhân mà thôi, đó chính là sự sợ hãi, bởi ba bí mật này đều có thể tạo thành sự uy hiếp trực tiếp đối với sự tồn tại của Năm mò xanh. Ngoài ra, Năm mò xanh còn hiểu lầm một khái niệm, đó chính là vận may của vua Chăm Pa. Nếu có thể nhanh chóng giải đáp câu đố này, thì hội của anh vẫn còn khả năng xoay chuyển cục diện bị động hiện tại.

Tư Mã Khôi nhìn thấy bức bích họa xung quanh đại điện: phần lớn những bức vẽ mô tả cảnh tượng hành hình lột mặt dã man, đều là tà thuật chế bùa luyện trùng. Năm đó, những kẻ trộm mộ khai quật lăng tẩm của vua Chăm Pa, phát hiện hài cốt ông ta đã hư hại, chỉ có khuôn mặt là vẫn như còn sống. Bọn trộm mộ đương nhiên gai lạnh trong lòng, bèn tìm cách hủy hoại khuôn mặt, nhưng tất cả đều gặp phải tai nạn bất ngờ, đành phải niêm phong kín quan tài, không dám mở ra nữa. Ngoài ra, Tư Mã Khôi từng bắn trúng một phát đạn vào đầu Tiền Bảo Sơn trong

đường hầm, nếu đôi phương quả thực sở hữu vận may, thì đáng lẽ ra không bị đạn bắn trúng mới phải. Những tình huống đó đã khiến Tư Mã Khôi càng tin tưởng vào phán đoán của mình: khuôn mặt của vua Chăm Pa không hề có vận may, mà là chứa một loại lời nguyền nào đó. Tiền Bảo Sơn chuyển khuôn mặt của vua Chăm Pa lên đầu mình, lời nguyền cổ xưa cũng theo đó mà bám vào thân, bởi vậy, thay vì nói Tiền Bảo Sơn gặp vận may, chẳng bằng nói hắn bị nguyền rủa, vì bất kỳ kẻ nào có ý đồ trực tiếp hoặc gián tiếp hủy hoại “khuôn mặt”, kẻ đó sẽ bị lời nguyền chí mạng của vua Chăm Pa hại chết, không những vậy, sức mạnh của lời nguyền còn vượt xa phạm vi này. Năm mồ xanh năm rõ bí mật “khuôn mặt” không thể bị làm hại, nên mới dám tự mình vào núi tìm tòa thành Nhện Vàng, đồng thời còn có thể hóa nguy thành an hết lần này đến lần khác. Bởi thế, chỉ khi tránh khuôn mặt của vua Chăm Pa, thì mới có thể đối phó được với Năm mồ xanh.

Tiền Bảo Sơn chẳng ngờ Tư Mã Khôi có thể vạch trần chân tướng này, nên hắn không khỏi kinh hoàng. Hắn ta nhìn thấy luồng khí âm u độc hại trong huyết đá khép kín vẫn chưa tan hết, nên chỉ cần nắm được thời cơ, sẽ lập tức lên vào, còn đôi phương vì phải quan tâm đến đồng bọn đang đập trúng mìn chống bộ binh, thì chắc là sẽ không truy đuổi theo, thế là hắn chẳng đáp lời nào, nhân lúc Tư Mã Khôi ở cách xa lối vào mật thất, liền định cướp súng hành động trước một bước, Ai ngờ, hắn vừa mới đứng dậy, liền bị họng súng bốn rãnh đạn chĩa thẳng vào đầu, thì ra hội Hải ngong, Tuyệt và Ngọc Phi Yến đã đứng dậy bao vây xung quanh từ bao giờ.

Tiền Bảo Sơn kinh hãi tột độ: “Sao có thể như vậy được? Trong mấy kẻ may mắn sống sót, chẳng có ai là chuyên gia gỡ mìn hay lính công binh, thậm chí công cụ gỡ mìn chuyên nghiệp cũng không có. Quả mìn chống bộ binh do Mỹ chế tạo đã bị giẫm dưới chân, cho dù là thần tiên cũng khó lòng thoát thân, không hiểu bọn họ làm cách nào mà có thể an toàn rút lui được nhỉ?”

Kỳ thực hội Tư Mã Khôi tòng quân chiến đấu ở Miến Điện đã lâu, rồi chiến hữu xung quanh bị mìn nổ chết hay bị thương, nhiều không kể

xiết, nên họ rất quen thuộc với tất cả các loại mìn đời cũ thường thấy. Lúc Tư Mã Khôi thấy Hải ngọng và Ngọc Phi Yến chạm phải mìn, trong lòng ngảm chết lặng, biết sự việc đã bước vào giai đoạn không thể cứu vãn, nhưng nhãn quang của anh từ trước đến nay vẫn tinh nhanh hơn người, nên phát hiện trái mìn chống địa lôi của Mỹ này có vẻ hơi bất thường. Có lẽ do đối phương cho rằng mình đã khống chế hoàn toàn cục diện, nên mới tự phụ mà hành động thiếu cẩn tắc, cũng có thể Năm mò xanh - tuy là kẻ đầu não khống chế tổ chức ngảm mua bán vũ khí chiến tranh, nhưng lại không thông thạo tính năng và kết cấu của loại vũ khí này, tóm lại, Tiền Bảo Sơn vẫn chưa đóng chặt chốt an toàn của quả mìn chống bộ binh.

Loại mìn M2A4 của Mỹ sản xuất trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai, để đề phòng trường hợp xảy ra tai nạn bất ngờ, nên chúng được cài chốt an toàn đơn nhất, bởi vậy trước khi cài đặt sử dụng, đầu tiên là phải đóng chặt chốt an toàn trên nắp mìn, nếu không, một khi bị ai đó chạm vào kích nổ, họ chỉ cần dùng dao găm cạo bỏ lớp vỏ ngoài, sau đó cắt đứt ngòi nổ kim loại bên trong, là có thể giải trừ cháy nổ. Lúc đó Tư Mã Khôi liền lợi dụng bầy để cài lại bầy, mặt không hề biến sắc, lấy khăn thủy bố chùi bùn đất ở mặt giày, rồi ném cho Tuyết, ngảm phát ám hiệu cho cô, bảo cô tìm cách gỡ mìn. Sau đó, Tư Mã Khôi hành động theo mệnh lệnh của Năm mò xanh, đồng thời cố tình kéo dài thời gian.

Tiền Bảo Sơn trầm lỗ kín, chỉ một lỗ hở, dồn sự chú ý lên mình Tư Mã Khôi đang tìm kiếm mật thất “thị nhãn”, chẳng ngờ sau khi Tuyết bắt được tín hiệu của Tư Mã Khôi, liền cắt đứt ống dẫn nổ của trái mìn, đợi khi hắn ta phát hiện ra, thì đã bị hội Hải ngọng bao vây ba mặt. Sự việc xảy ra quá bất ngờ, hắn chẳng còn đường lùi để xoay chuyển cục diện.

Hải ngọng lửa giận phùng phùng, chẳng nói chẳng rằng, chĩa thẳng họng súng vào đầu Tiền Bảo Sơn, dứt khoát bóp cò, nhưng không rõ do súng hỏng hay đạn bị ẩm, mà súng chẳng phát nổ. Ngọc Phi Yến đứng bên cạnh vội vã can lại: “Trước tiên hãy giữ cái mạng hắn đã, nếu không chẳng ai thoát ra khỏi đây nổi đâu.”

Hải ngọng giận dữ mắng: “Giữ mạng cái bà nhà nó, ông mày chỉ biết bắn thành tám mảnh thôi!” Anh đang định vút súng xuống, cầm dao sẵn ném thẳng vào Tiền Bảo Sơn, thì hần đột ngột từ trong bóng tối quăng quả lựu đạn phốt pho vào ánh đèn, màn khói mịt mù hòa quyện với ánh lửa chói lòa nhanh chóng lan tỏa khắp nơi, chớp mắt đã hình thành một bức tường lửa trên mặt đất, mọi người gào hét, vội vã lùi người về sau.

Tư Mã Khôi đang đứng ở mặt bên của cột đèn, cùng với ba người còn lại tạo thành thế bao vây kìm kẹp Tiền Bảo Sơn. Anh không bị bức tường lửa cản trở, rút giáo ra định tiến lên trước, nào ngờ gặp khí mêtan ngấm qua khe nứt trên vách đá trong huyết động, trào ra cửa động vẫn chưa tan hết, bắt lửa bốc cháy. Loại khí dễ cháy này, nếu nồng độ trong không khí vượt quá bảy phần trăm, cơ thể vẫn chưa cảm nhận được sự khác thường, nhưng chỉ cần gặp lửa là lập tức bốc cháy, phát nổ. Khí mêtan ở cửa động địa huyết tương đối nặng, bắt phải tia lửa, liền nhanh chóng lan rộng khắp đáy điện.

Tư Mã Khôi thấy xung quanh địa huyết bốc cháy ngùn ngụt như một biển lửa, nóng rất khác thường, đến gần nửa bước cũng khó khăn, nên anh đành né người tránh qua chỗ khác. Lúc này mọi người đều nhìn thấy một cảnh tượng khiến ai nấy đều chấn động tâm kinh: Tiền Bảo Sơn, mặc dù bị bức tường lửa bao vây, vẫn mặc kệ tất cả, liềm mình đội khói rẽ lửa giằng co định tiếp cận địa huyết. Nhưng cánh tay vừa mới thò ra, thì đã chạm phải lửa phốt pho đang bốc cháy dữ dội phía trước, hỏa diễm màu xanh thẫm cháy thấu qua da thịt, liềm vào tận xương, rồi trong phút chốc bàn tay của hần cháy rụi thành cục than đỏ rực, hần đau đớn kêu lên “Á!” một tiếng thảm thiết, biết mình không thể đi xuyên qua bức tường lửa.

Hải ngọng thấy khó có thể tiến lại gần, liền lập tức nhồi thuốc vào súng, rồi giương họng súng ngắm thẳng vào Tiền Bảo Sơn, bóp cò lần nữa. Tiền Bảo Sơn chỉ lo quay người tránh né lửa dữ, không ngờ lại đón mặt lĩnh trọn họng súng. Phen này hần chẳng thể gặp may được nữa, trong tiếng súng chấn động màng nhĩ, chỉ thấy đầu Tiền Bảo Sơn máu

thịt trộn vào nhau be bét, cả cái sọ bị bắn tan thành mảnh vụn, thân thể cũng bị đẩy bật về phía sau mạnh đến nỗi ngã vật xuống, bay qua bức tường lửa, nặng nề rơi bịch vào trong địa huyết đang mở rộng cửa.

Tư Mã Khôi vốn dĩ định hét gọi Hải ngọng tránh “khuôn mặt” của vua Chăm Pa, nhưng chưa kịp mở miệng, thì đầu của Tiền Bảo Sơn đã bị khẩu súng săn nòng ngoại cỡ bắn tan tác. Khí metan đang bốc cháy ở gần cửa động tiêu tan rất nhanh, nhưng lựu đạn phốt pho vẫn bốc cháy một hồi lâu mới dần nhạt đi. Tư Mã Khôi cảm thấy sự việc vô cùng uẩn khúc, nên đợi thể lửa suy yếu là lập tức chạy tới tìm kiếm thi thể của Tiền Bảo Sơn. Năm mồ xanh bí ẩn quái dị khó lường, nếu không vạch trần triệt để mọi ẩn số cất giấu trên cơ thể hắn, chỉ e sau này vĩnh viễn không thể sinh sống yên ổn.

Tư Mã Khôi thấy khí đen trong địa huyết dần dần tiêu tan, mới bảo Hải ngọng xách súng chặn cửa động. Anh phá hỏng chiếc tráp ngọc đựng viên ngọc phi thủy, xé mấy sợi màn che buộc vào thân gỗ, châm lửa từ chiếc đèn đồng, tạo thành vài bó đuốc, rồi dập nước ướt khăn thủy bố, chuẩn bị cùng Tuyệt và Ngọc Phi Yến vào trong truy tìm.

Ngọc Phi Yến lấy súng xung phong quét một loạt đạn mở đường, rồi sau khi xác định bên trong an toàn, mới dám tiến vào địa huyết. Ba người giơ cao ngọn đuốc, kiểm tra khắp nơi, âm khí tích tụ lâu ngày trong không gian đóng kín hàng ngàn năm đã khiến ánh đuốc lúc tỏ lúc mờ. Tư Mã Khôi không dám lơ là, lần lượt nhìn kỹ trước sau trái phải một lượt, chỉ thấy không gian trong địa huyết giống như thạch thất này vô cùng nhỏ hẹp, bên trong còn ẩn chứa một huyết động sâu chừng vài mét, phía tận cùng là tầng đá thiên nhiên, chẳng thể đi thông ra ngoài. Bên trong tầng đá đó lộ ra một vài mảnh hóa thạch đốt sống của một loài sinh vật cổ, hình thể rất lớn, khó lòng phân biệt được rốt cục đó là con gì, còn ở gian ngoài, tường đá không hề có dấu tích từng bị lửa đốt qua, nhưng chỗ nào cũng khắc đầy những phù chú với hình thù quái dị.

Địa huyết này, ngoại trừ cửa động ăn thông với đại điện, thì bên trong dường như hoàn toàn khép kín; tuy rằng có không ít kẽ nứt nhỏ được hình thành do ngày dài năm sâu, nhưng đối với loài người mà nói,

thì gian mật thất quả là chẳng một khe chui lọt, tuyệt đối không thể tàng hình, ngoại trừ trong góc, có mấy tấm bia đồ nát ra, thì chỗ nào cũng trống trơn, không những chẳng thể tìm một lối ra hay cánh cửa ngầm, mà còn không hề nhìn thấy tung tích của Năm mò xanh. Không biết trong địa huyết tối đen như mực này, do âm khí tích tụ lâu ngày, hay do trên vách đá tồn tại một loại tia khúc xạ nào đó, mà khiến đầu óc người ta ngâm ngâm đau, dường như linh hồn trong cơ thể đang bị bóng tối quét qua.

Ba người cảm thấy tình hình bất ổn, còn Năm mò xanh dường như đã bốc hơi giữa không gian đen tối. Hắn giống như là một vong hồn trong cơn ác mộng, căn bản không hề tồn tại ngoài đời, giống như “địa cầu quay ngược, mặt trời mọc ở đằng tây”, là một trạng thái quái dị đến cực điểm.

Tư Mã Khôi nhíu mày: “Chẳng lẽ trên đời này quả thực tồn tại thuật độn thổ thật hay sao?” Anh vẫn không chịu bỏ qua, bảo Tuyệt cùng mình kiểm tra lại một lượt từng kẽ đá, đồng thời dặn Ngọc Phi Yến quan sát cẩn thận mọi vết khắc trên vách đá, vì không chừng trên đó lại ghi chép những manh mối liên quan đến lối ra bí mật của tòa thành Nhện Vàng, hoặc giả còn có thể biết vua Chăm Pa rốt cục cất giấu bí mật gì trong đó.

Ngọc Phi Yến nhờ ánh đèn của bó đuốc, xem cẩn thận một hồi, phát hiện trên vách đá địa huyết có khắc một vài ký hiệu và phù chú, tất cả đều viết bằng một loại văn tự tượng hình thời cổ đại vô cùng độc đáo. Ngọc Phi Yến tuy trải nhiều, biết rộng, nhưng lại chẳng hề nhận ra một chữ trong này, bởi nó dường như không giống với bất kỳ thứ văn tự nào từng biết trên thế giới, nên sợ rằng chẳng ai có thể đọc hiểu nổi hàm ý bên trong.

Trong khi đó, những ghi chép khắc trên mấy tấm bia đá lại đều là văn tự của vương triều Chăm Pa, nên chủ yếu là chữ Phạn và chữ Pali. Ngọc Phi Yến tương đối quen thuộc dạng chữ này, nên đọc được bảy tám phần đối với cô cũng chẳng khó khăn gì, cô chỉ nhìn qua một cái, trong lòng đã chấn động khó định thần lại được, vội vã gọi Tư Mã Khôi: “Tòa

thành Nhện Vàng quả thực cất giấu bí mật của vua Chăm Pa, nhưng bí mật này... rất có khả năng không phải một đồ vật cụ thể...”

Hồi thứ tám

SỰ THẬT CHƯA XẢY RA

Tư Mã Khôi theo đội thám hiểm vào núi Dã Nhân, vô số việc mà anh từng tận mắt chứng kiến trên đường, giống như một màn sương mù bủa vây không cách nào xua tan. Anh thực sự chẳng thể nào hiểu nổi vì sao vua Chăm Pa lại sẵn sàng hao kiệt sức dân và tiền của đất nước để xây dựng tòa thành Nhện Vàng hình thù quái dị dưới lòng đất, rồi còn cài đặt vô số cạm bẫy tứ phía xung quanh, hủy hoại toàn bộ di tích cổ xưa trên mặt đất, hòng bảo vệ bí mật của tòa thành. Tô tem tháp cổ và măng xà, bức bích họa vua Chăm Pa gặp gỡ thần chết, vô số viên đá tạc hình mặt người, đều nhằm ám thị điều gì? Vua Chăm Pa đã gọi nơi này là mật thất “thị nhân”, cất giấu nó kỹ lưỡng đến vậy, chắc hẳn phải có nguyên do gì đó? Lúc này, Tư Mã Khôi nghe Ngọc Phi Yến nói bên trong mật thất quả thực cất giấu bí mật của vua Chăm Pa, nhưng anh phát hiện ở đây ngoại trừ những văn tự cổ đại và phù chú khắc chi chít trên vách đá, thì chẳng còn bất kỳ vật nào khác, vậy cái gọi là “bí mật” rốt cục để chỉ điều gì? Chẳng lẽ nó không phải một vật cụ thể hay sao?

Ngọc Phi Yến nói: “Nếu tôi giải mã không nhầm, thì bản thân gian mật thất này chính là bí mật của vua Chăm Pa.” Để xác thực hơn phán đoán của mình, cô lại gắng sức phân biệt những chữ cổ còn lại trên vách đá.

Tư Mã Khôi càng cảm thấy kỳ quái hơn, bèn định hỏi lại cho rõ. Tuyệt thấy Ngọc Phi Yến đang nhíu sâu đôi mày suy tư mặc tưởng rất tập trung, bèn xua tay ra hiệu cho Tư Mã Khôi đừng ở bên làm phiền. Tư Mã Khôi đành mím môi không hỏi thêm gì nữa, tiếp tục giơ cao ngọn

đuốc quan sát mọi nơi trong mật thất, nhưng anh phát hiện toàn bộ khu vực xung quanh chẳng có một lối ra nào.

Ngọc Phi Yến xem kỹ một hồi lâu, mới nói với hội Tư Mã Khôi: “Trong mật thất ghi chép một số chuyện vô cùng ly kỳ, khiến người ta khó lòng lý giải, nhưng nếu kết hợp với những manh mối chúng ta đã nắm bắt được trước đây, thì có lẽ có thể suy đoán ra chân tướng mà vua Chăm Pa cất giấu trong tòa thành Nhện Vàng.”

Thì ra nước Chăm Pa từ cổ xưa đã sùng bái ngũ quan, coi khuôn mặt là cao sang, coi phần đầu là tôn quý, bởi vì nghe nói khuôn mặt từng người khác nhau, thì vận may được sinh ra cũng khác biệt rất lớn. Vua Anagaya thấm nhuần đạo thuyết này, ông ta sinh thời rất giỏi nuôi bùa luyện ngải, lại không ngừng ăn dòi não người, bởi vậy thần thái và dung mạo mới khác thường đến thế, mà ngay cả màu da cũng không hề giống người bản địa. Những nước như Miến Điện, Lào gọi thuật này là “ngải mặt”, đó là một loại tà thuật được coi là cấm kỵ thời cổ đại, hậu thế chẳng ai còn được truyền thụ thuật pháp này nữa. Kỳ thực vua Chăm Pa sinh ra không hề có tướng mạo dị biệt như người trời, cũng chẳng hề tìm được cái gọi là “vận may” từ tướng mạo ấy. Khuôn mặt giống như thần phật, sau một thời gian dài uống thuốc mãi mới thành kia, thực ra chỉ để ông ta duy trì sự thần bí và đáng sợ của vương quyền.

Vua Chăm Pa bản tính tàn nhẫn, khát máu sát nhân, tin tưởng tuyệt đối vào thuyết số mệnh, ý thức bản ngã tự tôn lại rất cao. Có điều, cho dù dung mạo có giống thần phật đến đâu chẳng nữa, thì ông ta vẫn chỉ là một trong số chúng sinh của kiếp luân hồi, không thể giải thoát khỏi dục vọng và bon chen nơi nhân thế. Do vậy mà trong lòng ông ta đương nhiên nảy sinh nỗi khiếp sợ rừng rợn đối với hậu sự của chính mình. Từ đó, ông ta thường xuyên bị ác mộng quấy rầy, bởi vầng mặt trời của đời người cuối cùng cũng phải lặn tắt vào một ngày nào đó. Do nỗi sợ sâu sắc đối với cái chết, nên ông ta chỉ còn cách mượn có giết người để giải tỏa, và luôn lấy chuyện “quá khứ tương lai” hỏi kẻ bị hại, trước khi xuống tay giết chết họ.

Vì trong các tháp cổ vốn được xây trên đỉnh núi trước đây, tầng chứa rất nhiều vàng bạc châu báu từ các đời vua của vương triều Chăm Pa để lại, nên sau khi núi Dã Nhân sụt lở, lún xuống hình thành khe núi sâu thẳm khôn lường, ông ta liền sai người mở đường từ huyết động vùi xương của bầy voi rừng vào sâu trong khe núi, chẳng ngờ vô tình tìm thấy tòa núi đá. Tòa núi này từ chân đến đỉnh đều đen bóng, giống hình con nhện tám chân, bên trong có vô số huyết động ngang dọc thông nhau, dường như còn có vết tích loài người từng cư ngụ ở đó, lại giống như một cung điện rộng lớn dưới lòng đất. Ở trong địa cung này không chỉ ẩn chứa Udumbara khô héo, mà trong một khe huyết động, còn có hài cốt của một loài sinh vật to lớn dị thường, và rõ ràng sự tồn tại của nó còn cổ xưa hơn cả vương triều Chăm Pa, nhưng sau này tất cả đều bị dòng nước đen nuốt chửng, chẳng hề để lại chút dấu tích nào trên lịch sử, còn giờ đây khi lòng núi bửa đôi, mạch nước khô cạn, nó lại một lần nữa lộ diện giữa thế gian.

Trong truyền thuyết Chăm Pa, “thi thần” hay còn gọi là “tam thi thần” hoặc “tam trùng”, là ba con ác quỷ, trấn ba cửa ải để cho Thần và Khí không được giao lưu với Càn Khôn thăng giáng, khiến con người kết hợp với ma quỷ, quay lưng với cuộc sống, cận kề cái chết, cạn kiệt tinh khí. Thi thần bị giam giữ trong thân thể con người, chỉ khi con người chết đi thì thi thần mới được giải phóng. Thi thần chiếm cứ vương quốc của người chết, thân hình đen sì, hai hốc mắt đen ngòm sâu hoắm như huyết động mọc bên trong cơ thể, trên mình có bốn tay bốn chân, hình dáng rất giống với tòa núi đá dưới lòng đất, mà khi ấy, đa số người Chăm Pa đều coi đây là điềm hung, cho rằng đại nạn sắp giáng đầu. Thế nhưng điều khiến vua Chăm Pa khiếp sợ nhất là trong tàn tích sương mù còn sót lại dưới huyết động, ông ta đã tận mắt nhìn thấy cảnh tượng lúc chết của chính mình, khi sương bay khói tàn, thi thân hình cũng tan vụn thành trăm mảnh.

Nhiều năm trước, vua Chăm Pa từng giết hại một vị thánh tăng. Vị thánh tăng đó trước lúc bị hành hình không hề nói tiếng nào, chỉ để lại một cuộn giấy vẽ hình, mô tả cảnh tượng chết thảm thương đầu mặt rách vụn ngay trước huyết động thi nhãn, đồng thời chỉ ngón tay giữa ra dấu.

Giờ đây mọi việc đều ứng với lời tiên đoán trong tranh, bởi vậy vua Chăm Pa không hề nghi ngờ gì nữa, tự biết sớm muộn sẽ có một ngày tất phải chết ở nơi này. Tuy ông ta hiểu rõ: những chuyện đã được trời định thì không thể tránh khỏi, nhưng vẫn hy vọng và có ý đồ thay đổi sự thực. Ông ta không tiếc tiền bạc, rút kiệt nguồn lực quốc gia, mô phỏng theo hình thù cánh công lớn đi vào vương quốc của thần chết để xây dựng nên tòa thành Nhện Vàng, và mang tất cả huy hoàng, hiển hách mà vương triều từng có, đến hiến cho thi thần chiếm cứ nơi âm giới, sau đó lệnh giết chết tất cả nô lệ và những người thợ biết chuyện, rồi để cây Udumbara trong khe đá hồi sinh trở lại. Những bí mật cổ xưa ẩn giấu trong sơn cốc núi Dã Nhân cũng từ đó bốc hơi giữa tầng mây khói lịch sử.

Kỳ thực sự liên quan đến số mệnh thì trong cuốn sách tôn giáo cổ đại là “Kinh Bàn Đà số nghiệp” đã sớm luận giải một định luật chắc như thép, mà nếu dùng quan niệm hiện đại để giải mã ý văn uyên thâm thời xưa, thì nội dung của nó đại khái là: số mệnh của vạn vật đều là một sợi dây do vô số điểm đơn biệt tạo thành, chẳng ai biết điểm giữa sợi dây xảy ra chuyện gì, hoặc gặp phải những điều gì; có điều tất cả các sợi dây, sau cùng đều hướng về một điểm cuối, điểm cuối đó chính là cái chết, mà tuyệt đối không tồn tại trường hợp ngoại lệ, bởi bất kỳ sự việc nào xuất hiện ở điểm giữa, đều không hề ảnh hưởng đến kết quả nơi điểm cuối.

Nếu có người nhìn thấy trước điểm cuối này của cuộc đời, thì mọi chuyện sẽ ra sao? Nếu vậy thì có lẽ anh ta chính là “người gần Thiên quốc nhất”, bởi vì anh ta có thể hiểu rõ số mệnh của chính mình, và nếu đủ khả năng hủy diệt đích cuối, thì có nghĩa là anh ta đã đặt chân lên lãnh địa của Thiên quốc. Vua Chăm Pa cho rằng: chỉ cần sau này không bước đến tòa thành Nhện Vàng, thì sẽ tránh được Tử thần, sinh mệnh ông ta cũng không còn tồn tại cái chết và nỗi sợ nữa, như thế sẽ vĩnh viễn trường sinh bất tử, bất truy bất diệt; ông ta vốn dĩ đã là kẻ độc ác, nay được thả lại càng ngông cuồng, tàn nhẫn hơn. Có điều, sau trăm phương ngàn kế, hao tâm tốn trí giăng mắc thiên la địa võng, cuối cùng vua Anagaya vẫn đột ngột lìa đời. Có lẽ trước lúc lâm chung, ông ta vẫn

không biết rằng: điểm cuối mà ông ta từng nhìn thấy lúc sinh thời, không phải là điểm cuối của bản thân, mà là điểm cuối của chiếc mặt nạ da người bị lột ra từ phần sọ di hài chính mình. Nếu nói mỗi cái cây ngọn cỏ trong cõi trời đất đều có vận mệnh, thì cảnh tượng vua Chăm Pa nhìn thấy lúc đó, chỉ là số mệnh của “khuôn mặt” mà thôi.

Năm đó, những nô lệ và tù binh xây dựng tòa thành Nhện Vàng, sau khi hoàn thành công trình, đều bị sát hại dã man. Trên đời này rốt cục chẳng có bí mật nào giấu được mãi, bởi vậy vua Chăm Pa đã để lại lời nguyên ở nơi này: ai dám tiếp cận bí mật trong tòa thành Nhện Vàng, thần chết sẽ mang bóng đêm khủng khiếp giáng xuống đầu kẻ đó. Trong địa huyết thâm u tĩnh lặng, chỗ nào cũng khắc đầy những lời nguyên thâm hiểm, lạnh băng, nó tựa hồ bức phòng tuyến tinh thần cuối cùng của vua Chăm Pa, nhưng dưới con mắt người hiện đại, thì nó cũng chỉ là một thứ hư vô, nhợt nhạt.

Ngọc Phi Yến nói với Tư Mã Khôi và Tuyết: “Ngoại trừ lời nguyên khắc trên mấy tấm bia đá thì còn lại đều là những đối thoại ma quỷ ghi chép lại cuộc nói chuyện giữa vua Chăm Pa và thần chết, mà nội dung trong đó chưa hẳn đã chính xác đáng tin, bởi rốt cục chẳng ai có thể điều tra xác minh tính chân thực của nó, nhưng vua Chăm Pa chắc chắn bằng cách nào đó, đã tận mắt nhìn thấy cảnh tượng lúc mình chết, nếu không ông ta đã không thể tin tưởng sâu sắc đến thế. Núi Dã Nhân tồn tại một nguồn từ trường rất mạnh, rất có khả năng đã xuất hiện những hiện tượng quang học hoặc dị tượng sóng điện - tương tự như cảnh thành phố bồng bềnh trên mặt biển, ngay cả chiếc tiêm kích vận tải như bóng ma chúng ta nhìn thấy khi trước, quá nửa cũng thuộc thể loại này, chỉ là không thể xác định nguồn gốc từ trường xuất phát từ sương mù trong núi sâu hay từ tầng đá trong tòa thành Nhện Vàng mà thôi.”

Tư Mã Khôi và Tuyết nghe xong, đều bưng tỉnh, thì ra chiếc mặt nạ da người chết mà Năm mò xanh khoe khoang, chẳng phải vận may, cũng không phải lời nguyên hay âm hồn, mà đó là số mệnh, là một “sự thực” vẫn chưa xảy ra. Bởi vì “khuôn mặt” của vua Chăm Pa được định đoạt sẽ bị hủy hoại lúc cánh cửa mặt thất “thi nhân” bắt đầu mở ra, nên

trước đó không một sức mạnh nào có thể thay đổi một “sự thực” tất yếu sẽ diễn ra ấy. Thế nhưng diện mạo thật sự của Năm mò xanh ẩn náu dưới “khuôn mặt” ấy rốt cục trông như thế nào? Vì sao sau khi rơi vào mật thất, hắn liền mất tăm mất dạng? Hắn nắm rõ mọi điều trong tòa thành Nhện Vàng như lòng bàn tay, tựa hồ những bí mật mà hắn biết còn nhiều hơn cả vua Chăm Pa lúc còn sống, hơn nữa lại còn bố trí mọi việc rất chu toàn, thì đương nhiên hắn không thể chủ động tìm đến để tự mình đâm đầu vào đường chết, mà hiển nhiên tất cả những việc này đều nằm trong kế hoạch của hắn.

Còn về cái gọi là “chân tướng” mà Năm mò xanh muốn tìm kiếm, mọi người lại càng thấy khó tìm ra hơn, có lẽ hắn đến không phải vì vật báu dâng cúng cho thi thần trong tòa thành Nhện Vàng. Hơn nữa, nghe giọng điệu của hắn, thì cũng biết hắn chẳng mê tín mấy chuyện thần phật, nên tự nhiên không phải hắn vào đây để tìm kiếm mấy chuyện mê muội như trường sinh bất tử. Vì phạm những kẻ có ý niệm này, đều là hạng ham sống sợ chết, tuyệt đối không dám dấn thân mạo hiểm, thâm nhập núi Dã Nhân hiểm nguy mai phục tứ bề.

Nếu căn cứ vào tình hình mọi người nắm bắt được trước mắt mà suy đoán, thì phía trong tòa thành Nhện Vàng, vốn dĩ là một tòa núi đá lớn nằm sâu dưới lòng đất, người Chăm Pa đã gọt giữa tầng đá và huyết động, niêm phong, hủy hoại phần lớn các khu vực, bên trong chắc chắn còn rất nhiều thứ chưa được biết đến, nên Năm mò xanh tất vì những thứ này mới mò đến đây.

Bây giờ, hội Tư Mã Khôi và Năm mò xanh đã trở thành những kẻ tử địch, cho nên giữa hai việc thoát thân và phá giải ản số về thân phận đối phương, đều không thể phân biệt nặng nhẹ, khoan gáp. Bỗng nhiên, mật thất rung chuyển từng đợt, sương khí đen ngòm trong khe đá phun ra ào ạt, Tư Mã Khôi nói: “Không hay rồi, tòa thành cổ đang tiếp tục chìm lún xuống bồn địa bùn lầy dưới lòng đất...”

Mọi người chỉ sợ khí metan bén cháy, liền vội vàng tắt rụi cây đuốc trong tay, lập tức từ bỏ ý định tiếp tục rà soát xung quanh mà bắc thang người trèo lên, Hải ngọng ở trên tiếp ứng. Mọi người từ mật thất

quay trở về đại điện. Lúc này mặt đất trong tòa thành Nhện Vàng đã bắt đầu nghiêng ngả, gạch đá khảm trên vách tường rơi rào rào, một thanh xà đá từ không trung rơi xuống, đập trúng chiếc đèn đồng, khiến nó vỡ vụn thành từng mảnh, dầu “diêm hỏa ngàn năm” trong “lò lửa vạn kiếp” đổ lênh láng ra ngoài, bén cháy khắp nơi, biến chỗ nào cũng trở thành môi lửa.

Núi Dã Nhân thuộc miền địa hình núi hạn rạn nứt, phần đáy tòa thành cổ là một hồ nước ngầm khô cạn, do mạch nước lún xuống để lại lượng bùn đất khổng lồ, sau khi những sinh vật trong hồ chết đi, thể xác tàn tích dần dần phân giải thối rữa, dồn ép kẹp giữa tầng đất và bùn lầy, hình thành vô số túi khí tương đối độc lập, to có nhỏ có, phân bố chi chít dày đặc, ở giữa có một vài khe suối ngầm ngàn năm tuôn chảy không cạn kiệt, thậm chí còn chảy thông vào phía trong tòa thành Nhện Vàng.

Hàng ngàn năm trước, cả dải bề mặt núi rộng lớn bị lún xuống - do mặt đất sụt lở, luôn luôn phải chịu trọng tải của lượng khí metan và góc rẽ thực vật, rồi một khi sự thăng bằng vi diệu này bị phá vỡ, thì đất đá sẽ hoàn toàn sụt lở, chìm xuống lớp bùn đất sâu vạn trượng phía dưới. Hệ thực vật sinh trưởng trong tòa thành Nhện Vàng do đã bị bom địa chấn phá hủy quá nửa, khiến lực chịu tải trong lòng thành xảy ra sự biến đổi mạnh mẽ, đè ép xuống túi khí metan đang đóng chặt, cuối cùng cũng vỡ ra, khí metan trào vào thành. Vì mất thăng bằng lòng đất nên cả tòa thành Nhện Vàng ngả nghiêng chìm xuống.

Khí metan thẩm thấu qua khe tường đá, lọt vào trong, bén lửa trong đại điện. Lần này khác hẳn với lần trước, dường như nó đã bùng lên thì không thể khống chế, và từng quả cầu lửa phình to nhanh chóng nhảy bật lên cao. Hội Tư Mã Khôi nhìn thấy ngọn lửa mạnh đột nhiên xuất hiện như thể nổ ra từ giữa không trung, làm da thịt quanh người tựa hồ bị dòng nhiệt lột bóc từng mảng, nên ai nấy vội vàng lăn ra mặt đất, bò thực mạng ra dòng nước ngầm trong góc điện.

Làn sóng khí bùng rất chiếm lĩnh toàn bộ không khí gần đó, ánh lửa trong chớp mắt liền trở nên nhạt dần, xung quanh liên tiếp vọng đến những âm thanh chấn động, trong tai mọi người rập những tiếng âm âm

rền rĩ. Khí metan tích tụ dưới lòng đất ở mọi nơi đều dần dần bén lửa, gây ra từng đợt cháy nổ không ngừng.

Giữa khoảnh khắc mọi người gần như ngộp thở đến cực hạn, lòng thành đột nhiên nứt toác, bùn đất trên đầu rào rào đổ xuống. Xuyên qua khe hở lớn ở vết nứt nơi đỉnh điện, họ thấy trên cao thế lửa dâng lên ngùn ngụt, cây Udumbara che phủ toàn sơn cốc cũng bị bén cháy, giữa cảnh trần ai hỗn loạn, ánh lửa bay vút rạch đứt làn sương khói màu xám đen đặc quánh, tạo thành một bức tường đen mang điềm hung vượn cao mãi tận tầng không.

Hồi thứ chín

KHÔNG TRUNG NGỰT LỬA

Hội Tư Mã Khôi nấp mình vào một góc điện kiên cố, ngẩng đầu lên, chỉ thấy thành cổ bị bửa đôi hình chữ V bắt đầu sụp đổ ầm ầm, rồi giữa vết nứt rộng ngoác đen ngòm lộ ra vô số thân cây ngoằn ngoèo, chẳng chịt, như cái lưới nhện khổng lồ mắc lủng lẳng trên vách tường. Lúc này bộ rễ chính của Udumbara đã bén lửa bốc cháy ngàn ngọn, rồi ngọn lửa hung dữ lại nhanh chóng vươn cao, thiêu rụi toàn bộ tầng kén nằm sâu dưới huyết động trong lòng đất. Lưới lửa chế ngự hoàn toàn tòa thành Nhện Vàng, dường như cả không trung đang rừng rực bốc cháy.

Mỗi cột trụ Udumbara - tán đội trời thân tựa đất, đều được sinh ra từ tổ kén trong tầng đá bên dưới tòa thành. Thành cổ Nhện Vàng cả thảy có tám huyết động như những cặp mắt kếp, từ đây, Udumbara đâm rễ và tán lá ra ngoài che kín toàn bộ huyết động dưới lòng đất, vô số đài hoa của nó không ngừng tạo ra lớp sương mù dày đặc, hình thành một hệ sinh thái độc lập gần như kín bưng. Ngoại trừ loài sinh vật máu lạnh bò sát ra, nơi này dường như cách biệt hoàn toàn với cuộc sống bên ngoài, nó khiến bất cứ kẻ xâm nhập nào có ý đồ nhòm ngó bí mật của quốc vương Chăm Pa đều phải nhận kết cục bi thảm, có đường đi mà không có lối về.

Udumbara không sợ nước lửa, cho dù bị chất độc màu da cam phá hủy, nó cũng nhanh chóng phục sinh, chỉ khi nào diệt trừ được bộ rễ chính thì mới khiến nó chết hẳn, mà rễ chính lại được bức tường thành vững chãi bảo vệ. Thế nhưng vào thời khắc này, khi cây chưa kịp phục hồi nguyên dạng, thì đã lại bị lưới lửa hung dữ phun ra từ lòng đất bén

môi, ngọn lửa ngấu nghiến phá hủy bức bình phong tầng thực vật từ trong ra ngoài, khiến bộ rễ của Udumbara vươn dài khắp bốn phương tám hướng, từng chiếc từng chiếc dần đứt lìa khỏi thân cây khô quăn queo. Cả tòa thành âm âm rung chuyển, nhiều chỗ bắt đầu rạn nứt sứt lở, gạch vụn đá rơi rào rào, vương vãi khắp nơi.

Khe nứt lớn sâu hoắm trong lòng núi Dĩ Nhân vốn dĩ là do mạch nước trong núi khô cạn khiến mặt đất nứt toác mà thành. Ai ngờ, chỉ một dòng nước trông hiền hòa yếu ớt, mà lại đủ sức bào mòn chia cắt núi đá thành một huyệt động khoáng đạt thênh thang. Lúc này trên mưa lớn dưới lửa mạnh, Udumbara cùng lúc phải chịu sự công kích của cả nước và lửa, sương mù xung quanh dần dần tản mát, rắn bay “ly chùy” đang nằm rình mò trong đám mây mù dày đặc cũng nháo nhác nhào ra tìm lối thoát thân. Thành Nhện Vàng ngả nghiêng nứt vỡ liên hồi, rồi từ từ chìm xuống lớp bùn sinh đen ngòm dưới vực sâu không đáy. Xem ra mọi bí mật cũng như huy hoàng một thời của vương triều Chăm Pa, sẽ mãi mãi ngủ yên trong bóng tối. Trải qua bao tuế nguyệt, đằng đằng sau hàng ngàn năm không nhìn thấy mặt trời, giờ đây một lần nữa, thành cổ lại bị vùi chôn vĩnh viễn.

Đúng lúc này, từ kẽ nứt trên mặt đất trong đại điện, một dòng nước đen ngòm, lạnh thấu xương “ùng ục ùng ục” tuôn ra. Năm đó, sau khi nguồn nước khô cạn, trừ một vài mạch nguồn nhỏ, còn lại tất cả sông ngòi, đầm hồ, nước ngầm dưới lòng đất - kéo dài trăm dặm trong huyệt động sâu thẳm, đều bị bùn lầy và khí metan lấp kín. Bây giờ, mưa to gió lớn vùn vụt bên ngoài núi khiến thủy triều nước ngầm lên xuống bất thường, cộng với khí metan sau khi bốc cháy làm bùn đất nổ tung tóe, đã kích thích dòng nước vốn nằm im bao lâu dưới lòng núi dềnh lên hẳn mặt đất. Dòng nước ngầm menh mông vô bờ bến không ngừng dâng cao, trong nháy mắt toàn bộ đáy động đã bị chìm ngập, thế nước hung bạo cuộn cuộn trào lên, cộng hưởng với dòng khí lưu thông trong khe cốc, tạo ra những âm thanh đinh tai nhức óc.

Hội Tư Mã Khôi sớm đã sức cùng lực kiệt, lại thêm bao vết thương lớn nhỏ trên người, họ tự biết nếu trượt chân xuống dòng nước tất rơi

vào bàn tay tử thần, nên buộc phải bám chặt vào những mảnh tường vỡ, gắng sức leo lên cao. Nhìn dưới chân dòng nước đen ngòm hung dữ cuộn cuộn chảy, trên đầu khói bay mù mịt, lửa cháy ngùn ngụt che kín vòm trời, hai tai họ dường như điếc đặc, đến nỗi không nghe thấy bất kỳ âm thanh gì. Thảm cảnh trời tru đất diệt trong khe động chỉ xảy ra trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, mà mọi người ai nấy mặt vàng như nghệ, lòng ngảm hiểu phen này cho dù có mọc thêm cánh cũng khó thoát thân.

Lúc này Tuyết kéo tay Tư Mã Khôi, chỉ cho anh thấy phía trên đỉnh đầu. Tư Mã Khôi nhìn theo tay cô, thấy trong ánh lửa lập lòe mờ tỏ ẩn hiện một bóng đen u ám thò ra nơi góc nghiêng ở đỉnh tòa thành, hình dáng phẳng phất như một con chim lớn. Tư Mã Khôi lòng bỗng trở nên kích động mãnh liệt: “Hình như đó là chiếc máy bay.”

Máy bay tiêm kích chở bom địa chấn đã bị phá hủy, ngay cả xác cũng tiêu tan không dấu vết, vì thế chiếc máy bay nhìn thấy lúc này có lẽ là máy bay vận tải số hiệu Rắn đen II của đoàn thám hiểm người Anh, và chắc nó từ kén nhộng rơi xuống thành cổ. Toàn huyết động khắp nơi tối mù mù, nếu Udumbara không bốc cháy ngùn ngụt giữa không trung thì chắc chắn không thể phát hiện ra bóng dáng của nó.

Ai nấy đều nhớ rõ trong khoang máy bay đựng rất nhiều đồ dùng dự phòng của đoàn thám hiểm, trong đó có chiếc xuống cứu sinh siêu tốc gắn hai mô tơ, nên nếu muốn kịp thoát thân khỏi thành cổ trước khi bị đại hồng thủy nhấn chìm, mọi người sẽ phải lấy được chiếc xuống cao su đó ra khỏi xác máy bay. Làm như vậy, ít ra họ cũng sẽ giành giật được chút tia hi vọng sống sót trong cảnh tuyệt vọng.

Tư Mã Khôi nhanh chóng lấy lại tinh thần, tay chỉ lên trên ra dấu với ba người còn lại. Anh vừa tránh những mảnh đá vụn và dây mây rừng bén lửa rơi vào người, vừa nhanh chóng bám sát vách đá từ từ bò lên. Khi Tư Mã Khôi vào được bên trong xác chiếc máy bay nằm chênh vênh trên mép thành và tìm thấy ca nô siêu tốc trong khoang hành lý, thì Ngọc Phi Yến - bằng thân thủ nhanh như sóc, cũng đã theo sát ngay phía sau lưng; hai người tiện tay lấy cả cuộn pháo phát tín hiệu và pháo sáng, rồi gắng hết sức lôi chiếc xuống cao su ra khỏi khoang máy bay.

Lúc này mực nước ngầm dưới lòng đất dâng lên càng lúc càng nhanh, trên cao chỉ còn sót lại cuộn khói đen kịt và đám tro tàn vùn vụt giữa không trung, ở giữa có vô số những đốm lửa lập lòe bất định. Tư Mã Khôi biết Hải ngọng và Tuyết bị tụt lại phía sau, tình thế vô cùng nguy hiểm nên không kịp nghỉ lấy hơi, anh lập tức bơm khí đầy căng chiếc xuồng cao su, rồi nhờ chút ánh sáng tỏa ra từ đèn tín hiệu mà nhìn thấy vị trí hai người đang đứng, liền cố hết sức đẩy bè cao su xuống nước.

Tư Mã Khôi và Ngọc Phi Yến lần lượt kẻ trước người sau trèo lên xuồng cao su, kịp thời đến ứng cứu Hải ngọng và Tuyết đang sắp sửa bị rơi xuống nước. Cùng lúc ấy, dòng nước đen mênh mông gần như phủ kín toàn thành Nhện Vàng, chiếc máy bay vận tải của đoàn thám hiểm người Anh cũng bị dòng nước xoáy nhấn chìm, trong chớp mắt đã mất hút không sủi tăm. Chiếc xuồng cao su bị xô vào đầu con sóng của vòng nước xoáy, bốn bề chỉ là thế giới của bóng đêm, và rõ ràng ngồi trên mặt nước nhưng lại không hề nghe thấy tiếng nước chảy, cảm giác này thật vô cùng rùng rợn. Ai nấy đều biết: chỉ cần Tư Mã Khôi chậm chân nửa bước, kẻ rơi xuống trước tiên sẽ bị dòng nước xiết nuốt chửng vào vực sâu đen ngòm, vĩnh viễn không thể tìm thấy. Giờ đây, sau khi giành giật được sự sống, mọi người vẫn chưa kịp hoàn hồn, lại phải lo đến những hiểm ác đang chờ đợi ở phía trước. Ai nấy đều thở gấp, tim đập loạn xạ, để mặc chiếc xuồng cao su dập dềnh trôi theo dòng nước, còn tất cả chỉ biết ngồi nhìn một cách bất lực.

Họ trôi nổi trong màn đêm hỗn loạn không biết bao lâu, bỗng dưới chân rung chuyển từng đợt, bên tai họ chỉ nghe thấy những âm thanh ầm ầm vọng lại, dường như chiếc xuồng cao su đã bị cuốn vào một dòng nước chảy xiết. Tư Mã Khôi trong lòng biết rõ, chắc chắn đợt hồng thủy đã đẩy nó vào khe nứt ở men khe núi. Hệ thực vật sinh sống trong núi Dã Nhân năm này qua năm khác đều không ngừng sinh sôi nảy nở, bành trướng qua khe núi, cộng thêm chịu tác động của lực giãn đã khiến lòng núi nứt vỡ, hình thành địa thế hiểm yếu độc nhất vô nhị. Lúc đó, tuy chưa phân biệt được phương hướng, nhưng thấy thế nước cuộn cuộn

chảy xiết như thể chiếc xuồng sắp đâm vào vách đá lật nhào, rồi cả nhóm sắp bị rơi xuống nước chôn thây trong bụng cá đến nơi, Tư Mã Khôi vội vã giơ cao đèn tín hiệu hét gọi Ngọc Phi Yến cố gắng giữ yên chiếc xuồng. Ngọc Phi Yến từng theo tàu thuyền ra khơi nhiều lần, đã trải qua bao nguy hiểm lật tàu trôi bè nơi đầu sóng ngọn gió, cô ta rất thông thạo thủy tính của tàu thuyền, nên để cô điều khiển chắc cũng không đến nỗi khiến chiếc xuồng cao su bị dòng nước xiết hung tợn cuốn lật nhào tại chỗ.

Mặt bên chiếc xuồng cao su lắp cố định một ngọn đèn halogen, Hải ngọng bật công tắc đèn chiếu, hướng chùm sáng ra phía trước, thì phát hiện vách núi sừng sững hai bên huyệt động đột nhiên như bị ai nhổ bật ra, lũng lảng chỉ chít những rễ cây cổ thụ to lớn, còn giữa dòng sông giăng mắc màn sương mỏng và lạnh, dòng chảy gấp gáp khác thường. Bốn người lái xuồng cao su trong màn sương và làn nước đen ngòm, liên tục tránh né những khúc cua gấp của dòng hà lưu và tàn tích thực vật trôi nổi trên sông. Không biết bao nhiêu lần họ đã thoát hiểm trong tích tắc, chiếc xuồng cao su chẳng khác nào chiếc lá trong cơn gió, xoay vần điên đảo dữ dội theo dòng nước cuốn. Ngọc Phi Yến đứng ở phía sau đang gắng gượng hết sức giữ vững trọng tâm, bỗng nhiên thấy bên mình có một bóng đen vụt lướt qua mặt nước. Nhanh như tên bắn, cô vội vàng co người né tránh, nhưng vẫn chậm mất nửa giây, quần áo của cô đã bị quệt rách mất một miếng khiến cô hét hoảng thét lên. Giữa lúc hỗn loạn mịt mù, cũng chẳng kịp nhìn rõ rốt cục vật gì vừa xuất hiện dưới nước, cô vội vã bảo hội Tư Mã Khôi và Hải ngọng xoay đèn chiếu về phía sau.

Mọi người vừa rọi ánh đèn vừa quay lại nhìn, chỉ thấy nhấp nhô trong dòng nước ở phía thượng nguồn, không biết có bao nhiêu hài cốt sắc nhọn như thanh kiếm Nhật đang lao ầm ầm về phía chiếc xuồng. Trong cơn kinh hãi, mặt ai nấy đều biến sắc trắng bệch. Thì ra lớp vỏ địa chất ở núi Dã Nhân rất yếu ớt, nên khí hậu quanh năm ổn định thì không sao, nhưng khi bị cuồng phong giông tố công kích, thì lòng núi đã sớm vỡ vụn từ bao lâu nay, sẽ không thể chống đỡ nổi nữa. Khe núi từ chỗ gần huyệt động vùi xương của bầy voi rừng bị dòng nước chảy xiết đi ngang qua làm xoáy đỏ một dải địa tầng rộng lớn ở hai bên bờ sông, để

lộ ra rất nhiều huyết động ầm sâu trong bụng núi, rồi bùn đá chảy ra mang theo toàn bộ hóa thạch ngà và xương voi chồng chất cao như núi, cuốn đổ ra sông.

Những bộ xương và ngà voi dài như thanh kiếm, cái nào cái nấy sắc nhọn dị thường, một khi nổi trên mặt nước, lập tức trở thành vô số lưỡi dao khổng lồ sắc nhọn, nó cũng chẳng khác nào cọc gỗ, mảnh tre vót nhọn thành chông, trôi vèo vèo về hạ lưu với tốc độ kinh người. Tốc độ cuộn chảy của đám hải cốt voi rừng vượt xa vận tốc của xuồng cao su, nên chỉ cần một chiếc ngà sắc nhọn chạm phải thân xuồng, thì lớp cao su dày chắc nhất định sẽ bị đâm thủng, không khí bơm căng bên trong nhanh chóng thoát ra ngoài làm những người ngồi bên trên rơi tõm xuống dòng sông, mà cho dù may mắn họ không chết đuối, thì cũng lao thẳng vào đám xương ngà voi, bị chúng xuyên tảo chẳng khác gì kẹo hồ lô.

Mắt nhìn dòng nước cuộn chảy tựa gió cuốn, điện xẹt, tình thế vô cùng hiểm nghèo, vậy mà cả hội lại không có cách nào để dừng chiếc xuồng ca nô lại. Trong lúc cấp bách, Tư Mã Khôi đành vớ tay lấy khẩu súng xung phong Uzi mà Ngọc Phi Yến đang khoác trên người, ngắm chuẩn dòng nước phía sau liên tục quét đạn, thử bắn vụn đám hải cốt voi rừng ở cách đó một quãng. Hải ngong và Tuyết cũng lần lượt nắm lấy mái chèo gỗ dự phòng, liều chết nhào nửa người ra khỏi xuồng, gắng sức đẩy đám xương voi đang lao đến gần.

Một mình Ngọc Phi Yến không khống chế nổi phương hướng của chiếc xuồng một cách hiệu quả, nhưng ba người còn lại cũng đang cuống quýt chân tay, chẳng ai có thể hỗ trợ được cho ai, vì đã rơi vào tình cảnh này, thì chỉ còn biết nghe theo mệnh trời sắp đặt. Lúc này địa thế càng lúc càng trở nên nhỏ hẹp, hai bên vách đá cheo leo dựng đứng, chiếc xuồng trôi giữa dòng chẳng khác gì phao tiêu, trong khi đó, trong dòng nước chảy xiết cuộn cuộn dâng trào, một bộ xương voi hoàn chỉnh và khổng lồ đang sầm sập lao tới, đôi ngà vừa dài vừa nhọn nghênh nghênh giờ ra phía trước cày nước bắn tung lên.

Tư Mã Khôi thấy tình hình không ổn, vội vã giơ súng, quét liên tiếp mấy loạt đạn, trong khi chiếc xuồng cao su đang xoay vần dữ dội; anh định bụng sẽ bắn nát vụn bộ xương voi khổng lồ trước khi nó kịp đâm vào chiếc xuồng. Trong màn mây mưa lạnh lẽo, từng loạt đạn lóe lên như dòng chảy đom đóm, nhưng bộ xương voi đang vùn vụt trôi theo dòng nước này lại cứng rắn khác thường, hơn nữa, chiếc xuồng cao su đang rung lắc dữ dội, khiến hòng súng không thể ngắm chuẩn mục tiêu, nên hầu như chẳng phát huy được mấy tác dụng. Bộ xương voi vẫn dững mãi âm ỉ lao tới, tưởng như không gì trên đời có thể cản trở được bước tiến của nó.

Giữa lúc ấy, dưới chân đột nhiên rung lắc mạnh mẽ, chiếc xuồng chao đảo lúc chìm lúc nổi, thiếu chút nữa là mọi người đã bị quăng mình lên không trung, vì phần sau chiếc xuồng dường như chạm phải một loài thủy tộc to lớn nào đó, làm suýt lật nhào. Tư Mã Khôi nhìn kỹ lại, chỉ thấy phía sau chiếc xuồng, sóng nước vồng lên dữ dội, kèm theo đó là những âm thanh quẫy nước “ào ào”, rồi trên mặt nước lộ ra hai con cá sấu. Bọn chúng cũng bị dòng nước lũ xoáy cả vào đây, tuy đang gắng sức quẫy đuôi lắc đầu, nhưng cuối cùng chúng vẫn phải khuất phục trước dòng nước dữ. Giãy giụa hồi lâu rồi chúng cũng ngoi đầu lên được, nhưng đen đũi thay, vị trí hiện tại của chúng vừa vặn chắn ngay phía trước bộ xương voi.

Bộ xương voi rừng này chẳng thua kém súng trường, đại kích, nó đột ngột đâm sầm vào một trong hai con cá sấu, mấy chiếc xương nhọn hoắt lòi hẳn ra trước, trong phút chốc thân thể con cá sấu bị xuyên từ bên nọ sang bên kia. Con cá sấu khổng lồ này có bộ da rất dày, thân dài vài mét, nặng đến hàng trăm cân, nhưng vừa bị xương voi đâm vào, nó uốn éo mấy cái rồi duỗi ra chết ngắc.

Tuy bộ xương voi cũng biến thành mảnh vụn sau cú va chạm khủng khiếp đó, nhưng thân mình con cá sấu, do một chiếc ngà xuyên thấu, phoi bụng nổi lên mặt nước bị vòng nước xiết cuốn trôi, thuận thế lao vào phần sau xuồng cao su, rồi chiếc ngà voi sắc nhọn, đã đâm xuyên

cả thi thể cá sấu chẳng ngờ lại đâm luôn vào chiếc xuồng thành một xâu. Máu cá sấu nhuộm đỏ cả khúc sông.

Phao cao su ở phần trước, phần sau và hai bên mạn xuồng đều bơm đầy khí, được thiết kế theo dạng khép kín, chứa khí độc lập, nếu hỏng một trong những bộ phận này, thì không hề ảnh hưởng đến những bộ phận khác, nhưng vì chiếc xuồng bị ngà voi và xác con cá sấu đâm thủng một lỗ, nên tốc độ cũng giảm đi đáng kể, nó xoay xoay trên mặt nước như muốn chìm. Hội Tư Mã Khôi nằm rạp xuống sàn, chỉ thấy mặt nước nhấp nhô những mảnh trắng trắng, tất cả đều là ngà và xương voi rừng từ thượng nguồn trôi xuống, giống như vô số quả ngư lôi mang theo tên nhọn, xuyên thủng dòng nước chảy xiết, thân tốc lao tới từ phía sau xuồng cao su.

Tư Mã Khôi thấy tình hình nguy cấp, vội vã cùng Hải ngọng và Tuyết, gắng hết sức đẩy xác con cá sấu xuống nước. Ngọc Phi Yến cũng mạo hiểm điều chỉnh mô tơ lên tới mức cực đại, quạt mô tơ quay vù vù với tốc độ cao. Dưới lực tác dụng đẩy ra từ vòng quay cánh quạt, chiếc xuồng cao su nhảy bật lên, lao vút ra xa giữa dòng nước xiết, nhanh như gió cuốn điện xẹt.

Mọi người ngồi trên chiếc xuồng cao su lướt nhanh như bay, cuối cùng cũng bỏ xa được đám xương cốt voi rừng bồng bềnh trên mặt nước một đoạn khá xa, rồi nhận thấy địa thế cũng dần dần trở nên rộng rãi, dòng chảy cũng bình ổn trở lại. Thế nhưng trạng thái thần kinh căng thẳng chưa kịp thả lỏng, thì xuồng cao su lại đâm vào màn khói dày đặc giống như sương đen, phạm vi tầm nhìn lập tức hạ xuống mức cực điểm.

Tư Mã Khôi vội vàng bảo Ngọc Phi Yến đổi hướng chiếc xuồng, mau chóng rời khỏi vùng sương mù đen đặc mênh mông. Nhưng lúc này đã muộn, chiếc xuồng cao su đã đi vào màn sương, đi mãi hồi lâu mà cảnh vật xung quanh vẫn không hề thay đổi, không gian hoàn toàn yên ắng, mặt nước tràn ngập sự im lặng chết chóc, tựa hồ cả thế giới chỉ tồn tại sự tĩnh lặng và sâu hút vô bờ bến.

Trong không gian yên ắng đến ngộp thở này, mọi người đều nảy sinh một dự cảm không lành. Lẽ nào, trong sơn cốc núi sâu âm u ma khí này, lại thực sự tồn tại lời nguyên khùng khiếp của vua Chăm Pa? Kẻ nào dám nhòm ngó bí mật trong tòa thành Nhện Vàng, bóng đen thần chết sẽ giáng xuống đầu kẻ ấy. Tư Mã Khôi nhớ ra việc này, và trong lòng không khỏi rờn rợn. Anh biết, nếu bị nhốt trong sương mù càng lâu, thì càng nguy hiểm, bèn bảo Hải ngọng di chuyển đèn chiếu, cố gắng tìm ra vật tham chiếu để xác định phương hướng, nhưng Tuyết bỗng nhiên ngăn mọi người lại, cô nói: “Ở đây vốn dĩ không tồn tại phương hướng, chúng ta vĩnh viễn không thể thoát khỏi đây đâu!”

Ngọc Phi Yến nghi hoặc không hiểu, cô hỏi lại: “Cô vừa nói gì vậy? Vì sao không thể ra được?”

Thần sắc Tuyết thẳng thốt, cô nói: “Bởi vì, nơi này đã là... điểm cuối.”

Hết tập I

[1] Hảo hán lục lâm: Chỉ những anh hùng tập hợp lực lượng ở trên núi, phản kháng lại giai cấp thống trị phong kiến. Thời xưa, cụm từ này còn để chỉ bọn thô phỉ tụ tập cướp bóc, giết hại dân lành.

[2] Diêm đạo: một chức quan thời nhà Thanh, phụ trách quản, kiểm tra lương thực, muối, gạo...

[3] Cao phù dung: là hỗn hợp nấu thành cao của bốn loại thuốc: lá phù dung, du thực, sinh đại hoàng và đại bì tiêu, có tác dụng giải độc, chống sưng viêm, giảm đau.

[4] Thập Tam Tiết thẳng địa tiên: Thế võ sử dụng vũ khí là roi 13 khúc, khi thi triển thế võ này trọng tâm thân người thường áp sát mặt đất.

[5] Trạch tiên: thần trấn tà, giữ cho gia thất được bình an.

[6] Hữu khuynh: chỉ những người có tư tưởng bảo thủ, phản động.

[7] Báo chữ to: tiếng Hán là Đại tự báo, là tờ báo dán tường để tuyên truyền thông tin cho quảng đại quần chúng, được dán khắp nơi trong thời kỳ Cách mạng văn hóa Trung Quốc.

[8] Biệt bảo: một nghề trong xã hội Trung Quốc cũ, để chỉ những người chuyên đi tìm kiếm những cổ vật, báu vật quý hiếm.

[9] Bát kỳ: Chế độ tổ chức quân sự đặc trưng của người Mãn Châu vào đời nhà Thanh, mỗi đơn vị được phân biệt bởi một màu cờ, tổng cộng có tám màu.

[10] Ngựa vang: Tiếng lóng vùng Đông Bắc ám chỉ bọn thảo khấu.

[11] Liễu Trang tướng pháp: là tác phẩm do Viên Cung, đời Minh, Trung Quốc viết trên cơ sở lựa chọn tinh hoa tướng thuật của nhiều bậc tướng pháp kỳ nhân.

[12] Hỏa hầu: Sự điều tiết vận chuyển sức nóng của lửa trong quá trình luyện đan, “hỏa hầu chưa đủ đượm” ở đây ý chỉ trình độ chưa đủ điều luyện.

[13] Miến Điện: hay Myanmar, một số nước phương Tây thì dùng tên “Burma” để chỉ đất nước này.

[14] Phi đầu man: loại yêu quái trong truyền thuyết thường xuất hiện dưới hình hài con người, ban đêm đầu và cơ thể tách rời nhau, phần đầu đi khắp nơi săn mồi.

[15] Xà rồng: trang phục của người dân một số nước Myanma, Campuchia, Malaysia... gồm một tấm vải có hoa văn quấn quanh người từ thắt lưng trở xuống.

[16] Chim Diêu sí: một loại chim thần, theo tiếng Miến Điện phát âm là Karaweik.

[17] Buddha: tiếng Phạn có nghĩa là Đức Phật.

[18] Sông Irrawaddy: là tên gọi cũ của sông Ayeyarwady, sông dài nhất chảy theo hướng Bắc - Nam của Myanma.

[19] Hôi tử: Kẻ gian ác.

[20] Máy bay tiêm kích: là loại máy bay do Anh chế tạo, được sử dụng rộng rãi trong Thế chiến thứ hai, có hình dạng giống con muỗi, tên tiếng anh là Mosquito.

[21] Thực vật bì sinh: Các loài thực vật sống bám trên thân cây; thực vật khí sinh là những thực vật cổ thụ cao lớn, rễ không ăn trong đất mà lơ lửng trong không trung.

[22] Tô tem: Tôn giáo của người nguyên thủy, coi một động vật hay thực vật nào đó là tổ tiên của mình và thờ nó.

[23] Thạch quyển: Là lớp vỏ cứng ngoài cùng của các hành tinh có đất đá, bao gồm lớp vỏ và tầng trên cùng của quyển Manti.

[24] Măng đá: là một dạng trầm tích hang động phát triển từ nền hang động đá vôi lên, có hình măng, hình nón thấp nhỏ.

[25] Grand Slam: Thắng lợi trong cuộc so tài.

[26] Thực vật bào tử: là loài thực vật không ra hoa, thế hệ sau sinh ra từ bào tử của thế hệ trước, ví dụ: nấm, rêu, một số loài tảo dưới nước...

[27] Ca tì la vệ: Kapilavastu, thuộc Nepal ngày nay.

[28] Yangon (hay Rangoon): thủ đô cũ của Myanma.

[29] Ceylon: Tên gọi trước năm 1952 của Sri Lanka.

[30] Vệ Đà: Tức “Kinh Vệ Đà”, chia thành bốn tạng, là cội gốc khởi nguồn của tôn giáo Ấn Độ cổ, có nội dung vô cùng thần bí phức tạp; thể loại là trường thi tự thuật, ghi chép sự ra đời, cân bằng, hủy diệt của vũ trụ và chúng sinh. Nguyên mẫu ba vị thần lớn của Ấn Độ giáo là Brahman, Visnu và Shiva cũng xuất hiện từ bộ kinh này.

[31] Pháp loa sankha: là pháp khí thường dùng trong các pháp hội của Mật Giáo, là một loại nhạc khí bằng vỏ ốc, đục ở tròn ốc để thổi.

[32] Quyền trượng: là vật dụng của các nhà sư, thường để chống khi đi đường.

[33] Pháp luân: Nghĩa là bánh xe pháp, là một loại vũ khí thời Ấn Độ cổ dùng để hàng phục mọi tà kiến, ngoại đạo.